Dịch theo bản Trung văn do Thượng vụ ấn thư quán xuất bản năm 1936 Thượng Hải

LỜI GIỚI THIỆU

Đối với văn hóa thế giới, quyển *Sử ký* của Tư Mã Thiên chiếm một địa vị đặc biệt. Nó là công trình sử học lớn nhất của Trung Quốc và là một trong những quyển sử có tiếng nhất của thế giới. Nhưng một điều còn làm chúng ta ngạc nhiên hơn là công trình khoa học lớn lao ấy đồng thời lại là một trong những tác phẩm văn học ưu tú của nhân loại. Người Trung Hoa xem nó là tác phẩm lớn nhất về văn xuôi trong nền văn học cổ Trung Quốc, và xem nó là tác phẩm cổ điển ngang hàng với thơ của Đỗ Phủ.

Sử ký là cả một thế giới. Nó làm thỏa mãn tất cả mọi người. Người nghiên cứu sử tìm thấy ở đấy một kho tài liệu vô giá, chính xác, với một giá trị tổng hợp rất cao. Nhà nghiên cứu tư tưởng tìm thấy qua *Sử ký* « một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời cổ đại » (1). Người bình thường tìm thấy vô số những hình tượng điển hình, những câu chuyện hấp dẫn, những con người đầy sức sống mãnh liệt. Họ thấy quá khứ sống lại. Và không phải chỉ có thế. Người nghiên cứu văn học còn tìm thấy ở đấy một tác phẩm văn học, mãi mãi tươi trẻ như sự sống, họ thấy ở đấy một tâm hồn, một tâm sự đau xót đầy sức mạnh của thơ trữ tình, « một tập *Ly tao* không vần » như lời đánh giá của Lỗ Tấn.

I— CON NGƯỜI

Tư Mã Thiên, tên tự là Tử Trường, sinh năm 145 trước Công nguyên, ở Long Môn nay là huyện Hàn Thành, tỉnh Thiểm Tây. Tổ tiên của ông từ đời Chu đã làm thái sử. Đến đời cha của

1. Bách khoa toàn thư xô-viết *mục* : *Sử ký*.

ông là Tư Mã Đàm làm thái sử lệnh của nhà Hán. Đàm là một người học rất rộng, rất thích học thuyết Lão Trang. Chức sử quan ngoài việc chép sử còn coi thiên văn, làm lịch, bói toán. « Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch thì cũng gần với bọn thầy bói, thầy cúng. Chúa thượng vẫn đùa bỡn nuôi như bọn con hát, còn thế tục vẫn coi thường ». Tuy vậy, Tư Mã Đàm vẫn thấy cái nghề của mình là cao quý vì ông biết nó có tác dụng to lớn đối với sự thịnh suy, hưng vong của một nước. Trong các sử quan thời trước, cũng có những người dám hy sinh đời mình để viết sự thật, dù sự thật ấy làm vua chúa tức giận. Chẳng hạn khi Thôi Trữ giết vua Tề thì quan thái sử nước Tề viết : « Thôi Trữ giết vua của mình là Trang Công ». Quan thái sử bị giết, người em lên thay vẫn viết như vậy nên bị giết luôn. Ngay lúc đó, người em thứ ba xin lên thay không thêm bớt một chữ. Thôi Trữ sợ không dám giết. Khổng Tử làm kinh *Xuân thu* cũng là chép lại những sự thực lịch sử cốt để « chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, nêu rõ vương đạo ».

Tư Mã Thiên sống thời thơ ấu ở Long Môn, cày ruộng, chăn cừu, làm bạn với những người nông dân bình thường và học các sách sử cổ. Lên mười tuổi, ông đã học *Tả truyện*, *Quốc ngữ*, *Thế bản* và thuộc lòng hầu hết những bài văn nổi tiếng của thời trước.

Tư Mã Đàm hết sức chú ý đến việc giáo dục con. Năm Tư Mã Thiên hai mươi tuổi, ông bảo con lên đường đi du lịch để xem tận mắt những nơi sau này Tư-mã Thiên sẽ phải viết sử. Tư Mã Thiên trước tiên đi về nam đến Trường Giang, vượt sông Hoài, sông Tứ, thăm mộ mẹ Hàn Tín, đoạn lên núi Cối Kê xem nơi vua Hạ Vũ triệu tập chư hầu, vào hang Vũ Động tìm di tích vua Vũ. Ở Cối Kê ông đã nghe những chuyện kể về vua Việt Câu Tiễn. Ông lên Cô Tô tìm di tích Ngũ Tử Tư, đi thuyền trên Thái Hồ sưu tầm truyền thuyết về Tây Thi, Phạm Lãi. Sau đó, ông đi ngược lên Trường Sa, đến bến Mịch La khóc Khuất Nguyên, đến sông Tương trèo lên núi Cửu Nghi nhìn dấu vết mộ vua Thuấn và khảo sát những tục cũ từ thời Hoàng Đế. Ông lên miền bắc vượt sông Vấn, sông Tứ đến nước Tề, nước Lỗ, bồi hồi nhìn lăng miếu của Khổng Tử, say sưa nghe nhân dân kể chuyện Trần Thiệp, đến đất Tiết thăm hỏi di tích của Mạnh Thường Quân, lên Bành Thành quê hương Lưu Bang

để tìm hiểu rõ thời niên thiếu của những con người đã dựng nên nhà Hán. Ông sang nước Sở thăm đất phong của Xuân Thân Quân, đến nước Ngụy hỏi chuyện Tín Lăng Quân rồi trở về Tràng An. Sau chuyến đi ấy kéo dài ba năm ông còn đi những chuyến khác cũng để tìm tài liệu. Trong thời xưa việc đi lại rất khó khăn, trên đường giặc cướp rất nhiều, những nhà du thuyết có bôn ba từ nước này sang nước khác thì cũng chỉ ở trong một địa bàn rất hẹp chứ chưa có ai vì mục đích khoa học mà lại đi xa như vậy. Có thể nói trừ miền Quảng Đông, Quảng Tây, còn từ Vân Nam, Tứ Xuyên cho đến Vạn lý trường thành ở đâu cũng có vết chân của ông. Ông là một trong những nhà du lịch lớn nhất của thời cổ.

Những cuộc du lịch đã cung cấp cho ông vô số tài liệu, truyền thuyết, giúp ông thấy được thái độ của nhân dân đối với những nhân vật, những biến cố lịch sử và cho ông rất nhiều chi tiết điển hình về đời sống từng người trong lúc còn hàn vi.

Chính những cuộc « đi chơi » như vậy đã làm cho Tư Mã Thiên thấy cái bao la hùng vĩ của đất nước, có được một ý thức sâu sắc về sự vĩ đại của tổ quốc về tất cả mọi mặt để thành nhà sử gia vĩ đại của cả một dân tộc. Mã Tồn một văn sĩ đời sau nói : « Muốn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường ». Câu nói đó không phải là quá đáng.

Sau lúc đi du lịch về, ông làm lang trung. Lang trung là chức quan nhỏ có trách nhiệm bảo vệ nhà vua khi đi ra ngoài. Trong thời gian ấy ông biết Lý Lăng cũng làm lang trung như ông và thường gặp Lý Quảng.

Năm 110 trước Công Nguyên, Vũ Đế chuẩn bị làm lễ phong thiện ở Thái Sơn. Tư Mã Đàm trên đường đi theo nhà vua, mắc bệnh nặng, cầm tay con khóc mà dặn rằng :

— Tổ ta đời đời làm sử quan. Sau khi ta chết đi, thế nào con cũng nối nghiệp ta làm thái sử. Khi làm thái sử chớ quên những điều ta muốn bàn, muốn viết... Hiện nay bốn biển một nhà, vua sáng tôi hiền, ta làm thái sử mà không chép được rất lấy làm xấu hổ. Con hãy nhớ lấy !

Ông khóc mà vâng lời.

Ba năm mãn tang, ông thay cha làm thái sử lệnh (— 108) chuẩn bị viết bộ *Sử ký*, thực hiện cái hoài bão lớn nhất của người cha đồng thời là điều mong ước duy nhất của mình. Từ — 106 ông không giao tiếp với khách khứa, bỏ cả việc nhà ngày đêm miệt mài biên chép. Như thế được bảy năm thì xảy ra cái vạ Lý Lăng.

Năm 99 trước công nguyên, Vũ Đế sai Lý Quảng Lợi cầm ba vạn quân đánh Hung Nô. Bấy giờ Lý Lăng, cháu của danh tướng Lý Quảng, cầm năm ngàn quân vào biên giới Hung Nô. Bị tám vạn quân Hung Nô bao vây, Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu suốt mười ngày liền, giết hơn vạn quân địch. Nhưng cuối cùng vì cách xa biên giới, bị chặn mất đường về, quân sĩ chết hầu hết, mệt mỏi không còn sức chiến đấu, Lăng phải đầu hàng. Vũ Đế nổi giận muốn giết cả nhà Lăng, quần thần đều hùa theo ý nhà vua. Thiên biết Lăng từ hồi hai người còn làm lang trung, tuy không đi lại chơi bời, nhưng mến phục Lăng là người can đảm có phong thái của người quốc sĩ, nên tâu :

— Lý Lăng mang năm nghìn quân, thâm nhập vào nước địch đánh nhau với quân địch mạnh luôn mười ngày liền, giết và làm bị thương vô số. Vua tôi Thuyền Vu sợ hãi, đem tất cả kỵ binh toàn quốc bao vây. Lăng một mình hăng hái chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường về bị cắt, cứu binh không đến, người chết và bị thương chồng như núi, nhưng nghe Lý Lăng hô hào, binh lính đều phấn chấn vuốt máu, chảy nước mắt giơ nắm tay không xông vào mũi nhọn cùng Hung Nô quyết chiến. Thần cho rằng Lý Lăng có thể sánh với những danh tướng ngày xưa. Nay tuy thất bại nhưng xem ông ta còn muốn có cơ hội báo đáp nước nhà.

Ông hy vọng lời nói của mình có thể giảm nhẹ tội Lý Lăng, không ngờ Vũ Đế càng giận, cho ông cố ý đề cao Lăng để chê Lý Quảng Lợi nhút nhát không lập nên công lao gì mà Quảng lợi lại là anh của Lý phu nhân rất được nhà vua yêu quý. Vũ đế bèn sai bắt giam Tư Mã Thiên giao cho Đỗ Chu xét xử.

Nhân vật Đỗ Chu đã được Thiên nói đến trong *Khốc lại truyện*. Có người trách ý : « Ông thay nhà vua coi pháp luật, tại sao không căn cứ vào pháp luật mà xét ; trái lại chỉ lo chiều theo ý nhà vua ? ». Đỗ Chu đáp : « Luật lệnh ở đâu mà ra ? Chẳng phải do nhà vua mà ra đó sao ? ». Gặp phải bọn quan lại như vậy, cố nhiên ông không có cách nào khỏi tội.

Bấy giờ có phép lấy tiền chuộc tội. Chỉ cần năm mươi vạn đồng tiền là chuộc được tội chết. Trong bức thư ông viết sau này cho Nhâm An, một người bạn cũ sắp bị chém, một người cùng chung cảnh ngộ (1), ông đã kể lại nỗi cay đắng của mình. Nhà ông nghèo, ông mải mê theo đuổi sự nghiệp của mình quên cả gia sản, nên không sao chuộc được tội. Bạn bè, thân thích không ai nói hộ một lời, không ai giúp cho một đồng. Kết quả, con người ngang tàng, hai mươi ba tuổi đầu đi khắp Trung Quốc, nhà học giả lớn nhất của thời đại, con người ôm cái hoài bão làm Chu Công, Khổng Tử, cuối cùng bị khép vào tội « coi thường nhà vua » và bị thiến !

Đã mấy lần uất ức quá, ông nghĩ đến việc tự vẫn. Nhưng ông thấy rằng nếu chết đi thì chẳng ai khen mình là tử tiết mà thế tục sẽ bảo đó là vì xấu hổ mà tự sát. Vả chăng, sự nghiệp chưa tròn, *Sử ký* còn dở dang, lời dặn của cha còn đó. Ông gạt nước mắt, nói : « Người ta ai cũng có một lần chết, có cái chết nặng như núi Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng » và cố gắng gượng sống.

Cái ấn tượng sống nhục nhã, cô độc theo rồi ông cho đến khi chết. Mỗi khi nghĩ đến cái nhục bị hình phạt, mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo ! Nhưng ông không vì thế mà chán nản ; trái lại, ông càng tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Ông thấy rõ hình phạt đó là một thử thách đối với những « người trác việt phi thường ». Ông càng thấy cần phải viết « cho hả điều căm giận ». Và chính cái hình phạt nhục nhã ấy đã làm cho ông hiểu rõ cái mặt trái của xã hội phong kiến và dũng cảm đứng về phía nhân dân. Ông trở thành nhà sử gia vĩ đại của một nhân dân vĩ đại.

Quyển *Sử ký* trước kia là ý nghĩa của đời ông, bây giờ còn là nơi ông giãi bày nỗi lòng uất ức. Càng cảm thấy nhục nhã, ông càng thấy thiết tha với công việc, đem tất cả tâm huyết gửi vào cái tác phẩm vĩ đại hy vọng rằng dù mình tàn phế, bị ô nhục, nhưng quyển sách kia sẽ thay mình nói với cuộc đời.

Ở ngục ra, ông được làm trung thư lệnh. Đó là một chức quan to, ở gần vua, được ra vào cung cấm, xem tất cả các tài liệu mật. Tuy ở chức quan cao như vậy nhưng ông chỉ cảm thấy xấu hổ vì đó là chức quan chỉ dành cho những hoạn quan.

---

1. *Xem* Thư trả lời Nhâm An.

Hiện nay người ta vẫn chưa biết ông mất vào năm nào. Người ta chỉ biết ông viết bức thư trả lời cho Nhâm An năm 53 tuổi (— 93) và sau đó không có những tài liệu gì về ông. Theo Vương Quốc Duy trong *Thái sử công hành niên khảo* có lẽ ông mất năm 60 tuổi (— 86) cùng một năm với Vũ Đế.

Quyển *Sử ký* như tác giả nó nói, không phải viết ra để mưu danh tiếng trước mắt. Sau khi ông chết cũng không mấy ai biết đến nó. Quyển này được cất kỹ mãi đến thời cháu ngoại của ông là Dương Vận, thời Tuyên Đế, mới được công bố. Ngoài *Sử ký*, ông còn làm một công việc khác cũng rất quan trọng. Năm — 104 ông cùng Công Tôn Khanh Hồ Toại sửa lại lịch cũ, chế định Hán lịch. Âm lịch còn dùng đến ngày nay là công trình của nhóm này trong đó ông đóng vai trò chủ chốt.

II— TÁC PHẨM

Sử ký là một tác phẩm đồ sộ, tất cả 52 vạn chữ, 130 thiên, gồm năm phần : Bản kỷ, biểu, thư, thế gia, liệt truyện

1. *Bản kỷ* chép sự tích của các đế vương, gồm có :

1. Ngũ đế (Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn).

2. Hạ, Thương, Chu, mỗi thời đại một bản kỷ.

3. Tần hai bản kỷ, một bản kỷ từ khi có nước Tần đến Tần Thủy Hoàng, một bản kỷ về Tần Thủy Hoàng.

4. Hạng Vũ.

5. Các bản kỷ về nhà Hán : Cao Tổ, Lữ Hậu, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, Hiếu Vũ.

Tất cả có 12 bản kỷ nhưng hiện nay thiếu mất bản kỷ Hiếu Cảnh và Hiếu Vũ. Vương Túc đời Ngụy nói : « Vũ Đế nghe nói ông ta viết *Sử ký* bèn lấy bản kỷ của Hiếu Cảnh và của mình xem, giận lắm vứt đi cho nên phần này chỉ có mục đề thôi không viết gì ». Về sau Chử Toại Lương lấy những phần này ở quyển *Hán thư* của Ban Cố để điền vào cho đủ. Điều đó không phải không có lý vì Tư Mã Thiên có thái độ rất nghiêm khắc đối với các vua chúa, cũng không kiêng nể gì ông vua đang sống mà ông đã công kích mãnh liệt trong phần Phong thiện thư. Chính vì thế, Vương Doãn đời Hậu Hán gọi *Sử ký* là một quyển « báng thư » (một quyển sách phỉ báng). Mục đích của

bản kỷ là chép lại sự việc của những người, những nước có tác dụng chi phối cả thiên hạ. Ngay ở đây, trong cách sắp đặt của ông cũng có những điều đời sau không dám nghĩ đến. Ông chép riêng lịch sử nước Tần trước Tần Thủy Hoàng thành một bản kỷ vì trong thời Chiến quốc nước Tần là nước chi phối vận mệnh của tất cả các nước. Ông làm bản kỷ Lữ Hậu mặc dầu Lữ Hậu chỉ là thái hậu chứ không trị vì trên danh nghĩa, trái lại ông không làm bản kỷ của Huệ Đế, mặc dù, trên danh nghĩa, Huệ Đế vẫn là vua. Đó là vì, tuy Huệ Đế làm vua nhưng tất cả quyền hành đều nằm trong tay Lữ Hậu. Đặt một người đàn bà lên địa vị « kỷ cương một nước, là điều không một sử gia nào đời sau dám làm. Táo bạo hơn, ông dành cho Hạng Vũ những trang đẹp nhất mặc dù Hạng Vũ chưa hề làm đế, là kẻ thù của nhà Hán. Đó cũng là vì ông tôn trọng sự thực khách quan. Hạng Vũ tuy về danh nghĩa không phải người làm chủ các chư hầu đánh lại nhà Tần (đó là địa vị của Nghĩa Đế) nhưng trong thực tế người có công lớn nhất trong việc tiêu diệt nhà Tần, người phong đất cho chư hầu cai trị thiên hạ trong năm năm chính là Hạng Vũ, Các bản kỷ cung cấp cho người đọc cái nhìn khái quát về từng thời đại để sau đó đi sâu vào từng sự kiện và từng nhân vật

2. *Biểu* : Để có cái nhìn đối chiếu các sự kiện hoặc căn cứ vào niên đại, hoặc căn cứ vào sự tương quan đồng thời giữa các nước, Tư Mã Thiên lập ra mười biểu gồm có :

1. Thế biểu thời tam đại.
2. Niên biểu mười hai nước chư hầu.
3. Niên biểu sáu nước thời Chiến quốc.
4. Nguyệt biểu những việc xảy ra thời Hán Sở.
5. Niên biểu các nước chư hầu từ thời Hán.
6. Niên biểu các công thần của Hán Cao Tổ.
7. Niên biểu các nước chư hầu thời Huệ Đế và Cảnh Đế.
8. Niên biểu các nước chư hầu từ niên hiệu Kiến Nguyên.
9. Niên biểu các vị vương thời Vũ Đế.
10. Niên biểu các danh thần từ khi nhà Hán lên.

Những bản biểu là những công trình khoa học rất quý, ghi chép, năm, tháng, biến cố, giúp cho các nhà sử học hiểu được vị trí của từng sự kiện và sự tương quan của nó về thời

gian cũng như về không gian với các sự kiện khác, đặc biệt ở trong một nước mênh mông lại chia cắt phân tán như Trung Quốc cổ.

3. Thư : Lịch sử một nước chủ yếu là lịch sử của những thiết chế của nó. Tư Mã Thiên nhận thấy điều đó nên viết tám « thư » dành cho tám mặt. Điều này cũng biểu hiện rằng ông có một kiến thức bách khoa. Tám thư ấy là :

1. Lễ thư
2. Nhạc thư
3. Luật thư
4. Lịch thư
5. Thiên quan thư
6. Phong thiện thư
7. Hà cừ thư
8. Bình chuẩn thư.

Phần này rất quý về mặt nghiên cứu. Tác giả nêu rõ sự biến đổi, những cống hiến về lễ, nhạc, luật lệ, việc làm lịch, thiên văn v.v... qua các thời đại. Điều làm chúng ta hết sức ngạc nhiên là ông có những hiểu biết chính xác về mọi mặt và ở đâu ông cũng có những nhận xét tổng quát rất thấu đáo. Thiên « Phong thiện thư » nói về những việc mê tín, cúng tế của vua chúa với một giọng châm biếm chua chát. Thiên « Hà cừ thư » nói về các con sông đào ở Trung Quốc, thiên « Bình chuẩn thư » nói về kinh tế. Những thiên này viết chính xác đến nỗi người đời sau thường dựa vào đó để đính chính những sai sót trong các sách cổ nói về những thiết chế xã hội. Chúng làm ta thấy tác giả có một cái nhìn duy vật vào lịch sử và thấy tầm quan trọng của những sự kiện kinh tế, khoa học, văn hóa đối với lịch sử một nước. Rất tiếc vì phạm vi quyển tuyển tập hạn chế, chỉ có thể giới thiệu được thiên « Bình chuẩn thư », và do đó, không thể nào nêu lên được một cái nhìn toàn diện của một bộ óc vĩ đại.

4. Thế gia : Phần thế gia bao gồm 30 thiên, chủ yếu nói đến lịch sử các chư hầu, chẳng hạn các nước Tề, Lỗ, Triệu, Sở, v.v... ; những người có địa vị lớn trong quý tộc như các thái hậu, những người được phong một nước như Chu Công, Thiệu Công, và những người có công lớn như Trương Lương, Trần Bình v.v... Đáng chú ý nhất là tác giả xếp vào thế gia hai người thường dân không hề có một tấc đất phong. Đó là

Khổng Tử, một người có địa vị đặc biệt trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc, và Trần Thiệp, anh chàng cố nông đã cầm đầu cuộc nông dân khởi nghĩa đầu tiên của lịch sử dân tộc Hán. Cách nhìn như vậy chứng tỏ một tầm con mắt khác thường.

5. Liệt truyện : Danh từ này do chính tác giả đặt ra. Phần này gồm 70 thiên bao gồm những nhân vật khác nhau và những sự việc rất khác nhau. Đáng để ý trước hết là phần liệt truyện dành cho những nước ở ngoài địa bàn Trung Quốc mà ông là người đầu tiên đưa vào lịch sử với tính cách những bản khái quát đứng đắn và khoa học (Nam Việt, Đông Việt, Triều Tiên, Tây Di, Đại Uyển, Hung Nô). Cố nhiên một phần liệt truyện sẽ dành cho những người tai mắt trong xã hội cũ như những danh tướng (Mông Điềm, Lý Quảng, Vệ Thanh), những người làm quan to (Trương Thích Chi, Công Tôn Hoằng v.v...). Điều đáng chú ý nhất ở đây là ông đã nhìn thấy vai trò to lớn của những con người bình thường, thường không có chức tước gì nhưng có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng đối với cả dân tộc. Đó là những du hiệp, những thích khách, trọng nghĩa khinh tài mà ông đã ghi lại trong những trang sôi nổi (*Thích khách liệt truyện*, *Du hiệp liệt truyện*). Đó là những nhà tư tưởng mà tác phẩm của ông đã ghi lại cuộc đời, hành trạng và đánh giá học thuyết (Lão Tử, Trang Tử, Tuân Khanh v.v...). Đó là những nhà văn như Khuất Nguyên, Tư Mã Tương Như mà ông nêu lên giá trị và nhận xét về nghệ thuật. Đó là những thầy thuốc, thầy bói, thậm chí những anh hề mà trong con mắt của ông lời nói có thể xếp vào Lục Kinh. Và cố nhiên một con người yêu nhân dân và sự thật như Tư Mã Thiên không thể nào quên những tên sâu, mọt, đàn áp bóc lột dân chúng, những bọn « khốc lại » chỉ lo a dua nhà vua, tàn sát dân lành, những bọn ngoại thích lộng quyền và vô số những nhân vật tiểu tiện mà ông mạt sát bằng những lời phẫn nộ.

Thế giới của Tư Mã Thiên bao la như vậy ! Quy mô của tác phẩm làm ta ngợp, bút lực của tác giả làm ta sợ. Đối với những người yêu văn học Trung Quốc, tác phẩm đưa đến một cảm giác rất lạ. Ở đây có cái biến ảo của *Nam Hoa Kinh*, có cái rạch ròi của *Hàn Phi Tử*, có cái hoa lệ của *Tả truyện*, có cái nghiêm khắc của *Xuân Thu*. Nhưng còn một cái nữa mà văn học từ Hán trở về trước (trừ *Kinh Thi*) không thấy có, đó là ý thức bám chắc vào sự thực, không rời cuộc sống dù chỉ nửa

bước. Chúng ta cảm thấy mình đứng cả hai chân trên miếng đất của sự thực.

Ấn tượng ấy đến với chúng ta không phải ngẫu nhiên. Đó là vì *Sử Ký* chính là Tư Mã Thiên sống, và con người ấy sống với những tư tưởng lớn.

III — TƯ TƯỞNG

Tư Mã Thiên tự định nghĩa mình là một con người « bất cơ ». « Bất cơ » tức là không chịu trói buộc mình theo tập tục, vượt ra ngoài mọi lề thói. Chẳng hạn, hai mươi tuổi, cha còn sống vẫn cứ « viễn du » đi khắp địa bàn Trung Quốc, đó là một hành động bất cơ. Nhà vua đặt chức sử quan chẳng qua chỉ để ghi chép việc làm của vua, ăn ở đâu, ngồi ở đâu, ngủ ở đâu, nói câu gì v.v... từng một ngày. Và thế là tròn trách nhiệm. Nhưng ông lại muốn « nối nghiệp Khổng Tử, soi sáng cho đời, chỉnh lý được *Dịch Truyện*, tiếp tục được *Kinh Xuân Thu* nắm được cái gốc của *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc*, tóm lại ông muốn làm một Khổng Tử thứ hai ngay trong thời đại chuyên chế cực độ. Đó cũng là một ý nghĩ « bất cơ ».

Tư Mã Thiên là con người của một giai đoạn lịch sử rất cụ thể. Lúc ông lên sáu thì Hán Vũ Đế lên ngôi, và ông chết cùng một năm với Vũ Đế. Thời Vũ Đế chính là lúc uy tín nhà Hán đạt đến cực điểm, biểu lộ tất cả cái vĩ đại, huy hoàng làm người ta ngợp mắt. Trong *Bình Chuẩn Thư*, tác giả đã nói đến cái cảnh tượng phồn thịnh ban đầu, kho đụn đầy rẫy, tiền tiêu không thể hết, dân ăn gà, thịt, có ngựa hàng đàn. Uy tín nhà Hán đã đạt đến trình độ xưa nay chưa hề có. Biên giới phía Nam đến Nam Việt, phía Bắc đến Triều Tiên, buôn bán giao thông với Trung Á, Ấn Độ, La Mã, thành phố tấp nập, cung điện nguy nga. Năm — 138 trước công nguyên, Trương Khiên đi sứ về phía Tây, qua Hung Nô đến tận miền Trung Á thuộc Liên Xô ngày nay (gọi gộp là Tây Vực). Nước nhà thống nhất, chế độ tập quyền cực thịnh tất nhiên đưa đến những sự thay đổi về văn hóa. Vũ Đế nghe lời Đổng Trọng Thư bãi truất bách gia, độc tôn nho học. Thời đại « trăm nhà đua tiếng » đến đây chấm dứt. Văn học chuyển thẳng sang việc ca ngợi lâu đài, ngựa xe, vườn tược nhà vua, mà tiêu biểu nhất là những bài phú của

Tư Mã Tương Như. Bây giờ trước mắt những con người học rộng tài cao có hai con đường. Con đường thứ nhất là vứt bỏ cái mộng làm một sự nghiệp to lớn, thừa nhận trong hoàn cảnh này chỉ còn một cách là làm một anh hề, sống qua ngày đoạn tháng ở trước cửa Kim mã. Đó là con đường của Đông Phương Sóc, của hầu hết tất cả các học giả đương thời. Lại có một con đường khác « xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà ». Đó là con đường làm một Khổng Tử thứ hai, không phải ở trong hoàn cảnh Xuân thu, Chiến quốc mà ở trong hoàn cảnh chuyên chế cực thịnh. Tư Mã Thiên đã chọn con đường ấy, và điều đó cắt nghĩa tại sao con người này sống bơ vơ, lạc lõng, tội nghiệp như vậy.

Cái gì đã khiến ông làm một việc bất cơ như vậy ? Đó là vì ông thấy mình gắn liền với số phận của dân chúng. Ông thấy cái vẻ thái bình, phồn thịnh trước mắt chỉ là tạm thời. Bọn vua chúa lợi dụng hoàn cảnh yên ổn càng ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân, gây chiến tranh để mở rộng đất đai, xây cung thất, dựng lâu đài, tế phong thiện... Cái cảnh phồn vinh tan đi như một giấc mơ. Nhân dân nhao nhác cùng cực, bọn khốc lại xuất hiện ra sức chém giết, hàng chục vạn người bị tù đày, trong ngoài điêu đứng tan hoang, làm cho nhà Hán tưởng chừng sẽ lao theo bánh xe nhà Tần đã mất. Ông không thể làm một anh hề như Đông Phương Sóc tìm cách sống an thân hay một thứ nhà văn như Tư Mã Tương Như lúc chết còn khuyên nhà vua làm lễ phong thiện. Chính cái thời Vũ Đế đã làm cho ông thấy tất cả cái vinh dự được làm con người Trung Quốc. Nó đưa đến cho ông cái ý thức về sự vĩ đại, bao la và thống nhất của tổ quốc mà ông yêu quý. Nhưng càng yêu quý tổ quốc, ông càng gắn bó với nhân dân. Và do đó, bức tranh ông vẽ đương thời không phải là một bức tranh khoa trương tráng lệ như một bài phú của Tương Như, mà nó đầy vẻ bi hùng. Cái mâu thuẫn đau đớn này trong tư tưởng đã đẻ ra cách quan niệm về sử hết sức độc đáo, xứng đáng gọi là một cống hiến về tư tưởng.

Có thể nói Tư Mã Thiên là sử gia đầu tiên trên thế giới viết về lịch sử của một nước. Trước đấy, ở Trung Quốc chỉ có những người viết lịch sử một công quốc hay kể lại một vài biến cố quan trọng như *Xuân thu Thượng thư*. Những bộ sử như *Lịch sử* của Hêrôđôt (481 — 425). *Lịch sử chiến tranh* ở

Pêlpônne của Thuxiđit (460 — 396) trong văn học Hy Lạp hay *Chiến tranh ở Gôlơ* của Xêda trong văn học La Mã chẳng qua chỉ kể lại một trận đánh hay một chiến dịch. Quyển *Lịch sử La Mã* của Titut Livut (69 — 17) sau *Sử ký* viết toàn bộ lịch sử một đô thị, nhưng đó chỉ là lịch sử một đô thị. *Sử ký* thì khác, nó là lịch sử của toàn bộ dân tộc Trung Hoa kéo dài trên ba ngàn năm từ Hoàng Đế đến Vũ Đế và bao gồm một địa bàn mênh mông. Chính vì có ý thức rất rõ về tính chất thống nhất và tiếp tục của lịch sử, nên tác giả mới có hai phần khác nhau là biểu và bản kỷ, lại có phần thế gia nói những điểm chủ yếu trong lịch sử từng công quốc. Không những thế, ông cũng là người đầu tiên nói về những dân tộc mà người ta gọi là « mọi rợ » và ở đây tuyệt nhiên không có thái độ khinh miệt.

Ông cũng là người đầu tiên viết một quyển thông sử bao gồm mọi mặt của xã hội. Ông chú ý đến tất cả, đọc tất cả, biết tất cả kiến thức của thời đại. Những thiên *Hà cừ thư*, *Bình chuẩn thư* viết với nhãn lực của một nhà kinh tế học. Ông tìm thấy sự liên quan giữa kinh tế với luật pháp và chính trị. Ông đặc biệt chú trọng đến những thiết chế về văn hóa như lễ, nhạc, văn học. Ông đã làm cái công việc phi thường là xét tất cả các học thuyết của bách gia, trình bày và phê phán, làm công việc của một nhà tư tưởng sử. Ông là người đầu tiên cho ta biết về Khuất Nguyên và sự đánh giá của ông về Khuất Nguyên là quyết định. Quả thật ông đã làm được cái hoài bão to lớn nhất của một con người. Ông đã tổng kết văn hóa Trung Quốc lần thứ hai sau Khổng Tử và xứng đáng với lời khen của Quách Mạt Nhược « công lao của Tư Mã Thiên so với Khổng Tử không hơn không kém.

Phương pháp viết sử của ông cũng rất đáng chú ý. Tư Mã Thiên nói « Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các chuyện trong đời chứ có phải sáng tác đâu ». Câu nói này thể hiện đúng cái quan niệm của tác giả và sử. Ngày nay chúng ta không nắm được tất cả những tài liệu ông đã dùng, nhưng có một điều chắc chắn là ông không bao giờ thay đổi tài liệu. Những nhân vật thời Ân, Chu, chính là những nhân vật của *Thượng thư*, những nhân vật thời Xuân thu, Chiến quốc là những nhân vật của *Xuân thu*, *Quốc ngữ*, *Tả truyện*, *Chiến quốc sách*. Lời nói của họ là lời họ nói trong thực tế theo những

tài liệu tin cậy nhất. Những bài văn bia của nhà Tần là do chính tay tác giả chép lại. Và ông đã để lại cho chúng ta cả một kho tàng văn kiện vô giá, nào chế, biểu, nào văn bia, thư, phú, bài hát, lời ca, cả những bài nghị luận dài, tất cả chiếm một phần ba tác phẩm, trong số đó phần lớn còn sống đến ngày nay vì nó gắn liền với số phận của *Sử ký*. Đành rằng, đây đó, có những chi tiết sai lầm vì tài liệu lúc bấy giờ số lớn là tài liệu truyền miệng. Nhưng nói chung, ông hết sức nghiêm túc. Quan niệm viết sử này khác xa quan niệm những nhà viết sử cổ Hy Lạp, La Mã. Các nhà viết sử cổ đại, trừ Thuxiđit, thường xem sử là một công trình nghệ thuật. Những nhân vật của họ đọc những bài diễn văn rất hay, nhưng do họ sáng tác ra, những nhân vật ấy tồn tại với tính cách những giả thiết tiêu biểu cho chính kiến của họ. Chính vì vậy sử học hiện đại không xem đó là những công trình khoa học, không ai lấy đó làm cơ sở chính cho sự nghiên cứu La Mã, Hy Lạp cổ. Trái lại *Sử ký* từ trước đến nay vẫn là uy tín lớn nhất của cổ sử Trung Hoa. Bất kỳ ai muốn nghiên cứu bất kỳ phương diện nào của Trung Quốc cổ cũng không thể coi thường nó. Trịnh Tiều nói « Một trăm đời sau, các sử quan không thể thay đổi cái phép tắc của ông, kẻ học giả không thể bỏ quyển sách của ông » chính là vì vậy.

Tư Mã Thiên là người cha của sử học Trung Hoa, nhưng là một người cha khó bắt chước nhất. Đối với sử học Trung Quốc, ông là người duy nhất nói về đương thời. Các sử gia về sau chỉ viết về một triều đại khi triều đại ấy đã chấm dứt. Họ sợ hiện tại và lẩn tránh nó. Trái lại Tư Mã Thiên đã dành một nửa tác phẩm cho giai đoạn từ Hạng Vũ đến Vũ Đế, và việc càng gần ông chép càng rõ. Ông để lại những trang vô cùng sinh động về Cấp Ám, con người dám nói thẳng sự thực, không kiêng nể gì Vũ Đế. Ông kết tội Lữ Hậu, nêu bản tính lưu manh của Cao Tổ, phơi bày một bức tranh đau thương về xã hội trước mắt. Ông đau xót trước cái cảnh vua chúa mê tín (*Phong thiện thư*), phung phí tài sản nhân dân (*Bình chuẩn thư*), ngoại thích lộng hành (*Ngụy Kỳ Vũ An Hầu liệt truyện*), quan lại tàn ác (*Khốc lại liệt truyện*), nhà nho cầu an, giả dối (*Công Tôn Hoằng truyện*. *Thích Tôn Thông truyện*). Ông run sợ cho tương lai. Và chính ở đây người ta mới hiểu hết cái tâm

sự của ông, lòng yêu nước, yêu nhân dân cũng như sự trung thực của một nhà khoa học.

Nhưng quan trọng hơn hết, ông hiểu tác phẩm của ông là viết cho ai. Ông nói quyển *Sử ký* viết cho « những người của nó ». Người của nó đây không phải là một vị ân chủ, một mỹ nhân, mà là nhân dân vĩ đại và bất tử. Ông có ý thức rõ về việc đó cho nên hai ngàn năm sau đọc *Sử ký* ta thấy nó sinh động, mãnh liệt vô cùng, đồng thời tràn ngập cái hào khí của chính nghĩa. Nhìn vào quyển sách của ông ta thấy hiện lên rõ rệt sự bất bình đẳng trong xã hội, cảnh nghèo khổ của những nông dân mất hết đất đai, sự giàu có phè phỡn của bọn phong kiến, con buôn lớn. Ta thấy bức tranh hiện thực về xã hội mà bọn bồi bút phong kiến cố hết sức che đậy bằng những danh từ trống rỗng. Cố Viêm Võ nói rất đúng : « Người xưa làm sử không cần bàn luận, nhận xét mà cái ý của tác giả thấy ngay trong việc trình bày thì chỉ có một mình Thái Sử Công làm được mà thôi ». Cái khó ở đây không ở phương pháp mà ở con tim.

Cũng vì Tư Mã Thiên không viết tác phẩm theo những khuôn khổ có sẵn về đạo đức phong kiến nên những nhận xét của ông về lịch sử rất là trác việt. Ông luôn luôn lấy quyền lợi của nhân dân, lấy sự sống của họ để đánh giá nhân vật lịch sử. Đặc biệt khi viết lịch sử nhân vật nào, ông cũng nêu rõ sự gắn bó của nhân vật với số phận của dân chúng. Ông thấy rõ Trần Thiệp « tài năng ở dưới mức trung bình » nhưng đã làm được một việc oanh liệt chỉ vì được dân chúng ủng hộ. Sự phân tích của ông về sự thành công của Lưu Bang và sự thất bại của Hạng Vũ có một ý nghĩa to lớn. Dưới con mắt của ông, Hạng Vũ là một con người phi thường « tài năng và chí khí hơn người », « từ cận cổ đến nay chưa ai có được như thế ». Về tư cách cá nhân mà nói, thì Lưu Bang kém Hạng Vũ về tất cả mọi mặt. Hạng Vũ là viên tướng bách chiến bách thắng, quân chư hầu sợ Hạng Vũ đến nỗi « đi bằng đầu gối, không ai dám ngẩng lên nhìn ». Hạng Vũ thương người và trọng nghĩa. Trái lại Lưu Bang là một người « không lo làm ăn », « tham tiền và ham gái », ngạo mạn, thô lỗ : « Thấy khách đội mũ nhà nho, Bái Công liền giật lấy mũ đái vào trong ». Thế nhưng cuối cùng Lưu Bang lại lấy được thiên hạ. Đó là vì Lưu Bang không biết tự kiềm chế mình, lắng nghe theo lòng dân, buôn

luôn chú ý đến dân chúng cho nên dân chúng tin. Đúng như Hàn Tín nói, Hạng Vũ chỉ có cái nhân của người đàn bà, cái dũng của một kẻ thất phu, tiếc tiền, tiếc đất, chỉ tin vào tài năng của cá nhân mình, nghi ngờ tất cả ; đã thế lại hiếu sát làm cho nhân dân thất vọng. Lưu Bang đã thắng vì biết dựa vào dân, tận dụng tài năng các tướng. Cách nhìn nhận như vậy rất đúng và khoa học. Nó làm người ta nhớ đến những tác phẩm của Makiaven, ở đây, Tư Mã Thiên có thể sánh với những nhà sử gia lớn nhất của thời cổ đại.

IV— NGHỆ THUẬT

Tư Mã Thiên đã để lại hàng ngàn nhân vật điển hình sống mãi trong văn học. Riêng về mặt này, ông có thể sánh với những nhà văn lớn nhất của nhân loại. Cả một nhân loại mênh mông hiện ra trước mắt chúng ta, đủ các thành phần, đủ các nghề nghiệp, đủ các tầng lớp. Hình ảnh những chàng nông dân như Trần Thiệp, Ngô Quảng, những người du thuyết như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Thư, những hiệp khách như Kinh Kha, Nhiếp Chính, những anh hàng thịt như Chu Hợi, Cao Tiệm Ly, những triết gia như Khổng Khâu, Trang Chu, những danh tướng như Hàn Tín, Lý Quảng, những công tử như Tín Lãng Quân, Mạnh Thường Quân, những bạo chúa như Tần Thủy Hoàng, Nhị Thế... v.v... và vô số những hình ảnh khác là những hình ảnh bất tử. Những hình ảnh ấy đã du nhập vào kho tàng văn học làm thành nhân vật của những truyện kỳ, thoại bản hý khúc, kịch, thơ, lời nói và hành động của họ nhờ Tư Mã Thiên nêu lên đã thành tài sản của dân tộc. Đó là một điều lạ. Nhưng điều lạ hơn là đời sau có thể tô điểm thêm bớt nhưng dường như khó lòng dùng năng lực hư cấu của mình để tạo nên một Kinh Kha, một Hàn Tín, hay một Hạng Vũ khác hẳn hình tượng Tư Mã Thiên đã tạo nên mà cũng sinh động như vậy. Có thể nói những hình tượng Tư Mã Thiên tạo ra đã được nhân dân tiếp nhận toàn vẹn. Điều đó không phải là một hiện tượng thường thấy trong lịch sử văn học. Nếu ta xét những nhân vật lịch sử Âu Châu thì ta thấy rõ họ được biểu hiện trong văn học một cách rất khác nhau ở từng nhà văn. Hiện tượng Catilina của sử gia La Mã Xanlut rất khác

hình tượng Catilina của Ben Jonxôn. Hình tượng Catilina của Ipxen lại càng khác hẳn. Tư Mã Thiên làm thế nào cho nhân vật của mình sống mãnh liệt đến nỗi họ tồn tại khách quan ở ngoài nhà văn, và dân chúng khó lòng chấp nhận sự thay đổi ?

Khi miêu tả một nhân vật lịch sử, các sử gia thường chỉ xét họ trong những giờ phút họ đóng một vai trò lịch sử, họ chỉ xét nhân vật trong « tư thế lịch sử » của nó. Nhưng làm như thế, tức là cắt xén nhân vật, biểu hiện nó một cách phiến diện và thậm chí có khi xuyên tạc vì trong những lúc cá nhân có ý thức về vai trò lịch sử của mình, họ thường đóng kịch. Tư Mã Thiên không làm như vậy. Ông không chỉ nắm Hàn Tín khi làm thượng tướng quân của Lưu Bang, mà còn nắm Hàn Tín ngay từ khi ăn nhờ, chui qua háng người ta ở ngoài chợ. Nhờ sống trong nhân dân và đến tận nơi điều tra, nên ông thấy Trần Bình từ khi chia thịt, thấy Phàn Khoái từ khi bán thịt chó. Ông chú ý đến Trương Nghi từ khi anh chàng bị đánh gần chết, gãy hết cả răng, chú ý đến Lưu Bang từ khi ăn quỵt tiền rượu. Tư Mã Thiên theo rõi một nhân vật và cốt tìm cho được cái bản chất của nó. Chính vì thế ông không bao giờ bỏ qua những cảnh thiếu thốn, nhục nhã mà nhân vật đã trải qua, vì ông biết bản chất con người thường lộ ra ở những lúc ấy. Đối với ông, nhân vật lịch sử vĩ đại đến đâu trước hết cũng là một người bình thường. Khổng Khâu trước khi được tôn sùng như một vị thánh cũng chỉ là một người mong muốn được làm quan, phiêu bạt đi tìm công danh, mấy lần suýt theo những kẻ mà ông gọi là loạn thần, tặc tử. Trong khi theo rõi nhân vật, ông không chạy theo sự kiện mà cốt tìm được cái quyết định tính cách của con người. Ông thấy tính cách con người do nhiều yếu tố quyết định. Có khi nó là một thiên hướng từ nhỏ. Nhân vật Trương Thang điển hình cho bọn quan lại tàn ác, lúc nhỏ giữ nhà để chuột ăn mất thịt bị cha đánh đòn. Thang bắt được chuột làm một bản án kết tội chuột. « Người cha xem thấy lời văn quả là một tay quan lại coi ngục sành sỏi, cả kinh ». Có khi nó là kết quả của nghề nghiệp, giáo dục. Lữ Bất Vi, một thương nhân giàu thấy Tử Tương con vua Tần làm con tin ở Triệu thì nói : « Món hàng này có thể bán được đây ». Y xuất tiền bạc quảng cáo cho hàng và cuối cùng được lãi to, làm tể tướng nước Tần. Ông

thấy cái điều làm một vĩ nhân khác con người tầm thường là ở chỗ họ có một hoài bão lớn ngay trong những cảnh ngộ cùng khốn nhất. Ông lắng nghe chàng cố nông Trần Thiệp đang cày bỗng dừng lại nói với các bạn cày : « Sau này phú quý chớ quên nhau » ; ông chú ý đến cậu bé Hạng Vũ học kiếm chẳng thành nhưng đòi « học cái đánh lại vạn người ». Một khi tìm được tính cách của nhân vật, ông cố gắng tìm những câu nói điển hình và những hành động điển hình để làm cho hình tượng càng nổi bật. Nói đến Hàn Tín là người ta nhớ đến câu « Nhà vua không muốn lấy thiên hạ sao, tại sao lại chém tráng sĩ ? », nói đến Lý Tư, không ai quên được câu : « Người ta ở đời hiền hay bất tiếu cũng như con chuột ; chẳng qua do hoàn cảnh cả ». Những câu như vậy có hàng ngàn. Có nhiều nhân vật chỉ xuất hiện trong một vài câu nhưng họ được điển hình hóa ngay vì tác giả đã nắm được câu nói điển hình của họ. Chẳng hạn những nhân vật như Cáp Nhiếp, Phàn Ư Kỳ trong *Thích khách liệt truyện* nói không quá hai câu, nhưng đủ làm người ta thấy rõ cái phong thái trọng nghĩa khinh tài và lòng căm thù chồng chất của họ đối với nhà Tần. Những câu nói điển hình và những hành động điển hình thường không phải là những câu nói và những hành động gì có tầm quan trọng lịch sử. Tônxtôi trong bài nhận xét về *Chiến tranh và hòa bình* nói nhà viết tiểu thuyết lịch sử miêu tả nhân vật lịch sử khi họ mang áo ngủ. Tư Mã Thiên còn đi xa hơn. Để miêu tả thái độ ngạo mạn của Vũ Đế, chỉ cần một chi tiết « Nhà vua có khi ngồi xổm ở bên giường để tiếp đại tướng quân Vệ Thanh ». Để miêu tả sự suồng sã của Lưu Bang chỉ cần một chi tiết nhỏ : « Chu Xương có lần vào tâu thấy Cao Tổ đang ngồi ôm con gái. Xương chạy ra. Cao Tổ đuổi theo cưỡi lên cổ hỏi : Ta là vị vua như thế nào ? Xương ngẩng đầu lên đáp : Bệ hạ là ông vua Kiệt, Trụ. Nhà vua liền cười ha hả » (*Trương thừa tướng truyện*). Một chi tiết như vậy cũng đủ làm cho ngàn năm sau không ai có thể bênh vực cho Vũ Đế và Cao Tổ về việc quý trọng kẻ sĩ.

Một khi đã nêu lên tính cách chủ đạo của nhân vật, tác giả không bao giờ dừng lại để bàn bạc, trái lại ông trình bày dồn dập những sự việc điển hình tự bản thân nó có đủ sức thuyết phục hùng hồn hơn mọi lý luận. Đó là then chốt của phương pháp tự sự của ông mà đời sau không ai bắt

chước được. *Bản kỷ Hạng Vũ* chẳng hạn, viết với lối văn khô khan của biên niên sử. Ở đây chỉ có sự kiện và năm tháng. Nhưng vì biết rút từ sự kiện ra cái làm thành cá tính của Hạng Vũ và thời đại Hạng Vũ cho nên chính cái lối trình bày đơn giản khách quan này lại lôi cuốn người đọc hơn mọi thứ từ chương.

Văn của Tư Mã Thiên là lối văn giản dị, chắc nịch của thời Tây Hán. Cách tự sự của ông có được cái tính chất rắn chắc, khúc chiết của đương thời, nhưng còn có một điều đặc sắc hơn là rất sinh động và đa dạng. Những con người của Tư Mã Thiên đồng thời biểu hiện những đặc sắc chung của thời đại họ, nhưng lại giữ được những nét nổi bật làm thành bản sắc của họ.

Muốn làm nổi bật cái cá tính của nhân vật cũng như màu sắc chung của thời đại, không bao giờ tác giả xét nhân vật một cách cô lập, mà đặt nó trong sự đối lập với các nhân vật khác. Đọc Lý Tư người ta nhất định phải thấy Triệu Cao, đọc Bình Nguyên Quân thì thấy ngay Tín Lăng Quân, bên cạnh Lưu Bang luôn luôn có mặt Hạng Vũ. Để làm nổi bật sự đối lập, tác giả rất chú ý đến sự đánh giá về nhân vật của người đương thời. Mỗi nhân vật như vậy ít nhất cũng được vài ba người đánh giá. Để đánh giá Lưu Bang tác giả nhắc lại những lời đánh giá của Tiêu Hà, Phạm Tăng, Lịch Sinh, Trương Lương, Trần Bình, Hàn Tín v.v.., để đánh giá Tín Lăng Quân tác giả không quên những nhận xét của Hầu Sinh, Mao Công, Tiết Công, Bình Nguyên Quân v.v... Tác giả nhiều khi gộp họ vào một chương để càng làm nổi bật chủ ý của mình. Đó là những lúc đối lập rõ rệt. Nhưng có những lúc đối lập kín đáo hơn thì thật thú vị. Chẳng hạn không phải ngẫu nhiên mà tất cả những quan lại tốt trong *Tuần lại liệt truyện* đều là người trước đời Tần, trái lại tất cả những người trong *Khốc lại liệt truyện* đều là những nhân vật thời Hán. Cũng vậy, ai cũng phải thừa nhận hình tượng về Vũ Đế sao mà giống Tần Thủy Hoàng làm vậy, cũng huênh hoang, tự đắc, thích chiến tranh, thích thần tiên, thích xây dựng, thích xu nịnh.

Chính cái phương pháp tự sự bậc thầy, công phu và chu đáo vô cùng đã làm cho nhân vật sống một cách trọn vẹn, hoàn toàn khách quan, không có sự can thiệp của tác giả, và cũng do đó, đời sau không thể nào thay đổi được. Sự thực

vốn hùng hồn hơn lời nói và khi các sự thực đã xếp thành hệ thống nguy nga thì tự nó sẽ nói lên tiếng nói của chân lý.

Phải chăng vì thế mà tác giả vắng mặt ? Không, tác giả luôn luôn có mặt. Hình ảnh của Tư Mã Thiên rất rõ ở từng trang, tâm sự của ông hiện lên như một tiếng đàn tuy rất khẽ nhưng rất rền trong bản hợp tấu vĩ đại. Chúng ta biết bản thân sự đối lập là biểu hiện một thái độ. Ngoài ra tác giả còn sử dụng rất thạo phương pháp viết sử của *Kinh Xuân thu*. Mục đích của nó là trình bày sự thực khách quan, nhưng bằng cách đối lập với các việc khác hay thêm bớt một chữ mà tỏ thái độ của mình. Chẳng hạn trong *Hoài Âm Hầu liệt truyện* để nói rằng Hàn Tín chết vô tội chứ không phải làm phản, ông gọi Tín là « Hoài Âm Hầu » chứ không gọi Hàn Tín như gọi Kinh Bố trong *Kinh Bố liệt truyện*. Ông kể tỉ mỉ ba lần người ta thuyết phục Tín làm phản mà Tín không nghe, nhắc đến năm lần cái câu Hán Vương sợ Hàn Tín. Đến lúc Tín chết thì hối hận không biết trước thái độ lật lọng của Lưu Bang, trái lại Lưu Bang nghe tin vừa giận vừa mừng v.v... Lối bút pháp ấy rất là nghiêm và rất rõ ràng đối với những người quen đọc *Xuân thu*. Ngoài ra mỗi khi hết chương, tác giả thường đưa ra những nhận xét của mình để ký thác tâm sự hay đính chính lại những cách nhìn sai lầm của tập tục.

Sử ký là một tác phẩm khó nhưng rất hay. Nó làm cho người đọc say mê và giáo dục họ rất nhiều. Nhưng vì nội dung phong phú, cách diễn đạt kín đáo nên phải đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hết cái hay của nó. Chúng tôi cố gắng dịch những chương tiêu biểu, chương nào dịch thì dịch trọn vẹn, chỉ lược bớt những đoạn ít quan trọng đối với văn học. Vì cách hành văn theo lối *Xuân thu* rất xa lạ đối với chúng ta nên chúng tôi cố gắng chú thích, phân đoạn, tóm tắt để làm sao cho người đọc làm quen với tác phẩm một cách dễ dàng. Tuy vậy chúng tôi cũng biết không thể nào giới thiệu hết cái hay của tác phẩm. Một ngày gần đây, khi Tư Mã Thiên đã quen thuộc với bạn đọc hơn, chắc *Sử ký* sẽ được dịch toàn bộ.

Trong việc dịch, chúng tôi đã được cụ Phan Võ xem lại và cụ Phan Duy Tiếp giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng vì trình độ dịch giả hạn chế, bản dịch thế nào cũng có nhiều thiếu sót. Nhưng chúng tôi tin rằng dù bản dịch có nhiều thiếu sót, các bạn sẽ

thấy ở đây một tác phẩm vĩ đại và một con người lỗi lạc. Chắc chắn bạn đọc Việt Nam sẽ thấy *Sử ký* là quyển sách của mình và dành cho Tư Mã Thiên một mối tình nồng hậu như các bạn đã có đối với Khuất Nguyên và Đỗ Phủ. Suốt đời Tư Mã Thiên không muốn gì hơn là có những người hiểu mình. Chúng tôi tin chắc rằng sau hai ngàn năm, con người vĩ đại ấy sẽ được yêu hơn bao giờ hết vì bạn đọc của ông là những con người của một thời đại huy hoàng và vô cùng vĩ đại.

NHỮ THÀNH

THÁI SỬ CÔNG TỰ ĐỀ TỰA

Thái Sử Công nói :

Cha tôi (1) *có nói : « Sau khi Chu Công mất được năm trăm năm thì có Khổng Tử. Khổng Tử mất đến nay đã được năm trăm năm. Nếu có kẻ nối nghiệp, soi sáng cho đời, chỉnh lý được* Dịch truyện *tiếp tục* Kinh Xuân Thu, *nắm được cái gốc của* Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, *thì là ở lúc này đây ! Ở lúc này đây ».*

Kẻ hèn mọn này dám đâu từ chối việc ấy.

Quan thượng đại phu là Khổn Toại nói :

— Tại sao ngày xưa Khổng Tử lại làm Kinh Xuân-thu ?

Thái Sử Công nói :

— Tôi nghe Đổng Sinh (2) *nói : « Đạo nhà Chu bị suy bỏ, Khổng Tử làm tư khấu ở nước Lỗ, bị các nước chư hầu hại, các quan đại phu ngăn cản. Khổng Tử biết lời nói của mình không được dùng, đạo của mình không được thi hành, bèn phê phán những việc xảy ra trong hai trăm bốn mươi hai năm, để làm khuôn phép cho thiên hạ. Người chê thiên tử, ức chế chư hầu, phạt tội các đại phu, để nêu rõ vương đạo nên như thế nào ». Khổng Tử nói : « Ta muốn lấy lời nói suông để chép về đạo,*

1. Cha Tư Mã Thiên là Tư Mã Đàm, làm chức Thái Sử.
2. Tức Đổng Trọng Thư một nhà nho có tiếng sống cùng thời với Tư Mã Thiên.

không bằng chứng minh ở việc làm thì càng sâu sắc, rõ ràng hơn ». Kinh Xuân Thu *trên làm sáng tỏ đạo của Tam Vương* (1) *dưới phân biệt quy tắc của con người, biện bạch chuyện hiềm nghi, soi sáng điều phải trái, quyết định điều còn do dự, khen điều hay, chê điều dở, tôn người hiền, chê kẻ bất tiếu, bảo tồn lấy cái nước đã mất, nối lại cái đời đã đứt, vá lại cái đã rách, dựng lại cái đã bị bỏ, đó là một điều lớn của đạo vương vậy !*

Kinh Dịch *chép trời đất, âm dương, bốn mùa, ngũ hành, cho nên giỏi về chỗ biến hóa,* Kinh Lễ *chép về luân lý con người cho nên giỏi về đức hạnh.* Kinh Thư *chép về việc làm của các vua đời trước, cho nên giỏi về chính trị.* Kinh Thi *chép về núi, sông, hang, suối, chim, muông, cây cỏ, trống, mái, đực, cái, cho nên giỏi về nói bóng gió.* Kinh Nhạc *làm cho người ta vui, cho nên giỏi về hòa hợp,* Kinh Xuân Thu *phân biệt phải trái, cho nên giỏi về việc trị người.*

Vì vậy, Kinh Lễ *là để giữ gìn con người.* Kinh Nhạc *là để làm cho hòa hợp.* Kinh Thư *để bàn việc,* Kinh Thi *để tỏ ý,* Kinh Dịch *để nói về sự biến hóa,* Kinh Xuân Thu *để dạy về việc nghĩa. Giúp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay thì không sách nào cần thiết bằng* Xuân Thu.

Xuân Thu *chữ có mấy vạn, ý của nó mấy nghìn, vạn vật tan hợp đều ở* Kinh Xuân Thu. *Trong* Kinh Xuân Thu *ba mươi sáu vua bị giết, năm mươi nước bị mất, các chư hầu ngược xuôi chạy vạy không giữ nổi nước của mình không kể hết. Xét lại sao như vậy thì đều là bỏ mất cái căn bản (tức là nhân nghĩa — N.D.)*

Vì vậy, nên Kinh Dịch *nói : « Sai một hào một ly, lầm đến nghìn dặm ! » Cho nên nói : « Tôi giết vua, con giết cha, không phải duyên cớ một sớm một chiều mà ra, cái đó đã ngấm ngầm từ lâu rồi ».*

---

1. Tam Vương : ba đời vương (nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu).

Cho nên, kẻ có nước không thể không biết Kinh Xuân Thu : *trước mặt có kẻ gièm pha mà mình không biết, sau lưng có quân giặc mà mình không hay. Người làm tôi không thể không biết* Kinh Xuân Thu ; *nếu không, gặp việc thường không biết nên như thế nào, gặp việc biến không biết xoay xở ra sao. Làm vua làm cha mà không thông thạo về nghĩa lý của* Xuân Thu *thì hẳn mang lấy cái tiếng gây ra tội. Làm tôi làm con, mà không thông thạo nghĩa lý của* Xuân Thu, *thì hẳn hãm vào tội cướp ngôi giết cha, cái tiếng tử tội. Thực ra, họ vẫn cứ cho rằng đó là phải mà làm ; vì không biết nghĩa lý, nên bị tai tiếng không sao tránh khỏi. Chỉ vì không hiểu cái thâm thủy của lễ và nghĩa mà đến nỗi vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con. Vua chẳng ra vua thì phạm tội với lễ nghĩa ; tôi chẳng ra tôi thì phải giết ; cha chẳng ra cha thì vô đạo ; con chẳng ra con thì bất hiếu. Bốn điều ấy là những lỗi lớn ở trong thiên hạ. Buộc cho họ cái lỗi lớn ở trong thiên hạ mà họ không dám từ chối.*

Cho nên Kinh Xuân Thu *là gốc lớn của lễ nghĩa. Lễ là để cấm trước khi việc xảy ra, pháp luật là để trừng trị sau khi việc đã xảy ra. Công dụng của pháp luật dễ thấy, còn công dụng của lễ để ngăn cấm thì khó biết.*

Khổn Toại nói :

— Đời Khổng Tử, trên không có vua sáng, dưới không được tin dùng, cho nên người mới làm Kinh Xuân Thu *để lại cái lời suông đặng nối tiếp lễ, nghĩa, làm phép tắc của một vị vua. Nay ông ở trên thì gặp đức vua sáng suốt, ở dưới thì được giữ chức quan, muôn việc đều được sắp đặt đúng chỗ, vậy điều ông bàn đó là muốn soi sáng cái gì ?*

Thái Sử Công nói :

— Dạ, dạ ! Không, không ! Đâu phải thế ! Tôi nghe cha tôi nói : « Phục Hy hết sức thuần hậu, làm ra tám quẻ kinh dịch : Thượng thư chép nền thịnh trị đời Nghiêu, Thuấn, do đó mà làm ra lễ nhạc ; công của Thành Thang, Vũ Vương được thi nhân ca tụng ; Kinh Xuân Thu *khen điều thiện, chê điều ác, suy diễn cái đức thời Tam Đại, khen nhà Chu, chứ nào chỉ có chê bai mà thôi đâu ? Từ khi nhà Hán nổi lên, đến đức vua chúng ta nay, được điềm lành, lễ phong thiện (1), thay niên hiệu (2) đổi áo mũ, chịu mệnh của cao xanh, ơn đức thấm đến chỗ vô cùng. Những người xa lạ ở ngoài bể hai ba lần dịch tiếng đều đến chầu, xin nộp cống, kể không hết. Trăm quan ở dưới ra sức tán tụng thánh đức cũng còn chưa nói hết ý.*

Hơn nữa, có kẻ sĩ hiền và có tài mà không dùng là điều sỉ nhục của nước ; chúa thượng có đức sáng mà đức không được truyền rộng ra, thì đó là lỗi của kẻ bề tôi.

Vả chăng tôi làm chức ấy mà bỏ thánh đức không chép, hủy bỏ công nghiệp của các công thần, các đại phu hiền đức không thuật lại, bỏ lời cha dạy, thì tội còn gì nặng hơn ? Tôi chỉ thuật lại chuyện xưa, sắp đặt lại các truyện trong đời, chứ có phải là tự làm ra đâu, ông đem sánh với Xuân Thu *thì lầm to.*

Thế rồi biên chép sắp đặt văn Sử ký *được bảy năm, thì Thái Sử Công gặp cái họa Lý Lăng, bị cùm trói trong tù.*

Bèn bùi ngùi mà rằng :

— Đó là tội của ta ! Đó là tội của ta ! Thân tàn không dùng được nữa rồi !

---

1. Lễ tế trời ở trên núi Thái Sơn.

2. Vũ Đế bắt đầu đặt niên hiệu là Kiến Nguyên (110 trước công nguyên).

Nhưng rồi lại suy nghĩ kỹ mà rằng : Ôi ! Viết sách làm thơ, đó là điều những người trong lúc cùng dùng để truyền đạt cái ý nghĩ của mình. Xưa Tây Bá (1) bị tù ở Dữu Lý nên diễn giải Chu dịch ; Khổng Tử gặp nạn ở đất Trần, đất Thái nên viết Xuân Thu ; *Khuất Nguyên bị đuổi, viết* Lý Tao ; *Tả Khâu Minh bị mù làm* Quốc ngữ ; *Tôn Tẫn cụt chân bàn binh pháp ; Lữ Bất Vi bị đày sang Thục, đời truyền lại sách* Lữ Lãm ; *Hàn Phi bị tù ở Tần làm những thiên* Thuyết nan, Cô phẫn ; *ba trăm bài ở* Kinh Thi *phần lớn đều do thánh hiền làm ra để giãi bày các nỗi phẫn uất. Những người ấy đều vì có những điều uất ức không biểu lộ ra được, cho nên thuật lại việc xưa mà lo truyền lại người sau.*

Do đó, bèn soạn thuật cho xong từ thời Nghiêu cho đến năm được lân thì dừng bút (2), bắt đầu từ Hoàng-đế (3).

---

1. Vua Văn Vương nhà Chu.

2. Hán Vũ Đế năm Nguyên Thú năm đầu (123 trước công nguyên), được một con thú có một sừng, chân có năm móng, cho là con lân — Khổng Tử xưa làm *Xuân Thu*, đến năm vua Ai Công nước Lỗ săn được con lân thì dừng bút. Ở đây Thái Sử Công có ngụ ý sách *Sử ký* của ông cũng nối theo sách *Xuân Thu* của Khổng Tử.

3. Bài tự này viết theo lối vấn đáp : đầu tiên nêu ý định của cha là xây dựng một sự nghiệp như Khổng Tử để chứng minh mình tiếp tục công trình của cha. Sau đề cao *Xuân Thu* đồng thời gián tiếp khẳng định tác dụng của *Sử ký*. Vì sợ nói thế táo bạo quá nên thoái thác nói mình không sáng tác, tác phẩm mình không dám sánh với *Xuân Thu*. Cuối cùng bộc lộ sự phẫn uất của mình đồng thời biểu lộ cái chí muốn viết *Xuân Thu*. Lối văn biến hóa, khúc chiết xứng đáng bài tựa của một tác phẩm lớn. Đoạn này trích trong thiên cuối cùng của *Sử ký*.

THƯ TRẢ LỜI NHÂM AN (1)

Tôi, hạng trâu ngựa Tư Mã Thiên, Thái Sử Công, kính thưa Thiếu-Khanh túc hạ (1).

Trước đây ông có hạ cố gửi thư dạy phải cẩn thận về việc tiếp người, cốt phải tôn người hiền, tiến cử kẻ sĩ. Ý ông ân cần tha thiết, hình như trách tôi không nghe lời dạy mà lại theo lời bọn thế tục tầm thường. Tôi đâu dám thế.

Tôi tuy hèn nhát, nhưng cũng đã từng trộm nghe lời chỉ giáo của bậc trưởng giả. Vì một nỗi thân hình tàn phế, địa vị hẩm hiu, hễ động là bị chê trách, muốn được tích thì trở lại có hại, cho nên uất ức một mình không biết nói cùng ai.

Tục ngữ có câu : « Làm cho ai biết, nói cho ai nghe ? » Chung Tử Kỳ chết rồi, Bá Nha suốt đời không gảy đàn nữa ! Tại sao vậy ? Vì kẻ sĩ ra sức với người tri kỷ ; con gái làm dáng với kẻ yêu mình. Như tôi, thì cái thân này đã hỏng rồi, tuy tài có bằng châu của Tùy Hầu, ngọc của Biện Hòa, hạnh có cao bằng Bá Di, Hứa Do, rút cục cũng không có cách gì mà lòe với ai, chẳng qua chỉ để mua cười và tự làm ô nhục mình mà thôi !

1. Thiếu Khanh : tên chữ của Nhâm An — túc hạ là tiếng xưng hô đối với người tôn trọng. Nhâm An làm thứ sử Ích Châu bị can vào việc cùng thái tử nổi loạn, bị giam và sau đó bị giết. Nhâm An bị giam viết thư cho Tư Mã Thiên lúc này làm lang trung lệnh có lẽ nhờ can thiệp giúp để khỏi chết. Tư Mã Thiên nhận thấy không thể làm được bèn bộc lộ cảnh ngộ của mình. Thư này không ở trong *Sử ký* nhưng rất cần để hiểu biết tâm sự của tác giả.

Thơ của ông đáng lý phải đáp ngay, nhưng giữa lúc theo hoàng thượng sang đông, lại vì việc riêng cấp bách, tt có dịp gặp nhau. Vội vàng không có lúc nào rảnh có thể tỏ hết nỗi lòng. Nay Thiếu Khanh gặp tội không biết đến thế nào. Ngày qua tháng lại, cuối đông sắp tới (1)... Tôi lại sắp phải theo nhà vua đi Ung Châu, sợ có sự chẳng may xảy ra thì tôi rút cục đành chịu không sao bày tỏ nổi buồn bực để cho ông rõ, mà hồn phách kẻ vĩnh biệt (2) sẽ riêng ân hận không cùng. Tôi xin trình bày qua tấc dạ quê mùa. Để lâu không trả lời, xin đừng bắt lỗi.

Tôi nghe : sửa mình là dấu hiệu của trí ; yêu thương giúp đỡ người là đầu mối của nhân ; định nên lấy cái gì, cho cái gì là biểu hiện của nghĩa ; gặp cảnh sỉ nhục là điều quyết định của dũng ; lập danh là cái cao nhất của đức hạnh. Kẻ sĩ có năm điều ấy thì mới có thể sống ở đời mà đứng vào hàng quân tử. Cho nên tai họa tệ nhất là thiến tiền chuộc tội ; đau không có gì thảm hơn là đau lòng : nết xấu nhất là nhục đến cha mẹ ; nhục nặng nhất là bị cung hình (3) ! Con người bị hình phạt sống thừa không còn đáng đếm xỉa nữa, điều đó không phải chỉ ở đời này, mà đã có từ lâu. Ngày xưa Vệ Linh Công cùng đi với Ung Cừ, Khổng Tử bỏ sang nước Trần ;

1. Ngày xưa cứ đến cuối đông thì xử tử tội nhân. Bấy giờ Thiếu Khanh sắp bị hành hình.
2. Chỉ Thiếu Khanh.
3. Bị cắt dương vật.

Thương Ưởng nhờ Cảnh Giám được yết kiến Tần Vương, Triệu Lương thấy lạnh cả ruột (1) ; Đổng Tử ngồi bên xe, Viên Tì biến sắc mặt (2). Từ xưa đã từng lấy điều đó làm xấu hổ. Đến kẻ tài năng bậc trung, mà gặp việc dính líu đến bọn hoạn quan, còn không ai không mủi lòng, huống gì kẻ sĩ có chí khẳng khái lại không biết hay sao ?

Nay triều đình tuy thiếu người, nhưng lẽ nào lại để kẻ bị cưa dao sống sót mà còn tiến cử kẻ hào kiệt trong thiên hạ ? (3).

Tôi nối nghiệp tiên nhân chầu chực dưới xe loan đã hơn hai mươi năm nay. Tôi vẫn thường tự nghĩ : mình trên đã không thể tỏ lòng trung tín, được tiếng khen là có tài, có sức, có mưu lạ để được bậc minh chủ đoái thương, lại cũng không biết lượm lặt cái bỏ sót, chắp vá cái thiếu thốn, đón người hiền, tiến cử người tài, làm vinh hiển kẻ sĩ ở ẩn trong chốn núi non ; ở ngoài không thuộc vào hàng ngũ có công đánh thành xông trận, chém tướng, giật cờ ; cùng ra nữa cũng không ngày ngày tích lũy công lao, để được quan cao, lộc hậu, làm đẹp mặt họ hàng, bè bạn.

Cả bốn điều đó, tôi không được điều nào. Cho nên tôi đành nương náu qua thì, đó cũng đủ thấy tôi chẳng có gì là hay ho cả.

---

1. Ung Cừ và Cảnh Giám đều là hoạn quan. Việc của Thương Ưởng xem *Thương Quân liệt truyện*.

2. Hán Vũ Đế ngồi xe với hoạn qaan Triệu Đổng, Viên Tì can. Trở lên kể cái nhục của kẻ hoạn quan : Ung Cừ, Cảnh Giám, Triệu Đổng đều là hoạn quan.

3. Ý nói mình không thể giúp gì Nhâm An được. Bài này nói bóng vì không thể nói thẳng. Ý Nhâm An muốn tiến cử kẻ sĩ, tức là nhờ Tư Mã Thiên tiến cử mình.

Tôi cũng đã thường mon men dự vào hàng hạ đại phu, được dự bàn bạc ở ngoại đình. Lúc ấy, tôi chẳng biết trình bày mối giường, dâng lên những điều suy nghĩ. Đến nay thì thân hình đã sức mẻ, làm người tôi đòi, ở trong đám tì tiện, lẽ nào còn muốn ngẩng đầu, giơ mặt trình bày phải trái ! (1). Thế chẳng hóa ra khinh triều đình, làm xấu hổ cho kẻ sĩ trong đời này lắm sao ! Than ôi ! Than ôi ! Như tôi đây còn nói năng gì nữa, còn nói năng gì nữa !

Vả chăng, việc của tôi gốc ngọn không dễ thấy rõ. Từ nhỏ, tôi mang cái tài phóng túng (2), lớn lên không được làng xóm khen ngợi. May chúa thượng vì có cha tôi, cho tôi được trổ chút nghề mọn, ra vào nơi cấm vệ. Tôi nghĩ rằng con người đã đội chậu làm sao còn nhìn được trời ; vì vậy cho nên không giao tiếp với khách khứa, quên việc sản nghiệp của gia đình. Ngày đêm đem hết cái tài sức kém cỏi của mình, chỉ cốt một lòng làm tròn chức vụ, để mong được chúa thượng thương đến. Thế mà lại gặp cái việc trái hẳn ý của mình.

Tôi và Lý Lăng đều ở dưới môn hạ chúa thượng, vốn cũng không quen thân nhau, chí hướng khác nhau, chưa từng nâng chén rượu, vui vẻ ân cần. Thế nhưng tôi thấy ông ta là kẻ sĩ kỳ lạ, biết tự giữ mình, thờ cha mẹ có hiếu, đối với kẻ sĩ thì tín, liêm khiết ở chỗ tiền tài, giữ nghĩa trong việc cho và lấy, biết phân biệt nhường nhịn, khiêm tốn, cung kiệm chiều người, thường lo hăng hái quên mình để tính việc cần kíp của nước

---

1. Bấy giờ Tư Mã Thiên làm lang trung lệnh. Đó là một chức quan lớn lo việc coi giấy tờ của nhà vua. Có những người tự thiến mình để được làm, nhưng tác giả chỉ thấy xấu hổ.

2. Nguyên văn : « bất cơ ».

nhà, đó là cái điều chưa chất ở trong lòng ông ta, tôi cho ông ta cái phong thái của người quốc sĩ.

Ôi ! Kẻ làm tôi biết liều trong lúc muốn chết không nghĩ đến sự sống của mình, lao vào nạn nước nhà như thế cũng đã là lạ vậy. Nay chỉ bị một lần hỏng việc, thế mà những người tôi lo giữ thân mình, giữ vợ con, cứ thêu dệt thêm cái lỗi ông ta, tôi lòng riêng thành thực đau xót về việc đó.

Vả chăng, Lý Lăng cầm không đầy năm ngàn bộ binh, tiến sâu vào nơi chiến địa, chân đến nơi sân vua Thiền Vu, như mồi treo miệng hổ, khiêu khích bọn Hồ mạnh. Ngẩng đầu (1) đón lấy quân địch ức vạn, cùng quân Thiền Vu chiến đấu liên tiếp hơn mười ngày, giết được rất nhiều, giặc không kịp cứu người chết, khiêng kẻ bị thương. Các chúa Hung Nô mặc áo cừu run sợ bèn đem tất cả tả, hữu-hiền-vương (2), đem tất cả quân cung nỏ trong nước vây lại mà đánh. Lăng chiến đấu ở ngoài ngàn dặm, tên hết, đường cùng, cứu binh không đến, quân sĩ chết và bị thương chồng chất ! Nhưng Lăng hô lên một tiếng, tất cả quân sĩ đều vùng dậy ! người đầy nước mắt, lau mặt bằng máu, uống bằng nước mắt, lại giơ nắm tay không xông vào nơi mũi nhọn, quay về hướng bắc tranh nhau liều chết với giặc. Khi Lăng chưa bị thua, có sứ về báo tin, các công, khanh, vương, hầu nhà Hán đều nâng chén rượu chúc thọ thiên tử. Mấy ngày sau, nghe tin Lăng thua trận đưa về, chúa thượng vì vậy ăn không biết ngon, ra triều không vui, quan đại thần lo lắng không biết làm thế nào. Tôi trộm không

1. Đất Hồ ở cao nên lúc đánh phải ngẩng đầu lên.

2. Vua Hung Nô gọi là Thiền Vu, dưới Thiền Vu có tả-hiền-vương và hữu-hiền-vương.

tự liệu mình ti tiện, thấy chúa thượng đau xót buồn rầu, lòng muốn bày tỏ nỗi niềm ngu dại, cho rằng Lý Lăng vốn cùng các sĩ, đại phu, chia miếng ngon, chịu phần thiệt, được người ta liều chết hết lòng, tuy danh tướng ngày xưa cũng không hơn được. Thân Lăng tuy hãm vào cảnh thất bại, nhưng xem ý ông ta là muốn có dịp lập công để báo ơn nhà Hán. Việc đã đành như thế rồi nhưng kể công đánh bại quân địch của ông ta, cũng đủ tỏ với thiên hạ. Trong lòng tôi muốn trình bày điều đó, nhưng chưa có dịp. Nhân gặp lúc nhà vua hỏi đến, tôi liền đem ý ấy ra, trình bày công lao của Lăng, muốn chúa thượng mở lượng khoan hồng, và ngăn chặn lời lẽ ghen ghét dèm pha. Tôi chưa nói được hết, chúa thượng không rõ, cho rằng tôi biện bạch hộ cho Lý Lăng, để ngăn trở Nhị Sư (1) bèn giao tôi cho pháp quan trị tội.

Nỗi lòng trung u uất, rốt cuộc vẫn không sao tự trình bày được, do đó mang tội dối chúa thượng, phải xử theo lời của hình quan ! Nhà tôi nghèo không có đủ tiền của để chuộc tội (2), bạn bè không ai cứu, tả hữu thân cận, không ai nói hộ một lời ! Thân mình không phải là gỗ đá, một mình phải chung chạ với bọn pháp lại, ở trong nhà giam âm thầm sâu kín, nỗi lòng biết tỏ cùng ai ? Điều này thì bản thân Thiếu Khanh cũng tự thấy, việc làm của tôi há không đúng sao ?

1. Lý Quảng Lợi là anh ruột của Lý phu nhân bấy giờ được vua yêu làm Nhị Sư tướng quân đánh Hung Nô, Lý Lăng ở dưới sự điều khiển của Lý Quảng Lợi, xin tự cầm một đội biệt kích. Nhà vua nghi Thái Sử Công bè phái với Lăng, chống lại Nhị Sư.

2. Đời Vũ Đế cho người ta đem tiền nộp vào kho để chuộc tội.

Lý Lăng đã cầu sống đầu hàng, gia thanh bị sụp đổ, và tôi lại bị đưa xuống nhà tằm (1) bị thiên hạ chế cười lần nữa. Than ôi, thương thay ! Việc này không thể một hai nói cho bọn tục nhân nghe vậy !

Ông cha tôi không có công được chẻ phù phong tước, viết chữ son để lại. Nghề viết văn, viết sử, xem sao, xem lịch, thì cũng gần với bọn thầy bói thầy cúng, chúa thượng vẫn đùa bỡn, nuôi như bọn con hát, còn thế tục thì vẫn coi thường (2). Giả sử tôi có phạm pháp bị giết, thì cũng như chín con trâu mất một sợi lông, có khác gì sâu kiến, mà thế tục lại không thể sánh với việc tử tiết. Họ chẳng qua chỉ cho rằng vì trí cùng, tội quá nặng không thể gỡ nổi cho nên chịu chết đó thôi. Tại sao vậy ? Đó là vì danh vị của mình khiến như vậy.

Ai cũng có một lần chết. Cái chết có khi nặng hơn núi Thái Sơn, có khi nhẹ hơn lông chim hồng. Đó là vì chỗ cách dùng nó khác nhau mà ra.

Cao nhất thì không làm nhục đến cha ông : thứ nữ thì không làm nhục đến thân mình ; thứ nữa thì không làm nhục đến lý lẽ và dáng mặt ; thứ nữa thì không làm nhục đến lời lẽ. Thứ nữa khuất mình chịu nhục ; thứ nữa đổi áo chịu nhục ; thứ nữa chịu nhục đeo gông cùm, bị roi vọt ; thứ nữa chịu nhục cạo đầu mang xiềng xích ; thứ nữa chịu nhục bị hủy hoại da thịt chặt chân tay. Hèn nhất là việc bị cung hình. Sách có nói : « Hình phạt không đụng đến bậc đại phu ». Đó là nói làm kẻ sĩ phải cố gắng giữ lấy tiết tháo. Con mãnh

1. Người bị cung hình đưa xuống nhà nuôi tằm cho kín gió, sợ nguy đến tính mạng, gọi là nhà tằm.

2. Tư Mã Thiên làm Thái Sử Công ngoài việc viết văn làm sử còn xem sao, xem lịch.

hổ ở trong núi sâu, trăm thú đều sợ hãi ; nhưng khi nó đã vào cạm bẫy ve vẩy cái đuôi để xin ăn, thì cái oai mấy lâu nay đã mất hết ! Cho nên kẻ sĩ có khi vẽ đất làm nhà ngục, mà cũng không thể vào, đẽo gỗ làm pháp lại, mà cũng không chịu đối đáp với nó, đó là vì phải định liệu từ trước.

Nay tôi đã bị trói tay chân, chịu roi vọt, bị giam trong tường ngục. Lúc bấy giờ thấy viên lại coi ngục thì quỳ gối dập đầu xuống đất, thấy bọn lính canh ngục thì lòng lại bồi hồi. Tại sao vậy ? Đó là vì cái uy cũ đã mất, thế đành phải chịu. Đã đến cảnh ấy mà còn nói không nhục, thì thật là hạng mặt dày mày gian mà thôi ! Có gì đáng quý ?

Vả chăng, Tây Bá là bá bị giam ở Dữu Lý, Lý Tư là tướng mắc cả năm hình (1), Hoài Âm làm vương, mang gông ở đất Trần ; Bành Việt, Trương Ngao quay mặt phía nam tự xưng « Cô » (2) đều bị bỏ ngục, chịu tội ; Giáng Hầu giết bọn họ Lữ, quyền nghiêng cả ngũ bá, xưa đã từng bị tù ở Thỉnh Thất (3) ; Ngụy Kỳ là đại tướng, mặc áo tù mang gông ; Quý Bố xích tay làm tên nô lệ cho Chu Gia ; Quán Phu (4) chịu nhục trong dinh thừa tướng. Những người này thân đều làm đến vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, danh tiếng vang lừng đến

1. Năm hình : khắc vào mặt, xẻo mũi, cắt dương vật, chặt chân và chặt đầu.

2. Ý nói được phong tước vương — Ngày xưa vương hầu tự xưng là « cô ».

3. Nơi các quan bị tội nặng ở đó để chờ nhà vua xét xử.

4. Việc Bành Việt xem *Hán Cao Tổ bản kỷ*, việc Giáng Hầu xem *Trần thừa tướng thế gia*, việc Quý Bố xem *Quý Bố Loan Bố liệt truyện*, việc Quán Phu xem *Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện*.

nước láng giềng, nhưng khi mắc vào tội, không thể cả quyết tự sát. Ở trong cảnh trần ai, xưa nay đều như thế, nói là không nhục có được đâu!

Cứ thế mà xem, đủ thấy rõ dũng cảm hay nhút nhát, là ở cái thế mà ra, mạnh hay yếu là ở tình hình mà ra, chứ có gì đáng lạ? Con người ta không thể sớm giữ mình ở ngoài quy tắc, dần dần sa sút lâm vào cảnh roi vọt, khi ấy muốn làm cho ra khí tiết thì sao cho được? Cổ nhân sở dĩ cẩn thận về việc bắt đại phu chịu hình phạt, có lẽ là vì thế. Ôi! nhân tình ai chẳng thích sống ghét chết, nhớ cha mẹ, thương vợ con, nhưng đến khi bị nghĩa lý khích động nên mới phải làm điều cực chẳng đã. Nay tôi không may sớm mất cha mẹ, không có anh em thân thích, chỉ trơ trọi một mình. Thiếu Khanh xem tôi đối với vợ con như thế nào. Vả chăng kẻ dũng không cần phải chịu chết để giữ khí tiết, kẻ nhát gan mến nghĩa, cái gì cũng gắng làm được. Tôi tuy hèn nhát, tham sống, nhưng cũng biết cái lẽ nên chăng, có đâu đến nỗi tự dìm mình vào trong cái nhục gông trói thế này! Kia hạng tỳ thiếp, tôi tớ, còn biết tự quyết, huống tôi lại không làm được sao? Sở dĩ tôi chịu nhục sống vơ vẩn, nín nhịn cố sống ở nơi dơ bẩn mà không từ chối, là vì lòng riêng có điều chưa làm được hết, cho rằng trọn đời rồi mà văn chương không nêu cho đời sau thấy được là một sự nhục.

Người xưa giàu sang mà danh bị vùi dập kể không hết. Chỉ có những người trác việt phi thường là được người ta nhắc đến mà thôi. Văn Vương bị giam diễn giải Chu Dịch, *Trọng Ni gặp nạn làm* Kinh Xuân Thu, *Khuất Nguyên bị đuổi nên ngâm* Ly Tao, *Tả Khâu bị*

mù, nên có Quốc ngữ (1), Tôn Tẫn bị chặt chân, trình bày binh pháp, Bất Vi bị đày sang đất Thục, đất Lữ Lãm (2) còn truyền lại ở đời, Hàn Phi bị tù ở Tần, viết Thuyết nan *và* Cô phẫn *(3),* Kinh Thi *ba trăm thiên phần lớn đều do thánh hiền phát phẫn mà làm ra. Những người này đều có cái uất ức trong lòng không bày tỏ được đạo của mình, cho nên thuật việc cũ để lại cho người sau này vậy. Kia xem Tả Khâu không có mắt, Tôn Tẫn bị chặt chân, trọn đời không thể làm được việc gì, nên lui về viết sách để hả điều căm giận, mong lấy câu văn suông để cho đời biết đến mình. Tôi trộm không chịu nhún nhường, cũng muốn ký thác mình vào những lời tầm thường, tìm kiếm thu nhặt những chuyện cũ bỏ sót trong thiên hạ, xét qua việc làm, tóm tắt trước sau, xét việc thành, bại, hưng, vong, trên từ Hiên Viên (4) dưới đến ngày nay, làm mười biểu, mười hai bản kỷ, tám thư, ba mươi thế gia, bảy mươi liệt truyện, cộng tất cả là một trăm ba mươi thiên. Ý tôi cũng muốn xét trong khoảng trời đất, thấu suốt sự biến đổi từ xưa đến nay, làm thành lời nói của một nhà. Nhưng khởi thảo chưa xong thì gặp phải cái họa này! Tiếc sách chưa xong nên chịu cực hình mà không có vẻ giận. Giá tôi đã làm xong sách ấy rồi, cất giấu nó vào nơi danh sơn, truyền cho con người của nó, phát khắp các ấp lớn, đô thị to, thì tôi cũng xin liều với cái nhục kia, dù bị giết vạn lần cũng có gì là hối hận!*

---

1. Tả Khâu Minh làm sách *Tả Truyện* và sách *Quốc ngữ*.
2. Sách *Lữ Lãm* cũng gọi là *Lữ Thị Xuân Thu*.
3. Thuyết nan, Cô phẫn là hai thiên ở trong sách *Hàn Phi Tử*.
4. Sử Ký bắt đầu từ Hoàng Đế. Người ta còn gọi Hoàng Đế là Hiên Viên (vào khoảng thế kỷ XXVII trước công nguyên).

Thế nhưng điều đó có thể bàn với bậc tri giả chứ khó lòng nói với bọn tục nhân. Vả chăng đã thất bại rồi thì khó ăn nói ở nơi thấp hèn bị lắm kẻ chê bai. Tôi vì nói năng mà mắc cái vạ này, lại thêm bị hàng xóm chê cười, làm nhục cả cha ông, còn mặt mũi nào mà lại bước đến nấm mồ của cha mẹ nữa ? Tuy đến trăm đời cũng chỉ có thêm ô nhục mà thôi.

Cho nên, ruột một ngày chín lần quặn đau, ngồi bàng khuâng như mất cái gì ; đi ra thì không biết đi đâu, mỗi khi nghĩ đến điều nhục đó thì mồ hôi vẫn cứ đầm lưng ướt áo. Thân mình làm quan ở nơi khuê các, muốn ẩn mình vào nơi hang sâu núi thẳm nào được đâu ! Cho nên đành nỗi chìm theo tục, luồn cúi theo đời để mong thỏa được cái điều điên dại này.

Nay tôi được Thiếu Khanh dạy phải cử người hiền tiến kẻ sĩ chẳng phải ngược với cái lòng riêng của tôi sao ? Dù muốn tô vẽ những lời phù phiếm, để tự bào chữa, thì cũng vô ích, thế tục chẳng tin, chỉ thêm nhục nhã ! Dẫu sao đợi đến ngày chết việc phải trái mới định.

Thơ không thể nói hết ý, chỉ bày qua lời lẽ quê mùa. Kính lạy hai lạy (1).

1. Nhâm An nhờ Tư Mã Thiên cứu mình. Tư Mã Thiên tự nhận thấy không thể làm được đành phải bộc lộ hoàn cảnh của mình, tự mạt sát mình. Nói là trả lời, nhưng không phải là trả lời mà là bộc lộ tâm sự.

TẦN THỦY HOÀNG BẢN KỶ

1. TẦN Thủy Hoàng Đế là con của Trang Tương Vương nước Tần (1). Trang Tương Vương làm con tin của Tần ở nước Triệu, thấy người thiếp của Lữ Bất Vi, thích, nên lấy, sinh Thủy Hoàng, vào tháng giêng năm thứ 48 đời Tần Chiêu Vương, ở Hàm Đan, đặt tên là Chính, họ Triệu. Khi lên 13 tuổi, Trang Tương Vương chết, Chính thay, được lập làm Tần Vương (— 247 trước công nguyên).

Lúc bấy giờ Tần đã thôn tính các đất Ba, Thục, Hán Trung, Việt, Uyển ; lại có đất Sính, ở đấy đặt Nam Quận. Miền bắc lấy Thượng Quận trở về phía đông, gồm có các quận Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng ; phía đông đến Huỳnh Dương ; diệt hai nhà Chu, đặt quận Tam Xuyên. Lữ Bất Vi làm thừa tướng được cấp mười vạn hộ làm đất phong, hiệu là Văn Tín Hầu, mời các tân khách du sĩ để lo việc lấy thiên hạ. Lý Tư là xá nhân (2) của Bất Vi. Bọn Mông Ngao, Vương Ỷ, Biểu Công làm tướng... (3).

1. Đó là về danh nghĩa còn trong thực tế thì Thủy Hoàng là con của Lữ Bất Vi. Xem *Lữ Bất Vi liệt truyện*.
2. Xá nhân : những người khách theo hầu một vị quan to để nhờ cất nhắc.
3. Bỏ một đoạn nói về việc Tần đánh lấy thiên hạ trong 25 năm Tần Thủy Hoàng làm vua.

Đoạn 1 — Lai lịch của Tần Thủy Hoàng và tình hình nước Tần khi Thủy Hoàng làm vua.

2. Năm thứ 26 (— 221 trước công nguyên) Tề Vương là Kiến cùng thừa tướng là Hậu Thắng đem quân giữ biên giới phía tây, đoạn tuyệt với Tần. Tần sai tướng quân Vương Bôn đi qua phía Nam nước Yên đánh Tề bắt được vua Tề là Kiến. Tần lần đầu tiên thôn tính được tất cả thiên hạ, ra lệnh cho thừa tướng và ngự sử như sau :

« Trước đây, vua Hàn nộp đất, hiến dâng ấn tín, xin làm bầy tôi ở ngoài rào giậu. Được ít lâu, vua Hàn bội ước, hợp tung với Triệu và Ngụy, phản lại nước Tần. Cho nên ta đem quân tiêu diệt, cầm tù vua Hàn. Quả nhân cho đó là việc tốt, hy vọng có thể dẹp tắt được binh nhung. Vua Triệu sai thừa tướng Lý Mục đến giao ước ăn thề, cho nên ta cho con của vua Triệu đang làm con tin ở Tần về. Được ít lâu, vua Triệu lại bỏ lời thề, phản lại ta ở Thái Nguyên, cho nên ta đem quân tiêu diệt, bắt vua Triệu. Công tử nước Triệu là Gia lại tự lập làm Đại Vương cho nên ta đem quân đánh và tiêu diệt. Vua Ngụy lúc đầu giao ước phục tùng sáp nhập vào Tần, được ít lâu, lại bàn mưu với các nước Hàn, Triệu đánh úp nước Tần, nhưng bị quân quan của Tần giết chết và đánh tan. Vua nước Kinh hiến đất đai từ Thanh Dương về phía tây, được ít lâu lại phản lời ước, đánh Nam Quận của ta, cho nên ta đem binh tiêu diệt, bắt được vua Kinh, sau đó bình định đất Kinh. Vua nước Yên hôn ám làm loạn, thái tử nước Yên là Đan lại ngầm sai Kinh Kha ám sát ta (1), tướng sĩ của ta đánh tiêu diệt nước Yên. Vua Tề dùng mưu kế của Hậu Thắng, cắt đứt liên hệ với Tần và muốn làm loạn. Ta sai quân đánh cầm tù vua Tề, bình định đất Tề (2)

1. Xem *Thích khách liệt truyện* đoạn nói về Kinh Kha.

2. Tóm tắt việc thống nhất thiên hạ, tiêu diệt các nước.

Quả nhân, một người nhỏ bé hưng binh trừ khử bọn bạo nghịch làm loạn. Nhờ uy linh của tôn miếu, sáu nước đều chịu tội, thiên hạ bình định. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không sao xứng với cái công lao đã làm được và truyền cho đời sau. Các ngươi hãy bàn nên đặt hiệu để thế nào.

Thừa tướng là Vương Quán, ngự sử đại phu Phùng Kiếp, đình úy Lý Tư đều tâu :

— Ngũ Đế ngày xưa đất chỉ vuông ngàn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào chầu hay không thiên tử cũng không sao cai quản được. Nay bệ hạ giấy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có, Ngũ Đế đều không bằng. Bọn thần sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với các bác sĩ thấy rằng : Ngày xưa có Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Thái Hoàng, nhưng Thái Hoàng là cao quý nhất. Bọn thần liều chết xin dâng tôn hiệu của nhà vua là Thái Hoàng, mệnh ban ra gọi là « chế », lệnh ban ra gọi là « chiếu », thiên tử tự xưng gọi là « trẫm » (1).

Nhà vua nói :

— Ta bỏ chữ « thái », lấy chữ « hoàng », thêm chữ « đế » của những vị đế thời thượng cổ hiệu gọi là Hoàng Đế còn những điều khác thì như lời các khanh tâu.

1. Các đời trước không dùng danh từ « chế » và « chiếu ». « Chế » quan trọng hơn chiếu, chỉ nhà vua mới được dùng chữ ấy, còn Thái Hậu thì có thì dùng chữ « chiếu » khi thay thế nhà vua trị dân, nếu gọi là « chế » tức là có ý muốn làm vua. « Trẫm » trước là một đại từ chỉ ngôi thứ nhất chung cho mọi người. Sách đạo giáo dùng chữ trẫm để chỉ một lực lượng siêu tự nhiên, một đấng không ai trông thấy. Bọn Lý Tư đề nghị dùng chữ này là vì thế.

Một đạo « chế » ban ra chấp nhận điều đó. Truy tôn Trang Tương Vương là Thái Thượng Hoàng.

Một tờ chế nói :

« Trẫm nghe nói thời Thái Cổ có hiệu nhưng không có hiệu bụt (1). Thời trung cổ có hiệu và sau khi chết người ta căn cứ vào việc làm của nhà vua mà đặt hiệu bụt. Làm như thế tức là con bàn bạc về cha, tôi bàn luận về vua, thật là vô nghĩa. Trẫm không chấp nhận điều ấy. Từ nay trở đi, bỏ phép đặt hiệu bụt. Trẫm là Thủy Hoàng Đế, các đời sau cứ theo số mà tính : Nhị Thế, Tam Thế đến Vạn Thế truyền mãi mãi ».

Thủy Hoàng xét việc năm đức lần lượt thay đổi nhau (2) nên cho nhà Chu được « hỏa đức » nhà Tần thay đức nhà Chu thì phải theo cái đức mà « hỏa » không thắng được. Từ này là « thủy đức » bắt đầu : đổi đầu năm, việc triều cống, chúc mừng đều bắt đầu từ mồng một tháng 10. Áo, quần, cờ tiết, cờ mao (3) đều dùng màu

1. Đời Hạ, đời Thương không có « thụy » tức là « hiệu bụt ». Đến đời Chu mới đặt lệ khi vua chết các quan căn cứ vào hành trạng của vua mà đặt hiệu cho vua, cái đó gọi là hiệu bụt. Do đó vị vua nổi về văn, giáo hóa thì gọi là Văn Vương, có vũ công thì gọi là Vũ Vương, ngu tối, độc ác thì gọi là U Vương, Lệ Vương, v.v...

2. Đời Tần trở đi thịnh hành thuyết ngũ hành. Thuyết này nói vũ trụ do năm yếu tố tạo nên đối lập nhau, thay đổi nhau là : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhà Chu là ứng với yếu tố hỏa, nhà Tần thắng Chu thì tất phải ứng với thủy, vì thủy thắng hỏa. Một khi đã như thế thì màu phải là màu đen (đối lập với hỏa màu đỏ, kim màu trắng), tháng phải là tháng 10, số phải là số 6 nguyên lý trị nước phải là pháp luật v.v...

3. Cờ mao làm bằng lông thú, cờ tiết bằng lông chim.

đen, lấy số 6 làm đơn vị, các phù (1) và các mũ đều dài sáu tấc, trục xe sáu thước, sáu thước làm một bộ, đi xe sáu ngựa, đổi tên sông Hoàng Hà là Đức Thủy vì cho rằng « thủy đức » bắt đầu. Cai trị thì cứng rắn nghiêm nghị, gay gắt, sâu sắc, mọi việc đều dùng pháp luật để quyết định, khắc bạc, không dùng nhân đức, ân nghĩa. Có thế mới hợp với con số năm đức.

Do đó, nhà Tần chú ý gay gắt về pháp luật, trong một thời gian dài không tha tội cho ai.

Bọn thừa tướng Vương Quán nói :

— Chư hầu vừa bị tiêu diệt. Nay các đất Yên, Tề, Kinh đều ở xa nếu không đặt vua thì không làm sao kiềm chế được họ, xin lập các con trong hoàng tộc làm vua. Xin hoàng thượng lập theo ý của mình.

Thủy Hoàng đưa lời tâu ấy xuống cho các quan bàn bạc. Các quan đều cho là tiện, nhưng đình úy (2) Lý Tư nói :

— Vua Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu phong con em cùng họ làm vua rất nhiều, nhưng về sau dòng họ càng ngày càng xa, họ đánh lẫn nhau, xem nhau như thù. Chư hầu càng giết nhau, đánh nhau, thiên tử nhà Chu không làm sao ngăn cấm được. Nay bốn bể đã nhờ thần linh của bệ hạ mà được nhất thống đều làm quận, huyện. Các con và các công thần đã được thu tô và thuế của nhà nước, và được trọng thưởng. Như thế là đủ

1. Phù là cái thẻ để làm tin, vua giữ một nửa và người nhận mệnh lệnh của vua (thường để đi đánh xa) để thực hiện việc gì giữ một nửa. Khi nào nhà vua muốn sai một người thay thế mình thì giao cho người này cái nửa của mình. Nếu hai cái « phù » khớp lại thì đúng thì người đến sau thay thế người đến trước để điều khiển quân đội.

2. Chức quan cao nhất về tư pháp.

lắm rồi. Làm thế thì dễ cai trị : thiên hạ không có ý gì khác. Đó là cái thuật trị an, vậy đặt chư hầu không tiện.

Thủy Hoàng nói :

— Thiên hạ đều khổ vì việc chinh chiến liên miên, đó là do có hầu có vương mà ra. Nay nhờ tôn miếu, thiên hạ vừa mới được bình định mà lại lập các nước lên thì cũng như là tự gây ra binh đao mà muốn được thái bình nghỉ ngơi, chẳng phải là khó lắm sao ? Điều của đình úy nói là đúng (1).

Bèn chia thiên hạ làm 36 quận, đặt các quan thú, úy, giám đổi gọi « dân » là « đầu đen » (2). Mở một bữa tiệc lớn, thu tất cả binh khí trong thiên hạ tập hợp ở Hàm Dương, đúc làm chuông, giá chuông và mười hai người bằng kim khí mỗi người nặng 1.000 thạch, đặt ở trong cung. Thống nhất pháp luật, các cân, phép đo lường, các thạch, trượng, thước ; trục xe đều dài như nhau (3), chữ viết cùng lối như nhau.

Đất đai chạy dài phía đông đến biển và đất Triều Tiên ; phía tây đến Lâm Thao, Khương Trung ; phía nam đến miền cửa nhà quay mặt về hướng bắc (4) ; phía bắc lấy Hoàng Hà làm biên giới và men theo Âm Sơn đến tận Liêu Đông. Sai dời các nhà hào phú trong thiên hạ đến Hàm Dương tất cả 12 vạn nhà. Các miếu cũng như điện

1. Điều này rất quan trọng. Từ Tần Thủy Hoàng trở đi, Trung Quốc về mặt chính trị là thống nhất từ trung ương.

2. Trước gọi là « dân » bây giờ gọi là « đầu đen ».

3. Trước kia xe trận trục dài ngắn khác nhau. Mỗi nước đắp đường vừa đủ cho xe của mình đi, xe nước khác trục dài hơn không thể đi được.

4. Tức là Nhật Nam (miền Quản Nam). Ý nói miền phía nam mặt trời cố nhiên phải mở cửa về phía bắc mới thấy mặt trời.

Chương Đài vườn Thượng Lâm đều ở phía nam sông Vị. Mỗi khi lấy được chư hầu, Tần thường vẽ lại các cung nhất của nước đó rồi dựng lên ở bờ phía bắc Hàm Dương, phía nam các cung điện này nhìn ra sông Vị. Từ cửa Ung Môn về phía đông đến sông Kinh, sông Vị, các điện, các cung thất các đường phức đạo và đường gác (1) liền nhau. Bắt được bao nhiêu người đẹp và chuông trống của chư hầu đều đưa vào đấy.

Năm thứ 27, Thủy Hoàng đi tuần Lũng Tây, Bắc Địa, ra khỏi núi Kê Đầu Sơn đi qua Hồi Trung. Sai xây Tín Cung ở phía nam sông Vị, sau lại đổi tên Tín Cung là Cực Miếu để bắt chước sao Thiên Cực. Từ Cực Miếu có con đường thông lên núi Ly Sơn, sai xây tiền điện Cam Tuyền đắp đường ống (2) chạy mãi đến Hàm Dương. Năm ấy thưởng tước một cấp, làm những con đường nhà vua đi (3).

Năm thứ 28, Thủy Hoàng đi về phía đông đến các quận và các huyện, lên núi Trâu Dịch, dựng đá cùng các nho sinh nước Lỗ bàn việc khắc vào đá để ca tụng công đức nhà Tần và bàn việc phong thiện (4).

1. Phức đạo là đường đi như cầu, bắc từ điện đầu sang điện khác.

2. Con đường hai bên là tường để vua đi không ai thấy. Nó cũng là một kiến trúc phòng ngự thường dùng trong lúc vận chuyển lương thực. Vì có tường nên quân địch khó lòng cướp chặn được đường lương thực.

3. Đường rộng 51 bộ chạy từ thủ đô đến tận biên giới phía đông và phía nam, hai bên trồng cây.

4. Phong thiện là lễ tế trời. Nhà vua sai đắp đất lên một hòn núi cao, thường là núi Thái Sơn để tế. Việc phong thiện thật chỉ bắt đầu từ đời Hán Vũ Đế và tác giả có dành một chương nói tỉ mỉ về việc này (Phong thiện thư).

Đoạn 2 — Những chủ trương chính trị lớn và công cuộc kiến trúc của Tần Thủy Hoàng. Bỏ một đoạn về những bài thơ ca ngợi công đức nhà Tần.

3. Năm thứ 33, Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn đánh lấy đất Lục Lương, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải ; cho những người bị đi đày đến đấy canh giữ. Ở phía tây bắc, đánh đuổi Hung Nô từ Du Trung dọc theo sông Hoàng Hà đi về đông đến Âm Sơn tất cả 34 huyện, xây thành trên sông Hoàng Hà để làm giới hạn. Lại sai Mông Điềm vượt sông Hoàng Hà lấy đất Cao Khuyết, Đào Sơn, Bắc Giả, xây đình và thành lũy ở đấy để đuổi người Nhung và đưa những người bị đày đến đấy để ở và lần đầu những nơi này trở thành huyện. Cấm không được thờ (1). Sao sáng (2) xuất hiện ở phương tây.

Năm thứ 34, đem đày những quan coi ngục không thanh liêm đi xây Trường Thành và đi thú ở đất Nam Việt. Thủy Hoàng đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương, bảy mươi vị bác sĩ đến chúc thọ. Quan bộc dịch Chu Thanh Thần tiến lên ca ngợi :

— Ngày xưa đất Tần chẳng qua nghìn dặm, nay nhờ bệ hạ thần linh sáng suốt nên bình định được bốn biển, đuổi được man di, mặt trời mặt trăng chiếu đến đâu thì nơi ấy theo phục, đuổi các nước chư hầu thành quận, huyện, mọi người thấy yên vui không phải lo về nạn chiến tranh truyền đến vạn đời, từ thượng cổ đến nay, không ai uy đức bằng bệ hạ.

Thủy Hoàng bằng lòng. Thuần Vu Việt, người Tề, làm bác sĩ tiến lên nói ;

1. Câu này có lẽ thiếu một chữ nên văn không rõ.

2. Đây là sao chổi, « điềm » báo có tai họa giặc giã. Trong Sử ký cũng như mọi quyển sử của Trung Quốc thường có những câu đột ngột như vậy.

— Tôi nghe nhà Ân và nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em và công thần làm chi nhánh để giúp đỡ cho mình. Nay bệ hạ có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu (1) nếu bỗng chốc có xảy ra việc như Điền Thường hay lục khanh (2), thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu lẫn nhau được. Trong công việc, không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài thì đó là điều chưa hề nghe nói (3). Nay bọn Thanh Thần lại siểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng. Như thế không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời can của ông ta xuống các quan bàn. Thừa tướng Lý Tư nói :

— Ngũ Đế không lặp nhau. Tam Đại (4) không bắt chước nhau, đời nào trị dân theo cách của đời đó, không phải vì họ phản lại nhau, chính vì thời thế thay đổi cho nên như vậy. Nay bệ hạ lần đầu tiên làm nên nghiệp lớn, dựng lên cái công vạn đời, đó không phải là điều bọn nhà Nho ngu ngốc biết được (5). Vả chăng, điều Thuần Vu Việt nói là những việc của thời Tam Đại, làm sao có thể đủ cho ta bắt chước ? Trước đây, các

1. Ám chỉ vua Tần theo Lý Tư không chia đất cho anh em mà thống nhất tất cả theo lối cai trị theo quận, huyện do các quan lại từ trung ương bổ nhiệm.

2. Điền Thường giết vua Tề. Lục khanh chỉ ba họ lớn ở Tấn là Hàn, Triệu, Ngụy đã cướp nước Tấn, chia làm ba nước.

3. Câu này chứng tỏ Thuần Vu Việt là theo đạo Nho.

4. Ngũ Đế : Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cốc, Nghiêu, Thuấn. Tam đại : Hạ, Thương, Chu.

5. Lý Tư theo lập trường của phái pháp gia nên rất ghét nhà Nho.

nước chư hầu tranh nhau, hậu đãi đón mời những người du thuyết. Nhưng bây giờ thiên hạ đã bình định, luật pháp, mệnh lệnh đều từ một nơi ban ra, trăm họ làm ăn ra sức lo về nghề nông, nghề công, kẻ sĩ thì học tập pháp luật, mệnh lệnh, những điều ngăn cấm. Nay các Nho sinh không theo thời nay mà học thời xưa để chê bai thời nay làm cho bọn « đầu đen » rối loạn, thần Tư này là thừa tướng xin liều chết nói rằng : Ngày xưa thiên hạ phân tán rối loạn không ai thống nhất được. Vì vậy cho nên các chư hầu cùng trị vì một lúc, khi nói thì mọi người đều nói việc xưa làm hại việc nay, trau chuốt những lời nói suông làm loạn việc thực, mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm (1). Nhưng nay Hoàng Đế đã thâu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất được tôn trọng. Những kẻ học Nho theo cái học riêng của mình lại cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều, thì trong bụng chê bai. Ra đường, thì bàn bạc chê vua của mình để lấy danh, làm cho khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ ở dưới phỉ báng. Nếu như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút ; ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin đốt tất cả các sách sử, trừ những sách sử của nhà Tần (2). Trừ những người làm chức

1. Một điều buồn cười là cũng chính Lý Tư trước đây lại dâng một bức thư cho vua Tần can nhà vua đừng đuổi những người du thuyết trong ấy có Tư. Xem *Lý Tư liệt truyện* (quyển 2).

2. Chú ý những ngoại lệ.

bác sĩ, ai cất giấu *Kinh Thư*, *Kinh Thi*, sách vở của trăm nhà thì đều đem đến các quan thú, quan úy mà đốt đi, hai người dám bàn nhau về việc *Kinh Thư*, *Kinh Thi* thì chém giữa chợ, lấy đơi xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Quan lại biết mà không tố cáo, thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đốt sách thì khắc vào mặt cho đi thú đề xây và canh giữ Trường thành. Những sách không bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp luật thì thờ quan lại làm thầy.

Chế của nhà vua nói : « Được ».

Năm thứ 35, sai làm con đường thông từ huyện Cửu nguyên đến đất Vân Dương, đục núi, lấp các khe núi, nhờ vậy đường đi suốt và thẳng. Thủy Hoàng cho rằng ở Hàm Dương người thì đông mà cung đình các vua trước thì nhỏ, nói :

— Ta nghe vua Văn Vương nhà Chu đóng đô ở đất Phong và Vũ Vương đóng đô ở Cảo, miền giữa Phong và Cảo là đô của đế vương.

Bèn sai xây cung để tiếp các triều thần ở phía nam sông Vị. Trong vườn Thượng Lâm trước tiên sai xây cái điện đàng trước của cung A Phòng dài 500 bộ từ đông sang tây, rộng 50 trượng (1) từ nam đến bắc, ở trên có thể ngồi một vạn người, ở dưới có thể cắm cờ cao 5 trượng. Xung quanh sai làm đường gác từ dưới điện chạy thẳng cho đến đỉnh núi Nam Sơn. Sai dựng cái cửa ở núi Nam Sơn để ra vào, làm đường phức đạo từ cung A Phòng vượt qua sông Vị đi mãi đến Hàm Dương để bắt chước con đường của sao Thiên Cực, sao

(1) Một bộ 5 thước. Một trượng 10 thước.

này qua sông Ngân Hà đến tận sao Dinh Thất. Khi cung A Phòng chưa xây xong, nhà vua muốn tìm một cái tên đẹp mà gọi. Vì cung này gần cung thất nhà vua cho nên thiên hạ gọi nó là cung A Phòng (1). Đưa những người bị tội thiến ở Ấn Cung hơn 70 vạn người (2) chia nhau xây cung A Phòng hoặc đắp núi Ly Sơn. Lấy cái quách bằng đá ở núi Bắc Sơn, lấy gỗ từ đất Thục, đất Kinh chở về đến nơi ấy.

Ở Quan Trung, số cung đến 300 cái, ở ngoài Quan Trung hơn 400 cái. Thủy Hoàng bèn sai dựng đá ở bờ biển Đông Hải thuộc đất Cù để làm cửa phía đông của Tần, nhân đấy dời 3 vạn nhà đến Ly Ấp, 5 vạn nhà đến Vân Dương, những nhà này đều được tha việc công dịch mười năm.

Lư Sinh (3) nói với Tần Thủy Hoàng :

— Bọn thần đi tìm cây « chi » là thứ thuốc lạ, nhưng thường không gặp « tiên » (4) xem ra có vật gì cản trở. Trong pháp thuật (5) có phép vi hành để tránh ác quỷ, tránh được ác quỷ thì « chân nhân » mới đến. Nếu kẻ bầy tôi đều biết được nơi nhà vua ở thì có hại đến thần. Bậc « chân nhân » đi vào nước không ướt, đi vào lửa không cháy, bay lên mây, cùng trường thọ với trời đất. Nay nhà vua cai trị thiên hạ vẫn chưa nghỉ ngơi

(I). A có nghĩa là gần.

(2). Con số kinh khủng !

(3). Lư Sinh được Tần Thủy Hoàng phái đi tìm thuốc tiên trước đấy 3 năm.

(4). Khái niệm con người bất tử chỉ xuất hiện từ thời Chiến quốc. Sách Trang Tử gọi là « chân nhân » về sau gọi là tiên.

(5). Nguyên văn « trong những nguyên tắc của những người phương sĩ », phương sĩ là hạng người tương tự như phù thủy, dùng phù phép, ma thuật để mê hoặc người ta.

được chút gì. Xin nhà vua ở cung nào đừng cho ai biết, thì sau đó mới có thể lấy được thuốc bất tử.

Thủy Hoàng nói :

— Ta rất thích bậc « chân nhân ».

Và tự coi là « chân nhân » chứ không gọi là « Trẫm ».

Thủy Hoàng bèn ra lệnh : « Trong vòng hai trăm dặm xung quanh Hàm Dương, 270 cung điện ở đấy có đường phức đạo và đường ống liền nhau ; đem màn trướng, trống chiêng cùng gái đẹp đưa vào các cung không cho xê dịch. Vua đến đâu nếu có kẻ nào nói nơi nhà vua ở thì bị tội chết ».

Thủy Hoàng đến cung Lương Sơn đứng trên núi thấy xe, quân kỵ của thừa tướng rất đông, không bằng lòng. Có kẻ nói với thừa tướng. Sau đó thừa tướng bớt xe và quân kỵ đi.

Thủy Hoàng nổi giận nói :

— Thế nào cũng có người tiết lộ điều ta đã nói.

Khi tra xét thì không ai thú. Nhà vua bèn sai bắt tất cả những người ngồi cạnh lúc nhà vua nói câu đó và giết đi (1). Từ đó về sau, không ai biết nhà vua đi đâu. Khi nghe công việc thì quần thần chỉ nhận được những điều đã quyết định, mọi việc đều giải quyết ở trong cung Hàm Dương.

Hầu Sinh và Lư Sinh bàn nhau :

— Thủy Hoàng tính khí bướng bỉnh, gàn dở, chỉ nghe theo mình. Xuất thân là chư hầu, thâu tóm cả thiên hạ, ý chí tự đắc, muốn gì được nấy, tự cho rằng từ xưa đến nay không ai bằng mình, chuyên dùng bọn pháp quan. Bọn pháp quan được yêu quý, bác sĩ tuy có 70

1. Đời Tần Thủy Hoàng còn có những hành động võ đoán hơn các vua nô lệ thời La mã.

người nhưng chỉ cho đủ số chứ không được dùng. Thừa tướng và các quan đại thần đều nhận được những điều đã quyết định xong còn việc làm là ở nhà vua. Nhà vua thích việc hình phạt chém giết để ra uy. Thiên hạ sợ tội muốn giữ bổng lộc không ai dám hết lòng trung. Nhà vua không nghe nói đến sai lầm của mình nên ngày càng kiêu ngạo. Ở dưới thì sợ nép một bề, nói dối để được dung thân. Theo phép nhà Tần không được làm hai nghề, làm sai là chết ngay. Những kẻ xem sao, khí mây (1) có đến 300 người đều là những người giỏi nhưng đều sợ hãi, trốn tránh a dua, không nói những sai lầm của nhà vua. Công việc trong thiên hạ không kể lớn nhỏ đều do nhà vua quyết đoán. Đến nỗi nhà vua phải lấy thạch (2) mà cân giấy tờ, một ngày một đêm không làm đủ một thạch thì không được nghỉ ngơi. Con người tham quyền thế như vậy không thể nào tìm thuốc tiên cho ông ta được.

Hai người bèn bỏ trốn. Thủy Hoàng nghe nói họ bỏ trốn thì nổi giận, nói :

— Trước đây ta thu các sách trong thiên hạ, sách nào không dùng được thì bỏ đi, sai triệu tập tất cả những người có văn học và những phương sĩ, thuật sĩ rất đông muốn làm cho thiên hạ thái bình. Ta triệu tập bọn thuật sĩ là muốn họ tìm thuốc lạ, nay nghe nói bọn Hàn chúng bỏ đi không báo với ta, bọn Từ Phúc (3) làm ta tốn kém

1. Để đoán điềm lành, điềm dữ.

2. Một thạch nặng 120 cân.

3. Từ Phúc nói với vua ở ngoài biển có ba hòn đảo là Bồng lai, Phương Trượng và Dinh Châu. Tiên ở đấy. Vua cho Phúc đem mấy nghìn người nam nữ trẻ tuổi đi đón tiên về. Từ Phúc cùng họ đi không về nữa.

Truyền thuyết Nhật Bản nói Từ Phúc đến Nhật rồi ở hẳn đấy.

hàng trc vạn, nhưng cuối cùng vẫn không được thuốc, ngày ngày chỉ nghe chúng nói nhau về việc tham lợi riêng của chúng. Bọn Lư Sinh được ta tôn quý, thưởng cho rất nhiều nhưng lại phỉ báng ta để làm nặng điều sai lầm của ta, bọn nhà Nho ở Hàm Dương được ta sai người hỏi thì có kẻ đặt ra những lời nói nhảm để làm loạn bọn « đầu đen ».

Bèn sai ngự sử xét tất cả các nhà Nho. Các nhà Nho tố giác lẫn nhau, có hơn 460 người phạm điều đã cấm. Thủy Hoàng sai chôn sống tất cả ở Hàm Dương, báo cho thiên hạ biết điều đó để làm răn. Sau đó lại sai đày ra biên giới nhiều người bị tội để đi thú.

Con cả của Thủy Hoàng là Phù Tô can :

— Thiên hạ mới được bình định. Những kẻ « đầu đen » ở phương xa vẫn chưa theo ta. Các nho sinh đều học theo Khổng Tử nay bệ hạ dùng pháp luật nặng để trói buộc họ thì thần sợ thiên hạ không yên, xin bệ hạ nghĩ đến điều đó.

Thủy Hoàng nổi giận sai Phù Tô đi lên miền bắc để giám sát Mông Điềm ở Thượng Quận.

Năm thứ 36, sao Huỳnh Hoặc ở vào khu vực của sao Tâm, có ngôi sao rơi xuống Đông Quận. Khi rơi xuống đất thì thành đá. Có bọn « đầu đen » khắc vào đá : « Thủy Hoàng chết thì đất bị chia ». Thủy Hoàng nghe tin ấy, sai ngự sử tra hỏi, nhưng không ai thú, bèn bắt tất cả những người ở gần đấy giết đi, và đốt chảy hòn đá. Thủy Hoàng không vui, sai các bác sĩ làm thơ ca ngợi « tiên » và « chân nhân » cùng những nơi trong thiên hạ mà mình đã đi chơi. Sai nhạc công ca và đàn hát những bài ấy. Mùa thu, sứ giả đang đêm từ Quan Đông đi qua Hoa Âm trên đường Bình Thư. Có người cầm ngọc bích chặn đường sứ giả mà nói :

Sau đó, trở về, đi qua đất Ngô theo sông Trường Giang qua đò ở Giang Thặng và đi dọc theo bờ biển lên phía bắc đến đất Lang Gia.

Bọn phương sĩ Từ Phúc ra ngoài biển tìm thuốc thần mấy năm không được, tốn kém rất nhiều. Chúng sợ bị trừng trị bèn lừa dối nói rằng thuốc của Bồng Lai có thể lấy được, nhưng bị con cá giao lớn làm khổ cho nên không đến được, xin nhà vua cấp cho người thiện xạ cùng đi, lấy cái nỏ bắn nhiều phát một lúc để bắn. Thủy hoàng nằm mơ thấy mình đánh nhau với thần biển hình người. Bèn hỏi người đoán mộng.

Bác sĩ nói :

— Thủy thần không thể trông thấy nên hiện thành con cá giao. Xin nhà vua cầu khấn, thờ phụng có đủ lễ vật thì mới trừ được thứ thần ác và làm cho thần thiện có thể đến được.

Nhà vua bèn sai người ra biển mang đồ bắt cá lớn, còn tự mình cũng làm nỏ bắn nhiều phát một lúc, chờ khi nào cá lớn xuất hiện thì bắn. Nhà vua đi từ Lang Gia về phía bắc đến núi Huỳnh Thành nhưng không thấy cá. Đến Chi Phù thì thấy cá lớn, giết chết một con. Sau đó đi dọc theo đường biển. Khi đi về phía tây đến bến Bình Nguyên thì bị bệnh.

Thủy Hoàng ghét người ta nói đến việc chết, cho nên quần thần không ai dám nói với nhà vua về việc chết. Khi bệnh càng nặng nhà vua bèn viết thư đóng dấu của vua gửi đến công tử Phù Tô nói : « Con về Hàm Dương với đám tang, và chôn cất ta ở đấy ». Bức thư đã niêm phong ở trong phủ trung xa thuộc quyền Triệu Cao. Bức thư có dấu của nhà vua làm tin chưa giao cho sứ

— Ông làm ơn đưa viên ngọc này cho Hạo Trì. Nhân đấy nói rằng : năm nay thì Tổ Long chết.

Sứ giả hỏi :

— Tại sao ?

Người ấy biến mất để lại viên ngọc bích ở đấy. Sứ giả cầm ngọc bích kể lại đầu đuôi cho nhà vua nghe, Thủy Hoàng nín lặng hồi lâu nói :

— Quỷ núi chẳng qua chỉ biết việc xảy ra trong một năm mà thôi.

Khi vào cung nói :

— Tổ Long (1) đó là tổ tiên của người.

Vua sai ngự phủ xem ngọc bích thì đó là viên ngọc nhà vua để chìm khi vượt qua Trường Giang năm thứ 28. Thủy Hoàng sai bói, trong quẻ nói : « Đi chơi thì tốt ». Thủy Hoàng bèn sai dời 3 vạn nhà đến Du Trung ở Bắc Hà, thưởng cho các quan thêm một cấp (2).

4. Tháng mười năm thứ 37 (211 trước công nguyên) ngày quý sửu, Thủy Hoàng đi chơi, tả thừa tướng Lý Tư đi theo, hữu thừa tướng Khứ Tật ở nhà. Hồ Hợi, con nhỏ của Thủy Hoàng, được nhà vua yêu mến xin đi theo, vua bằng lòng. Tháng 11, đi đến Vân Mộng, tế vua Thuấn ở núi Cửu Nghi, đi thuyền qua sông Trường Giang xem Tích Kha vượt qua bãi ngoài biển, qua Đan Dương đến Tiền Đường, đi đến Chiết Giang gặp lúc sóng to nên đi về phía tây một trăm hai mươi dặm, qua sông ở nơi dòng sông hẹp, lên Cối Kê tế vua Vũ, nhìn ra biển Nam Hải dựng đá khắc công đức nhà Tần (3).

1. Tổ là đầu cũng như Thủy. Long là chỉ nhà vua. Tổ Long cũng như Thủy Hoàng.

2. Đoạn 3 — Cách Thủy Hoàng đối xử với đạo Nho, bách gia và bọn phương sĩ.

3. Bỏ một đoạn gồm những bài thơ ca ngợi.

giả thì, ngày bính dần tháng bảy, Thủy Hoàng chết ở Bình Đài thuộc đất Sa Khâu (1).

5. Thừa tướng Lý Tư thấy nhà vua chết ở xa kinh đô, sợ các công tử và thiên hạ có biến loạn, bèn giấu kín điều đó, không báo tang, chở quan tài trong một cái xe mát (2), cho một người hoạn quan được vua yêu ngồi trong xe, đến đâu thì dâng thức ăn, trăm quan vẫn tâu việc như thường. Viên hoạn quan ở trong xe nghe lời tâu liền bảo : « Được ! » Chỉ có Hồ Hợi, Triệu Cao và một vài hoạn quan thân tín của nhà vua, tất cả có năm sáu người biết là nhà vua đã chết.

Triệu Cao trước đây đã có lần dạy Hồ Hợi học viết cùng với pháp luật, mệnh lệnh. Hồ Hợi yêu quý Triệu Cao. Triệu Cao bèn cùng công tử Hồ Hợi và thừa tướng Lý Tư âm mưu phá hủy bức thư của Thủy Hoàng gửi cho công tử Phù Tô mà bịa đặt thành ra chuyện thừa tướng Lý Tư đã nhận được tờ chiếu của Thủy Hoàng ở Sa Khâu trước khi chết bảo lập Hồ Hợi làm thái tử. Lại làm một bức thư khác gửi cho công tử Phù Tô và Mông Điềm kể tội hai người, ra lệnh cho hai người phải chết. Câu chuyện này nói kỹ trong truyện Lý Tư (3). Xe đi từ Tỉnh Hình đến Cửu Nguyên. Gặp lúc trời nắng, chiếc xe mát phát ra mùi thối, bèn sai các quan đi theo chở trên xe một thạch cá muối để đánh lẫn mùi thối (4). Đi theo đường thẳng đến Hàm Dương, báo tang.

1. Đoạn 4 — Cái chết của Thủy Hoàng.

2. Xe có cửa mở ra thì mát, đóng lại thì ấm.

3. Xem *Lý Tư liệt truyện* đoạn nói về âm mưu của Triệu Cao hết sức sinh động (xem quyển II).

4. Nhận xét tuy nhỏ nhưng rất mỉa mai.

Thái tử Hồ Hợi lên nối nghiệp làm Nhị Thế Hoàng Đế.

Tháng 9, chôn Thủy Hoàng ở Ly Sơn. Khi Thủy Hoàng mới lên ngôi đã sai đào núi Ly Sơn. Đến khi thôn tính được thiên hạ, thì dời hơn 70 vạn người trong thiên hạ đào ba con suối, ở dưới đổ đồng và đưa quách vào. Đem những đồ quý báu của các cung, của trăm quan xuống cất đầy ở dưới. Lại sai thợ làm máy bắn tên có ai đào đến gần thì bắn ra. Sai lấy thủy ngân làm một trăm con sông, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà và biển lớn. Các máy móc làm cho nước sông và biển chảy vào nhau. Ở trên có đủ thiên văn, ở dưới có đủ địa lý, lấy dầu cá nhân ngư (1) để thắp đuốc, trù tính thế nào để cháy lâu không tắt.

Nhị Thế nói :

— Những người ở hậu cung của tiên đế nếu không có con mà cho ra ngoài thì không tiện.

Sai chôn theo tất cả. Số người chết rất nhiều. Sau khi chôn cất xong, có người nói : những người thợ làm máy và cất giấu đều biết chỗ cất giấu, thế nào họ cũng tiết lộ việc lớn. Cho nên sau khi cất giấu xong, sai đóng đường hầm đi đến huyệt, lại sai đóng cửa ngoài đường hầm. Những người thợ và những người cất giấu của cải không làm sao thoát ra được (2). Rồi sai trồng cây, trồng cỏ lên trên để có vẻ như cái núi (3).

6. Năm thứ nhất, đời Nhị Thế Hoàng Đế (209 trước công nguyên) Nhị Thế lên ngôi lúc 21 tuổi. Triệu Cao làm lang trung lệnh được tin dùng. Nhị Thế ra chiếu sai

1. Con hải báo.

2. Khái niệm về người đối với Nhị Thế cũng như là súc vật.

3. Đoạn 5 — Những biến cố xảy ra sau khi Thủy Hoàng chết.

tăng thêm các vật tế ở miếu Tần Thủy Hoàng cũng như nghi lễ tế các thần núi, thần sông. Ra lệnh cho quần thần bàn việc suy tôn miếu của Thủy Hoàng. Quần thần đều dập đầu nói :

— Ngày xưa thiên tử có bảy miếu, chư hầu có năm miếu, đại phu có ba miếu, tuy đến vạn đời cũng không bỏ cái lệ ấy. Nay Thủy Hoàng làm Cực miếu, trong bốn biển đều hiến cống vật, tặng các vật tế, lễ rất đầy đủ, không còn thêm gì được nữa. Miếu của tiên vương hoặc ở Tây Ung hoặc ở thành Hàm Dương. Thiên tử theo nghi lễ chỉ nên hiến rượu ở miếu Thủy Hoàng thôi.

Bỏ tất cả nhóm bảy miếu xây từ Tương Công trở xuống (1). Quần thần đều theo lễ đến cúng để tôn miếu của Thủy Hoàng làm tổ miếu của các vị đế. Nhà vua lại tự xưng là « trẫm »

Nhị Thế bàn với Triệu Cao :

— Trẫm tuổi còn nhỏ mới lên ngôi, bọn « đầu đen » chưa theo. Tiên đế trước đây đi tuần hành các quận và các huyện để tỏ uy thế làm bốn biển phục tùng. Nay nếu trẫm để yên không tuần hành tức là tỏ ra mình yếu không làm cho thiên hạ thần phục.

Mùa xuân, Nhị Thế đi về hướng đông đến các quận các huyện, Lý Tư đi theo đến Kiệt Thạch ; Nhị Thế đi theo bờ biển phía nam đến Cối Kê rồi khắc lên tất cả những cái bia Thủy Hoàng đã dựng nên. Bên cạnh những cái bia này, dựng một cái bia viết tên các vị quan to đi theo để nêu cao công lao và đức lớn của tiên đế.

1. Mỗi vua chết đi xây bảy miếu để thờ, làm thành một nhóm bảy miếu. Làm như vậy là hủy bỏ các miếu từ trước của các vua chỉ giữ những miếu thờ Thủy Hoàng.

Hoàng Đế nói : Những điều khắc trên vàng trên đá đều là những điều Thủy Hoàng Đế đã làm, ta nay tuy nối tước hiệu của người, nhưng những lời khắc trên vàng, trên đá đều còn rất xa không thể sánh với công đức của người. Những người làm vua sau này nếu khắc thì chớ sánh ngang với công lao và đạo đức to lớn của người.

Thừa tướng Lý Tư, Khứ Tật, ngự sử đại phu là Đức liều chết nói :

— Chúng tôi xin khắc chiếu thư này ở khắp nơi và khắc lên đá để cho sáng rõ. Chúng tôi liều chết xin làm thế.

Chế đưa ra nói : « Được ».

Nhị Thế đến Liêu Đông rồi trở về.

Nhị Thế bèn theo mưu mô Triệu Cao tăng thêm nhiều luật lệ mệnh lệnh. Nhị Thế bàn mưu với Triệu Cao:

— Các quan đại thần không phục, quan lại còn mạnh, các công tử thế nào cũng tranh nhau với ta. Bây giờ nên làm thế nào ?

Triệu Cao nói :

— Thần vốn muốn nói điều ấy đã lâu nhưng chưa dám nói. Các quan đại thần của tiên đế, đều là những người có danh tiếng và quyền quý đã mấy đời, công lao chồng chất truyền lại đời đời. Nay Cao vốn là người hèn mọn được bệ hạ thương đến cho làm ở địa vị trên, lo những công việc quan trọng nhất, các quan đại thần đều bực bội chỉ theo thần ngoài mặt chứ trong lòng thực không phục. Nay bệ hạ đi ra, không nhân cơ hội này xét những người làm thú, làm úy trong các quận, các huyện, thấy người nào có tội thì giết đi, trước hết để ra oai với thiên hạ, sau đó để trừ những người bình

sinh bệ hạ không thích. Trong lúc này không thể theo văn mà phải dùng võ lực để quyết định, xin bệ hạ theo thời mà làm đừng nghi ngờ gì và quần thần không được bàn bạc. Vị vua sáng thu nhận, cất nhắc những người dân hèn ; người nào hèn thì cho họ được sang ; người nào nghèo thì cho họ được giàu ; người nào xa thì cho họ được đến gần. Làm như thế, trên dưới sẽ theo mà nước được an.

Nhị Thế nói :

— Phải đấy !

Bèn giết các quan đại thần và các công tử, tội lỗi liên luỵ đến những viên quan nhỏ hầu hạ nên họ cũng đều bị giết. Các quan tam lang (1) không còn ai sống sót, sáu vị công tử bị giết ở đất Đỗ. Công tử Tương Lư anh em ba người bị tù ở trong nội cung, bị luận tội sau cùng. Sau đó Nhị Thế sai sứ giả bảo với Tương Lư :

— Công tử không làm tròn phận sự bầy tôi, tội đáng chết, quan lại đến thi hành pháp luật.

Tương Lư nói :

— Nghi lễ trong triều tôi chưa bao giờ không theo, ngôi thứ ở chốn miếu đường tôi chưa bao giờ dám làm sai, nhận mệnh lệnh và ứng đối tôi chưa bao giờ dám lỡ lời. Bảo không làm nhiệm vụ bầy tôi là thế nào xin ông cho biết tội để rồi chịu chết ?

Sứ giả nói :

— Tôi không được bàn việc ấy, chỉ mang thư đến đây làm tròn phận sự.

Tương Lư bèn ngẩng đầu lên trời kêu to ba tiếng : « Trời ơi ! Ta không có tội ! » Anh em ba người đều khóc và tuốt kiếm tự sát.

1. Những người làm trung lang, ngoại lang, tán lang.

Cả tôn thất run sợ, quần thần ai can ngăn thì phạm tội phỉ báng. Các quan đại thần thì lo giữ lộc để được yên thân, những kẻ « đầu đen » thì sợ hãi.

Tháng 4, Nhị Thế trở về đến Hàm Dương nói :

— Tiên đế cho triều đình ở Hàm Dương nhỏ, nên sai xây cung A Phòng. Nhà cửa chưa xong thì mất. Người ta bỏ việc ấy lo đổ đất lại lên Ly Sơn (1). Công việc ở Ly Sơn đã xong. Nay nếu ta bỏ cung A Phòng không làm thì tức là nêu rõ việc làm của tiên đế là sai lầm.

Vì vậy lại làm cung A Phòng, để bên ngoài ra uy với tứ di (2), như kế của Thủy Hoàng. Sai trưng tập tất cả những kẻ bần giỏi gồm năm vạn người lập đồn để bảo vệ Hàm Dương. Sai dạy bắn. Lúc bấy giờ phải nuôi chó, ngựa, chim muông rất nhiều, việc cung cấp không đủ. Nhà vua sai các quận và các huyện chuyên chở đỗ, lúa, cỏ, rơm, người nào cũng phải thân hành mang lương thực mà ăn, không được ăn gạo trong vòng 300 dặm của thành Hàm Dương. Pháp luật lại càng nghiêm ngặt (3).

6. Tháng 7, bọn lính thú là Trần Thắng (4) làm phản ở đất Kinh ngày trước, hiệu là « Trương Sở ». Trần Thắng tự lập làm vua Sở. Thắng ở đất Trần sai các tướng đi chiêu hàng các nơi. Những người trai tráng ở

1. Ý nói hoãn việc xây A Phòng để xây lăng cho Thủy Hoàng. Vì xây lăng thì phải đào đất bỏ quan tài xuống rồi lại đổ đất lên nên nói đổ đất lại.

2. Danh từ chung để chỉ những dân tộc ở ngoài địa bàn Trung Quốc.

3. Đoạn 5 — Nhị Thế nghe theo Triệu Cao lại càng thiên về việc giết tróc, đàn áp và xây dựng cung thất.

4. Xem *Trần Thiệp thế gia*.

các quận, các huyện Sơn Đông (1) bị khổ sở vì bọn quan lại nhà Tần đều giết bọn thú, úy, lệnh, thừa (2) làm phản để hưởng ứng Trần Thiệp lập nhau làm hầu, vương, liên hợp với nhau đi về hướng tây, lấy danh nghĩa đánh Tần, đông không kể xiết. Quan yết giả từ hướng đông lại báo với Nhị Thế về việc dân làm phản. Nhị Thế nổi giận giao yết giả cho quan lại trừng trị. Sau đó có sứ giả đến, nhà vua hỏi thì họ đều nói :

— Bọn ăn trộm đang bị các thú và các uý ở quận đuổi bắt, bây giờ đã bắt hết không cần phải lo nữa.

Nhà vua bằng lòng.

Vũ Thần tự lập làm Triệu Vương, Ngụy Cữu làm Ngụy Vương. Điền Đam làm Tề Vương. Bái Công nổi dậy ở đất Bái. Hạng Vũ dấy binh ở Cối Kê.

Năm thứ 2 (208 trước công nguyên) mùa đông, Trần Thiệp sai bọn Chu Chương đem binh đi về hướng tây (3) đến đất Hy, binh mấy mươi vạn, Nhị Thế hoảng sợ bàn với quần thần :

— Bây giờ làm thế nào ?

Chương Hàm làm Thiếu Phủ nói :

— Bọn giặc đã đông và mạnh. Nay nếu đem binh ở các huyện đến thì không kịp nữa. Những người bị đày phải làm ở Ly Sơn rất đông xin tha cho họ, giao cho họ binh khí để đánh giặc.

---

1. Chú ý Sơn Đông ở đây là chỉ miền đất ở phía đông núi Hào Sơn tức là tất cả sáu nước, còn miền đất ở phía tây tức là nước Tần chứ không phải Sơn Đông bây giờ.

2. Trong một quận có quan thú coi việc chính trị, quan úy coi về quân sự. Trong một huyện có lệnh và dưới lệnh có thừa. Đây nói giết những người cầm đầu các quận và các huyện.

3. Vì Tần ở phía tây nên hễ nói đi về hướng tây, sang tây là đi về hướng nước Tần, còn đi về đông, sang đông là đi về các nước khác.

Nhị Thế liền đại xá thiên hạ, sai Chương Hàm cầm quân phá quân của Chu Chương. Chu Chương bỏ chạy. Sau đó giết Chu Chương ở Tào Dương. Nhị Thế lại sai thêm trưởng sử là Tư Mã Hân và Đồng Ế giúp Chương Hàm đánh quân giặc, giết Trần Thắng ở Thành Phụ, phá tan quân của Hạng Lương ở Định Đào, tiêu diệt quân của Ngụy Cữu ở Lâm Tế. Các danh tướng của giặc ở đất Sở đều đã chết rồi, Chương Hàm bèn đem quân đi về hướng bắc vượt Hoàng Hà để đánh vua Triệu là Yết ở Cự Lộc.

Triệu Cao nói với Nhị Thế :

— Tiên đế cai trị thiên hạ đã lâu cho nên quần thần không dám làm bậy. Nhưng bệ hạ bây giờ còn trẻ, mới lên ngôi, lẽ nào lại bàn bạc công việc ở triều đình với các công khanh, lỡ ra mà có điều sai sót tức là để lộ chỗ kém của mình cho quần thần thấy. Thiên tử tự gọi là « trẫm » nghĩa là người ta không nghe tiếng nói.

Do đó Nhị Thế thường ở trong cung cấm quyết định mọi việc với Triệu Cao. Về sau các công khanh ít khi được triều kiến.

Giặc cướp ngày càng nhiều, binh của Quan Trung đưa ra hướng đông để đánh giặc cứ phải đi mãi không thôi. Hữu thừa tướng là Khứu Tật, tả thừa tướng là Lý Tư, tướng quân là Phùng Kiếp can nhà vua nói : « Ở Quan Đông bọn giặc nhao nhao nổi lên, Tần đem quân trừ khử giết cũng rất nhiều nhưng vẫn không thôi. Giặc phần lớn là những người đi thú và lo vận chuyển trên cạn dưới nước, họ làm giặc vì việc xây đắp khổ cực vì thuế má nặng. Xin đình việc xây đắp ở cung A Phòng, giảm bớt lính thú ở các biên giới.

Nhị Thế nói :

— Ta nghe Hàn Phi (1) nói, Nghiêu, Thuấn có kèo nhà bằng gỗ, đẽo mà không bào, tranh mái nhà không cắt phẳng, uống chén đất, ăn bát bằng sành, một người giữ cửa ăn cũng không đến nỗi kém như thế. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho nước ứ đọng ở sông Hà đi ra biển. Thân mình mang thuổng để đắp đất, chân không còn lông, dù bọn tôi tớ và bọn tù cũng không khổ sở đến thế. Con người có thiên hạ sở dĩ được tôn quý là vì có thể làm thỏa chí, theo sở thích của mình, muốn gì được nấy. Nhà vua cứ làm cho những pháp luật rõ ràng thì ở dưới không ai dám làm điều bậy, và như vậy, là khống chế được thiên hạ. Các vua như vua Thuấn, vua Vũ tuy có cái địa vị cao sang là làm thiên tử, nhưng thực ra họ ở nơi cùng khổ để nêu gương cho trăm họ. Như thế có gì đáng bắt chước ? Trẫm được tiếng là Vạn Thặng (2) nhưng thực ra không có. Ta muốn làm một đoàn xe nghìn cỗ để đi, theo sau là một vạn cỗ, để xứng với tôn hiệu của ta. Vả chăng, tiên đế nổi lên từ địa vị chư hầu rồi thôn tính thiên hạ. Thiên hạ đã được bình định rồi lại đuổi tứ di ở bên ngoài để giữ an biên giới, xây cung thất để nêu cao ý thích của mình. Người xem công nghiệp của tiên đế đã được tiếp tục như thế nào. Nay ta lên ngôi trong vòng hai năm, bọn giặc nổi lên, nhà ngươi không cấm được họ lại muốn bỏ điều tiên đế làm, như thế thì trước hết không có gì báo ơn tiên đế, sau nữa không tận trung hết sức với trẫm, còn giữ chức làm gì !

1. Hàn Phi là một du thuyết nổi tiếng chủ trương thuyết dùng pháp luật trị nước gọi là phái pháp gia. Vì Lý Tư ghen tài nên xúi nhà vua giết chết. Nhắc lại lời của Hàn Phi là ý chế nhạo Lý Tư.

2. Theo quy chế nhà Chu, thiên tử có thể có một vạn cỗ xe cho nên nói thiên tử người ta thường gọi là « vạn thặng ».

Bèn giao cho quan lại bắt Khứ Tật, Lý Tư, Phùng Kiếp, xét các tội khác. Khứ Tật và Phùng Kiếp nói :

— Kẻ làm đến tướng quân và thừa tướng không chịu nhục.

Bèn tự sát. Lý Tư bị tù và chịu năm hình phạt (1)

Năm thứ 3 đời Tần Nhị Thế, Chương Hàm cầm quân vây thành Cự Lộc, thượng tướng quân của Sở là Hạng Vũ cầm đầu quân Sở đến cứu Cự Lộc. Mùa đông, Triệu Cao làm thừa tướng, xét án Lý Tư rồi giết Lý Tư. Mùa hạ, bọn Chương Hàm đánh bị thua mấy lần, Nhị Thế cho người đến trách Chương Hàm, Chương Hàm sợ, sai trưởng sử là Tư Mã Hân đến trình việc. Triệu Cao không cho tiếp kiến, lại tỏ ra nghi ngờ. Tư Mã Hân sợ bỏ trốn. Triệu Cao sai người đuổi theo nhưng không bắt được. Tư Mã Hân đến gặp Chương Hàm nói :

— Ở trong triều, Triệu Cao hoành hành, tướng quân có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết.

Hạng Vũ đánh quân Tần rất gấp, cầm tù Vương Ly. Bọn Chương Hàm bèn đem binh đầu hàng chư hầu (2).

7. Tháng tám ngày kỷ hợi, Triệu Cao muốn làm phản nhưng sợ quần thần không nghe, nên trước tiên phải thử. Y dâng Nhị Thế một con hươu, và bảo rằng đó là con ngựa.

Nhị Thế cười nói :

— Thừa tướng lầm đấy chứ ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa ? Nhị Thế hỏi các quan xung quanh. Những người xung quanh im lặng, có người nói là « ngựa » để vừa lòng Triệu Cao, cũng có người nói là « hươu ».

1. Khắc chữ vào mặt, cắt mũi, chặt hai chân, đánh chết chặt đầu, bêu thây ngoài chợ.

2. Đoạn 6 — Dân chúng nổi dậy, quân Tần thua to.

Nhân đấy Triệu Cao để ý những người nào nói là « hươu » để dùng pháp luật trị tội. Sau đó quần thần đều sợ Cao.

Trước đấy Cao thường nói : « Bọn ăn trộm ở Quan Đông không làm được gì ». Nhưng đến khi Hạng Vũ đã cầm tù được tướng Tần là Vương Ly ở chân thành Cự Lộc và đem quân tiến đánh, bọn Chương Hàm bị thua trận rút lui, dâng thư xin tiếp viện, các nước Yên, Triệu, Tề, Sở, Hàn, Ngụy đều lập vua, từ Quan Trung về phía đông phần lớn nhân dân đều chống lại quan lại nhà Tần, hưởng ứng theo chư hầu, chư hầu đều đem tất cả nhân dân đi về hướng tây. Bái Công cầm mấy vạn quân đã làm cỏ thành Vũ Quan, cho người bàn riêng với Triệu Cao. Triệu Cao sợ Nhị Thế giận giết cả mình bèn cáo bệnh không đi chầu. Nhị Thế nằm mộng thấy con hổ trắng cắn chết con ngựa bên trái trong cỗ xe của nhà vua trong lòng không vui. Nhị Thế lấy làm lạ, hỏi người bói mộng.

Người bói mộng nói :

— Nguồn gốc của tai họa là do sông Kinh.

Nhị Thế bèn ăn chay ở « Vọng Di Cung » muốn cúng sông Kinh, dìm bốn con ngựa trắng xuống sông và sai sứ giả trách Triệu Cao về việc giặc cướp. Triệu Cao sợ bèn bàn mưu với người rể là Diêm Nhạc làm quan lệnh ở Hàm Dương và em của Triệu Cao là Triệu Thành và nói :

— Nhà vua không nghe lời can ngăn. Nay việc đã gấp, nhà vua muốn quy tội cho chúng ta. Ta muốn thay đổi vua lập công tử Anh. Tử Anh là người nhân đức, cần kiệm, trăm họ đều kính trọng lời nói của ông ta.

Triệu Cao liền sai lang trung lệnh làm nội ứng giả vờ báo cáo có giặc lớn, sai Diêm Nhạc triệu tập các tướng đem quân đuổi giặc. Ép mẹ của Diêm Nhạc đưa vào nhà của Cao (1) sai Diêm Nhạc cầm hơn một nghìn người đến cửa « Vọng Di Cung ». Nhạc trói người vệ binh giữ cung và các bộc xạ (2) mà nói :

— Quân giặc đã vào thành tại sao không ngăn cản chúng lại.

Viên quan giữ thành nói :

— Ở những nhà xung quanh thành tôi đã bố trí binh sĩ rất cẩn thận làm sao lại có giặc dám vào cung được ?

Diêm Nhạc bèn chém quan giữ thành, đem quân đi vào, vừa đi vừa bắn. Các quan lang và bọn hoạn quan hoảng hốt, có người bỏ chạy, có người kháng cự. Ai kháng cự thì chết, chết tất cả mấy mươi người. Lang trung lệnh và Diêm Nhạc đều bước vào, bắn vào cái màn Nhị Thế ngồi.

Nhị Thế nổi giận gọi những người hầu đến. Mọi người đều hoảng sợ không dám chống cự, chỉ có một viên hoạn quan hầu ở bên cạnh không dám bỏ đi. Nhị Thế bước vào cuối trướng nói :

— Tại sao nhà ngươi không báo với ta từ trước để đến nỗi gặp tình cảnh này ?

Viên hoạn quan nói :

— Thần sở dĩ được sống là nhờ không dám nói. Nếu nói trước thì thần đã bị giết rồi, làm sao còn sống đến ngày nay được ?

---

1. Vì sợ Diêm Nhạc phản mình, nên phải nắm lấy mẹ y làm con tin.

2. Chức quan võ nhỏ.

Diễm Nhạc tiến đến trước mặt Nhị Thế mắng :

— Túc hạ kiêu ngạo ngang ngược, giết người, vô đạo, thiên hạ đều phản lại túc hạ. Túc hạ tự liệu xem mình nên như thế nào ?

Nhị Thế nói :

— Ta có được gặp mặt thừa tướng hay không ?

— Không được !

— Ta muốn làm vua một quận.

Diễm Nhạc không cho, Nhị Thế đành nói :

— Muốn làm vạn hộ hầu.

Cũng không cho, Nhị Thế nói :

— Xin làm bọn « đầu đen » với vợ con cũng như các công tử khác.

Diễm Nhạc nói :

— Tôi vâng lệnh thừa tướng vì thiên hạ giết túc hạ. Tuy túc hạ có nhiều lời, tôi cũng không dám bảo lại.

Diễm Nhạc vẫy cờ cho binh sĩ tiến đến. Nhị Thế tự sát. Diễm Nhạc quay về báo với Triệu Cao. Triệu Cao bèn triệu tập tất cả các công tử và các đại thần báo việc giết Nhị Thế, nói :

— Nguyên trước Tần là một vương quốc, Thủy Hoàng làm vua cả thiên hạ nên xưng đế. Nay sáu nước lại tự lập, đất đai của Tần càng nhỏ đi, làm đế là chỉ có cái tên hão mà thôi, như thế không nên, nên làm vương như trước.

Bèn lập con người anh của Nhị Thế là công tử Anh làm Tần Vương, sai chôn Nhị Thế theo lễ một thường dân ở phía nam đất Đỗ trong vườn Nghi Xuân, bảo

Tử Anh, trước khi ra miếu để nhận ấn làm vua, phải ăn chay năm ngày (1).

8. Tử Anh bàn với hai người con :

— Thừa tướng Triệu Cao giết Nhị Thế ở « Vọng Di Cung » sợ bị quần thần giết nên giả vờ lập ta. Ta nghe nói Triệu Cao đã giao ước với Sở tiêu diệt dòng họ nhà Tần và làm vương ở Quan Trung. Nay ông ta bảo ta ăn chay ra miếu tức là muốn nhân đấy giết ta ở trong miếu. Ta cáo bệnh không đi, thừa tướng thế nào cũng thân hành đến, khi đến thì ta sẽ giết.

Triệu Cao sai người mời Tử Anh mấy lần. Tử Anh không đi. Quả nhiên, Triệu Cao thân hành đến nói :

— Việc tôn miếu là việc quan trọng. Tại sao nhà vua lại không đi ?

Tử Anh bèn cầm giáo đâm chết Triệu Cao ở trai cung, giết ba họ (2) Triệu Cao để nêu gương cho dân Hàm Dương.

Tử Anh làm vua Tần được bốn mươi sáu ngày thì tướng Sở là Bái Công đã phá quân Tần vào Quan Trung, sau đó đến Bái Thượng sai người bảo Tử Anh đầu hàng. Tử Anh bèn buộc dây ấn vào cổ (3) ngồi trên một chiếc xe gỗ không sơn do một con ngựa trắng kéo (4) mang ấn, phù của thiên tử đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Bái Công bèn vào Hàm Dương niêm phong cung thất, các kho rồi về đóng quân ở Bái Thượng. Được hơn một tháng thì quân chư hầu đến, Hạng Tịch cầm đầu chư hầu giết Tử Anh và các công tử của Tần, diệt dòng họ nhà Tần,

1. Đoạn 7 — Nhị Thế bị Triệu Cao giết.
2. Cha mẹ, anh em, vợ con. Có sách nói cha, mẹ, vợ.
3. Tỏ ra sẵn sàng thắt cổ chết.
4. Dấu hiệu đám ma.

làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất, bắt con trai con gái làm tù, lấy của cải châu báu cùng chia nhau với chư hầu.

Sau khi diệt Tần, Hạng Vũ chia đất Tần cho ba vua gọi là: Ung Vương, Tắc Vương, Địch Vương hiệu là Tam Tần. Hạng Vũ làm Tây Sở Bá Vương làm chủ việc chia thiên hạ, phong vương cho chư hầu. Thế là nhà Tần bị diệt.

Năm năm sau thiên hạ theo về nhà Hán (1)

1. Đoạn 8 — Tử Anh giết Triệu Cao, đầu hàng Lưu Bang và nhà Tần diệt vong. Lược bỏ đoạn cuối là một đoạn trong « Quá Tần luận » của Giả Nghị.

HẠNG VŨ BẢN KỶ

1. HẠNG TỊCH người ở đất Hạ Tương, tên tự là Vũ. Khi khởi nghĩa (209 trước công nguyên) Tịch hai mươi bốn tuổi. Chú Tịch là Hạng Lương. Cha của Hạng Lương là Hạng Yên làm tướng nước Sở, bị tướng nước Tần là Vương Tiễn giết. Họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, được phong ở đất Hạng cho nên lấy họ là họ Hạng. Lúc còn nhỏ, Tịch học chữ, học chẳng nên, bỏ đi học kiếm thuật, cũng chẳng nên. Hạng Lương nổi giận. Tịch nói:

— Biết chữ chỉ để đủ viết tên họ mà thôi. Kiếm chỉ đánh lại một người, không bõ công học. Nên học cái đánh lại được vạn người!

Hạng Lương bèn dạy cho Tịch binh pháp. Tịch mừng lắm. Tịch chỉ học để biết qua ý nghĩa, chứ không chịu học cho đến nơi đến chốn.

Trước đấy, Hạng Lương phạm tội và bị bắt ở Lịch Dương. Lương nhờ quan coi ngục ở đất Kỳ là Tào Cữu viết thư cho Tư Mã Hân làm quan coi ngục ở Lịch Dương, nhờ vậy mà việc này thu xếp xong (1).

Hạng Lương có lần giết người, để tránh báo thù, Lương cùng Tịch bỏ trốn đến đất Ngô Trung. Các kẻ

1. Việc này để chuẩn bị cho sự biệt đãi của Tịch đối với Tư Mã Hân ở đoạn 7.

hiền sĩ và đại phu ở đất Ngô Trung đều thua kém Hạng Lương. Mỗi khi ở Ngô Trung có việc làm xấu hay tang lễ, Hạng Lương thường đứng ra lo liệu. Lương lén lút dùng binh pháp để tập hợp tân khách và trai tráng ở đấy, và nhờ đó, được biết năng lực của họ.

Tần Thủy Hoàng đi chơi đất Cối Kê, vượt qua Chiết Giang. Lương và Tịch cùng đi xem. Tịch nói :

— Có thể cướp và thay thế hắn !

Lương bịt miệng Tịch :

— Đừng nói bậy ! Bị giết cả họ bây giờ !

Nhân việc này Lương coi Tịch là kẻ khác thường. Tịch, mình cao hơn tám thước, có sức mạnh cất nổi cái vạc (1), tài năng, chí khí hơn người. Các con em ở đất Ngô Trung đều sợ Tịch (2).

2. Tháng bảy, năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế (— 209), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa ở Đại Trạch (3). Tháng chín năm ấy, Thái thú quận Cối Kê tên là Thông, nói với Hạng Lương :

— Dân Giang Tây (4) đều làm phản, nay chính là lúc trời tiêu diệt nhà Tần. Tôi nghe nói : « Ai đi trước thì làm chủ người khác ; ai đi sau thì bị người khác làm chủ ». Tôi muốn xuất quân, phong ông và Hoàn Sở làm tướng.

Bấy giờ Hoàn Sở đang trốn tránh trong chốn giang hồ. Lương nói :

1. Ở trước cửa miếu của vua Hạ Vũ có cái vạc nặng không ai cất nổi, chỉ có Vũ cất được.

2. Đoạn thứ nhất giới thiệu gia thế Tịch và Lương. Tiểu sử Tịch lúc còn nhỏ, nêu bật những đặc điểm khác người của Tịch về học vấn, chí khí, sức lực.

3. Xem *Trần Thiệp thế gia*.

4. Đây là ở phía tây sông Trường Giang.

— Hoàn Sở hiện nay đang trốn tránh, chẳng ai biết ở đâu ; chỉ có Tịch biết chỗ ở của ông ta mà thôi.

Lương liền đi ra, dặn Tịch cầm kiếm đứng đợi ở ngoài. Lương lại quay vào, ngồi với thái thú. Lương nói :

— Xin cho gọi Tịch vào để giao cho y mệnh lệnh triệu Hoàn Sở về.

Thái thú nói :

— Phải !

Lương gọi Tịch vào. Lát sau, Lương đưa mắt ra hiệu cho Tịch, nói :

— Làm được rồi đấy !

Tịch liền tuốt kiếm chém đầu thái thú. Lương tay cầm đầu thái thú, mang ấn và dây buộc ấn của thái thú lên người (1). Bọn môn hạ hoảng hốt, rối loạn. Tịch giết chết ngót trăm người, cả phủ đều sợ hãi, cúi đầu không dám kháng cự. Lương liền triệu tập quan lại và hào kiệt đã quen biết từ trước, hiểu dụ duyên cớ khởi nghĩa rồi trưng quân ở Ngô Trung và sai người thu gọi các trai tráng ở các huyện trong phủ, được tám ngàn quân tinh nhuệ (2). Lương cất nhắc những hào kiệt ở Ngô Trung làm các chức hiệu úy, hậu, tư mã (3). Có một người không được dùng, đến nói với Lương. Lương đáp :

1. Lý do của việc giết thái thú : cướp lấy ấn để dùng nó mà hiệu triệu nhân dân, trưng tập quân.

2. Chuẩn bị cho đoạn cuối khi nói đến « tám ngàn con em Giang Đông ».

3. Hiệu úy : chức quan võ dưới cấp tướng ; hậu là quan coi việc sự vụ trong quân đội ; tư mã lo liệu việc quân pháp.

— Trước đây có một lễ tang, ta cắt ông làm một việc gì đấy mà ông làm không xong, vì vậy ta không dùng ông... (1).

Mọi người đều phục. Lương bèn làm thái thú Cối Kê, Tịch làm tì tướng (2), chiêu hàng các huyện trong quận (3).

3. Thiệu Bình, người Quảng Lăng, theo lệnh Trần Vương (4) đi chiêu hàng đất Quảng Lăng, nhưng chưa hạ được thành. Nghe tin Trần Vương thua chạy, quân Tần sắp đến. Bình liền vượt Trường Giang, giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, phong Lương làm thượng trụ quốc (5) nước Sở. Bình nói :

— Đất Giang Đông đã bình định rồi ! Mau mau đem binh về hướng tây đánh quân Tần !

Hạng Lương bèn đem tám ngàn người, vượt Trường Giang đi về hướng tây. Nghe tin Trần Anh đã lấy được huyện Đông Dương, Lương liền cho sứ giả đến giảng hòa để cùng nhau đem quân đi về hướng tây.

Trần Anh nguyên là thư lại huyện Đông Dương, ngày thường ở trong huyện là người tin cẩn, được khen là bậc trung hậu đứng đắn. Những người trai tráng ở huyện Đông Dương giết quan huyện, tụ họp đến mấy nghìn người, muốn cử một người cầm đầu, nhưng không có ai xứng đáng. Họ bèn mời Trần Anh. Anh từ chối là không thể làm nổi. Họ bèn ép Anh làm thủ lĩnh. Người trong huyện theo Anh đến hai vạn. Họ muốn

1. Ứng với câu ở đoạn 1 : Hạng Lương qua việc tang lễ làm xấu biết năng lực từng người.
2. Phó tướng.
3. Đoạn thứ 2 nói cách Tịch khởi nghĩa khác thường.
4. Tức Trần Thắng (xem *Trần Thiệp thế gia*).
5. Chức tương đương với thừa tướng.

nhân tiện lập Anh làm vương luôn, quân sĩ đều đội mũ màu lục để cho khác với các quân khác.

Mẹ Trần Anh bảo Anh :

— Từ khi về làm dâu ở nhà con đến nay, mẹ chưa hề nghe nói tổ tiên của con ngày trước đã có ai làm quan sang, nay bỗng dưng con được cái danh vọng lớn, đó là điều không may. Bây giờ chi bằng mình dựa vào người khác. Nếu công việc thành thì được phong hầu ; nếu thất bại cũng dễ trốn tránh, không bị người ta vạch mặt chỉ tên.

Do đó, Anh không dám làm vương, nói với các quan lại :

— Họ Hạng đời đời làm tướng, nổi tiếng ở nước Sở. Nay muốn làm việc lớn mà không có người tướng giỏi thì không xong. Chúng ta dựa vào một gia tộc có tiếng (1) thì chắc chắn sẽ tiêu diệt được Tần !

Mọi người nghe theo lời Anh, giao quân cho Hạng Lương điều khiển. Hạng Lương qua sông Hoài. Kinh Bố (2) Bồ tướng quân cũng đem quân theo Lương. Số quân được tất cả sáu bảy vạn, đóng ở Hạ Bì.

Bấy giờ Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Sở Vương, đóng quân ở phía đông Bành Thành, muốn chống lại Hạng Lương.

Hạng Lương nói với người quan lại :

— Trần Vương là người khởi nghĩa đầu tiên, vì chiến trận không lợi, nay không biết ở đâu. Bây giờ Tần Gia phản Trần Vương lập Cảnh Câu, tức là phản nghịch, vô đạo !

1. Ứng với điều nói ở đoạn 1 : họ Hạng đời đời làm tướng ở nước Sở.
2. Kinh Bố : Kinh Bố họ Anh, tức là Anh Bố, nhưng bị tội khắc chữ vào trán nên bị gọi là Kinh (xem *Kinh Bố liệt truyện*).

Lương bèn tiến quân đánh Tần Gia. Quân của Tần Gia thua chạy, Lương đuổi đến Hồ Lăng, Gia quay lại đánh trong một ngày. Gia chết, quân đầu hàng. Cảnh Câu bỏ chạy, chết ở nước Lương. Sau khi đã sáp nhập thêm quân của Tần Gia, Lương đóng quân ở Hồ Lăng, định đi đến hướng tây.

Quân của Chương Hàm đến đất Lật, Hạng Lương sai biệt tướng (1) là Chu Kê Thạch, Dư Phàn Quân đánh lại. Dư Phàn Quân chết, quân của Chu Kê Thạch thua, bỏ chạy đến Hồ Lăng. Hạng Lương đem quân vào đất Tiết, giết Kê Thạch.

Trước đấy, Hạng Lương đã sai Hạng Vũ đi một đường khác đánh Tương Thành, Tương Thành cố sức giữ nên Vũ không hạ được. Đến khi hạ được thành, Vũ sai chôn sống tất cả dân trong thành rồi trở về báo tin cho Hạng Lương. Hạng Lương nghe tin Trần Vương đã chết thật, bèn gọi các biệt tướng họp ở đất Tiết để bàn bạc. Bấy giờ Bái Công đã khởi binh ở đất Bái, cũng đến hội họp.

Phạm Tăng người đất Cư Sào, bảy mươi tuổi, xưa nay ở nhà, thích mưu kế lạ, đến nói với Hạng Lương:

— Trần Thắng thua là phải lắm. Trong sáu nước bị Tần diệt thì nước Sở là vô tội nhất. Từ khi vua Hoài Vương vào đất Tần rồi không về nữa, người Sở vẫn còn thương xót ông ta cho đến ngày nay (2). Vì vậy, Sở Nam Công nói: « Nước Sở dù chỉ còn ba hộ, nhưng tiêu diệt nhà Tần, chính là nước Sở ».

Nay Trần Thắng khởi sự không lập con cháu vua Sở mà tự lập làm vương thì tình thế không thể lâu dài được. Bây giờ ngài khởi nghĩa ở Giang Đông, các tướng

1. Biệt tướng: vị tướng chỉ huy một cánh quân riêng.
2. Xem *Khuất Nguyên liệt truyện*.

nước Sở kéo đến theo ngài như ong về tổ, là vì nhà ngài đời đời làm tướng nước Sở, họ cho rằng ngài có thể lập lại con cháu vua Sở làm vua.

Hạng Lương cho là phải, bèn tìm người cháu của Sở Hoài Vương tên là Tâm, chăn dê cho người ta, lập làm Sở Hoài Vương để thỏa lòng mong mỏi của dân chúng. Trần Anh làm thượng trụ quốc của nước Sở được phong năm huyện cùng đóng đô ở đất Vu Thai với Hoài Vương, Hạng Lương tự xưng là Vũ Tín Quân.

Được mấy tháng, Lương đem quân đánh thành Cang Phủ cùng với Điền Vinh và Tư Mã Long Thư nước Tề. Lương đem quân cứu Đông A, phá tan quân Tần ở Đông A. Điền Vinh liền đem quân về đuổi vua Tề là Giả. Giả chạy trốn sang nước Sở. Tướng quốc (1) của Giả là Điền Giác chạy trốn sang nước Triệu. Người em của Giác là Điền Nhàn trước kia là tướng nước Tề ở lại nước Triệu không dám về. Điền Vinh lập con của Điền Đam, tên là Thị, làm Tề Vương. Sau khi đã đánh phá quân Tần ở gần Đông A, Hạng Lương đuổi theo quân Tần. Lương mấy lần sai sứ giả giục Điền Vinh đem binh của nước Tề đến để cùng kéo quân sang hướng tây. Điền Vinh nói:

— Nước Sở có giết Điền Giả, nước Triệu có giết Điền Giác, Điền Nhàn thì ta mới đem quân đến.

Hạng Lương nói:

— Điền Giả là vua một nước giao hiếu với ta, cùng đường phải đến đây theo ta, ta không nỡ giết.

1. Dịch là tướng quốc cho khỏi lẫn với tướng quân. Tướng quốc chỉ huy về chính trị, đường lối, còn tướng quân chỉ huy về quân sự. Hai chữ này viết khác nhau nhưng đều gọi là tướng, cho nên dịch là tướng quốc và tướng quân.

Nước Triệu cũng không giết Điền Giác, Điền Nhàn để mua chuộc nước Tề, cho nên Tề không chịu đem quân đến giúp nước Sở. Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đem binh đi theo đường riêng đến Thành Dương làm cỏ quân dân trong thành. Rồi tiến quân về hướng tây đánh phá quân Tần ở phía đông thành Bộc Dương. Quân Tần rút vào thành Bộc Dương. Bái Công và Hạng Vũ bèn đánh thành Định Đào. Chưa hạ được thành, họ liền bỏ đi, cướp đất đai ở phía tây cho đến Ung Khâu, đánh quân Tần thua to, chém Lý Do (1), rồi quay lại đánh Ngoại Hoàng, nhưng chưa hạ được.

Hạng Lương đem quân từ phía tây đất Đông A, qua hướng bắc đến Định Đào, đánh tan quân Tần lần thứ hai. Bọn Hạng Vũ giết được Lý Do cho nên Lương càng khinh thường quân Tần và tỏ ra kiêu căng.

Tống Nghĩa bèn can Hạng Lương :

— Nếu đánh thắng mà tướng kiêu căng, quân sĩ trễ nải thì sẽ thất bại. Nay quân sĩ đã hơi trễ nải rồi đấy ! Quân Tần ngày càng tăng, tôi lo cho ngài !

Hạng Lương không nghe, bèn sai Tống Nghĩa đi sứ nước Tề. Giữa đường Nghĩa gặp sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quân, tên là Hiển. Nghĩa hỏi :

— Ông định yết kiến Vũ Tín Quân phải không ?

— Vâng.

— Tôi cho rằng Vũ Tín Quân thế nào cũng thua. Ông cứ thủng thẳng mà đi thì sẽ khỏi chết, nếu đi nhanh thì sẽ mắc tai họa đấy !

Tần quả nhiên đem hết quân tiếp viện cho Chương Hàm. Chương Hàm đánh quân Sở một trận tan tành ở Định Đào. Hạng Lương chết.

1. Con của Lý Tư.

Bái Công, Hạng Vũ rời bỏ Ngoại Hoàng đến đánh huyện Trần Lưu, huyện Trần Lưu giữ vững không hạ được. Bái Công, Hạng Vũ bàn với nhau :

— Bây giờ quân của Hạng Lương đã tan vỡ, sĩ tốt đều lo sợ.

Hai người bèn cùng với quân của Lữ Thần đi về hướng đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành, Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành, Bái Công đóng quân ở đất Đường (1).

4. Sau khi đã đánh bại quân của Hạng Lương, Chương Hàm cho rằng quân của nước Sở không đáng lo, nên vượt Hoàng Hà qua đánh nước Triệu, phá tan quân Triệu.

Lúc bấy giờ Triệu Yết làm vua, Trần Dư làm tướng quân, Trương Nhĩ làm tướng quốc, cả ba đều chạy vào thành Cự Lộc. Chương Hàm sai Vương Ly, Thiệp Nhàn vây Cự Lộc. Chương Hàm đóng quân ở phía nam thành này, xây một con đường ống để chuyên chở thóc. Trần Dư làm tướng, đem vài vạn quân đóng ở phía bắc thành Cự Lộc (2), toán quân ấy gọi là quân Hà Bắc.

Quân Sở đã bị thua ở Định Đào, Hoài Vương lo sợ, từ Vu Thai đến Bành Thành, dồn cả quân của Hạng Vũ, Lữ Thần làm một và thân hành cầm quân. Hoài Vương cho Lữ Thần làm tư đồ, cha của Thần là Lữ Thanh làm lệnh doãn, cho Bái Công làm thái thú Đường Quận, phong làm Vũ An Hầu, coi đạo quân Đường Quận.

1. Đoạn 3 — Lai lịch Hạng Lương từ khi khởi nghĩa đến khi thất bại. Giới thiệu những nhân vật quan trọng của cuộc khởi nghĩa : Trần Anh, Phạm Tăng, Kinh Bố, Bái Công. Hạng Lương vì kiêu căng nên thất bại, quân Tần từ bại chuyển thành thắng.

2. Trước khi quân Tần bao vây, Trần Dư đã mang quân ra ngoài thành (xem *Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện*).

Sứ giả nước Tề là Cao Lăng Quân tên là Hiền, bấy giờ đang ở trong quân đội nước Sở. Trước đấy, Hiền có gặp Tống Nghĩa, cho nên Hiền yết kiến vua Sở và nói :

— Tống Nghĩa nói rằng quân của Vũ Tín Quân nhất định thua, vài ngày sau quả nhiên quân ấy bị đánh bại. Quân chưa giao chiến mà ông ta đã thấy trước cái cơ thất bại như thế, có thể gọi ông ta là người biết binh pháp.

Hoài Vương gọi Tống Nghĩa vào cùng bàn công việc. Hoài Vương rất là đẹp lòng, bèn cho y làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thừa tướng, phong làm Lỗ Công, Phạm Tăng làm mạt tướng để cứu nước Triệu. Các biệt tướng đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, hiệu là Khanh Tử Quán Quân. Tống Nghĩa đi đến An Dương, ở lại bốn mươi sáu ngày không tiến quân. Hạng Vũ nói :

— Tôi nghe nói quân Tần vây Triệu Vương ở Cự Lộc, ngài nên mau mau đem quân qua sông, quân Sở đánh ở bên ngoài, quân Triệu tiếp ứng ở bên trong, thì chắc chắn phá được Tần.

— Không phải thế đâu. Phàm con mòng đốt trâu thì không thể nào giết được rận chấy (1). Nay Tần đánh Triệu, nếu Tần đánh thắng thì quân mệt mỏi, ta lợi dụng lúc nó kiệt quệ mà đánh, nếu Tần không thắng thì ta hợp quân kéo về hướng tây, chắc chắn cướp lấy được nước Tần. Vì vậy, không gì bằng trước tiên để

1. Câu này có nhiều sách giải nghĩa khác nhau. Có sách giải thích : thành Cự Lộc tuy nhỏ, quân Tần không thể lấy ngay được. Có sách giải thích : Muốn lấy được Tần thì không thể chú ý cứu Cự Lộc. Ý sau hợp hơn. Con mòng chỉ cốt đốt trâu, không có thì giờ đâu chú ý đến bọn chấy rận trên lưng trâu cũng như Tống Nghĩa chỉ cốt đánh Tần, không có thì giờ để ý đến việc vụn vặt như cứu Cự Lộc.

cho Tần và Triệu đánh nhau. Mang áo giáp dày, cầm binh khí sắc thì Nghĩa này không bằng ông, nhưng ngồi để trù tính sách lược thì ông không bằng Nghĩa (1).

Tống Nghĩa bèn ra lệnh trong quân :

— Ai mạnh như hổ, bướng như dê, tham như sói, cứng đầu không thể sai khiến được, đều chém tuốt !

Nghĩa bèn sai con là Tống Tương sang làm tướng nước Tề, thân hành tiễn y đến đất Vô Diêm, uống rượu, hội họp linh đình. Trời lạnh, mưa to, quân sĩ đều đói rét. Hạng Vũ nghĩ thầm :

— Đáng lý phải cố sức đánh Tần, thế mà lại cứ dằng dai mãi không chịu đi. Nay năm đói, dân nghèo, sĩ tốt ăn rau ăn khoai, quân không có lương thực sẵn sàng. Thế mà cứ uống rượu, hội họp linh đình, không đem binh vượt Hoàng Hà để dùng lương thực nước Triệu, cùng Triệu chung sức đánh Tần. Lại còn nói « lợi dụng khi nó kiệt quệ » ! Một nước mạnh như nước Tần, đánh nước Triệu là nước mới thành lập, thì nhất định là lấy được rồi ! Nước Triệu mất, Tần lại càng mạnh, chứ có mong gì nó kiệt quệ mà lợi dụng kia chứ ? Vả chăng, quân ta vừa bị tan tác, vua ngồi không yên chiếu, vét tất cả binh lính lương thực trong nước, giao cho một mình tướng quân, nước nhà yên hay nguy là ở trận này. Nay không thương xót sĩ tốt, lại mưu đồ việc riêng, thật không phải hạng bầy tôi trung thành với nước (2).

1. Câu này ám chỉ Hạng Vũ.

2. Đoạn này phản lại nhận xét của Tống Nghĩa và chứng tỏ Hạng Vũ là người dũng mãnh, yêu sĩ tốt, nhiều mưu trí và quyết đoán trong lúc hành động.

Buổi sáng, Hạng Vũ vào hầu thượng tướng quân Tống Nghĩa. Vũ bước vào trướng chặt đầu Nghĩa, liền ra lệnh trong quân :

— Tống Nghĩa mưu với Tề để phản lại nước Sở. Sở Vương ra lệnh cho Vũ giết hắn !

Bấy giờ các tướng đều sợ hãi cúi đầu không ai dám ho he. Tất cả đều nói :

— Người đầu tiên lập nước Sở là gia đình tướng quân. Nay tướng quân lại giết được đứa loạn thần.

Họ bàn nhau lập Vũ làm quyền thượng tướng quân sai người đuổi theo con của Tống Nghĩa, đến Tề thì bắt được và giết đi. Vũ sai Hoàn Sở báo với Hoài Vương. Hoài Vương nhân đó phong Vũ làm thượng tướng quân. Đương Dương Quân và Bồ Tướng Quân đều ở dưới quyền Hạng Vũ.

Sau khi giết Khanh Tử Quán Quân, uy thế của Hạng Vũ vang dội ở nước Sở, danh tiếng nổi ở khắp các chư hầu, Vũ liền sai Đương Dương Quân, Bồ Tướng Quân cầm hai vạn quân vượt Hoàng Hà đến cứu Cự Lộc. Vì chiến sự còn ít thắng lợi, nên Trần Dư lại xin quân tiếp viện, Hạng Vũ liền đem tất cả quân vượt Hoàng Hà, bắt quân lính đều phải dìm đắm thuyền, đập vỡ nồi nấu cơm, đốt lều trại, chỉ mang lương thực trong ba ngày để tỏ rõ sĩ tốt quyết tâm liều chết, không chịu quay về. Vũ đến vây Vương Ly, gặp quân Tần, đánh chín trận, cắt đứt con đường ống, phá tan quân Tần, giết Tô Giác, bắt sống Vương Ly. Thiệp Nhàn không đầu hàng Sở, tự thiêu mình mà chết.

Bấy giờ thanh thế quân của Sở át cả quân các nước chư hầu. Quân của chư hầu đến cứu Cự Lộc đóng ở gần đó hơn mười doanh trại, nhưng không ai dám đem

quân ra đánh. Đến khi Sở đánh Tần, các tướng đều đứng trên tường mà nhìn. Các chiến sĩ nước Sở ai cũng đủ sức một người chống lại mười người, tiếng reo hò của quân Sở vang trời, quân chư hầu không ai không run sợ. Do đó, sau khi đã đánh tan quân Tần, Hạng Vũ triệu tập tướng các nước chư hầu. Khi vào cửa viên môn, mọi người đều quỳ gối xuống mà đi tới, không ai dám ngẩng lên nhìn !

Vì vậy, Hạng Vũ bắt đầu làm thượng tướng quân của chư hầu, chư hầu đều ở dưới quyền Vũ (1).

5. Chương Hàm đóng quân ở Cức Nguyên, Hạng Vũ đóng quân ở phía nam sông Chương. Hai bên cứ giữ thế nhau chưa giao chiến. Quân của Tần nhiều lần rút lui. Tần Nhị Thế sai người đến trách quở Chương Hàm, Chương Hàm sợ, sai trưởng sử (2) là Hàn đi yết kiến vua Tần để tâu xin định đoạt. Hàn đến Hàm Dương đợi ở cửa tư mã (3) ba ngày, Triệu Cao (4) không cho yết kiến, vì y có lòng ngờ. Trưởng Sử Hàn sợ hãi chạy về quân mình, nhưng không dám đi theo con đường lần trước. Quả nhiên Triệu Cao cho người đuổi theo, nhưng không kịp. Hàn về đến quân doanh báo rằng :

— Ở triều đình, Triệu Cao chuyên quyền, ở dưới quyền của nó không thể làm được việc gì. Nay nếu đánh

---

1. Đoạn 4 — Hành động oanh liệt của Hạng Vũ trong việc giết Tống Nghĩa, đánh tan quân Tần ở Cự Lộc, do đó, chuyển bại thành thắng. Tác giả nhấn mạnh thái độ kiên quyết chiến đấu của Hạng Vũ và quân Sở đối lập với thái độ khiếp nhược của quân chư hầu. Tác giả nhấn mạnh mấy lần chữ « không dám... ».
2. Chức quan tương đương với chức bí thư trưởng.
3. Cửa ngoài của cung đình.
4. Về Triệu Cao xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ.

mà thắng thì thế nào Cao cũng ghen ghét công lao của chúng ta ; lỡ đánh không thắng thì không khỏi chết. Xin tướng quân suy nghĩ cho kỹ !

Trần Dư cũng đưa thư cho Chương Hàm nói :

« Bạch Khởi làm tướng nước Tần, phía nam chinh phục Yên Sinh (1) phía bắc chôn sống Mã Phục (2), đánh lấy thành, cướp được đất không biết bao nhiêu mà kể. Thế mà cuối cùng Tần ra lệnh cho tự sát. Mông Điềm làm tướng nước Tần, phía bắc giết quân Nhung mở mang đất Du Trung mấy ngàn dặm, thế mà cuối cùng cũng bị chém ở Dương Châu (3). Tại sao lại như thế? Họ lập nhiều công, nước Tần không thể cấp đất đai cho hết, cho nên tìm cách giết họ đi. Nay tướng quân làm tướng nước Tần đã ba năm nay, quân chết và bỏ trốn tính đến chục vạn người, thế mà chư hầu nổi dậy càng nhiều. Tên Triệu Cao kia mấy lâu nay vốn hay nịnh hót, lừa dối nhà vua (4), nay việc gấp, cũng sợ Nhị Thế giết, cho nên hắn muốn tìm cách giết tướng quân để trút lỗi, rồi sai người thay thế tướng quân để tránh khỏi tai họa. Tướng quân ở ngoài đã lâu, ở trong triều đình có nhiều hiềm khích : có công cũng bị giết, không có công cũng bị giết. Vả chăng trời làm tiêu diệt nhà Tần, người ngu dộn hay khôn ngoan ai cũng đều biết như thế. Nay tướng quân ở triều đình thì không thể lấy lời thẳng để khuyên can ở ngoài biên cương thì làm vị

1. Kinh đô của Sở.

2. Triệu Quát con Triệu Xa được phong làm Mã Phục Quân, bị Bạch Khởi giết, đồng thời chôn sống 40 vạn quân Triệu.

3. Sử chép : Hồ Hợi giam Mông Điềm ở Dương Châu, rồi bắt Điềm phải uống thuốc độc chết ở đó. Đây nói « chém » ở Dương Châu là có ý nói thêm.

4. Nịnh dối đã lâu ngày, sợ bại lộ ra.

tướng của một nước sắp mất. Cô độc đứng một mình mà muốn tồn tại được mãi thì chẳng đáng thương lắm sao ! Tại sao tướng quân không đem quân quay lại liên hiệp với chư hầu, giao ước cùng nhau đánh Tần, chia đất Tần để làm vương, nghoảnh mặt về hướng nam để xưng « cô » (1), điều đó chẳng hơn thân bị búa rìu, vợ con bị giết hay sao ?

Chương Hàm còn do dự, bí mật sai vị quan là Thị Thành đi sứ đến Hạng Vũ, muốn cùng giao ước. Giao ước chưa xong, Hạng Vũ sai Bộ Tướng Quân ngày đêm đem quân vượt bến Tam Hộ đóng quân ở phía nam sông Chương, đánh nhau với quân Tần, lại đánh tan quân Tần lần thứ hai (2). Hạng Vũ đem tất cả quân đánh quân Tần trên sông Vu Thủy, phá tan tành.

Chương Hàm sai người yết kiến Hạng Vũ, muốn giao ước. Vũ triệu các quân lại đến bàn :

— Lương ta ít, ta muốn nghe theo giao ước của y.

Các quân lại đều nói :

— Phải.

Hạng Vũ bèn hẹn với Hàm gặp nhau ở Ân Khư phía nam sông Hoàn Thủy. Sau khi ăn thề, Chương Hàm nhìn thấy Hạng Vũ, chảy nước mắt ròng ròng, kể lại việc Triệu Cao. Hạng Vũ bèn lập Chương Hàm làm Ung Vương giữ lại ở trong quân đội của Sở, cho trưởng sử

1. Ngày xưa thiên tử và chư hầu đều ngồi quay mặt về hướng nam để cai trị và tự xưng mình là « cô » với nghĩa khiêm tốn là đứa con không cha, cũng như thiên tử xưng quả nhân với nghĩa khiêm tốn là người ít nhân.

2. Nêu rõ mưu lược của Hạng Vũ, giao ước chưa xong đã đánh thì dễ thắng vì quân địch còn hoang mang, nhân đó càng làm áp lực bắt Hàm phải hàng.

Hán làm thượng tướng quân, cầm quân Tần để đi tiên phong.

Quân Vũ đến Tân An, tướng sĩ các nước chư hầu xưa kia làm xâu hay đi thú ở trong đất Tần đều bị tướng sĩ của Tần đối đãi không ra gì. Đến khi quân Tần đầu hàng chư hầu, tướng sĩ của chư hầu lợi dụng lúc thắng thế, đối đãi với họ như là nô lệ, tù binh, tha hồ làm nhục tướng sĩ nhà Tần. Tướng sĩ nhà Tần nhiều người nói trộm với nhau :

— Bọn Chương tướng quân lừa chúng ta đầu hàng chư hầu, nên bây giờ họ có thể vào cửa quan đánh nước Tần. Nếu may ra mà đánh được nhà Tần thì tốt lắm, nếu không thì chư hầu sẽ bắt chúng mình đem về đông, còn Tần thì thế nào cũng giết hết cha mẹ, vợ con ta.

Các tướng nghe mang máng việc họ bàn, đem báo lại với Hạng Vũ, Hạng Vũ liền gọi Kinh Bố và Bồ Tướng Quân để bàn :

— Tướng sĩ của Tần vẫn còn đông, bụng chúng không phục ta, đến Quan Trung mà chúng không theo ta thì việc lớn sẽ nguy ; chi bằng giết chúng đi, chỉ giữ lại Chương Hàm, trưởng sử Hán, đô úy Ế để cùng vào đất Tần mà thôi.

Bấy giờ quân đội Sở ban đêm đến đánh và chôn sống hơn hai mươi vạn lính Tần ở phía Nam thành Tân An (1).

6. Vũ từ Tân An ra đi, muốn bình định được đất Tần, nhưng cửa Hàm Cốc có binh giữ cửa ải, Vũ không vào

1. Đoạn 5 — Kể lại Chương Hàm đầu hàng Hạng Vũ và việc Hạng Vũ chôn sống quân Tần. Từ đoạn 7 trở đi là kể việc tranh chấp giữa Hạng Vũ và Lưu Bang để làm bá chủ thiên hạ.

được (1). Lại nghe tin Bái Công đã phá Hàm Dương. Hạng Vũ nổi giận, sai bọn Đương Dương Quân đánh cửa ải. Hạng Vũ bèn vào đến phía tây sông Hí Thủy.

Bá Công đóng quân ở Bá Thượng, chưa có dịp gặp Hạng Vũ. Quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương sai người đến nói với Hạng Vũ :

— Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm tướng quốc, lấy hết của cải châu báu.

Hạng Vũ nổi giận nói :

— Ngày mai cho quân sĩ ăn no để đánh quân của Bái Công !

Lúc bấy giờ, quân Hạng Vũ bốn mươi vạn đóng ở Hồng Môn huyện Tân Phong. Quân của Bái Công mười vạn, đóng ở Bá Thượng. Phạm Tăng nói với Hạng Vũ :

— Khi Bái Công ở Sơn Đông thì tham của cải, thích gái đẹp. Nay vào Quan Trung, ông ta không lấy của cải gì (2), không thân cận đàn bà con gái, điều đó chứng tỏ chí của ông ta không vừa ! Tôi sai người xem khí mây nơi ông ta ở thì đều là khí long hổ thành năm sắc (3), chính là khí tượng thiên tử đấy, phải đánh gấp chớ có bỏ qua.

Quan tả doãn nước Sở là Hạng Bá, chú của Hạng Vũ, vốn quen thân Lưu hầu là Trương Lương. Lúc bấy giờ Trương Lương theo Bái Công, Hạng Bá bèn đang đêm ruổi ngựa đến quân doanh Bái Công, gặp riêng Trương

1. Trong thời gian Hạng Vũ đem quân đến Cự Lộc, Bái Công vâng lệnh Sở Hoài Vương đã đem binh lấy nước Tần, cho người canh giữ Hàm Cốc Quan (xem *Cao Tổ bản kỷ*).

2. Nhận xét này của Phạm Tăng chứng tỏ lời của Tào Vô Thương là bịa đặt. Tham vọng của Bái Công to hơn thế nhiều.

3. Theo mê tín đời xưa, đế vương ở đâu ở đấy có mây ngũ sắc phủ trên trời.

Lương, báo cho Lương biết đầu đuôi câu chuyện, muốn gọi Trương Lương cùng đi với mình cho thoát nạn. Hạng Bá bèn bảo Lương rằng :

— Chớ có theo mà bị chết cả đấy !

Trương Lương nói :

— Tôi vì vua Hàn mà theo Bái Công, nay Bái Công có việc nguy cấp, bỏ trốn đi là bất nghĩa, không thể không nói với ông ta.

Lương bèn đi vào kể đầu đuôi cho Bái Công nghe. Bái Công hoảng sợ nói :

— Làm thế nào bây giờ ?

Trương Lương hỏi :

— Kẻ nào bày kế cho đại vương ?

Bái Công nói :

— Cái thằng tiểu nhân ấy bảo ta rằng : « Giữ lấy Hàm Cốc Quan, không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên toàn đất Tần », vì vậy, ta nghe lời hắn !

Trương Lương nói :

— Đại vương thử liệu xem sĩ tốt có đủ để chống lại Hạng Vương không ?

Bái Công im lặng một lúc, đáp :

— Cố nhiên là không bằng ! Làm sao bây giờ ?

Trương Lương nói :

— Thần xin đến nói với Hạng Bá rằng Bái Công không dám phản Hạng Vương.

— Nhà ngươi với Hạng Bá quen nhau à ?

— Trong thời nhà Tần, Hạng Bá chơi với thần, ông ta giết người, thần cứu sống ; cho nên ngày nay gặp việc nguy cấp, ông ta đến đây báo cho thần biết.

— Ông ta với nhà ngươi, ai lớn tuổi hơn ?

— Ông ta lớn tuổi hơn thần.

— Nhà ngươi hãy thay mặt ta mời ông ta vào, ta sẽ đãi ông ta là bậc anh.

Trương Lương đi ra mời Hạng Bá. Hạng Bá liền vào yết kiến Bái Công. Bái Công bưng chén rượu chúc thọ, hẹn làm thông gia, Bái Công nói :

— Tôi vào Hàm Cốc Quan, tơ hào không dám động, ghi danh sách quan lại và dân chúng vào sổ, niêm phong các kho tàng để đợi tướng quân. Tôi sai tướng giữ cửa ải chỉ là để đề phòng trộm cướp ra vào và những việc bất trắc mà thôi, ngày đêm mong tướng quân đến, chứ tôi đâu dám làm phản ! Xin ông nói lại với tướng quân rằng tôi đâu dám vong ân bội nghĩa !

Hạng Bá nhận lời, nói với Bái Công :

— Ngày mai thế nào ông cũng phải đến sớm mà xin lỗi Hạng Vương !

Bái Công nói : « Vâng ».

Hạng Bá liền ra đi trong đêm ấy. Về đến quân doanh, Bá đem những lời nói của Bái Công báo lại với Hạng Vũ, nhân tiện nói :

— Nếu Bái Công không phá Quan Trung trước thì đại vương có dám vào không ? Người ta có công lớn mà mình lại đánh là bất nghĩa, chi bằng đối đãi với họ cho tử tế !

Hạng Vương cho là phải.

Sáng hôm sau, Bái Công mang theo một trăm kỵ binh đến yết kiến Hạng Vương. Bái Công đến Hồng Môn xin lỗi :

— Tôi và tướng quân đều hết sức đánh Tần. Tướng quân đánh ở Hà Bắc, tôi đánh ở Hà Nam, không ngờ tôi vào Hàm Cốc Quan trước, đánh phá nhà Tần, lại được

gặp tướng quân ở đây. Nay vì lời nói của kẻ tiểu nhân, nên tướng quân với tôi có hiềm khích !

Hạng Vũ nói :

— Đó là quan tả tư mã của Bái Công là Tào Vô Thương nói đấy (1). Nếu không thì Tịch đây làm như thế làm gì !

Hôm ấy Hạng Vương giữ Bái Công ở lại uống rượu, Hạng Vũ và Hạng Bá ngồi quay mặt về hướng đông, Á Phụ tức Phạm Tăng ngồi quay mặt về hướng nam, Bái Công ngồi quay mặt về hướng bắc, Trương Lương chầu quay mặt về hướng tây (2).

Phạm Tăng đưa mắt nhìn Hạng Vương, đưa cái vòng ngọc quyết (3) ra hiệu, như thế ba lần, nhưng Hạng Vương vẫn im lặng không để ý. Phạm Tăng đứng dậy ra đi, gọi Hạng Trang đến bảo :

Quân Vương là người bất nhẫn ! Anh phải vào chúc thọ ! Chúc thọ xong xin múa kiếm, nhân đó đâm Bái Công ở chỗ ngồi và giết đi. Nếu không, tất cả bọn anh đều bị ông ta bắt cầm tù cả đấy.

Hạng Trang liền vào chúc thọ. Chúc thọ xong, Hạng Trang nói :

Quân Vương và Bái Công uống rượu, trong quân doanh không có gì làm vui, tôi xin múa kiếm.

Hạng Vương nói :

— Được !

Hạng Trang tuốt kiếm, đứng dậy múa, Hạng Bá cũng tuốt kiếm đứng dậy múa, luôn luôn lấy thân mình che

1. Hạng Vũ lỡ lời.

2. Tác giả lưu ý đến cách ngồi của bốn người, đoạn này miêu tả hết sức sinh động, cử chỉ, nét mặt, tiếng nói, tất cả đều rất ngắn, nhưng rất điển hình.

3. Ngọc quyết là vòng ngọc đeo bên mình. Ở đây chữ « quyết » trong ngọc quyết đồng âm với chữ quyết trong « quyết định ». Ý Tăng bảo Vũ phải quyết định ngay.

cho Bái Công nên Trang không đâm được. Trương Lương bèn ra đến cửa tìm Phàn Khoái, Phàn Khoái hỏi :

— Việc hôm nay ra sao ?

Trương Lương nói :

— Nguy cấp lắm ! Hiện nay Hạng Trang tuốt kiếm đang múa, xem hắn cốt nhằm Bái Công mà đâm.

Phàn Khoái nói :

— Như thế thì gấp quá rồi ! Tôi xin vào cùng liều chết.

Khoái liền mang kiếm, cặp khiên bước vào cửa viên môn. Vệ sĩ cầm giáo chéo nhau muốn cản không cho vào. Phàn Khoái cầm ngang cái khiên mà gạt, vệ sĩ ngã lăn ra đất. Khoái liền vào, vén màn đứng quay mặt về hướng tây (1), trợn mắt nhìn Hạng Vũ, khóe mắt rách toác ! Hạng Vương chống kiếm quỳ nhổm dậy (2) mà hỏi :

— Ông khách làm gì thế ?

Trương Lương nói :

— Đó là Phàn Khoái, người tham thặng (3) của Bái Công.

Hạng Vũ nói :

— Tráng sĩ ! Cho tráng sĩ chén rượu.

Liền cho Khoái một chén rượu. Khoái lạy tạ đứng lên mà uống. Hạng Vương nói :

— Cho ông ta một vai lợn !

Lại cho Khoái một vai lợn sống, Khoái đặt cái khiên xuống đất, đặt vai lợn lên trên, tuốt kiếm xẻo thịt lợn mà nhai (4). Hạng Vương nói :

1. Tức là đối diện với Hạng Vũ.

2. Có ý giữ thế thủ.

3. Người cùng ngồi một xe để hộ vệ cho Bái Công.

4. Tất cả bốn động tác trong một câu. Cách ăn thịt lợn thật đặc sắc.

— Tráng sĩ ! Có uống rượu được nữa không ?

Phàn Khoái nói :

— Thần chết còn chả tránh, dám đâu từ chối chén rượu. Vua Tần lòng lang dạ thú giết người nhiều không kể xiết, trị tội người như sợ không kịp. Thiên hạ đều nổi dậy làm phản. Vua Hoài Vương có giao ước với các tướng : « Ai phá được Tần, vào Hàm Dương thì phong vương ». Ngày nay Bái Công là người đầu tiên phá được Tần, vào Hàm Dương, tơ hào không dám phạm, niêm phong các cung thất, đem quân về đóng ở Bá Thượng để chờ đại vương đến. Bái Công sai tướng giữ cửa ải là chỉ để đề phòng bọn trộm cướp ra vào, và những việc bất trắc mà thôi. Bái Công khó nhọc mà công to như vậy, nhưng vẫn chưa được phong thưởng gì ! Nay đại vương nghe lời bọn tiểu nhân, muốn giết kẻ có công, tức là noi theo đường lối nhà Tần đã mất ! Tôi trộm nghĩ đại vương không nên làm như vậy !

Hạng Vương chưa biết lấy câu gì đáp lại, bảo :

— Ngồi xuống !

Phàn Khoái ngồi bên cạnh Trương Lương. Một lát, Bái Công đứng dậy đi ra ngoài. Nhân đó gọi Phàn Khoái ra. Sau khi Bái Công đã ra, Hạng Vương sai đô úy là Trần Bình mời Bái Công vào. Bái Công nói :

— Nay ta ra đi, chưa có lời từ biệt, làm thế nào bây giờ ?

Phàn Khoái nói :

— Làm việc lớn thì không để ý đến những điều vụn vặt ; làm lễ lớn không câu nệ những điều nhỏ. Nay người ta là dao là thớt, ta là cá là thịt, từ biệt làm gì ?

Bái Công bèn ra đi, sai Trương Lương ở lại để xin lỗi. Lương hỏi :

— Đại vương đến đây có mang theo gì không ?

Bái Công nói :

— Ta mang theo một cặp ngọc bạch bích, muốn để hiến Hạng Vương, một đôi chén ngọc muốn để biếu Á Phụ. Ta thấy họ nổi giận nên không dám hiến. Nhà ngươi hiến hộ cho ta.

Trương Lương nói :

— Xin vâng.

Bấy giờ quân của Hạng Vương đóng ở Hồng Môn, quân của Bái Công đóng ở Bá Thượng, cách nhau bốn mươi dặm. Bái Công bỏ xe lại, một mình cưỡi ngựa đi thoát thân, bốn người : Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Ngận Cương, Kỷ Tín mang gươm và khiên chạy bộ theo (1). Họ men theo chân núi Ly Sơn, đi qua Chỉ Dương, theo con đường nhỏ. Bái Công dặn Trương Lương :

— Đi theo con đường này đến quân ta chỉ mất hai mươi dặm mà thôi. Tính chừng khi nào ta đã về đến quân doanh rồi thì nhà ngươi hãy vào.

Sau khi Bái Công chừng đã đi theo con đường nhỏ về đến trong quân, Trương Lương bước vào xin lỗi, nói :

— Bái Công quá chén, không thể vào từ biệt, có sai thần là Lương dâng một đôi ngọc bích để kính dâng đại vương, một đôi chén ngọc đến kính dâng đại tướng quân.

Hạng Vương hỏi :

— Bá Công đâu rồi ?

Trương Lương nói :

— Nghe đại vương có ý trách tội, Bái Công đã trốn thoát đi một mình, nay đã về đến quân doanh (2).

---

1. Miêu tả cách chạy trốn rất tỉ mỉ và cụ thể.

2. Nhấn mạnh ý sau để nói Hạng Vũ bây giờ không làm gì được nữa.

Hạng Vương bèn nhận ngọc bích đặt ở chỗ ngồi. Á Phụ cầm chén ngọc đặt xuống đất, tuốt kiếm đập chén vỡ tan, nói :

— Chà ! Thằng trẻ con (1) không thể cùng bàn mưu kế ! Người đoạt thiên hạ của Hạng Vương nhất định là Bái Công. Bọn ta sẽ bị bắt làm tù hết.

Bái Công về đến quân doanh, lập tức giết Tào Vô Thương (2).

7. Mấy ngày sau, Hạng Vương đem binh về hướng tây làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đốt cung thất nhà Tần, lửa cháy liền ba tháng không tắt, thu của cải châu báu, phụ nữ đem về đông. Có người (3) nói với Hạng Vương :

— Đất Quan Trung bốn phía có núi sông che chở, đất đai phì nhiêu, có thể đóng đô ở đấy để xây dựng nghiệp bá.

Hạng Vương thấy cung thất nhà Tần đều bị đốt phá, lòng chạnh nhớ, muốn về miền đông, liền nói :

— Được phú quý mà không trở về làng cũ thì cũng như mặc áo gấm đi đêm, còn ai biết gì ?

Người ấy nói :

— Người ta nói rằng : « Người nước Sở giống « những con khỉ đội mũ người » (4), quả thực là đúng ! ».

1. Đây là nói Hạng Trang, nhưng thực ra là ám chỉ Hạng Vũ.

2. Đoạn này nổi tiếng trong văn học gọi là đoạn « Ăn yến ở Hồng Môn ».

3. Theo *Tiền hán thư* thì người thuyết khách này là Hàn Sinh, *Hán Sở Xuân thu* gọi là Thái Sinh.

4. Con khỉ đội mũ người thì chỉ trong chốc lát sẽ vút mũ và bản tính của nó sẽ lộ ra, ý nói tính tình thay đổi nhanh.

Hạng Vương nghe vậy, bỏ người đó vào trong vạc dầu.

Hạng Vương sai người xin mệnh lệnh của Sở Hoài Vương, Hoài Vương nói :

— Cứ theo như lời ước cũ (1).

Hạng Vương bèn tôn Hoài Vương lên làm Nghĩa Đế. Hạng Vương muốn tự xưng vương, nên trước tiên phong các tướng văn võ làm vương. Hạng Vương nói :

— Khi thiên hạ mới bắt đầu khởi sự thì tạm thời lập các chư hầu để đánh Tần, nhưng việc mình mặc áo giáp, tay cầm gươm dáo gánh vác việc lớn, ba năm xông pha ở chiến trường, diệt nhà Tần và bình định được thiên hạ đều là công lao của các vị tướng, các quan văn võ và của Tịch này. Nghĩa Đế tuy không có công, nhưng cũng chia đất đai mà phong vương cho ông ta.

Các tướng đều nói :

— Phải đấy !

Hạng Vương bèn chia thiên hạ, lập các tướng làm vua các nước chư hầu.

Hạng Vương và Phạm Tăng lo ngại Bái Công sẽ lấy thiên hạ ; nhưng trót đã điều đình xong, không muốn bội ước, sợ chư hầu làm phản, cho nên bí mật bàn nhau : đất Ba và đất Thục đường sá hiểm trở, nhà Tần đày người đến ở đất Thục. Bèn nói :

— Đất Ba và đất Thục cũng là đất Quan Trung (2). Cho nên lập Bái Công làm Hán Vương cai trị đất Ba, đất

1. Hạng Vương hy vọng Sở Hoài Vương sẽ cho mình làm vương ở Tần, nhưng Sở Hoài Vương muốn giữ lời giao ước để Bái Công làm vương, vì Bái Công đầu tiên vào Quan Trung.

2. Vì bất đắc dĩ phải phong vương cho Bái Công, lại phải phong ở Quan Trung theo lời giao ước, cho nên hai người tìm cách « đày » Bái Công đi Ba và Thục, và nói rằng Ba và Thục cũng là Quan Trung.

Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vương chia Quan Trung làm ba phần, phong vương cho các tướng Tần đã đầu hàng, để họ chẹn đường của Hán Vương.

Hạng Vương lập Chương Hàm làm Ung Vương, cai trị từ Hàm Dương sang phía tây, đóng đô ở Phế Khâu. Trưởng Sử Hán xưa làm quan coi ngục ở Lịch Dương vốn có ơn với Hạng Lương ; đô úy Đồng Ế trước đã khuyên Chương Hàm đầu hàng nước Sở. Cho nên Hạng Vương lập Tư Mã Hân làm Tắc Vương, cai trị từ phía đông Hàm Dương cho đến Hoàng Hà, đóng đô ở Lịch Dương ; Đồng Ế được làm Địch Vương, cai trị đất Thượng Quận, đóng đô ở Cáo Nô. Hạng Vương đổi Ngụy Vương là Báo làm Tây Ngụy Vương, cai trị đất Hà Đông, đóng đô ở Bình Dương. Thân Dương ở Hà Khâu là người tôi yêu của Trương Nhĩ, đã lấy được quận Hà Nam, và đóng quân Sở trên Hoàng Hà, cho nên được lập làm Hà Nam Vương, đóng đô ở Lạc Dương. Hàn Vương tên là Thành vẫn ở đất cũ, đóng đô ở Dương Địch. Tướng nước Triệu là Tư Mã Ngang đã lấy được Hà Nội và đã có nhiều lần lập công, cho nên được lập làm Ân Vương, cai trị ở đất Hà Nội, đóng đô ở Triều Ca. Hạng Vương đổi Triệu Vương tên là Yết làm Đại Vương. Thừa tướng nước Triệu là Trương Nhĩ vốn hiền lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Thường Sơn Vương cai trị đất Triệu đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bố làm tướng nước Sở, thường lập công đầu trong quân đội, cho nên được lập làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Ngô Nhuế làm lệnh ở Bà Dương, thường đốc suất

Bách Việt (1) để giúp chư hầu, lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở đất Trâu. Cung Ngao làm trụ quốc của Nghĩa Đế, đã đem quân đánh Nam Quận, lập được nhiều công cho nên được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Hạng Vương đổi Yên Vương Hàn Quảng làm Liêu Đông Vương. Tướng nước Yên là Tang Đồ đã theo Sở cứu Triệu, sau đó lại theo Hạng Vũ vào Quan Trung cho nên được lập làm Yên Vương, đóng đô ở đất Kế. Hạng Vương đổi Tề Vương là Điền Thị làm Giao Đông Vương. Tướng nước Tề là Điền Đô đã cùng Hạng Vương cứu Triệu sau đó lại theo Hạng Vương vào Quan Trung cho nên được lập làm Tề Vương, đóng đô ở Lâm Tri. Điền An, cháu của Tề Vương Kiến bị Tần giết khi Hạng Vũ vượt qua sông cứu Triệu, Điền An đã lấy lại được mấy thành ở Tế Bắc rồi đem binh đầu hàng Hạng Vũ, cho nên được lập làm Tế Bắc Vương, đóng đô ở Bắc Dương. Điền Vinh đã mấy lần không nghe theo Hạng Vương, lại không chịu đem binh theo quân Sở đánh Tần cho nên không được phong đất. Thành An Quân Trần Dư bỏ tướng ấn mà đi, không theo Hạng Vương vào Quan Trung, nhưng nghe nói ông ta là người hiền, có công với nước Triệu, lại nghe tin ông ta lúc bấy giờ ở Nam Bì, cho nên phong cho ba huyện ở xung quanh đấy. Tướng của Phiên Quân là Mai Quyên lập được nhiều công, cho nên được phong thập vạn hộ hầu.

Hạng Vương tự lập làm Tây Sở Bá Vương, cai trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành.

---

1. Bách Việt là tên chung để chỉ tất cả Việt Tộc ở giải núi Ngũ Lĩnh, sau khi nước Việt bị nước Sở diệt. Vào cuối đời Chiến Quốc có Âu Việt ở phía nam Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Quảng Đông.

Năm thứ nhất, tháng tư, đời nhà Hán (206) các chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình. Hạng Vương về nước, sai người đổi Nghĩa Đế đi nơi khác, nói :

— Các vị đế vương ngày xưa nước vuông ngàn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Cho nên Hạng Vương sai đổi Nghĩa Đế đi Trường Sa, ở Sâm Huyện. Hạng Vương lại giục Nghĩa Đế đi. Quần thần của Nghĩa Đế dần dần trở mặt, Hạng Vương bèn bí mật sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương giết Nghĩa Đế ở trên Trường Giang. Hàn Vương là Thành không có quận công, Hạng Vương không cho về nước, đưa về Bành Thành và giáng chức làm hầu, sau đó Hạng Vương lại sai người giết đi. Tang Đồ về nước mình, muốn đuổi Hàn Quảng đi Liêu Đông, nhưng Quảng không nghe, Tang Đồ giết Quảng ở Vô Chung và lấy luôn đất của Quảng để làm vương.

Điền Vinh nghe tin Hạng Vũ đã đổi vua Tề là Thị đi Giao Đông, và lập tướng nước Tề là Điền Đô làm Tề Vương, liền nổi giận, không cho Tề Vương đi Giao Đông, rồi giữ lấy nước Tề làm phản và đón đánh Điền Đô. Điền Đô bỏ chạy sang Sở. Tề Vương là Thị, sợ Hạng Vương nên bỏ trốn về nước mình là Giao Đông. Điền Vinh nổi giận, đuổi theo, giết Tề Vương ở Tức Mặc, Vinh bèn tự lập làm Tề Vương, đem quân về hướng tây, giết vua Tề Bắc là Điền An, làm vua cả Tam Tề (1).

Vinh giao ấn tướng quân cho Bành Việt, ra lệnh cho y làm phản ở đất Lương. Trần Dư ngầm sai Trương Đống, Hạ Duyệt nói với vua Tề là Điền Vinh :

— Hạng Vương làm chúa tể thiên hạ, nhưng không công bình. Ông ta cho tất cả các vua cũ làm vương ở

1. Tam Tề : Tức là Tề, Tề Bắc và Giao Đông.

những đất xấu, còn cho quần thần, tướng tá của ông ta làm vương ở những nơi đất tốt, đuổi chủ cũ của mình là Triệu Vương lên phía Bắc, ở đất Đại, Dư này cho là không hợp lý. Nghe tin đại vương khởi binh, lại không chịu nghe lối xử trí bất nghĩa, xin đại vương giúp binh lính cho Dư này. Tôi xin đánh Thường Sơn để phục lại Triệu Vương. Tôi xin lấy nước ấy làm rào giậu cho nước đại vương.

Tề Vương bằng lòng, liền sai quân đi đến Triệu. Trần Dư đem tất cả quân của ba huyện cùng hợp sức với Tề Vương đánh Thường Sơn, phá tan quân của Thường Sơn Vương. Trương Nhĩ bỏ chạy theo Hán, Trần Dư đón Yết, trước đấy làm Triệu Vương ở đất Đại, đưa về Triệu Vương bèn lập Trần Dư làm vương đất Đại (1).

8. Bấy giờ Hán quay về bình định Tam Tần (2). Hạng Vương nghe tin Hán Vương đã lấy được Quan Trung, lại đem quân về hướng đông nước Tề, nước Triệu làm phản chống lại mình, liền nổi giận. Bèn phong Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh đất Ngô làm Hàn Vương để chống lại Hán, sai bọn Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt đánh lại bọn Tiêu Công Giác. Hán Vương sai Trương Lương đi chiêu hàng ở Hàn, và đưa thư cho Hạng Vương, nói :

— Hán Vương không được đối xử như lời giao ước cho nên muốn lấy Quan Trung, nay được như lời giao ước cũ thì thôi, không dám đem quân sang hướng đông (3) nữa.

1. Đoạn 7 : Hạng Vũ diệt nhà Tần, phong vương cho các tướng. Sau đó Vũ giết Nghĩa Đế và các tướng phản lại Vũ.

2. *Tam Tần* : ba nước Ung, Tắc và Địch, ở trên đã nói, Hạng Vũ chia đất Tần làm ba phần, phong cho các tướng cũ của Tần.

3. Tức là đã được làm vương ở Quan Trung (Tam Tần) như lời hứa của Sở Hoài Vương.

Hán Vương lại lấy thư của Tề và Lương làm phản đưa cho Hạng Vương và nói :

— Nước Tề muốn cùng hợp sức với nước Triệu để tiêu diệt nước Sở.

Vì vậy, Sở không có ý định đem quân về hướng tây ; lại đem quân về hướng bắc để đánh Tề. Sở đòi Cửu Giang Vương Bố đem binh đi theo, Bố cáo bệnh không đến, sai tướng mang mấy ngàn quân lại. Vì vậy Hạng Vương oán Bố.

Mùa đông năm thứ hai nhà Hán (205), Hạng Vương đem quân về hướng bắc, đến Thành Dương. Điền Vinh cũng đem binh đến giao chiến. Điền Vinh đánh không lại, chạy đến Bình Nguyên. Dân Bình Nguyên giết Điền Vinh. Hạng Vũ bèn đem quân đi theo phía bắc, san phẳng và đốt thành quách nhà cửa của Tề, chôn sống tất cả quân lính của Điền Vinh đầu hàng, trói và bắt những người già cả, đàn bà con gái làm tù, lấy đất từ Tề đến Bắc Hải, tàn sát rất nhiều. Người Tề họp nhau lại làm phản. Vì vậy, em của Điền Vinh là Điền Hoành, thu thập được mấy vạn lính Tề đã đi trốn từ trước, làm phản ở Thành Dương. Hạng Vương vì vậy phải dừng lại, đánh mấy trận, nhưng không hạ được.

Mùa xuân, Hán Vương cầm quân của năm nước chư hầu, tất cả năm mươi sáu vạn người, kéo về hướng đông để đánh Sở. Hạng Vương nghe vậy bèn sai các tướng đánh nước Tề, còn mình thì đem ba vạn tinh binh đi về hướng nam do đất Lỗ qua thành Hồ Lăng. Tháng tư, quân Hán đều đã vào Bành Thành, thu của cải châu báu, gái đẹp, ngày nào cũng đặt tiệc rượu hội họp linh đình. Hạng Vương bèn đem quân về hướng tây, sáng sớm đi qua Tiêu huyện, đánh quân Hán, rồi kéo về hướng đông đến Bành Thành. Giữa trưa, Hạng Vũ phá

tan quân Hán ; quân Hán đều bỏ chạy, xô nhau nhảy xuống sông Cốc và sông Tử. Hạng Vương giết hơn mười vạn quân Hán, quân Hán đều bỏ chạy sang hướng nam về phía núi. Quân Sở lại truy kích đến phía đông Linh Bích, trên sông Tuy Thủy. Quân Hán rút lui bị quân Sở đánh rát riết, giết rất nhiều. Hơn mười vạn quân Hán đều nhảy xuống sông Tuy Thủy. Nước sông vì vậy không chảy được. Hạng Vương vây quân Hán ba vòng. Lúc bấy giờ, có một trận gió to thổi từ phía tây bắc, bẻ gãy cây, lật thốc mái nhà, làm bay cát đá, ban ngày tối đen. Gió thổi thẳng vào quân Sở, quân Sở rối loạn, tan rã. Nhờ thế, Hán Vương mới trốn thoát với mấy mươi kỵ binh. Hán Vương muốn đi qua đất Bái để đem cả gia đình về hướng tây. Quân Sở cũng cho người đuổi theo đến Bái, bắt gia đình Hán Vương, cả nhà đều trốn và không gặp Hán Vương. Hán Vương đến gặp Hiếu Huệ (1), Lỗ Nguyên (1), ở trên đường cái bèn mang lên xe cùng đi. Kỵ binh của Sở đuổi theo. Hán Vương vội vã quá đẩy Hiếu Huệ và Lỗ Nguyên xuống xe. Đằng Công bước xuống đưa hai người lên xe, làm như thế ba lần (2). Đằng Công nói :

— Tuy gấp, không thể đi nhanh, nhưng lẽ nào lại bỏ đi ?

Thế rồi trốn thoát được. Hán Vương cho tìm Thái Công và Lữ Hậu, nhưng không gặp. Thầm Tự Cơ theo Thái Công và Lữ Hậu lén lút đi tìm Hán Vương, không

1. Hiếu Huệ sau này nối ngôi Lưu Bang tức là Huệ Đế. Lỗ Nguyên con gái Lưu Bang. Những tên Hiếu Huệ, Lỗ Nguyên đều là đặt sau khi chết, lúc bấy giờ Hiếu Huệ tên là Doanh.

2. Chi tiết điển hình, nêu rõ sự vội vã và hoảng hốt của Lưu Bang.

ngờ gặp quân Sở. Quân Sở bèn đưa họ về báo với Hạng Vương. Hạng Vương giữ họ lại ở trong quân.

Bấy giờ, anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hầu làm tướng Hán, đóng quân ở Hạ Ấp, Hán Vương lên đến đó theo Chu Lữ Hầu, dần dần thu lại được quân sĩ. Khi đến Huỳnh Dương, các quân bại trận trước đều tập hợp lại. Tiêu Hà cũng điều động tất cả những người già trẻ không đúng tuổi đăng binh ở Quan Trung đến Huỳnh Dương. Thế quân Hán lại mạnh. Quân Sở xuất phát từ Bành Thành, thừa thắng đuổi theo, cùng quân Hán đánh nhau ở phía nam Huỳnh Dương, giữa miền Kinh ấp và Sách Đình. Quân Hán đánh quân Sở thua. Vì vậy, Sở không thể đem quân đi về hướng tây.

Trong khi Hạng Vương cứu Bành Thành, đuổi Hán Vương đến Huỳnh Dương, thì Điền Hoành cũng nhân đấy thu phục được nước Tề, lập con của Điền Vinh là Quảng làm Tề Vương. Sau khi Hán Vương thất bại ở Bành Thành, các nước chư hầu lại theo Sở mà chống lại Hán. Hán đóng quân ở Huỳnh Dương, xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy lúa ở kho Ngao Thương.

Năm thứ ba nhà Hán (104), Hạng Vương mấy lần đem quân đánh cướp đường ống của Hán. Hán Vương thiếu lương thực, lo sợ xin hòa, cắt đất từ Huỳnh Dương sang phía đông về Hán. Hạng Vương muốn nghe theo. Lịch Dương Hầu là Phạm Tăng nói :

— Đối phó với Hán thì dễ thôi ! Nay bỏ cơ hội này mà không lấy, về sau sẽ hối hận.

Hạng Vương bèn cùng Phạm Tăng vây Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, bèn theo kế của Trần Bình để ly gián Hạng Vương. Hạng Vương sai sứ giả đến.

Hán Vương sai làm cỗ thái lao (1) đem đến, có vẻ muốn mời sứ giả ăn. Nhưng khi thấy sứ giả thì giả vờ kinh ngạc mà rằng :

— Ta tưởng là sứ giả của Á phụ, lại hóa ra sứ giả của Hạng Vương !

Liền bưng cỗ đi, đem thức ăn tồi ra cho sứ giả của Hạng Vương ăn, sứ giả về báo với Hạng Vương. Hạng Vương bèn nghi Phạm Tăng tư thông với Hán nên tước bỏ quyền của Tăng. Phạm Tăng giận lắm, nói :

— Việc thiên hạ đã bình định xong rồi ! Xin quân vương tự lo lấy. Cho phép thần được mang xác về làm một người lính.

Hạng Vương bằng lòng. Phạm Tăng đi chưa đến Bành Thành, nổi ung ở lưng mà chết !

Tướng của Hán là Kỷ Tín nói với Hán Vương :

— Nay việc đã gấp ! Xin cho tôi vì nhà vua mà giả làm vua để lừa quân Sở. Như thế nhà vua có thể cải trang mà trốn thoát.

Hán Vương bèn đang đêm cho đưa con gái ra cửa đông Huỳnh Dương và hai ngàn người mang áo giáp, quân Sở đánh vào bốn mặt. Kỷ Tín cưỡi xe Hoàng Ốc (2), cắm cờ tả đạo (3), nói :

— Trong thành lương hết ! Hán Vương xin hàng !

Quân Sở đều hô « vạn tuế ! ».

Hán Vương cùng vài mươi kỵ binh do cửa tây thành mà ra, chạy đến Thành Cao. Hạng Vương thấy Kỷ Tín liền hỏi :

1. *Cỗ thái lao* : ngày xưa làm cỗ có thịt bò, thịt dê, thịt lợn thì gọi là cỗ thái lao, đây ý nói một bữa tiệc long trọng.
2. Xe nhà vua lợp vải màu vàng nên gọi là xe hoàng ốc.
3. Cái cờ bằng lông chim treo ở bên trái xe nhà vua.

— Hán Vương ở đâu ?

Kỷ Tín nói :

— Hán Vương đã ra rồi !

Hạng Vương thiêu sống Kỷ Tín.

Hạng Vương sai ngự sử đại phu là Chu Hà, Tung Công và Ngụy Báo giữ Huỳnh Dương. Chu Hà và Tung Công bàn nhau :

— Khó lòng giữ nổi thành trì với một ông vua phản quốc (1).

Bèn cùng nhau giết Ngụy Báo. Quân Sở hạ thành Huỳnh Dương, bắt sống Chu Hà. Hạng Vương bảo Chu Hà :

— Nếu ngươi chịu làm tướng của ta, ta sẽ cho ngươi làm thượng tướng quân, và phong cho ba vạn hộ.

Chu Hà đáp :

— Mày nếu không đầu hàng Hán, thì Hán sẽ cầm tù mày ! Mày không địch nổi Hán đâu !

Hạng Vương nổi giận, bỏ Chu Hà vào vạc sôi và giết luôn cả Tung Công. Hán Vương thoát khỏi Huỳnh Dương, chạy về phía nam, vào đất Uyển và đất Diệp, gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bố. Hán Vương thu thập quân đội, lại vào giữ Thành Cao.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hạng Vương tiến quân, vây Thành Cao, Hán Vương bỏ trốn ra khỏi cửa bắc Thành Cao với Đằng Công, vượt qua Hoàng Hà, chạy đến Tu Vũ, nhập vào quân của Trương Nhĩ, Hàn Tín. Các tướng đều dần dần ra khỏi Thành Cao, đi theo Hán Vương. Quân Sở lấy được Thành Cao, muốn đi về hướng tây. Hán sai quân chống lại ở đất Củng, làm cho quân Sở không đi về hướng tây được.

1. Ngụy Báo trước đã có lần làm phản chống lại Lưu Bang

Bấy giờ, Bành Việt đã vượt qua Hoàng Hà, đánh đất Đông A của Sở, giết tướng của Sở là Tiết Công. Hạng Vương liền thân hành đem quân về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương được binh của Hoài Âm Hầu (1) muốn vượt qua Hoàng Hà đi về Nam, Trịnh Trung nói Hán Vương dừng lại, đóng quân ở Hà Nội, sai Lưu Giả đem quân giúp Bành Việt, đốt lương thực của Sở. Hạng Vương đem quân về hướng đông, đánh phá quân Bành Việt, Bành Việt bỏ chạy. Hán Vương đem quân vượt qua Hoàng Hà, lấy lại được Thành Cao đóng quân ở Quảng Vũ, lấy lương thực ở kho Ngao Thương. Sau khi đã bình định xong miền đông, Hạng Vương đem binh sang hướng tây gặp quân Hán ở Quảng Vũ, hai bên giữ nhau mấy tháng.

Lúc bấy giờ, Bành Việt thường làm phản ở đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở, Hạng Vương lo lắng, dựng một cái thớt cao, đặt Thái Công lên trên, và sai người nói với Hán Vương :

— Nếu không đầu hàng ngay thì ta nấu chết Thái Công.

Hán Vương nói :

— Ta và Hạng Vũ đều ngoảnh mặt về hướng bắc, chịu mệnh lệnh của Hoài Vương và đã « giao ước làm anh em », cha ta tức là cha ngươi, ngươi muốn nấu cha ngươi thì chia cho ta một bát canh với !

Hạng Vương giận, muốn giết Thái Công. Hạng Bá nói :

— Việc thiên hạ chưa biết như thế nào, vả chăng người đã lo việc thiên hạ thì không nhìn đến việc nhà, có giết ông ta cũng vô ích, chỉ tăng thêm tai họa mà thôi.

1. Hoài Âm Hầu : tức Hàn Tín lúc ấy chưa phong, đây là nhà làm sử theo tước phong sau mà chép.

Hạng Vương nghe theo.

Quân Sở và quân Hán giằng co nhau, chưa ai thắng ai: trai tráng khổ sở vì phải đi lính, người già yếu mệt nhọc vì lo vận tải lương thực, Hạng Vương nói với Hán Vương:

— Mấy năm nay, thiên hạ xao xuyến khốn khổ, chỉ vì hai chúng ta.

Hạng Vương muốn cùng Hán Vương khiêu chiến, quyết một phen sống mái, không nên làm khổ nhân dân thiên hạ nữa.

Hán Vương cười mà rằng:

— Ta chỉ đấu trí, không thèm đấu lực.

Hạng Vương sai tráng sĩ ra khiêu chiến. Hán Vương có viên tướng giỏi bắn là Lâu Phiền. Ba lần quân Sở ra khiêu chiến, đều bị Lâu Phiền bắn chết. Hạng Vương trợn mắt quát (1). Lâu Phiền mắt không dám nhìn, tay không dám bắn, liền bỏ chạy vào thành, không dám ra nữa. Hán Vương sai người lẻn ra để hỏi, thì biết đó là Hạng Vương. Hán Vương hoảng sợ.

Thế rồi Hán Vương và Hạng Vương gặp nhau ở khe Quảng Vũ và nói chuyện với nhau. Hán Vương kể tội Hạng Vương, Hạng Vương nổi giận, muốn đánh nhau một trận, Hán Vương không nghe. Hạng Vương dùng cái nỏ ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương chạy vào Thành Cao.

Hạng Vương nghe tin Hoài Âm Hầu đã lấy được Hà Bắc, phá được Tề, Triệu, lại muốn đánh Sở, bèn sai Long Thư đến đánh, Hoài Âm Hầu cùng kỵ tướng là Quán Anh đánh quân Sở thua to, giết Long Thư. Hàn Tín nhân đó tự lập làm Tề Vương. Hạng Vương nghe tin quân của Long Thư thua trận, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai, đến khuyên dụ Hoài Âm Hầu, Hoài Âm Hầu

1. Một chi tiết điển hình của Hạng Vũ khi chiến đấu.

không nghe (1). Bấy giờ Bành Việt lại làm phản, lấy được đất Lương, cắt đứt lương thực của Sở. Hạng Vương bảo bọn Hải Xuân Hầu, đại tư mã là Tào Cửu rằng:

— Phải giữ Thành Cao cho cẩn mật! Nếu quân Hán khiêu chiến thì chớ đánh nhau với chúng, chỉ đừng cho chúng đi về hướng đông mà thôi. Sau mười lăm ngày, nhất định ta sẽ giết Bành Việt, bình định được đất Lương, và lại về đây với tướng quân.

Hạng Vương đem quân về hướng đông đánh thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng. Thành Ngoại Hoàng không hạ được. Phải đánh mấy ngày mới đầu hàng. Hạng Vương giận, bắt buộc tất cả con trai từ mười lăm tuổi trở lên, đều phải đến phía đông thành ấy, muốn chôn sống họ. Con trai của huyện lệnh Ngoại Hoàng mới mười ba tuổi, đến nói với Hoàng Vương:

— Bành Việt cưỡng ép, Ngoại Hoàng sợ nên phải hàng, chờ đợi đại vương. Nếu đại vương đến lại chôn sống họ, trăm họ còn lòng nào muốn theo đại vương nữa! Nếu làm thế thì từ đây về hướng đông còn hơn mười thành của đất Lương sẽ đều sợ hãi, không ai chịu đầu hàng đâu.

Hạng Vương cho là phải, bèn tha những người ở Ngoại Hoàng khỏi bị chôn sống. Thế rồi các thành từ đó sang phía đông cho đến Tuy Dương nghe vậy đều tranh nhau đầu hàng Hạng Vương.

Quả nhiên, Hán mấy lần khiêu chiến với quân Sở, quân Sở không chịu ra. Hán sai người mắng nhiếc năm sáu ngày. Đại tư mã giận đem quân vượt qua sông

1. Việc này xem *Hoài Âm Hầu liệt truyện*.

Tự Thủy, quân lính vừa mới ra giữa sông, bị quân Hán đánh úp phá tan quân Sở, lấy tất cả của cải tiền bạc của nước Sở. Đại tư mã là Cữu, trưởng sử là Ế, Tắc Vương là Hàn đều đâm cổ chết giữa sông Tự Thủy. Đại tư mã Cữu nguyên trước làm quan coi ngục ở đất Kỳ, trưởng sử Hàn cũng là quan coi ngục ở đất Lịch Dương, hai người trước có ơn với Hạng Vương cho nên được Hạng Vương tín nhiệm. Lúc bấy giờ, Hạng Vương ở Tuy Dương, nghe tin Hải Xuân Hầu thua, liền đem quân về. Quân Hán đang vây Chung Ly Muội ở phía đông Huỳnh Dương, Hạng Vương đến, quân Hán sợ Sở chạy vào nơi hiểm trở hết. Lúc bấy giờ bên Hán quân thịnh, lương nhiều, quân của Hạng Vương mệt nhọc, lương hết. Hán sai Lục Giả nói với Hạng Vương xin Thái Công. Hạng Vương không nghe. Hán Vương lại sai Hầu Công đến nói với Hạng Vương. Hạng Vương bèn giao ước với Hán Vương chia giữ thiên hạ : từ Hồng Câu về tây là thuộc Hán, từ Hồng Cấu về đông là thuộc Sở, liền cho cha và vợ Hán Vương về. Quân sĩ đều hô : « Vạn tuế ! ». Hán Vương bèn phong Hầu Công làm Bình Quốc Công. Hầu Công từ đó bị yên trí, không được yết kiến nữa. Hán Vương bảo :

— Đó là kẻ biện sĩ giỏi nhất thiên hạ, ở đâu thì nước ấy sẽ nghiêng đổ, cho nên hiệu là Bình Quốc Quân (1).

9. Hạng Vương sau khi đã giao ước, rút quân về hướng đông. Hán Vương muốn đi về hướng tây, Trương Lương, Trần Bình nói :

— Hán đã có được hơn một nửa thiên hạ, chư hầu đều theo. Nước Sở quân sĩ mệt, lương thực hết, chính

1. Đoạn 8 — Tình hình chiến sự giữa Hán và Sở trong bốn năm.

là lúc trời làm mất nước Sở. Chi bằng nhân cơ hội này mà đánh lấy. Nay thả không đánh, tức như lời người ta nói « nuôi hổ để lại gây mối lo cho mình về sau » !

Hán Vương nghe theo.

Năm thứ năm nhà Hán (— 202), Hán Vương theo đánh Hạng Vương đến phía nam Dương Hạ, đóng quân lại đấy, hẹn với Hoài Âm Hầu Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt hiệp sức để đánh quân Sở. Hán Vương đến Cố Lăng, nhưng binh của Tín và Việt không đến. Quân Sở đánh quân Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đào hào sâu để giữ. Hán Vương bảo Trương Tử Phòng :

— Chư hầu không theo lời giao ước, làm thế nào bây giờ ?

Tử Phòng nói :

— Quân Sở sắp vỡ, nhưng Tín, Việt vẫn chưa được phong đất, họ không đến là phải. Nếu nhà vua biết chia thiên hạ cho họ thì gọi họ sẽ đến ngay. Không làm được thế, đại sự chưa biết như thế nào. Nếu nhà vua có thể phong cho Hàn Tín các miền từ đất Trần sang phía đông cho đến biển ; phong cho Bành Việt các miền từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành, để cho họ tự chiến đấu, thì dễ đánh bại Sở lắm.

Hán Vương nói :

— Phải đấy !

Hán Vương bèn sai sứ giả đến nói với Hàn Tín, Bành Việt :

— Hãy chung sức đánh Sở. Nếu phá được Sở thì từ đất Trần về phía đông cho đến biển sẽ phong cho Tề Vương ; từ phía bắc Tuy Dương cho đến Cốc Thành sẽ phong cho Bành tướng quốc.

Sứ giả đến, Hàn Tín, Bành Việt đều báo :

— Xin tiến quân tức thì.

Hàn Tín bèn từ Tề đến, hội với quân Lưu Giả, từ Thọ Xuân xuất phát rồi cùng kéo đi, làm cỏ Thành Phụ và đến Cai Hạ. Đại Tư Mã Chu Ấn phản lại Sở, lấy quân của đất Thư đến đất tiêu diệt đất Lục, lại điều động cả quân Cửu Giang theo Lưu Giả và Bành Việt. Tất cả đều họp ở Cai Hạ, hướng vào phía Hạng Vương.

Hạng Vương đóng quân ở trong thành Cai Hạ, binh ít, lương hết ! Quân Hán và quân chư hầu bổ vây mấy vòng. Đang đêm, Hạng Vương nghe quân Hán ở bốn mặt đều hát giọng Sở, Hạng Vương liền kinh hoảng, nói :

— Hán đã lấy được Sở rồi sao ? Sao mà người Sở đông như thế ?

Đang đêm Hạng Vương thức dậy, uống rượu trong trướng. Có mỹ nhân thường đi theo tên là Ngu, có con ngựa thường cưỡi tên là Chuy, Hạng Vương đau đớn, cảm khái làm bài thơ :

Sức nhổ núi, khí trùm đời,
Ngựa Chuy chùn lại bởi thời không may !
Ngựa sao chùn lại thế này ?
Nàng Ngu, biết tính sao đây hỡi nàng ?

Hạng Vương ca mấy lần, mỹ nhân họa theo (1). Hạng Vương khóc chảy nước mắt ! Tả hữu đều khóc, không ai có thể ngẩng đầu lên nhìn !

Hạng Vương bèn lên mình ngựa, tráng sĩ cưỡi ngựa ở dưới cờ hơn tám trăm người, đang đêm phá vỡ vòng vây, xông ra phía nam, phi ngựa chạy. Đến tảng sáng, quân Hán mới biết, sai kỵ tướng là Quán Anh mang năm ngàn kỵ binh đuổi theo. Hạng Vương vượt qua sông Hoài, quận kỵ theo kịp chỉ còn hơn trăm người.

1. Sau lúc hát, Ngu Cơ tự sát.

Hạng Vương đến Âm Lăng lạc đường, bỏi một cụ già làm ruộng. Cụ già nói dối, bảo :

— Đi qua bên trái !

Hạng Vương rẽ qua bên trái, sa vào trong đồng lầy, cho nên quân Hán đuổi kịp. Hạng Vương lại đem quân đi về phương đông, đến Đông Thành, bấy giờ chỉ còn hai mươi tám kỵ binh. Kỵ binh Hán đuổi theo mấy ngàn. Hạng Vương tự liệu chẳng thoát được, bảo các kỵ binh :

— Ta từ đi dấy binh đến nay đã tám năm trời, mình trải qua hơn bảy mươi trận, ai chống cự thì bị đánh bại, đánh đâu thì họ phải chịu phục, chưa từng thua chạy bao giờ. Rốt cục làm bá thiên hạ. Thế mà nay phải chịu khốn khổ ở đây, đó là trời hại ta, chứ không phải tội ta đánh không giỏi. Ngày nay thế nào cũng chết, ta nguyện vì các ngươi quyết chiến, nhất định phải thắng ba lần, vì các ngươi phá vòng vây, chém tướng, chặt cờ, để các ngươi biết rằng đấy là trời hại ta chứ không phải lỗi tại ta đánh không giỏi.

Hạng Vương bèn chia kỵ binh ra bốn đội, quay về bốn phía. Quân Hán vây Hạng Vương mấy vòng. Hạng Vương nói với các kỵ binh :

— Ta xin các ngươi giết tên tướng kia !

Hạng Vương sai phi ngựa xuống cả bốn mặt, hẹn xông qua phía đông núi rồi tập hợp làm ba nơi. Hạng Vương bèn thét lớn, phi ngựa xuống, quân Hán đều giạt ra một bên, Hạng Vương chém một viên tướng Hán. Bấy giờ Xích Tuyền Hầu làm tướng Hán đuổi theo Hạng Vương. Hạng Vương trợn mắt quát, Xích Tuyền Hầu người ngựa đều hoảng kinh, chạy lui đến mấy dặm.

Hạng Vương cùng quân kỵ tập hợp lại làm ba nơi khác nhau, quân Hán không biết Hạng Vương ở đâu,

bèn chia quân làm ba và vây lại lần thứ hai. Hạng Vương bèn phi ngựa chém một viên đô úy, giết mấy trăm người, rồi hợp các kỵ binh lại thì chỉ mất hai kỵ binh mà thôi. Hạng Vương bèn hỏi các kỵ binh :

— Thế nào ?

Kỵ binh đều cúi rạp xuống thưa :

— Đúng như lời đại vương đã nói.

Hạng Vương muốn đi sang phía đông, vượt sông Ô Giang. Người đình trưởng Ô Giang cầm thuyền đợi, bảo Hạng Vương :

— Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn, cũng đủ làm vương. Xin đại vương mau mau vượt sông. Nay chỉ một mình thần có thuyền, quân Hán đến không có cách gì vượt qua.

Hạng Vương cười mà rằng :

— Trời hại ta, ta vượt qua sông làm gì ! Vả chăng Tịch này cùng tám ngàn con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về hướng tây, nay không còn lấy một người trở về ! Dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta cũng còn mặt mũi nào mà thấy họ nữa. Dù họ không nói, Tịch này há chẳng thẹn trong lòng sao ?

Bèn bảo đình trưởng :

— Ta biết ông là bậc trưởng giả, ta cưỡi con ngựa này, năm năm nay đi đến đâu cũng vô địch, thường một ngày đi ngàn dặm, ta không nỡ giết, xin biếu ông.

Hạng Vương bèn sai kỵ binh đều xuống ngựa đi bộ, cầm khí giới ngắn để tiếp chiến. Một mình Tịch giết mấy trăm quân. Hạng Vương thân bị hơn mười vết thương, quay lại thấy kỵ binh tư mã của Hán là Lữ Mã Đồng, bèn nói :

— Ông có phải là người cố nhân của ta đó không ?

Lữ Mã Đồng quay mặt nhìn Hạng Vương và chỉ cho Vương Ế nói :

— Hạng Vương đó kìa !

Hạng Vương nói :

— Ta nghe Hán mua đầu ta ngàn vàng, phong ấp vạn hộ. Ta làm ơn cho nhà ngươi đây.

Rồi Hạng Vương tự đâm cổ chết (1).

Vương Ế lấy đầu, các kỵ binh khác giày xéo lên nhau giành Hạng Vương, giết nhau mấy mươi người (2). Mãi về sau lang trung kỵ là Dương Hỷ, kỵ tư mã là Lữ Mã Đồng, lang trung là Lữ Thắng, Dương Vũ đều mỗi người được một phần. Năm người họp nhau chắp lại xác thì thấy ăn khớp. Vì vậy, chia đất phong ra làm năm : Lữ Mã Đồng được phong làm Trung thủy hầu, Vương Ế làm Đỗ diễn hầu, Dương Hỷ làm Xích tuyền hầu, Dương Vũ làm Ngô phòng hầu, Lữ Thắng làm Niết dương hầu.

Hạng Vương chết rồi, đất Sở đều hàng Hán, riêng Lỗ không chịu hàng. Hán liền đem quân cả thiên hạ đến muốn tiêu diệt dân Lỗ. Nhưng vì Lỗ biết giữ lễ nghĩa, vì chúa chịu chết để giữ khí tiết, Hán Vương bèn sai cầm đầu Hạng Vương đến cho dân Lỗ xem. Phụ huynh nước Lỗ bèn đầu hàng. Lúc đầu, Sở Hoài Vương phong Hạng Tịch làm Lỗ Công, đến khi Tịch chết, nước Lỗ đầu hàng cuối cùng cho nên chôn cất Hạng Vương ở Cốc Thành theo lễ Lỗ Công, Hán Vương cử ai, khóc, rồi đi.

Dòng họ Hạng Vương đều không bị Hán Vương giết. Hán Vương phong Hạng Bá làm Xạ dương hầu. Đào

---

1. Đoạn miêu tả cái chết của Hạng Vũ cũng là một đoạn rất nổi tiếng. Lời lẽ sinh động mãnh liệt như anh hùng ca. Đoạn này nhấn mạnh cái mà Vũ gọi là « chiến đấu giỏi ».

2. Chi tiết tuy nhỏ, nhưng đầy tính chất châm biếm.

hầu, Bình cao hầu, Huyền vũ hầu đều người họ Hạng, cho đổi họ làm họ Lưu.

10. Thái Sử Công nói : tôi nghe Chu Sinh nói : « Mắt vua Thuấn có hai con ngươi (1). Lại nghe nói mắt Hạng Vũ cũng có hai con ngươi. Phải chăng là dòng dõi của vua Thuấn ! Sao mà nổi lên nhanh chóng như vậy ! Nhà Tần làm hỏng mất chính sự. Trần Thiệp đầu tiên khởi nghĩa, hào kiệt nổi lên như ong, tranh giành nhau không thể kể xiết. Hạng Vũ trong tay không có quyền bính gì, thừa thế nổi lên nơi thảo dã, trong ba năm liền đem năm nước chư hầu để tiêu diệt Tần, phân chia thiên hạ, phong các vương hầu, ban ra chính lệnh và tự xưng là bá vương, địa vị tuy không trọn vẹn nhưng từ cận cổ đến nay chưa hề có người nào như thế. Đến khi Vũ bỏ Quan Trung, nhớ đất Sở, đuổi Nghĩa Đế để tự lập, thế mà lại trách các vương hầu phản mình thì thực cũng khó vậy. Tự khoe khoang công trạng, chỉ dùng cái trí của mình mà không chịu bắt chước người xưa, nói rằng có thể lấy võ lực dẹp yên thiên hạ, dựng nghiệp bá vương, nhưng chỉ được năm năm thì mất nước, thân chết ở Đông Thành, thế mà còn chẳng tỉnh ngộ, không tự trách mình, thật là có lỗi. Lại còn có câu : « Trời hại ta chứ không phải đánh không giỏi, há chẳng lầm sao ! » (2).

1. Tư Mã Thiên nhắc đến một câu chuyện hoang đường, truyền ngôn chứ không phải cho là đúng sự thực.

2. Đoạn 10 — Tác giả không giấu giếm sự thán phục của mình đối với Hạng Vũ « từ cận cổ đến nay chưa có ai như thế » và nguyên nhân thất bại của Hạng Vũ.

CAO TỔ BẢN KỶ

1. Cao Tổ người làng Trọng Dương, ấp Phong, quận Bái, họ Lưu tên tự là Quý (1). Cha là Thái Công, mẹ là bà Lưu.

Trước đây có một lần bà Lưu nghỉ trên bờ một cái đầm lớn, mộng thấy nằm với một vị thần, lúc bấy giờ sấm chớp nổi lên, trời tối mịt, Thái Công đến xem thì thấy trên người bà có một con giao long. Sau đó bà có mang và sinh Cao Tổ.

Cao Tổ người mũi gồ, trán rộng, ở cằm và má có râu tốt, ở bắp vế bên trái có bảy mươi hai nốt ruồi. Tính nhân hậu, thương người, thích cho người, đầu óc rộng rãi, luôn luôn nghĩ đến những mưu đồ lớn, không lo đến việc làm ăn và những công việc của những người trong nhà. Khi lớn lên được làm lại, làm đình trưởng (2) ở sông Tứ. Đối với tất cả các quan lại trong quận, Cao Tổ đều coi thường và đùa bỡn, thích rượu và gái.

Cao Tổ thường uống rượu chịu ở nhà bà già Vương. Mỗi khi say rượu ngủ, bà Vũ và bà Vương thường thấy có rồng ở trên người và lấy làm lạ. Mỗi khi Cao Tổ

1. Tên thật là Bang nhưng vì húy nên không viết. Tên Quý chứng tỏ Lưu Bang là con thứ ba, theo thứ tự : Bá, Trọng, Quý.

2. Mười làng thành một đình, mười đình thành một hương.

mua rượu hay ngồi lại uống thì bao giờ cũng trả giá gấp mấy lần. Đến khi hai bà thấy việc lạ, cuối mỗi năm, hai bà thường chẻ sổ nợ (1). Cao Tổ có lần đi làm xâu ở Hàm Dương, ung dung nhìn hoàng đế nhà Tần, thở dài ngậm ngùi mà rằng :

— Chà ! Một người trượng phu thì phải làm thế mới được.

Lữ Công người Đan Phụ, quen thân với quan lệnh huyện Bái, đến ở làm khách ở Bái để tránh người thù nhân đó làm nhà ở luôn tại Bái. Những người hào mục và quan lại ở Bái nghe nói quan huyện có người khách quý, đều đến mừng. Tiêu Hà làm chủ lại, nhận đồ mừng của khách ra lệnh cho các tân khách.

— Ai vào không nộp đủ một ngàn đồng tiền thì phải ngồi ở dưới.

Tuy Cao Tổ chỉ làm đình trưởng, nhưng tính vốn coi thường các nha lại nên yết kiến và nói dối :

— Tôi mang đến một vạn đồng tiền.

Kỳ thực, chẳng mang một đồng nào cả. Cao Tổ vào, Lữ Công rất kinh ngạc đứng dậy đón ở cửa. Lữ Công giỏi nghề coi tướng, thấy diện mạo của Cao Tổ liền quý trọng, đưa vào nhà mời ngồi. Tiêu Hà nói :

— Cái ông Lưu Quý chỉ tổ nói khoác, chẳng làm nên việc gì.

Cao Tổ vì coi thường, khinh rẻ các tân khách, nên bước lên chỗ cao nhất mà ngồi chẳng chút nhún nhường. Rượu uống gần tàn, Lữ Công nhân lấy mắt ra hiệu cố giữ Cao Tổ lại. Sau khi Cao Tổ uống rượu xong, Lữ Công nói :

---

1. Vì sổ nợ viết trên thẻ tre hay miếng gỗ.

— Tôi từ nhỏ thích xem tướng người ta, đã xem tướng rất nhiều, nhưng chẳng người nào bằng ông Quý cả. Xin ông Quý lo gìn giữ thân mình. Tôi có cháu gái muốn gả làm kẻ nâng khăn sửa túi cho ông Quý.

Tiệc rượu tan, bà Lữ giận Lữ Công, nói :

— Ông vẫn thường muốn con mình có số khác thường, muốn gả cho người sang, ông huyện lệnh đất Bái là chỗ thân tình hỏi ông không gả, tại sao lại hứa gả bừa cho Lưu Quý ?

Lữ Công nói :

— Cái đó không phải là cái đàn bà con trẻ biết được.

Rốt cục gả con gái cho Lưu Quý. Con gái Lữ Công chính là Lữ Hậu, sinh Hiếu Huệ và công chúa Lỗ Nguyên.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, thường xin nghỉ về thăm ruộng, Lữ Hậu cùng hai con cày ruộng ngoài đồng. Có một cụ già đi qua, xin ăn. Lữ Hậu cho cụ ăn. Cụ già xem tướng Lữ Hậu và nói :

— Bà là kẻ sang trong thiên hạ.

Lữ Hậu nhờ ông ta xem tướng Hiếu Huệ, cụ già nói :

— Bà sở dĩ được sang là nhờ cậu con trai này !

Khi xem tướng Lỗ Nguyên, cụ già cũng bảo là người sang. Cụ già đi rồi, Cao Tổ chợt ở cái nhà bên cạnh đến, Lữ Hậu kể lại đầu đuôi việc người khách xem tướng ba mẹ con và bảo đều sẽ là người rất sang. Cao Tổ hỏi, Lữ Hậu bảo :

— Ông cụ đi chưa xa.

Cao Tổ bèn đuổi theo và gặp. Cao Tổ hỏi ông cụ, ông cụ nói :

— Cái bà và hai người con hồi nãy đều giống ông. Tướng ông sang không thể nói hết.

Cao Tổ bèn cảm tạ nói :

— Nếu quả thực như lời cụ nói thì tôi không dám quên ơn.

Đến khi vinh hiển, Cao Tổ không biết cụ già ấy ở đâu.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, lấy tre làm mũ, sai viên lính lo việc đi bắt trộm đến huyện Tiết thuê làm. Cao Tổ thường vẫn đội, đến khi hiển đạt vẫn đội thứ mũ ấy. Thứ mũ ấy gọi là mũ họ Lưu.

Cao Tổ lấy chức vụ đình trưởng thay mặt huyện đưa những người bị đày đến Lịch Sơn. Giữa đường nhiều người bỏ trốn. Cao Tổ tự xét đến nơi thì tất cả đều sẽ trốn hết (1), cho nên khi đến cái đầm ở phía tây ấp Phong thì bảo dừng lại uống rượu. Đang đêm, thả tất cả những người bị đày, nói :

— Các ông trốn hết đi. Tôi từ nay cũng trốn.

Hơn mười người tráng sĩ trong số những người bị đày tình nguyện trốn theo Cao Tổ.

Cao Tổ uống rượu say, đang đêm đi qua đầm. Cao Tổ sai một người đi trước, người đi trước quay về bảo :

— Đằng trước có con rắn chắn ngang đường. Xin ông quay lại.

Cao Tổ đang say nói :

— Kẻ tráng sĩ đã đi thì sợ cái gì !

Bèn tiến lên rút kiếm chém rắn. Rắn bị chặt làm đôi. Con đường mở rộng. Đi được vài dặm, nhân say nên ngủ.

Người đi sau đến chỗ con rắn, thấy một bà già khóc trong đêm tối. Người ấy hỏi tại sao lại khóc. Bà già đáp :

— Người ta giết con tôi cho nên tôi khóc :

1. Theo pháp luật nhà Tần, nếu để người ta trốn thì bị tội chết. Nhận xét này chứng tỏ việc làm của Lưu Bang là một cái thuật để chinh phục lòng người, bất đắc dĩ mà phải làm.

Người ấy hỏi :

— Tại sao con bà bị giết ?

Bà già đáp :

— Con tôi là con của Bạch Đế, hóa làm rắn nằm ngang giữa đường, nay bị con của Xích Đế chém, cho nên tôi khóc.

Người ấy cho là bà già nói dối, định đánh thì bà ta bỗng biến mất.

Người sau đến. Cao Tổ tỉnh dậy. Anh ta kể cho Cao Tổ nghe đầu đuôi câu chuyện. Cao Tổ trong bụng mừng rỡ, lấy làm tự đắc.

Những người theo Cao Tổ ngày càng sợ Cao Tổ. Tần Thủy Hoàng Đế thường nói :

— Phía đông nam có khí thiên tử.

Bèn đi chơi về phía đông để trấn áp.

Cao Tổ nghĩ rằng đó là vì mình, bèn trốn tránh ở giữa miền đầm và núi giữa biên giới hai huyện Mang và Đàng. Lữ Hậu đi cùng người ta đến tìm, thường vẫn gặp. Cao Tổ lấy làm lạ hỏi tại sao. Lữ Hậu nói :

— Chỗ ông Quý ở thường có khí mây, cho nên đến đấy thì gặp.

Bái Công trong bụng vui mừng. Con em đất Bái có người nghe chuyện ấy, nhiều người muốn theo (1).

2. Năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế (209 trước công nguyên) mùa thu, bọn Trần Thắng nổi lên ở đất Kỳ,

1. Đoạn 1 — Lai lịch. Đoạn này có một vài chi tiết hoang đường, điều đó thường thấy trong mọi sách sử cổ. Điều đáng chú ý ở Tư Mã Thiên là rất ít gặp những chuyện hoang đường. Đây là một ngoại lệ và có thể xem là một ngoại lệ bắt buộc, không thể không nhắc đến khi nói đến vị vua đầu tiên của nhà Hán. Có thể nói đây là cái hình thức bắt buộc để lồng vào những nhận xét hiện thực, có tính chất phê phán.

khi đến đất Trần thì xưng vương hiệu là Trương Sở (1). Nhiều quận và huyện giết bọn quan lại cầm đầu và hưởng ứng theo Trần Thiệp. Viên huyện lệnh ở Bái sợ, muốn đem quân Bái theo Trần Thiệp. Người chủ lại Tiêu Hà và quan coi ngục Tào Tham nói với viên lệnh :

— Ông làm quan nhà Tần, mà lại muốn phản lại và đem con em đất Bái theo thì sợ họ không nghe. Xin ông triệu tập những người trốn tránh ở ngoài, có thể được vài trăm người, để gây uy thế làm áp lực với họ. Như thế, người ta nhất định phải nghe theo.

Viên lệnh sai Phàn Khoái mời Lưu Quý đến. Bè đảng của Lưu Quý lúc bấy giờ đã có ngót trăm người. Phàn Khoái bèn theo Lưu Quý đến.

Sau đó, viên lệnh hối hận sợ thời thế thay đổi chăng, bèn sai đóng cửa thành và giữ thành, ý muốn giết Tiêu Hà và Tào Tham. Tiêu Hà, Tào Tham sợ, trèo qua tường trốn tránh ở nhà Lưu Quý. Lưu Quý bèn viết chữ lên lụa bắn tên vào thành bảo với các vị phụ lão quận Bái :

«Thiên hạ cực khổ vì nhà Tần đã lâu rồi. Nay các cụ tuy giữ thành cho viên huyện lệnh nhưng chư hầu đều nổi lên, họ sẽ làm cỏ quận Bái. Nhân dân đất Bái hãy cùng nhau giết chết viên lệnh, chọn con em nào đáng lập thì lập lên để hưởng ứng chư hầu. Làm như thế cửa nhà sẽ được nguyên vẹn, nếu không, cha con đều bị giết sạch, chẳng còn lối nào thoát ».

Các vị phụ lão bèn cầm đầu bọn con em cùng nhau giết viên lệnh, mở cửa thành đón Lưu Quý. Họ muốn mời Lưu Quý làm huyện lệnh đất Bái. Quý nói :

1. Nước Sở mở rộng.

— Thiên hạ đang rối loạn, chư hầu đều nổi dậy. Nay nếu các ông đặt một viên tướng không giỏi thì mai kia chỉ thua một trận là chết hết. Không phải tôi dám tiếc thân mình đâu, nhưng tôi sợ tài hèn không thể làm tròn việc lớn này của các vị và của anh em. Xin cử người tài để làm.

Tiêu Hà và Tào Tham đều là quan văn, họ tiếc thân mình, sợ lỡ việc không thành thì sau này nhà Tần sẽ giết hết cả họ (1), nên ra sức nhường cho Lưu Quý. Các vị phụ lão cũng đều nói :

— Bình sinh chúng tôi đã nghe những điều kỳ lạ và hiếm có của ông Lưu Quý. Điều đó chứng minh ông sẽ được hiển vinh. Vả lại, khi bói mai rùa và cỏ thi thì chẳng ai được điềm tốt như ông Lưu Quý.

Lưu Quý mấy lần nhường, nhưng mọi người không ai dám làm cho nên lập Lưu Quý làm Bái Công (2).

Bái Công sai làm lễ thờ Hoàng Đế, tế Xuy Vưu (3) ở Bái Đình, lấy máu bôi lên trống, cờ xí đều màu đỏ vì câu chuyện con vua Xích Đế giết rắn là con vua Bạch Đế, cho nên ông ta chuộng màu đỏ.

Bọn trai tráng, thân hào, quan lại như Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái đều tập hợp hai ba nghìn con em đất Bái theo Quý, Quý đánh quận Hồ Lăng và quận Phương Dư rồi về giữ đất Phong (4).

1. Nhấn mạnh điểm bấy giờ tuy khởi nghĩa, nhưng ai cũng sợ công việc không thành.

2. Vì bấy giờ Lưu Bang nổi dậy để hưởng ứng theo Trần Thiệp. Thiệp làm vương nên Bang là công.

3. Hoàng Đế được xem là tổ người Trung Quốc. Xuy Vưu được xem là thần chiến tranh.

4. Đoạn 2 — Khởi nghĩa ở quận Bái.

3. Năm thứ hai đời Tần Nhị Thế (208 trước công nguyên) viên tướng của Trần Thiệp là Chu Chương đem quân đi về phía tây đến đất Hí rồi trở về; các nước Yên, Triệu, Ngụy, Tề đều tự lập làm vua. Họ Hạng nổi dậy ở đất Ngô.

Bình làm quan giám (1) quận Tứ Xuyên của nhà Tần, đem quân vây đánh đất Phong hai ngày. Quỳ xông ra đánh, Bình bị đánh bại, Quỳ sai Ung Xỉ giữ đất Phong, còn mình đem binh đến đất Tiết. Tráng làm thái thú ở Tứ Xuyên bị bại ở Tiết nên bỏ chạy đến huyện Thích. Tả tư mã của Bái Công bắt được thái thú Tứ Xuyên là Tráng và giết đi.

Bái Công quay về đóng quân ở Cang Phụ và đi đến quận Phương Dư, Chu Thị đến đánh Phương Dư, nhưng chưa đánh trận nào, Trần Vương trước đấy (2) sai người nước Ngụy là Chu Thị cướp đất này. Chu Thị cho người nói với Ung Xỉ (3):

— Dân đất Phong vốn là dân đất Lương dời đến ở, nay đất Ngụy đã bình định được mấy mươi thành rồi, nếu Xỉ theo vua Ngụy thì vua Ngụy sẽ phong cho Xỉ làm hầu, giữ đất Phong; nếu Xỉ không đầu hàng thì sẽ làm cỏ tất cả dân đất Phong.

---

1. Pháp chế nhà Tần ở mỗi quận đặt quan thú coi về chính trị, quan úy coi về quân sự và quan giám coi việc cung cấp cho quân đội.

2. Trước khi Bái Công lấy đất Phong.

3. Đoạn này rắc rối. Trần Thiệp sai Chu Thị đi đánh lấy Phương Dư, nhưng Chu Thị làm phản, lập nên nước Ngụy, cho Ngụy Cửu làm vua Ngụy và chống lại Thiệp tức là chống lại Lưu Bang. Do đó Chu Thị khuyên Ung Xỉ là tướng của Lưu Bang đầu hàng mình.

Ung Xỉ vốn không muốn theo Bái Công, nên khi nước Ngụy cho người đến chiêu hàng thì Xỉ quay về với Ngụy và giữ đất Phong. Bái Công đem quân đánh đất Phong nhưng không lấy được. Bái Công bị ốm phải trở về đất Bái.

Bái Công giận Ung Xỉ và con em đất Phong phản lại mình; nghe tin nói Ninh Quân người quận Đông Dương và Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Giả Vương (1) ở thành Lưu, bèn đến theo họ, ý muốn xin quân để đánh đất Phong. Lúc bấy giờ tướng của Tần là Chương Hàm đuổi theo một biệt tướng (2) của Trần Vương, còn Ni làm tư mã của Hàm đem quân về phía bắc bình định đất Sở làm cỏ dân đất Tương và đem binh đến đất Đường. Ninh Quân người Đông Dương cùng Bái Công đem quân về phía tây đánh huyện Tiêu. Đánh không lại, hai người đem quân trở về, tập hợp quân ở đất Lưu rồi đem binh đánh đất Đường ba ngày. Kết quả lấy được đất Đường, thu binh ở Đường được năm sáu nghìn người, đánh lấy được Hạ Ấp. Sau đó hai người đem quân về đóng gần đất Phong.

Bái Công nghe nói Hạng Lương đã ở thành Tiết, nên đem một trăm quân kỵ yết kiến. Hạng Lương cho Bái Công thêm năm nghìn người, mười ngũ đại phu (3) làm tướng. Bái Công quay về đem binh đánh đất Phong.

Sau khi Bái Công theo Hạng Lương được hơn một tháng thì Hạng Vũ đã lấy được Tương Thành và trở về. Hạng Lương triệu tập tất cả các biệt tướng đến họp ở

---

1. Vì có tin Trần Thiệp bị ám sát chết, nên Cảnh Câu được lập làm Giả Vương tức là vua lâm thời.

2. Vị tướng cầm riêng một cánh quân.

3. Tên chức quan.

Tiết. Khi nghe tin Trần Vương (1) chắc chắn đã chết, Hạng Lương bèn lập người cháu của vua Sở Hoài Vương tên là Tâm làm Sở Hoài Vương, đóng đô ở Vu Thai. Hạng Lương lấy hiệu là Vũ Tín Quân. Được mấy tháng, Hạng Lương đem quân về phía Bắc đánh Cang Phụ, cứu Đông A, đánh bại quan Tần. Quân của Tề quay về ; chỉ có một mình quân Sở đuổi theo quân Tần. Hạng Lương sai Bái Công và Hạng Vũ đánh Thành Dương, làm cỏ dân Thành Dương, đóng quân ở phía đông Bộc Dương, đánh bại quân Tần. Quân Tần lại tập hợp lại, giữ Bộc Dương, dựa vào sông ngòi vây bọc để chống lại. Quân Sở bỏ đi, đánh Định Đào nhưng không hạ được thành. Bái Công cùng Hạng Vũ đem quân về phía tây cướp đất ; họ đi đến chân thành Ung Khâu, đánh nhau với quân Tần, chém tướng Tần Lý Do (2) rồi quay về đánh Ngoại Hoàng nhưng không lấy được.

Hạng Lương đã hai lần đánh bại quân Tần, cho nên có vẻ kiêu căng. Tống Nghĩa can, Lương vẫn không nghe.

Nhà Tần thêm quân cho Chương Hàm, đang đêm ngậm tăm đánh Hạng Lương, phá tan quân Hạng Lương ở Định Đào, Hạng Lương chết. Lúc bấy giờ Bái Công và Hạng Vũ đang đánh thành Trần Lưu, nghe tin Hạng Lương chết, bèn đem binh phối hợp với quân của Lữ Thần đi về phía đông. Lữ Thần đóng quân ở phía đông Bành Thành ; Hạng Vũ đóng quân ở phía tây Bành Thành ; Bái Công đóng quân ở Đường.

Sau khi đã phá tan quân của Hạng Lương, Chương Hàm cho rằng binh lực của Sở không đáng lo, bèn vượt qua sông Hoàng Hà, lên phía bắc đánh Triệu, phá

1. Trần Thiệp.
2. Con của Lý Tư.

tan quân Triệu. Lúc bấy giờ, Triệu Yết làm vua, tướng của Tần là Vương Ly vây Yết ở thành Cự Lộc, cho nên quân của Vương Ly gọi là quân phía bắc sông.

Năm thứ ba, đời Tần Nhị Thế (207 trước công nguyên) Sở Hoài Vương thấy quân của Hạng Lương đã bị phá, lo sợ, bèn dời khỏi Vu Thai đóng đô ở Bành Thành, gộp quân của Lữ Thần và Hạng Vũ lại làm một và thân hành chỉ huy ; cho Bái Công làm quận trưởng (1) quận Đường, phong làm Vũ An Hầu, chỉ huy quân quận Đường ; phong Hạng Vũ làm Trường An Hầu, hiệu là Lỗ Công ; phong Lữ Thần làm tư đồ, người cha của Lữ Thần là Lữ Thanh làm lệnh doãn. Nước Triệu mấy lần cầu cứu. Hoài Vương bèn sai Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm thứ tướng quân. Phạm Tăng làm mạt tướng (2) đem quân về phương bắc cứu Triệu (3).

4. Sở Hoài Vương sai Bái Công đem quân về hướng tây cướp đất, vào Quan Trung. Sở Hoài Vương giao ước với chư hầu : « Ai vào bình định Quan Trung trước thì sẽ cho người ấy làm vua ». Lúc bấy giờ, binh lực của Tần còn mạnh, thường thừa thắng đánh đuổi quân của chư hầu. Các tướng chẳng ai xem việc vào Quan Trung trước là có lợi cho mình, chỉ có một mình Hạng Vũ vì căm ghét nhà Tần đã đánh bại quân của Hạng Lương nên hăng hái xin cùng Bái Công đi về hướng tây vào Quan Trung. Các vị lão tướng của Sở Hoài Vương nói :

— Hạng Vũ là người bướng bỉnh, nóng nảy, hiếu sát, khi Vũ đánh Tương Thành thì giết hết cả dân Tương

1. Tức là thái thú.
2. Tên tướng thấp hơn thứ tướng quân.
3. Đoạn 3 — Việc làm của Lưu Bang sau khi khởi nghĩa đến khi được lệnh vào Quan Trung.

Thành không còn ai sống sót, đem chôn sống tất cả ; chỗ nào ông ta đi qua là ông ta tàn phá, tiêu diệt. Vả chăng, mặc dầu quân Sở đã mấy lần đánh thắng nhưng trước đây Trần Vương, Hạng Lương đều thất bại. Chi bằng hãy thay ông ta, sai một người trung hậu dùng nhân nghĩa để đi về hướng tây, khuyên bảo các phụ huynh ở Tần. Các vị phụ huynh ở Tần lâu nay đã từng bị vua Tần làm khổ sở, nay nếu quả thực được một người trung hậu đến, lại không xâm phạm, bạo ngược thì có thể thu phục được. Hạng Vũ là người bưởng bỉnh, nóng nảy, không thể sai đi, Bái Công là người rộng rãi, trung hậu có thể đi được. Vì vậy cuối cùng, nhà vua không sai Hạng Vũ mà sai Bái Công. Bái Công đi về hướng tây cướp đất, tập hợp các binh sĩ của Hạng Lương và Trần Vương tản mác các nơi, bắt đầu đi, từ đất Đường đến Thành Dương và Giang Lý. Quân Tần đến sát tường, phá tan hai đạo quân Nguỵ. Quân Sở ra đánh tan quân của Vương Ly.

Bái Công đem quân đi về hướng tây gặp Bành Việt ở Xương Ấp, nhân đó cùng Bành Việt đánh quân Tần. Vì đánh không lợi, Bái Công quay về đến đất Lật, gặp Cương Vũ Hầu cướp quân của Cương Vũ Hầu được hơn bốn nghìn người gộp vào quân mình, rồi cùng tướng Nguỵ là Hoàng Hân, và Thân Đồ Vũ Bồ, người nước Nguỵ, hợp lực đánh Xương Ấp nhưng chưa lấy được.

Bái Công đem quân đi về hướng tây qua đất Cao Dương, Lịch Tự Cơ bảo người giữ thành :

— Các tướng qua đây cũng nhiều nhưng ta thấy Bái Công là người lớn và là bậc trưởng giả.

Bèn xin yết kiến, nói chuyện với Bái Công. Bái Công lúc bấy giờ đang ngồi xổm trên giường, sai hai người

con gái rửa chân (1). Lịch Sinh không lạy mà chỉ vái dài nói :

— Nếu quả thực túc hạ muốn trừ nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xổm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công liền đứng dậy sửa áo mà tạ lỗi, mời lên ngồi chỗ cao. Tự Cơ khuyên Bái Công đánh úp thành Trần Lưu, nhờ vậy lấy được thóc lúa của nhà Tần để lại. Bái Công cho Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân, cho Lịch Thương làm tướng, chỉ huy quân ở Trần Lưu và cùng họ đánh Khai Phong nhưng chưa lấy được Khai Phong (2).

Ở phía tây, Bái Công đánh nhau với tướng Tần là Dương Hùng ở Bạch Mã, lại đánh ở phía đông Khúc Ngộ, phá tan quân của Dương Hùng. Dương Hùng bỏ chạy đến Huỳnh Dương. Nhị Thế sai sứ giả chém Dương Hùng để răn mọi người. Phía nam, Bái Công đánh Dĩnh Dương, làm cỏ dân Dĩnh Dương. Nghe theo lời của Trương Lương, Bái Công lấy luôn đất Hàn và đất Hoàn Viên.

Lúc bấy giờ tướng của Triệu là Tư Mã Ngang đang muốn vượt Hoàng Hà vào Quan Trung. Bái Công bèn đánh Bình Âm ở phía bắc, cắt đứt bến sông phía nam sông Hoàng Hà, đánh một trận ở phía đông Lạc Dương nhưng không thắng bèn rút về đến Dương Thành, tập hợp quân kỵ và ngựa ở trong quân, đánh nhau với thái thú Nam Dương là Nghị ở phía đông, đốt phá, đánh bại quân của Nghị, cướp quận Nam Dương. Nghị bỏ chạy vào thành, giữ lấy thành Uyển. Bái Công đem binh bỏ qua đất này và đi về hướng tây. Trương Lương can :

---

1. Vì Lưu Bang ghét nhà nho nên tiếp kiến Lịch sinh một cách ngạo mạn.
2. Xem *Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện*.

— Tuy ông vội, muốn vào ngay Quan Trung nhưng quân Tần vẫn còn đông, giữ những nơi hiểm trở. Nếu không lấy được đất Uyển thì Uyển sẽ đánh úp sau lưng trong khi quân Tần mạnh đánh ở trước mặt, như thế thì nguy.

Bái Công bèn đang đêm đem quân đi một con đường khác thay đổi tất cả cờ xí, lúc tảng sáng vây thành Uyển ba vòng. Thái thú Nam Dương muốn đâm cổ chết. Người môn hạ là Trần Khôi nói :

— Khoan hãy chết vội !

Trần Khôi bèn trèo thành yết kiến Bái Công nói :

— Tôi nghe nói túc hạ có giao ước : « Ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vua ». Nay túc hạ dừng lại ở đất Uyển. Uyển là đô của một quận lớn gồm mấy chục thành liền nhau. Nhân dân đông đúc, của cải chứa nhiều, quan lại và dân ở đấy cho rằng nếu mình đầu hàng thì thế nào cũng chết, cho nên họ kiên quyết giữ, lên thành đề canh. Nay nếu túc hạ suốt ngày dừng ở đây để đánh thì quân sĩ sẽ bị thương vong nhiều ; trái lại nếu túc hạ đem quân rời khỏi đất Uyển thì người Uyển sẽ bám theo sau túc hạ. Như vậy, thứ nhất, túc hạ sẽ không vào được Hàm Dương như lời giao ước, thứ hai sẽ mắc phải lo đối phó với quân Uyển mạnh quấy rối. Tôi xin bày cho túc hạ một kế : bây giờ chẳng gì bằng giao ước cho họ ra hàng, phong đất cho thái thú của họ để cho họ thôi không chống cự, đem binh sĩ của họ cùng đi về hướng tây. Những thành nào chưa lấy được, nghe tiếng sẽ tranh nhau mở cửa đón túc hạ. Túc hạ sẽ đi một mạch chẳng bị ngăn cản gì hết.

Bái Công nói :

— Phải đấy !

Bèn phong (1) thái thú đất Uyển Lâm Ấn Hầu, phong cho Trần Khôi một nghìn hộ, đem quân về hướng tây, đi đến đâu lấy được đấy.

Khi đem quân đến sông Dan Thủy, Cao Vũ Hầu là Ngư, Tương Hầu là Vương Lăng đầu hàng nộp đất Tây Lăng. Bái Công quay lại đánh Hổ Dương, gặp biệt tướng của Phiên quân là Mai Quyên và công ông ta chiêu hàng các đất Tích và Lịch.

Bái Công sai người nước Ngụy là Ninh Xương đi sứ đến Tần. Sứ giả chưa đến thì Chương Hàm đã đem quân đầu hàng Hạng Vũ ở đất Triệu. Lúc đầu, Hạng Vũ và Tống Nghĩa đem quân về hướng bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Vũ giết Tống Nghĩa và thay Tống Nghĩa làm thượng tướng quân thì các tướng như Kinh Bố đều ở dưới trướng Hạng Vũ. Hạng Vũ đánh bại tướng Tần là Vương Ly, chiêu hàng Chương Hàm, chư hầu đều theo Hạng Vũ.

Đến khi Triệu Cao đã giết Nhị Thế và cho người đến gặp Bái Công muốn giao ước chia đất Quan Trung và làm vương, Bái Công cho y muốn đánh lừa bèn dùng kế của Trương Lương, sai Lịch Sinh và Lục Giả đến thuyết phục tướng của Tần, lấy lợi nhử y và nhân đó đánh và phá được Vũ Quan. Bái Công lại đánh nhau với quân Tần ở phía nam Lam Điền, càng treo thêm cờ xí để làm nghi binh, đi đến đâu thì cấm không được cướp bóc bắt bớ. Người Tần do đó mừng rỡ, quân đội Tần tan rã, Bái Công nhân đó thắng được quân Tần.

---

1. Một nét điển hình khác của Lưu Bang là thấy người ta có kế hay, công to là thưởng ngay, thưởng hậu, không tiếc đất tiếc tiền.

Lại đánh một trận ở phía bắc, phá tan quân Tần, thừa thắng tiêu diệt nước Tần (1).

4. Tháng 10 năm thứ nhất nhà Hán (207 trước công nguyên) quân của Bái Công đến Bá Thượng trước quân chư hầu. Vua Tần là Tử Anh đi xe mộc do ngựa trắng kéo, ở cổ quấn sợi dây ấn, niêm phong ấn hoàng đế, phù và cờ tiết đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Các tướng có người bảo giết vua Tần, Bái Công nói :

— Trước kia Hoài Vương sai ta đi chính vì ta biết khoan dung, rộng lượng. Vả chăng, người ta đã đầu hàng rồi nay lại giết đi là điềm không tốt. Bèn giao vua Tần cho bọn thuộc lại.

Bái Công đi về phía tây vào Hàm Dương muốn dừng lại ở trong cung mà nghỉ. Phàn Khoái và Trương Lương can. Bái Công mới niêm phong kho tàng, của quý báu của Tần rồi trở về đóng quân ở Bá Thượng, triệu tập các vị phụ lão và những thân hào ở các huyện đến nói :

— Các vị phụ lão mấy lâu nay đã từng khổ sở vì pháp luật khắt khe của Tần, ai phỉ báng thì bị giết cả họ ; ai hai người nói chuyện về Kinh Thi, Kinh Thư thì bị chém giữa chợ. Ta cùng chư hầu giao ước : « Ai vào Quan Trung trước thì người ấy được làm vua ». Vậy ta phải làm vua ở Quan Trung. Ta cam kết với các vị phụ lão rút gọn pháp luật vào ba điều mà thôi : Ai giết người thì phải chết, làm người bị thương và ăn trộm thì theo tội mà xử. Còn bỏ tất cả luật pháp của Tần. Quan lại và nhân dân vẫn bình an như xưa. Ta đến đây chẳng qua là vì các vị phụ lão trừ hại chứ không phải cốt

1. Đoạn 3 — Bái Công tiến quân vào Quan Trung thắng lợi.

xâm phạm, làm việc hung bạo. Không có gì phải sợ. Vả lại ta sở dĩ quay về đóng quân ở Bá Thượng là để đợi quân của chư hầu đến định điều giao ước mà thôi.

Bái Công bèn sai người cùng quan lại nhà Tần (1) đi các huyện, các làng, các ấp hiểu dụ điều đó. Người Tần cả mừng, tranh nhau mang bò, dê, rượu, thức ăn đến để khao quân sĩ. Bái Công đều từ chối không nhận, nói :

Kho thóc nhiều, không thiếu, không muốn làm nhân dân tốn kém.

Mọi người lại càng mừng rỡ chỉ sợ Bái Công không làm Tần Vương (2).

5. Có người nói với Bái Công :

— Đất Tần giàu có gấp mười so với tất cả thiên hạ, địa hình lại tốt. Nay nghe nói Chương Hàm đã đầu hàng Hạng Vũ. Hạng Vũ lại cho hắn làm Ung Vương làm vua ở Quan Trung. Nếu khi hắn đến thì sợ ông sẽ không giữ được đất này. Xin mau mau sai quân sĩ giữ cửa Hàm Cốc không cho quân chư hầu vào, lại trưng thêm quân ở Quan Trung cho thêm đông để chống lại.

Bái Công cho là phải (3) và theo kế đó.

Vào giữa tháng 11, quả nhiên Hạng Vũ thống lĩnh quân chư hầu đi về hướng tây muốn vào cửa Hàm Cốc. Cửa đóng, Hạng Vũ lại nghe nói Bái Công đã bình định được Quan Trung, bèn cả giận, sai bọn Kinh Bố tấn công phá cửa Hàm Cốc.

1. Làm thế dân càng dễ phục.
2. Đoạn 4 — Lưu Bang ở Quan Trung được lòng dân Tần.
3. Tức là không đợi quân chư hầu nữa mà chống lại chư hầu.

Vào giữa tháng 12, Hạng Vũ đến đất Hý, Tào Vô Thương làm tả tư mã của Bái Công nghe nói Hạng Vương giận muốn đánh Bái Công, bèn cho người nói với Hạng Vũ :

— Bái Công muốn làm vua ở Quan Trung, cho Tử Anh làm thừa tướng, bao nhiêu của cải châu báu đều lấy hết !

Ý Tào Vô Thương làm thế để Hạng Vũ phong cho mình. Á Phụ (1) khuyên Hạng Vũ đánh Bái Công.

Hạng Vũ ra lệnh cho quân sĩ ăn no định sáng mai thì đánh. Lúc bấy giờ quân Hạng Vũ bốn mươi vạn xưng là một trăm vạn. Quân của Bái Công mười vạn xưng là hai mươi vạn, binh lực không đủ chống lại. Hạng Bá muốn cứu Trương Lương nên đang đêm đến gặp Trương Lương rồi nhân đấy dùng lời lẽ khuyên Hạng Vũ, Hạng Vũ mới thôi. Bái Công với hơn trăm quân kỵ ruổi ngựa đến Hồng Môn yết kiến và xin lỗi Hạng Vũ. Hạng Vũ nói :

— Đó là do Tào Vô Thương làm tả tư mã của ông nói, nếu không Tịch này đâu lại làm thế !

Bái Công nhờ Phàn Khoái và Trương Lương nên thoát nạn về. Đến nơi, Bái Công lập tức giết Tào Vô Thương.

Hạng Vũ bèn đem quân đi về phía tây, làm cỏ và đốt các cung thất nhà Tần ở Hàm Dương, đi đến đâu cũng giết và phá sạch. Người Tần rất thất vọng nhưng vì sợ hãi nên đành phải theo. Hạng Vũ sai người trở về báo với Hoài Vương. Hoài Vương nói :

— Cứ làm theo như lời giao ước.

Hạng Vũ oán giận Hoài Vương không cho mình đi về hướng tây với Bái Công để vào Quan Trung mà phải đi

1. Tức Phạm Tăng.

về hướng bắc để cứu Triệu, do đó đến chậm, không làm kịp lời giao ước với thiên hạ. Hạng Vũ bèn nói :

— Hoài Vương là do Hạng Lương, người nhà của ta lập nên đó thôi. Ông ta không có công cán gì cả, làm sao có thể làm chủ điều giao ước ? Thực ra bình định thiên hạ là nhờ ở các tướng và Tịch này.

Hạng Vũ bèn giả vờ tôn Hoài Vương làm Nghĩa Đế, nhưng thực ra không theo mệnh lệnh của ông ta.

Hạng Vũ tự lập làm Tây Sở Bá Vương, làm vua đất Lương, đất Sở, trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành. Vũ bỏ lời giao ước, lập Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung, đóng đô ở Nam Trịnh. Hạng Vũ chia đất Quan Trung làm ba phần, lập ba viên tướng của Tần làm vương :

— Chương Hàm làm Ung Vương, đóng đô ở Phế Khâu.

— Tư Mã Hân làm Tắc Vương, đóng đô ở Lịch Dương.

— Đồng Ế làm Địch Vương, đóng đô ở Cao Nô.

Thân Dương người Hà Khâu làm tướng nước Sở, được làm Hà Nam Vương, đóng đô ở Lạc Dương, Tư Mã Ngang làm tướng nước Triệu, được làm Ân Vương, đóng đô ở Triều Ca, Triệu Vương tên là Yết bị dời đi làm vương ở đất Đại. Thừa tướng của Triệu là Trương Nhĩ làm Thường Sơn Vương, đóng đô ở Tương Quốc. Đương Dương Quân Kinh Bố làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Cung Ngao làm trụ quốc của Hoài Vương, được làm Lâm Giang Vương, đóng đô ở Giang Lăng. Ngô Nhuế làm phiên quân, được làm Hành Sơn Vương, đóng đô ở Chu, Tang Đồ làm tướng quân nước Yên, được làm Yên Vương, đóng đô ở Kế. Hàn Quảng nguyên trước là Yên Vương, bị dời đi làm vương ở Liêu Đông. Quảng không nghe, Tang Đồ đánh và giết ở Vô Chung. Hạng

Vũ phong Thành An Quân Trần Dư ba huyện ở miền sông Hà và đóng ở Nam Bì. Phong Mai Quyên mười vạn nhà. Tháng tư chư hầu đều bãi binh và trở về nước mình.

Hán Vương cũng trở về nước. Hạng Vương cho ba vạn binh sĩ đi theo Hán Vương. Những người nước Sở và người chư hầu hâm mộ Hán Vương, đi theo mấy vạn người. Hán Vương đi theo con đường phía nam đất Đỗ và đất Thục, đi xong liền đốt và cắt đứt đường sạn đạo (1) để đề phòng quân chư hầu đánh úp, đồng thời để tỏ cho Hạng Vũ thấy rằng mình không có ý đi về hướng đông. Khi đến Nam Trịnh, các tướng sĩ nhiều người giữa đường trốn về. Binh sĩ đều hát tỏ ý muốn về đông. Hàn Tín nói với Hán Vương :

— Hạng Vũ phong các tướng có công làm vương, thế mà chỉ phong một mình đại vương ở Nam Trịnh, đó là đày đi vậy. Các tướng sĩ, quan lại đều là những người phía đông núi, ngày đêm nhón gót mong về. Nếu mình biết lợi dụng điều mong mỏi của họ thì có thể làm được công lớn, nếu để thiên hạ bình định xong xuôi, mọi người ai ở đâu yên đấy thì không thể dùng họ được nữa. Chi bằng quyết định đem quân về hướng đông tranh bá quyền thiên hạ.

Hạng Vương ra khỏi Quan Trung, sai người dời Nghĩa Đế đi, nói :

— Các vị đế ngày xưa đất vuông nghìn dặm đều ở thượng lưu dòng sông.

Bèn sai sứ giả dời Nghĩa Đế đến quận Trường Sa thuộc huyện Sâm, giục Nghĩa Đế ra đi. Bầy tôi của Nghĩa Đế

1. Một thứ cầu treo bắc ngang qua núi ở những nơi địa hình hiểm trở.

dần dần phản lại Nghĩa Đế, Hạng Vũ bèn ngầm sai Hành Sơn Vương và Lâm Giang Vương đánh và giết Nghĩa Đế ở Giang Nam. Hạng Vũ oán Điền Vinh nên lập viên tướng nước Tề là Điền Đô làm Tề Vương. Điền Vinh oán giận bèn tự lập làm Tề Vương, giết Điền Đô, phản lại quân Sở. Điền Vinh trao cho Bành Việt ấn tướng quân, bảo làm phản ở đất Lương. Sở sai Tiêu Công Giác đánh Bành Việt. Bành Việt phá tan quân Tiêu Công Giác. Trần Dư oán giận Hạng Vũ không phong vương cho mình nên sai Hạ Duyệt nói với Điền Vinh xin quân để đánh Trương Nhĩ. Tề Vương cho Trần Dư quân đánh phá Thường Sơn Vương Trương Nhĩ. Trương Nhĩ trốn theo quân Hán. Trần Dư đón Triệu Vương Yết ở đất Đại, lại lập Yết làm Triệu Vương. Triệu Vương nhân đấy lập Trần Dư làm đại vương. Hạng Vũ cả giận đem quân về hướng bắc đánh quân Tề.

Tháng tám, Hán Vương dùng mưu kế của Hàn Tín đi qua huyện Cố Đạo đánh úp Ung Vương là Chương Hàm. Hàm đón đánh quân Hán ở Trần Thương. Ung Vương bị thua trận chạy về, dựng lại đánh đất Hạo Trĩ, lại thua trận, bỏ chạy đến Phế Khâu. Hán Vương đuổi theo, bình định đất đai của Ung Vương, đi về đông đến Hàm Dương. Lại cho một cánh quân riêng vây Ung Vương ở Phế Khâu, còn sai các tướng bình định Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quân. Hán Vương sai tướng quân là Tiết Âu, Vương Hấp ra khỏi Vũ Quan nhân lúc quân của Vương Lăng còn ở Nam Dương để đi đón Thái Công và Lữ Hậu ở đất Bái. Quân Sở nghe tin ấy cho quân chặn ở Dương Hạ nhưng không đến trước quân Hán được. Hạng Vũ cho Trịnh Xương trước kia làm huyện lệnh ở đất Ngô làm Hàn Vương để chống lại quân Hán.

Năm thứ hai (205 trước công nguyên) Hán Vương đem quân về hướng đông cướp đất của Tắc Vương Hân, Địch Vương Ế. Hà Nam Vương Thân Dương đều đầu hàng, nhưng Hàn Vương là Xương không chịu. Hán Vương bèn sai Hàn Tín đánh bại Xương. Hán Vương đặt các quận Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quân, Vị Nam, Hà Thượng, Trung Địa. Ở ngoài Quan Trung đặt quận Hà Nam, lập Tín trước làm thái úy nước Hàn, làm Hàn Vương, những tướng nào đầu hàng với một vạn người hay một quận đều được phong làm vạn hộ hầu, sai chữa lại thành lũy trên sông Hoàng Hà (1), tất cả các vườn thú, vườn cây, ao hồ của nhà Tần đều cho dân được làm thành ruộng.

Tháng giêng, Hán Vương cầm tù Chương Bình là em Ung Vương, đại xá các tội nhân. Hán Vương ra khỏi Quan Trung đi đến đất Thiểm vỗ về an ủi các phụ lão ở ngoài Quan Trung rồi trở về. Trương Nhĩ đến yết kiến Hán Vương, được đón tiếp rất hậu.

Tháng hai, Hán Vương sai bỏ thần xã thần tắc (2) của nhà Tần mà lập thần xã thần tắc của nhà Hán. Tháng ba, Hán Vương từ Lâm Tấn vượt qua sông. Ngụy Vương Báo đem binh theo Hán Vương lấy Hà Nội, cầm tù Ân Vương, đặt quận Hà Nội. Đi sang phía nam vượt qua sông ở bến Bình Âm, đem quân đến Lạc Dương.

1. Tức là Vạn lý trường thành.

2. Mỗi triều đại nổi lên đều lập đền thờ, thờ thần xã coi về đất đai, thần tắc coi về mùa màng. Nói gộp lại là xã tắc chỉ một nước. Triều đại khác nổi lên thế nào cũng hủy bỏ hai đền thờ ấy, lập đền thờ thần xã thần tắc của mình để chứng minh triều đại này đã được các thần thừa nhận.

Đổng Công làm tam lão (1) ở Tân Thành đón Hán Vương lại và nói về việc Nghĩa Đế đã chết. Hán Vương nghe vậy xắn tay (2) khóc rống lên. Bái Công bèn báo tang Nghĩa Đế. Sau khi than khóc ba ngày Hán Vương cho sứ giả báo với chư hầu : « Cả thiên hạ cùng nhau lập Nghĩa Đế, quay đầu về hướng bắc mà thờ. Thế mà nay Hạng Vũ đuổi rồi giết Nghĩa Đế ở Giang Nam, đó là tội phản nghịch, vô đạo ! Quả nhân thân hành báo tang Nghĩa Đế ». Chư hầu đều mặc đồ trắng, Hán Vương đem tất cả quân ở Quan Trung, tập hợp tất cả binh sĩ Hà Nam, Hà Đông, Hà Nội, đi xuống phía nam xuôi dòng sông Giang, sông Hán, nguyện cùng các vị vương của chư hầu đánh quân Sở đã giết Nghĩa Đế (3).

Lúc bấy giờ, Hạng Vương đang đem quân về hướng bắc đánh Điền Vinh ở Tề, đánh nhau ở Thành Dương, Điền Vinh thua bỏ chạy đến Bình Nguyên, dân Bình Nguyên giết Điền Vinh, dân Tề đầu hàng Sở. Sở nhân đấy đốt thành quách, trói, cầm tù con trai con gái Tề. Dân Tề làm phản, em Điền Vinh là Hoành lập con của Vinh là Quảng làm vua Tề. Tề Vương phản lại nước Sở ở Thành Dương, Hạng Vũ tuy đã nghe quân Hán đi về hướng đông, nhưng vì mải bận vào việc đánh Tề, cho nên muốn đánh xong quân Tề rồi mới đánh quân Hán. Nhân cơ hội ấy Hán Vương thúc ép quân năm nước chư hầu vào Bành Thành.

1. Đời Hán mỗi làng có một tam lão cứ trong số thân hào trên 50 tuổi có đạo đức và tài năng nhất để làm người cố vấn của làng.

2. Một cách biểu lộ tang lễ.

3. Lưu Bang lợi dụng cơ hội này hiệu triệu chư hầu đánh Hạng Vũ.

Hạng Vũ nghe tin, đem quân rời bỏ đất Tề, đi qua đất Lỗ, ra khỏi Hồ Lăng, đến huyện Tiêu đánh nhau một trận lớn với quân Hán ở phía đông Linh Bích, thuộc Bành Thành, trên sông Tuy Thủy, phá tan quân Hán. Quân Hán bị giết nhiều, dòng sông Tuy Thủy bị nghẽn lại không chảy được. Hạng Vũ bèn bắt cha, và vợ Hán Vương ở đất Bái, đem theo trong quân để làm con tin. Lúc bấy giờ chư hầu thấy Sở mạnh, Hán thua trận, nên đều bỏ Hán mà theo Sở. Tắc Vương là Hân bỏ trốn vào đất Sở (1) người anh của Lữ Hậu là Chu Lữ Hầu làm tướng của Hán Vương đóng quân ở Hà Ấp. Hán Vương đến đấy, dần dần tập hợp binh sĩ, đóng quân ở đất Đường. Hán Vương bèn đem quân đi về hướng tây, đi qua đất Lương đến đất Ngu, sai Tùy Hà làm vết giả đến gặp Cửu Giang Vương là Kinh Bố và nói:

— Nếu ông có thể khiến Kinh Bố đem quân phản lại quân Sở thì Hạng Vũ thế nào cũng phải dừng lại đánh Bố. Nếu ta cầm chân hắn được vài tháng thì thế nào cũng lấy được thiên hạ.

Tùy Hà đến nói với Cửu Giang Vương Kinh Bố. Quả nhiên Kinh Bố phản lại quân Sở. Sở sai Long Thư đem quân đến đánh Bố.

Sau khi bị thua trận ở Bành Thành, Hán Vương đem quân về hướng tây, sai người tìm gia quyến thì đều trốn hết không tìm được, về sau chỉ được một mình Hiếu Huệ (2). Tháng 6, Hán Vương lập Hiếu Huệ làm thái tử, đại xá các tội nhân. Hán Vương sai thái tử giữ thành Lịch Dương, con cái chư hầu ở Quan Trung đều tụ họp ở Lịch Dương để hộ vệ cho Hiếu Huệ.

1. Trước đã đầu hàng Hán.
2. Tức là Huệ Đế người kế tiếp Lưu Bang làm vua.

Hán Vương dẫn nước vào làm ngập Phế Khâu. Phế Khâu đầu hàng. Chương Hàm tự sát. Hán Vương đổi tên Phế Khâu làm Hòe Lý. Hán Vương sai quan lo việc tế tự làm lễ tế trời đất bốn phương, thượng đế, núi sông tùy theo thời tiết. Hán Vương lấy lính ở Quan Trung để giữ biên giới. Lúc bấy giờ Cửu Giang Vương Kinh Bố đang đánh nhau với Long Thư không thắng, Kinh Bố cùng Tùy Hà đi đường tắt theo Hán Vương. Hán Vương dần dần tập hợp binh sĩ cùng các tướng và quân sĩ của Quan Trung đưa thêm ra, do đó thế lực rất mạnh ở Huỳnh Dương, đánh bại quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách.

Năm thứ ba (204 trước công nguyên) Ngụy Vương Báo xin về nhà để thăm cha mẹ bị bệnh. Khi Báo về đến nhà, liền chẹn bến sông Hà theo Sở làm phản. Hán Vương sai Lịch Sinh khuyên Báo, Báo không nghe. Hán Vương sai tướng quân Hàn Tín phá tan quân Báo, bắt cầm tù, sau đó bình định được đất Ngụy, đặt ba quận là Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng. Hán Vương bèn sai Trương Nhĩ cùng Hàn Tín đem quân về hướng đông lấy Tỉnh Hình, đánh quân Triệu, chém Trần Dư và vua Triệu là Yết. Năm sau, Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương. Hán Vương đóng quân ở Huỳnh Dương, phía nam xây đường ống ra đến Hoàng Hà để lấy thóc ở Ngao Thương, chống nhau với Hạng Vũ hơn một năm. Hạng Vũ mấy lần đưa quân cướp đường ống của Hán, quân Hán thiếu lương thực. Hạng Vũ vây quân Hán. Hán Vương xin giảng hòa và cắt đất từ Huỳnh Dương đến phía tây cho Hán, nhưng Hạng Vương không nghe. Hán Vương lo sợ, bèn dùng kế của Trần Bình, cho Trần Bình bốn vạn cân vàng để ly gián vua tôi Sở. Do đó, Hạng Vũ nghi ngờ Á Phụ Phạm Tăng. Lúc bấy giờ,

Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ lấy Huỳnh Dương nhưng khi thấy mình bị ngờ vực bèn nổi giận, cáo bệnh, xin được mang hài cốt về nhà làm một người lính. Khi chưa về đến Bành Thành thì chết. Quân Hán bị cắt đứt đường lương thực đang đêm cho hơn hai nghìn người con gái mặc áo giáp đi ra cửa phía đông. Quân Sở bèn bốn phía đánh úp vào. Tướng quận Kỷ Tín ngồi trên xe ngựa của nhà vua giả làm Hán Vương để lừa quân Sở. Quân Sở đều hô « vạn tuế ! » chạy đến phía đông thành để xem. Nhờ vậy, Hán Vương thoát ra cửa tây với vài chục quân kỵ và bỏ trốn. Hán Vương sai ngự sử đại phu Chu Hà, Ngụy Báo và Tung Công giữ Huỳnh Dương. Các tướng và binh sĩ không đi theo được đều ở lại trong thành. Chu Hà bàn với Tung Công :

— Khó lòng mà giữ thành với một ông vua làm phản.

Bèn giết Ngụy Báo (1). Sau khi ra khỏi Huỳnh Dương, Hán Vương vào Quan Trung, tập hợp quân, lại định đi về hướng đông. Viên Sinh nói với Hán Vương :

— Hán và Sở đánh nhau ở Huỳnh Dương đã mấy năm, quân Hán thường bị nguy khốn. Xin đại vương đi ra cửa Vũ Quan, thế nào Hạng Vũ cũng đem binh về hướng nam. Đại Vương cứ giữ thành cho chắc để Huỳnh Dương và Thành Cao được nghỉ ngơi một chút. Đại Vương sai bọn Hàn Tín bình định Hà Bắc, lấy đất Triệu, liên kết với các vua Yên và Tề rồi sau sẽ quay lại cứu Huỳnh Dương cũng chưa muộn. Làm như thế thì quân Sở phải chống chọi ở nhiều mặt mà quân Hán được nghỉ ngơi. Sau đó, ta lại đánh thì thế nào cũng phá được Sở.

1. Đoạn trên nói Báo phản lại Hán Vương.

Hán Vương nghe theo kế ấy, cho quân đi ra ở giữa miền Uyển và Diệp, cùng Kinh Bố tập hợp quân sĩ. Quả nhiên Hạng Vũ nghe tin Hán Vương đã ở Uyển, liền đem binh xuống phía nam. Quân Hán giữ vững thành trì không đánh nhau với Sở. Lúc bấy giờ, Bành Việt đã vượt qua sông Tuy Thủy đánh nhau với Hạng Thanh, Tiết Công lấy Hạ Bì. Bành Việt phá tan quân Sở. Hạng Vũ lại đem binh về hướng đông đánh Bành Việt. Hán Vương cũng đem quân về hướng bắc đóng quân ở Thành Cao. Sau khi đã đánh quân Bành Việt thua chạy, Hạng Vũ nghe tin Hán Vương đã đóng quân ở Thành Cao, lại đem binh về hướng tây lấy Huỳnh Dương, giết Chu Hà, Tung Công, cầm tù Hàn Vương Tín, bao vây Thành Cao. Hán Vương chạy trốn một mình cùng Đặng Công ngồi một xe theo cửa ngọc môn ra khỏi Thành Cao chạy lên phía bắc vượt Hoàng Hà, chạy nhanh đến Tu Vũ nghỉ đêm ở đấy, tự xưng là sứ giả. Sáng sớm ruổi ngựa vào thành của Trương Nhĩ, Hàn Tín, cướp quân của hai người, đoạn sai Trương Nhĩ, đi về hướng bắc thu thập thêm quân ở Triệu, sai Hàn Tín đi về hướng đông đánh Tề.

Sau khi đã nắm được quân của Hàn Tín, uy thế Hán Vương lại mạnh, Hán Vương đem quân đến Hà Nam ở phía nam thành Tiểu Tu Vũ cho quân ăn no và muốn đánh nữa. Nhưng Trịnh Trung làm lang trung can Hán Vương, khuyên cứ đắp thành cho cao, đào hào cho sâu, chứ đừng đánh nhau với quân Sở. Hán Vương nghe lời. Hán Vương sai Lư Quán và Lưu Giả đem hai vạn quân và vài trăm quân kỵ vượt bến Bạch Mã, vào đất Sở cùng với Bành Việt đánh phá quân Sở ở phía tây đất Yên, đất Quách, rồi lại lấy hơn mười thành đất Lương.

Hoài Âm Hầu Hàn Tín đã được lệnh đi về hướng đông nhưng chưa vượt qua sông ở Bình Nguyên thì Hán Vương đã sai Lịch Sinh làm sứ giả đến nói với vua Tề là Điền Quảng, nên Quảng phản lại Sở, hòa với Hán để cùng đánh Hạng Vũ. Hàn Tín dùng kế của Khoái Thông đánh úp và phá quân Tề. Vua Tề bỏ Lịch Sinh vào vạc mà nấu rồi bỏ chạy về hướng đông ở Cao Mật. Hạng Vũ nghe nói Hàn Tín đem quân của Hà Bắc, đã phá quân nước Tề và nước Triệu, lại muốn đánh quân Sở, bèn sai Long Thư và Chu Lan đến đánh Hàn Tín cùng với tướng kỵ binh là Quán Anh đánh phá quân Sở, giết Long Thư, vua Tề là Điền Quảng bỏ chạy về với Bành Việt, Lúc bấy giờ Bành Việt cầm quân ở đất Lương, qua lại làm khổ quân Sở, cắt đứt lương thực của quân Sở.

Năm thứ tư (203 trước công nguyên) Hạng Vũ nói với Hải Xuân Hầu và đại tư mã Tào Cữu :

— Hãy giữ gìn Thành Cao cẩn thận ! Nếu quân Hán đến khiêu chiến thì đừng đánh nhau với chúng. Miễn làm sao cho chúng đừng tiến quân về hướng đông là được. Trong mười lăm ngày thế nào ta cũng bình định được đất Lương, sau đó sẽ quay lại với tướng quân.

Hạng Vũ bèn lên đường đánh các thành Trần Lưu, Ngoại Hoàng, lấy mấy thành này. Quả nhiên mấy lần quân Hán đến khiêu chiến nhưng quân Sở vẫn không ra. Quân Hán cho người mắng nhiếc năm sáu ngày. Đại Tư Mã nổi giận cho binh vượt sông Tự Thủy, quân sĩ ra giữa sông liền bị quân Hán đánh úp. Quân Hán phá tan quân Sở, lấy được tất cả ngọc vàng, châu báu của nước Sở. Đại Tư Mã là Cữu và trương sử là Hân đều tự đâm cổ chết trên sông Tự Thủy.

Hạng Vũ đến Tuy Dương, nghe tin quân Hải Xuân Hầu đã bị thua, bèn đem quân trở về. Lúc bấy giờ quân Hán đang vây Chung Ly Muội (1) ở phía đông Huỳnh Dương, thấy Hạng Vũ đến, đều bỏ chạy vào nơi hiểm trở. Sau khi phá được quân Tề, Hàn Tín cho người đến nói với Hán Vương :

— Biên giới của Tề giáp với Sở, nước Tề là nước gian trá, nếu tôi không tạm làm vua thì sợ không dẹp yên nước Tề được.

Hán Vương muốn đánh Hàn Tín. Lưu Hầu Trương Lương nói :

— Không bằng nhân việc này lập ông ta làm vương để cho ông ta giữ đất Tề.

Hán Vương bèn giao ấn cho Trương Lương, phong Hàn Tín làm Tề Vương. Hạng Vũ nghe tin quân Long Thư bị phá thì sợ hãi, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến thuyết phục Hàn Tín, nhưng Hàn Tín không nghe.

Sở và Hán mấy lần giằng co chưa ai hơn ai, những người mạnh khỏe thì khổ vì đi lính, những người già yếu thì mệt vì việc vận chuyển lương thực. Hán Vương và Hạng Vũ gặp nhau ở Quảng Vũ nói chuyện. Hạng Vũ muốn một mình khiêu chiến với Hán Vương. Hán Vương kể tội Hạng Vũ :

— Lúc đầu ta cùng ngươi đều theo lệnh của Hoài Vương : « Ai vào Quan Trung trước thì người ấy được làm vương ». Nhà ngươi bội ước, phong ta làm vương ở đất Thục và đất Hán, đó là một tội. Nhà ngươi giả mệnh lệnh của vua, giết Khanh Tử Quán Quân và tự tôn mình lên, đó là hai tội. Sau khi đã cứu Triệu, đáng lý nhà ngươi phải quay về báo với nhà vua, nhưng lại

1. Tướng của Hạng Vũ.

chuyên quyền ép quân chư hầu vào Quan Trung, đó là ba tội. Hoài Vương có giao ước : « Vào đất Tần không được làm việc hung bạo, cướp bóc nhưng nhà ngươi đốt cháy cung thất nhà Tần, đào mả Tần Thủy Hoàng, thu của cải của Tần, đó là bốn tội. Nhà ngươi lại giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đó là năm tội. Lừa dối, chôn sống hai mươi vạn con em Tần ở Tân An ; trái lại phong tướng Tần làm vương, đó là sáu tội. Phong các tướng của ngươi làm vương ở những nơi đất tốt còn đày đuổi chủ cũ của mình khiến bọn bầy tôi ở dưới tranh nhau làm phản, đó là bảy tội. Nhà ngươi đuổi Nghĩa Đế ra khỏi Bành Thành để đặt đô của mình ở đấy, chiếm đoạt đất của Hàn Vương, thôn tính đất Lương, đất Sở, dành cho mình nhiều đất, đó là tám tội. Nhà ngươi sai người giết ngầm Nghĩa Đế ở Giang Nam, đó là chín tội. Phàm làm tôi mà giết vua, giết những người đầu hàng, cai trị không công bình, không giữ lời giao ước của vua thì thiên hạ không thể nào tha tội phản nghịch vô đạo, đó là mười tội. Nay ta cầm nghĩa binh cùng chư hầu giết bọn tàn ác và giặc cướp, ta sẽ sai bọn tội phạm bị hình phạt giết nhà ngươi chứ hơi đâu mà giao chiến với nhà ngươi !

Hạng Vũ cả giận ngầm bắn trúng Hán Vương. Hán Vương bị thương ở bụng nhưng lại sờ vào ngón chân mà nói :

— Thằng giặc bắn trúng ngón chân tao rồi (1).

Hán Vương bị thương, nằm. Trương Lương ép nài Hán Vương cố gắng dậy đi úy lạo quân sĩ để quân sĩ an lòng đừng cho quân Sở thừa cơ đánh thắng Hán. Hán Vương đi ra trước hàng quân, bệnh càng nặng

1. Điều này chứng tỏ Lưu Bang hết sức nhanh trí.

thêm, Hán Vương bèn ruổi ngựa vào Thành Cao. Khi khỏi bệnh Hán Vương đi về hướng tây vào Quan Trung đến đất Lương Dương thăm hỏi các phụ lão, đặt tiệc rượu, bêu đầu Tắc Vương trước kia là Hàn ở chợ Lịch Dương, lưu ở đấy bốn ngày rồi lại trở về trong quân, đóng ở Quảng Vũ. Binh sĩ ở Quan Trung càng ra theo Hán Vương.

Lúc bấy giờ Bành Việt cầm quân ở đất Lương, luôn qua lại làm quân Sở khổ cực, cắt đứt lương thực của quân Sở. Điền Hoành đến theo Bành Việt. Hạng Vũ mấy lần đánh bọn Bành Việt thì Tề Vương là Hàn Tín lại tiến quân đánh Sở. Hạng Vũ sợ, cùng Hán Vương giao ước chia khoảng giữa thiên hạ, cắt đất từ Hồng Câu về phía tây là của Hán ; từ Hồng Câu về phía đông là của Sở. Hạng Vương trả lại cha và vợ Hán Vương. Trong quân đều hô vạn tuế. Sau đó hai bên trở về và từ biệt ra đi mỗi người một phía : Hạng Vũ từ giã đem quân về phía đông.

Hán Vương muốn đem quân về phía tây nhưng theo kế của Trần Bình và Lưu Hầu Trương Lương, tiến quân đuổi Hạng Vũ về phía nam thành Dương Hạ thì dừng lại. Hán Vương hẹn với Tề Vương Hàn Tín, Kiến Thành Hầu Bành Việt cùng họp nhau để đánh Sở, nhưng khi quân Hán Vương đến Cố Lăng thì vẫn không gặp quân của Hàn Tín, Bành Việt. Quân Sở bèn đánh quân Hán thua to. Hán Vương lại vào thành, đắp thành cao, đào hào sâu để giữ. Hán Vương dùng kế của Trương Lương nên Hàn Tín và Bành Việt đều đến.

Đến khi Lưu Giả vào đất Sở vây đất Thọ Xuân, Hán Vương bị thua trận ở Cố Lăng, bèn sai sứ giả triệu đại tư mã là Chu Ân điều động quân ở Cửu Giang đi theo

quân Lưu Giả, Vũ Vương Kinh Bố làm cỏ dân Thành Phủ ; Tùy Hà, Lưu Giả và các chư hầu Tề và Lương đều họp nhau ở Cai Hạ, lập Vũ Vương Kinh Bố làm Hoài Nam Vương.

Năm thứ 5 (202 trước công nguyên), Cao Tổ cùng quân của chư hầu đánh quân Sở thắng Hạng Vũ một trận quyết liệt ở Cai Hạ. Hoài Âm Hầu Hàn Tín cầm ba mươi vạn quân đương đầu với quân địch, Khổng Tướng Quân ở cánh tả, Phí Tướng Quân ở cánh hữu, Hoàng Đế ở phía sau. Giáng Hầu, Sài Tướng Quân ở sau lưng Hoàng Đế. Quân của Hạng Vũ vào khoảng mười vạn. Hoài Âm Hầu đánh đầu tiên không thắng nổi, rút lui. Khổng Tướng Quân và Phí Tướng Quân đem quân đến giúp. Quân Sở không thắng nổi. Hoài Âm Hầu nhân lúc ấy lại tiến lên đánh quân Sở đại bại ở Cai Hạ. Binh sĩ Hạng Vũ nghe trong quân Hán hát những bài ca nước Sở cho rằng quân Hán đã lấy tất cả đất Sở rồi ; Hạng Vũ thua bỏ chạy cho nên quân thua to. Hán Vương sai Kỵ Tướng Quân Quán Anh đuổi theo giết Hạng Vũ ở Đông Thành, chém đầu tám vạn người, bèn bình định được đất Sở.

Nước Lỗ theo *Sở* giữ vững thành, quân Hán lấy không được. Hán Vương đem quân chư hầu đi về hướng bắc, chỉ cho các vị phụ lão ở Lỗ thấy đầu Hạng Vũ, Lỗ mới đầu hàng. Hán Vương bèn cho chôn cất Hạng Vũ với danh hiệu Lỗ Công ở Cốc Thành. Hán Vương trở về đến Định Đào, phi ngựa vào thành của Tề Vương, cướp quân của Tề Vương. Tháng giêng, chư hầu cùng các quan văn võ suy tôn Hán Vương làm Hoàng Đế. Hán Vương nói :

— Ta nghe nói : « Người hiền mới được làm đế, nếu không chỉ là lời nói suông không nên làm ». Ta không dám lên ngôi đế.

Quần thần đều nói :

— Đại vương xuất thân thấp hèn, giết bọn bạo ngược, bình định bốn biển, người nào có công liền được cắt đất mà phong làm vương, làm hầu. Nếu đại vương không có danh hiệu tôn quý thì họ đều nghi không tin. Bọn thần liều chết xin giữ điều đó.

Hán Vương ba lần nhường không được, bất đắc dĩ nói :

— Nếu các ông đều cho thế là tiện thì tôi nhận, vì tiện lợi của quốc gia.

Ngày giáp ngọ, Hán Vương bèn lên ngôi Hoàng Đế ở phía bắc sông Tự Thủy. Hoàng Đế nói :

— Nghĩa Đế không có con cháu, Tề Vương Hàn Tín quen phong tục của Sở, cho nên dời Tề Vương làm Sở Vương đóng đô ở Hạ Bì (1). Lập Kiến Thành Hầu là Bành Việt làm Lương Vương, đóng đô ở Định Đào, lập vua Hàn trước kia là Tín làm Hàn Vương, đóng đô ở Dương Địch. Dời Hành Sơn Vương Ngô Nhuế làm Trường Sa Vương, đóng đô ở Lâm Tương. Tướng của phiên quân là Mai Quyên có công theo Cao Tổ vào Vũ Quan, cho nên Cao Tổ tỏ ra ân đức với ông ta. Hoài Nam Vương Kinh Bố, Yên Vương Tang Đồ, Triệu Vương Ngao đều như cũ.

Thiên hạ bình định, Cao Tổ đóng đô ở Lạc Dương chư hầu đều làm tôi. Hoan trước đấy làm Lâm Giang Vương, theo Hạng Vũ, phản lại Hán. Cao Tổ sai Lư

1 Thực ra thì Lưu Bang sợ Hàn Tín nên nói khéo, cho Tín làm vua Sở, nói là kế nghiệp Nghĩa Đế.

Quán, Lưu Giả bao vây Hoan, nhưng không lấy được thành, mấy tháng sau Hoan đầu hàng và bị giết ở Lạc Dương. Tháng 5 bãi binh, binh sĩ đều được giải ngũ về nhà. Con cái các chư hầu ở Quan Trung được tha mười hai năm thuế. Người nào trở về nước mình thì tha cho sáu năm thuế để nuôi sống và thưởng cho một năm thuế.

Cao Tổ đặt tiệc rượu ở phía nam cung Lạc Dương. Cao Tổ nói :

— Liệt hầu và các tướng đừng giấu giếm. Tất cả đều nói tình thực. Tại sao ta lấy được thiên hạ ? Tại sao họ Hạng mất thiên hạ ?

Cao Khởi và Vương Lăng nói :

— Bệ hạ ngạo mạn và khinh người. Hạng Vũ nhân từ và thương người. Nhưng bệ hạ sai ai cướp được thành, lấy được đất, hàng phục được nơi nào thì cho ngay nơi ấy, cùng chung lợi với thiên hạ. Hạng Vũ ghen người giỏi, ghét người có tài, hại người có công, nghi người hiền. Khi đánh thắng thì không thưởng công cho người ta, khi được đất, thì không cho người ta hưởng lợi, do đó cho nên mất thiên hạ.

Cao Tổ nói :

— Ngươi chỉ biết một mà chưa biết hai, phàm việc tính toán trong màn trướng mà quyết định được sự thắng ở ngoài ngàn dặm thì ta không bằng Tử Phòng (1) ; trị nước nhà, vỗ yên trăm họ, vận tải lương thực không bao giờ đứt thì ta không bằng Tiêu Hà. Nắm trong tay trăm vạn quân đã đánh là nhất định thắng, tiến công là nhất định lấy thì ta không bằng Hàn Tín. Ba người này đều là những kẻ hào kiệt, ta biết dùng họ cho nên lấy

1. Trương Lương.

được thiên hạ. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng cho nên mới bị ta bắt.

Cao Tổ muốn đóng đô vĩnh viễn ở Lạc Dương. Lưu Kính người đất Tề nói với Lưu Hầu Trương Lương khuyên vua vào đóng đô ở Quan Trung. Ngay hôm ấy, Cao Tổ lên xe ngựa vào đóng đô ở Quan Trung. Tháng 6, đại xá thiên hạ.

Tháng 10, Yên Vương Tang Đồ làm phản, đánh lấy đất Đại. Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, bắt được Yên Vương Tang Đồ, lập thái úy Lư Quán làm Yên Vương, sai thừa tướng Phàn Khoái cầm quân đánh đất Đại. Mùa thu năm ấy, Lợi Cơ làm phản Cao Tổ thân hành cầm quân đánh, Lợi Cơ bỏ chạy. Lợi Cơ nguyên là tướng của họ Hạng. Khi họ Hạng thua trận, Lợi Cơ làm Trần Công không trốn theo Hạng Vũ mà theo hàng Cao Tổ nên được Cao Tổ phong hầu ở Dĩnh Xuyên. Cao Tổ đến Lạc Dương cầm sổ tất cả các thông hầu (1) và triệu tập họ. Lợi Cơ sợ cho nên làm phản.

Năm thứ 6 (201 trước công nguyên) Cao Tổ cứ năm ngày đến thăm Thái Công theo như lễ cha con trong nhà. Viên quan lệnh ở nhà Thái Công nói :

— Trên trời không có hai mặt trời ; dưới đất không có hai vua. Nay Hoàng Đế tuy là con nhưng là vua, ngài tuy là cha nhưng là tôi. Lẽ nào ngài lại khiến nhà vua lạy bầy tôi như vậy ? Làm như vậy thì uy lớn không thi hành được. Sau đó Cao Tổ đến thăm Thái Công, Thái Công cầm chổi ra cửa đón, đi thụt lùi. Cao Tổ cả kinh, xuống xe đỡ Thái Công, Thái Công nói :

1. Tức là triệt hầu, cấp bậc tôn quý nhất trong các hầu nhà Hán đổi là thông hầu vì húy (tên Vũ Đế là Triệt).

— Hoàng Đế là vua, lẽ nào lại vì tôi mà làm sai phép tắc của thiên hạ ?

Cao Tổ bèn tôn Thái Công làm Thái Thượng Hoàng, khen viên lệnh trong nhà Thái Công, thưởng cho ông ta 500 cân vàng.

Tháng 12, có người báo với nhà vua có việc biến động, rằng Sở Vương Hàn Tín mưu phản, nhà vua hỏi các quan chung quanh. Các quan chung quanh đến tranh nhau giục nhà vua đánh. Nhà vua dùng kế của Trần Bình giả vờ đi chơi đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Sở Vương Hàn Tín đến đón liền bị bắt.

Hôm ấy đại xá thiên hạ. Điền Khẳng mừng Cao Tổ :

— Bệ hạ bắt được Hàn Tín, lại cai trị Quan Trung. Tần là nước hình thế hiểm trở, sông núi bao quanh như cái đai, cách thiên hạ ngàn dặm, với hai vạn người cầm giáo có thể chống lại một trăm vạn người. Địa thế tiện lợi cho nên khi đem quân xuống đánh chư hầu cũng như người ở trên nhà cao đổ một chậu nước xuống. Nước Tề phía đông có Lang Gia, Tức Mặc mầu mỡ, phía nam có núi Thái Sơn vững chắc, phía tây có dòng sông Hoàng Hà nước đục làm giới hạn, phía bắc có cái lợi là biển Bột Hải ; đất vuông hai ngàn dặm với hai mươi vạn quân Tề có thể chống cự nổi một trăm vạn quân cách xa ngàn dặm. Cho nên hai nơi này gọi là Đông Tần và Tây Tần. Nếu không phải là con em thân thích thì không thể cho làm vương nước Tề được (1). Cao Tổ nói :

— Phải đấy !

1. Chính vì vậy mà khi nghe Hàn Tín tự lập là Giả Vương nước Tề, Lưu Bang hoảng hốt muốn đem quân đánh.

Bèn thưởng cho 500 cân vàng. Mười ngày sau, Cao Tổ phong Hàn Tín làm Hoài Âm Hầu chia đất đai của Tín làm hai nước. Cao Tổ nói :

— Lưu Giả có nhiều công phong cho làm Kinh Vương làm vương ở Hoài Đông, người em của ta là Giao làm Sở Vương cai trị Hoài Tây, con của ta là Phì làm Tề Vương cai trị hơn bảy mươi thành. Những người nào nói được tiếng Tề thì đều thuộc vào nước Tề.

Cao Tổ bèn xét đến công lao của mỗi người cùng các liệt hầu chặt phù, phong đất, dời Hàn Vương Tín đến Thái Nguyên.

Năm thứ 7 (200 trước công nguyên) Hung Nô đánh Hàn Vương Tín ở Mã Ấp. Tín nhân bàn mưu với chúng làm phản ở Thái Nguyên. Những người ở Bạch Thổ, Mạn Khâu và Vương Hoàng lập viên tướng trước kia của nước Triệu là Triệu Lợi làm vua để làm phản. Cao Tổ thân chinh đi đánh. Gặp lúc trời lạnh trong số mười binh sĩ thì có hai, ba người rụng ngón tay. Cao Tổ đến Bình Thành, quân Hung Nô vây quân ta bảy ngày ở Bình Thành, sau đó mới bỏ đi. Nhà vua sai Phàn Khoái ở lại, bình định đất Đại, lập người anh của Cao Tổ là Lưu Trọng làm Đại Vương.

Tháng 2, Cao Tổ từ Bình Thành qua thành Lạc Dương của Triệu đến Trường An. Cung Trường Lạc đã xây xong từ thừa tướng trở xuống đều dời đến ở Trường An.

Năm thứ 8 (199 trước công nguyên) Cao Tổ đem quân về hướng đông đánh những quân giặc sót lại của Hàn Vương Tín ở Đông Viên. Thừa tướng Tiêu Hà đã xây xong cung Vị Ương, dựng cửa phía đông, cửa phía bắc, kho võ khí, kho lúa ở điện đằng trước. Cao Đế quay về thấy cung và cửa cung to lớn quá, cả giận bảo Tiêu Hà :

— Thiên hạ đang khổ sở vì chiến tranh đã lâu, việc thành bại chưa biết như thế nào, tại sao lại dựng cung thất quá chừng như vậy ?

Tiêu Hà nói :

— Thiên hạ vừa mới ổn định cho nên có thể nhân đó mà làm cung thất. Nhà vua lấy bốn biển làm nhà ; cung thất không tráng lệ thì không làm cho uy thế mình thêm lớn. Vả chăng, không thể để cho đời sau có thể có gì thêm vào việc bệ hạ đã làm.

Cao Tổ bèn bằng lòng. Cao Tổ đến Đông Viên, đi qua Bách Nhân, bọn Quán Cao làm thừa tướng nước Triệu mưu giết Cao Tổ. Cao Tổ thấy xúc động trong lòng, nên không ở lại (1). Vua Đại là Lưu Trọng bỏ nước trốn, thân hành trở về Lạc Dương, bị phế truất cho làm Hợp Dương Hầu.

Năm thứ 9, việc làm phản của bọn thừa tướng nước Triệu là Quán Cao bị lộ, bị giết cả ba họ, Cao Tổ phế truất Triệu Vương Ngao làm Tuyên Bình Hầu. Năm ấy, dời bọn quý tộc nước Sở là các họ Chiêu, Khuất, Cảnh, Hoài, và họ Điền nước Tề đến Quan Trung. Cung Vị Ương đã xong, Cao Tổ triệu chư hầu, quần thần đặt tiệc rượu ở điện trước của cung Vị Ương. Cao Tổ cầm chén ngọc đứng dậy chúc thọ Thái Thượng Hoàng, nói :

— Trước đây cha cho tôi không làm được việc gì, không lo làm ăn chẳng bằng anh Trọng. Bây giờ công nghiệp tôi làm so với anh Trọng thì ai hơn ?

Quần thần trên điện đều hô « vạn tuế » tất cả cười vang rất là vui vẻ.

Năm thứ 10, tháng 10, Hoài Nam Vương Kinh Bố và Lương Vương Bành Việt, Yên Vương Lư Quán, Kinh

1. Xem *Trương Nhĩ, Trần Dư liệt Truyện.*

Vương Lưu Giả, Sở Vương Lưu Giao, Tề Vương Lưu Phì, Trường Sa Vương Ngô Nhuế đều đến chầu ở cung Trường Lạc. Mùa xuân và mùa hạ không có việc gì xảy ra. Tháng 7 Thái Thượng Hoàng mất ở cung Vị Ương. Sở Vương và Lương Vương đều đến đưa tang, Cao Tổ tha những người bị tù ở Lịch Dương, đổi tên Lịch Ấp là Tân Phong. Tháng 8, tướng quốc nước Triệu là Trần Hy làm phản ở đất Đại. Nhà vua nói :

— Hy trước kia thường làm sứ giả của ta, rất được tin cậy. Đất Đại là nơi quan trọng đối với ta, cho nên phong Hy làm hầu để làm tướng quốc và giữ đất Đại. Nay hắn lại cùng bọn Vương Hoàng dùng vũ lực cướp đất Đại. Quan lại và dân chúng đất Đại đều không có tội, ta tha tội cho họ.

Tháng 9, nhà vua thân hành đi về hướng đông đánh Trần Hy. Khi đến Hàm Đan, nhà vua mừng rỡ nói :

— Hy không chiếm cứ Hàm Đan ở phía nam mà lại chẹn sông Chương Thủy, ta biết rằng hắn không làm gì được !

Khi nghe nói các tướng của Hy nguyên trước là con buôn, vua nói :

— Ta đã biết phải cho chúng cái gì rồi (1).

Bèn đút lót cho các tướng của Hy nhiều vàng.

Nhiều người ra hàng. Năm thứ 11, nhà vua giết bọn Trần Hy ở Hàm Đan. Công việc chưa xong, tướng của Hy là Hầu Sưởng cầm đầu hơn vạn quân quấy nhiễu, Vương Hoàng đánh Liễu Thành. Hán sai tướng quân Quách Mông cùng tướng nước Tề đánh phá tan. Thái úy Chu Bột đi theo đường Thái Nguyên vào bình định

1. Con buôn thì tham lợi.

đất Đại. Khi tới Mã Ấp, Mã Ấp không hàng phục, Chu Bột tấn công và tàn phá thành này. Tướng của Hy là Triệu Lợi giữ thành Đông Viên, Cao Tổ đánh không lấy được. Đã hơn một tháng, binh sĩ của Lợi mắng nhiếc Cao Tổ, Cao Tổ nổi giận. Đến khi thành đầu hàng, Cao Tổ sai chém những người đã mắng nhiếc mình còn những người không mắng nhiếc thì tha cho. Cao Tổ cho chia đất Triệu và miền ở bắc các núi lập con của mình là Hằng làm Đại Vương, đóng đô ở Tấn Dương.

Mùa xuân, Hoài Âm Hầu Hàn Tín mưu phản ở Quan Trung bị giết cả ba họ. Mùa hạ, Lương Vương Bành Việt mưu phản, bị phế truất dời đi đất Thục, sau đó lại muốn phản, nên giết cả ba họ. Nhà vua lập người con là Khôi làm Lương Vương, lập người con là Hữu làm Hoài Dương Vương. Tháng bảy, mùa thu, Hoài Nam Vương Kinh Bố làm phản ở phía đông lấy đất của Kinh Vương Lưu Giả, phía bắc, vượt qua sông Hoài. Sở Vương là Giao bỏ chạy vào đất Tiết, Cao Tổ thân hành đem quân đến đánh, lập người con trưởng của mình làm Hoài Nam Vương.

Tháng 10, năm thứ 12, sau khi đánh xong quân của Kinh Bố ở Hội Truy, Kinh Bố bỏ chạy, Cao Tổ sai biệt tướng đuổi theo. Cao Tổ trở về đi qua đất Bái, dừng lại ở đây đặt rượu ở Bái Cung mời tất cả những người quen biết cũ, không kể già trẻ, cho uống tha hồ. Sai chọn những đứa trẻ ở Bái được một trăm hai mươi người, dạy cho hát. Khi uống rượu say, Cao Tổ gõ đàn trúc, đứng dậy tự làm bài ca :

Gió lớn thổi dậy chừ, mây bay ngổn ngang !
Uy vang bốn biển chừ, về quê hương,
Làm sao có được kẻ sĩ mạnh chừ giữ bốn phương.

Sai bọn con trẻ tập hát bài ấy. Cao Tổ bèn đứng dậy múa, lòng cảm khái buồn bã, khóc và nói với những người phụ huynh đất Bái :

— Kẻ đi xa nhớ làng cũ. Ta tuy đóng đô ở Quan Trung nhưng sau khi trăm tuổi hồn phách của ta vẫn còn thích đến đất Bái. Ta xuất thân là Bái Công nhờ giết kẻ bạo nghịch mà có được thiên hạ. Ta lấy đất Bái làm đất riêng, dân ở đấy đời đời không phải đóng thuế.

Các phụ huynh, các bà mẹ và những người quen cũ ở đất Bái uống rượu vui chơi cả ngày rất là vui vẻ, kể lại chuyện cũ mà cười. Vui chơi hơn mười ngày. Cao Tổ muốn ra đi, phụ huynh đất Bái cố tình giữ lại, Cao Tổ nói :

— Quân của ta đông, các ông không thể nào cung cấp cho họ được.

Bèn ra đi. Dân Bái bỏ huyện trống tất cả dồn về phía tây thành, hiến lễ vật. Cao Tổ lại dừng lại, dựng trướng lên uống rượu ba ngày. Phụ huynh đất Bái đều đập đầu lạy, nói :

— Đất Bái may mắn được miễn thuế nhưng đất Phong vẫn chưa được, xin bệ hạ thương đến nó.

Cao Tổ nói :

— Đất Phong chính là nơi ta sinh trưởng, làm sao lại quên được, nhưng chỉ vì vì Ung Xỉ ngày xưa làm phản ta theo Ngụy...

Phụ huynh đất Bái cố nài xin. Cao Tổ bèn tha thuế cho cả đất Phong và đất Bái. Sau đó nhà vua cho Bái Hầu Lưu Tỵ làm Ngô Vương.

Biết tướng Hán đánh quân Kinh Bố ở phía nam và phía bắc Thao Thủy, phá tan quân Kinh Bố, đuổi theo và chém Kinh Bố ở Phiên Dương. Phàn Khoái cầm riêng

một cánh quân bình định đất Đại, chém Trần Hy ở Dương Thành.

Tháng 11, Cao Tổ đem quân trở về Trường An sau khi đã đánh Kinh Bố.

Tháng 12, Cao Tổ nói :

— Tần Thủy Hoàng, Sở Ẩn Vương nước Sở là Trần Thiệp, An Ly Vương nước Ngụy, Dẫn Vương nước Tề Điệu Tương Vương nước Triệu đều chết mà không có con cháu, ta cho họ mỗi người được mười nhà để giữ phần mộ. Ta cho Tần Hoàng Đế hai mươi nhà, Ngụy công tử Vô Kỵ (1) năm nhà.

Nhà vua tha cho quan lại và dân chúng đất Đại đã bị Trần Hy và Triệu Lợi cưỡng ép theo họ. Viên hàng tướng của Trần Hy nói rằng khi Trần Hy làm phản thì Yên Vương Lư Quán sai người đến nhà Hy cùng bàn mưu. Nhà vua sai Tích Dương Hầu đến đón Quán. Quán cáo bệnh. Tích Dương Hầu quay về báo lại rằng việc Quán làm phản đã có manh mối. Tháng 2, Cao Tổ sai Phàn Khoái, Chu Bột cầm quân đánh Yên Vương Lư Quán, tha cho quan lại và dân chúng ở Yên đã theo kẻ làm phản và lập hoàng tử Kiến làm Yên Vương. Khi đánh Kinh Bố, Cao Tổ bị một mũi tên lạc, trên đường về bị bệnh. Bệnh nặng, Lữ Hậu mời thầy thuốc giỏi đến. Thầy thuốc vào yết kiến. Cao Tổ hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói :

— Bệnh này có thể chữa được.

Cao Tổ bèn mắng (2) thầy thuốc :

— Ta xuất thân áo vải, tay cầm ba thước kiếm lấy được thiên hạ, đó chẳng phải mệnh trời hay sao ? Mệnh đã ở trời thì dù có tài giỏi như Biển Thước (1) cũng làm được gì !

Bèn không cho chữa bệnh, thưởng 50 cân vàng rồi cho về. Ít lâu sau Lữ Hậu nói :

— Nếu bệ hạ trăm tuổi rồi và tướng quốc Tiêu Hà cũng mất thì lấy ai thay ?

Nhà vua nói :

— Tào Tham có thể làm được.

— Sau đó đến ai ?

— Vương Lăng có thể được, nhưng Vương Lăng hơi gàn. Trần Bình có thể giúp ông ta. Trần Bình thì trí khôn có thừa nhưng khó mà làm một mình. Chu Bột là người trung hậu, ít văn hoa nhưng người làm họ Lưu được an thì chính là Chu Bột đấy (2), có thể cho ông ta là thái úy.

Thái Hậu lại hỏi :

— Sau đó đến ai ?

Nhà vua nói :

— Sau đó thì ngươi cũng không biết được (3).

Lư Quán cùng mấy ngàn quân kỵ đợi ở biên giới chờ cho nhà vua thôi bệnh để vào tạ tội. Tháng tư ngày giáp thìn, Cao Tổ mất ở Cung Trường Lạc. Mất đã bốn ngày rồi mà không báo tang. Lữ Hậu bàn mưu với Thẩm Tự Cơ (4) :

— Các tướng và nhà vua trước đều là thường dân nay họ phải quay mặt về hướng bắc xưng là bầy tôi nên

1. Tức là Tín Lăng Quân xem *Ngụy công tử liệt truyện*.
2. Chữ « bèn » chứng tỏ là một mánh khoé để tự đề cao.

1. Thầy thuốc nổi tiếng nhất thời Chiến quốc.
2. Nhận xét rất tinh : Quả nhiên sau Lữ Hậu tìm cách giết họ Lưu đưa họ Lữ lên thì chính Chu Bột đã tiêu diệt họ Lữ và giữ cho nhà Hán vẫn còn. Xem *Trần thừa tướng thế gia*.
3. Ý nói sau đó thì Lữ Hậu cũng chết rồi.
4. Người hầu hạ và đồng thời là tình nhân của Lữ Hậu.

vẫn thường bực bội. Nay gặp nhà vua còn nhỏ, nếu không giết hết tất cả đi thì thiên hạ không an.

Có người nghe điều ấy nói với Lịch tướng quân, Lịch tướng quân đến yết kiến Thẩm Tự Cơ nói :

— Tôi nghe nói nhà vua đã mất bốn ngày rồi vẫn không báo tang lại còn muốn giết các tướng, như vậy thì thiên hạ nguy mất ! Trần Bình và Quán Anh cầm 10 vạn quân giữ Huỳnh Dương, Phàn Khoái và Chu Bột cầm 20 vạn quân, bình định đất Yên, đất Đại. Nếu họ nghe nhà vua băng hà, các tướng đều bị giết thì thế nào họ cũng đem quân liên kết với nhau quay về đánh Quan Trung, ở trong các quan đại thần làm phản, ở ngoài chư hầu làm phản, việc diệt vong có thể nhón gót mà chờ (1) vậy.

Thẩm Tự Cơ vào nói với Lữ Hậu. Bèn báo tang, ngày đinh mùi, đại xá thiên hạ. Lữ Quán nghe Cao Tổ đã chết bèn bỏ trốn vào Hung Nô.

Lễ chôn cất vào ngày bính dần, ngày kỷ tỵ lập thái tử làm vua, vua đến miếu Thái Thương Hoàng. Quần thần đều nói :

— Các Tổ xuất thân hàn vi, dẹp đời loạn làm cho nó trở lại đường ngay, bình định thiên hạ, làm thái tổ nhà Hán, công lao hết sức lớn.

Nên dâng tôn hiệu là Cao Hoàng Đế (2). Thái tử nối nghiệp, hiệu là hoàng đế tức là Hiếu Huệ Đế.

---

1. Cũng như nói đến ngay tức khắc.

2. Theo pháp chế đời xưa, khi vua chết, quần thần họp lại căn cứ vào hành trạng, công lao hay tội lỗi của vua mà đặt cho một tên gọi là thụy hay hiệu bụt. Có người được tên đẹp như Lưu Bang nhưng cũng có người được tên xấu như Kiệt, Trụ v.v...

Nhà vua sai các quận, các nước và chư hầu đều lập miếu thờ Cao Tổ, mỗi năm tế thờ theo thời tiết. Đến khi Huệ Đế làm vua được năm năm, nhà vua nghĩ đến việc Cao Tổ vui buồn ở Bái Cung nên lấy Bái Cung làm miếu thứ hai thờ Cao Tổ. 120 người trước đây Cao Tổ dạy hát đều sai chơi nhạc, về sau thiếu người nào thì điền vào cho đủ số.

Cao Tổ có tám người con trai : người con đầu con một người vợ thứ tên là Phi làm Điệu Huệ Vương ở nước Tề. Người con thứ hai là Hiếu Huệ là con của Lữ Hậu. Người thứ ba làm Như Ý là Triệu Ẩn Vương, con của Thích phu nhân. Người con thứ tư là Hằng làm Đại Vương, sau đó làm Hiếu Văn Đế, con của Bạc Thái Hậu. Người con thứ năm là Khôi làm Lương Vương, trong thời Lữ Thái Hậu bị dời đi làm Triệu Cung Vương. Người con thứ sáu là Hoài Dương Vương tên là Hữu, thời Thái Hậu bị dời đi làm Triệu U Vương. Người con thứ bảy là Trường làm Lệ Vương ở Hoài Nam, người con thứ tám là Kiến làm Yên Vương.

Thái Sử Công nói :

Chính trị nhà Hạ trung thực. Khi sự trung thực kém đi thì bọn tiểu nhân mất lễ ; cho nên nhà Ân kế tiếp theo dùng chữ « kính » để cai trị. Sự kính cẩn sau đó kém đi, bọn tiểu nhân lại theo ma quỷ ; cho nên nhà Chu kế tiếp theo dùng « văn » để cai trị. Sau đó văn kém đi kẻ tiểu nhân biến thành xảo trá. Vì vậy cho nên để bổ cứu sự xảo trá không gì bằng dùng chữ « trung thực ». Đạo tam vương xoay vận hết rồi lại quay lại. Trong thời Chu, Tần có thể nói cái văn bị hư hỏng đi. Chính trị của Tần không thay đổi điều đó lại dùng hình phạt khốc liệt há chẳng sai lầm sao ! Cho nên khi nhà Hán nổi lên, sau khi tiếp thu tình trạng hư hỏng thì dễ thay

đổi nó, khiến người ta có được cái nguyên lý của trời vậy (1). Cao Tổ tiếp triều thần, vào tháng 10, xe diềm bằng vải màu vàng, cờ đạo cắm ở bên trái, chôn ở Trường Lăng.

1. Đây là tác giả trình bày quan điểm của mình về chính trị. Tác giả quan niệm sự vật biến đổi theo vòng tròn tức là có thay đổi mà không có tiến hóa. Quan điểm ấy là then chốt của *Kinh dịch*. Nhà Hạ, lấy việc trung thực làm then chốt cho việc cai trị dân, nhưng trung thực quá thì thành ra thô lỗ. Để khắc phục sai lầm ấy, nhà Ân nêu lên nguyên tắc « kính », lấy kính làm then chốt. Nhưng một khi thiên lệch thì kính biến thành sợ, do đó nhà Ân, về sau chỉ nói đến quỷ thần, thờ cúng. Nhà Chu dùng văn (lễ nghi, hình thức) để bổ cứu, nhưng khi thiên lệch sẽ thành gian xảo như trong thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Đáng lý Tần lên phải bổ cứu văn bằng trung thực lại bổ cứu bằng pháp luật tức là không đi theo vòng tròn. Do đó mà thất bại. Đối với tác giả cũng như đối với các tư tưởng gia Trung Quốc trước kia nói chung cái đạo trong chính trị là biểu hiện cái đạo trong trời đất.

LỮ HẬU BẢN KỶ

1. LỮ THÁI HẬU là vợ của Cao Tổ từ lúc còn hàn vi, sinh Hiếu Huệ Đế, con gái là Lỗ Nguyên thái hậu. Khi Cao Tổ làm Hán Vương, lấy Thích Cơ, người Định Đào, rất yêu quý, sinh Triệu Ẩn Vương, tên là Như Ý. Hiếu Huệ là người nhân từ, yếu đuối ; Cao Tổ cho là không giống mình, thường muốn phế truất, lập Như Ý là con của Thích Cơ : « Như Ý giống ta ». Thích Cơ được Cao Tổ yêu, thường đi theo nhà vua đến phía đông cửa ải, ngày đêm khóc lóc muốn lập con mình để thay thái tử. Lữ Hậu tuổi cao thường ở nhà, ít khi gặp mặt nhà vua, cho nên càng bị bỏ rơi. Như Ý được lập làm Triệu Vương, đã mấy lần suýt thay thái tử. Nhờ có các quan đại thần can ngăn và nhờ có mưu kế của Lưu Hầu cho nên — thái tử mới không bị truất (1).

Lữ Hậu là con người cứng rắn quyết đoán, giúp Cao Tổ bình định thiên hạ, các quan đại thần bị Cao Tổ giết phần lớn do sức của Lữ Hậu (2). Hai người anh Lữ Hậu đều làm tướng : người anh cả là Chu Lữ Hầu, chết vì nhiệm vụ, người em là Lữ Thai được phong làm Lịch

1. Xem *Lưu Hầu thế gia*.

2. Chẳng hạn Hàn Tín, Bành Việt.

Hầu, và Lữ Sản được phong làm Giao Hầu. Người anh thứ hai là Lữ Thích Chi làm Kiến Thành Hầu (1).

2. Năm thứ mười hai, (195 trước công nguyên) tháng tư, ngày giáp Thìn, Cao Tổ mất ở cung Trường Lạc. Thái tử nối làm hoàng đế. Lúc bấy giờ Cao Tổ có tám người con. Người lớn nhất là Phi, anh của Hiếu Huệ, nhưng khác mẹ. Phi làm Tề Vương. Còn tất cả đều là em của Hiếu Huệ. Con của Thích Cơ, tên là Như Ý, làm Triệu Vương ; con của Bạc Phu Nhân tên là Hằng làm Đại Vương ; những người con của những người vợ khác là Khôi làm Lương Vương, Hữu làm Hoài Dương Vương, Trương làm Hoài Nam Vương, Kiến làm Yên Vương. Em của Cao Tổ tên là Giao làm Sở Vương ; con của người anh Cao Tổ tên là Tỵ lên làm Ngô Vương. Còn không phải họ Lưu thì có Thần con của công thần Ngô Nhuế (làm phiên quân) được làm Trường Sa Vương. Lữ Hậu hết sức oán giận Thích phu nhân và người con của phu nhân là Triệu Vương, bèn sai giam Thích phu nhân ở cung Vĩnh Hạng và mời Triệu Vương đến. Sứ giả ba lần trở về. Kiến Bình Hầu Chu Xương làm tướng quốc nước Triệu bảo sứ giả :

— Cao Đế giao phó Triệu Vương cho tôi. Triệu Vương hãy còn ít tuổi, tôi trộm nghe thái hậu oán giận Thích phu nhân, muốn mời Triệu Vương về để giết cả hai mẹ con, tôi không dám cho nhà vua đi. Nhà vua lại bị bệnh không thể vâng theo chiếu.

Lữ Hậu cả giận, bèn sai người gọi tướng quốc nước Triệu về. Tướng quốc nước Triệu về đến Trường An, thái hậu lại sai người mời Triệu Vương lần nữa. Triệu Vương ra đi. Chưa đến kinh đô thì Hiếu Huệ Đế vốn là

1. Đoạn 1 — Lai lịch của Lữ Hậu và họ Lữ.

người nhân từ, biết thái hậu giận, nên thân hành đón Triệu Vương ở Bá Thượng, rồi cùng vào cung, luôn luôn kèm Triệu Vương, lúc Triệu Vương đi đứng, ăn uống. Huệ Đế đều ở bên cạnh. Thái hậu muốn giết Triệu Vương nhưng không có dịp nào.

Tháng mười hai, năm thứ nhất của Hiếu Huệ Đế (194 trước công nguyên) nhà vua buổi sớm ra đi bắn. Triệu Vương nhỏ không thể dậy sớm. Thái Hậu nghe tin vương ở một mình, bèn sai người mang thuốc độc đến cho vương uống. Lúc mờ sáng, Hiếu Huệ về thì Triệu Vương đã chết. Sau đó thái hậu cho Hoài Dương Vương tên là Hữu làm Triệu Vương.

Mùa hạ, thái hậu ban chiếu truy tặng cha của Lịch Hầu (1) làm Lệnh Vũ Hầu. Thái hậu bèn chặt chân tay Thích phu nhân, móc mắt đốt tai, cho uống thuốc thành câm, cho ở trong nhà tiêu gọi đó là « con người lợn ». Sau mấy hôm, thái hậu cho gọi Hiếu Huệ Đế vào để xem « con người lợn ». Hiếu Huệ Đế thấy, hỏi ; biết đó là Thích phu nhân, liền khóc rống lên. Do đó Hiếu Huệ mắc bệnh, trong hơn một năm không dậy được, sai người nói với thái hậu :

— Việc đó không phải là việc con người làm (2)! Tôi là con của thái hậu, không thể nào trị thiên hạ được !

Hiếu Huệ vì thế ngày đêm uống rượu chơi bời dâm dật, không nghe chính sự, cho nên mắc bệnh. Năm thứ hai, Nguyên Vương nước Sở, Điệu Huệ Vương nước Tề đều đến chầu. Tháng mười, Hiếu Huệ cùng ăn tiệc và uống rượu với Tề Vương trước mặt thái hậu. Hiếu Huệ cho rằng Tề Vương là anh nên để ngồi ghế trên,

1. Tức là Lữ Trạch làm Chu Lữ Hầu đã chết, xem đoạn 1.

2. Nhiều học giả Âu châu bảo Tư Mã Thiên có cái cách viết « tàn nhẫn ». Đây là một thí dụ.

theo lễ những người trong nhà. Thái hậu nổi giận, bèn sai rót hai chén thuốc độc đặt trước mặt mình, sai Tề Vương chúc thọ. Tề Vương đứng dậy. Hiếu Huệ cũng đứng dậy nâng chén muốn cùng chúc thọ với Tề Vương. Thái hậu sợ quá, thân hành đứng dậy hất chén rượu của Hiếu Huệ. Tề Vương lấy làm lạ, do đó không dám uống, giả vờ say đi ra. Khi hỏi, biết đó là thuốc độc. Tề Vương sợ hãi tự cho rằng không thể ra khỏi Tràng An nên rất lo lắng. Quan nội sử của Tề Vương tên là Sỹ nói với Tề Vương :

— Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ và công chúa Lỗ Nguyên. Nay nhà vua có hơn bảy mươi thành, mà công chúa chỉ có vài thành, nếu nhà vua quả thực đem một quận dâng cho thái hậu để làm ấp tắm gội của công chúa, thì thái hậu thế nào cũng mừng rỡ và nhà vua cũng không phải lo ngại gì.

Tề Vương bèn dâng quận Thành Dương, tôn công chúa Lỗ Nguyên làm Vương Thái Hậu, Lữ Hậu mừng rỡ bằng lòng, bèn đặt tiệc rượu ở cung riêng của vua Tề (1), sau khi uống rượu vui vẻ, thái hậu cho vua Tề trở về nước mình.

Năm thứ ba, bắt đầu xây thành Tràng An. Năm thứ tư, thành xây xong được một nửa, năm thứ năm và năm thứ sáu thành xây xong. Chư hầu đến họp. Tháng mười, chư hầu triều cống chúc mừng (2).

3. Năm thứ bảy, mùa thu, tháng tám, ngày mậu dần, Hiếu Huệ Đế mất. Phát tang (191 trước công nguyên).

1. Các chư hầu đều có xây cung riêng ở kinh đô.

2. Đoạn 2 — Việc trả thù của Lữ Hậu trong thời gian Hiếu Huệ còn sống.

Thái hậu khóc nhưng không chảy nước mắt. Người con của Lưu Hầu (1) là Trương Tích Cương làm thị trung mới mười lăm tuổi. Trương Tích Cương nói với thừa tướng :

— Thái hậu chỉ có một mình Hiếu Huệ. Nay Hiếu Huệ mất, thái hậu khóc không đau xót, ngài có biết tại sao không ?

Thừa tướng nói :

— Tại sao vậy ?

Tích Cương nói :

— Hoàng đế không có con lớn tuổi. Thái hậu sợ bọn các ông. Nay ông xin cho Lữ Thái, Lữ Sản, Lữ Lộc làm tướng, cầm quân giữ các đạo quân phía nam và phía bắc, cho những người họ Lữ vào giữ các chức vụ trong cung. Làm như thế thì thái hậu sẽ yên tâm và bọn các ông may mà tránh khỏi tai họa.

Thừa tướng bèn làm theo kế của Tích Cương. Thái hậu mừng rỡ. Lúc ấy khóc mới thảm thiết (2). Ủy quyền họ Lữ bắt đầu từ đó.

Thái hậu đại xá thiên hạ. Tháng chín, ngày tân sửu, chôn cất Huệ Đế. Thái tử (3) lên ngôi làm hoàng đế vào lễ miếu Cao Tổ. Từ năm thứ nhất, tất cả các hiệu lệnh đều do thái hậu đưa ra. Thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là « chế » (4), bàn việc muốn lập những người họ

1. Tức là Trương Lương.

2. Nhận xét « tàn nhẫn » và mỉa mai.

3. Công chúa Lỗ Nguyên là con của Lữ Hậu và chị của Hiếu Huệ, lấy Trương Ngao được một người con gái. Lữ Hậu bắt Huệ Đế lấy người ấy tức là cháu gái để đề cao uy thế họ Lữ. Người này không có con, nhưng Lữ Hậu bắt bà ta giả làm có mang và lấy con một người khác thay thế.

4. Xem chú thích ở *Tần Thủy Hoàng bản kỷ*, nguyên văn « Thái hậu xưng chế ».

Lữ làm vương. Thái hậu hỏi tả thừa tướng là Vương Lăng. Vương Lăng nói :

— Cao Đế đã giết con ngựa trắng mà thề : « Ai không phải họ Lưu mà làm vương thì thiên hạ cùng nhau đánh nó ». Nay thái hậu phong họ Lữ làm vương thì trái lời giao ước.

Thái hậu không bằng lòng, hỏi tả thừa tướng Trần Bình, Giáng Hầu Chu Bột. Bọn Chu Bột trả lời :

— Cao Đế bình định thiên hạ, phong con em của mình làm vương. Nay thái hậu gọi mệnh lệnh của mình là chế, phong anh em họ Lữ làm vương, thì có gì là không được ?

Thái hậu mừng rỡ bãi triều.

Vương Lăng trách Trần Bình và Giáng Hầu :

— Trước đây chúng ta cùng Cao Đế uống máu ăn thề, các ông không có ở đấy sao ? Nay Cao Đế băng hà, thái hậu là người đàn bà làm chủ cả thiên hạ, muốn phong cho Lữ làm vương, các ông làm theo sở thích, hùa theo ý muốn của thái hậu làm trái lời giao ước thì còn mặt mũi nào mà thấy Cao Đế ở dưới đất nữa ?

Trần Bình và Giáng Hầu nói :

— Hôm nay bẻ thái hậu trước mặt, can gián giữa triều đình thì chúng tôi không bằng ông. Nhưng việc bảo toàn xã tắc, giữ vững cho con cháu họ Lưu thì ông sẽ không bằng chúng tôi.

Vương Lăng không biết trả lời như thế nào.

Tháng mười một, thái hậu muốn bãi bỏ Vương Lăng, bèn cho Lăng làm thái phó (1) của đế, cướp quyền thừa tướng của Lăng. Lăng cáo bệnh xin về. Thái hậu bèn cho Thầm Tự Cơ làm tả thừa tướng, Trần Bình làm hữu thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc nước, xem xét việc trong cung như một viên lang trung lệnh. Tự Cơ được thái hậu yêu từ trước, thường tin dùng, các công khanh đều do ông ta mà giải quyết mọi việc. Thái hậu bèn truy tôn cha của Lịch Hậu làm Điệu Vũ Vương, muốn nhân đó dần dần phong những người họ Lữ làm vương ; tháng tư, thái hậu muốn phong những người họ Lữ làm hầu nên trước tiên phong những người công thần của Cao Tổ : Lang trung lệnh Vô Trạch được phong làm Bác Thành Hầu. Lỗ Nguyên công chúa chết được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên thái hậu. Con của Lỗ Nguyên là Yển được phong làm Lỗ Vương. Cha của Lỗ Vương là Trương Ngao được phong làm Tuyên Bình Hầu. Chương, con của Điệu Huệ Vương nước Tề, được phong làm Chu Hư Hầu. Thái hậu gả con gái của Lữ Lộc cho ông ta. Tướng quốc nước Tề tên là Thọ được phong làm Bình Định Hầu. Quan thiếu phủ tên là Diên làm Ngô Hầu. Thái hậu muốn phong vương cho họ Lữ nên trước đấy phong cho những người con của những người thiếp của Hiếu Huệ : Cường được phong làm Hoài Dương Vương ; Bất Nghi được phong làm Thường Sơn Vương ; Sơn được phong làm Tương Thành Hầu ; Triều được phong làm Chi Hầu. Vũ được phong làm Hạp Quan Hầu. Thái hậu gợi ý cho các quan đại thần, các quan đại thần xin lập Lịch hầu Lữ Thai làm Lữ Vương. Thái hậu ưng thuận. Lữ Thích Chi làm Khang Hầu ở Kiến Thành mất, người con nối nghiệp có tội bị truất, người con út là Lữ Lộc được lập làm Hồ Lăng Hầu, để nối tiếp Khang Hầu. Hai năm sau, Thường Sơn Vương mất, thái hậu cho người em của Thường Sơn Vương là Tương Thành Hầu tên là Sơn làm Thường Sơn Vương, đổi tên ông ta là Nghĩa.

1. Chức quan lo việc dạy dỗ nhà vua.

Tháng mười một, Lữ Vương là Thai mất, được tặng tên thụy là Túc Vương. Thái Tử Gia thay thế được lập làm vương. Năm thứ ba, không có việc gì. Năm thứ tư, phong Lữ Tu làm Lâm Quang Hầu (1) Lữ Đà làm Thân Hầu, Lữ Canh Thủy làm Chuế Kỳ Hầu, Lữ Phấn làm Lữ Thành Hầu và phong năm người làm thừa tướng của chư hầu.

Con gái của Tuyên Bình Hầu làm Hiếu Huệ hoàng hậu, không có con, giả làm có mang lấy con một người thiếp làm con mình, và lập làm thái tử, rồi giết người mẹ. Hiếu Huệ mất, thái tử được lập làm hoàng đế. Khi đế lớn lên, nghe nói mẹ mình bị giết, mình không phải con của hoàng hậu, bèn nói :

— Hoàng hậu làm sao có thể giết mẹ ta mà gọi ta là con ? Giờ ta còn bé, nếu ta trưởng thành thì sẽ thay đổi.

Thái hậu nghe tin ấy lấy làm lo lắng, sợ đế làm loạn, bèn giam đế ở cung Vĩnh Hạng, nói rằng hoàng đế bị mắc bệnh nặng. Các quan hầu không ai được thấy mặt. Lữ Hậu nói :

— Ai có thiên hạ là nắm cái vận mệnh của vạn dân, cũng như trời che đất chở vậy, nhà vua trong lòng vui vẻ để làm cho trăm họ được yên ; trăm họ vui vẻ để phụng thờ nhà vua. Trên dưới vui vẻ hòa hợp nên thiên hạ được yên. Nay hoàng đế mắc bệnh đã lâu không khỏi, lại mất trí, hôn loạn, không thể tiếp tục phụng thờ tôn miếu xã tắc, không thể giao phó thiên hạ được. Cần phải thay người khác.

1. Lữ Tu là em gái út của Lữ Hậu cũng được phong hầu và là vợ của Phàn Khoái.

Quần thần đều đập đầu nói :

— Hoàng Thái Hậu vì thiên hạ và toàn dân mà tính kế, để có thể làm cho tôn miếu xã tắc được yên ổn lâu dài. Bọn bầy tôi đập đầu tuân theo lời chiếu. Đế bị phế truất, Lữ Hậu giam rồi giết đi. Tháng năm ngày bính thìn, lập Thường Sơn Vương tên là Nghĩa làm đế, đổi tên là Hoằng, nhưng không gọi là năm đầu vì thái hậu ra các chế để trị vì thiên hạ. Thái hậu phong Chỉ Hầu tên là Triều làm Thường Sơn Vương, đặt chức quan thái úy. Giáng Hầu Chu Bột được làm thái úy.

Năm thứ năm, tháng tám, Hoài Dương Vương chết, người em tên là Vũ làm Hồ Quan Hầu được phong làm Hoài Dương Vương. Tháng mười năm thứ sáu, thái hậu nói :

— Lữ Vương tên là Gia ăn ở kiêu ngạo hống hách, nên bị phế truất. Cho Lữ Sản, em của Túc Vương Thai làm Lữ Vương.

Mùa hạ, đại xá thiên hạ, phong Hưng Cư, con của Điệu Huệ Vương nước Tề, làm Đông Mâu Hầu. Năm thứ bảy tháng giêng, thái hậu cho mời Triệu Vương Hữu đến. Hữu lấy con gái họ Lữ làm hoàng hậu, nhưng không yêu mà yêu người vợ khác. Người con gái họ Lữ ghen, giận bỏ đi, gièm với thái hậu, vu tội ông ta đã nói : « Họ Lữ làm sao làm vương được ? Nếu thái hậu trăm tuổi rồi, thế nào ta cũng sẽ đánh họ ».

Thái hậu nổi giận, cho mời Triệu Vương đến. Thái hậu cho ở trong cung điện riêng không cho yết kiến. Thái hậu sai vệ binh vây giữ, không cho ăn uống. Bọn bầy tôi có người đưa cơm trộm, thái hậu liền bắt và trị tội. Triệu Vương đói bèn hát.

Họ Lữ chuyên quyền, họ Lưu nguy
Bức hiếp vương hầu, ép giả phi ;
Đàn bà ghét ghen vu việc ác,
Bọn hại nước kia, trên chẳng xét,
Ta không tội trung, sao về đây ?
Chết nơi đồng hoang còn thơm lây
Hối đã muộn ! thà tự sát,
Làm vua chết đói ai thương xót ?
Riêng cậy trời cao trả hận cùu,
Giết bọn bạo tàn cứu họ Lưu.

Ngày đinh sửu, Triệu Vương bị giam mà chết. Thái hậu chôn cất theo lễ người dân thường ở ngoài nghĩa địa của dân chúng ở Tràng An. Ngày kỷ sửu, có nhật thực, ban ngày tối đen, thái hậu ghét điều đó, trong lòng không vui, bèn bảo các quan hầu :

— Đó là vì ta (1).

Tháng hai dời Lương Vương Khôi làm Triệu Vương. Lữ Vương Sản được dời làm Lương Vương. Lương Vương không về nước của mình, mà làm thái phó của đế. Thái hậu lập Bình Xương Hầu Lữ Thai làm Lữ Vương, đổi tên đất Lương gọi là đất Lữ, và đất Lữ lại đổi là Tế Xuyên.

Người em gái của thái hậu là Lữ Tu (2) có người con gái là vợ của Dinh Lăng Hầu Lưu Trạch. Trạch làm đại tướng quân. Thái hậu phong vương họ Lữ, sợ sau khi mình chết đi, Lưu tướng quân sẽ giết họ Lữ, bèn cho Lưu Trạch làm Lang Gia Vương để làm vừa lòng ông ta.

1. Ngày xưa có lối giải thích cho rằng những việc làm của vua chúa ảnh hưởng đến trời đất .
2. Xem chú thích ở trên.

Lương Vương Khôi bị dời đi làm vương ở Triệu, trong lòng không vui, thái hậu cho con gái của Lữ Sản là hoàng hậu của Triệu Vương. Các quan theo hầu hoàng hậu đều là những người họ Lữ, họ chuyên quyền và theo dõi ngầm Triệu Vương. Triệu Vương cảm thấy tù túng. Vương có người thiếp yêu quý bị hoàng hậu sai người cho uống thuốc độc chết. Vương bèn làm bài ca gồm bốn đoạn sai nhạc công hát. Vương đau buồn, tháng sáu thì tự sát. Thái hậu nghe tin ấy, cho là vương vì một người đàn bà mà vứt bỏ lễ ở tôn miếu (1), bèn phế truất người thừa tự của vương.

Tuyên Bình Hầu Trương Ngao chết, người con là Yển được phong làm Lỗ Vương, Ngao được tặng tên thụy là Lỗ Nguyên Vương. Mùa thu, thái hậu sai sứ giả nói với Đại Vương (2) muốn đưa Đại Vương đi làm vua ở Triệu. Đại Vương từ tạ xin giữ biên giới của đất Đại. Thái phó là Sản và thừa tướng là Bình nói với Vũ Tín Hầu Lữ Lộc là vị hầu lớn nhất, địa vị cao nhất, vậy xin lập làm Triệu Vương. Thái hậu ưng thuận, truy tôn cha của Lộc là Khang Hầu làm Triệu Chiêu Vương. Tháng chín Yên Linh Vương Lưu Kiến chết. Ông ta có một con là con người thiếp, thái hậu sai giết đi nên không có người nối dõi và nước bị bỏ. Năm thứ tám, tháng mười, lập con của Lữ Túc Vương là Đông Bình Hầu Lữ Thông làm Yên Vương, phong em trai của Thông là Lữ Trang làm Đông Bình Hầu (3). Vào giữa tháng ba, Lữ Hậu đi tế về

1. Vì yêu người thiếp, tự sát nên không thờ phụng tôn miếu được. Thái hậu như thế đã giết ba người con của Lưu Bang (Như Ý, Hiền và Khôi). Cả ba đều làm Triệu Vương.
2. Sau này Đại Vương là Hán Văn Đế.
3. Thế là họ Lữ dần dần thay thế những người con Lưu Bang làm Triệu Vương, Yên Vương.

qua Chỉ Đạo, thấy một con vật như con chó xanh ở bên nách của mình, rồi đột nhiên không thấy nữa. Sai bói xem thì nói đó là con ma của Triệu Vương Như Ý. Cao Hậu bèn bị bệnh đau ở nách.

Cao Hậu cho rằng người cháu ngoại của mình là Yển làm Lỗ Nguyên Vương, ít tuổi, mất cha mẹ lúc còn nhỏ, có độc yếu ớt, bèn phong hai người con của người vợ trước của Trương Ngao là Xỉ làm Tân Đô Hầu và Thọ làm Nhạc Xương Hầu để giúp Lỗ Nguyên Vương là Yển. Lại phong trương đại yết giả (1) Trương Thích làm Kiến Lăng Hầu, Lữ Vinh làm Chúc Tư Hầu, những người hoạn quan làm lệnh, hay thừa đều được làm quan nội hầu, phong ấp năm trăm hộ để tiêu dùng. Vào giữa tháng bảy, Cao Hậu mắc bệnh nặng, bèn sai Triệu Vương Lữ Lộc làm thượng tướng quân, coi cánh quân ở phía Bắc, Lữ Vương là Sản coi cánh quân phía Nam.

Lữ thái hậu dặn Lữ Sản, Lữ Lộc:

— Sau khi bình định thiên hạ, Cao Đế có giao ước với các quan đại thần: « Ai không phải họ Lưu mà làm vua thì thiên hạ cùng đánh nó ». Nay họ Lữ làm vương, các quan đại thần không chịu. Nếu ta chết đi, hoàng đế còn ít tuổi, sợ các quan đại thần gây biến loạn. Người phải cầm quân giữ lấy cung, chớ có đi theo đám tang, đừng để cho người nào áp chế mình.

Ngày tân tị, Cao Hậu chết. Di chiếu cho vua các nước chư hầu mỗi người một nghìn cân vàng. Các quan văn võ, liệt hầu các quan lang và các viên lại đều được thưởng vàng theo trật của mình. Đại xá thiên hạ, cho Lữ Vương Sản làm tướng quốc, cho con gái của Lữ Lộc

1. Chức quan chủ yếu dành cho các hoạn quan để tiếp tân khách.

làm hoàng hậu. Khi Cao Hậu đã chết, tả thừa tướng là Thầm Tự Cơ được làm thái phó của đế (1).

3. Chu Hư Hầu Lưu Chương là người có dũng khí và sức mạnh. Đông Mâu Hầu Hưng Cư là em của ông ta. Hai người đều là em Tề Ai Vương, sống ở Tràng An. Lúc bấy giờ họ Lữ chuyên quyền muốn làm loạn, nhưng sợ bọn đại thần của Cao Tổ là Giáng Hầu, Quán Hầu nên chưa dám khởi sự, Chu Hư Hầu lấy vợ là con gái Lữ Lộc, biết ngầm mưu ấy, sợ bị giết, bèn sai người ngầm nói với người anh là Tề Vương, xin Tề Vương đem binh về hướng tây giết họ Lữ mà làm vua, còn Chu Hư Hầu cùng các quan đại thần sẽ làm nội ứng. Tề Vương muốn đem quân đi, nhưng quan tướng quốc không nghe. Tháng tám ngày bính ngọ Tề Vương sai người giết quan tướng quốc. Tướng quốc Thiệu Bình bèn làm phản, cầm quân muốn vây nhà vua. Nhà vua nhân đấy giết tướng quốc và đem binh về phía đông, dùng kế đánh lừa, đoạt binh của Lang Gia Vương, rồi cầm đầu cả hai đạo quân mà đi về hướng tây. Việc này kể trong phần nói về Tề Vương. Tề Vương bèn đưa thư cho vua chư hầu nói. « Cao Đế bình định thiên hạ, phong các con em làm vua. Điệu Huệ Vương làm vua nước Tề. Điệu Huệ Vương chết, Hiếu Huệ Đế sai Lưu Hầu Trương Lương lập tôi làm Tề Vương. Khi Hiếu Huệ chết, Cao Hậu cầm quyền, tuổi cao, nghe lời bọn họ Lữ, chuyên quyền phế truất Hoàng Đế lập người khác, lại giết liên tiếp ba Triệu Vương, diệt các nước

1. Đoạn 3 — Những việc làm của Lữ Hậu từ khi Huệ Đế chết cho đến khi Lữ Hậu chết.

Lương, Triệu, Yên để phong vương cho họ Lữ, chia nước Tề làm bốn. Các trung thần can ngăn, nhưng Cao Hậu bị mê hoặc không chịu nghe. Nay Cao Hậu mất đi, Hoàng Đế tuổi còn nhỏ, chưa có thể trị thiên hạ, phải nhờ cậy ở các quan đại thần và chư hầu. Nhưng bọn họ Lữ lại chuyên quyền tự tôn mình làm quan to, tụ tập binh sĩ, uy hiếp dữ dội các liệt hầu và trung thần, tự ban hành các «chế» để sai khiến thiên hạ, khiến cho tôn miếu bị nguy. Quả nhân đem binh vào giết những kẻ không có quyền làm vương

Nhà Hán nghe tin ấy. Bọn tướng quốc Lữ Sản bèn sai Dĩnh Âm Hầu Quán Anh cầm binh đánh. Quán Anh đến Huỳnh Dương bèn bàn mưu :

— Bọn họ Lữ nắm lấy binh quyền ở Quan Trung, muốn làm nguy hại đến họ Lưu mà tự lập. Nay nếu ta phá quân Tề quay trở về báo, tức là giúp thêm cho họ Lữ.

Quán Anh bèn ở lại, đóng đồn ở Huỳnh Dương, sai sứ giả báo với Tề Vương và chư hầu, cùng nhau liên minh để đợi khi họ Lữ làm biến sẽ tiêu diệt. Tề Vương nghe tin ấy bèn đem binh về biên giới phía tây, muốn chờ đợi giao ước. Lữ Lộc, Lữ Sản muốn gây loạn ở Quan Trung, nhưng bên trong thì sợ bọn Giáng Hầu, Chu Hư Hầu ; bên ngoài thì sợ quân các nước Tề, Sở, lại sợ Quán Anh làm phản ; muốn chờ khi nào quân của Quán Anh đánh nhau với quân của Tề thì sẽ khởi sự, trong lòng đang do dự, chưa quyết định.

Lúc bấy giờ Tế Xuyên Vương Thái, Hoài Dương Vương Vũ, Thường Sơn Vương Triều, về danh nghĩa (1) là em

1. Những người này không phải là con của Huệ Đế mà là con người khác. Nhưng Lữ Hậu làm như vậy để giữ uy quyền cho họ Lữ.

của thiếu-đế (1) lại là cháu ngoại Lỗ Nguyên Vương (2) con Lữ Hậu. Họ đều còn ít tuổi và chưa về nước mà vẫn ở Tràng An. Triệu Vương Lữ Lộc và Lương Vương Lữ Sản đều cầm quân ; một người cầm đầu đạo quân ở phía nam, một người cầm đầu đạo quân ở phía bắc. Họ đều là người họ Lữ ; các liệt hầu và quần thần ai cũng không chắc số mệnh mình sẽ sống. Quan thái úy là Giáng Hầu Chu Bột lại không thể vào trong chỗ đóng quân để cầm đầu quân sĩ.

Khúc Chu Hầu Lịch Thương đã già và ốm, người con tên là Ký là bạn thân của Lữ Lộc. Giáng Hầu bèn bàn mưu với thừa tướng Trần Bình sai người ép Lịch Thương bảo người con của mình là Ký đến lừa Lữ Lộc, nói :

— Cao Đế và Lữ Hậu cùng nhau bình định thiên hạ. Chín vua mà họ Lưu lập lên (3) và ba vua mà họ Lữ lập lên (4) đều do các quan đại thần bàn bạc, và đã báo cáo cho các chư hầu, chư hầu đều cho là phải. Nay thái hậu băng hà, đế còn ít tuổi. Túc hạ mang ấn Triệu Vương không về ngay nước của mình để giữ đất phong, lại làm thượng tướng quân, cầm binh ở lại đây, thì sẽ bị các quan đại thần và chư hầu nghi ngờ. Tại sao túc hạ lại không trao ấn tướng quân cho thái úy, nói với

1. Vị hoàng đế còn ít tuổi.

2. Vì Huệ Đế lấy con của Lỗ Nguyên tức là lấy cháu, nên bọn Triều, Vũ Thái gọi Lỗ Nguyên là bà ngoại.

3. Ngô, Việt, Tề, Hoài Nam, Lang Gia, Đại, Thường Sơn Vương là Triều, Hoài Dương Vương là Vũ và Tế Xuyên Vương là Thái.

4. Lương Vương Lữ Sản, Triệu Vương Lữ Lộc, Yên Vương Lữ Thông.

Lương Vương trả lại ấn tướng quốc (1) cùng ăn thề với các quan đại thần mà về nước ? Làm thế thì quân của Tề sẽ giải tán, các quan đại thần được yên ổn, túc hạ cứ cao gối mà nằm làm vua một nước, đất vuông ngàn dặm. Đó là cái lợi muôn đời.

Lữ Lộc tin theo cho kế ấy là phải, muốn trao ấn tướng quân và quân sĩ cho thái úy. Lộc sai người báo điều đó với Lữ Sản và những người già cả trong họ Lữ. Có người bảo làm thế là tiện, có người bảo thế là không tiện. Kế ấy đang ở trong tình trạng do dự chưa có gì được quyết định. Lữ Lộc tin lời Lịch Ký một hôm ra ngoài đi săn chơi, ghé qua nhà người cô là Lữ Tu. Lữ Tu cả giận, nói :

— Mày làm tướng mà bỏ quân lính thì họ Lữ này sẽ không biết ở vào đâu ! (2).

Bèn đem tất cả châu ngọc, đồ quý báu vãi trong phòng, nói ;

— Ta không công hơi đâu mà giữ của cho người khác.

Tả thừa tướng Tự Cơ miễn chức. Tháng tám, ngày canh thân vào buổi sáng, Bình Dương Hầu Tào Truất (3) làm chức ngự sử đại phu, yết kiến tướng quốc Lữ Sản bàn công việc. Lang Trung Lệnh Giả Thọ đi sứ ở Tề về, nhân đấy trách Sản :

— Nhà vua sao không sớm về nước, nay tuy muốn đi, đi làm sao được ?

Và kể lại với Sản tất cả việc Quán Anh hợp tung với quân Tề, Sở muốn diệt họ Lữ.

1. Vì lúc bấy giờ tất cả binh quyền trong tay Lữ Lộc, tất cả quyền chính trong tay Lữ Sản, quần thần không làm gì được, nên trước hết phải tước cho được ấn của họ.
2. Đó cũng là ý kiến của Lữ Hậu trước khi chết.
3. Con của Tào Tham.

Giả Thọ liền giục Sản vào ngay trong cung (1). Bình Dương Hầu nghe được những lời này liền ruổi ngựa báo với thừa tướng và thái úy. Thái úy muốn vào chỗ đóng quân ở phía bắc, nhưng không được vào. Tướng Bình Hầu Kỷ Thông giữ các phù và các cờ tiết. Thái úy bèn bảo Kỷ Thông cầm cờ tiết giả làm lệnh nhà vua trao cho thái úy cầm đầu đạo quân phía bắc. Thái úy lại ra lệnh cho Lịch Ký và điền khách là Lưu Yết trước đấy thuyết phục Lữ Lộc, nói :

— Hoàng Đế đã sai thái úy cầm đạo quân phía bắc, muốn túc hạ trở về nước, xin túc hạ đưa ngay ấn tướng quân, cáo từ để về, nếu không thì tai họa sẽ xảy ra.

Lữ Lộc cho rằng Lịch Ký không lừa mình bèn cởi ấn trao cho viên điền khách và giao cho thái úy cầm quân.

Thái úy cầm đầu binh sĩ, đi vào cửa quân, ra lệnh cho ba quân :

— Ai theo họ Lữ thì xắn tay áo bên phải lên ; ai theo họ Lưu thì xắn tay áo bên trái lên !

Quân sĩ đều xắn tay áo bên trái theo họ Lưu. Thái úy vừa đến thì tướng quân Lữ Lộc cởi bỏ ấn thượng tướng quân mà ra đi. Thái úy bèn cầm đầu đạo quân phía bắc. Nhưng vẫn còn đạo quân phía nam. Bình Dương Hầu nghe câu chuyện (2) bèn báo cho thừa tướng Trần Bình biết âm mưu của Lữ Sản. Thừa tướng Trần Bình bảo Chu Hư Hầu giúp thái úy. Thái úy ra lệnh cho Chu Hư Hầu xem xét cửa quân ; ra lệnh cho Bình Dương Hầu bảo viên úy cầm đầu những người giữ cửa cung không cho tướng quốc Lữ Sản vào cửa điện.

1. Để làm loạn.
2. Giữa Giả Thọ và Lữ Sản.

Lữ Sản không biết rằng Lữ Lộc đã rời bỏ đạo quân phía bắc, bèn vào cung Vị Ương, muốn làm loạn. Những người giữ cửa điện không cho Sản vào, Sản đang băn khoăn đi đi lại lại, Bình Dương Hầu sợ không thắng được, ruổi ngựa nói với thái úy. Thái úy cũng còn sợ không thắng được họ Lữ, nên chưa dám nói trắng là giết họ. Bèn sai người nói với Chu Hư Hầu :

— Vào ngay trong cung để bảo vệ hoàng đế !

Chu Hư Hầu xin binh sĩ. Thái úy cấp cho hơn một nghìn người. Chu Hư Hầu vào cung Vị Ương, liền gặp Sản ở trong sân. Lúc bấy giờ là lúc ăn chiều. Chu Hư Hầu đâm Sản. Sản bỏ chạy. Trời nổi gió to, cho nên các quan theo Sản hỗn loạn, không ai dám chiến đấu. Chu Hư Hầu bèn đuổi theo Sản và giết ở trong nhà tiêu của những người lại ở phủ lang trung.

Sau khi Chu Hư Hầu đã giết được Sản, để sai yết giả cầm tờ tiết ra ủy lạo Chu Hư Hầu. Chu Hư Hầu muốn cướp cờ tiết (1) nhưng quan yết giả không chịu. Chu Hư Hầu liền cùng yết giả lên xe. Nhờ có cờ tiết làm tin nên xe cứ chạy thẳng vào, Chu Hư Hầu chém viên úy giữ cung Trường Lạc là Lữ Canh Thủy rồi quay ra, vào đạo quân phía bắc báo với thái úy. Thái úy đứng dậy lạy mừng Chu Hư Hầu và nói :

— Người đáng lo nhất chỉ có Lữ Sản mà thôi ! Nay Sản đã bị giết, thế là thiên hạ yên rồi !

Bèn sai người chia nhau thành từng bộ phận, bắt tất cả những người họ Lữ, không kể trai gái, già, trẻ đều chém hết.

Ngày tân dậu, bắt và chém Lữ Lộc, lấy roi đánh chết Lữ Tu, sai người giết Yên Vương Lữ Thông, phế truất

1. Vì có cờ tiết thì mới vào được cung cấm.

Lỗ Vương Trường Yên. Ngày nhâm tuất, cho quan thái phó của đế là Tự Cơ lại làm tả thừa tướng. Ngày mậu thìn, dời Tế Xuyên Vương đến làm vua ở đất Lương, lập con của Triệu Vương là Toại làm Triệu Vương, sai Chu Hư Hầu là Chương giết bọn họ Lữ và báo việc ấy với Tề Vương, bảo Tề Vương bãi binh. Quân sĩ của Quán Anh ở Huỳnh Dương cũng rút về.

Chư hầu và các quan đại thần bàn mưu với nhau :

— Thiếu Đế và các vua Lương Vương, Hoài Dương Vương, Thường Sơn Vương đều không phải là con của Hiếu Huệ. Lữ Hậu dùng mưu lấy con người khác, giết mẹ của họ, nuôi họ ở hậu cung bảo Hiếu Đế nhận là con lập lên để làm người nối dõi, và làm vương nhằm làm cho họ Lữ thêm mạnh. Nay chúng ta đã giết hết họ Lữ mà lại để người họ lập lên, đến khi lớn Thiếu Đế cầm quyền thì chúng ta sẽ mất nòi. Không bằng xem trong các vương người nào tài giỏi nhất thì ta lập lên.

Có người nói Tề Điệu Vương là con trưởng của Cao Đế, nay người con đầu làm Tề Vương, nếu cứ xét đến gốc thì ông ta là cháu đích tôn của Cao Đế, có thể lập được.

Các quan đại thần đều nói :

— Họ Lữ là họ ngoại của nhà vua nhưng độc ác nên đã suýt nữa làm nguy đến tôn miếu, làm loạn các công thần. Nay trong gia đình mẹ Tề Vương có Tứ Quán, Tứ Quán là người ác. Nếu lập Tề Vương thì lại trở thành họ Lữ.

Người ta muốn lập Hoài Nam Vương nhưng lại cho là ít tuổi, nhà bên mẹ lại ác. Các quan đại thần bèn nói :

— Đại Vương nay là người con lớn nhất trong số những người con của Cao Đế còn sống. Người nhân đức, có hiếu, rộng rãi, trung hậu. Gia đình thái hậu họ Bạc lại

chăm chỉ và tốt. Vả lại chúng ta lập người con lớn hơn cả cho nên hợp lẽ. Đại Vương nổi tiếng trong thiên hạ về nhân và hiếu. Như thế là tiện.

Các quan bèn bàn nhau, ngầm sai người mời Đại Vương. Đại Vương sai người từ tạ. Sứ giả đi về hai lần. Sau đó Đại Vương lên đoàn xe gồm có sáu cỗ. Tháng chín nhuận, ngày cuối tháng là ngày kỷ dậu, xe đến Tràng An. Đại Vương ở tại cung riêng của mình. Các quan đại thần đều đến yết kiến dâng ấn thiên tử lên Đại Vương, tất cả cùng nhau tôn làm thiên tử. Đại Vương mấy lần từ tạ, quần thần cố nài, sau đó Đại Vương mới ưng thuận.

Đông Mậu Hầu Hưng Cư nói:

— Trong việc giết họ Lữ tôi không lập được công lao gì, xin được phép dọn dẹp cung điện.

Bèn cùng quan thái bộc là Nhữ Âm Hầu Đẳng Công vào cung, đến trước mặt Thiếu Đế nói:

— Túc hạ không phải họ Lưu, không có quyền làm vua.

Bèn quay lại, ra hiệu cho những người cầm giáo xung quanh hãy vất binh khí xuống đất mà lui ra. Có mấy người không chịu vất binh khí. Người cầm đầu các hoạn quan là Trương Trạch ra lệnh cho họ, họ cũng vất binh khí luôn. Đẳng Công bèn sai lấy cái xe ngựa của nhà vua chở Thiếu Đế ra.

Thiếu Đế hỏi:

— Ông muốn đưa tôi đi đâu?

Đẳng Công nói.

— Đi ra đến chỗ nghỉ.

Thiếu Đế nghỉ ở thiếu phủ.

Bèn đem xe ngựa đúng nghi thức của thiên tử đón Đại Vương ở cung riêng và báo:

— Cung điện đã dọn dẹp rồi.

Đại Vương tới ấy vào cung Vị Ương. Có mười người yết giả cầm giáo canh cửa Đoan Môn nói:

— Thiên tử ở đây, sao túc hạ lại vào?

Đại Vương bèn bảo thái úy. Thái úy đến ra lệnh, mười người yết giả đều vất binh khí và rút lui. Đại Vương bèn đi vào và nghe chính sự.

Đang đêm, các quan đương sự chia nhau thành từng toán giết các vua Lương Vương, Hoài Dương Vương, Thường Sơn Vương và Thiếu Đế ở cung riêng. Đại Vương lên ngôi làm thiên tử trị vì hai mươi ba năm thì mất, tên thụy là Hiếu Văn Hoàng Đế.

Thái Sử Công nói:

Thời Hiếu Huệ Hoàng Đế và Cao Hậu, dân đen được khỏi cái khổ về chiến tranh, quần thần đều muốn nghỉ ngơi ở chỗ «vô vi» cho nên Huệ Đế chắp tay trị vì, Cao Hậu đàn bà làm chủ, gọi mệnh lệnh của mình là «chế» nhưng việc chính sự không ra khỏi nhà (1), thiên hạ yên lành, hình phạt ít dùng, người bị tội ít, dân lo cày cấy, ăn mặc no đủ.

---

1. Tất cả mưu mô của Lữ Hậu đều thu hẹp vào việc giành chính quyền cho họ Lữ, chủ yếu toàn là những việc ám sát giết nhau trong cung đình, không liên quan đến số phận dân chúng.

BÌNH CHUẨN (1) THƯ

1. NHÀ Hán nổi lên thừa kế những điều tệ hại của nhà Tần. Những người mạnh khỏe thì phải phục vụ trong các hàng ngũ quân đội, những người già yếu thì phải lo vận chuyển lương thực. Việc làm khó nhọc mà tiền của thì thiếu thốn. Ngay thiên tử cũng không có cỗ xe tứ mã có bốn con ngựa cùng màu, còn tướng quân, thừa tướng thì đôi khi đi xe bò. Dân thường không có của để cất giấu. Nhà vua nhận thấy tiền của nhà Tần quá nặng, khó dùng, nên đổi đi, sai dân đúc tiền : vàng thì một cân là đơn vị. Pháp luật trở thành đơn giản, bỏ bớt những điều cấm đoán, cho nên bọn làm trái phép và tham lợi cất giấu những của cải thừa để bán làm cho vật giá cao vọt lên : gạo lên đến một vạn đồng tiền một thạch, một con ngựa một trăm cân vàng (2).

Đến khi thiên hạ đã bình định, Cao Tổ bèn ra lệnh không cho những người đi buôn được mặc đồ tơ, đi

1. Bình Chuẩn là tên một chức quan đời Hán có mục đích mua hàng hóa nhân dân khi rẻ và bán lại khi đắt để làm cho giá thị trường khỏi chênh lệch quá và người mua khỏi bị bóc lột quá đáng. Bài này rất nổi tiếng và thường được nhắc đến với tính cách một công trình đầu tiên về kinh tế học của Trung Quốc.

2. Nhận xét nào cũng chính xác và dựa trên những con số cụ thể.

xe, đánh thuế họ nặng để làm khốn nhục họ (1). Thời Hiếu Huệ và Lữ Hậu, thiên hạ mới bình định, cho nên lại nới luật lệ đối với những người đi buôn bán, nhưng con cháu những người buôn bán vẫn không được làm quan làm lại. Người ta tính số tiền để nuôi quan lại và số tiền chi dùng, rồi căn cứ vào đó mà đánh thuế thân của dân (2). Còn những món lợi do việc đánh thuế và lấy tô về núi, sông, vườn, ao, chợ búa, thì từ thiên tử trở xuống đến các vương và những người có đất phong ở các ấp đều được dùng làm của riêng để cung cấp cho mình, chứ không đem tiêu dùng vào việc thiên hạ. Số thóc vận chuyển từ Sơn Đông đến để cung cấp cho các quan ở trong kinh đô mỗi năm không quá vài chục vạn thạch. Đến thời Hiếu Văn, tiền « giáp » quá nhẹ, nhà vua bèn đổi đúc thứ tiền bốn thù nhưng chữ trên đồng tiền lại đề là nửa lạng (3) và cho phép dân tha hồ đúc tiền. Vì vậy Ngô Vương là chư hầu nhờ lấy được đồng ở núi để đúc tiền mà giàu hơn cả thiên tử. Về sau Ngô Vương làm phản. Đặng Thông làm đại phu cũng nhờ việc đúc tiền mà nhiều của cải hơn bậc vương giả. Cho nên lúc bấy giờ tiền của họ Ngô họ Đặng tràn ngập cả thiên hạ. Do đó, có lệnh cấm đúc tiền.

Quân Hung Nô mấy lần vào cướp bóc xâm phạm biên giới phía bắc, số người đi đóng đồn và đi thú rất nhiều, số lúa ở biên giới không đủ để cung cấp. Do đó nhà vua mộ dân ai có thể nộp và đưa lúa ra biên giới thì

1. Như vậy là tầng lớp thương nhân không được tham dự vào chính trị.

2. Nguyên văn — « phú ư dân », « phú » là thứ thuế thân, còn « thuế » là thuế sản vật.

3. Nửa lạng là 12 thù. Như vậy trọng lượng của tiền thực chỉ bằng một phần ba trọng lượng trên danh nghĩa.

được phong chức tước. Tước được phong đến tả thứ trưởng.

Thời Hiếu Cảnh, từ Thượng Quận về phía tây bị hạn hán, nhà vua lại ra lệnh cho bán chức tước, nhưng lần này hạ giá bớt để lôi kéo dân. Những người bị đày và có tội nhẹ có thể chuộc tội bằng cách vận tải thóc cho quan địa phương. Nhà vua sai làm thêm vườn, chuồng ngựa, để có nhiều ngựa mà dùng, xây thêm các cung thất và các quán, số xe ngựa cũng tăng thêm (1)

2. Đến khi kim thượng (2) lên ngôi, mấy năm đầu đúng vào lúc nhà Hán trong vòng bảy mươi năm, nước nhà vô sự (3) trừ phi gặp lụt lội, hạn hán còn thì nhân dân đều no đủ. Các kho lúa ở kinh đô và ở các nơi đều đầy, mà kho đụn thì thừa của cải. Tiền ở kinh đô xếp kể hàng trăm triệu. Lõi xâu mục không thể đếm được. Thóc ở kho lớn lớp lớp chồng lên nhau, đầy rẫy, tràn ra ngoài đến nỗi mục nát ăn không được! Dân chúng có ngựa hàng đàn trên các đường ngõ. Kẻ cưỡi ngựa cái bị gạt không được đến đám đông. Kẻ coi các cồng làng cồng xóm bữa ăn thường có gà có thịt (4). Kẻ làm lại, làm đến lúc con và cháu lớn lên (5) ; kẻ làm quan lấy chức làm họ. Cho nên ai nấy đều tự yêu mình, sợ phạm pháp luật ; ham làm việc nhân nghĩa lo tránh sỉ nhục.

1. Đoạn 1 — Tình hình kinh tế trong những năm trước Hán Vũ Đế.

2. Thời Hán Vũ Đế tức là thời của tác giả.

3. Tác giả trình bày tình trạng giàu có lúc đầu thời Vũ Đế để chuẩn bị nói đến tình trạng đói khổ loạn lạc về sau.

4. Bài này đầy những nhận xét tỉ mỉ và sâu sắc.

5. Ý nói làm quan không thay đổi chức đến nỗi lúc cháu lớn lên cũng vẫn làm chức ấy.

Lúc bấy giờ lưới pháp luật thưa mà dân giàu. Bọn cậy của kiêu căng có khi gườm, nuốt nhau. Bọn cường hào cậy thế ăn hiếp ở làng xóm. Các tôn thất đều có đất. Công, khanh, đại phu, trở xuống đua nhau xa xỉ : nhà cửa, xiêm áo, xe ngựa lấn cả bậc trên không chừng mực. Việc đời thịnh rồi suy, lẽ biến đổi cố nhiên phải thế !

3. Từ đó về sau, bọn Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần gọi dân Đông Âu đến và theo đuổi hai nước Việt (1) ; vùng giữa sông Trường Giang và sông Hoài xơ xác và phiền phí. Đường Mông, Tư Mã Tương Như mở lối sang các rợ miền tây nam, phía núi thông hơn nghìn dặm đường để mở rộng đất Ba, đất Thục. Dân đất Ba, đất Thục vì thế mệt nhọc. Bành Ngô Giả diệt Triều Tiên đặt ra quận Thượng Hải. Vì vậy miền Yên, Tề nhốn nháo rung động. Sau đó Vương Khôi lại bày mưu ở Mã Ấp (2). Hung Nô bỏ đứt việc hòa thân, xâm lấn miền bắc. Việc binh kéo dài không khi nào hết. Thiên hạ khổ về những việc khó nhọc ấy mà cảnh can qua lại ngày càng lan rộng. Người đi trận phải mang xách, kẻ ở phải lo vận chuyển lương thực. Trong ngoài xao xuyến về việc phải lo cung đốn cho nhau. Trăm họ thì cùng kiệt, tìm cách lẩn trốn. Của

1. Vua Đông Âu bị vua Mân Việt đánh, Vũ Đế cho di 4 vạn người Đông Âu vào miền giữa sông Trường Giang và sông Hoài. Hai nước là Mân Việt Đô ở Phúc Châu và Nam Việt Đô ở Quảng Châu. Vua Đông Âu bị vua Mân Việt đánh, Vũ Đế cho vua Đông Âu đem 4 vạn người di cư đến giữa miền Trường Giang và sông Hoài.

2. Vương Khôi giả vờ hòa thuận với Hung Nô, lừa quân Hung Nô đến Mã Ấp để đánh úp. Nhưng vua Hung Nô biết được mưu ấy.

cải hao hụt không sao đủ được. Điều đó khiến cho kẻ quyên tiền thì được làm quan, kẻ nộp bạc thì được miễn tội. Phép tuyển cử dần dần bỏ. Liêm sỉ bị coi thường. Võ lực được tiến dụng. Kết quả pháp luật trở nên nghiêm, mệnh lệnh thành khắt khe và từ đó bọn bầy tôi gây lợi xuất hiện (1).

Sau đó các tướng nhà Hán mỗi năm đem mấy vạn quân kỵ đánh quân Hồ, Xa kỵ tướng quân là Vệ Thanh, lấy đất phía Hà Nam của Hung Nô, xây Sóc Phương (2).

Bấy giờ Hán mở đường giao thông với các rợ di ở tây nam, người làm đường tới mấy vạn. Dân phải gánh gồng mang lương thực từ ngoài ngàn dặm đến, trung bình cứ đem đi hơn mười chung thì đến nơi chỉ còn một thạch (3). Nhà vua sai đem của cải phát cho những người ở đất Cùng và đất Bặc để chiêu tập họ. Làm mấy năm vẫn chưa mở xong được con đường này. Nhưng các man và di lại thừa cơ ấy mấy lần đánh. Các quan lại phải đem quân đánh dẹp. Nhà vua nhận thấy dù lấy tất cả tô và thuế đất Ba và đất Thục cũng không đủ để cung vào việc chi phí, nên sai mộ những người giàu đến cày ở đất Nam Di. Những người này đưa thóc cho quân địa phương và nhận tiền ở kinh đô. Phía đông, nhà vua lại sai đặt quận Thượng Hải. Phí tổn về việc dời dân đến đấy ở cũng tương tự như việc dời dân đến Nam Di. Nhà vua sai hơn mười vạn người xây thành (4) để giữ Sóc Phương, việc chuyên chở đường sông rất xa. Tất cả những người ở phía đông núi đều nhọc mệt. Tốn kém

1. Đây là chỉ Tang Hoằng Dương, Khổng Cần (xem đoạn 5).
2. Nhìn chung những điểm lớn về kinh tế thời Hán Vũ Đế. Những điểm này sẽ được phát triển ở dưới.
3. Mười chung là 64 thạch. Như vậy chỉ một phần 64 đến nơi.
4. Đây là xây thêm vào Vạn lý trường thành.

đến gần mười tỷ đồng tiền. Kho lại càng trống rỗng. Nhà vua bèn mộ dân, nói những người nào có thể cấp bọn nô và tỳ cho nhà nước thì suốt đời không phải nộp thuế thân, nếu họ đã làm quan lang rồi thì sẽ được thăng trật. Việt nộp cừu mà được làm quan lang là bắt đầu từ lúc ấy (1)

Bốn năm sau (124 trước công nguyên) Hán sai đại tướng quân (2) đem hơn mười vạn quân, sáu vị tướng quân, đánh Hữu Hiền Vương bắt được một vạn năm nghìn tù binh (3). Năm sau, đại tướng quân lại đem sáu vị tướng đánh quân Hồ bắt được một vạn chín nghìn tù binh, người nào chém hay bắt được quân Hồ thì được thưởng vàng. Tiền thưởng đến hơn hai mươi vạn cân vàng. Mấy vạn tù binh đều được hậu thưởng (2), cho ăn mặc, tất cả đều do quan địa phương cung cấp. Trái lại quân và ngựa của Hán chết hơn mười vạn; đó là chưa nói đến tiền phí tổn về vũ khí và vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ. Vì bao nhiêu tiền tích trữ ở quan đại tư nông (4) đều cứ kiệt dần, tiền thuế dùng hết cũng không đủ để cung cấp cho binh sĩ nên các quan phụ trách mới nói với thiên tử. Thiên tử nói:

— Trẫm nghe nói Ngũ Đế dạy dân không lặp lại việc làm của nhau nhưng nước vẫn trị. Các vua Hạ Vũ và Thành Thang pháp luật không giống nhau mà vẫn làm vương, đường họ đi khác nhau nhưng đức họ lập nên thì vẫn là một. Biên giới phía bắc chưa yên, trẫm rất lấy làm lo lắng. Gần đây đại tướng quân đánh Hung Nô

1. Nhận xét mỉa mai.
2. Tức Vệ Thanh.
3. Cầm đầu Hung Nô là Thiền Vu dưới Thiền Vu có Hữu Hiền Vương và Tả Hiền Vương.
4. Chức quan phụ trách nông nghiệp và tài chính.

vừa chém vừa cầm tù một vạn chín nghìn tên. Người giàu cất giấu của cải thì người nghèo không có mà ăn (1).

Nhà vua bèn ra lệnh cho dân được mua tước và chuộc những điều cấm đoán không cho làm quan (2), được lấy tiền xin chuộc và giảm tội. Các quan tâu xin đặt những thưởng quan. Mệnh của nhà vua nói: tước Vũ Công thì phải nộp 17 vạn đồng tiền. Tất cả số tiền bán tước lên đến ba mươi vạn cân vàng. Trong những người mua tước Vũ Công ai thuộc hàng « quan thủ » thì được thử cho làm lại và bổ làm quan trước. Cấp « thiên phu » thì tiền ngang cấp ngũ đại phu (3). Người có tội thì được giảm hai bậc, có thể mua tước đến nhạc khanh. Làm như thế để nêu rõ quân công, những người có nhiều quân công thì dùng vượt bực, người có quân công lớn thì phong làm hầu, khanh, đại phu; người quân công nhỏ thì phong làm lang, làm lại. Con đường đi đến chức quan phức tạp và lắm cách cho nên chức quan mất giá trị (4).

4. Từ khi Công Tôn Hoằng nhờ việc giải nghĩa *Kinh Xuân Thu* gò bó kẻ làm tôi mà làm đến thừa tướng nhà Hán; từ khi Trương Thang dùng lối văn án nghiêm khắc, gắt gao mà được làm đình úy thì đạo luật về cái

1. Đề bào chữa cho lý do tại sao lại cho mua chức quan. Mục đích của nó là để người giàu đưa của cải ra!

2. Chẳng hạn điều cấm đoán đối với thương nhân ở đoạn 1.

3. Theo trật tự trong quân đội thì « quan thủ » đứng vào hàng thứ năm, « thiên phu » đứng vào hàng thứ bảy, còn « ngũ đại phu » đứng vào hàng thứ chín. Tất cả có mười bậc.

4. Đoạn 3 — Kinh tế nguy khốn do chính sách xâm lược gây ra.

tội « kiến tri » (1) sinh ra, và người ta trừng trị hết sức nặng những người cản trở hay phỉ báng mệnh lệnh của nhà vua.

Năm sau, âm mưu Hoài Nam Vương, Hành Sơn Vương, Giang Đô Vương làm phản bại lộ. Bọn công khanh bới lông tìm vết để trừng trị và tiêu diệt bè đảng của họ. Số người bị giết đến mấy vạn. Bọn trưởng lại lại càng nghiêm khắc, tàn nhẫn, pháp luật, mệnh lệnh lại càng rạch ròi chi ly. Lúc bấy giờ nhà vua đang đề cao khuyến khích những người tài giỏi, chính trực văn học, có người làm đến công khanh, đại phu, Công Tôn Hoằng làm thừa tướng nhà Hán, mặc áo vải, không ăn hai món, muốn nêu gương cho thiên hạ nhưng không có ích gì đối với phong tục. Dần dần người ta xô đẩy nhau chạy theo công danh, lợi lộc.

Năm sau, tướng phiêu kỵ (2) lại đem quân đánh quân Hồ bắt được bốn vạn người. Mùa thu năm ấy, vua Hồn Gia đem mấy vạn người vào hàng. Nhà vua sai đem hai vạn cỗ xe đón rước họ. Khi họ đến, lại được ban thưởng. Năm ấy, số tiền cấp cho những người có công lên đến hơn một vạn triệu đồng tiền.

Trước đấy mười năm, sông Hoàng Hà vỡ đê ở huyện Quan; đất Lương và đất Sở đã mấy lần bị khốn khổ, còn các quận ở ven sông trước đây đã đắp đê để giữ nước, mỗi khi đê vỡ lại phí tổn không thể kể xiết. Sau đó, Phiên Hệ muốn giảm bớt việc chuyên chở bằng đường sông qua Đề Trụ, sai đào sông đào xuyên qua sông Phân và sông Hoàng Hà, và lợi dụng con sông đào

1. Quan lại thấy ai biết mà không tố giác thì khép vào tội « kiến tri » (thấy biết).

2. Đây chỉ Hoắc Khứ Bệnh.

ấy để tưới ruộng. Số người làm đến mấy vạn. Trịnh Đương Thời cho rằng con sông đào của sông Vị quanh co và xa, nên sai đào một con sông chạy thẳng từ Tràng An đến Hoa Âm ; người làm đến mấy vạn. Ở Sóc Phương cũng đào một con sông đào có mấy vạn người làm. Mỗi việc như thế đều kéo dài hai ba năm nhưng vẫn chưa xong và đều phí tổn gần ngàn triệu.

Thiên tử muốn đánh quân Hồ, nên sai nuôi rất nhiều ngựa, ngựa chăn ở Tràng An đến mấy vạn con, lính ở Quan Trung không đủ người chăn nuôi bèn điều động những người ở các quận gần đấy.

Lại thêm những người Hồ đã đầu hàng đến, việc ăn mặc của họ đều do quan sở tại, quan sở tại cung cấp không đủ. Nhà vua bèn bớt việc ăn uống của mình, tháo xe tứ mã, đem những của cải cất giấu trong kho riêng của mình ra cho để bổ cứu tình trạng này.

Năm sau, phía đông núi bị nạn lụt, dân nhiều người bị thiếu ăn. Thiên tử bèn sai sứ giả đốc tất cả kho lúa trong các quận và các nước để phát chẩn cho dân nghèo nhưng vẫn không đủ : lại kêu gọi những người giàu có cho vay, nhưng dân chúng vẫn không cứu được nhau. Nhà vua bèn cho dời dân nghèo đến phía tây Quan Trung và phía nam đất Sóc Phương ở Tân Tần, tất cả bảy mươi vạn miệng ăn, việc ăn mặc đều do quan địa phương cung cấp. Trong mấy năm, người ta cấp cho họ sản nghiệp. Các sứ giả phân họ ra từng bộ phận để coi sóc. Các quan đông đến nỗi mũ lọng liền nhau, tiền phí tổn đến hàng ức không sao kể xiết (1).

1. Đoạn 4 — Tình hình kinh tế nguy ngập do những nguyên nhân khác : thiên tai, đào sông, di dân, nuôi người Hồ v.v...

5. Do đó, quan địa phương hết sạch tiền, nhưng bọn con buôn giàu và chủ những cửa hiệu lớn thì có kẻ cất giấu của cải để nó dịch người nghèo ; chở hàng trăm xe những đồ tích trữ không dùng cất ở ấp. Các vị vua có đất phong đều cúi đầu xin họ cung cấp. Trong việc đúc tiền và nấu muối, có những người có hàng vạn cân vàng nhưng họ vẫn không giúp nước nhà trong lúc nguy cấp và dân nghèo lại càng khổ. Do đó, thiên tử và cửu khanh bàn nhau thay đổi tiền làm ra « tệ » (1) để chỉ dùng đồng thời trừng trị bọn hoang dâm và bọn chiếm đoạt. Lúc bấy giờ trong vườn cấm của nhà vua có con nai trắng, trong kho riêng của nhà vua lại có nhiều thiếc và bạc. Từ thời Hiếu Văn đã nghĩ ra cách đúc thứ tiền bốn thù đến nay đã hơn bốn mươi năm ; nhưng từ niên hiệu Kiến Nguyên đến nay, người ta ít dùng thứ tiền ấy. Các quan địa phương có nhiều người đến những núi đồng để đúc tiền, trong nhân dân cũng đúc trộm tiền, cho nên số tiền tính không xuể.

Tiền càng nhiều và mất giá, hàng hóa càng ít và quý (2). Quan phụ trách nói :

— Đời xưa có thứ tiền bằng da, chư hầu dùng thứ tiền ấy để biếu. Có ba loại kim khí. Cao nhất là vàng, rồi đến kim khí trắng (bạc) là thứ hai, kém nhất là kim khí đỏ (đồng). Nay tiền danh nghĩa là một nửa lạng nhưng thực ra chỉ nặng bốn thù, thế mà bọn giàu hay bọn ăn trộm còn mài tiền ở phía trong để lấy bớt kim khí mà đúc thêm. Tiền càng nhẹ và mỏng thì vật giá càng quý, như thế ở phương xa dùng tiền tệ rất phiền và tốn kém.

1. « Tệ » chỉ bất kỳ vật gì có thể thay tiền mặt.
2. Tư Mã Thiên có những suy nghĩ rất sâu sắc.

Bèn sai cắt da cổ nai trắng ra thành từng mảnh vuông mỗi bề một thước, xung quanh viền rong biển, định giá mỗi miếng da như vậy là bốn mươi vạn đồng tiền. Các vương hầu, tôn thất đến chầu, đều phải dâng ngọc bích đặt trên thứ tiền ấy, sau đó mới được đi. Lại làm thứ tiền bằng bạc pha thiếc gọi là kim khí trắng. Người ta cho rằng ở trên trời thì không gì bằng con rồng, ở dưới đất thì không gì bằng con ngựa, vật người ta dùng thì không gì quý bằng con rùa. Cho nên có ba thứ kim khí trắng : loại thứ nhất, nặng tám lạng hình tròn, có khắc rồng, tên gọi là bạch tuyền, giá ba nghìn ; loại thứ hai, nặng ít hơn, hình vuông, vẽ hình con ngựa, giá năm trăm ; loại thứ ba, nhỏ hơn nữa, hình chữ nhật, vẽ hình rùa, giá ba trăm. Sai các quan địa phương đúc tiền nửa lạng thay thứ tiền ba thù, chữ đề bao nhiêu thì nặng bấy nhiêu. Kẻ nào đúc trộm tiền các loại thì bị tội chết. Nhưng quan lại cũng như nhân dân vẫn đúc trộm « kim khí trắng » không thể kể xiết.

Do đó, nhà vua cho Đông Quách Hàm Dương và Khổng Cần làm đại nông thừa để lo việc muối và tiền, cho Tang Hoằng Dương được làm thị trung để tính toán. Hàm Dương là một người nấu muối lớn ở Tề, Khổng Cần là một người nấu kim khí lớn ở Nam Dương, họ đều có sản nghiệp hàng ngàn cân vàng cho nên Trịnh Đương Thời tiến cử với nhà vua. Tang Hoằng Dương là con một nhà bán hàng ở Lạc Dương giỏi tính nhẩm, nên năm 13 tuổi làm thị trung (1). Ba người này khi bàn việc lợi thì phân tích đến chân tơ kẽ tóc.

Vì pháp luật ngày càng nghiêm ngặt, nên quan lại nhiều người bị giáng và bị bãi. Việc chiến tranh lại

1. Cả ba đều là thương nhân.

xảy ra luôn. Nhân dân nhiều người xuất tiền để miễn giao dịch, và mua tước ngũ đại phu. Số người bị trưng dụng đi hành dịch ngày càng ít. Do đó, bỏ những người tước thiên phu, ngũ đại phu, làm lại ; những người nào không muốn thì phải nộp ngựa (1) : những người trước đây làm lại đều phải đi cắt cỏ ở Thượng Lâm, đào ao Côn Minh. Năm sau (119 trước công nguyên) đại tướng quân và phiêu kỵ tướng quân đem đại quân ra đánh quân Hồ bắt được tám chín vạn tên, được thưởng năm mươi vạn cân vàng, quân Hán chết hơn mười vạn con ngựa. Đó là chưa nói đến khoản tốn kém về việc vận chuyển bằng xe và bằng đường sông. Lúc bấy giờ của cải thiếu, quân sĩ nhiều người không được lương.

Quan phụ trách nói :

— Tiền ba thù nhẹ, dễ làm gian, xin các quận và các nước đúc tiền năm thù, xung quanh có vành tròn để không thể mài lấy đồng đi mà đúc thêm tiền.

Các quan giúp việc đại nông về việc muối và sắt là Khổng Cần và Hàm Dương nói với nhà vua :

— Núi và biển là nơi cất giấu của cải của trời đất ; nên cho nó thuộc vào kho riêng của nhà vua. Bệ hạ không lấy làm của riêng của mình mà cho nó thuộc vào đại nông như thế là đã làm tăng của công. Xin mộ dân tự lo lấy phí tổn, dùng các khí mãnh của quan để nấu muối và cho quan mượn chậu. Những người làm nghề tạm bợ muốn lũng đoạn cái lợi của núi và biển để làm giàu bắt dân phải nô dịch theo mình.

Họ đưa rất nhiều cách cản trở những người này : người nào dám đúc đồ sắt cho mình và nấu muối

1. Người ta sợ làm quan vì pháp luật rất nghiêm dễ phạm tội. Bây giờ phải nộp tiền để khỏi làm quan !

riêng cho mình thì bị xích chân trái, tịch thu dụng cụ. Ở những quận không sản xuất sắt, thì đặt quan « tiểu thiết », những người này phụ thuộc vào huyện của họ. Nhà vua sai Khổng Cần, Đông Quách Hàm Dương đi xe trạm khắp thiên hạ lo việc muối và sắt, đặt những quan phủ (1), cho những người trước đây làm nghề muối và sắt mà giàu có được làm quan. Cách làm quan lại càng phức tạp, không đặt vấn đề chọn lọc và có nhiều người con buôn trong số quan lại. Những người thương nhân và bán hàng, vì tiền tệ thay đổi luôn nên nhiều người chứa chất hàng hóa để kiếm lời (2). Do đó các công khanh nói:

— Các quận và các nước nhiều lần bị thiên tai thiệt hại, dân nghèo không có sản nghiệp được mộ đi đến những nơi béo bở và rộng rãi. Bệ hạ bớt ăn giảm tiêu, đem tiền của mình để giúp cho dân chúng, tha thuế thân và tha nợ; nhưng dân không phải tất cả đều làm ruộng, những người buôn bán rất đông. Người nghèo không cất giấu được gì đều nhờ ở quan địa phương. Trước kia người ta đánh thuế những xe nhỏ (của những người đi buôn) thì số tiền của những người đi buôn cũng bớt đi; vậy xin đánh thuế như trước. Những người buôn lo cái việc ngọn, mua sỉ và cho vay, lo cất giấu ở thành phố, tàng trữ để lấy lời, cũng như những người đi buôn để kiếm lời thì dù cho không ở trong số những người buôn bán ở chợ, cũng đều phải ước lượng của cải của họ. Cứ hai nghìn đồng tiền vốn thì phải nộp một « toán » (3). Còn những thợ thủ công cất giữ

1. Chức quan coi về sắt và muối.
2. Nhận xét thú vị.
3. Hai mươi đồng.

những vật liệu để sau này làm các đồ dùng để bán thì cứ bốn nghìn đồng vốn lấy một « toán » (1). Những người không phải quan lại, nhưng có thể xem như quan lại là các tam lão (2) hay kỵ sĩ ở biên giới, nếu có một cái xe nhỏ thì phải nộp một « toán » còn người buôn bán thì mỗi xe nhỏ phải nộp hai « toán », thuyền to năm trượng trở lên nộp một « toán ». Ai giấu diếm không khai hay khai không đủ thì đưa ra biên giới đi thú một năm và lấy tất cả gia sản. Ai tố cáo ra thì thưởng cho một nửa, những người bán hàng có tên trong sổ và những người bà con của họ đều không được có ruộng theo tên của mình, như thế để lợi cho những người cày, ai dám phạm lệnh thì sung công tất cả ruộng và tôi tớ của họ.

Thiên tử bấy giờ nghĩ đến lời của Bốc Thức nên mời Bốc Thức làm trung lang, tước tả thứ trưởng thưởng cho mười khoảnh ruộng và báo cáo điều đó với thiên hạ để cho mọi người biết. Bốc Thức là người Hà Nam lo việc chăn nuôi và làm ruộng. Khi cha mẹ chết đi, Thức có một người em nhỏ. Khi người em lớn lên, Thức nhường tất cả gia tài cho em chỉ lấy một trăm con cừu, còn ruộng vườn, cửa nhà, của cải, đều cho em hết. Thức vào núi chăn cừu hơn mười năm. Số cừu lên đến hơn nghìn con, Thức mua ruộng vườn nhà cửa, trái lại người em thì lại phá hết cả sản nghiệp. Thức lại chia gia sản cho em. Làm như thế đến mấy lần. Lúc bấy giờ, nhà Hán đã mấy lần sai tướng

1. Có sự phân biệt về thuế giữa thương nhân và thợ thủ công.
2. Xem chú thích ở Cao Tổ bản kỷ.

quân đánh Hung Nô. Bốc Thức dâng thư xin nộp một nửa gia sản cho quan địa phương để giúp vào việc biên giới. Thiên tử sai sứ giả hỏi Thức :

— Có muốn làm quan không ?

Thức đáp :

— Tôi từ nhỏ chỉ chăn nuôi không quen làm quan nên không muốn.

— Thế trong nhà có điều gì oan ức muốn bày tỏ không ?

— Tôi bình sinh không tranh chấp với ai, trong làng xóm có ai nghèo thì tôi cho mượn, có ai hư hỏng thì tôi dạy dỗ, những người ở nơi tôi ở đều nghe theo tôi. Thức có việc gì mà bị người ta làm oan uổng, tôi không có gì muốn nói.

— Thế thì ông muốn gì ?

— Thiên tử giết Hung Nô, tôi là người ngu dại cho rằng người hiền thì nên chết vì bổn phận ở biên giới, người có của cải thì nên đem nộp. Như vậy mới có thể tiêu diệt được Hung Nô.

Sứ giả kể lại đầu đuôi những lời Bốc Thức nói với thiên tử. Thiên tử nói với thừa tướng. Thừa tướng Công Tôn Hoằng nói :

— Đó không phải là tình cảm tự nhiên của con người, như thế là ngược đời. Thần không thể vì ông ta mà thay đổi, làm rối loạn pháp luật, xin bệ hạ đừng nghe lời ông ta.

Do đó, nhà vua lâu không trả lời Bốc Thức. Được mấy năm nhà vua lại bãi Thức. Thức trở về nhà, lại lo cày ruộng chăn nuôi được hơn một năm. Nhân lúc quân nhà Hán mấy lần ra đánh, vua Hồn Gia đầu hàng, quan địa phương tiêu tốn kém, các kho lúa trống không. Năm sau dân nghèo bị dời đi hàng loạt, tất cả chỉ nhờ quan địa phương cung cấp, nhưng quan địa

phương không sao cung cấp đủ. Bốc Thức mang hai mươi vạn đồng tiền đưa cho quan thái thú Hà Nam để cấp cho những người dân bị dời đi. Quan thái thú Hà Nam dâng lên cho nhà vua xem danh sách những người giàu đã giúp đỡ người nghèo. Nhà vua thấy có tên Bốc Thức sực nhớ lại, nói :

— Đây hẳn là con người trước đây muốn nộp nửa gia sản để giúp vào việc biên giới.

Bèn thưởng cho Bốc Thức được hưởng số tiền bốn trăm người nạp để được miễn giao dịch. Thức lại đem tất cả số tiền ấy cho quan địa phương. Lúc bấy giờ những người giàu có và tai mắt đều đua nhau giấu diếm của cải, chỉ có Thức đem của mình nộp để giúp vào việc chi tiêu, vì vậy nhà vua cho rằng Thức trước sau là bậc trưởng giả cho nên đề cao Thức để cho trăm họ bắt chước.

Lúc đầu, Thức không muốn làm quan lang, nhà vua nói :

— Trong vườn Thượng Lâm ta có cừu, ta muốn sai nhà ngươi chăn.

Thức bèn lạy và làm quan lang. Thức mặc áo vải, đi guốc, chăn cừu. Được hơn một năm cừu béo và sinh đẻ nhiều. Nhà vua đến xem cừu của mình thì khen.

Thức nói :

— Không phải chỉ riêng việc nuôi cừu mà thôi đâu, việc cai trị dân cũng như thế. Cho họ dậy làm việc và đi ngủ đúng lúc, người nào xấu thì đuổi đi, đừng cho họ làm hại đến cả đoàn.

Nhà vua cho Thức là người kỳ lạ bèn cho làm quan lệnh ở Hầu Thị để xem thử. Dân ở Hầu Thị thích Bốc Thức, nhà vua bèn cho Thức làm quan lệnh ở Thành Cao lo việc vận chuyển đường sông — rất có công trạng.

Nhà vua cho Bốc Thức là người trung bèn cho làm thái phó của Tề Vương.

Sau khi Khổng Cần sai thiên hạ đúc và làm đồ bằng sắt được ba năm, ông ta được bổ làm đại nông và thuộc vào hàng cửu khanh. Còn Tang Hoằng Dương thì làm đại nông thừa coi việc tính toán. Hai người dần dần đặt những « quán-thâu » (1) để lưu thông hàng hóa. Lần đầu nhà vua ra lệnh cho quan lại được nộp lúa để làm quan lang đến chức lương sáu trăm thạch.

Sau khi làm thứ kim khí trắng năm thù được năm năm thì tha những người quan lại và dân chúng phạm vào tội đúc trộm tiền. Số người chết về việc đúc tiền đến mấy mươi vạn. Những người giết lẫn nhau không bị phát giác thì không kể xiết ! Từ khi lệnh ân xá ban ra, những người được tha đến hơn trăm vạn, nhưng con số này chưa đến một nửa những người bị bắt. Hầu hết mọi người trong thiên hạ đều liều lĩnh đúc tiền. Kẻ phạm tội nhiều quá, quan lại bắt và giết không hết.

Do đó vua sai bọn bác sĩ Chử Đại, Từ Yển chia nhau thành từng đoàn đi khắp các quận và các nước trừ bỏ những bọn cướp đoạt của cải người khác và các quan ở các nước, các quận (2) có tội. Ngự sử đại phu Trương Thang lúc bấy giờ rất được quý trọng và tin dùng. Bọn Giảm Tuyên, Đỗ Chu làm trung thừa, bọn Nghĩa Tung, Doãn Tể, Vương Ôn Thư dùng hình phạt thảm khốc, độc ác mà được làm cửu khanh và bọn « trực chỉ » (3)

1. Chức quan, nghĩa đen là làm cho đều và chuyên chở nhiệm vụ là làm bình ổn vật giá.
2. Nguyên văn « thú, tướng », thú là quan coi một quận, tướng là vị quan giúp một « vương » coi một nước.
3. Chức quan có nhiệm vụ điều tra các tham quan ô lại.

như Hạ Lan lần đầu xuất hiện. Quan đại nông Nhan Dị bị giết. Trước đấy Nhan Dị làm đình trưởng ở Tế Nam nhờ liêm khiết chính trực nên được thăng chức đến cửu khanh. Sau khi nhà vua và Trương Thang làm ra thứ tiền da nai trắng, nhà vua hỏi Nhan Dị, Nhan Dị nói :

— Ngày nay các vua và các hầu đến triều và chúc mừng mang ngọc bích màu xanh giá vài nghìn, nhưng cái da để lót ở dưới khi dâng lên giá bốn mươi vạn. Như thế là gốc và ngọn không cân đối.

Nhà vua không bằng lòng. Trương Thang lại có hiềm khích với Nhan Dị. Có người tố cáo Nhan Dị về một việc khác. Nhan Dị nói chuyện với khách, khách nói :

— Lúc đầu lệnh ban ra có chỗ bất tiện.

Dị không đáp hơi nhọn môi. Trương Thang tâu lên nói :

— Nhan Dị làm đến chức cửu khanh nhưng thấy lệnh không tiện lại không vào nói mà phỉ báng trong bụng. Dị bị khép vào tội chết. Từ đó về sau mới có đạo luật về tội « phỉ báng trong bụng » (1).

Vì vậy công khanh, đại phu phần lớn siểm nịnh, a dua để được yên thân. Nhà vua đã ra lệnh về vấn đề tài sản của những người buôn và thợ thủ công (2) và đề cao Bốc Thức, nhưng trăm họ rốt cục chẳng ai chia của cải để giúp quan địa phương. Do đó nhà vua cho phép tố cáo tài sản của những người buôn bán (3) theo như

1. Nhận xét khách quan nhưng rất mỉa mai.
2. Xem ở trên trong đoạn này.
3. Nguyên văn « dẫn tiền » : dẫn là tài sản của thương nhân và thợ thủ công, không phải do cày và nuôi tằm mà có.

lời tâu của Dương Khả. Trong các quận và các nước nhiều người đúc tiền giả, tiền phần lớn là nhẹ, các công khanh xin để kinh đô đúc thứ tiền «chung quan» có vành đỏ, mỗi đồng giá bằng năm đồng tiền thường, việc thuế và việc công nếu không có thứ tiền vòng đỏ này thì không được. Tiền kim khí trắng dần dần mất giá, dân không cho là quý và không dùng. Quan địa phương ra lệnh cấm nhưng không ăn thua. Được hơn một năm thì tiền kim khí trắng bị bỏ không dùng nữa. Năm ấy (115 trước công nguyên) Trương Thang chết nhưng dân không nghĩ gì đến ông ta.

Hai năm sau, dân đã nghĩ ra cách đúc tiền có vành đỏ cho nên dùng không tiện và thứ tiền này lại bị bỏ. Do đó, người ta cấm các quận và các nước không được đúc tiền mà chỉ giao cho ba ông quan ở Thượng Lâm chuyên trách việc đúc tiền. Tiền đúc nhiều nên có lệnh ban ra nói: trong thiên hạ không phải thứ tiền của ba ông quan này thì không được lưu hành, tất cả những thứ tiền đúc trước đây ở các quận và các nước đều bị bỏ và nấu chảy, đem đồng đưa cho ba vị quan. Việc dân đúc tiền cũng ít đi, vì xét ra việc phí tổn nhiều không bõ công đúc, chỉ có những bọn đại gian và thợ chuyên nghiệp thì mới đúc trộm.

Bốc Thức làm thừa tướng nước Tề trong khi việc tố cáo gia sản của thương nhân do Dương Khả đề xướng phổ biến khắp thiên hạ. Những gia sản trung bình trở lên đều bị tố giác. Đỗ Chu xét xử họ. Những người vào ngục ít người được tha. Nhà vua lại sai ngự sử, đình úy chính giám chia ra từng ban đến xét các quận và các nước về những gia tài của thương nhân, được của cải và tiền bạc của dân kể hàng ức, nô và tỳ hàng ngàn, vạn

ruộng ở huyện lớn vài trăm khoảnh, huyện nhỏ hơn trăm khoảnh, nhà cửa cũng thế. Do đó, bọn buôn bán từ hạng trung bình trở lên nói chung đều phá sản, dân lo ăn ngon mặc đẹp để qua ngày chứ không nghĩ đến việc cất giấu gây dựng gia sản nữa. Các quan địa phương nhờ có muối, sắt và gia sản của thương nhân cho nên của cải tiêu dùng càng nhiều.

Nhà vua mở rộng thêm Quan Trung đặt thêm hai miền phụ cận ở bên tả và bên hữu. Lúc đầu quan đại nông cai quản việc muối và sắt, đặt quan nhiều, đặt chức thủy hành để lo việc muối và sắt, đến khi Dương Khả đưa ra việc tố giác gia sản thương nhân thì của cải và sản vật ở Thượng Lâm rất nhiều, bèn cho quan thủy hành coi Thượng Lâm. Thượng Lâm cất của đầy tràn cho nên mở nó thêm rộng.

Lúc bấy giờ, quân Việt muốn dùng thuyền để tranh đua với quân Hán, nhà vua bèn sai đào rộng thêm và sửa sang ao Côn Minh, xung quanh là những lầu bao vây để xem, làm những lâu thuyền cao hơn mười trượng ở trên có cờ xí rất là tráng lệ. Nhà vua cảm thấy thích, bèn sai làm đài Bá Lương cao mấy mươi trượng, từ đấy cung thất xây càng đẹp. Lại chia số tiền lấy được của thương nhân cho các quan; các quan thủy hành, thiếu phủ, đại nông, thái bộc đều đặt những nông quan luôn luôn đến các quận và các huyện, đến những ruộng đất đã tịch thu được để cày cấy; còn những nô tỳ tịch thu được thì chia ra các vườn để nuôi chó, nuôi ngựa, chim và thú vật và cho các quan. Đặt rất nhiều viên quan mới (1). Người ta sai dời nhiều bọn nô tỳ đi để lo việc

1. Chỉ những viên quan mới đặt ra để quản lý các tài sản lấy được của thương nhân.

vận chuyển trên sông, vận chuyển được bốn trăm vạn thạch, các quan tự mua thóc và có đủ thóc.

Sở Trung nói:

— Con em các nhà dòng dõi cùng với những người giàu có, có người chơi chọi gà, cho chó săn chạy, chơi ngựa, săn bắn, đánh bạc, làm rối loạn dân lành.

Nhà vua bèn điều tra những người phạm tội này, họ tố cáo lẫn nhau đến mấy ngàn người. Người ta gọi họ là «Những người mang tội chọi gà». Những người nào nộp bạc thì được làm quan lang, việc đề cử người làm quan lang càng kém sút (1). Năm ấy ở phía đông núi bị nước sông Hoàng Hà gây tai họa, lại thêm mất mùa. Như thế mấy năm. Có người ăn thịt lẫn nhau ở trong một miền một, hai ngàn dặm vuông. Thiên tử thương xót ban chiếu nói:

— Ở Giang Nam người ta đốt rẫy, dùng nước để giết cỏ (2). Cho phép dân bị đói kém được di cư đến kiếm ăn ở giữa miền Trường Giang và sông Hoài, ý muốn cho họ ở đấy.

Nhà vua lại sai các sứ giả đến để giúp đỡ cho họ, mũ và lọng của các sứ giả thấy lố nhố trên đường. Nhà vua sai đem lúa từ đất Ba và đất Thục xuống để phát chẩn cho họ.

Năm sau (112 trước công nguyên), nhà vua bắt đầu đi tuần các quận và các nước. Nhà vua vượt sông Hoàng Hà ở phía đông, quan thái thú Hà Đông không ngờ nhà vua đến, nên không chuẩn bị trước, do đó tự sát. Nhà vua vượt qua đất Lũng Tây. Quan thái thú Lũng Tây vì việc nhà vua đi vội vàng, không cung cấp lương

1. Nộp bạc không những khỏi tội mà còn làm quan.
3. Làm cỏ xong, cho nước vào, cỏ chết.

thực được cho các quan theo hầu thiên tử, nên cũng tự sát. Nhà vua bèn đi về phía bắc ra khỏi cửa Tiêu Quan, có mấy vạn quân kỵ đi theo, đi săn ở đất Tân Tần để khuyến khích binh sĩ đồn thú ở biên giới rồi trở về. Ở Tân Tần có khi đi nghìn dặm không có nơi canh phòng. Nhà vua vì vậy giết thái thú Bắc Địa và các thuộc hạ của ông ta rồi ra lệnh cho dân được phép chăn nuôi ở những huyện ở biên giới. Các quan cho họ mượn ngựa cái, sau ba năm thì trả ngựa lại, cứ được mười con ngựa con thì trả lại cho nhà nước một con. Việc tố cáo tài sản thương nhân bị bãi bỏ và việc tiêu dùng ở Tân Tần được đầy đủ.

Sau khi được cái vạc quý, nhà vua lập nhà thờ ở Thái Nhất để thờ Hậu Thổ và Thái Nhất. Các công khanh bàn việc phong thiện. Còn các quận và các nước trong thiên hạ đều chuẩn bị làm đường, làm cầu, tu bổ lại những cung cũ. Ở những huyện xe ngựa nhà vua sẽ đi qua, các quan địa phương chuẩn bị đón tiếp đầy đủ chờ đợi nhà vua đi đến. Năm sau (111 trước công nguyên) nước Nam Việt làm phản, Tây Khương xâm phạm cướp bóc ở biên giới. Nhà vua cho phía đông núi không đầy đủ lương thực, xá tội cho thiên hạ (1) dùng những thuyền lầu ở phương nam chở hơn hai mươi vạn quân đánh Nam Việt, đem mấy vạn quân kỵ từ Tam Hà qua phía tây đánh Tây Khương, lại sai mấy vạn người vượt qua sông Hoàng Hà xây thành Linh Cư. Lần đầu tiên đặt các quận Trương Dịch, Tửu Tuyền; còn ở Thượng Quận, Sóc Phương, Tây Hà, Hà Tây thì đặt quan lo việc khai

1. Mục đích là để sung những người tù làm lính. Quân đội đời Hán một phần lớn là tù được tha vì đã chịu đi lính.

khẩn ruộng đất ; đày sáu mươi vạn binh lính đến làm ruộng và canh phòng ở đấy. Việc đắp đường vận chuyển cung cấp lương thực nơi xa nhất đến hai ngàn dặm, nơi gần nhất đến hơn ngàn dặm, tất cả đều nhờ quan đại nông cung cấp. Vì không có đủ binh khí đưa ra biên giới, nhà vua bèn sai phát những binh khí ở kho vũ khí do những người thợ nhà vua làm để cung cấp cho họ. Ngựa kéo xe và ngựa cưỡi thiếu thốn, quan địa phương ít tiền khó lòng mua được ngựa, nhà vua bèn ra lệnh từ các vua có đất phong trở xuống đến các quan lương ba trăm thạch lúa trở lên đều theo thứ bậc mà cấp ngựa cái. Trong các đình trong thiên hạ đều nuôi ngựa cái, do đó ngựa mỗi năm mỗi nhiều và tốt.

Thừa tướng nước Tề là Bốc Thức dâng thư nói :

— Tôi nghe nói nhà vua lo thì bầy tôi nhục, nay Nam Việt làm phản, cha con tôi xin tình nguyện đến đấy với những người Tề quen sử dụng thuyền quyết sống chết với họ.

Nhà vua ban chiếu nói :

— Bốc Thức tuy lo cày và chăn nuôi nhưng không phải để mưu lợi cho mình, hễ có của thừa là đem giúp cho quan địa phương để tiêu dùng. Nay thiên hạ không may có việc nguy cấp mà cha con Bốc Thức lại hăng hái tình nguyện xin chịu chết vì nạn nước. Tuy ông ta chưa ra đánh trận nhưng có thể thấy lòng trung nghĩa ở trong lời yêu cầu. Ban tước Quan nội hầu, thưởng cho sáu mươi cân vàng, mười khoảng ruộng.

Tờ chiếu được loan báo trong tất cả thiên hạ, nhưng thiên hạ không ai hưởng ứng. Liệt hầu có hàng trăm nhưng không ai muốn theo quân nhà vua để đánh quân Khương và quân Việt. Đến khi làm lễ hiến vàng vào

lễ tế rượu, quan coi kho của nhà vua xét lại số vàng thì thấy các hầu mắc tội thiếu vàng hơn một trăm người (1). Nhà vua bèn cho Bốc Thức làm ngự sử đại phu. Sau khi Bốc Thức làm chức này, ông ta nhận thấy các quận và các nước phần lớn không cho quan địa phương quản lý việc làm muối làm sắt là tiện ; đồ sắt thì xấu, giá lại đắt ; lại có người ép dân phải mua và bán muối và sắt ; thuyền bị đánh thuế, người buôn ít, và vật giá đắt ; bèn dựa vào lời của Khổng Cần trình bày về việc đánh thuế thuyền. Do đó nhà vua không thích Bốc Thức.

Nhà Hán đánh nhau trong ba năm liền : diệt Khương, tiêu diệt Nam Việt, lần đầu tiên đặt 17 quận từ Phiên Ngung tới phía tây đến phía nam đất Thục. Lại theo tục cũ của họ mà cai trị, không bắt nộp các thứ thuế. Các quận từ Nam Dương, Hán Trung trở đi cứ theo thứ tự xa gần mà cung cấp cho các quận [illegible]i đặt. Các quan lại và binh sĩ có đủ lương ăn, tiền, đồ vật, xe và ngựa đầy đủ. Tuy vậy, các quận mới lập vẫn luôn luôn làm phản giết quan lại. Nhà Hán đem hơn một vạn binh lính và quan lại ở phương nam đến đánh mất một năm, tất cả việc tiêu dùng đều do quan đại nông cung cấp. Quan đại nông cung cấp đầy đủ là nhờ các « quân thâu » và nhờ ở chỗ đánh thuế muối và sắt. Nhưng nơi nào binh sĩ đi qua, các quan địa phương chỉ dám nói không để cho họ thiếu thốn chứ không dám nói làm theo đúng cách đánh thuế như bình thường (2).

1. Năm 112 trước công nguyên Vũ Đế yêu cầu các hầu phải nộp một số vàng làm tế lễ (nhưng thật ra để có tiền đánh Nam Việt). Trong số 241 người đến 106 người bị tội thiếu vàng.

2. Đoạn 5 — Các biện pháp đưa ra để bổ cứu tình trạng thiếu hụt.

6. Năm sau (110 trước công nguyên) niên hiệu Nguyên Phong năm thứ I. Bốc Thức bị giáng làm quan thái phó của thái tử ; còn Tang Hoằng Dương nhờ việc làm trị túc đô úy, được làm chức đại nông, thay Khổng Cần quản lý tất cả muối và sắt trong thiên hạ. Hoằng Dương cho rằng vì các quan tranh nhau buôn bán theo ý mình cho nên vật giá mới nhảy vọt và việc thuế khóa thu nhập trong thiên hạ có khi không đủ bù vào các phí tổn chuyên chở. Bèn xin nhà vua đặt mấy mươi người thuộc hạ của bộ phận đại nông, chia nhau cai quản các quận và các nước. Họ luôn luôn đến các huyện đặt các quan « quan thâu » và các quan lo về muối và sắt, ra lệnh cho các phương xa đều nộp những sản vật của mình và những vật mà các thương nhân chuyên chở lúc giá đắt để thay thuế. Những người này lại chuyên chở sản vật cho nhau. Các quan « bình chuẩn » ở kinh đô có trách nhiệm nhận các hàng hóa trong thiên hạ và đưa đến các nơi, gọi những người thợ của nhà nước làm xe và các đồ vật cần cho việc vận chuyển và những người này đều do đại nông nuôi. Các quan ở bộ phận đại nông nắm tất cả vật sản trong thiên hạ, khi đắt thì bán, khi rẻ thì mua, do đó bọn phú thương và chủ hiệu buôn lớn không thể lấy được nhiều lời mà phải quay trở về nghề nông, vật giá nhờ vậy không nhảy vọt và điều hòa được giá cả trong thiên hạ. Công việc đó gọi là « bình chuẩn ». Nhà vua cho là phải, cho phép thi hành. Sau đó nhà vua đi phía bắc đến Sóc Phương, phía đông đến Thái Sơn, đi tuần ven biển đến biên giới phía bắc rồi trở về, đến đâu cũng thưởng. Đồ thưởng đến hơn một trăm vạn tấm lụa, tiền và vàng đến hàng trăm vạn. Nhưng đều nhờ có quan đại nông cung cấp đầy đủ.

Tang Hoằng Dương lại xin ra lệnh cho phép các thuộc lại được nộp lúa để làm quan và những người có tội được nộp tiền để chuộc tội. Lệnh ban ra người nào đưa lúa đến đất Cam Tuyền thì theo thứ tự được miễn giao dịch suốt đời. Người ta không tố cáo tài sản của thương nhân nữa. Các quận và các nước đều chở thóc đến những nơi cần có thóc ngay, và những người cày đều nộp thóc. Ở phía đông núi việc vận tải bằng sông thêm nhiều, mỗi năm đến 600 vạn thạch. Trong một năm, kho Thái Thương và kho Cam Tuyền đều đầy tràn, ở biên giới thừa thóc và mọi vật, một năm số lụa chuyển vận trên một trăm vạn tấm. Dân không bị tăng thuế mà thiên hạ dùng được dồi dào. Do đó Tang Hoằng Dương được thưởng chức tả thứ trưởng lại được thưởng một trăm cân vàng lần hai. Năm ấy có hạn nhỏ. Nhà vua ra lệnh cho các quận cầu mưa. Bốc Thức nói :

— Các quan địa phương chỉ nên lấy tô và thuế để ăn và mặc thôi, nay Tang Hoằng Dương sai bọn thuộc lại bày hàng ở ngoài chợ, bán các đồ vật để kiếm lời, cứ nấu Tang Hoằng Dương đi thì trời sẽ mưa (1).

7. Thái Sử Công nói :

— Để giao dịch giữa nông, công, thương xuất hiện các thứ tiền tệ : vỏ rùa, vỏ sò, vàng, tiền, đao (2), vải, nguồn gốc của tiền tệ đã có từ lâu. Kể từ họ Cao Tân trở về trước thì đã xa lắm, không biết gì để chép. Cho nên *Kinh Thư* nói đến việc xảy ra trong thời vua Nghiêu vua Thuấn, *Kinh Thi* thuật lại thời Ân thời Chu. Khi trong nước yên ổn thì đưa người lớn vào học các nhà

1. Đoạn 6 — Biện pháp của Tang Hoằng Dương.

2. Đao và vải là tên những thứ tiền giống hình con đao và tấm vải.

tường, nhà tự ; trước kia chú trọng đến gốc là nghề nông, bỏ ngọn là nghề thương ; dùng lễ nghĩa để đề phòng cái việc ham lợi. Sự việc biến đổi nhiều cho nên người ta làm trái với điều phải. Khi nào sự vật đã thịnh rồi cũng đến lúc suy, thời thế lên đến cùng cực rồi cũng quay trở lại (1). Thời đại trước chất phác thì thời đại sau văn hoa, đó là sự biến đổi của sự vật. Trong thiên *Vũ cống* (những cống vật nộp cho Hạ Vũ N.D) thì chín châu đều nộp những sản vật đất mình có và dân có tương đối nhiều. Vua Thành Thang và Vũ Vương kế tiếp theo những thời đại bị hư hỏng nên dễ thay đổi để cho dân khỏi mỏi mệt. Hai người đều lo lắng nên dân được trị an. Nhưng tình hình mỗi ngày một kém. Tề Hoàn Công dùng mưu của Quản Trọng hiểu cái phép nặng nhẹ tìm cách lấy cái lợi ở núi và ở sông, làm cho chư hầu phải thần phục, khiến nước Tề nhỏ bé nổi tiếng làm nên nghiệp bá. Nước Ngụy dùng Lý Khắc làm hết cái sức của đất, làm nhà vua được mạnh. Từ đó về sau, thiên hạ mải vào những cuộc tranh giành của thời Chiến Quốc, chú trọng dối trá và võ lực mà coi thường nhân nghĩa, coi trọng của cải mà đánh giá thấp sự khiêm tốn nhún nhường ; cho nên có những người thương nhân giàu đến hàng trăm triệu mà lại có những người nghèo cứ phải ăn cám không biết chán. Có những nước mạnh thôn tính các nước nhỏ bắt chư hầu phải thần phục. Lại có những nước yếu phải tuyệt tự và tiêu diệt. Đến đời Tần, cuối cùng lấy tất cả thiên hạ. Trong thời Ngu và Hạ có ba thứ tiền tệ : có thứ vàng, có thứ trắng, có thứ đỏ. Người ta hoặc dùng tiền hoặc dùng vải, hoặc dùng dao hoặc dùng

1. Tư Mã Thiên nhận thấy được sự biến đổi của sự vật.

mai rùa, vỏ sò. Đến đời Tần thì tiền tệ trong nước chia làm ba hạng : hạng tiền tệ cao là vàng tính mỗi dật là một đơn vị (1), thứ tiền kém là tiền đồng nửa lạng, cũng nặng như chữ ghi trong đồng tiền ; còn các loại châu ngọc, mai rùa, vỏ sò, bạc thiếc v.v... thì dùng làm đồ vật và đồ trang sức được giữ làm của quí chứ không dùng làm tiền tệ. Những thứ này đều theo thời nặng nhẹ khác nhau. Lúc đó bên ngoài thì đánh Di và Địch, bên trong thì lo thưởng công lao ; kẻ sĩ trong thiên hạ ra sức cày không đủ cung cấp lương thực, đàn bà kéo sợi dệt vải không đủ để cung cấp áo quần. Không khác gì đời xưa lấy tất cả của cải trong thiên hạ để cung phụng nhà vua mà nhà vua vẫn không cho là đủ. Sự thế như dòng nước trôi đi, sóng thúc vào nhau sinh ra như vậy. Có gì là lạ ? (2).

1. Một dật 20 lạng.

2. Đoạn 7. — Lời bàn của tác giả. Nhận xét của tác giả về tiền tệ rất sâu sắc.

KHỔNG TỬ THẾ GIA

1. KHỔNG TỬ sinh ở ấp Trâu, thuộc làng Xương Bình nước Lỗ. Tổ tiên trước kia là người nước Tống, tên là Khổng Phòng Thúc. Phòng Thúc sinh Bá Hạ, Bá Hạ sinh Thúc Lương Ngột. Lương Ngột khi đã quá tuổi (1), lấy Nhan Thị, hai người cầu tự ở núi Ni Khâu sinh Khổng Tử. Khổng Tử sinh ở nước Lỗ năm thứ 22 đời Lỗ Tương Công (55) trước công nguyên) Khi sinh ra, trên đầu gồ giữa lõm cho nên đặt tên là Khâu (tức là cái gò), tên tự là Trọng Ni, họ Khổng. Khổng Khâu sinh thì Thúc Lương Ngột chết, chôn ở núi Phòng Sơn. Núi Phòng Sơn ở phía đông nước Lỗ. Khổng Tử, do đó, không biết mộ cha ở đâu, vì mẹ của ông kiêng không nói điều đó. Khi còn nhỏ, Khổng Tử thích chơi trò bày các khay đề cúng và chơi trò tế lễ. Đến khi mẹ chết, Khổng Tử chôn tạm mẹ ở con đường Ngũ Phụ, vì ông cẩn thận (2). Mẹ của Văn Phụ, người đất Trâu, nói cho Khổng Tử biết nơi mộ của cha, cho nên về sau Khổng Tử hợp táng cả cha và mẹ ở núi Phòng Sơn.

1. Thúc Lương Ngột đã quá sáu mươi tư tuổi mới lấy Nhan Thị. Đàn ông quá 64 tuổi lấy vợ, đàn bà quá 49 tuổi lấy chồng là quá tuổi.

2. Phải chôn tạm để sau này biết mộ cha sẽ hợp táng, chôn tạm thì dễ dời.

Trong khi Khổng Tử còn để tang thì họ Quý thết đãi những kẻ sĩ, Khổng Tử cũng đến đấy. Dương Hổ mắng Khổng Tử :

— Họ Quý thết kẻ sĩ chứ không phải thết nhà ngươi đâu.

Khổng Tử bèn rút lui.

Khi Khổng Tử mười bảy tuổi có quan đại phu là Mạnh Ly Tử ốm sắp chết, dặn người con cả sẽ thay mình là Ý Tử : « Khổng Khâu là con cháu của bậc thánh nhân (1), tổ tiên bị giết ở Tống, người ông sáu đời là Phất Phụ Hà lại được nối ngôi làm vua, nhưng nhường ngôi cho Lệ Công. Đến đời Chinh Khảo Phụ giúp Đái Công, Vũ Công và Tuyên Công, ba lần được làm thượng khanh, nhưng lại càng cung kính. Cho nên trên cái vạc của ông ta có khắc mấy chữ « Được bổ lần thứ nhất thì ta cúi xuống ; được bổ lần thứ hai thì ta khom lưng ; được bổ lần thứ ba thì ta cúi thấp xuống men theo tường mà chạy. Nhưng cũng không ai dám khinh ta. Ta ăn cơm ở vạc này, nấu cháo ở vạc này để nuôi miệng ta ! » Ông ta là người cung kính như thế đấy. Ta nghe nói con cháu bậc thánh nhân tuy không làm vua, nhưng về sau, thế nào cũng có người sáng suốt. Nay Khổng Khâu ít tuổi, thích lễ, có lẽ là con người sáng suốt như người xưa nói. Khi ta chết rồi thế nào cũng phải thờ ông ta làm thầy ».

Đến khi Ly Tử chết, Ý Tử và người nước Lỗ là Nam Cung Kính Thúc đến học lễ với Khổng Tử. Năm ấy Quý Vũ Tử chết, Bình Tử lên thay (2).

1. Chỉ Thành Thang, vua đầu tiên nhà Ân.

2. Thời niên thiếu của Khổng Tử.

2. Khổng Tử nghèo hèn, đến khi lớn lên làm lại cho họ Quý. Việc tính toán đo lường đứng đắn, nên được làm chức coi súc vật. Súc vật đông đúc sinh đẻ nhiều, nên được làm tư không. Được ít lâu, Khổng Tử rời khỏi nước Lỗ, bị ruồng bỏ ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống và nước Vệ, bị nguy khốn ở giữa miền nước Trần và nước Thái, cuối cùng lại trở về nước Lỗ.

Khổng Tử người cao chín thước sáu tấc, ai cũng cho là con người cao lớn và lấy làm lạ. Vì nước Lỗ lại đối đãi với ông tử tế nên ông bỏ về Lỗ. Nam Cung Kính Thúc ở nước Lỗ nói với vua Lỗ :

— Xin nhà vua cho tôi cùng Khổng Tử đến đất Chu.

Vua nước Lỗ cho ông ta một cỗ xe, hai con ngựa, một người đầy tớ, cùng Khổng Tử đến đất Chu hỏi về lễ. Khổng Tử yết kiến Lão Tử ở đấy. Khi Khổng Tử cáo từ ra về, Lão Tử tiễn Khổng Tử và nói :

— Tôi nghe nói « người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiễn nhau ». Tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn ông : « Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn. Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách gì để giữ mình. Kẻ làm tôi không có cách gì để giữ mình ! » (1).

Khi Khổng Tử ở Chu về nước Lỗ, học trò càng nhiều. Lúc bấy giờ Tấn Bình Công hoang dâm, sáu khanh

1. Lão Tử chống lại sự thông minh, trung và hiếu là những nguyên lý của Khổng Tử. Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo trung và hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào cha vào vua, khó lòng sống.

chuyên quyền, phía đông đánh các nước chư hầu. Quân của Sở Linh Vương mạnh lấn át Trung Quốc. Nước Tề lớn, lại ở gần nước Lỗ, Lỗ thì nhỏ và yếu. Nếu theo Sở thì nước Tấn nổi giận ; theo nước Tấn thì nước Sở đến đánh. Nếu không phòng bị nước Tề thì quân Tề xâm chiếm.

Năm thứ hai mươi đời Lỗ Chiêu Công, Khổng Tử đã ba mươi tuổi. Vua Tề Cảnh Công cùng Án Ánh đến nước Lỗ. Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử :

— Ngày xưa Tần Mục Công nước nhỏ, ở nơi hẻo lánh, nhưng tại sao lại làm được nghiệp bá ?

Khổng Tử đáp :

— Nước Tần tuy nhỏ, nhưng chí của nó lớn. Tuy nó ở nơi hẻo lánh, nhưng chính trị của nó đúng đắn. Nhà vua thân hành cử Bách Lý Hề cho làm đại phu dùng ông ta từ chỗ bị trói, nói chuyện với ông ta ba ngày rồi trao chính sự cho ông ta. Nếu làm như thế thì nghiệp vương cũng có thể làm được, chứ nghiệp bá vẫn còn nhỏ đấy.

Cảnh Công bằng lòng.

Khi Khổng Tử ba mươi lăm tuổi, thì Quý Bình Tử và Hậu Chiêu Bá vì việc chọi gà mà có tội với Lỗ Chiêu Công. Lỗ Chiêu Công đem binh đánh Quý Bình Tử. Quý Bình Tử cùng họ Mạnh và họ Thúc Tôn, cả ba nhà hợp lực đánh Lỗ Chiêu Công (1). Lỗ Chiêu Công thua chạy sang nước Tề. Vua Tề cho Lỗ Chiêu Công ở ấp Can Hầu. Sau đó ít lâu, nước Lỗ có loạn, Khổng Tử đến nước Tề làm tôi ở nhà

1. Lúc bấy giờ nước Lỗ có ba gia đình lớn, uy quyền lấn át nhà vua là họ Mạnh, họ Thúc Tôn, họ Quý, cả ba gia đình này là con cháu Hoàn Công. Ở đây nói gia đình họ Mạnh tức là nói người cầm đầu gia đình họ Mạnh.

họ Cao Chiêu Tử để được yết kiến Tề Cảnh Công. Khổng Tử nói chuyện âm nhạc với quan thái sư (chức quan lo về nhạc — N.D) nước Tề, nghe nhạc « thiều » và học nhạc ấy, say mê ba tháng không biết đến mùi thịt. Người Tề khen ngợi.

Cảnh Công hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp :

— Vua phải theo đúng đạo làm vua, tôi phải theo đúng đạo làm tôi, cha phải theo đúng đạo làm cha, con phải theo đúng đạo làm con.

Tề Cảnh Công nói :

— Thật đúng lắm ! Nếu như vua không theo đúng đạo làm vua, cha không theo đúng đạo làm cha, tôi không theo đúng đạo làm tôi, con không theo đúng đạo làm con thì tuy có thóc đấy, ta có thể ăn được không ?

Một hôm khác, Tề Cảnh Công lại hỏi Khổng Tử làm chính trị phải như thế nào. Khổng Tử đáp :

— Muốn làm chính trị thì phải lo tiết kiệm trong việc tiêu dùng.

Tề Cảnh Công bằng lòng, lấy ruộng Ni Khê phong cho Khổng Tử. Án Ánh tiến lên nói :

— Bọn nhà nho chỉ là kẻ ba hoa mà không thể noi gương theo họ được. Họ kiêu ngạo, tự cho mình là phải nên không thể để cho họ làm tôi. Họ chú trọng việc chôn cất, thương xót, làm mất gia sản để chôn cất cho được đầy đủ, không thể cho điều đó thành phong tục. Họ đi du thuyết hết nơi này đến nơi khác để kiếm ăn, không thể cho họ trị nước được. Sau khi các bậc đại hiền ra đời, nhà Chu đã suy, lễ nhạc thiếu sót. Nay Khổng Tử bày ra nhiều điều hình thức bên ngoài, ông ta làm cho cái lễ đi lên đi xuống, thành phiền phức, bày chuyện đi rảo bước và đi giơ tay, cứ như thế thì học

mấy cũng không biết được lễ. Nếu nhà vua dùng ông ta để thay đổi phong tục nước Tề thì đó không phải là điều lo lắng trước tiên đến dân vậy.

Sau đó, Tề Cảnh Công tiếp Khổng Tử một cách kính cẩn, nhưng không hỏi ý kiến của Khổng Tử, về lễ. Một hôm khác, Cảnh Công giữ Khổng Tử lại nói :

— Tôi không thể tôn quý ông như vua Lỗ tôn quý họ Quý mà chỉ được như giữa họ Quý và họ Mạnh mà thôi (1).

Các quan đại phu nước Tề muốn giết Khổng Tử, Khổng Tử nghe tin ấy. Tề Cảnh Công nói :

— Ta đã già rồi không thể dùng nhà ngươi được.

Khổng Tử bèn ra đi, trở về nước Lỗ. Bấy giờ Khổng Tử bốn mươi hai tuổi. Vua Lỗ Chiêu Công chết ở ấp Can Hầu, Lỗ Định Công lên ngôi. Năm thứ năm đời Lỗ Định Công (506), mùa hạ, Quý Bình Tử chết, Hoàn Tử nối nghiệp. Quý Hoàn Tử đào giếng được một cái vại bằng đất, trong đó có con vật giống như con cừu. Quý Hoàn Tử nói với Trọng Ni :

— Tôi bắt được con chó.

Trọng Ni nói :

— Theo như Khâu này biết thì đó là con cừu. Khâu này nghe nói : quái vật do gỗ và đá sinh ra là con « quỷ » và con « võng lưỡng », quái vật do nước sinh ra là con « rồng », con « vọng tượng », quái vật do đất sinh ra là con « phần dương » (2).

1. Ý nói vua Tề hậu đãi Khổng Tử, nhưng không thể trao chính quyền cho ông như vua Lỗ đã làm đối với Quý Thị.

2. Quỷ trong *Quốc ngữ* chỉ con vật chỉ có một chân sống trên núi, con võng lưỡng thích bắt chước tiếng người. Vọng tượng là thứ thú vật ăn thịt người. Phần dương hình con cừu do đất tự sinh ra.

Khi nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy Cối Kê, có lấy được một cái xương, chở đầy một xe. Vua Ngô sai sứ giả hỏi Trọng Ni :

— Tại sao xương lại lớn như vậy ?

Trọng Ni nói :

— Vua Hạ Vũ triệu tập những người làm chủ núi sông ở núi Cối Kê. Phòng Phong đến sau bị vua Vũ giết phơi thây, mỗi cái xương của ông ta chở đầy một xe. Xương này là của Phòng Phong cho nên lớn như vậy.

Người khách nước Ngô nói :

— Ai làm thần ?

Trọng Ni nói :

— Thần của núi sông có thể làm giường mối cho thiên hạ (1), lo việc thờ cúng thần núi thần sông là những người thầy cúng, những người tế thần đất và thần mùa màng là các công hầu. Họ đều lệ thuộc vào nhà vua.

Người khách nói :

— Phòng Phong coi quản việc gì ?

Trọng Ni đáp :

— Ông ta là vua Uông Vọng giữ nước Phong Ngu, họ Ly ; trong đời Ngu, đời Hạ đời Thương gọi là Uông Vọng; trong thời Chu gọi là Trưởng Dịch, ngày nay gọi là Đại Nhân.

Người khách nói :

— Con người ta dài hay cao bao nhiêu ?

Trọng Ni đáp :

— Họ Tiêu Nghiêu cao ba thước đó là hạng người thấp nhất, người lớn nhất cũng không gấp mười lần ba thước.

1. Vì có thể làm mây và làm mưa.

Người khách bèn nói :

— Đúng lắm ! Đây là một thánh nhân !

Người tôi yêu của Quý Hoàn Tử là Trọng Lương Hoài có hiềm khích với Dương Hổ. Dương Hổ muốn đuổi Trọng Lương Hoài, nhưng Công Sơn Phất Nữu ngăn lại. Mùa Thu năm ấy, Trọng Lương Hoài lại càng kiêu ngạo. Dương Hổ bắt Hoài. Quý Hoài Tử nổi giận, Dương Hổ liền bỏ tù Hoài Tử, ăn thề với ông ta, rồi tha ông ta ra.. Dương Hổ do đó càng khinh họ Quý. Họ Quý cũng lấn át nhà vua, các bồi thần (1) cầm quyền chính trị trong nước. Do đó, nước Lỗ từ đại phu trở xuống đều vượt quyền và rời khỏi con đường chính đạo. Cho nên Khổng Tử không làm quan mà rút về nhà sửa lại thi, thư, lễ, nhạc. Học trò càng nhiều, có cả những người từ phương xa đến. Năm thứ VIII đời Lỗ Định Công(502) Công Sơn Phất Nữu giận họ Quý, bèn theo Dương Hổ làm loạn. Hai người muốn bỏ con trưởng của bốn gia đình Hoàn Công để lập những người con thứ từ lâu quen thân với Dương Hổ. Công Sơn Phất Nữu bèn bắt Quý Hoàn Tử. Quý Hoàn Tử lừa trốn được. Năm thứ chín đời Định Công, Dương Hổ thua bỏ chạy sang Tề. Lúc bấy giờ, Khổng Tử đã năm mươi tuổi.

Công Sơn Phất Nữu sau khi làm chủ thành Phí thì nổi lên chống lại họ Quý. Y sai người mời Khổng Tử Khổng Tử tuy từ lâu vẫn noi theo đạo, rất am hiểu việc chính trị nhưng vẫn không có dịp thực hành cái học của mình vì không ai biết dùng mình. Khổng Tử nói :

— Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu đều nổi lên từ đất Phong, đất Cảo mà làm vua thiên hạ. Nay đất Phí tuy nhỏ, biết đâu cũng sẽ như vậy ?

1. Người bầy tôi hai lần.

Khổng Tử muốn đi. Tử Lộ không bằng lòng, giữ lại, Khổng Tử nói :

— Người ta mời ta đến có phải là vô cớ đâu ? Nếu họ dùng ta, ta sẽ làm cho đất họ thành nhà Đông Chu chăng ?

Nhưng rốt cục, Khổng Tử cũng không đi (1).

3. Sau đó, Lỗ Định Công cho Khổng Tử làm quan cai trị thành Trung Đô. Được một năm, cả bốn phương đều noi theo xem là mẫu mực. Từ chức quan cai trị thành Trung Đô, Khổng Tử được thăng làm tư không, rồi được làm đại tư khấu (2).

Mùa xuân năm thứ 10 đời Lỗ Định Công (500). Lỗ giảng hòa với Tề. Mùa hạ, quan đại phu nước Tề là Lê Sử nói với Tề Cảnh Công :

— Nước Lỗ dùng Khổng Khâu thế nào cũng nguy hại cho nước Tề.

Tề Cảnh Công bèn sai sứ giả mời vua Lỗ lại họp ở Giáp Cốc. Lỗ Định Công sắp sửa lên xe đến họp thân mật. Khổng Tử bấy giờ quyền giữ chức tướng quốc, nói :

— Tôi nghe nói trong nước có làm việc văn thì thế nào cũng phải lo việc vũ, có việc vũ thì thế nào cũng phải lo chuẩn bị việc văn (3). Ngày xưa chư hầu ra khỏi biên giới thế nào cũng có các quan võ đi theo. Xin nhà vua mang theo các quan tả tư mã và hữu tư mã.

1. Đoạn 2 — Những điều Khổng Tử trải qua trước khi làm quan ở nước Lỗ.

2. Tư không coi việc xây dựng, tư khấu coi về pháp luật.

3. Khổng Tử nói trong khi lo việc giao hiếu không thể sao nhãng việc chiến sự. Khổng Tử nghĩ nước Tề không thành thực. Quả nhiên Tề Cảnh Công muốn nhân dịp hội họp để đâm chết Lỗ Định Công.

Định Công nói :

— Phải.

Bèn mang theo tả tư mã và hữu tư mã, họp mặt với Tề Hoàn Công ở Giáp Cốc. Ở đấy dựng lên một cái đàn có ba bậc tam cấp bằng đất và hai người gặp nhau theo nghi lễ. Sau khi chào và nhường bước cho nhau, hai người lên đài rót rượu mời nhau theo đúng lễ gặp gỡ, một viên quan nước Tề rảo bước tiến lên nói :

— Xin tấu nhạc bốn phương.

Cảnh Công nói :

— Được.

Và ngay đó, những người cầm cờ lông thú và lông chim mang lông chim, sáo, dáo, kích, kiếm và khiên bước ra trong tiếng trống và tiếng hò hét và bước lên đài (1). Khổng Tử rảo bước tiến ra, bước lên các bậc tam cấp, nhưng không qua bậc trên cùng, giơ ống tay áo lên nói :

— Vua hai nước chúng tôi hội họp nhau thân mật, chơi thứ nhạc Di, Địch làm gì ? Xin ra lệnh cho quan đương sự đề họ đuổi những người kia đi.

Vì những người múa không chịu đi, các quan hầu nhìn Án Ánh và Cảnh Công. Cảnh Công cảm thấy xấu hổ, giơ tay đuổi họ ra.

Một lát sau, có một vị quan nước Tề rảo bước tiến ra nói :

— Xin tấu nhạc trong cung !

Cảnh Công nói :

— Được !

1. Cảnh Công định nhân dịp ồn ào, huyên náo, giết Lỗ Định Công.

Bọn con hát và bọn lùn nhún nhảy bước ra. Khổng Tử rảo bước tiến ra trước cái bực tam cấp, nhưng không quá bực trên cùng, nói :

— Bọn thất phu chế nhạo chư hầu, tội đáng giết ! Xin ra lệnh cho các quan đương sự trị tội.

Họ bèn bị chặt chân tay. Cảnh Công run sợ, biết mình không làm theo nghĩa. Trở về, Cảnh Công lo sợ nói với các quan :

— Người Lỗ dùng đạo của người quân tử để bênh vực cho vua của họ ; trái lại, các người chỉ lấy cái đạo của bọn Di, Địch để dạy quả nhân, làm cho quả nhân có lỗi với vua Lỗ. Bây giờ làm thế nào?

Một viên quan tiến ra nói :

— Người quân tử có lỗi thì dùng việc làm để xin lỗi, kẻ tiểu nhân có lỗi thì dùng lời nói suông để xin lỗi. Nếu bệ hạ buồn về việc đó thì nên dùng việc làm để xin lỗi.

Tề Cảnh Công bèn trả cho nước Lỗ các thửa ruộng Vận, Vấn Dương, Quỳ Âm trước kia đã lấy của Lỗ để xin lỗi.

Mùa hạ năm thứ 30 đời Lỗ Định Công, Khổng Tử nói với Định Công :

— Bầy tôi thì không được tàng trữ binh khí, quan đại phu thì không được có cái thành một trăm trĩ (1).

Khổng Tử sai Trọng Do (tức Tử Lộ, học trò Khổng Tử N.D.) làm quan tể của họ Quý, toan phá hủy ba thành lũy của cả ba họ. Vì vậy họ Thúc Tôn trước tiên phá thành Hậu. Họ Quý sắp sửa phá thành Quý. Nhưng

1. Bề cao một trượng dài một trượng là một đồ, ba đồ là một trĩ. Đây nói chu vi thành không được quá 3000 thước, nếu thành rộng quá thì sẽ thành cơ sở để làm loạn.

Công Sơn Phất Nữu và Thúc Tôn cầm đầu những người thành Phí đánh úp nước Lỗ. Định Công cùng ba người cầm đầu ba họ vào cung Quý Thị, lên đài của Vũ Tử.[1] Người thành Phí đánh họ nhưng không được, tuy có người đã tiến đến gần đài. Khổng Tử sai Thân Cầu Tu và Nhạc Kỳ xông xuống đài đánh, người đất Phí thua. Người nước Lỗ đuổi đánh họ thua to ở Cô Miệt. Công Sơn Phất Nữu và họ Thúc Tôn chạy trốn sang Tề. Cuối cùng, thành Phí bị phá. Khi sắp phá thành lũy đất Thành, Công Liễm Xử Phụ nói với Mạnh Tôn :

— Nếu thành bị phá thì quân Tề thế nào cũng đến cửa phía bắc. Vả lại, thành này che chở cho họ Mạnh, nếu không có nó tức là họ Mạnh không còn. Tôi sẽ không phá. Tháng 12, Lỗ Định Công vây thành, nhưng không lấy được. Năm thứ 14 đời Định Công, Khổng Tử 56 tuổi, rời chức tư khấu, quyền giữ chức tướng quốc. Thấy Khổng Tử có vẻ mừng rỡ, một người học trò nói :

— Tôi nghe thầy nói « Người quân tử khi tai họa đến thì không sợ, khi phúc đến thì không mừng ».

Khổng Tử nói :

— Câu nói ấy cũng có đấy. Nhưng chẳng có câu : « Vui vì ở địa vị cao quý mà khiêm tốn đối với mọi người » hay sao ?

Khổng Tử bèn giết quan đại phu nước Lỗ làm rối loạn chính sự là Thiếu Chính Mão. Sau khi tham dự chính quyền trong nước ba tháng, những người bán cừu bán lợn không dám bán thách, con trai con gái ở trên đường đi theo hai phía khác nhau, trên đường không nhặt của rơi. Những người khách ở bốn phương đến thành ấp không cần phải nhờ đến các quan, bởi vì người ta đều xem họ như người trong nhà.

Người Tề nghe vậy sợ hãi nói:

— Khổng Tử cầm đầu chính sự thì thế nào cũng làm bá chủ chư hầu. Nếu Lỗ làm bá thì đất nước ta ở gần, sẽ đầu tiên bị thôn tính. Tại sao ta không đem đất nộp cho Lỗ ?

Lê Sử nói:

— Trước tiên xin hãy tìm cách cản trở, nếu không được thì nộp đất cũng chưa muộn.

Vua Tề bèn sai chọn tám mươi người con gái đẹp ở trong nước Tề, đều cho mặc quần áo đẹp, tập múa điệu « khang nhạc » và ba mươi cỗ ngựa, mỗi cỗ bốn con rất đẹp để đưa cho vua nước Sở. Vua Tề sai bày bọn con gái và những con ngựa đẹp ở ngoài cửa cao phía nam kinh đô nước Lỗ. Quý Hoàn Tử ăn mặc thường dân đến xem hai ba lần, toàn thu nhận và nói với vua Lỗ đi một vòng để đến xem. Vua Lỗ đến chơi xem đến trọn ngày. Vua Lỗ bỏ việc chính sự. Tử Lộ nói:

— Thầy nên đi thôi.

Khổng Tử nói:

— Vua Lỗ sắp làm lễ tế giao, nếu nhà vua đem thịt tế đến cho các quan đại phu thì ta còn có thể ở lại.

Cuối cùng, Quý Hoàn Tử nhận nữ nhạc của Tề, ba ngày không nghe việc chính sự. Khi làm lễ tế giao cũng không đưa thịt tế đến cho các quan đại phu. Khổng Tử bèn ra đi.

Khổng Tử ở đêm tại đất Đồn. Sư Dĩ tiến Khổng Tử nói:

— Thầy không có tội gì.

Khổng Tử nói:

— Tôi hát có được không ?

Bèn hát:

« Miệng của bọn đàn bà kia có thể làm cho ta phải bỏ chạy.
Những người đàn bà kia đến thăm, có thể làm cho nước mất, nhà tan !
Ta đi lang thang phiêu bạt cho đến hết đời ».

Khi Sư Dĩ trở về, Quý Hoàn Tử hỏi:

— Khổng Tử có nói gì với ông không ?

Dĩ kể lại tất cả. Hoàn Tử thở dài than:

— Phu tử bắt tội ta vì bọn đàn bà hèn hạ kia (1).

4. Khổng Tử bèn đến nước Vệ ở trọ tại nhà Nhan Trọc Trâu, anh vợ của Tử Lộ. Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử:

— Khi ông ở nước Lỗ, ông được hưởng lộc bao nhiêu ?

— Tôi được sáu vạn đấu lúa.

Người Vệ cũng cấp cho Khổng Tử sáu vạn đấu.

Khổng Tử ở đấy được ít lâu, có người dèm Khổng Tử với Vệ Linh Công. Vệ Linh Công sai Công Tôn Dư Giả luôn luôn đi theo Khổng Tử. Khổng Tử sợ mắc tội. Khổng Tử ở đấy mười tháng, đoạn rời khỏi đất Vệ, định đi qua đất Khuông, để đến nước Trần. Nhan Khắc làm người đánh xe cho Khổng Tử, ông ta cầm roi chỉ thành phố này và nói:

— Ngày xưa con đã vào thành này ở chỗ thành bị phá đằng kia !

Người nước Khuông nghe vậy, tưởng Khổng Tử là Dương Hổ người nước Lỗ, vì Dương Hổ đã có lần xâm phạm đến họ. Người đất Khuông bèn giữ Khổng Tử lại, vì Khổng Tử mặt mày giống Dương Hổ. Năm ngày sau, Nhan Uyên mới đến. Khổng Tử nói:

1. Đoạn 3 — Những việc Khổng Tử làm khi làm quan ở Lỗ.

— Ta tưởng là anh chết rồi !

Nhan Uyên nói :

— Thầy còn sống, con đâu dám chết !

Người đất Khuông càng giữ Khổng Tử cần mật hơn trước. Các đệ tử đều sợ. Khổng Tử nói :

— Sau khi Văn Vương chết đi cái « văn » không phải ở ta hay sao ? Nếu trời muốn làm mất cái « văn » ấy đi thì ta là người sinh sau đã không được biết đến nó. Vì trời chưa muốn làm mất cái « văn » ấy thì người đất Khuông làm gì được ta ? (1).

Khổng Tử sai một người đi theo làm tôi của Ninh Vũ Tử ở nước Vệ, sau đó Khổng Tử mới đi lọt. Khổng Tử đi qua đất Bồ, sau hơn một tháng lại trở về nước Vệ, ở trọ tại nhà Cừ Bá Ngọc. Trong số những người vợ của Vệ Linh Công có Nam Tử. Nam Tử sai người nói với Khổng Tử :

— Những người quân tử bốn phương nếu không xấu hổ về việc làm anh em với nhà vua thì thế nào cũng đến yết kiến tôi. Tôi muốn gặp mặt Khổng Tử.

Khổng Tử từ chối không được, đành phải yết kiến. Phu nhân ở trong cái màn là. Khổng Tử bước vào cửa ngoảnh mặt về phía bắc cúi lạy. Phu nhân ở trong màn lạy hai lạy. Các vòng ngọc và những viên ngọc mang trên người kêu lanh tanh. Khổng Tử nói :

— Trước kia ta định không đến thăm. Nhưng khi đến thăm thấy tiếp đãi theo đúng lễ.

Tử Lộ không bằng lòng (2). Khổng Tử thề nói :

— Nếu ta làm sai thì trời bỏ ta ! Trời bỏ ta !

1. Khổng Tử tin rằng mình có nhiệm vụ thực hiện một sứ mạng thiêng liêng nên không thể bị nguy khốn.

2. Vì Nam Tử có tiếng dâm loạn.

Khổng Tử ở Vệ hơn một tháng. Vệ Linh Công cùng phu nhân ngồi trên xe, viên hoạn quan là Ung Cừ cùng ngồi đi ra, sai Khổng Tử ngồi trên cái xe đằng sau. Mấy người lượn qua chợ trước mặt đông người. Khổng Tử nói :

— Ta chưa hề thấy có người nào yêu đức như yêu sắc đẹp.

Khổng Tử cảm thấy xấu hổ về việc đó và rời khỏi nước Vệ, đi qua nước Tào. Năm ấy, Lỗ Định Công chết. Khổng Tử rời khỏi nước Tào đến nước Tống, cùng đệ tử tập lễ ở dưới một gốc cây lớn. Quan tư mã của nước Tống tên là Hoàn Khôi muốn giết Khổng Tử, chặt cây ấy đi. Khổng Tử ra đi, các đệ tử nói :

— Phải đi nhanh đi !

Khổng Tử nói :

— Trời sinh đức ở ta, Hoàn Khôi làm gì được ta ?

Khổng Tử đến nước Trịnh, thầy trò lạc nhau. Khổng Tử đứng một mình ở phía đông cửa thành. Có người nước Trịnh bảo Tử Cống :

— Ở cửa phía đông có một người trán giống Nghiêu, cổ có vẻ Cao Dao, vai ông ta giống Tử Sản (1), nhưng từ lưng trở xuống thì kém vua Vũ ba tấc, có vẻ băn khoăn lo lắng như con chó ở nhà có tang.

Tử Cống nói thực với Khổng Tử. Khổng Tử mừng rỡ cười mà rằng :

— Hình dáng bên ngoài là việc vụn vặt, nhưng nói « giống như con chó của nhà có tang » thì đúng làm sao ! Đúng làm sao !

Khổng Tử bèn đến nước Trần, ở trọ tại nhà viên quan giữ thành là Trịnh Tử hơn một năm. Vua Ngô là Phù Sai đánh nước Trần lấy ba ấp, rồi rút lui. Triệu Ưởng

1. Cao Dao là viên quan giỏi của Thuấn. Tử Sản làm tướng quốc ở Trịnh rất có đạo đức.

đánh Triều Ca, quân Sở vây đất Thái. Vua Thái sang Ngô. Nước Ngô đánh bại vua Việt là Câu Tiễn ở Cối Kê.

Có con cắt chết ở cung đình vua Trần, bị một mũi tên bằng gỗ hồ đâm qua mình. Đầu mũi tên bằng đá, dài một thước tám tấc. Trần Mẫn Công sai sứ giả hỏi Trọng Ni. Trọng Ni nói :

— Con cắt từ nơi xa đến. Đó là mũi tên của người Túc Thận. Ngày xưa vua Vũ Vương đánh nhà Thương, tiếng vang đến cả Cửu Di và Bách Man, họ đều đem sản vật địa phương đến cống để không quên nhiệm vụ của mình. Người Túc Thận bèn cống tên hồ có mũi tên bằng đá, dài mỗi cái một thước tám tấc. Tiên Vương muốn nêu tỏ cái đức sáng của mình cho nên chia những mũi tên này cho Đại Cơ (1). Đại Cơ lấy Hồ Công, Hồ Công được phong ở đất Trần. Ngày xưa, người ta đưa ngọc quý cho những người cùng họ của mình để tỏ lòng trọng người thân. Người ta chia cho những người khác họ những đồ cống từ các nơi xa lạ để cho họ đừng quên phục tùng. Vì vậy cho nên nước Trần nhận được tên của người Túc Thận.

Nhà vua sai thử tìm xem ở trong kho cũ, quả nhiên thấy có cái tên ấy...

Khổng Tử ở Trần ba năm. Lúc bấy giờ, các nước Tần và Sở tranh cường với nhau và lần lượt đánh bại Trần ; nước Ngô cũng đánh Trần. Trần luôn luôn bị đánh phá. Khổng Tử nói :

— Ta về thôi ! Ta về thôi ! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, lo tiến thủ nhưng không quên bản tính của mình.

Khổng Tử bèn rời khỏi đất Trần, đi qua đất Bồ. Vừa lúc ấy họ Công Thúc cầm đầu người đất Bồ nổi loạn. Người đất Bồ giữ Khổng Tử lại. Trong số học trò của

1. Đại Cơ là con gái đầu của Vũ Vương.

Khổng Tử có Công Lương Nhụ đem năm cỗ xe của mình đi theo Khổng Tử. Ông là người đứng tuổi, tài giỏi, có sức mạnh. Ông ta nói :

— Xưa kia con theo thầy gặp nạn ở đất Khuông, nay lại gặp nạn ở đây, đó là mệnh ! Con lại cùng thầy gặp nạn, con quyết chiến đấu mà chết.

Ông ta chiến đấu rất hăng. Người đất Bồ sợ hãi, bảo Khổng Tử :

— Nếu ông không đến nước Vệ thì chúng tôi sẽ cho ông đi.

Khổng Tử cùng họ ăn thề. Họ cho Khổng Tử đi ra phía cửa đông. Khổng Tử liền đến đất Vệ. Tử Cống hỏi :

— Có thể phụ lời thề được sao ?

Khổng Tử nói :

— Đó là vì ta bắt buộc phải thề cho nên quỷ thần không nghe.

Vệ Linh Công nghe Khổng Tử đến, mừng rỡ ra ngoại ô đón hỏi.

— Có thể đánh đất Bồ được không ?

Khổng Tử nói :

— Được.

Vệ Linh Công nói :

— Các quan đại phu của ta cho là không được. Nay đất Bồ là nơi nước Vệ dùng để chống lại các nước Tần và Sở. Đem nước Vệ mà đánh Bồ có lẽ là không nên chăng ?

Khổng Tử nói :

— Đàn ông trong thành có chí quyết chết vì nhà vua. Đàn bà có chí bảo vệ Tây Hà (1). Những người chúng ta phải đánh chẳng qua chỉ bốn năm người.

1. Ý nói nhân dân đều theo nhà vua. Tây Hà là miếng đất trong ấy có thành Bồ.

Vệ Linh Công nói :

— Phải đấy.

Tuy vậy vẫn không đánh Bờ, Vệ Linh Công già, lười biếng việc chính sự, không dùng Khổng Tử. Khổng Tử thở dài than :

— Nếu có người dùng ta thì sau một tháng đã khá khá, sau ba năm thì tốt.

Khổng Tử ra đi. Phật Bật là quan cai trị đất Trung Mâu, Triệu Giản Tử đánh họ Phạm, họ Trung Hàng, và đánh Trung Mâu. Phật Bật làm phản sai người mời Khổng Tử. Khổng Tử muốn đến. Tử Lộ nói :

— Do này nghe thầy nói : « Người làm việc không phải thì người quân tử không vào nước của họ ». Nay chính Phật Bật làm quan cai trị đất Trung Mâu làm phản, tại sao thầy lại muốn đến ?

Khổng Tử nói :

— Ta có nói như vậy thật đấy. Nhưng chẳng phải ta có nói rằng « cái mà thật cứng thì mài cũng không mòn ; cái mà thật trắng thì bỏ vào thuốc nhuộm cũng không đen. Ta không phải vỏ quả bầu, sao chỉ có thể treo lên mà không thể ăn » ?

Khổng Tử gõ khánh. Có người mang sọt đi qua cửa nói :

— Con người gõ khánh kia thực là có lòng suy nghĩ. Người sao mà ương ngạnh ! Không ai biết mình cả thì nên bỏ mà đi thôi !

Khổng Tử học đánh đàn cầm với thầy dạy nhạc là Tương Tử. Học mười ngày không tiến. Tương Tử nói :

— Ông có thể tiến nữa.

Khổng Tử đáp :

— Khâu đã quen khúc nhạc rồi, nhưng chưa nắm được cái quan hệ về số.

Được ít lâu, Tương Tử nói :

— Ông đã nắm được quan hệ về số rồi đấy ! Có thể tiến hơn nữa.

Khổng Tử đáp :

— Khâu chưa hiểu được ý nghĩa sâu sắc của nó.

Được ít lâu, Tương Tử nói :

— Ông đã nắm được ý nghĩ sâu sắc rồi đấy. Có thể tiến nữa.

Khổng Tử nói :

— Khâu chưa biết người làm bản nhạc này là ai ?

Được ít lâu, Tương Tử nói :

— Ông có vẻ oai nghiêm, suy nghĩ sâu, có hoài bão lớn và cao xa.

Khổng Tử nói :

— Khâu này đã biết người ấy là ai rồi. Ông ta lặng lẽ mặt đen, người cao. Mắt như con cừu nhìn xa, như con người làm vua bốn phương, nếu không phải là Văn Vương thì ai có thể như vậy được !

Tương Tử rời khỏi chiếu, lạy hai lạy nói :

— Các vị thầy dạy nhạc vẫn nói điệu nhạc này là do Văn Vương làm ra.

Vì không được dùng ở nước Vệ, Khổng Tử định đi về phía tây yết kiến Triệu Giản Tử, nhưng khi đến sông Hoàng Hà thì nghe tin Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa đã chết. Khổng Tử đến bờ Hoàng Hà than :

— Nước mênh mông đẹp thay ! Khâu không qua được con sông này là do mệnh vậy.

Tử Cống rảo bước tiến đến nói :

— Xin hỏi tại sao lại nói như vậy ?

Khổng Tử nói :

— Đậu Minh Độc và Thuấn Hoa là những quan đại phu tài giỏi ở nước Tấn. Khi Triệu Giản Tử chưa thỏa mãn được ý chí của mình thì cần hai người này để nắm được quyền chính. Nhưng khi đã đạt được ý nguyện của mình thì giết đi và lên cầm quyền chính. Khâu nghe nói khi người ta mổ thai giết đứa trẻ trong bụng thì kỳ lân không đến bờ cõi ; khi người ta làm cho nước ao khô để bắt cá thì con giao long không điều hòa âm dương (1) ; khi người ta lật đổ tổ chim thì phượng hoàng không bay lượn. Tại sao lại thế ? Đó là vì người quân tử tránh những người làm hại đến những kẻ giống mình. Chim chóc thú vật kia còn biết tránh những kẻ bất nghĩa huống gì Khâu ?

Khổng Tử bèn quay lại, nghỉ ở làng Trâu, làm bài ca « Làng Trâu » để tỏ nỗi buồn của mình. Sau đó trở về đất Vệ, ở tại nhà Cừ Bá Ngọc.

Một hôm Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử về cách bài binh bố trận. Khổng Tử nói :

— Việc tế lễ thì tôi thường nghe, còn việc quân thì tôi chưa học.

Hôm sau Vệ Linh Công đang nói chuyện với Khổng Tử, thấy con ngỗng trời bèn ngẩng đầu lên nhìn, sắc mặt có vẻ không để ý gì đến Khổng Tử, Khổng Tử lại đi đến đất Trần.

Mùa hạ năm ấy, Vệ Linh Công mất, lập người cháu tức là Xuất Công của nước Vệ. Tháng sáu, Triệu Ưởng

1. Giao long có thể làm mây làm mưa cho nên điều hòa được âm dương.

đưa thái tử vào thành Thích (1), Dương Hổ sai thái tử mang mũ trụ và tám người mặc đồ tang giả vờ đi từ nước Vệ đến đón thái tử, khóc, vào thành Thích, rồi ở đấy. Mùa đông vua đất Thái dời đô đến Châu Lai. Năm ấy là năm thứ 3 đời Lỗ Ai Công, Khổng Tử 60 tuổi. Nước Tề giúp nước Vệ vây đất Thích và thái tử nước Vệ là Khoái Ngoại ở đấy. Mùa hạ, ngôi miếu của Hoàn Công và Ly Công nước Lỗ bị đốt cháy. Nam Cung Kinh Thúc cứu hỏa. Khổng Tử lúc ấy đang ở đất Trần, nói :

— Hỏa hoạn thế nào cũng xảy ra ở miếu của Hoàn Công và Ly Công.

Sau đó quả nhiên đúng.

Mùa thu, Quý Hoàn Tử ốm, người ta chở ông ta trên một cái xe đi thăm thành nước Lỗ. Quý Hoàn Tử thở dài than :

— Xưa kia nước này đáng lẽ hưng thịnh ! Vì ta có tội với Khổng Tử cho nên nước mới suy đồi.

Quý Hoàn Tử quay lại bảo người con nối nghiệp mình là Khang Tử :

— Khi ta chết, thế nào con cũng làm tể tướng nước Lỗ ; nếu làm tể tướng thế nào con cũng phải mời Trọng Ni.

Sau đó mấy ngày, Quý Hoàn Tử chết, Khang Tử lên thay. Sau khi chôn cất xong, Khang Tử muốn mời Trọng Ni, nhưng Công Chi Ngư nói :

1. Ngoại là con Vệ Linh Công, vì giết Nam Tử nên bỏ trốn ở nước Tấn, được Triệu Ưởng che chở. Dương Hổ cũng ở đấy sau khi bị đuổi khỏi nước Lỗ (xem đoạn 3). Thấy con của Ngoại là Xuất Công được làm vua, Triệu Ưởng tìm cách đưa Khoái Ngoại vào thành Thích, để sau đó làm vua nước Vệ. Dương Hổ bày mưu như vậy để tỏ ra thái tử được nhân dân mời về. Thái tử cũng tỏ ra khóc lóc để nói rằng mình là người thừa kế chân chính.

— Ngày xưa tiên quân của ta dùng ông ta không trót cho nên bị chư hầu cười. Ngày nay, nếu ngài lại dùng ông ta không trót thì sẽ bị chư hầu cười lần nữa.

Khang Tử nói :

— Như thế thì nên mời ai ?

— Thế nào cũng phải mời Nhiễm Cầu.

Khang Tử bèn sai sứ mời Nhiễm Cầu. Nhiễm Cầu sắp ra đi, Khổng Tử nói :

— Người Lỗ mời anh Cầu không phải để dùng vào việc nhỏ mà sẽ dùng vào việc lớn.

Ngày hôm ấy Khổng Tử nói :

— Về thôi ! về thôi ! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, họ đã khá về mặt đạo đức, nhưng chưa biết giữ mình theo đúng đạo.

Tử Cống biết Khổng Tử nghĩ đến việc trở về nước Lỗ, nên khi tiễn Nhiễm Cầu, nhân dặn ông ta :

— Khi anh được dùng thì phải làm thế nào cho nhà vua mời thầy.

Nhiễm Cầu ra đi. Năm sau, Khổng Tử từ đất Trần đến đất Thái. Thái Chiêu Công đang định đến đất Ngô vì vua Ngô mời. Trước đấy Thái Chiêu Công lừa dối bầy tôi dời đô đến Châu Lai. Sau đó, ông ta lại định đi. Các quan đại phu sợ ông ta dời đô lần thứ hai. Vì vậy Công Tôn Phiên bắn Chiêu Công chết. Quân Sở xâm chiếm nước Thái.

Mùa thu, vua Tề Cảnh Công chết. Năm sau, Khổng Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp. Diệp Công hỏi Khổng Tử về chính sự. Khổng Tử nói :

— Làm chính sự cốt ở chỗ làm cho người ở xa đến và người ở gần đi theo mình.

Một hôm, Diệp Công hỏi Tử Lộ :

— Khổng Tử là người như thế nào ?

Tử Lộ không biết trả lời ra sao. Khổng Tử nghe vậy nói :

— Này anh Do, tại sao anh không trả lời như thế này : con người ấy học đạo không biết mỏi, dạy người không biết chán. Khi chưa biết đạo thì phát phẫn đến nỗi quên ăn, khi biết đạo thì vui đến nỗi quên lo, không biết tuổi già sắp đến.

Khổng Tử dời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. Trường Thư và Kiệt Nịch đánh đôi cùng cày, Khổng Tử cho họ là những người ở ẩn, bèn sai Tử Lộ đến hỏi họ xem bến đò ở đâu. Trường Thư nói :

— Con người cầm dây cương là ai thế ?

Tử Lộ đáp :

— Khổng Khâu đấy.

Trường Thư hỏi :

— Khổng Khâu nước Lỗ đấy à ?

Tử Lộ đáp :

— Phải.

Trường Thư nói :

— Thế thì ông ta biết bến đò rồi !

Kiệt Nịch bảo Tử Lộ :

— Anh là ai ?

Tử Lộ đáp :

— Tôi là Trọng Do.

Kiệt Nịch hỏi :

— Anh là học trò Khổng Khâu phải không ?

— Vâng ạ.

Kiệt Nịch nói :

— Thiên hạ như nước chảy cuồn cuộn đều thế cả, ai

mà thay đổi được ? Vả lại ông theo một kẻ sĩ lo tránh người chi bằng theo một kẻ sĩ lo tránh đời (1).

Rồi hai người cứ cày miết mà không nói. Tử Lộ nói lại với Khổng Tử. Khổng Tử bùi ngùi nói :

— Ta không thể cùng sống với chim muông. Nếu thiên hạ có đạo thì ta cần sửa nó làm gì ?

Một hôm Tử Lộ đi đường gặp một ông già đang mang trên lưng một cái sọt. Tử Lộ hỏi :

— Cụ thấy thầy của tôi không ?

Ông già nói :

— Chân tay anh không lo làm lụng, ngũ cốc anh không phân biệt được. Ta biết thầy của anh là ai ?

Cụ già cắm gậy xuống đất rồi cắt cỏ. Tử Lộ nói với Khổng Tử. Khổng Tử nói :

— Đó là một người ở ẩn.

Tử Lộ quay lại thì cụ già đã đi mất.

Khổng Tử dời đến ở đất Thái ba năm. Nước Ngô đánh nước Trần, nước Sở cứu người Trần, đóng quân ở Thành Phụ. Nghe tin Khổng Tử ở miền đất Trần, đất Thái, vua Sở sai người đem lễ mời Khổng Tử đến nước Sở. Khổng Tử sắp đến chào sứ giả theo đúng lễ. Các quan đại phu đất Trần và đất Thái bàn nhau :

— Khổng Tử là người hiền. Những điều ông ta chê bai đều nhằm đúng vào những chỗ xấu của chư hầu. Nay ông ta ở lâu miền Trần, Thái mà những điều các quan đại phu làm đều sai trái không đúng ý của ông ta. Nước Sở là một nước lớn đem lễ đến mời. Nếu ông ta được dùng ở nước Sở thì các quan đại phu đang được dùng ở đất Trần đất Thái sẽ nguy mất.

1. Ý nói : Khổng Tử muốn tìm vị vua hiền, tránh vị vua dở không bằng những người ở ẩn trốn đời.

Họ bèn bàn nhau cho bọn đây tớ vây Khổng Tử ở ngoài đồng, không cho đi. Khổng Tử hết lương ăn, những người đi theo đều ốm không ai dậy được, nhưng Khổng Tử vẫn giảng giải, ngâm thơ, đánh đàn và ca hát không tỏ ra suy yếu. Tử Lộ có vẻ giận, đến hỏi :

— Người quân tử cũng có lúc cùng khốn ư ?

Khổng Tử nói :

— Người quân tử trong lúc cùng khốn thì giữ vững, còn kẻ tiểu nhân trong lúc cùng khốn thì làm bậy.

Tử Cống mặt nổi nóng. Khổng Tử nói :

— Này anh Tứ ! Anh cho ta học nhiều mà biết phải không ?

Tử Cống nói :

— Dạ, đúng thế. Không phải thế hay sao ?

Khổng Tử hỏi :

— Không phải đâu ! Ta lấy một điều để quán triệt tất cả (1).

Khổng Tử biết học trò có vẻ tức tối, bèn gọi Tử Lộ đến hỏi :

— *Kinh Thi* nói : « Chẳng phải con trủy (2) chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng ». Đạo của ta phải chăng là sai ? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này ?

Tử Lộ nói :

— Theo ý của con, có lẽ vì chúng ta chưa « nhân » chăng nên người ta chưa tin chúng ta. Có lẽ chúng ta chưa « trí » chăng nên người ta không cho chúng ta đi ? (3).

1. Nhà triết học khác người thường chính là ở đấy.
2. Tức con Tê Ngưu.
3. Ý trách Khổng Tử còn có khuyết điểm. Ở trên thấy Tử Lộ nhiều lúc không phục Khổng Tử.

— Nào phải thế đâu ! Này anh Do ! Nếu như người nhân thế nào cũng được người ta tin thì làm gì có chuyện Bá Di, Thúc Tề nữa, nếu như người trí gặp việc gì cũng thông suốt thì làm gì có Vương Tử, Tỷ Can nữa (1).

Tử Lộ đi ra, Tử Cống vào yết kiến. Khổng Tử nói :

— Này anh Tứ, *Kinh Thi* nói : « Chẳng phải con trủy, chẳng phải con hổ, ở ngoài đồng vắng ». Đạo của ta phải chăng là sai ? Tại sao ta gặp phải cảnh này ?

Tử Cống nói :

— Đạo của thầy hết sức lớn cho nên thiên hạ không ai dung nạp được. Thầy phải hạ thấp một chút.

— Này anh Tứ ! Người giỏi nghề nông có thể biết vãi giống nhưng không chắc là gặt được. Người thợ giỏi có thể làm khéo nhưng không thể làm cho người ta vừa lòng. Người quân tử trau dồi đạo đức của mình theo những đường lối chính và giữ nó, điều chỉnh nó mà không thể làm cho nó được người ta theo. Anh không lo trau dồi đạo của anh mà chỉ lo người ta dung nạp mình. Cái chí của anh Tứ không phải là xa.

Tử Cống đi ra, Nhan Hồi vào yết kiến. Khổng Tử nói :

— Này anh Hồi, *Kinh Thi* nói : « Chẳng phải con trủy, chẳng phải con hổ, ở ngoài đồng vắng ». Đạo của ta phải chăng là sai ? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này ?

Nhan Hồi nói .

— Đạo của phu tử hết sức lớn lao nên cả thiên hạ không ai dung nạp được. Nhưng phu tử cứ theo đó mà

1. Bá Di, Thúc Tề can Vũ Vương đừng đánh Trụ. Vũ Vương không nghe. Sau đó hai người nhịn đói chết. Tỷ Can can Trụ, bị Trụ giết.

làm, người ta không dung nạp thì có hại gì ? Người ta không dung nạp nhưng sau này người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử. Đạo không được trau dồi, đó là cái điều ta lấy làm xấu hổ. Đạo đã trau dồi mà vẫn không được dung nạp thì đó là điều xấu hổ của kẻ làm vua một nước. Người ta không dung nạp phu tử thì có hại gì ? Về sau người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử.

Khổng Tử hớn hở cười :

— Đúng lắm ! Hỡi người con họ Nhan, nếu nhà ngươi lắm của cải thì ta sẽ làm người quản lý của cải cho nhà ngươi !

Sau đó, Khổng Tử sai Tử Cống sang Sở. Sở Chiêu Vương đem binh đón Khổng Tử, kết quả Khổng Tử mới được thoát. Chiêu Vương định phong cho Khổng Tử miếng đất trong sổ sách có 700 lý (1). Quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây hỏi :

— Trong số các sứ giả nhà vua phải đến các nước chư hầu có ai bằng Tử Cống không ?

— Không.

— Trong số những người giúp đỡ nhà vua có ai bằng Nhan Hồi không ?

— Không.

— Trong số các tướng của nhà vua, có ai bằng Tử Lộ không ?

— Không.

— Trong số các quan của nhà vua, có ai bằng Tể Dư không ?

— Không.

1. Lý ở đây là một nhóm gia đình gồm 25 nhà.

— Không những thế, tổ tiên nước Sở cũng chỉ được nhà Chu phong với cái tước hiệu là « tử » và năm mươi dặm đất (1). Nay Khổng Khâu theo phép tắc của Tam Vương, làm sáng cả cơ nghiệp của Chu Công, Thiệu Công. Nếu dùng ông ta thì nước Sở làm thế nào mà được đời đời đường hoàng có đất vuông ngàn dặm? Văn Vương ở đất Phong, Vũ Vương ở đất Cảo đều chỉ là những ông vua có trăm dặm đất, thế mà rốt cục lại làm vương thiên hạ. Nay Khổng Khâu có được miếng đất làm cơ sở, lại có bọn học trò giỏi giúp đỡ thì đó không phải là cái phúc của nước Sở.

Chiêu Vương bèn thôi. Mùa thu năm ấy, Sở Chiêu Vương chết ở Thành Phụ.

Một người cuồng nước Sở tên là Tiếp Dư đi qua trước mặt Khổng Tử hát :

Phượng ơi, chim phượng kia ơi
Đạo đức suy đồi còn biết tính sao ?
Việc qua can chẳng được nào.
Việc sau hoạ biết cách nào lần xoay
Thôi, thôi chim hãy về ngay.
Con đường chính trị rắc đầy chông gai !

Khổng Tử xuống xe muốn nói chuyện, nhưng Tiếp Dư đã rảo bước đi mất, không sao nói chuyện được. Khổng Tử bèn rời nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy, Khổng Tử sáu mươi ba tuổi và là năm thứ sáu đời Lỗ Ai Công. Năm sau, vua Ngô và vua Lỗ gặp nhau ở huyện Tăng. Vua Ngô đòi một trăm con bò đề tế. Quan thái tể là Phỉ mời Quý Khang Tử, Quý Khang Tử sai Tử Cống đến, việc mới thu xếp xong. Khổng Tử nói chính trị hai nước

1. Ý nói Sở trước kia chỉ có 50 dặm và chỉ có tước « tử » thế mà sau thành lớn mạnh.

Lỗ và Vệ giống nhau như anh với em. Lúc bấy giờ người cha của Thủ, vua nước Vệ vẫn chưa được làm vua, vẫn phải ở nước ngoài (1). Vua các nước chư hầu mấy lần trách vua Vệ. Học trò Khổng Tử lại có nhiều người làm quan ở Vệ, nên vua Vệ muốn trao chính trị cho Khổng Tử. Tử Lộ nói :

— Nếu vua Vệ giao chính trị cho thầy thì thầy sẽ làm cái gì trước.

Khổng Tử nói :

— Chắc chắn phải chính danh trước !

Tử Lộ nói :

— Sao thầy viển vông thế, chính danh để làm gì ?

Khổng Tử nói :

— Anh rõ thực là quê mùa quá ! Cái danh mà không chính thì lời nói không đúng với sự thực, lời nói không đúng với sự thực thì việc không thành, việc không thành thì không làm cho lễ, nhạc phồn thịnh; lễ nhạc không phồn thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết đặt tay chân vào đâu. Phàm người quân tử đã làm điều gì thì có thể nói tên cái việc đó, và nhất định làm được việc đó. Người quân tử chớ cẩu thả trong lời nói của mình.

Năm sau Nhiễm Hữu (tức là Nhiễm Cầu) làm tướng quân của họ Quý mang quân đánh nhau với quân Tề ở đất Lang và đánh bại quân Tề. Quý Khang Tử hỏi :

— Cái tài cầm quân của ông do ông học hay do bản tính mà có ?

Nhiễm Cầu nói :

— Tôi học ở Khổng Tử.

1. Tức là Khoái Ngoại vẫn ở thành Thích.

Quý Khang Tử hỏi :

— Khổng Tử là người như thế nào ?

Nhiễm Cầu nói :

— Nếu dùng ông ta thì có danh, nếu ông ta báo với trăm họ và hỏi quỷ thần về việc ông ta đã làm thì không ai là không bằng lòng. Điều ông ta mong muốn là đạt đến cái đạo của người quân tử. Dù nhà vua có cho ông ta một nghìn xã (1), ông ta cũng không mưu lợi cho mình (2).

Quý Khang Tử hỏi :

— Ta muốn mời ông ta có được không ?

— Muốn mời thì chớ đãi ông ta chật hẹp như đãi người hèn kém mới được.

Khổng Văn Tử làm quan nước Vệ, sắp đánh Thái Thúc, hỏi Trọng Ni về cách đánh. Trọng Ni từ chối không biết. Khi rút lui, Khổng Tử cho đánh xe ra đi, nói :

— Con chim có thể chọn cây, chứ cây kia làm sao mà chọn chim được ?

Khổng Văn Tử nài ở lại. Gặp lúc Quý Khang Tử sai Công Hoa, Công Tân, Công Lâm mang lễ vật đến đón Khổng Tử, Khổng Tử trở về nước Lỗ. Khổng Tử đi đã 14 năm, bây giờ mới trở về nước Lỗ.

Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử về chính sự, Khổng Tử đáp :

— Làm chính cốt ở chỗ chọn bầy tôi.

Quý Khang Tử hỏi về chính sự. Khổng Tử đáp :

— Chính sự cốt ở chỗ cử những người thẳng và gạt bỏ những kẻ gian xảo. Làm như thế thì những kẻ gian xảo cũng sẽ thẳng.

1. Mỗi xã gồm 25 gia đình.

2. Nhiễm Cầu bác lại ý kiến của Tử Tây nói với vua Sở, sợ Khổng Tử sẽ được lòng dân chúng rồi làm vương.

Quý Khang Tử lo lắng về bọn trộm cắp, Khổng Tử nói :

— Nếu ngài không ham muốn thì dù ngài thưởng cho họ, họ cũng không lấy trộm (1).

Tuy vậy, nước Lỗ chung quy vẫn không dùng Khổng Tử. Khổng Tử cũng không xin làm quan (2).

5. Trong thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị bỏ, *Kinh Thi*, *Kinh Thư* thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam Đại, đề tựa *Kinh Thư*, kinh này chép sự việc từ thời Đường, Ngu cho đến thời Tần Mục Công. Khổng Tử sắp đặt lại các sự việc và nói :

— Ta có thể nói về lễ của nhà Hạ, nhưng nước Kỷ (con cháu nhà Hạ — N.D.) không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về Lễ của nhà Ân, nhưng nước Tống, (con cháu của nhà Ân — N.D.) không đủ để chứng minh những điều ta nói ; nếu họ có đủ thì ta đã có thể lấy ra làm dẫn chứng.

Khi xem những điều nhà Ân thêm hay bớt về lễ của nhà Hạ, Khổng Tử nói :

— Tuy một trăm đời sau cũng có thể biết được : cứ thời trước chuộng văn hoa thì thời sau chuộng thực chất. Nhà Chu noi gương hai triều đại trước, lễ nghi nhà Chu rực rỡ làm sao ! Ta theo nhà Chu.

Vì thế, phần truyện trong *Kinh Thư* và *Lễ Ký* là do Khổng Tử làm.

Khổng Tử nói chuyện với quan thái sư nước Lỗ :

— Có thể biết phải chơi nhạc như thế nào. Thoạt tiên thì dồn dập ; khi đã bắt nhịp thì hòa hợp, rõ ràng, tiếp tục mà đi đến kết thúc.

1. Ý nói nếu người cai trị ngay thẳng thì nhân dân noi theo và đều ngay thẳng.

2. Đoạn 4 — Cuộc đời bôn ba của Khổng Tử.

Khổng Tử nói :

— Ta sau khi rời nước Vệ về nước Lỗ thì mới chỉnh đốn được nhạc, Nhã và Tụng mới được xếp đặt đâu vào đấy.

Ngày xưa *Kinh Thi* có tất cả hơn ba ngàn thiên. Đến thời Khổng Tử, Khổng Tử bớt những thiên trùng điệp, lấy những thiên có thể có ích cho lễ, nghĩa. Những bài này bắt đầu từ Tiết, Hậu Tắc (1), giữa thuật lại thời thịnh trị Ân, Chu, cho đến thời U, Lệ kém cỏi. *Kinh Thi* bắt đầu từ nơi giường chiếu cho nên người ta nói « *Quan thư* » nghiêm chỉnh mở đầu « *Phong* », bài « *Lộc minh* », mở đầu « *Tiểu nhã* », bài « *Văn vương* » mở đầu « *Đại nhã* », bài « *Thanh miếu* » mở đầu « *Tụng* « (2). Tất cả ba trăm linh năm thiên này đều được Khổng Tử đánh đàn và hát để làm cho nó hợp với điệu nhạc Thiều, Vũ, Nhã, Tụng. Từ đó người ta mới có thể thuật lại lễ nhạc đời trước để làm cho vương đạo đầy đủ và lục nghệ trọn vẹn. Về sau, Khổng Tử thích *Kinh Dịch*, thích các phần *tự, thoán, hệ, tượng, thuyết quái, văn ngôn* (3). Khổng Tử đọc *Kinh Dịch* làm cho cái dây da để buộc các thẻ tre đứt ba lần. Khổng Tử nói :

— Nếu cho ta thêm vài năm nữa thì ta sẽ hiểu *Kinh Dịch* một cách toàn vẹn.

Khổng Tử lấy thi, thư, lễ, nhạc dạy học trò. Số học trò đến ba ngàn người. Có 72 người thông thạo cả lục nghệ (4).

1. Tiết là tổ của nhà Ân. Hậu Tắc là tổ của nhà Chu.

2. Phong, Tiểu nhã, Đại nhã, Tụng là những bộ phận trong Kinh Thi.

3. Kinh Dịch có phần bổ sung gọi là *Thập dực* tương truyền là do Khổng Tử làm gồm có những mục : *thoán, tượng, hệ từ, văn ngôn, thuyết quái, tự quái, tạp quái*. Chú ý : ở đây không nói Khổng Tử làm *Kinh Dịch* và có lẽ đúng sự thực.

4. *Lục nghệ* : *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, Dịch*. Ý nói sáu môn học.

Còn những người chỉ học một phần như Nhan Trọc Trâu thì rất nhiều. Khổng Tử dạy bốn điều : văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa ; bỏ bốn điều : không có định kiến trước ; không nhất thiết phải theo một mặt ; không cố chấp ; không chỉ thiên về mình. Khổng Tử cẩn thận trong việc trai giới, chiến trận, ốm đau ; ít nói về lợi, mệnh và nhân. Khi người ta chưa cảm thấy tức tối muốn biết, thì Khổng Tử chưa giảng, khi nêu một góc mà người ta chưa thấy cả ba góc kia thì Khổng Tử chưa dạy. Lúc ở trong làng xóm thì có vẻ thận trọng như không nói được. Lúc ở tôn miếu, triều đình thì nói năng rõ ràng, nhưng cẩn thận, khi ở triều đình nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm trang, nói với các quan dưới thì hòa nhã. Đi vào cửa công thì lom khom rảo bước, hai tay giang ra như hai cái cánh. Khi nhà vua gọi đến để tiếp khách thì sắc mặt thay đổi, khi nhà vua mời thì đi không đợi thắng xe. Cá ươn thịt hôi, hay cắt không ngay ngắn thì không ăn, chiếu trải không ngay ngắn thì không ngồi. Khi bên cạnh có người có tang thì không bao giờ ăn no. Ngày nào khóc thì không ca hát, thấy người đề tang hay người mù thì tuy đó là trẻ em cũng tỏ ra kính trọng.

Khổng Tử nói :

— Trong ba người cùng đi thế nào cũng có người thầy của ta. Những người không lo trau dồi đạo đức, lúc học không bàn bạc, nghe điều nghĩa không hướng về điều nghĩa, nghe điều không hay không biết sửa đổi thì đó là điều ta lo.

Khổng Tử sai người ta hát, nếu hát hay thì bảo hát lại và sau đó họa theo. Khổng Tử không nói những điều

quái đản, việc dùng sức mạnh, những người làm loạn và chuyện quỷ thần. Tử Cống nói :

— Văn chương của thầy tôi đã được nghe, nhưng tôi chưa hề nghe thầy nói về đạo trời, bản tính của con người và số mạng.

Nhan Uyên thở dài than :

— Đạo của Phu Tử ngẩng lên nhìn thì nó càng cao ; đào sâu thì nó càng chắc. Đang nhìn nó ở đằng trước, chợt thấy nó ở đằng sau. Phu Tử khéo dạy người ta một cách tuần tự ; lấy văn chương để làm cho đầu óc ta mở rộng ; lấy lễ để ước thúc. Ta muốn bỏ không được ; nhưng đem hết tài sức mình ra học cũng vẫn còn cái gì vòi vọi, đứng sừng sững trước mặt, dù có muốn vươn tới cũng không sao đạt đến được.

Một đứa trẻ ở trong làng Đạt Hạt nói :

— Khổng Tử thực là to lớn ! Khổng Tử học rộng, nhưng không nổi tiếng chuyên về một mặt nào.

Khổng Tử nghe vậy nói :

— Ta biết chuyên về nghề gì ? Vào nghề đánh xe chăng ? Vào nghề bắn tên chăng ? Ta chuyên về nghề đánh xe vậy ?

Tử Lao nói :

— Khổng Tử nói : ta không được dùng cho nên lo về lục nghệ.

Năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công, mùa xuân săn ở ngoài đồng hoang, người đánh xe của Thúc Tôn Thị là Sử Thương bắt được một con thú, anh ta cho đó là điềm không lành, Trọng Ni thấy thế nói :

— Đây là con lân.

Người ta đem nó đi. Khổng Tử nói :

— Sông Hà không thấy xuất hiện Hà Đồ (1), sông Lạc không thấy xuất hiện Lạc Thư, ta thế là hết.

Nhan Uyên chết, Khổng Tử nói :

— Trời giết ta !

Đến khi đi săn ở phía tây bắt được con lân, Khổng Tử nói :

— Đạo ta hết rồi !

Thở dài và than :

— Không ai biết ta.

Tử Cống nói :

— Tại sao không ai biết thầy ?

Khổng Tử nói :

— Không oán trời, không trách người, học điều thấp mà biết được điều cao, biết ta chỉ có trời chăng ? Những kẻ không hạ thấp cái chí của mình, không làm nhục cái thân của mình đó là Bá Di, Thúc Tề. Liễu Hạ Huệ và Thiếu Liên, thì hạ thấp cái chí của mình, làm nhục cái thân của mình. Ngu Trọng, Di Dật ở ẩn, không nói gì về việc đời, khi làm quan thì giữ được sự thuần khiết, khi bị bỏ thì theo đúng hoàn cảnh. Ta thì không phải như họ, ta không chủ trương cứng nhắc phải thế này, hay không thể thế này.

Khổng Tử nói :

— Không, không ! Người quân tử lo rằng mình chết rồi mà cái tên của mình không được nhắc đến, nếu đạo của ta không được dùng thì ta biết lấy gì để làm đời sau thấy ta.

---

1. Theo truyền thuyết, Hà Đồ là hình vẽ người ta thấy trên thân con long mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà, còn Lạc Thư là do một con rùa mang ở dưới sông Lạc lên. Hà Đồ, Lạc Thư cũng như bát quái là những hình ảnh tượng trưng được dùng trong bói toán.

Bèn dựa vào Sử Ký làm ra *Kinh Xuân Thu*, chép từ thời Lỗ Ẩn Công (722—712) đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công (481) bao gồm 12 đời vua. Căn cứ vào chỗ vua Lỗ là họ với nhà Chu cho nên Khổng Tử đưa vào đấy những việc của thời Tam Đại. Lời của nó ngắn, nhưng ý rộng : các vua Sở và Ngô tự xưng là « vương », nhưng *Xuân Thu* hạ thấp gọi là « tử », thực ra thì thiên tử nhà Chu bị gọi đến dự hội nghị ở Tiễn Thổ, nhưng *Xuân Thu* che giấu lại nói là « Thiên vương đi tuần ở Hà Dương ». Căn cứ vào những thí dụ như vậy ta thấy một phép tắc để ràng buộc những người làm vua ngày nay. Cái nghĩa của những lời khen chê ở đấy (1) sẽ rõ khi có bậc vương giả xuất hiện. Cái nghĩa của *Kinh Xuân Thu* được thi hành thì bọn bầy tôi làm loạn và bọn làm giặc trong thiên hạ sợ. Khi Khổng Tử làm quan, những điều người nói hay xét các vụ kiện cũng gần như lời nói chung của mọi người chứ không có gì chỉ riêng một mình người mới có. Trái lại, khi làm *Xuân Thu* thì viết cái gì phải viết, bỏ cái gì phải bỏ, những người như Tử Hạ (2) không thể có một lời bàn góp. Học trò học *Xuân Thu*, Khổng Tử nói :

— Đời sau biết Khâu là căn cứ vào *Xuân Thu*, bắt tội Khâu cũng là căn cứ vào *Xuân Thu* (3).

6. Năm sau, Tử Lộ chết ở Vệ. Khổng Tử ốm, Tử Cống đến thăm, thấy Khổng Tử chống gậy đi dạo ở trước cửa nói :

— Anh Tử, sao anh lại đến muộn thế ?

Nhân đấy hát :

1. Phải chăng đây là ám chỉ thời Hán Vũ Đế vì lúc ấy việc nghiên cứu ý nghĩa của Xuân Thu phát triển rất mạnh ?
2. Học trò Khổng Tử, nổi tiếng học rộng.
3. Đoạn 5 — Cách giáo huấn của Khổng Tử về mặt văn hóa.

— Núi Thái Sơn sắp đổ, cột trụ nhà sắp gãy, kẻ triết nhân sắp tàn.

Trong khi hát, nước mắt chảy ròng ròng. Khổng Tử bảo Tử Cống :

— Thiên hạ không có đạo đã lâu rồi ; không ai biết theo ta. Người đời Hạ đặt cái hòm ở thềm phía đông, người đời Chu đặt cái hòm ở phía tây, người đời Ân đặt nó ở giữa hai cái cột. Đêm qua ta nằm mơ thấy ngồi ở giữa hai cái cột. Chắc vì ta là con cháu nhà Ân.

Bảy ngày sau Khổng Tử mất. Khổng Tử mất năm 73 tuổi ngày kỷ sửu, năm thứ 16 đời Lỗ Ai Công (479). Ai Công thương viếng nói :

— Trời xanh không thương ta, không để lại cho ta cụ già duy nhất có thể che chở cho con người duy nhất như ta. Ta ở ngôi vua bơ vơ, đau buồn. Ô hô ! Thương thay ! Mất ông Ni, ta không có ai để noi theo.

Tử Cống nói :

— Nhà vua có lẽ không chết ở nước Lỗ chăng ? Phu Tử nói : « Sai về Lễ thì tỏ ra mờ tối, dùng chữ sai tức là lạm dụng. Sai về chí là mờ tối, sai về việc làm là lạm dụng ». Lúc phu tử sống thì nhà vua không biết dùng, đến khi chết lại thương viếng. Thế là trái lễ, thương viếng lại nói « ta con người duy nhất » thế là dùng chữ sai (1).

Khổng Tử chôn ở phía bắc kinh thành nước Lỗ, trên bờ sông Tứ. Học trò đều để tang ba năm. Sau khi để tang ba năm, họ khóc và từ giã nhau, ai cũng khóc hết sức đau xót. Có người ở lại. Riêng Tử Cống làm nhà

1. Ý Tử Cống nói nhà vua ăn nói hồ đồ nên việc làm cũng sẽ hồ đồ. Năm 468. Ai Công bị trục xuất, trốn sang Việt.

bên mộ sáu năm mới đi. Học trò và những người nước Lỗ đến làm nhà bên mộ hơn một trăm nhà nên người ta gọi là « làng Khổng ».

Các vua Lỗ đời đời nối tiếp nhau tế Khổng Tử theo những thời nhất định. Các nhà nho cũng giảng lễ về lễ hương ẩm và lễ bắn tên ở bên mộ Khổng Tử. Mộ Khổng Tử rộng một khoảnh, cái nhà trong đó ngày xưa học trò ở, đời sau dùng làm miếu giữ áo mũ, đàn cầm, xe, sách của Khổng Tử. Việc tế tự kéo dài hơn hai trăm năm đến đời Hán không hề dứt. Cao Tổ đi qua đất Lỗ dùng cỗ thái lao để tế Khổng Tử. Chư hầu, khanh tướng đến nước Lỗ thường trước tiên đến thăm mộ rồi sau đó mới làm việc chính sự.

Khổng Tử sinh Lý tên tự là Bá Ngư. Bá Ngư thọ năm mươi tuổi chết trước Khổng Tử. Bá Ngư sinh Cấp, tên tự là Tử Tư, thọ 62 tuổi, có lần bị khốn ở đất Tống, làm sách *Trung Dung*. Tử Tư sinh Bạch, tên tự là Tử Thượng, thọ 47 tuổi. Tử Thượng sinh Cầu, tên tự là Tử Gia, thọ 45 tuổi. Tử Gia sinh Cơ, tự là Tử Kinh, thọ 46 tuổi. Tử Kinh sinh Xuyên, tự là Tử Cao, thọ 51 tuổi. Tử Cao sinh Tử Thận, thọ 57 tuổi, có lần làm tướng quốc nước Ngụy. Tử Thận sinh Phụ, thọ 57 tuổi, làm bác sĩ của Trần Vương là Thiệp, chết gần thánh Trần. Con trai của em trai Phụ là Tương Thọ, 57 tuổi, là bác sĩ thời Hiếu Huệ Đế, đổi đi làm Thái thú Trường Sa, người cao chín thước sáu tấc. Tử Tương sinh Trung, thọ 51 tuổi. Trung sinh Vũ, Vũ sinh Diên Niên và An Quốc. An Quốc làm bác sĩ của đức kim thượng làm đến thái thú Lâm Hoài, chết sớm. An Quốc sinh Ngang, Ngang sinh Hoan (1).

1. Đoạn 6 — Khổng Tử chết và dòng dõi Khổng Tử.

7. Thái Sử Công nói

Kinh Thi nói :

Núi cao ta trông, đường rộng ta đi,
Tuy đích chưa đến, nhưng lòng hướng về :

Tôi đọc sách của họ Khổng, tưởng tượng như thấy người. Đến khi đến Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe cộ, nào áo, nào đồ tế lễ, học trò tập về lễ nghi ở nhà Khổng Tử theo đúng từng mùa, tôi hồi hồi nán lại bỏ đi không dứt. Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hễ nói đến lục nghệ đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí thánh vậy (1).

1. Nhận xét của tác giả. Trong số các sử gia thời cổ đại của tất cả các nước, Tư Mã Thiên gần như là người duy nhất thấy tầm quan trọng của những sự kiện văn hóa tư tưởng. Ông xếp Khổng Tử vào thế gia xem ngang với một vị vua của chư hầu và dành cho Khổng Tử một tiểu sử rất kỹ, rất công phu. Dưới con mắt ông, Khổng Tử không phải là một người thần kỳ, làm những việc hoang đường, mà là một con người ôm một lý tưởng lớn, bôn ba suốt đời để thực hành cái đạo của mình, bị chê bai, bị nhục, có những tình cảm, những khuyết điểm của con người. Ông xây dựng được đứng đắn hình tượng Khổng Tử và thấy rõ tác dụng của Khổng Tử đối với các dân tộc. Các sử gia đời sau có người như Ban Cố trách ông xem nhẹ Nho giáo, nhưng không đúng. Khổng Tử là người duy nhất được xếp vào thế gia vì học thuật và được xếp thành một thiên riêng, còn tất cả những người khác đều ở vào liệt truyện và ba bốn người gộp vào một truyện. Theo tác giả, Khổng Tử là một thứ vua, một thứ vua về tinh thần. Ý kiến ấy rất táo bạo và đúng khi nói đến Trung Quốc cổ. Trong bài này có nhiều câu trong Luận Ngữ, nhưng có một số chữ khác, có một vài câu nghĩa khó hiểu.

VIỆT VƯƠNG CÂU TIỄN THẾ GIA

1. Tổ tiên của Việt Vương Câu Tiễn là dòng dõi vua Vũ, con thứ hai của vua Thiếu Khang đời nhà Hạ, được phong ở đất Cối Kê để lo việc phụng thờ vua Vũ, xăm mình, cắt tóc, phát cỏ mà lập ấp. Truyền được hai mươi đời đến Doãn Thường. Trong thời Doãn Thường, đánh nhau với vua Ngô là Hạp Lư và hai bên căm ghét nhau. Doãn Thường chết, con là Câu Tiễn được lập làm Việt Vương (1).

2. Năm thứ nhất (496 trước công nguyên), vua Ngô là Hạp Lư nghe tin Doãn Thường đã chết, bèn đem quân đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn sai những kẻ sĩ quyết liều chết ra khiêu chiến, họ dàn thành ba hàng tiến đến trận tuyến quân Ngô, thét lên rồi tự đâm vào cổ. Quân Ngô đang mải nhìn thì quân Việt thừa cơ đánh úp. Quân Ngô bị thua ở thành Huề Lý, vua Ngô là Hạp Lư bị tên bắn trúng, Hạp Lư sắp chết, bảo con là Phù Sai :

— Thế nào cũng đừng quên đánh Việt.

Ba năm sau, Câu Tiễn được tin vua Ngô là Phù Sai ngày đêm tập luyện quân sĩ, sắp sửa đánh Việt để trả

1. Đoạn 1 — Nguồn gốc Câu Tiễn.

thù. Vua Việt muốn đến đánh trước khi Ngô xuất trận. Phạm Lãi can :

— Không nên. Tôi nghe nói việc binh là điều gở, đánh nhau là việc trái với đức, tranh nhau là việc thấp nhất. Lo âm mưu, làm trái đức, thích dùng điều gở, lấy thân mình làm việc thấp hèn nhất, là việc thượng đế cấm. Nếu làm là bất lợi.

Vua Việt nói :

— Ta đã quyết định rồi.

Bèn cất quân. Vua Ngô nghe tin đem tất cả tinh binh đánh quân Việt thua to ở Phù Tiêu. Vua Việt bèn đem năm nghìn quân còn lại giữ và trốn tránh ở núi Cối Kê. Vua Ngô đuổi đến, bao vây Cối Kê. Vua Việt bảo Phạm Lãi :

— Ta vì không nghe lời ngươi cho nên đến nông nỗi này. Bây giờ làm thế nào ?

Phạm Lãi nói :

— Kẻ nào giữ gìn được trọn vẹn cái cảnh ngộ của mình khi đầy đủ (1) là tuân theo trời ; bình định được tình hình nguy ngập là tuân theo người ; sử dụng sự vật tiết kiệm là tuân theo đất. Nhà vua hãy dùng lời lẽ khiêm nhượng, lấy lễ hậu để đưa cho người ta. Nếu người ta không nghe thì thân hành đến thờ người ta.

Câu Tiễn nói :

— Được.

Bèn sai đại phu tên là Chủng đến cầu hòa với Ngô Chủng đi bằng đầu gối, đập đầu nói :

1. Ý nói vật trọn vẹn thì sẽ giảm. Nếu ở trong hoàn cảnh hoàn toàn đầy đủ thì phải biết giữ gìn, khiêm tốn.

— Kẻ bầy tôi trốn tránh của bệ hạ là Câu Tiễn, sai « bồi thần » là Chủng (1) mạo muội nói với các quan rằng Câu Tiễn xin làm bầy tôi, vợ xin làm thiếp của bệ hạ.

Vua Ngô sắp ưng thuận, Tử Tư nói với vua Ngô :

— Trời đem nước Việt cho nước Ngô, xin bệ hạ đừng nghe.

Chủng trở về báo với Câu Tiễn. Câu Tiễn muốn giết vợ con, đốt của cải châu báu, xông ra đánh để chịu chết. Chủng ngăn Câu Tiễn nói :

— Quan Thái Tể của Ngô tên là Phi là người tham lam có thể dùng lợi để dụ dỗ. Xin nhà vua cho tôi lẻn đến để nói với ông ta.

Câu Tiễn bèn sai Chủng đem gái đẹp, của quý lẻn đến đưa cho Thái Tể nước Ngô là Phi. Phi nhận rồi giúp cho đại phu Chủng được yết kiến vua Ngô. Chủng dập đầu nói :

— Xin đại vương tha tội cho Câu Tiễn, mà lấy tất cả của cải châu báu. Nếu đại vương không tha thì Câu Tiễn sẽ giết vợ con, đốt tất cả châu báu, năm nghìn người liều chết xông ra thì cũng là một sức mạnh đáng kể.

Phi nhân đấy nói với vua Ngô :

— Vua Việt đã xin làm tôi, nếu bệ hạ tha cho họ, thì đó là có lợi cho nước.

Vua Ngô sắp ưng thuận. Tử Tư tiến ra can :

— Nếu nay nhà vua không tiêu diệt nước Việt, thì sau này thế nào cũng sẽ hối hận đấy ! Câu Tiễn là ông

1. Vì Câu Tiễn là tôi của Phù Sai mà Chủng lại là bầy tôi của Câu Tiễn. Bồi thần tức là bầy tôi hai lần.

vua hiền, Văn Chủng và Phạm Lãi là những bầy tôi giỏi. Nếu họ trở về nước thì sẽ làm loạn.

Vua Ngô không nghe, cuối cùng tha cho vua Việt, bãi binh và quay về (1).

3. Khi bị nguy khốn ở Cối Kê, Câu Tiễn thở dài than rằng :

— Ta thế này là hết hay sao !

Chủng nói :

— Vua Thang bị trói ở Hạ Đài, vua Văn Vương bị tù ở Dữu Lý, Trùng Nhĩ nước Tấn bỏ chạy đến Địch, Tiểu Bạch nước Tề bỏ chạy đến Cử (2) nhưng cuối cùng đều làm vương làm bá. Cứ xem như vậy, biết đâu thế này chẳng là phúc !

Sau khi nước Ngô đã tha tội cho nước Việt, vua Việt Câu Tiễn trở về nước, khổ mình nhọc sức, đặt mật ở chỗ ngồi, khi ngồi hay khi nằm đều nhìn mật, khi uống hay khi ăn đều nếm mật. Câu Tiễn nói :

— Mày quên cái nhục ở Cối Kê rồi hay sao ?

Câu Tiễn tự mình lo cày bừa, vợ lo dệt vải, ăn uống không thêm thịt, mặc không hai màu, khiêm tốn đối với người hiền, hậu đãi tân khách, cứu giúp người nghèo, thăm viếng người chết, cùng chịu khó nhọc với trăm họ.

Câu Tiễn muốn sai Phạm Lãi cai quản chính trị trong nước. Phạm Lãi đáp :

1. Đoạn 2 — Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại, nhờ mưu của Phạm Lãi, Văn Chủng mà nước khỏi mất.

2. Trùng Nhĩ là tên của Tấn Văn Công, Tiểu Bạch là tên của Tề Hoàn Công. Hai người đều làm bá trong thời Xuân Thu.

— Việc chiến tranh thì Chủng không bằng Lãi, nhưng việc cai trị, vỗ về nước nhà khiến cho trăm họ thân và theo mình thì Lãi này không bằng Chủng.

Nhà vua bèn giao chính trị trong nước cho đại phu Chủng, còn sai Phạm Lãi cùng đại phu Giá Kê đi cầu hòa và làm con tin ở nước Ngô. Được hai năm, vua Ngô cho Phạm Lãi trở về.

Từ khi Câu Tiễn trở về Cối Kê, trong bảy năm vỗ về binh sĩ và dân chúng. Binh sĩ muốn đánh để rửa thù đối với nước Ngô. Đại phu Phùng Đồng can :

— Nước ta vừa mới tan tác, nay mới được phồn thịnh no đủ. Nếu mình chuẩn bị và lo việc binh thì thế nào Ngô cũng sợ. Ngô sợ thì tai nạn sẽ đến. Vả chăng, con chim ưng đánh thì nó phải giấu mình. Nay quân Ngô đánh nước Tề và Tấn, bị Sở và Việt căm thù. Tuy có nổi danh trong thiên hạ, nhưng thực chỉ cốt hại nhà Chu. Đức ít mà công nhiều, thì thế nào cũng tự mãn, khoe khoang. Hiện nay đối với nước Việt thì không gì bằng liên kết với Tề, thân với Sở, theo Tấn để hậu đãi Ngô. Chí của Ngô huyênh hoang thì thế nào cũng khinh suất trong việc chiến đấu. Thế là ta nắm được cơ hội. Ba nước đánh Ngô, Việt nhân lúc Ngô khốn đốn thì có thể đánh thắng được.

Câu Tiễn nói .

— Phải đấy.

Được hai năm, vua Ngô sắp đem quân đánh Tề, Tử Tư can :

— Chưa nên ! Tôi nghe Câu Tiễn ăn không hai món cùng vui cùng khổ với trăm họ. Con người này chưa chết là còn mối lo cho nước. Nước Ngô có nước Việt, đó là cái bệnh trong tim trong ruột, chứ Tề chẳng qua

là ghẻ lở ở ngoài da. Xin nhà vua bỏ Tề mà trước tiên hãy đánh Việt.

Vua Ngô không nghe cứ đánh Tề. Tề bị thua ở Ngãi Lăng, vua Ngô cầm tù Cao Chiêu Tử và Quốc Huệ Tử của nước Tề rồi trở về trách Tử Tư. Tử Tư nói :

— Xin nhà vua chớ mừng.

Nhà vua nổi giận, Tử Tư muốn tự sát, nhà vua nghe tin ấy ngăn lại.

Quan đại phu nước Việt là Chủng nói :

— Tôi thấy chính trị của vua Ngô kiêu căng. Xin nhà vua thử vay thóc để bói xem sự tình thế nào ?

Vua Việt xin vay thóc. Vua Ngô muốn cho vay. Tử Tư can đừng cho, nhưng nhà vua cuối cùng vẫn cho. Việt bèn mừng thầm. Tử Tư nói :

— Nếu nhà vua không nghe lời can thì sau ba năm nước Ngô sẽ biến thành gò mất.

Quan thái tể là Phỉ nghe nói thế, bèn trách Tử Tư, cãi nhau với Tử Tư về vấn đề Việt. Nhân đấy Phỉ gièm Tử Tư, nói :

— Ngũ Viên bên ngoài có vẻ trung, nhưng trong thâm tâm là con người tàn nhẫn, con người đã chẳng đoái thương gì đến cha và anh thì còn thương gì đến vua (1) ? Trước đây nhà vua muốn đánh nước Tề, Ngũ Viên ra sức can ngăn, kết quả việc đánh thành công. Do đó sinh ra oán giận. Nếu nhà vua không đề phòng thì Ngũ Viên sẽ làm loạn.

Phỉ âm mưu với Phùng Đồng gièm Ngũ Tử Tư với nhà vua. Lúc đầu nhà vua không nghe nên sai Tử Tư sang Tề. Đến khi nghe Tử Tư gửi con ở nhà họ Bão (2), nhà vua bèn cả giận, nói :

1. Xem *Ngũ Tử Tư liệt truyện*.
2. Tử Tư sợ nước Ngô mất nên gửi con ở nhà họ Bão nước Tề.

— Quả thực Ngũ Viên lừa dối quả nhân, muốn làm phản.

Bèn sai người trao cho Tử Tư thanh kiếm Chúc Lâu để tự sát. Tử Tư cười mà rằng :

— Ta làm cho nhà ngươi nên nghiệp bá, ta lại lập nhà ngươi lên ngôi, lúc đầu nhà ngươi muốn chia một nửa nước Ngô cho ta, nhưng ta không nhận. Bây giờ ngươi lại nghe lời gièm pha mà giết ta. Than ôi, con người cô độc một mình, không thể nào đứng được !

Tử Tư nói với sứ giả :

— Thế nào nhà ngươi cũng phải móc mắt ta để ở cửa Đông Môn nước Ngô để xem quân Việt tiến vào.

Vua Ngô giao cho Phỉ cầm quyền chính trị. Được ba năm, Câu Tiễn mời Phạm Lãi đến nói :

— Vua Ngô đã giết Tử Tư, những kẻ a dua nhà vua rất đông, bây giờ đã đánh được chưa ?

Phạm Lãi đáp :

— Chưa được.

Mùa xuân năm sau, vua Ngô đi về hướng bắc để họp chư hầu ở Hoàng Trì. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ có những người già yếu cùng với thái tử ở lại giữ thành.

Câu Tiễn lại hỏi Phạm Lãi. Phạm Lãi đáp :

— Được rồi đấy.

Nhà vua bèn đem hai nghìn người bị đày, quen chiến trận, cùng với bốn vạn quân lính thường được huấn luyện, sáu nghìn kẻ sĩ một nghìn người chỉ huy, đánh nước Ngô. Quân Ngô bị thua, quân Việt giết thái tử nước Ngô. Quân Ngô vội vã báo tin với vua Ngô. Bấy giờ vua Ngô đang họp chư hầu ở Hoàng Trì, sợ thiên

hạ nghe tin, bèn giấu tin ấy. Sau khi đã ăn thề ở Hoàng Trì xong, vua Ngô bèn đưa hậu lễ để xin giảng hòa với Việt.

Sau đó bốn năm, Việt lại đánh Ngô. Quân sĩ và dân chúng nước Ngô đã mỏi mệt, những người nào mạnh khỏe hăng hái thì đã chết ở nước Tề, nước Tấn. Quân Việt phá tan quân Ngô, nhân đấy bao vây nước Ngô. Được ba năm, quân Ngô thua to, Việt lại đồn Ngô Vương lên núi Cô Tô. Vua Ngô sai Công Tôn Hùng ở trần, đi bằng đầu gối đến xin giảng hòa với vua Việt và nói :

— Kẻ cô thần của bệ hạ là Phù Sai xin phơi bày gan ruột : trước đây thần có tội ở Cối, Phù Sai không dám trái mệnh trời nên được giảng hòa với nhà vua và về, nay nếu nhà vua giơ gót ngọc mà giết cô thần, cô thần cũng xin vâng theo mệnh, vâng theo nhà vua. Nhưng cũng muốn nhà vua tha tội cho cô thần như việc xảy ra trước đây ở Cối. Không biết có được không ?

Câu Tiễn không nỡ, muốn bằng lòng, Phạm Lãi nói :

— Việc xảy ra ở Cối Kê trước kia đó là trời đem nước Việt trao cho nước Ngô nhưng nước Ngô không lấy. Nay trời lại đem nước Ngô trao cho nước Việt. Nước Việt có nên làm trái mệnh trời không ? Vả chăng nhà vua ra triều sớm, bãi triều muộn chẳng phải để trả thù nước Ngô đó sao ? Việc lo lắng hai mươi năm trời nay có nên một sớm bỏ đi không ? Trời đã cho mà không lấy thì trái lại sẽ bị tội. Người đẽo cái riu thì mẫu mực không xa (1). Nhà vua đã quên tai nạn ở Cối Kê rồi sao ?

1. Mẫu mực là cái cán riu cầm trong tay.

Câu Tiễn nói :

— Ta muốn nghe lời nhà ngươi, nhưng ta không nỡ từ chối sứ giả.

Phạm Lãi bèn sai đánh trống, cho quân tiến lên nói :

— Nhà vua đã giao quyền cho Lãi này, sứ giả về ngay, nếu không sẽ bị tội.

Sứ giả nước Ngô khóc mà về. Câu Tiễn thương hại bèn cho người nói với vua Ngô :

— Ta cho nhà ngươi làm vương một trăm nhà ở đất Dũng Đông.

Vua Ngô từ tạ, nói :

— Tôi già rồi, không thể thờ nhà vua được nữa.

Bèn tự sát và che mặt nói :

— Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Tử Tư.

Việt Vương chôn Ngô Vương và giết thái tể là Phỉ. Sau khi Câu Tiễn đã bình định được nước Ngô, bèn đem quân về hướng bắc, vượt sông Hoài cùng các nước chư hầu là Tề, Tấn họp ở Từ Châu, nộp cống cho nhà Chu. Vua Nguyên Vương nhà Chu ban thịt đến Câu Tiễn, cho Câu Tiễn làm bá.

Sau khi đã vượt qua phía nam sông Hoài, Câu Tiễn bèn lấy đất trên sông Hoài cho nước Sở, trả cho nước Tống đất Ngô đã lấy của nước Tống, trả cho nước Lỗ dải đất một trăm dặm ở phía đông sông Tứ. Bấy giờ quân của Việt làm bá chủ ở phía đông sông Giang, sông Hoài. Chư hầu đến đều mừng gọi Câu Tiễn là bá vương (1).

1. Đoạn 3 — Câu Tiễn nhờ Phạm Lãi, Văn Chủng rửa được thù và xưng bá.

4. Phạm Lãi bèn bỏ đi từ nước Tề, gửi thư về cho đại phu Chủng nói : « Chim đã hết thì cung tốt phải cất, thỏ khôn đã chết thì chó săn bị nấu. Vua Việt là người cổ dài, miệng diều hâu có thể cùng lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng vui sướng với ông ta. Sao ông lại không bỏ đi ? »

Chủng nhận được thư cáo bệnh không vào chầu. Có người gièm nói :

— Chủng sắp làm phản.

Vua Việt bèn sai đưa kiếm cho Chủng và nói :

— Nhà ngươi dạy quả nhân bảy thuật để đánh Ngô, quả nhân mới dùng có ba mà nước Ngô đã thua. Còn bốn thuật nữa ở nhà ngươi. Nhà ngươi hãy giúp ta dùng những thuật ấy với tiên vương xem sao (1).

Chủng bèn tự sát.

Phạm Lãi thờ vua Việt là Câu Tiễn, khổ mình nhọc sức, cùng Câu Tiễn mưu toan hơn hai mươi năm, kết quả diệt được nước Ngô, rửa được cái nhục ở Cối Kê. Phía bắc đem quân qua sông Hoài đến sát các nước Tề, Tấn, ra hiệu lệnh cho Trung Quốc để tôn thờ nhà Chu. Câu Tiễn làm bá, còn Phạm Lãi làm Thượng tướng quân. Khi về nước, Phạm Lãi cho là danh lớn khó lòng ở được lâu. Vả lại, Câu Tiễn là người hoạn nạn thì có nhau, nhưng vui thì khó lòng mà ở được ! Lãi bèn viết thư từ biệt Câu Tiễn :

1. Chỉ một câu đủ bộc lộ tất cả tâm địa tàn nhẫn của Câu Tiễn. Bảy thuật ấy là : 1) thờ phụng trời đất, tổ tiên, làm nước giàu có để có của đút lót vua Ngô ; 2) xuất tiền mua lúa Ngô để cho kho Ngô rỗng ; 3) cho gái đẹp, cho thợ khéo để xây cung điện ; 4) đút lót cho các nịnh thần ; 5) xui giục những người can gián để gây mâu thuẫn ; 6) làm nước giàu và chuẩn bị võ lực ; 7) có đủ binh khí tốt và chờ lúc quân địch kiệt quệ.

Tôi nghe : « Vua lo thì tôi phải khó nhọc, vua nhục thì tôi phải chết !». Hồi xưa nhà vua chịu nhục ở Cối Kê, tôi sở dĩ chưa chết là còn phải trả thù. Nay đã rửa được nhục rồi, tôi xin chết theo tội ở Cối Kê !

Câu Tiễn nói :

— Ta đương sắp chia nước này cùng cai trị với nhà ngươi ! Không nỡ sẽ giết nhà ngươi !...

Phạm Lãi nói :

— Vua có lệnh vua thì tôi có ý tôi.

Bèn soạn gói các châu ngọc và các của cải nhẹ cùng với đày tớ riêng xuống thuyền ra biển đi suốt đời không trở lại nữa. Thế rồi Câu Tiễn nêu núi Cối Kê để làm ấp bổng lộc cho Phạm Lãi.

Phạm Lãi cùng đi biển sang Tề đổi họ tên, tự gọi là Chi Di Tử Bì, cày ruộng ở bờ biển, khổ thân cố sức, cha con cùng lo làm ăn. Ở không được bao lâu, của có đến hàng mấy chục triệu. Người nước Tề nghe ông hiền, mời làm tướng quốc. Phạm Lãi ngậm ngùi than rằng :

— Ở nhà thì có hàng nghìn lạng vàng, làm quan thì đến công, khanh, tướng quốc, kẻ áo vải được thế là tột bậc rồi, giữ mãi cái tiếng tăm lừng lẫy là không tốt !

Bèn trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè, làng xóm. Chỉ mang những của thật quý, lẻn đi.

Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào, cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu Công (1).

Chu Công ở Đào sinh người con út. Khi người con út đã lớn, người con trai thứ hai của Chu Công giết người, bị tù ở Sở. Chu Công nói :

1 Đoạn 4 — Phạm Lãi trốn sang đất Tề rồi sang đất Đào.

— Giết người bị chết là đáng rồi ! Nhưng ta nghe nói : « Con nhà nghìn vàng không chết ở chợ ».

Liền bảo người con út sang xem sự việc ra sao. Ông ta lấy nghìn nén bạc bọc vào trong túi đựng quần áo vải thô chở bằng xe bò, định sai người con út đi. Con trai cả của Chu Công cũng cố xin đi. Chu Công không nghe. Người con cả nói :

— Con cả trong nhà được gọi là kế coi sóc việc nhà, nay em có tội, cha chẳng sai con, lại sai em út đi, thế con là đứa con hư !

Người con cả toan tự sát. Người mẹ nói hộ cho anh ta :

— Nay ông sai thằng út đi thì chưa chắc đã cứu sống được thằng thứ hai mà trước tiên vô cớ giết mất thằng cả ! Biết làm thế nào ?

Chu Công cực chẳng đã phải sai người con cả đi. Ông viết một phong thư đưa cho người bạn cũ là Trang Sinh và dặn rằng :

— Khi con đến thì dâng một nghìn lạng vàng vào nhà Trang Sinh, mặc ông ta làm. Nhất thiết không được tranh cãi với ông ta trong việc này.

Người con cả khi đi cũng tự mang theo riêng vài trăm nén vàng sang Sở...

Trang Sinh nhà ở kề ngoại thành. Người con cả phải lách lau cỏ mới tới cửa, thấy nhà có vẻ rất nghèo... Nhưng người con cả cũng đưa thư, dâng nghìn vàng theo lời cha dặn.

Trang Sinh nói :

— Thôi ! Anh hãy đi ngay đi ! Chớ có ở lại ! Dù em anh được ra cũng chớ hỏi tại sao lại được tha.

Người con cả ra rồi, không đến nhà Trang Sinh nữa mà ngầm ở lại, lấy của mình đem dâng cho một quý

nhân có quyền thế ở Sở. Trang Sinh tuy ở một xóm nghèo khổ, nhưng cả nước đều nghe tiếng ông thanh liêm và chính trực. Từ vua Sở trở xuống đều tôn làm bậc thầy. Khi Chu Công đưa vàng, không phải ông ta có ý muốn nhận. Ý ông ta chỉ muốn khi xong việc sẽ lại đưa trả để làm tin mà thôi.

Cho nên khi vàng đưa đến, Trang Sinh bảo vợ :

— Đây là vàng của ông Chu. Nhỡ tôi không sống được cách đêm thì thế nào cũng phải đưa trả, chớ có động đến !

Nhưng con cả Chu Công không biết ý ông ta, cho ông ta chẳng có thế lực gì.

Trang Sinh thong thả ra mắt vua Sở, nói :

— Có nơi sao... mỗ đóng ở chỗ... mỗ, cái đó hại cho nước Sở...

Vua Sở vốn tin Trang Sinh liền hỏi :

— Giờ biết làm thế nào ?

Trang Sinh nói :

— Chỉ có cách dùng đức mới trị được nó.

— Thầy về nghỉ ! Quả nhân sẽ làm theo.

Nhà vua liền sai sứ giả niêm phong ba kho tiền.

Quý nhân nước Sở kinh ngạc bảo người con cả Chu Công.

— Nhà vua sắp đại xá.

Người con cả Chu Công nói :

— Làm sao biết ?

— Mỗi lần nhà vua sắp đại xá thường cho niêm phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua sai sứ đi niêm phong.

Người con cả Chu Công nghĩ rằng : nếu đại xá thì em mình thế nào cũng được tha. Anh ta tiếc nghìn vàng đem cho lão Trang Sinh, thật là mất toi, bèn lại ra mắt Trang Sinh. Trang Sinh giật mình hỏi :

— Anh chưa về ư ?

Người con trưởng nói :

— Thưa vẫn chưa ạ ! Trước kia vì việc thằng em, nay thằng em may mắn được hưởng lệnh đại xá, cho nên lại đây chào cụ để về.

Trang Sinh biết ý anh ta muốn lấy lại vàng, liền nói :

— Anh vào nhà trong mà lấy vàng.

Người con trưởng tự vào nhà lấy vàng ra. Trang Sinh xấu hổ vì bị đứa trẻ con mua chuộc, bèn vào yết kiến vua Sở, nói :

— Tôi tự nọ kia có nói về ngôi sao... mỗ. Nhà vua nói sẽ sửa đức để bổ cứu. Nay tôi ra đường đâu cũng thấy đồn rằng : đứa con nhà giàu ở Đào là Chu Công, giết người bị giam ở Sở, nhà nó đem nhiều vàng bạc đút lót cho các quan hầu nhà vua. Nhà vua không phải vì biết thương nước Sở mà xá đâu, chỉ vì chuyện con Chu Công đó thôi.

Vua Sở cả giận, nói :

— Quả nhân tuy có kém đức thật, nhưng lẽ nào lại vì có con Chu Công mà phải ra ơn. Liền làm án giết con Chu Công. Hôm sau bèn ra lệnh đại xá.

Con cả Chu Công rốt cục lại đưa đám tang em trở về !...

Người mẹ và người làng đều lấy làm thương xót. Chỉ có Chu Công cười một mình mà rằng :

— Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó ! Không phải nó không yêu em nó đâu, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta thấy việc làm ăn khó khăn cho nên bỏ của thì tiếc ! Trái lại, thằng em nó đẻ ra đã thấy ta giàu. Nó chỉ biết cưỡi xe bền, giong ngựa tốt, theo đuổi cầy cáo, nào biết của cải do đâu mà có, cho nên phung phí tiền một cách dễ

dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây sở dĩ ta sai thằng út đi chỉ là vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi ! Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng thương. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang về !

Cho nên Phạm Lãi ba lần đổi chỗ ở mà thành danh trong thiên hạ. Không phải ông ta chỉ bỏ đi một cách dễ dàng và thế là hết. Ông ta ở đâu, là nổi danh ở đấy. Sau già chết ở Đào, cho nên đời truyền tụng gọi là Đào Chu Công (1).

6. Thái Sử Công nói :

Công lao của vua Vũ thực là to lớn ! Dẫn nước cho chín con sông, làm chín châu có thể ở được, đến nay tất cả mọi người đều sống yên ổn. Con cháu của ông là Câu Tiễn nhọc công, khổ xác, cuối cùng tiêu diệt được nước Ngô mạnh, phía bắc cho quân đội vào xem Trung Quốc để tôn nhà Chu, được danh hiệu là bá vương. Câu Tiễn chẳng đáng gọi là hiền sao ? Đó cũng là cái vinh quang sót lại của vua Vũ vậy. Phạm Lãi ba lần dời chỗ ở, đều nổi tiếng tăm để lại đời sau. Vua và tôi đều như vậy, thế nào mà chẳng vinh hiển ?

1. Đoạn 5 — Câu chuyện về người con Phạm Lãi bị giết.

TRẦN THIỆP THẾ GIA

1. TRẦN THẮNG là người Dương Thành, tên chữ là Thiệp. Ngô Quảng là người Dương Hạ, tên chữ là Thúc. Lúc còn trẻ, Trần Thiệp thường cùng cày thuê với người ta, Thiệp dừng cày ở trên gò, bùi ngùi một hồi lâu mà rằng :

— Nếu được giàu sang, xin đừng quên nhau !

Bạn cày thuê cười, đáp :

— Đã đi cày thuê còn giàu sang nỗi gì ?

Trần Thắng thở dài nói :

— Than ôi ! Chim én, chim sẻ làm sao biết được chí của chim hộc, chim hồng ! (1).

2. Tháng bảy, năm thứ nhất đời Nhị Thế (— 209) chín trăm người binh dân các làng được đưa đi đồn thú ở Ngũ Dương, đóng lại ở làng Đại Trạch. Trần Thắng, Ngô Quảng đều thuộc vào danh sách phải đi và làm đồn trưởng. Gặp mưa to, đường bị nghẽn, tính biết đã quá kỳ hạn. Nếu quá kỳ hạn thì theo pháp luật là đều bị chém. Trần Thắng, Ngô Quảng bàn nhau :

1. Đoạn 1 — Trần Thiệp lúc hàn vi. Nhắc đến câu nói « giàu sang đừng quên nhau » để chuẩn bị cho việc Trần Thiệp quên bạn ở đoạn 4.

— Nay nếu chúng ta trốn thì chết mà mưu việc lớn cũng chết. Cũng một cái chết cả, vậy chết cho nước có nên không ?

Trần Thắng nói :

— Thiên hạ khổ vì nhà Tần đã lâu rồi ! Tôi nghe nói Nhị Thế là con thứ không đáng được lập làm vua, người đáng được lập là công tử Phù Tô. Phù Tô vì hay can ngăn nên vua sai đi cầm quân ở ngoài. Nay nghe phong thanh ông ta vô tội mà bị Nhị Thế giết. Trăm họ nhiều người nghe nói ông ta hiền, chưa biết ông ta chết (1). Hạng Yên làm tướng nước Sở, lập được nhiều công, yêu sĩ tốt, người Sở đều thương. Có người nói ông ta chết, có người nói ông ta bỏ trốn (2). Nay nếu chúng ta giả xưng là công tử Phù Tô, Hạng Yên, đứng lên hiệu triệu thiên hạ thì chắc nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng cho là phải. Bèn đi bói. Người bói biết ý, nói :

— Mọi việc của túc hạ đều thành, sẽ nên việc hết. Nhưng túc hạ thử « bói quỉ » xem sao.

Trần Thắng, Ngô Quảng mừng lắm, nghĩ đến chuyện « bói quỉ » nói :

— Đấy là ông ấy bảo ta trước tiên phải mượn quỉ thần ra uy với dân chúng đấy.

Thắng bèn lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ « Trần Thắng Vương » (3) bỏ vào bụng con cá. Có người đánh được cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Thắng lại ngầm sai Ngô Quảng đến nơi đền, cây cối um tùm, thắp ngọn đèn lồng làm giả tiếng cáo : « Đại Sở hưng ! Trần Thắng vương » (1). Quân lính ban đêm kinh sợ, đến sáng họ kháo nhau, đưa mắt chỉ cho nhau Trần Thắng.

Ngô Quảng tính yêu người, sĩ tốt nhiều người theo giúp. Nhân lúc viên úy say rượu, Quảng cố ý mấy lần nói mình muốn bỏ trốn để cho y nổi giận, mắng nhiếc mình làm cho quân lính phẫn uất. Viên úy quả nhiên lấy roi đánh Quảng. Viên úy tuốt kiếm, Quảng đứng dậy giật kiếm và giết viên úy. Thắng giúp Quảng cùng giết hai viên úy. Thắng bèn ra lệnh cho những người đi thú :

— Các ông gặp mưa, đều đã sai kỳ hạn. Sai kỳ hạn đều bị tội chém. Dù có khỏi bị chém đi nữa, thì trong số mười người đi thú cũng chết mất sáu, bảy. Vả chăng, kẻ tráng sĩ không chết thì thôi, chứ đã chết thì phải mưu việc lớn, vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, há phải có dòng dõi mới làm nên sao !

Những người đi theo đều nói :

— Xin vâng lệnh.

Thắng bèn nói dối là công tử Phù Tô, Hạng Yên để theo ý muốn của dân. Tất cả vén tay áo bên phải lên xưng « Đại Sở » lập đàn thề, lấy đầu viên úy để tế. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy. Thắng đánh làng Đại Trạch, lấy được Đại Trạch rồi đánh đất Kỳ, lấy được Kỳ. Thắng bèn sai Cát Anh người ấp Phù Ly đem binh chiêu hàng phía đông đất Kỳ, đánh Trấn, Toản, Khổ, Giá, Tiêu, đều lấy được tất cả. Khi đến đất Trần, thì đã có sáu bảy trăm cỗ xe, hơn ngàn kỵ binh, quân lính mấy vạn người. Thắng đánh đất Trần, quan quận thủ và huyện lệnh của đất Trần đều không có mặt ở đấy, chỉ có một mình viên thủ thừa chiến đấu

1. Xem *Lý Tư liệt truyện*.
2. Xem *Hạng Vũ bản kỷ* đoạn 1.
3 Trần Thắng làm vua.

1. Nước Sở nổi lên, Trần Thắng làm vua.

ở trong cửa lầu, đánh không nổi. Thủ thừa chết. Thắng bèn chiếm cứ đất Trần. Được vài ngày, Thắng sai hiệu triệu các tam lão (1) hào kiệt để bàn bạc. Các tam lão và hào kiệt đều nói :

— Tướng quân đã mang giáp dày, cầm giáo nhọn, đánh kẻ vô đạo, giết nhà Tần tàn bạo, lập lại xã tắc nước Sở, công lao ấy đáng làm vương.

Trần Thiệp bèn tự lập làm vương, hiệu là Trương Sở (2).

3. Trong lúc bấy giờ, các quận huyện cực khổ vì quan lại nhà Tần, nên đều phơi bày tội trạng bọn quan cầm đầu ở đấy, giết họ để hưởng ứng Trần Thiệp. Trần Thiệp bèn cho Ngô Thúc làm giả vương giám đốc các tướng, đem binh về hướng tây đánh Huỳnh Dương ; sai Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư, người đất Trần, chiêu hàng đất Triệu ; sai Đặng Tôn, người đất Nhữ Âm, chiêu hàng quận Cửu Giang. Bấy giờ những toán quân Sở họp nhau từng nhóm vài nghìn người tính không xuể.

Cát Anh đến đất Đông Thành lập Tương Cương làm Sở Vương, sau đó Cát Anh nghe tin đã lập Trần Vương nên giết Tương Cương quay về báo với Trần Thiệp. Đến đất Trần, Trần Vương giết Cát Anh. Trần Vương sai Chu Thị, người nước Ngụy lên miền bắc chiêu hàng đất Ngụy. Ngô Quảng vây Huỳnh Dương. Lý Do làm thái thú quận Tam Xuyên giữ Huỳnh Dương, Ngô Thúc đánh, không lấy được thành.

Trần Vương mời những người hào kiệt trong nước để bàn, cho Thái Tử người Thượng Thái, ấp Phòng Quân, làm thượng trụ quốc. Chu Văn là người hiền ở đất Trần,

1. Quan ở làng lo việc dạy dỗ dân.
2. Nước Sở mở rộng.

thường coi ngày tốt xấu cho quân của Hạng Yên trước làm việc với Xuân Thân Quân, tự tiến cử mình với Trần Thiệp, nói rằng mình thông thạo binh pháp. Trần Vương cấp cho y ấn tướng quân đem binh về hướng tây đánh Tần. Chu Văn đi tập hợp quân đội đến Hàm Cốc Quan, có ngàn cỗ xe, mấy mươi vạn binh, đến đất Hý đóng quân. Tần sai quan thiếu phủ là Chương Hàm tha cho những người làm phu dịch ở Ly Sơn và con cháu nô tỳ, đem tất cả để đánh đại quân của Sở. Quân Sở thua to. Chu Văn thua chạy ra khỏi Hàm Cốc Quan, dừng lại đóng quân ở Tào Dương hai ba tháng. Chương Hàm đuổi theo đánh. Chu Văn lại thua, bỏ chạy đến đóng ở Dẫn Trì hơn mười ngày. Chương Hàm đánh Chu Văn thua to. Chu Văn tự đâm cổ chết, quân lính không chiến đấu nữa.

Vũ Thần đến Hàm Đan tự lập làm Triệu Vương, Trần Dư làm đại tướng quân, Trương Nhĩ, Thiệu Tao làm tả thừa tướng, hữu thừa tướng. Trần Vương giận bắt trói gia quyến bọn Vũ Thần định giết đi. Quan trụ quốc nói :

— Nước Tần chưa mất mà ta lại giết gia quyến vua tôi Triệu Vương thì tức là gây ra một nước Tần nữa. Chi bằng nhân đó mà lập họ.

Trần Vương bèn sai sứ đến mừng Triệu Vương, đem gia quyến bọn Vũ Thần vào cung, phong con của Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô Quân, giục quân Triệu mau mau vào Hàm Cốc Quan. Các quan văn võ Triệu Vương bàn với nhau :

— Nhà vua được làm vương ở đất Triệu, không phải là ý muốn của Sở. Nếu nước Sở diệt xong nước Tần thì nhất định sẽ đem binh đánh Triệu. Không có kế gì hơn là đừng đem binh về hướng tây, sai sứ đi về hướng

bắc chiêu hàng đất Yên để mở rộng thêm đất cho nước mình. Nước Triệu phía nam giữ Hoàng Hà, phía bắc lấy được đất Yên, đất Đại thì nước Sở dù có đánh thắng được Tần cũng không sao không chế được Triệu. Nếu nước Sở không đánh thắng được Tần thì phải quí trọng nước Triệu. Nước Triệu nhân lúc Tần suy nhược có thể đắc chí với thiên hạ.

Triệu Vương cho là phải. Vì vậy Triệu Vương không đem binh về hướng tây, mà lại sai Hàn Quảng trước kia làm tốt sử (1) ở Thượng Cốc đem binh về hướng bắc chiêu hàng đất Yên. Các quan lại và quí tộc cũ cùng hào kiệt ở Yên nói với Hàn Quảng :

— Nước Sở đã lập vương, nước Triệu cũng lại lập vương, nước Yên tuy nhỏ cũng là nước có vạn cỗ xe, xin tướng quân tự lập làm Yên Vương.

Hàn Quảng nói :

— Mẹ Quảng ở Triệu, làm thế không được.

Người Yên nói :

— Nước Triệu hiện nay phía tây đang lo về nước Tần, phía nam lo về nước Sở, sức của nó không thể cấm ta được ; vả chăng mạnh như nước Sở mà còn không dám hại gia đình vua tôi Triệu Vương, nước Triệu làm gì dám hại đến gia quyến tướng quân !

Hàn Quảng cho là phải, tự lập làm Yên Vương. Được vài tháng, nước Triệu đưa mẹ và gia quyến của Yên Vương về nước Yên. Lúc bấy giờ số các tướng đi chiêu hàng các nơi kể không xiết.

Chu Thị đi về hướng bắc chiêu hàng đến đất Địch. Người đất Địch là Điền Đam giết quan huyện lệnh đất

1. Chức quan nhỏ.

Địch, tự lập làm Tề Vương, đánh Chu Thị. Quân của Thị tan rã, Thị trở về đến đất Ngụy, muốn lập con cháu vua Ngụy là Ninh Lăng Quân tên là Cữu làm Ngụy Vương. Lúc bấy giờ Cữu đang ở nơi Trần Vương, không thể về đất Ngụy. Sau khi đã lấy được nước Ngụy, người ta muốn lập Chu Thị làm Ngụy Vương, Chu Thị không chịu, sai sứ đi về năm lần. Trần Vương mới lập Ninh Lăng Quân Cữu làm Ngụy Vương, cho Cữu về nước. Chu Thị được làm thừa tướng. Bọn tướng quân Điền Tang bàn với nhau :

— Quân của Chu Chương đã bị phá rồi, quân Tần nay mai sẽ đến, chúng ta vây thành Huỳnh Dương không lấy được, nếu quân Tần đến thì thua to. Chi bằng ta để lại ít binh đủ để giữ Huỳnh Dương thôi, còn đem tất cả tinh binh ra đón đánh quân Tần. Nay giả vương kiêu ngạo, không biết binh quyền, ta không thể cùng mưu toan với ông ta được, nếu không giết ông ta thì nhất định hỏng việc.

Họ bèn giả mệnh lệnh của Trần Vương giết chết Ngô Thúc, đem đầu dâng cho Trần Vương. Trần Vương sai sứ cấp cho Điền Tang ấn tín làm lệnh doãn nước Sở, cho Tang làm thượng tướng. Điền Tang bèn sai các tướng là bọn Lý Qui giữ thành Huỳnh Dương, còn mình đem quân tinh nhuệ đi về hướng tây đón đánh quân Tần ở Ngao Thương. Hai bên giao chiến. Điền Tang chết, quân bị phá vỡ. Chương Hàm đem quân đánh bọn Lý Qui ở dưới chân thành Huỳnh Dương phá quân Lý Qui. Bọn Lý Qui chết.

Đặng Duyệt, người Dương Thành, đem binh đến đất Đàm, biệt tướng của Chương Hàm đánh và phá quân Đặng Duyệt. Quân của Đặng Duyệt tán loạn chạy vào đất Trần. Ngũ Từ người đất Trất đem binh đến đất

Hứa, Chương Hàm đánh phá quân Ngũ Từ, quân của Ngũ Từ bỏ chạy tán loạn vào đất Trần. Trần Vương giết Đặng Duyệt. Khi Trần Vương mới lập, bọn Tần Gia người đất Lăng, Đồng Tiết người đất Trất. Chu Kê Thạch người đất Phù Ly, Trịnh Bố người đất Thủ Lư, Đinh Tật người đất Từ đều tự mình nổi lên, đem binh vây thái thú Đông Hải tên là Khánh ở đất Đàm. Trần Vương nghe tin bèn sai Vũ Bình Quân tên là Bạn làm tướng quân, điều khiển các đạo quân vây đất Đàm. Tần Gia không chịu nghe theo, tự lập làm đại tư mã không chịu phụ thuộc vào Vũ Bình Quân. Tần Gia nói với bọn quan lại :

— Vũ Bình Quân ít tuổi, không hiểu việc binh, chớ có nghe ông ta.

Nhân đó Gia giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, giết Vũ Bình Quân. Chương Hàm sau khi đã đánh bại Ngũ Từ, đem quân đánh Trần. Trụ Quốc là Phòng Quân chết. Chương Hàm lại tiến binh đánh quân của Trương Hạ ở phía tây đất Trần. Trần Vương thân hành ra đốc suất trận đánh. Quân bị đánh bại, Trương Hạ chết.

Tháng chạp, Trần Vương đến huyện Nhữ Âm quay về đến Hạ Thành Phụ. Người đánh xe là Trang Giả giết Trần Vương để đầu hàng Tần. Trần Thắng được chôn ở đất Đường hiệu bụt là Ẩn Vương (1).

3. Lữ Thần trước là người hầu cận Trần Vương, quân của ông ta đều đội mũ xanh, khởi binh ở Tân Dương, đánh lấy đất Trần, giết Trang Giả, lại gọi nước Trần là nước Sở. Lúc đầu, Trần Vương đến đất Trần sai Tống Lưu người đất Trất đem binh đánh lấy Nam Dương, vào đất Vũ Quan. Lưu đã chiêu hàng được Nam Dương nhưng nghe tin Trần Vương chết, đất Nam Dương lại

1. Đoạn 2 - Trần Thiệp khởi nghĩa và thất bại.

theo về Tần, nên không thể vào Vũ Quan. Lưu bèn đi về hướng đông vào đất Tân Thái, gặp quân của Tần, Tống Lưu đem quân đầu hàng Tần. Tần cho giải Lưu bằng xe trạm về đến Hàm Dương, buộc người vào xe, xé xác để thị uy. Bọn Tần Gia nghe tin quân của Tần Vương bị phá vỡ liền bỏ chạy, lập Cảnh Câu làm Sở Vương đem binh đến đất Phương Dư, muốn đánh quân Tần ở vùng Định Đào. Tần Gia sai Công Tôn Khánh đi sứ sang Tề Vương muốn cùng Tề hợp lực tiến quân. Tề Vương nói :

— Ta nghe tin Trần Vương thua trận, không biết sống chết thế nào, sao nước Sở lại không xin phép ta mà lập vua !

Công Tôn Khánh nói :

— Nước Tề lập vua không xin phép nước Sở, vậy nước Sở có lẽ nào lại xin phép Tề để lập vua ! Vả chăng nước Sở đầu tiên khởi xướng việc chống Tần, đáng lý được ra lệnh cho cả thiên hạ !

Điền Đam giết Công Tôn Khánh. Quân tả hiệu úy, hữu hiệu úy của Tần lại đánh Trần, lấy được Trần. Quân của Lữ Thần bỏ chạy, quân lính lại tập hợp. Quân của viên tướng cướp ở đất Ba là Đương Dương Quân Kinh Bố liên hợp với quân của Lữ Thần đánh quân tả, hữu hiệu úy và phá quân Tần ở đất Thanh Ba, lại gọi nước Trần là nước Sở. Bây giờ là lúc Hạng Lương lập cháu của Hoài Vương là Tâm làm Sở Vương (1).

4. Trần Thắng làm vương tất cả sáu tháng. Khi đã làm vương đóng ở đất Trần có người bạn cũ thường

1. Tình hình nước Sở sau khi Trần Thiệp chết đến khi Hạng Lương khởi nghĩa.

cùng cày thuê với Thắng, nghe tin ấy, đến nước Trần gõ vào cửa cung mà nói :

— Ta muốn gặp anh Thiệp !

Quan coi cửa cung muốn bắt trói lại. Anh ta kể lại đầu đuôi, nên được tha. Quan coi cửa không chịu báo, Trần Vương ra, anh ta đón đường mà kêu : « Thiệp ! ». Trần Thắng nghe vậy, bèn gọi vào gặp mặt, mang lên xe cùng về. Khi vào cung, anh ta nhìn thấy cung điện, màn trướng, nói :

— « Lỏa dị » (ôi chà !) Thiệp làm vương thật oai vệ quá ! (Người Sở nói nhiều là « lỏa », vì vậy thiên hạ lưu truyền rằng : « Lỏa Thiệp làm vương » là từ đó).

Người khách ấy ra vào càng ngày càng phóng túng cứ nói đến tình xưa nghĩa cũ của Trần Vương. Có kẻ bàn với Trần Vương :

— Người khách ngu không biết gì, cứ ăn nói bừa bãi, làm giảm uy tín của ngài.

Trần Vương bèn giết đi. Những người cố nhân của Trần Vương đều kéo nhau đi. Vì vậy không ai thân với Trần Vương.

Trần Vương cho Chu Phòng làm trung chính (1), Hồ Vũ làm tư quá (2) xem xét những điều sai lầm của quần thần. Các tướng chiêu hàng các nơi xong lại về phục mệnh, ai không theo mệnh lệnh thì họ trói lại và trị tội, lấy việc hà khắc để tỏ ra trung thành. Họ thấy ai không hợp thì không cần giao cho pháp quan tra xét mà tự mình xử lấy. Trần Vương tin dùng họ. Vì thế các tướng không theo và rốt cục bị thất bại.

1. Trung chính : quan coi việc thăng thưởng, bổ nhiệm các quan.

2. Tư quá : chức quan để can ngăn những điều sai lầm, như chức giám sát ngự sử.

Mặc dầu Trần Thắng đã chết, các chư hầu, vương, tướng quân, thừa tướng do Thắng lập nên, cuối cùng đã làm cho nhà Tần mất. Như thế, Thiệp là người đầu tiên đã khởi xướng. Thời Cao Tổ, Trần Thiệp được cấp ba mươi nhà để giữ phần mộ ở đất Đường, đến nay vẫn còn tế tự (1).

5. Chử tiên sinh (2) nói : địa hình hiểm trở dùng để giữ nước, quân linh hình pháp dùng để trị nước, nhưng cũng không đủ cậy vào đó được. Tiên Vương ngày xưa lấy nhân nghĩa làm cái gốc, mà lấy địa hiểm, pháp luật, làm ngọn ngành, quả thực là đúng ! Tôi nghe Giả Sinh (3) nói :

« Tần Hiếu Công dựa vào sự kiên cố của núi Hào Sơn và cửa Hàm Cốc Quan nắm lấy đất Ủng Châu, vua tôi cố giữ để nhăm nhòm ngó nhà Chu, có ý chí muốn lấy cả thiên hạ, tóm cả các nước, bỏ cả bốn biển vào túi, nuốt cả tám cõi. Lúc bấy giờ, Thương Quân giúp ông ta : bên trong thì cải cách pháp chế, đôn đốc việc cày ruộng, dệt lụa, dự bị sẵn sàng để cố thủ hay tác chiến ; bên ngoài thì xui chư hầu liên hoành thờ Tần mà đánh lẫn nhau. Nhờ đó, mà người Tần chỉ vòng tay mà lấy được đất ở bên kia Tây Hà. Sau khi Hiếu Công mất đi, Huệ Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương nhờ nghiệp cũ, theo cái sách lược cha ông để lại, phía nam lấy đất

1. Đoạn 4 — Nguyên nhân thất bại của Trần Thiệp.

2. Chử tiên sinh : Chử Thiếu Tôn người đời Hán Thành Đế, có bổ khuyết vào « Sử ký » Tư Mã Thiên mấy thiên.

3. Giả Sinh : Giả Nghị, nhà văn và nhà chính trị thời Hán Văn Đế. Đoạn sau này là lấy trong bài « Quá Tần luận » của Giả Nghị (Bàn về cái sai lầm của nhà Tần).

Hán Trung; phía tây lấy đất Ba, đất Thục; phía đông cắt đất mầu mỡ, thu được những quận xung yếu, hiểm trở. Chư hầu hoảng sợ, họp nhau giao ước để làm yếu nước Tần. Họ không tiếc vật quý, của báu, đất đai phì nhiêu, đem ra để mời kẻ sĩ trong thiên hạ. Họ hợp tung, liên kết nhau thân thiết để hợp làm một. Trong thời bấy giờ, nước Tề có Mạnh Thường Quân, nước Triệu có Bình Nguyên quân, nước Sở có Xuân Thân Quân, nước Ngụy có Tín Lăng Quân. Bốn người này đều là những người sáng suốt, khôn ngoan, trung thực, tín nghĩa, rộng lượng, trung hậu, yêu người, tôn quí người hiền và kính trọng kẻ sĩ. Họ lo hợp tung các nước, chống lại kế liên hoành của Tần, bao gồm dân Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tống, Vệ, Trung Sơn. Lúc bấy giờ kẻ sĩ của sáu nước có bọn Ninh Việt, Tử Thượng, Tô Tần, Đỗ Hách làm mưu sĩ; có bọn Tề Minh, Chu Thú, Trần Chẩn, Thiệu Hoạt, Lâu Hoãn, Đinh Cảnh, Tô Lệ, Nhạc Nghị truyền đạt cái ý ấy; có bọn Ngô Khởi, Tôn Tẫn, Bàng Quyên, Nghê Lương, Vương Liêu, Điền Kỵ, Liêm Pha, Triệu Xa cầm quân, thường lấy đất đai rộng gấp mười, quân đội trăm vạn, ngẩng mặt lên cửa Hàm Quan mà đánh Tần (1). Người Tần mở cửa ải đón đánh, quân của chín nước bỏ chạy không dám tiến. Nước Tần không phí một mũi tên hòn đạn nào mà cả thiên hạ đều nguy khốn. Khi bấy giờ kế hợp tung bị tan, lời giao ước bị bỏ, các nước tranh nhau cắt đất để đút lót cho nước Tần. Nước Tần có thừa sức để nhằm nước nào yếu thế thì đánh đuổi kẻ bỏ trốn, rượt theo kẻ đã bị đánh bại, thây nằm trăm vạn, máu chảy trôi cả cái

1. Vì Tần ở nơi đất cao, quân chư hầu đánh phải trông lên phía trên.

khiên, nhân cơ hội tiện lợi, mà chia cắt thiên hạ, xẻ núi, rạch sông, nước mạnh xin phục tùng, nước yếu xin vào chầu. Thời Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương làm vua không được bao lâu, nước nhà vô sự. Đến đời Thủy Hoàng, nhờ cái sự nghiệp sáu đời để lại, cầm roi dài mà chế ngự cả thiên hạ; nuốt hai nhà Chu (1) mà diệt chư hầu, lên ngôi chí tôn mà làm chủ cả sáu cõi, cầm gậy gộc để đánh đập thiên hạ, uy vang bốn biển. Phía nam lấy đất Bách Việt, lập thành Quế Lâm, Tượng Quận. Vua của Bách Việt cúi đầu, buộc cổ nộp tính mạng cho quan coi ngục. Thủy Hoàng bèn sai Mông Điềm xây tường thành phía bắc để gìn giữ phên giậu; đuổi quân Hung Nô hơn bảy trăm dặm; người Hồ không dám xuống phía nam chăn ngựa; kẻ sĩ cũng không dám dương cung để báo oán. Tần bèn bỏ đạo tiên vương, đốt sách bách gia, làm ngu dân đen, hủy hoại các danh thành, giết những người hào kiệt, thu binh khí của thiên hạ tập trung ở Hàm Dương, nấu binh khí ấy để đúc mười hai người bằng đồng, nhằm làm cho nhân dân yếu đi. Đoạn dựa vào núi Hoa Sơn để làm thành, lấy sông Hoàng Hà để làm ao, giữ cái thành cao một ức trượng cạnh cái khe sâu không đáy, lấy thế làm vững chãi. Tướng giỏi, nỏ cứng, giữ nơi hiểm yếu, quan trọng, tôi tin cẩn, lính tinh nhuệ, bày binh khí sắc bén ra, còn ai dám làm gì nữa!

Thiên hạ đã bình định, lòng Thủy Hoàng tự cho rằng Quan Trung hiểm trở kiên cố, thành đồng ngàn dặm là nghiệp đế vương vạn đời cho con cháu. Thủy Hoàng chết rồi, uy danh để lại còn vang dậy ở nước ngoài. Thế nhưng Trần Thiệp, một người vốn xuất thân từ

1. Đông Chu và Tây Chu.

nơi nhà rách vách nát, dân ngu khu đen, trôi sông lạc chợ, tài năng không bằng con người bậc trung, không có cái hiền tài của Trọng Ni, Mặc Định, không có cái giàu của Đào Chu, Ỷ Đốn, chen chân giữa hàng lính tráng, lúi húi nơi đồng ruộng, cầm đầu bọn lính tráng mệt mỏi tan tác, đem số người chỉ độ vài trăm quay lại đánh Tần ! Chặt gỗ làm binh khí, giơ gậy trúc làm cờ ! Thiên hạ hưởng ứng như mây họp, mang lương thực đi theo như bóng theo hình. Hào kiệt đất Sơn Đông nổi lên làm cho nhà Tần bị tiêu diệt. Ôi ! Thiên hạ không phải là nhỏ yếu, đất Ủng Châu, Hào Sơn, Hàm Cốc Quan vẫn kiên cố như xưa. Địa vị của Trần Thiệp không phải tôn quý hơn vua Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tống, Vệ, Trung Sơn. Cán cuốc, gậy, không phải sắc hơn liềm, giáo. Những người đi thú, không đông hơn quân của chín nước. Việc mưu sâu lo xa, phép hành quân, dụng binh, không bằng các kẻ sĩ ngày xưa.

Thế nhưng thế cục thay đổi, công nghiệp ngược nhau. Nếu thử so sánh các nước Sơn Đông với Trần Thiệp về mặt rộng lớn, quyền lực thì thực là một trời một vực. Nhưng Tần từ một miếng đất nhỏ bé mà nắm được quyền vạn cỗ xe, đè áp tám châu, bắt những nước cùng ngang hàng phải thần phục mình, đã hơn một trăm năm rồi, sau mới tóm cả sáu cõi để làm nhà, lấy Hào Sơn, Hàm Cốc Quan để làm cung. Một người xướng xuất phản đối mà bảy miếu đổ, thân chết vì tay người, bị thiên hạ cười. Tại sao ? Đó là vì không lo làm điều nhân nghĩa, và cái thế đánh được nước cùng giữ nước khác nhau vậy (1).

1. Đoạn 5 — Bài « Quá Tần luận » của Giả Nghị. Bài này là một bài khái quát tình hình đời Chiến Quốc và nêu nguyên nhân thất bại của nước Tần rất nổi tiếng trong văn chính trị của Trung Quốc.

LƯU HẦU THẾ GIA

Tổ tiên Lưu Hầu Trương Lương là người nước Hàn. Người ông là Khai Địa làm tướng quốc của Hàn Chiêu Hầu, Tuyên Huệ Vương, Tương Ai Vương ; cha là Bình làm tướng quốc của Ly Vương, Điệu Huệ Vương. Năm thứ hai mươi ba đời Điệu Huệ Vương. Bình chết (250 trước công nguyên). Lương còn ít tuổi, chưa từng làm quan nước Hàn. Khi nước Hàn bị phá tan, Lương có ba trăm người tôi tớ trong nhà. Em Lương chết, Lương không lo chôn cất, đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn, bởi vì cha và ông làm tướng quốc năm đời vua Hàn. Lương thường học lễ ở đất Hoài Dương, đi về đông yết kiến Thương Hải Quân (1) tìm được một lực sĩ làm một cái chùy sắt nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miền đông, Lương và người khách rình đánh Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bác Lãng, đánh nhầm phải xe tùy tùng. Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lùng khắp thiên hạ, tìm người thích khách rất gấp, cốt lùng cho được Trương Lương. Lương bèn đổi tên họ, trốn tránh ở Hạ Bì. Một hôm dạo chơi ở trên cầu Hạ Bì, Lương thấy

1. Thương Hải Quân : người ẩn sĩ lúc bấy giờ.

một cụ già, mặc áo cộc đến chỗ mình, để chiếc giày rơi tõm xuống cầu. Cụ quay lại bảo Lương :

— Thằng bé ! Xuống lấy giày !

Lương ngạc nhiên muốn đánh. Nhưng thấy ông cụ già cả nên cố nhịn, xuống lấy giày lên.

Ông cụ nói :

— Xỏ giày cho ta !

Lương trót đã lấy giày, nên cũng luôn tiện quỳ xuống xỏ giày cho ông cụ. Cụ già đút chân vào giày, cười rồi bỏ đi. Lương hết sức kinh ngạc, đưa mắt nhìn theo. Ông cụ đi khỏi một dặm, lại quay lại, nói :

— Thằng bé dạy được đấy ! Năm ngày sau, sáng tinh mơ, mày sẽ gặp ta ở đây !

Lương lấy làm lạ, quỳ xuống nói :

— Dạ.

Năm hôm sau, sáng tinh mơ, Lương đến thì cụ già đã ở đấy từ trước. Cụ giận nói :

— Đã hẹn với người già cả, lại đến sau là cớ gì ?

Cụ ra đi, nói :

— Năm ngày nữa, sẽ gặp ở đây cho sớm.

Năm ngày sau, vào lúc gà gáy, Lương đến nơi họp. Thì cụ già đã đến trước. Cụ lại giận, nói :

— Tại sao lại đến sau ?

Cụ ra đi, nói :

— Năm ngày sau, đến cho sớm.

Năm ngày sau, chưa đến nửa đêm, Lương đã đi. Một lát sau, cụ già cũng đến.

Cụ vui mừng nói.

— Thế mới phải chứ !

Cụ đưa ra một quyển sách nói :

— Đọc quyển sách này thì làm được thầy bậc vương giả. Mười năm sau, sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành ở phía bắc sông Tế là ta đó.

Cụ già liền đi, không nói gì và Lương không gặp lại nữa. Sáng hôm sau, Lương xem quyển sách thì đó là quyển « *Thái Công binh pháp* ». Lương vì vậy rất quí quyển này, thường đem ra học tập nghiền ngẫm. Lương ở Hạ Bì làm người nghĩa hiệp. Hạng Bá giết người được Lương che chở (1).

2. Mười năm sau (209 trước công nguyên) bọn Trần Thiệp khởi nghĩa, Lương cũng tụ họp hơn trăm trai tráng. Cảnh Câu ở đất Lưu tự lập làm Giả Vương (2) nước Sở. Lương muốn đi theo. Giữa đường, Lương gặp Bái Công. Bái Công đem mấy nghìn người cướp được đất ở phía tây Hạ Bì. Lương bèn theo Bái Công. Bái Công cho Lương làm tướng coi về việc ngựa của quân. Lương mấy lần đem binh pháp của Thái Công ra trình bày với Bái Công, Bái Công khen thường dùng sách lược ấy. Lương nói cho người khác nghe thì họ đều không hiểu. Lương nói :

— Bái Công là người nhà trời chăng !

Vì vậy, Lương theo Bái Công, không đến yết kiến Cảnh Câu nữa.

Bái Công đến đất Tiết, yết kiến Hạng Lương, Hạng Lương lập Sở Hoài Vương. Lương bèn nói với Hạng Lương :

---

1. Đoạn 1 — Trương Lương trước khi theo Lưu Bang.

2. Giả Vương : « Vua tạm thời », lập vua tạm thời để hiệu triệu dân chúng cho tiện.

— Ngài đã lập con cháu vua Sở ; trong các công tử nước Hàn, Hành Dương Quân tên là Thành là người hiền, có thể lập làm vương để tăng thêm vây cánh.

Hạng Lương sai Trương Lương tìm Hàn Thành, lập làm vua Hàn, cho Lương làm tư đồ nước Hàn, cho Hàn Vương cầm hơn nghìn quân đi về hướng tây lấy đất Hàn. Quân Hàn lấy được mấy thành nhưng quân Tần cướp lại ngay. Quân Hàn đi lại đánh quanh quẩn ở miền Dĩnh Xuyên. Khi Bái Công đi từ miền nam Lạc Dương ra khỏi núi Hoàn Viên, Lương dẫn quân theo Bái Công, lấy được hơn mười thành của Hàn, đánh phá quân của Dương Hùng. Bái Công bèn sai Hàn Vương Thành ở lại giữ huyện Dương Định, còn mình cùng Trương Lương đi về hướng nam, đánh lấy được đất Uyển, rồi quay sang hướng tây vào Vũ Quan. Bái Công muốn đem hai vạn quân đánh quân Tần ở gần đất Nghiên. Lương nói :

— Quân Tần vẫn còn mạnh, chưa có thể coi thường. Thần nghe nói tướng Tần là con nhà hàng thịt. Là con nhà buôn thì dễ lấy lợi mà lôi cuốn họ. Xin Bái Công hãy tạm thời ở lại giữ thành, sai người đi trước dự bị lương thực cho năm vạn người ăn, lại cắm thêm cờ xí ở trên núi để làm nghi binh, sai Lịch Tự Cơ mang của quý đút lót cho tướng Tần.

Quả nhiên tướng Tần làm phản, muốn liên kết với Bái Công cùng đem binh về hướng tây đánh úp Hàm Dương. Bái Công nghe theo, Lương nói :

— Đây chỉ có viên tướng của nó là muốn làm phản thôi, sợ bọn quân lính không nghe theo. Nếu họ không nghe theo thì nguy, chi bằng ta nhân lúc nó trễ nải mà đánh nó.

Bái Công liền đem quân đánh quân Tần, phá tan quân Tần. Bèn đi về hướng bắc đến Lam Điền. Đánh trận đánh thứ hai, quân Tần thua to. Bái Công bèn đến Hàm Dương, vua Tần là Tử Anh ra hàng.

Bái Công vào cung nhà Tần, thấy nhà cửa, màn trướng, chó ngựa, vật quí, đàn bà con gái đến hàng ngàn, ý muốn ở lại đấy. Phàn Khoái can Bái Công nên ra ngoài. Bái Công không nghe. Lương nói :

— Tần làm điều vô đạo cho nên Bái Công mới đến được đây. Đã cốt vì thiên hạ giết bọn giặc tàn ác, thì ta nên ăn ở theo lối mộc mạc, để tỏ cái nền nếp của mình. Nay ngài vừa mới vào nước Tần mà đã ham thích cái vui thú của nó thì khác gì người ta nói : « Nối giáo cho giặc » vậy. Vả chăng « lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng, uống khó chịu nhưng chữa được bệnh », xin Bái Công nghe theo lời Phàn Khoái !

Bái Công bèn đem quân về Bá Thượng.

Hạng Vũ về đến Hồng Môn, muốn đánh Bái Công. Hạng Bá đang đêm ruổi ngựa vào trong quân doanh của Bái Công hội kiến riêng với Trương Lương muốn rủ Lương cùng đi với mình. Lương nói :

— Tôi vì Hàn Vương mà tiến Bái Công, nay có việc gấp bỏ trốn đi thì bất nghĩa.

Lương bèn đem tất cả những lời của Hạng Bá nói lại với Bái Công. Bái Công hoảng sợ nói :

— Làm sao bây giờ ?

Lương hỏi :

— Bái Công có muốn chống lại Hạng Vũ không ?

Bái Công nói ;

— Cái thằng khốn nạn kia khuyên ta giữ lấy Hàm Cốc Quan không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên tất cả đất Tần cho nên ta nghe theo !

Lương hỏi :

— Bái Công tự lượng sức xem có thể đánh lui được Hạng Vũ không ?

Bái Công yên lặng một lát rồi nói :

— Cố nhiên là không được. Làm sao bây giờ ?

Lương bèn cố mời Hạng Bá vào. Hạng Bá yết kiến Bái Công. Bái Công mời Bá uống rượu chúc thọ kết làm thông gia, nhờ Hạng Bá nói lại đầu đuôi rằng Bái Công không dám phản lại Hạng Vũ. Bái Công sở dĩ giữ lấy cửa ải là đề phòng bị bọn đạo tặc khác. Sau rồi Bái Công gặp Hạng Vũ mới được giải thoát, việc ấy đã nói trong truyện Hạng Vũ (1).

Tháng giêng, năm thứ nhất nhà Hán (206), Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục. Hán Vương cho Lương hai nghìn lạng vàng, hai hộc châu báu, Lương đem hiến tất cả cho Hạng Bá. Hán Vương cũng nhân đó sai Lương đem nhiều của quí cho Hạng Bá nhờ Hạng Bá xin đất Hán Trung cho mình, Hạng Vương ưng thuận, vì vậy Bái Công được đất Hán Trung. Hán Vương vào đất Ba, đất Thục, Lương tiễn đến đất Bao Trung, Hán Vương sai Lương về nước Hàn. Lương nhân đó nói với Hán Vương :

— Sao vương không đốt quách các đường sạn đạo (2) đã đi qua, để nói với thiên hạ rằng mình không có ý muốn quay lại, làm cho Hạng Vương yên lòng !

1. Xem *Hạng Vũ bản kỷ*.
2. Xem chú thích ở *Cao Tổ bản kỷ*.

Hán Vương bèn sai Trương Lương quay lại. Hán Vương đi qua đốt tất cả đường sạn đạo.

Lương đến nước Hàn. Vì Hàn Vương Thành đã cho Lương theo Hán Vương, nên Hạng Vương không cho Thành về nước Hàn, bắt Thành theo mình sang đông. Lương nói với Hạng Vương :

— Hán Vương đã đốt đường sạn đạo, tức là không muốn quay lại nữa.

Lương bèn lấy thư của Tề Vương là Điền Vinh làm phản đưa cho Hạng Vương. Vì vậy Hạng Vương không lo đến Hán Vương đang ở phía tây ; trái lại, đem binh về phương bắc đánh Tề. Sau đó Hạng Vương không chịu cho Hán Vương về, giáng xuống làm hầu, rồi giết ở Bành Thành. Lương bỏ trốn, lẻn theo về với Hán Vương. Hán Vương cũng đã lấy được Tam Tần, cho Lương làm Thành Tín Hầu, đi về hướng đông đánh Sở.

Quân Hán tới Bành Thành, bị đánh bại quay về. Hán Vương đến Hạ Ấp xuống ngựa, ngồi xổm trên yên ngựa(1) mà hỏi Trương Lương :

— Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc Quan sang phía đông. Bây giờ giao cho ai thì có thể cùng ta lo nghiệp lớn.

Lương nói :

— Cửu Giang Vương Kinh Bố là viên mãnh tướng của Sở, có hiềm khích với Hạng Vương. Bành Việt theo Tề Vương là Điền Vinh làm phản ở đất Lương, hai người này nên dùng ngay. Trong số các tướng của Hán Vương chỉ có một mình Hàn Tín là có thể giao được việc lớn, chống giữ được một mặt. Nếu muốn bỏ đất đai cứ giao cho ba người ấy thì có thể phá được nước [illegible]

1. Chi tiết dường không quan trọng nhưng rất điển hình.

Hán Vương bèn sai Tùy Hà nói với Cửu Giang Vương Kinh Bố, lại sai sứ giả kết liên với Bành Việt. Đến khi Ngụy Vương là Báo làm phản, Hán Vương sai Hàn Tín đem binh đánh Báo, nhờ vậy lấy được các nước Yên, Đại, Tề, Triệu. Cuối cùng phá được nước Sở là do sức của ba người này.

Trương Lương hay ốm, chưa từng làm tướng một mình, thường làm kẻ bày mưu kế và luôn luôn đi theo Hán Vương.

Năm thứ ba nhà Hán (204 trước công nguyên) Hạng Vũ vây Hán Vương ở Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, cùng Lịch Tự Cơ bàn cách làm yếu lực lượng của Sở. Tự Cơ nói :

— Ngày xưa, vua Thang đánh Kiệt, phong con cháu Kiệt ở đất Kỷ. Vua Vũ Vương đánh Trụ phong con cháu Trụ ở đất Tống. Nay nhà Tần bỏ điều đức nghĩa, lấn đánh các nước chư hầu, tiêu diệt con cháu sáu nước, khiến cho họ không có tấc đất cắm dùi. Nếu bệ hạ quả thực lập lại được con cháu sáu nước, họ nhận được ấn rồi thì vua tôi, trăm họ tất cả đều mang ơn đức, không ai không nô nức hâm mộ đạo nghĩa của bệ hạ, tình nguyện làm thần thiếp. Nếu đã thi hành đức nghĩa, thì bệ hạ quay mặt về hướng nam mà xưng bá, nước Sở nhất định phải khép áo đến chầu.

Hán Vương nói :

— Phải ! Mau mau khắc ấn ! Tiên sinh nhân tiện đi mang theo luôn.

Tự Cơ chưa đi, Trương Lương ở ngoài vào yết kiến. Hán Vương đang ăn, nói :

— Tử Phòng lại đây ! Có người khách bàn giúp ta cách làm giảm quyền lực nước Sở.

Hán Vương đem lời Lịch Sinh kể lại đầu đuôi, và hỏi :

— Tử Phòng thấy thế nào ?

Trương Lương hỏi :

— Ai bày cho bệ hạ kế này ? Công việc của bệ hạ thế là hỏng rồi.

Hán Vương nói :

— Tại sao thế ?

Lương nói :

— Thần xin mượn nắm đũa trước mâm mà trù tính cho đại vương nghe. Xưa, vua Thang đánh Kiệt nhưng phong con cháu Kiệt ở đất Kỷ là biết chắc mình có thể nắm được cái chết của Kiệt. Nay bệ hạ có thể nắm được tính mạng của Hạng Tịch không ?

— Chưa nắm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ nhất chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương đánh Trụ, phong con cháu nhà Thương ở Tống, là chắc lấy được đầu Trụ, nay bệ hạ có thể lấy được đầu Hạng Tịch không ?

Hán Vương nói :

— Chưa thể được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ hai chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương vào đất Ân nêu tỏ quê hương của Thương Dung, tha tù cho Cơ Tử, đắp mộ cho Tỷ Can (1). Nay bệ hạ có thể đắp được mộ cho thánh nhân, nêu tỏ quê hương của bậc hiền nhân, cúi đầu trước cửa người trí giả không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được.

---

1. Thương Dung người hiền đi ẩn ở núi Thái Hàng. Cơ Tử can Trụ không được bị Trụ bắt giam, Tỷ Can can Trụ bị Trụ giết.

Lương nói :

— Đó là điều thứ ba chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương phát thóc ở kho Cự Kiều, tung tiền ở nhà Lộc Đài cấp cho dân nghèo. Nay bệ hạ có thể lấy của kho ra phân phát cho người nghèo được không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ tư chứng tỏ không thể làm thế. Sau khi đánh nhà Ân xong, Vũ Vương đổi xe trận làm xe thường, đặt ngược giáo mác, lấy da hổ bọc bên ngoài, để báo với thiên hạ rằng không dùng binh nữa. Nay bệ hạ có thể xếp việc vũ để lo việc văn, không dụng binh nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ năm chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương cho ngựa nghỉ ở phía nam núi Hoa Sơn để chứng tỏ rằng không dùng ngựa chiến nữa. Nay bệ hạ có thể cho chiến mã nghỉ ngơi không dùng nó nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được như vậy.

Lương nói :

— Đó là điều thứ sáu chứng tỏ không thể làm thế. Vua Vũ Vương thả trâu ở phía bắc cánh đồng Đào Lâm để chứng tỏ rằng không dùng nó vào việc chuyên chở nữa. Nay bệ hạ có thể thả trâu nghỉ ngơi không dùng nó vào việc chuyên chở nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa có thể làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ bảy chứng tỏ không thể làm thế. Những kẻ du sĩ trong thiên hạ bỏ thân thích, xa lìa mồ mả ông cha, rời những người quen thuộc đi theo bệ hạ chỉ là ngày đêm mong được một thước, một tấc đất đai. Nay bệ hạ lại khôi phục sáu nước, lập lại con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở thì những kẻ du sĩ trong thiên hạ đều trở về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay về với những người quen thuộc của họ, với mồ mả ông cha của họ, vậy bệ hạ còn nhờ ai mà lấy được thiên hạ nữa ? Đó là điều thứ tám chứng tỏ không thể làm thế. Vả chăng, nếu nước Sở mà mạnh nhất thì sáu nước được lập lên sẽ lại chịu khuất mà theo Sở. Như vậy bệ hạ làm sao mà bắt họ thần phục mình được ? Nếu bệ hạ dùng mưu của người khách thì sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất (1).

Hán Vương liền dừng ăn, nhả cơm ra mà mắng :

— Cái thằng hủ nho ! Suýt nữa mày làm hỏng cả việc của ông (2).

Liền sai tiêu hủy ngay các ấn.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hàn Tín phá quân nước Tề muốn tự lập làm Tề Vương. Hán Vương giận. Trương Lương bàn với Hán Vương, Hán Vương sai Lương trao ấn Tề Vương cho Tín. Việc này chép trong chuyện Hoài Âm Hầu (3). Mùa thu năm ấy, Hán Vương đuổi theo Sở đến miền nam Dương Hạ, đánh không lợi,

1. Trương Lương đưa ra 8 điều nhưng thực ra chỉ có điều thứ tám là quan trọng. Những điều trên chỉ có tính chất hỗ trợ.

2. Miêu tả Hán Vương rất sinh động.

3. Xem *Truyện Hoài Âm Hầu*.

Lương nói :

— Đó là điều thứ ba chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương phát thóc ở kho Cự Kiều, tung tiền ở nhà Lộc Đài cấp cho dân nghèo. Nay bệ hạ có thể lấy của kho ra phân phát cho người nghèo được không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ tư chứng tỏ không thể làm thế. Sau khi đánh nhà Ân xong, Vũ Vương đổi xe trận làm xe thường, đặt ngược giáo mác, lấy da hổ bọc bên ngoài, để báo với thiên hạ rằng không dùng binh nữa. Nay bệ hạ có thể xếp việc vũ để lo việc văn, không dụng binh nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ năm chứng tỏ không thể làm thế. Vũ Vương cho ngựa nghỉ ở phía nam núi Họa Sơn để chứng tỏ rằng không dùng ngựa chiến nữa. Nay bệ hạ có thể cho chiến mã nghỉ ngơi không dùng nó nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa làm được như vậy.

Lương nói :

— Đó là điều thứ sáu chứng tỏ không thể làm thế. Vua Vũ Vương thả trâu ở phía bắc cánh đồng Đào Lâm để chứng tỏ rằng không dùng nó vào việc chuyên chở nữa. Nay bệ hạ có thể thả trâu nghỉ ngơi không dùng nó vào việc chuyên chở nữa không ?

Hán Vương nói :

— Chưa có thể làm được.

Lương nói :

— Đó là điều thứ bảy chứng tỏ không thể làm thế. Những kẻ du sĩ trong thiên hạ bỏ thân thích, xa lìa mồ mả ông cha, rời những người quen thuộc đi theo bệ hạ chỉ là ngày đêm mong được một thước, một tấc đất đai. Nay bệ hạ lại khôi phục sáu nước, lập lại con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở thì những kẻ du sĩ trong thiên hạ đều trở về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay về với những người quen thuộc của họ, với mồ mả ông cha của họ, vậy bệ hạ còn nhờ ai mà lấy được thiên hạ nữa ? Đó là điều thứ tám chứng tỏ không thể làm thế. Vả chăng, nếu nước Sở mà mạnh nhất thì sáu nước được lập lên sẽ lại chịu khuất mà theo Sở. Như vậy bệ hạ làm sao mà bắt họ thần phục mình được ? Nếu bệ hạ dùng mưu của người khách thì sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất (1).

Hán Vương liền dừng ăn, nhả cơm ra mà mắng :

— Cái thằng hủ nho ! Suýt nữa mày làm hỏng cả việc của ông (2).

Liền sai tiêu hủy ngay các ấn.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hàn Tín phá quân nước Tề muốn tự lập làm Tề Vương. Hán Vương giận. Trương Lương bàn với Hán Vương, Hán Vương sai Lương trao ấn Tề Vương cho Tín. Việc này chép trong chuyện Hoài Âm Hầu (3). Mùa thu năm ấy, Hán Vương đuổi theo Sở đến miền nam Dương Hạ, đánh không lợi,

1. Trương Lương đưa ra 8 điều nhưng thực ra chỉ có điều thứ tám là quan trọng. Những điều trên chỉ có tính chất hỗ trợ.

2. Miêu tả Hán Vương rất sinh động.

3. Xem *Truyện Hoài Âm Hầu*.

phải đóng lại giữ Cố Lăng. Chư hầu hẹn nhưng không đến. Lương bàn với Hán Vương, Hán Vương dùng mưu kế của Lương, chư hầu đều đến, việc này chép trong chuyện Hạng Tịch (1).

Tháng giêng, năm thứ sáu nhà Hán (200) Hán Vương phong cho các công thần. Lương chưa hề có công về chiến trận, Cao Đế nói :

— Bàn mưu kế ở trong màn, trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, đó là công của Tử Phòng! Cho tự chọn lấy ba vạn hộ ở đất Tề.

Lương nói :

— Xưa kia thần khởi nghĩa ở Hạ Bì, tới đất Lưu thì gặp bệ hạ. Đó là trời đem thần giao cho bệ hạ! Bệ hạ dùng mưu kế của thần may mà có lúc trúng, thần xin được phong ở Lưu là đủ rồi, không dám nhận ba vạn hộ.

Cao Đế bèn phong Trương Lương làm Lưu Hầu, cùng được phong với bọn Tiêu Hà. Năm thứ sáu, vua đã phong hơn hai mươi người đại công thần, còn những người khác thì ngày đêm tranh công nhau không quyết định được, cho nên chưa làm việc phong tước. Vua ở cung Nam thành Lạc Dương, từ con đường trên gác nhìn các tướng, thấy họ cùng nhau ngồi trên bãi cát nói chuyện với nhau. Vua nói :

— Họ nói gì thế ?

Lưu Hầu nói :

— Bệ hạ không biết sao ? Đó là họ bàn việc làm phản đấy thôi !

Vua nói :

— Thiên hạ đã gần được yên rồi ! Vì cớ gì họ lại làm phản ?

1. Xem *Hạng Vũ bản kỷ*.

Lương nói :

— Bệ hạ vốn từ áo vải xuất thân, nhờ bọn họ mà lấy được thiên hạ. Nay bệ hạ làm thiên tử, mà người được phong lại là những người bạn cũ hoặc người thân yêu như là Tiêu Hà, Tào Tham, còn những người bị giết lại là những người sinh bình bệ hạ thù oán. Nay quân lại (1) tính công trạng cho rằng lấy cả thiên hạ cũng không đủ để phong cho khắp cả mọi người, bọn này sợ bệ hạ không thể phong cho tất cả, lại ngờ rằng mình sẽ bị giết vì những lỗi lầm ngày trước, cho nên họp nhau mưu làm phản đó thôi.

Vua lo lắng hỏi :

— Bây giờ làm thế nào ?

— Trong số những người ngày thường bệ hạ vẫn ghét mà các quan đều biết thì ai là bị ghét hơn cả ?

Nhà vua nói :

— Ung Xỉ với ta là chỗ quen biết cũ, thường làm ta khốn khổ, nhục nhã. Ta muốn giết hắn nhưng vì hắn lập được nhiều công cho nên không nỡ.

Lương nói :

— Nay mau mau phong cho Ung Xỉ trước, để tỏ cho các quan biết. Các quan thấy Ung Xỉ được phong thì người nào cũng sẽ yên tâm.

Vua bèn đặt tiệc rượu, phong Ung Xỉ làm Thập Phương Hầu và giục gấp thừa tướng, ngự sử phải lo việc định công lao, phong đất đai. Tiệc rượu tan, các quan đều mừng rỡ nói :

— Ung Xỉ mà còn được phong hầu, thì bọn ta chẳng phải lo nữa.

1. Quân lại : nha môn coi về việc quân chính.

Lưu Kính nói với Cao Đế :

— Nên đóng đô ở Quan Trung.

Vua đang phân vân. Các quan đại thần xung quanh đều là người Sơn Đông (1) phần nhiều khuyên nhà vua đóng đô ở Lạc Dương, nói :

— Lạc Dương phía đông có Thành Cao, phía tây có Hào Sơn, Dẫn Trì, sau lưng là Hoàng Hà, quay mặt sang các sông Y, sông Lạc. Có thể tin cậy vào sự hiểm trở của nó.

Lưu Hầu nói :

— Tuy Lạc Dương có những hiểm trở ấy, nhưng đất hẹp không quá vài trăm dặm, ruộng đất xấu lại phải đương đầu với kẻ địch cả bốn mặt, đó không phải là nước dụng vũ. Trái lại, Quan Trung bên trái có Hào Sơn, Hàm Cốc Quan ; bên phải có đất Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu ngàn dặm ; phía nam có của cải của đất Ba, đất Thục ; phía bắc có cái lợi đồng cỏ đất Hồ, cả ba mặt đều có thiên nhiên hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng một mặt đông để khống chế chư hầu. Khi chư hầu yên ổn, thì sông Hoàng Hà, Vị Thủy có thể dùng để chuyên chở của cải của thiên hạ đem về cấp cho Kinh Đô. Nếu chư hầu có biến, thì cứ thuận dòng sông đi xuống, có thể tiện việc chuyên chở. Đó mới là thành vàng ngàn dặm, một kho báu trời cho vậy. Lời của Lưu Kính là phải đấy.

Cao Đế liền chuẩn bị xe ngựa ngay hôm ấy sang hướng tây đóng đô ở Quan Trung. Lưu Hầu theo vua vào Quan Trung. Lưu Hầu vốn hay ốm, thường học phép « đạo dẫn » (1), không ăn cơm, đóng cửa không ra ngoài hơn một năm (2).

3. Vua muốn bỏ thái tử, lập con của Thích Phu Nhân là Triệu Vương Như Ý lên làm thái tử, các quan đại thần phần nhiều đều can ngăn, nhưng không thấy vua quyết định hẳn. Lữ Hậu sợ, không biết làm thế nào. Có người nói với Lữ Hậu :

— Lưu Hầu khéo bày mưu tính kế, vua tin dùng ông ta!

Lữ Hậu bèn sai Kiến Thành Hầu là Lữ Trạch ép Lưu Hầu :

— Ngài thường làm mưu thần cho hoàng thượng nay hoàng thượng muốn đổi thái tử, ngài nằm khểnh điềm nhiên thế sao được.

Lưu Hầu nói :

— Xưa kia hoàng thượng thường ở trong cảnh nguy khốn cấp bách, nhờ đó mà có dùng mưu kế của tôi. Nay thiên hạ đã yên ổn rồi, hoàng thượng vì cớ yêu thương, muốn thay đổi thái tử, đó là việc ở trong gia đình, cốt nhục, tuy có hơn trăm người như tôi cũng không ăn thua.

Lữ Trạch cố nài :

— Thì ngài bày kế hộ tôi.

— Việc này khó lòng lấy miệng lưỡi mà can ngăn. Thế nhưng trong thiên hạ có bốn người, hoàng thượng không sao mời nổi. Bốn người này đã già, họ đều cho rằng nhà vua khinh người, nên bỏ trốn vào ở ẩn trong núi, giữ nghĩa không làm tôi nhà Hán, nhưng hoàng

1. Danh từ Sơn Đông đây dùng để chỉ tất cả các nước ở phía đông nước Tần.

1. Đạo dẫn : phép tu luyện của người theo đạo Lão, mục đích tập thở và luyện gân cốt để sống lâu.

2. Đoạn 2 — Trương Lương bày mưu cho Lưu Bang lấy thiên hạ.

thượng rất tôn trọng bốn người này. Nay nếu ông không tiếc vàng, ngọc, lụa là ; bảo thái tử viết thư, dùng lời lẽ nhũn nhặn, sắp xe êm, sai người biện sĩ cố mời, thì họ sẽ đến. Họ đến, cho họ làm khách, thường cho vào triều để cho hoàng thượng trông thấy, thì thế nào hoàng thượng cũng lấy làm lạ và hỏi. Khi hoàng thượng hỏi, biết bốn người kia là người hiền, thì chính là một cách giúp đỡ đó !

Lữ Hậu liền sai Lữ Trạch cho người mang thư của thái tử, dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ lạt hậu, để đón bốn người kia. Bốn người đến làm khách ở nhà Kiến Thành Hầu.

Năm thứ mười một nhà Hán (195 trước công nguyên), Kinh Bố làm phản. Vua ốm muốn sai thái tử cầm quân đi đánh. Bốn người bàn nhau :

— Chúng ta đến đây là cốt để bảo hộ địa vị của thái tử. Thái tử cầm quân thì việc nguy mất !

Bèn nói với Kiến Thành Hầu :

— Nếu thái tử cầm quân, có công thì địa vị cũng không thêm hơn được nữa, nhưng nếu không có công quay về thì sẽ vì đó mà mang vạ. Vả chăng, các tướng cùng đi với thái tử, đều là những mãnh tướng thường cùng hoàng thượng bình định thiên hạ cả. Nay cho thái tử điều khiển họ, thì chẳng khác gì sai dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức, nhất định sẽ không có kết quả. Tôi nghe nói « Mẹ được yêu thì con được bế », nay Thích Phu Nhân ngày đêm chầu chực, Triệu Vương Như Ý thường được bế ở trước mặt, hoàng thượng nói : « Thế nào cũng không để đứa con hư ở trên đứa con yêu », như thế thì rõ ràng định thay thế thái tử. Tại sao ông không nói với Lữ Thần mau mau tìm cơ hội khác mà

can nhà vua rằng : « Kinh Bố là một mãnh tướng trong thiên hạ, giỏi về việc dùng binh. Nay các tướng đều là hạng ngang vai vế với hoàng thượng, thế mà lại sai thái tử điều khiển bọn họ thì khác nào cho dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức. Vả lại, nếu Kinh Bố nghe điều đó, thì hắn sẽ giong trống kéo quân sang hướng tây mất ! Hoàng thượng tuy bệnh, cũng xin gượng trở lên xe, để nằm mà điều khiển. Như vậy các tướng sẽ không ai không dám hết sức. Hoàng thượng tuy khổ, nhưng xin vì vợ con mà gắng gượng » (1).

Lữ Trạch ngay đêm ấy vào yết kiến Lữ Hậu. Lữ Hậu nhân lúc rảnh khóc lóc nói với nhà vua theo như ý bốn người nói. Vua nói :

— Ông thấy có sai thằng bé cũng chẳng làm nên gì, thôi ông phải làm lấy thôi.

Vua liền thân hành cầm quân đi về hướng đông, các quan ở lại đều tiễn đến Bái Thượng. Lưu Hầu ốm cũng gắng gượng dậy đi đến Khúc Bưu, ra mắt nhà vua và nói :

— Đáng lý thần phải theo, nhưng thần ốm nặng. Quân Sở hung tợn, xin bệ hạ chớ có giao chiến với chúng (2).

Nhân lại nói với nhà vua :

— Nên cho thái tử làm tướng quân coi quân ở Quan Trung.

Vua nói :

— Tử Phòng tuy ốm, hãy cố gắng nằm mà giúp thái tử.

Bấy giờ Thúc Tôn Thông làm thái phó, Lưu Hầu làm thiếu phó.

---

1. Xem *Kinh Bố liệt truyện*.

2. Trận ấy Hán Cao Tổ không nghe lời Trương Lương, bị tên bắn trúng.

Năm thứ mười hai, nhà Hán (195 trước công nguyên) sau khi đánh phá quân Kình Bố về, vua ốm càng nặng, muốn thay thái tử. Lưu Hầu can, vua không nghe, mượn cớ ốm xin nghỉ việc. Thúc Tôn Thông dẫn chuyện xưa nay, cố chết bảo toàn ngôi cho thái tử, vua giả vờ nhận lời, nhưng vẫn muốn thay thái tử. Đến khi ăn tiệc, rót rượu thái tử đứng chầu. Bốn người theo thái tử tuổi đều ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất đẹp. Vua lấy làm lạ hỏi :

— Họ làm gì thế ?

Bốn người tiến đến thưa, kể họ tên là Đông Viên Công, Giác Lý tiên sinh, Ỷ Lý tiên sinh, Hạ Thạch Công. Nhà vua hoảng kinh :

— Ta tìm các ông mấy năm nay, các ông trốn tránh ta. Nay tại sao các ông lại từ đâu đến chơi với con ta như vậy ?

— Bệ hạ khinh kẻ sĩ, hay mắng người, bọn thần nghĩa không chịu nhục, cho nên sợ mà trốn tránh. Nay trộm nghe thái tử là người nhân đức hiếu thảo, cung kính, thương yêu kẻ sĩ, trong thiên hạ không ai không vươn cổ muốn vì thái tử mà chết, vì vậy chúng tôi đến đây.

Vua nói :

— Phiền các ông nhờ giúp đỡ thái tử cho trót.

Bốn người chúc thọ xong, đứng dậy đi ra. Vua đưa mắt tiễn, cho gọi Thích Phu Nhân vào, chỉ bốn người kia bảo rằng :

— Ta muốn đổi nó, nhưng bốn người kia giúp nó. Lông cánh nó đã thành, khó mà lay chuyển được. Lữ Hậu là chủ của ngươi rồi đấy !

Thích Phu Nhân khóc, vua nói :

— Nàng hãy múa lối Sở cho ta xem ! Ta sẽ hát lối Sở cho nàng nghe.

Rồi hát :

Chim hồng hộc bay cao,
Một cất cánh ngàn dặm.
Lông cánh đã đầy đủ,
Bốn bể bay xa thẳm,
Bốn bể bay xa thẳm :
Bây giờ biết làm sao ?
Tên dây (1) tuy có đó,
Biết đặt ở nơi nao ?

Hát mấy lần, Thích Phu Nhân nức nở chảy nước mắt. Vua đứng dậy, quay đi, bãi tiệc rượu. Cuối cùng vua không thay đổi thái tử, đó là nhờ công Lưu Hầu mời bốn người kia.

Lưu Hầu theo nhà vua đánh đất Đại, bày kế lạ ở miền Mã Ấp, và lập Tiêu Hà làm tướng quốc. Lương thung dung bàn việc thiên hạ với vua rất nhiều, nhưng không liên quan đến việc mất còn của thiên hạ, cho nên không chép.

Khi bấy giờ Lưu Hầu nói :

— Gia đình tôi đời đời làm tướng quốc nước Hàn. Đến khi Hàn mất, tôi chẳng tiếc số tiền vạn lạng vàng, đối phó với nước Tần mạnh, để báo thù cho nước Hàn, làm cho thiên hạ đều rung động. Nay tôi lấy ba tấc lưỡi mà làm thầy bậc đế vương, được phong vạn hộ, ở ngôi chư hầu, kẻ áo vải được thế là tột bậc, đối với

1. Tên dây : đời xưa rập chim, lấy dây tơ cột vào cái tên ngắn mà bắn.

Lương thế là đủ rồi. Vậy xin bỏ việc nhân gian, chỉ muốn đi ngao du với Xích Tùng Tử (1) mà thôi.

Bèn học cách nhịn cơm, học lối đạo dẫn cho nhẹ mình. Gặp lúc Cao Đế băng hà, Lữ Hậu cảm ơn đức của Lưu Hầu ép ông ta phải ăn, nói :

— Người ta sinh ra trong đời như bóng bạch câu đi qua cửa sổ (2) ; cần gì phải làm khổ mình như thế ?

Lưu Hầu bất đắc dĩ phải gượng nghe mà ăn (3).

4. Tám năm sau, Lương chết, tên thụy là Văn Thành Hầu. Con là Bất Nghi thay cha làm hầu. Lúc đầu Tử Phòng gặp ông già ở Hạ Bì trao cho quyển « *Thái Công thư* ». Mười ba năm sau, Tử Phòng theo Cao Đế qua phía bắc sông Tế quả thấy viên đá màu vàng ở dưới chân núi Cốc Thành, bèn lấy về mà thờ. Khi Lưu Hầu chết, người ta chôn luôn viên đá vàng. Mỗi khi tảo mộ và lễ lạt lại cúng viên đá vàng. Bất Nghi tập tước Lưu Hầu, năm thứ năm đời Hiếu Văn Đế (175) phạm tội bất kính, nước bị tước bỏ.

Thái Sử Công nói : Các học giả phần nhiều nói rằng không có quỷ thần. Nhưng lại nói rằng có tinh quái, đến như cụ già cho sách mà Lưu Hầu gặp thì cũng thực lạ. Cao Tổ nhiều lần bị nguy khốn, thường nhờ ở công sức của Lưu Hầu, có thể nói không có trời sao ! Nhà

1. Xích Tùng Tử : tương truyền là một vị tiên đời xưa.

2. Đoạn 3 -- Trương Lương bày mưu cho Lữ Hậu khiến nhà vua không thay đổi thái tử.

3. Trang Tử, thiên « Đạo Chích » : Trời và đất vô cùng, người ta chết có hạn, nắm cái có hạn mà gửi vào cái vô cùng chẳng khác gì ngựa Kỳ, ngựa Ký chạy qua cửa sổ.

vua nói : Bày mưu kế ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng.

Tôi cho ông ta phải là người khôi ngô, lạ lùng lắm ! Đến khi nhìn tranh, thấy ông ta mặt mũi như một người con gái đẹp ! Khổng Tử nói : « Xét người bằng nét mặt thì sẽ lầm Tử Vũ » (1). Lưu Hầu cũng thế.

1. Tử Vũ học trò Khổng Tử dáng người xấu xí nhưng có hiền đức.

TRẦN THỪA TƯỚNG THẾ GIA

TRẦN thừa tướng tên là Bình, người làng Hộ Dũ, huyện Dương Vũ. Lúc nhỏ, Bình nhà nghèo ham đọc sách, có ba mươi mẫu ruộng, chỉ ở một mình với anh là Bá. Bá thường cày ruộng, cho Bình tha hồ đi học ở xa. Bình người cao lớn, đẹp trai. Có người nói với Bình :

— Anh nhà nghèo ăn gì mà béo như thế ?

Người chị dâu ghét Bình không lo làm ăn, nói :

— Ăn cám thôi. Có ông chú như vậy chẳng bằng không có còn hơn.

Bá nghe vậy đuổi và bỏ vợ.

Bình lớn, muốn lấy vợ nhưng các nhà giàu chẳng ai chịu gả con cho, còn lấy người nghèo thì Bình lại cho là xấu hổ. Mãi về sau, Trương Phụ, một người nhà giàu ở Hộ Dũ, có người cháu gái, gả chồng năm lần nhưng chồng chết ngay, không ai dám lấy. Bình muốn lấy có ta. Ở trong ấp có lễ tang. Bình nghèo, đến sớm về muộn, để giúp việc. Riêng Trương Phụ thấy Bình ở nơi đám tang, có ý kính trọng Bình. Bình cũng vì thế nên về muộn. Phụ theo Bình về đến nhà : nhà Bình ở một xóm nhỏ hẻo lánh ở gần thành, lấy chiếu làm cửa,

nhưng ở ngoài cửa có nhiều dấu xe của những bậc trưởng giả. Trương Phụ về, bảo con là Trọng :

— Ta muốn gả cháu gái cho Trần Bình !

Trương Trọng nói :

— Bình nghèo không lo làm ăn, người trong huyện ai cũng cười những điều anh ta làm, tại sao cha lại gả cháu gái cho anh ta ?

Phụ nói :

— Có ai đẹp trai như Trần Bình mà nghèo mãi không ? Rồi Phụ gả cháu gái cho Bình. Vì Bình nghèo, nên Phụ cho mượn tiền và lụa để làm lễ cưới, cho rượu thịt để đưa vợ về nhà. Phụ răn cháu :

— Chớ thấy nó nghèo mà không phụng sự cẩn thận ! Phải thờ anh là Bá như thờ cha, thờ chị dâu như thờ mẹ.

Sau khi lấy vợ là con gái họ Trương, việc tiêu dùng của Bình cũng khá hơn, việc giao du mỗi ngày một rộng.

Trong làng có lễ tế thần xã, Bình làm người chia thịt, chia rất cân. Các bô lão nói :

— Bé con họ Trần làm anh chia thịt giỏi đấy !

Bình nói :

— Chà chà ! Nếu cho Bình này làm tể tướng cả thiên hạ, thì cũng làm giỏi như chia thịt vậy (1).

2. Trần Thiệp khởi nghĩa rồi làm vương ở đất Trần, sai Chu Thị bình định đất Nguỵ, lập Nguỵ Cữu làm Nguỵ Vương, đánh nhau với quân Tần ở Lâm Tế. Trần Bình trước đấy đã từ biệt người anh là Bá, cùng đám thanh niên đến theo Nguỵ Vương Cữu ở Lâm Tế.

1. Đoạn 1 — Trần Bình thuở hàn vi.

Ngụy Vương cho làm thái bộc (1). Bình bàn bạc với Ngụy Vương nhưng Ngụy Vương không nghe, lại có người gièm pha, nên Bình bỏ trốn. Mãi về sau, Hạng Vương cướp đất đến Hoàng Hà, Bình theo Hạng Vương, cùng Hạng Vương vào đánh nhà Tần, được phong tước khanh. Hạng Vũ về đông làm vua ở Bành Thành. Hán Vương quay lại bình định được đất Tam Tần rồi đem quân về hướng đông, Ân Vương phản lại nước Sở (2). Hạng Vũ bèn cho Bình làm Tín Vũ Quân đem những người khách của Ngụy Vương Cữu ở Sở đi đánh Ân Vương, rồi quay về. Hạng Vương sai Hạng Hãn phong Bình làm đô úy, cho hai ngàn lạng vàng. Không được bao lâu, Hán Vương đánh bắt được Ân Vương, Hạng Vương giận, muốn tra xét các tướng tá quan lại đi đánh Ân Vương ngày trước. Trần Bình sợ bị giết, bèn niêm phong vàng và ấn lại, sai sứ đưa về cho Hạng Vương, một mình cải trang chống kiếm chạy trốn. Bình đi qua Hoàng Hà. Người chèo thuyền thấy Bình người đẹp lại đi một mình, ngờ là một viên tướng bỏ trốn, chắc trong người thế nào cũng có vàng ngọc, châu báu, nên trố mắt nhìn, muốn giết Bình. Bình sợ, cởi áo ở trần, chèo thuyền giúp. Người chèo thuyền thấy y không có gì nên thôi. Bình bèn đến Tu Vũ đầu hàng Hán, nhờ Ngụy Vô Tri xin cho được yết kiến Hán Vương. Hán Vương mời vào.

Lúc bấy giờ Vạn Thạch Quân tên là Phấn làm hầu cận cho Hán Vương, tiếp danh thiếp của Bình, đưa Bình vào yết kiến. Bọn Bình bảy người đều vào. Hán Vương cho ăn, nói :

1. Quan coi xe, ngựa.
2. Xem *Hạng Vũ bản kỷ*.

— Thôi, cứ về nhà trọ.

Bình nói :

— Thần có việc nên mới đến đây, điều thần sẽ nói ra, không thể quá ngày hôm nay.

Hán Vương bèn nói chuyện với Bình và lấy làm thích. Hán Vương nói :

— Ở nước Sở ngươi làm chức quan gì ?

Bình nói :

— Làm đô úy.

Trong ngày hôm đó Hán Vương cho Bình làm đô úy, được ngồi cùng một xe với vua, cai quản các tướng. Các tướng nhao nhao lên, nói :

— Đại vương vừa mới được một thằng lính đào ngũ của nước Sở không biết nó hay dở thế nào, mà đã cùng ngồi ngay một xe với nó, lại cho nó cai quản bọn chúng ta là bậc đàn anh nó.

Hán Vương nghe vậy lại càng thân cận với Bình. Và cùng Bình đi về đông đánh Hạng Vương. Đến Bành Thành, Hán Vương bị Sở đánh bại, dẫn quân về, thu thập binh sĩ tan tác đến Huỳnh Dương, cho Bình làm á tướng ở dưới quyền của Hàn Vương Tín, đóng quân ở Quảng Vũ. Bọn Giáng Hầu Quán Anh gièm pha Trần Bình, nói :

— Bình tuy đẹp trai nhưng cũng như hạt ngọc trên mũ thôi, bên trong chưa chắc đã có gì. Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, nên bỏ trốn sang Sở ; theo Sở cũng không hợp, nên lại trốn sang Hán. Nay đại vương lại cho y làm quan cao, sai cai quản các tướng. Thần nghe Bình lấy vàng các tướng, ai đưa nhiều vàng thì được địa vị tốt, ai đưa ít thì phải địa vị xấu. Bình là hạng bầy tôi lật lọng, làm loạn, xin đại vương xét.

Hán Vương nghi ngờ Bình, gọi Nguỵ Vô Tri đến trách. Vô Tri nói :

— Điều thần nói là nói về tài năng, điều bệ hạ hỏi là hỏi về đức hạnh. Nay nếu có người đức hạnh như Vĩ Sinh, Hiếu Kỷ (1) nhưng không dùng được việc gì trong việc quyết định thắng phụ, thì bệ hạ có hơi sức nào dùng đến làm gì ? Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến kẻ sĩ có mưu lạ, chỉ nên xem mưu kế của ông ta thực có lợi cho quốc gia hay không mà thôi. Còn về việc thông dâm với chị dâu và lấy vàng thì hơi đâu mà ngờ vực !

Hán Vương cho gọi Bình đến trách :

— Tiên Sinh thờ nước Nguỵ không hợp bèn qua thờ nước Sở, rồi lại bỏ Sở mà đi, nay lại cùng giao du với ta ; người tín nghĩa lại hay thay lòng đổi dạ như thế sao ?

Bình nói :

— Thần thờ Nguỵ Vương, Nguỵ Vương không thể dùng mưu của thần, cho nên thần bỏ đi thờ Hạng Vương. Hạng Vương không biết tin người, những người ông ta yêu dùng nếu không phải người họ Hạng, thì là anh em bên vợ, tuy có kẻ sĩ kỳ tài cũng không thể dùng được, cho nên thần bỏ Sở. Thần nghe Hán Vương biết dùng người, cho nên về theo đại vương. Thần mình trần đến đây, nếu không lấy vàng thì không có gì dùng, nếu như mưu kế của thần có cái gì có thể dùng được, thì xin đại vương dùng ; nếu không dùng được thì số vàng vẫn còn ở đấy cả, thần xin gói lại nộp vào của công, xin được từ chức mà về.

1. Vĩ Sinh : người trung tín ; Hiếu Kỷ : người có hiếu thời xưa.

Hán Vương bèn xin lỗi, thưởng cho nhiều của, phong làm hộ quân trung úy cai quản tất cả các tướng, các tướng không dám nói năng gì nữa.

Về sau Sở đánh gấp, cắt đứt đường ống, vây quân Hán Vương ở thành Huỳnh Dương. Quân Sở vây mãi, Hán Vương lo sợ, xin cắt đất từ Huỳnh Dương về phía tây để giảng hòa. Hạng Vương không nghe. Hán Vương nói với Trần Bình :

— Thiên hạ rối loạn, khi nào thời định ?

Trần Bình đáp :

— Hạng Vương là người cung kính, yêu người, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, ưa lễ, thường theo ông ta. Nhưng về việc luận bàn công lao, phong tước, cấp đất, thì ông ta tiếc không muốn cho, nên kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nay đại vương khinh người, ít để ý đến lễ, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết không đến, nhưng đại vương có thể rộng rãi đối với người ta về mặt phong tước và cấp đất ; cho nên những kẻ sĩ, vô sỉ, ham lợi phần nhiều theo Hán. Nếu như bỏ hai điều sở đoản, lấy hai điều sở trường của nhau thì bình định thiên hạ không khó gì. Vì đại vương tự thị, khinh người, nên không thể thu được những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, nhưng có thể gây rối loạn ở nước Sở. Kìa Hạng Vương chẳng qua chỉ có mấy người tôi ngay thẳng là bọn Á Phụ, Chung Ly Muội, Long Thư, Chu Ấn mà thôi. Nếu đại vương có thể tung ra mấy vạn cân vàng, làm kế phản gián, ly gián vua tôi họ, để cho Hạng Vương nghi ngờ, Hạng Vương vốn là người đa nghi, hay tin lời gièm pha thì bên trong thế nào họ cũng sẽ giết nhau. Hán nhân đó đem quân đánh, thì chắc chắn phá được Sở.

Hán Vương cho là phải, bèn đem ra bốn vạn cân vàng cho Trần Bình, mặc y tùy ý tiêu dùng, không hỏi đến việc phân phát thế nào.

Sau khi Trần Bình đã xuất nhiều tiền, tung phản gián vào quân Sở, phao tin rằng bọn Chung Ly Muội làm tướng của Hạng Vương, tuy lập được nhiều công, nhưng rốt cục vẫn không được cắt đất, phong vương, cho nên muốn hợp làm một với quân Hán để tiêu diệt họ Hạng mà chia đất đai nước Sở. Quả nhiên Hạng Vũ không tin bọn Chung Ly Muội. Hạng Vương vốn đa nghi, sai sứ đến Hán, Hán Vương sai làm cỗ thái lao đưa lên. Thấy sứ của Sở, Hán Vương liền giả vờ kinh ngạc nói :

— Ta tưởng là sứ giả của Á Phụ, hóa ra sứ của Hạng Vương !

Bèn sai đem cất đi, sai lấy cơm rau đưa cho sứ giả nước Sở. Sứ giả nước Sở về báo lại với Hạng Vương tất cả. Quả nhiên Hạng Vương rất ngờ vực Á Phụ. Á Phụ muốn đánh gấp để hạ thành Huỳnh Dương, Hạng Vương không tin, không chịu nghe theo. Á Phụ nghe tin Hạng Vương ngờ vực mình, liền nổi giận nói :

— Việc thiên hạ đã xong xuôi cả rồi đấy, quân vương hãy tự làm lấy ! Xin cho tôi mang nắm xương tàn trở về.

Á Phụ trở về, chưa đến Bành Thành, ung phát ở lưng mà chết. Đang đêm, Trần Bình bèn cho hai nghìn người con gái ra cửa đông thành Huỳnh Dương, quân Sở đánh vào đấy. Trần Bình bèn cùng Hán Vương chạy ra cửa thành phía tây. Rồi vào Quan Trung tập hợp binh sĩ bị tan trước đây, lại kéo về hướng đông.

Năm sau, Hoài Âm Hầu phá được nước Tề, tự lập làm Tề Vương, sai sứ giả tâu với Hán Vương. Hán Vương

cả giận mắng. Trần Bình giẫm vào gót chân Hán Vương, Hán Vương tỉnh ngộ, nên hậu đãi sứ giả nước Tề, sai Trương Tử Phòng lập Tín làm Tề Vương. Hán Vương lấy làng Hộ Dũ phong cho Bình, dùng những mưu kế kỳ lạ của Bình. Cuối cùng diệt được Sở, Bình thường làm chức hộ quân trung úy đi theo Hán Vương bình định Yên Vương là Tang Đồ (1).

Năm thứ sáu nhà Hán (201 trước công nguyên), có người dâng thư nói Sở Vương Hàn Tín làm phản. Cao Đế hỏi. Các tướng nói :

— Hãy mau mau đem quân chôn sống cái thằng nhãi ấy đi thôi !

Cao Đế im lặng. Hỏi Trần Bình. Bình cố ý từ tạ nói :

— Các tướng nói thế nào ?

Vua kể đầu đuôi, Trần Bình nói :

— Có ai biết con người dâng thư lên nói rằng Tín làm phản không ?

— Chưa.

Trần Bình hỏi :

— Tín có biết điều đó không ?

— Không biết.

Bình nói :

— Về mặt tinh nhuệ thì quân của bệ hạ có hơn quân của Sở không ?

— Không thể hơn.

Bình nói :

— Trong các tướng cầm quân của bệ hạ có ai có thể hơn Hàn Tín không ?

— Không ai bằng.

1. Năm — 202, Tang Đồ phản lại nhà Hán, Hán Cao Tổ đem quân dẹp.

Bình nói :

— Nay quân đã không tinh nhuệ bằng quân Sở, tướng cũng không bằng, mà lại đem binh đánh thì tức là thúc giục nó phải đánh. Thần trộm nghĩ đó là nguy cho bệ hạ.

Nhà vua nói :

— Bây giờ làm thế nào ?

Bình nói :

— Thiên tử ngày xưa đi tuần thú (1) họp chư hầu. Phương nam có đầm Vân Mộng. Bệ hạ hãy giả vờ đi chơi đến đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Đất Trần là giáp giới phía tây của đất Sở, Tín nghe thiên tử đi chơi hội họp thường, thì thế nào cũng cho là vô sự và ra khỏi bờ cõi để nghênh tiếp. Bệ hạ nhân đó bắt lấy. Việc này chỉ cần đến sức của một lực sĩ mà thôi.

Cao Đế cho là phải, bèn sai sứ giả báo với chư hầu sẽ họp ở Trần « Ta sẽ đi chơi về phương nam đến đầm Vân Mộng ». Ngay liền đó, vua cũng đi. Đến Trần, Sở Vương Hàn Tín quả nhiên ra ngoài cõi đón ở dọc đường. Cao Đế đã phòng bị sẵn võ sĩ. Thấy Hàn Tín đến, võ sĩ liền bắt trói ngay lại, chở vào xe sau. Tín kêu lên :

— Thiên hạ đã bình định rồi ! Ta bị nấu là đáng lắm.

Cao Đế quay lại bảo Hàn Tín :

— Mày đừng có kêu ! Mày làm phản đã rõ ràng rành rành ra đấy !

Võ sĩ trói hai tay Tín. Hán Vương họp chư hầu ở Trần, bình định tất cả đất Sở. Khi quay về đến Lạc

1. Đi đến các nước chư hầu xét hỏi chính sự của các chư hầu.

Dương, Hán Vương tha Tín, cho Tín làm Hoài Âm Hầu và chế phù (1) định phong tước cho các công thần.

Nhà vua bèn chế phù, phong cho Bình đời đời làm Hộ Dũ Hầu. Bình từ chối nói :

— Đó không phải là công của thần.

Nhà vua nói :

— Ta dùng mưu kế của tiên sinh nên chiến thắng được quân địch, thế không phải công tiên sinh là gì.

Bình nói :

— Nếu không có Nguỵ Vô Tri thì thần làm sao được tiến cử ?

Vua nói :

— Nhà ngươi có thể gọi là người không quên gốc vậy.

Vua bèn thưởng cho Nguỵ Vô Tri rất hậu.

Năm sau, Bình làm hộ quân trung úy theo Hán Vương đánh Hàn Vương Tín làm phản ở đất Đại. Đột nhiên đến Bành Thành bị quân Hung Nô vây, bảy ngày không được ăn. Cao Đế bèn dùng kế lạ của Trần Bình, cho người đi sứ đến Yên Chi (2) của Thiền Vu. Do đó được giải vây. Cao Đế được ra, kế này bí mật trong đời không ai biết.

Cao Đế đi về hướng nam qua Khúc Nghịch, vua lên thành nhìn thấy nhà cửa rất lớn nói :

— Huyện này hùng tráng làm sao ! Ta đi khắp thiên hạ chỉ thấy có Lạc Dương và nơi này thôi.

Vua quay lại hỏi ngự sử :

1. Khi phong tước cho ai thì viết công trạng lên một tấm tre gọi là « phù », sau đó chẻ làm hai, một nửa nhà vua giữ, một nửa giao cho người công thần để lấy đó làm bằng.

2. Yên Chi : Hoàng hậu của Hung Nô gọi là Yên Chi, vua Hung Nô gọi là Thiền Vu.

— Số hộ khẩu Khúc Nghịch là bao nhiêu ?

— Thời Tần có hơn ba vạn hộ, gần đây hay xảy ra việc chiến tranh, nhiều người trốn tránh, hiện nay chỉ có năm nghìn hộ.

Vua bèn ra lệnh cho ngự sử đổi Trần Bình làm Khúc Nghịch Hầu, cấp cho tất cả huyện, bỏ đất phong cũ là Hộ Dũ. Sau đó Bình thường làm Hộ Quân Trung Úy theo vua đánh Trần Hy và Kinh Bố, sáu lần bày kế lạ tất cả, liền được phong thêm đất sáu lần tất cả. Những kế lạ của Bình có lẽ rất bí mật, trong đời không ai nghe nói là những kế gì.

Sau khi đánh phá quân của Kinh Bố về, Cao Đế bị thương, đi chậm rãi đến Trường An. Yên Vương là Lư Quán làm phản, vua sai tướng quốc Phàn Khoái đem binh đánh. Sau khi đi, có người gièm pha Phàn Khoái, Cao Đế nổi giận nói :

— Khoái thấy ta mắc bệnh lại mong cho ta chết !

Vua dùng mưu của Trần Bình, gọi Giáng Hầu Chu Bột nhận chiếu chỉ ở bên giường, nói :

— Trần Bình phải mau mau đi ngựa trạm đưa Chu Bột đến làm tướng thay Phàn Khoái ; khi Bình vào trong quân doanh thì phải lập tức chém đầu Phàn Khoái.

Hai người nhận chiếu chỉ rồi ruổi ngựa trạm đi, chưa đến quân doanh giữa đường bàn với nhau :

— Phàn Khoái là người cũ của nhà vua, lập được nhiều công, lại lấy em gái Lữ Hậu là Lữ Tu, đã thân lại sang, vua giận dữ nên muốn chém, nhưng sợ sau sẽ hối hận. Ta chỉ nên bỏ tù rồi đưa đến cho nhà vua, tùy ý nhà vua tự giết lấy.

Bình chưa đến quân doanh, lập đàn, lấy cờ tiết [1] gọi Phàn Khoái đến, Phàn Khoái vâng theo chiếu, Bình liền trở mặt đối đãi, bỏ vào xe tù chở trạm đưa về Trường An, sai Giáng Hầu Chu Bột cầm quân thay Khoái, và bình định những huyện làm phản ở đất Yên [2].

3. Bình đang đi, nghe tin Cao Đế chết. Bình sợ Lữ Thái Hậu và Lữ Tu giận, bèn phi ngựa trạm đi trước. Bình gặp sứ giả mang chiếu ra lệnh cho Bình và Quán Anh đóng binh ở Huỳnh Dương. Bình nhận chiếu chỉ, lập tức lại phi ngựa về cung khóc rất thảm thiết, nhân tâu trình sự việc trước đám tang, Lữ Thái Hậu thương hại nói :

— Ông mệt nhọc, hãy ra nghỉ đã !

Bình sợ bị gièm, cố xin ở chầu chực trong cung, thái hậu bèn cho Bình làm lang trung lệnh, nói :

— Ông hãy giúp đỡ, dạy dỗ Hiếu Huệ.

Vì vậy, về sau việc gièm pha của Lữ Tu không có kết quả. Phàn Khoái về, được tha và phục tước ấp.

Năm thứ sáu đời Hiếu Huệ (189), tướng quốc Tào Tham chết, An Quốc Hầu là Vương Lăng được phong làm hữu thừa tướng, Trần Bình làm tả thừa tướng. Vương Lăng vốn người đất Bái. Lúc đầu, Lăng làm một người quyền hào trong huyện, khi còn hàn vi, Cao Tổ coi Lăng như anh. Lăng ít văn hoa, chuộng khí phách, thích nói thẳng. Đến khi Cao Tổ nổi dậy ở Bái, vào đến Hàm Dương, Lăng cũng tự mình họp bè đảng mấy nghìn người ở Nam Dương không chịu theo Bái Công

1. Tiết : cây cờ cán cong, treo những chùm lông gọi là mao tiết, là phù hiệu mệnh lệnh nhà vua.

2. Đoạn 2 — Trần Bình trong thời theo Lưu Bang.

Đến khi Hán Vương quay về đánh Hạng Tịch, bấy giờ Lăng mới đem binh theo Hán. Hạng Vũ bắt người mẹ của Lăng để ở trong quân doanh, sứ giả của Lăng đến, Hạng Vũ sai đặt mẹ Lăng ngồi quay mặt về hướng đông (1), muốn để vời Lăng. Khi mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả, bà khóc mà nói :

— Xin vì mụ già này nói với Lăng hãy chăm chỉ thờ Hán Vương. Hán Vương là bậc trưởng giả, chớ vì già này mà có hai lòng. Tôi xin lấy cái chết để tiễn sứ giả.

Rồi đâm kiếm mà chết. Hạng Vũ giận, nấu mẹ Lăng. Lăng vẫn theo Hán Vương bình định được thiên hạ. Vì Lăng chơi thân với Ung Xỉ, Ung Xỉ là kẻ thù của Cao Đế, vả lại Lăng hồi trước không có chủ ý theo Cao Đế, nên mãi về sau mới được phong là An Quốc Hầu. An Quốc Hầu làm hữu thừa tướng, được hai năm thì Hiếu Huệ Đế chết. Cao Hậu muốn lập họ Lữ làm vương, hỏi Vương Lăng. Vương Lăng nói :

— Không được.

Hỏi Trần Bình, Trần Bình nói :

— Được.

Lữ Thái Hậu giận Lăng, cho Lăng làm thái phó của vua (2) nhưng thực ra thì không dùng Lăng. Lăng giận, mượn cớ cáo bệnh xin từ chức, đóng cửa không vào triều, được bảy năm thì chết.

Sau khi Lăng không được làm thừa tướng. Lữ Thái Hậu bèn đổi Bình làm hữu thừa tướng, cho Tịch Dương Hầu Thầm Tự Cơ làm tả thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc, thường lo việc ở trong cung (3). Tự Cơ

1. Ngày xưa ngồi quay mặt về hướng đông là tôn quí.
2. Chức thái phó tuy cao nhưng không có thực quyền.
3. Ý nói Thầm Tự Cơ vào ngủ với Lữ Hậu, nhưng vì việc xấu nên nói bóng.

cũng là người đất Bái. Khi Hán Vương bị hại ở Bành Thành thì Sở bắt thái thượng hoàng và Lữ Hậu làm con tin. Tự Cơ làm người xá nhân hầu hạ Lữ Hậu. Sau đó theo Hán Vương đánh phá Hạng Tịch, làm chức hầu được Lữ Thái Hậu yêu. Đến khi làm thừa tướng ở trong cung, trăm quan muốn quyết định việc gì đều phải do y. Vì trước kia Trần Bình đã bàn mưu với Cao Đế bắt Phàn Khoái cho nên Lữ Tu nhiều lần gièm pha Trần Bình :

— Trần Bình làm thừa tướng không lo công việc, ngày uống rượu ngon, thích chơi gái.

Trần Bình nghe nói, lại càng làm quá hơn trước. Lữ Thái Hậu nghe vậy riêng lấy làm mừng, nói với Trần Bình trước mặt Lữ Tu :

— Tục ngữ có câu « Miệng đàn bà, con trẻ nói không dùng được ». Chỉ cần ông với ta thôi, chớ sợ Lữ Tu gièm pha.

Lữ Thái Hậu lập bọn họ Lữ làm vương, Trần Bình giả vờ nghe theo. Đến khi Lữ Hậu chết. Bình và thái úy là Chu Bột cùng bàn mưu, cuối cùng giết tất cả bọn Lữ, lập Hiếu Văn hoàng đế. Đó vốn là mưu của Trần Bình. Thầm Tự Cơ bị thải không được làm thừa tướng.

Hiếu Văn Đế được lập, Bình thấy rằng thái úy Bột thân hành đem quân giết họ Lữ, lập nhiều công nên muốn nhường địa vị tôn quí cho Bột, bèn cáo bệnh. Hiếu Văn Đế mới lên ngôi, thấy Bình cáo ốm lấy làm lạ hỏi, Bình nói :

— Trong khi Cao Đế, công của Bột không bằng công của thần, nhưng đến khi giết bọn họ Lữ thì công của thần không bằng Bột. Xin nhường chức hữu thừa tướng cho Bột.

Vì vậy, Hiếu Văn Đế bèn cho Giáng Hầu Chu Bột làm hữu thừa tướng, ngôi thứ nhất, Bình dời chức làm tả thừa tướng, ngôi thứ nhì. Cho Bình một ngàn cân vàng, lại phong thêm ba ngàn hộ. Được ít lâu, Hiếu Văn hoàng đế sau khi đã quen việc nước, triều hội hỏi hữu thừa tướng :

— Trong thiên hạ, một năm xét xử ngục hình bao nhiêu người ?

Bột tạ lỗi, nói :

— Thần không biết.

Nhà vua hỏi :

— Trong thiên hạ một năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu ?

Bột lại tạ lỗi, nói :

— Thần không biết !

Bột mồ hôi ra ướt đẫm cả lưng vì thẹn không biết trả lời như thế nào. Vua bèn hỏi tả thừa tướng Bình.

Bình nói :

— Đã có người lo việc ấy.

Vua hỏi :

— Ai lo việc ấy ?

Bình nói :

— Bệ hạ nếu hỏi về việc xử ngục hình, thì hỏi quan đình úy, nếu hỏi về tiền và thóc thì hỏi quan trị túc nội sử.

Vua hỏi :

— Nếu việc gì cũng có người lo, thì ông còn phải lo việc gì ?

Bình tạ lỗi và nói :

— Muôn tâu bệ hạ ! Bệ hạ không kể thần tài hèn sức mọn, cho thần lạm giữ chức thừa tướng. Chức vụ thừa tướng trên thì giúp thiên tử chỉnh lý âm dương, làm

cho bốn mùa thuận ; dưới thì nuôi vạn vật đều được thỏa thích ; bên ngoài thì trấn áp, vỗ về tứ di, chư hầu bên trong thì thân với trăm họ, làm cho các quan khanh và đại phu ai cũng đảm nhiệm tốt chức vụ của mình.

Hiếu Văn Đế khen phải. Hữu thừa tướng rất thẹn, đi ra trách Trần Bình :

— Sao ông không bày trước cho tôi biết để tôi trả lời !

Trần Bình cười :

— Ông ở địa vị của mình mà lại không biết chức trách của mình sao ? Nếu bệ hạ hỏi số người ăn trộm ăn cướp ở Tràng An thì ông định nói liều sao ?

Do đó Giáng Hầu tự biết mình kém xa Bình. Sau một thời gian, Giáng Hầu cáo bệnh xin miễn, chuyên để một mình Trần Bình làm thừa tướng.

Năm thứ hai đời Hiếu Văn Đế (178), thừa tướng Trần Bình mất, hiệu bụt là Hiến Hầu. Con là Mại tập tước làm Cung Hầu, được hai năm thì mất. Con là Khôi tập tước làm Giản Hầu được hai mươi ba năm thì mất, con Khôi là Hà tập tước làm hầu. Được hai mươi ba năm, Hà phạm tội cướp vợ người ta bị chém vứt ở chợ. Tước bị xóa bỏ.

Xưa, Trần Bình nói :

— Ta nhiều âm mưu, đó là điều Đạo Gia (1) cấm, hết đời ta là thôi, đời sau không thể hưng khởi được nữa. Đó là vì ta nhiều âm báo ! Sau đó người chắt là Trần Chưởng nhờ bên họ ngoại nhà vua là họ Vệ (2) muốn

1. Đạo lão.

2. Trần Chưởng là rể của Vệ Thanh em trai của Vệ Hoàng Hậu, vợ Hán Vũ Đế.

họ Trần được phong lại, nhưng cuối cùng cũng không được (1).

4. Thái Sử Công nói: Khi Trần thừa tướng còn nhỏ, vốn ham học thuật của Hoàng Đế, Lão Tử. Trong khi chia thịt ở trên thớt, ông ta cũng đã có chí khí lớn! Len lỏi giữa nơi Sở, Ngụy rối loạn, cuối cùng về với Cao Đế. Thường đưa kế lạ, cứu nạn rối ren, trừ được cái lo của nước nhà. Đến thời Lữ Hậu là lúc biến cố nhiều nhưng Bình rốt cục vẫn tự thoát nạn, yên định được tôn miếu, khi chết được danh thơm, gọi là tướng hiền, há không phải là trước sau toàn vẹn đó sao? Nếu không phải là bậc có mưu trí thì làm sao lại được như vậy?

1. Đoạn 3 — Hành trạng của Trần Bình trong thời Lữ Hậu và Hán Văn Đế.

TÔN TỬ, NGÔ KHỞI LIỆT TRUYỆN

1. TÔN TỬ tên là Vũ, người nước Tề, đem sách binh pháp yết kiến vua Ngô là Hạp Lư. Hạp Lư nói:

— Ta đã đọc cả mười ba thiên của ông rồi, nay ông thử áp dụng binh pháp điều khiển quân đội một cách tiểu qui mô có được không?

Tôn Tử đáp:

— Được ạ.

Hạp Lư nói:

— Đem đàn bà ra thí nghiệm có được không?

Tôn Tử đáp:

— Được ạ.

Vua bèn bằng lòng cho gái đẹp trong cung ra, tất cả một trăm tám mươi người. Tôn Tử chia ra làm hai đội lấy hai người qui phi vua nuông chiều làm đội trưởng, sai tất cả đều cầm giáo.

Tôn Tử ra lệnh nói:

— Các ngươi có biết quả tim, tay phải, tay trái và lưng không?

Bọn con gái nói:

— Có.

Tôn Tử nói:

— Khi ta nói « đằng trước » thì các ngươi nhìn vào quả tim, nói « bên trái » thì nhìn tay trái, nói « bên phải » thì nhìn tay phải, « đằng sau » thì nhìn đằng sau lưng.

Bọn đàn bà đều nói :

— Dạ.

Sau khi đã đưa ra kỷ luật, Tôn Tử bèn đặt phủ việt (1) ban lệnh ba lần, nhắc nhở năm lượt, Sau đó đánh trống ra lệnh nhìn về bên phải. Bọn con gái cười rộ. Tôn Tử nói :

— Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ càng, đó là tội của tướng.

Lại ra lệnh và nhắc lại ba lần năm lượt ; rồi đánh trống ra lệnh nhìn về bên trái. Bọn con gái lại cười rộ. Tôn Tử nói :

— Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ lưỡng là tội của tướng ; nay đã hiểu rõ kỷ luật rồi mà lại không theo kỷ luật là tội của đội trưởng.

Tôn Tử muốn chém hai người đội trưởng. Ngô Vương đứng trên đài xem, thấy ông ta sắp chém hai người ái cơ, hoảng sợ, vội vàng sai sứ giả truyền lệnh nói :

— Quả nhân đã biết cách dùng binh của tướng quân rồi ! Không có hai ái cơ ấy thì quả nhân ăn không ngon, xin đừng chém !

Tôn Tử nói :

— Thần đã vâng mệnh lệnh bệ hạ làm tướng, tướng đã ở trong quân thì có khi không theo lệnh vua.

Bèn sai chém hai người đội trưởng để thị uy, đem người kế tiếp theo làm đội trưởng. Sau đó lại đánh trống chỉ huy. Bọn con gái nhìn bên trái, bên phải, trước, sau, quì, đứng dậy đều nghiêm chỉnh đúng đắn, không ai dám ho he. Tôn Tử sai sứ giả báo với nhà vua :

1. Những đồ nghi trượng ở trong quân đội.

— Binh đã chỉnh tề, bệ hạ có thể xuống xem. Bệ hạ có thể dùng nó thế nào cũng được, dù có sai nó nhảy vào lửa, nước cũng được.

Ngô Vương nói :

— Tướng quân ra quán trọ mà nghỉ, quả nhân không muốn xuống xem.

Tôn Tử nói :

— Đại Vương thích nói suông, mà không thể dùng trong việc thực.

Do đó, Hạp Lư biết Tôn Tử có tài dùng binh và cho Tôn Tử làm tướng. Phía tây quân Ngô phá nước Sở mạnh, đi vào đất Sinh ; phía bắc uy hiếp nước Tề, nước Tấn, nổi tiếng ở chư hầu, Tôn Tử có công ở đấy.

2. Sau khi Tôn Vũ mất được hơn một trăm năm, có Tôn Tẫn.

Tẫn sinh ở giữa đất A và đất Quyến. Tẫn là con cháu của Tôn Tử. Tôn Tẫn xưa cùng Bàng Quyên học binh pháp. Sau đó, Bàng Quyên làm quan nước Ngụy, được làm tướng quân của Huệ Vương, nhưng vẫn tự cho rằng mình không tài giỏi bằng Tôn Tẫn, cho nên ngầm sai người mời Tôn Tẫn đến. Khi Tẫn đến, Bàng Quyên sợ và ghét Tẫn hơn mình, bèn mượn pháp luật mà trị tội chặt hai chân và chạm vào mặt để cho ông ta giấu mình không xuất đầu lộ diện. Sứ giả nước Tề đến đất Lương, Tôn Tẫn mang thân đã bị hình phạt lén gặp, thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ mang trộm lên xe cùng về nước Tề. Tướng nước Tề là Điền Kỵ phục tài, đối đãi như là khách.

Kỵ nhiều lần đua ngựa đánh cuộc nhiều tiền với các công tử nước Tề. Tôn Tẫn thấy chân ngựa không hơn nhau lắm, ngựa có ba thứ giỏi, vừa và kém. Do đó, Tôn Tẫn nói với Điền Kỵ :

— Ngài cứ đặt cọc thật nhiều tiền đi, tôi có thể làm cho ngài thắng.

Điền Kỵ tin theo, đặt cọc với các công tử nghìn vàng. Đến khi ra trường đua, Tôn Tử nói :

— Nay ngài lấy con ngựa kém của ngài thi với con ngựa giỏi của họ, lấy con ngựa giỏi của ngài thi với con ngựa vừa của họ, lấy con ngựa vừa của ngài thi với con ngựa kém của họ.

Sau khi đã đua ngựa ba lần, Điền Kỵ thua một, mà thắng hai, cuối cùng được nghìn vàng. Vì vậy, Kỵ tiến Tôn Tử với Uy Vương, Uy Vương hỏi về binh pháp, rồi tôn làm bậc thầy.

Sau đó Ngụy đánh Triệu, Triệu bị nguy cấp, cầu cứu với Tề. Tề Uy Vương muốn phong Tôn Tẫn làm tướng. Tẫn từ tạ nói :

— Người đã bị hình phạt không thể làm tướng.

Vua bèn cho Điền Kỵ làm tướng. Tôn Tẫn làm quân sư chở ở trong xe kín, ngồi bàn mưu kế. Điền Kỵ muốn đem quân đến Triệu, Tôn Tử nói :

— Muốn gỡ mối rối ren thì phải làm từ từ không được căng thẳng, muốn cứu những người đang đánh nhau thì không nên xông vào đánh giùm, tránh chỗ thực, đánh vào chỗ hư ; hình thế chống nhau, thì tức khắc gỡ được thôi. Nay quân Lương (1) và quân Triệu đánh nhau, ở ngoài binh khí nhẹ và quân lính tinh nhuệ kiệt sức, ở trong người già người yếu mỏi mệt. Chi bằng ngài cứ đem quân đi nhanh về Đại Lương, cắt đứt đường giao thông, đánh vào nơi trống của Ngụy, thì Ngụy nhất định phải bỏ Triệu để tự cứu lấy mình. Như thế là đánh một nơi mà giải vây cho nước Triệu lại đồng thời làm cho quân Ngụy kiệt quệ.

1. Ngụy cũng có tên gọi là Lương.

Điền Kỵ nghe theo. Quả nhiên quân Ngụy rời bỏ Hàm Đan (1) đánh nhau với quân Tề ở Quế Lăng. Điền Kỵ phá tan quân Lương.

Mười ba năm sau (353), Ngụy và Triệu đánh Hàn, Hàn cáo cấp với Tề. Tề sai Điền Kỵ làm tướng xuất quân đi thẳng đến Đại Lương. Tướng Ngụy là Bàng Quyên nghe vậy rời bỏ Hàn quay về, bây giờ quân Tề đã đi khỏi biên giới về phía tây. Tôn Tử nói với Điền Kỵ :

— Quân của Tam Tấn (2) vốn hung và tợn khinh quân Tề, quân Tề mang tiếng khiếp nhược. Người thiện chiến thì nhân cái thế của mình mà lợi dụng (3). Theo binh pháp, nếu chạy đi tìm lợi một ngày trăm dặm thì viên thượng tướng sẽ què ; nếu chạy theo lợi một ngày năm mươi dặm thì quân sĩ chỉ đến một nửa. Ngài hãy sai quân Tề vào đất Ngụy làm mười vạn cái bếp, ngày hôm sau làm năm vạn cái, lại ngày hôm sau nữa làm ba vạn cái.

Bàng Quyên đi được ba ngày cả mừng, nói :

— Ta vốn biết quân Tề nhát gan, mới vào đất ta ba ngày mà quân sĩ bỏ trốn đã quá nửa.

Bàng Quyên bèn rời bỏ bộ binh mang khinh binh, cùng lính tinh nhuệ một ngày đi gấp đôi đường để đuổi theo.

Tôn Tử trù tính họ đi đến đêm thì tới Mã Lăng. Đường Mã Lăng hẹp, hai bên hiểm trở, có thể phục binh bèn sai chặt cây to bỏi trắng và viết : « Bàng Quyên chết ở

1. Kinh đô của Triệu.

2. Tam Tấn là tên chung để chỉ Hàn, Triệu, Ngụy, ở đây cốt chỉ Ngụy.

3. Ý nói giả làm bộ khiếp nhược để nhử cho quân Ngụy đuổi theo.

dưới cây này ! ». Lại sai một vạn quân Tề giỏi bắn tên nấp ở bên đường, hẹn : « Ban đêm thấy lửa đốt lên thì đều bắn ra ».

Bàng Quyên quả nhiên đêm ấy đến dưới gốc cây bị đẽo, thấy có chữ viết trên gỗ bôi trắng bèn sai xoi gỗ lấy lửa thắp đuốc. Đọc hàng chữ chưa xong thì một vạn nỏ của quân Tề đều bắn ra, quân Ngụy trốn chạy tán loạn. Bàng Quyên tự biết mình trí cùng, binh bại, bèn tự đâm cổ chết, nói :

— Thế là ta làm cái thằng ấy nổi danh !

Quân Tề thừa thắng phá tan tất cả quân Ngụy, bắt Ngụy thái tử là Thân đem về. Do đó, Tôn Tẫn nổi danh ở thiên hạ, đời truyền binh pháp của ông ta.

3. Ngô Khởi là người nước Vệ, thích dùng binh. Khởi thường học với Tăng Tử, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ, nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì Ngô Khởi lấy con gái Tề làm vợ nên người Lỗ ngờ vực. Ngô Khởi muốn lập danh, bèn giết vợ để tỏ rằng mình không liên hệ gì với Tề. Về sau nước Lỗ cho Ngô Khởi làm tướng, cầm quân đánh tan quân Tề. Có người nước Lỗ ghét Ngô Khởi nói :

— Khởi là người tính nghi kỵ và tàn nhẫn. Lúc còn nhỏ, nhà cửa ông ta có hàng ngàn lạng vàng, đi du thuyết tìm công danh không được, Khởi bèn phá hết của nhà. Người làng xóm chê cười. Ngô Khởi giết hơn ba mươi người chê cười mình, rồi đi ra ngoài thành về phía đông, từ biệt mẹ, cắn vào cánh tay mà thề : « Khởi này không làm khanh, tướng thì nhất định không quay lại nước Vệ nữa ». Khởi bèn đi học với Tăng Tử. Được ít lâu, mẹ Khởi chết, Khởi cũng không về. Tăng Tử khinh bỉ và tuyệt giao với Khởi. Khởi bèn đến nước

Lỗ, học binh pháp để thờ vua Lỗ, vua Lỗ nghi ngờ. Khởi giết vợ để làm tướng. Lỗ là nước nhỏ, lại mang danh chiến thắng, thì chư hầu sẽ mưu đánh Lỗ mất. Vả lại, nước Lỗ và nước Vệ là hai nước anh em, nay vua dùng Khởi thì tức là bỏ nước Vệ.

Vua Lỗ nghi ngờ, từ tạ Ngô Khởi không tin dùng.

Ngô Khởi nghe tin Ngụy Văn Hầu hiền, muốn theo. Văn Hầu hỏi Lý Khắc :

— Ngô Khởi là người như thế nào ?

Lý Khắc đáp :

— Khởi tham lam và hiếu sắc, nhưng về mặt dùng binh thì Tư Mã Nhương Thư (1) cũng không thể hơn được.

Vì vậy Ngụy Văn Hầu cho Khởi làm tướng, đánh Tần, lấy năm thành.

Khi Khởi làm tướng thì cùng ăn mặc như người lính bậc thấp nhất, lúc ngủ không trải chiếu, đi không ngồi xe, thân hành mang lương thực, cùng chia khó nhọc với quân sĩ. Có người lính mắc bệnh ung thư, Khởi hút mủ cho anh ta. Mẹ người lính nghe vậy khóc. Có người hỏi :

— Con bà là lính, thế mà tướng quân thân hành hút mủ cho, bà còn khóc gì nữa ?

Bà mẹ nói :

— Không phải thế. Năm xưa Ngô Công hút mủ cho cha nó ; cha nó chiến đấu không được bao lâu rồi bị địch giết. Nay Ngô Công lại hút mủ cho con tôi ; không biết lúc nào hay nơi nào nó sẽ chết. Vì vậy cho nên khóc.

---

1. Xem *Tư Mã Nhương Thư liệt truyện*.

Văn Hầu cho Ngô Khởi giỏi dùng binh, thanh liêm, công bình, được lòng quân sĩ, nên cho Khởi làm quan thủ Tây Hà, để chống lại quân các nước Tần và Hàn.

Sau khi Ngụy Văn Hầu mất, Khởi thờ con Văn Hầu là Vũ Hầu. Vũ Hầu thả thuyền xuôi dòng sông Tây Hà, ở giữa dòng sông, quay nhìn nói với Ngô Khởi :

— Đẹp thay ! Núi sông hiểm trở ! Quả là của qui của nước Ngụy !

Khởi thưa :

— Giữ nước cốt ở đức chứ không ở chỗ đất đai hiểm yếu. Ngày xưa, Tam Miêu bên trái là hồ Động Đình, bên phải là hồ Bành Lãi, nhưng vì không trau giồi đức nghĩa, nên bị vua Vũ diệt. Đô thành vua Kiệt nhà Hạ, bên trái là Hoàng Hà, bên phải là Thái Sơn, Họa Sơn, núi Y Khuyết ở phía nam, núi Dương Trường ở phía bắc, nhưng chính vì sự bất nhân, nên bị vua Thang diệt. Nước của vua Trụ nhà Ân, bên trái là núi Mạnh Môn, bên phải là núi Thái Hàng, núi Thường Sơn ở phía bắc, sông Đại Hà chạy dọc phía nam, nhưng vì chính sự không có đức cho nên bị Vũ Vương diệt. Do đó mà xem, thì giữ nước ở đức chứ không ở chỗ hiểm. Nếu nhà vua không lo tu đức, thì người trong thuyền đều là nước địch vậy.

Vũ Hầu nói :

— Phải.

Liền phong Ngô Khởi làm Tây Hà Thú, rất nổi tiếng.

Ngụy đặt tể tướng, cho Điền Văn làm tể tướng. Ngô Khởi không bằng lòng, bảo Điền Văn :

— Tôi muốn so sánh công lao với ông có được không ?

Điền Văn nói :

— Được.

Ngô Khởi nói :

— Làm tướng ba quân khiến sĩ tốt vui lòng chết, nước địch không dám dòm ngó, ông có bằng Khởi không ?

Điền Văn đáp :

— Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói :

— Coi trăm quan, thân với vạn dân, làm cho kho tàng đầy đủ, ông có bằng Khởi không ?

Điền Văn nói :

— Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói :

— Giữ Tây Hà mà quân Tần không dám xâm phạm ở phía đông, Hàn, Ngụy theo, ông có bằng Khởi không ?

Điền Văn nói :

— Tôi không bằng ông ?

Ngô Khởi nói :

— Cả ba việc này ông đều thua tôi mà địa vị ông lại ở trên tôi là tại làm sao ?

Điền Văn nói :

— Khi vua còn nhỏ, nước rối ren, các quan đại thần chưa thân, trăm họ không tin, trong lúc ấy thì giao nước cho ông hay cho tôi ! (1).

Khởi im lặng một hồi lâu rồi nói :

— Giao cho ông.

Điền Văn nói :

— Vì thế cho nên địa vị tôi ở trên ông đấy !

Ngô Khởi mới tự biết mình không bằng Điền Văn.

Sau khi Điền Văn chết, Công Thúc làm tể tướng, lấy Ngụy công chúa, muốn hại Ngô Khởi. Người đầy tớ của công chúa nói :

1. Ý Điền Văn nói mình tài năng không bằng Ngô Khởi nhưng có đạo đức được mọi người tin cậy.

— Làm cho Ngô Khởi đi thì dễ thôi.

Công Thúc hỏi :

— Làm thế nào ?

Người kia nói :

— Ngô Khởi là người khí tiết, liêm khiết lại thích danh. Ngài hãy nói với Vũ Hầu trước : « Ngô Khởi là người hiền mà nước Ngụy nhỏ lại ở sát biên giới nước Tần mạnh, thần trộm lo rằng Khởi không có bụng muốn ở lại ». Như thế, thế nào Vũ Hầu cũng hỏi « làm sao bây giờ ». Ngài nhân thế nói với Vũ Hầu : « Hãy gả công chúa cho Khởi để xem thử, nếu bụng Khởi muốn ở lại thì Khởi sẽ nhận, nếu không thì ông ta nhất định sẽ từ chối. Do đó, mà đoán được ». Ngài nhân mời Ngô Khởi cùng về nhà, khiến công chúa giận mắng ngài, Ngô Khởi đã thấy công chúa khinh ngài thì thế nào cũng từ chối. Quả nhiên Ngô Khởi thấy công chúa khinh Ngụy tể tướng nên từ chối Ngụy Vũ Hầu. Ngụy Vũ Hầu nghi và không tin Khởi. Ngô Khởi sợ bị tội nên bỏ đi, liền sang Sở.

Vua Sở là Điệu Vương vốn nghe tiếng Ngô Khởi hiền, nên Khởi đến Sở liền được làm tể tướng. Khởi nêu rõ pháp luật, lệnh ra thì thi hành bỏ những chức quan không cần thiết, bỏ không chu cấp cho những người họ nhà vua đã xa đời để hậu đãi nuôi dưỡng những người chiến đấu, cốt làm cho quân mạnh, phá tan những bọn chỉ đi nói suông về việc « hợp tung » hay « liên hoành ». Kết quả : phía nam bình định Bách Việt, phía bắc lấy đất Trần, đất Thái, cự tuyệt Tam Tấn, phía tây đánh Tần.

Chư hầu lo Sở mạnh, những người quí tộc nước Sở ngày trước đều muốn hại Ngô Khởi. Đến khi Điệu Vương mất, các đại thần, tôn thất làm loạn đánh Ngô Khởi.

Ngô Khởi chạy đến nấp bên thây vua. Những người nổi loạn bắn và đâm chết Ngô Khởi, nhưng cũng bắn phải thi thể Điệu Vương. Sau khi Điệu Vương được chôn cất, thái tử được lập bèn sai lệnh doãn giết tất cả những người bắn Ngô Khởi. Hơn bảy mươi người vì mắc vào tội bắn Khởi mà bị giết cả họ.

4. Thái Sử Công nói : Thế tục khi khen tài năng quân sự đều nói đến mười ba thiên của Tôn Tử. Sách binh pháp của Ngô Khởi thế gian nhiều người có, nên không bàn, chỉ bàn những sự việc các ông ấy làm. Tục ngữ nói : « Người làm được chưa chắc đã nói được ; người nói được chưa chắc đã làm được » Tôn Tử trù tính đối phó với Bàng Quyên thật rõ ràng. Thế nhưng vẫn không thể sớm tự lo cứu mình khỏi bị hình phạt. Ngô Khởi bàn với Vũ Hầu rằng hình thế không quan trọng bằng đức ; nhưng khi thi hành ở Sở, thì lại vì khắc bạc, ít ân đức, mà bỏ thân mình. Thương thay !

TRUYỆN LÃO TỬ

LÃO TỬ người làng Khúc Nhân, Hương Lệ, huyện Khổ, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tên tự là Bá Dương, tên thụy là Đam. Ông làm quan sử giữ nhà chứa sách của nhà Chu. Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói :

— Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi (1). Vả lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang ; không gặp thời thì như cỏ bồng xoay chuyển. Tôi nghe nói : « Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si » (2). Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hở cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thế thôi.

Khổng Tử ra đi, bảo học trò :

— Con chim, ta biết nó biết bay ; con cá ta biết nó biết lội ; con thú, ta biết nó biết chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn ; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt ; đối với loài bay thì ta có thể dùng tên để bắn ; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời, ta không sao biết được ! Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng ?

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa quan là Doãn Hỷ nói :

— Ông sắp đi ẩn rồi, hãy gắng vì ta mà làm sách.

Rồi Lão Tử bèn làm sách, gồm hai thiên thượng, hạ nói về ý nghĩa của « đạo » và « đức » hơn năm nghìn chữ. Đoạn ra đi, không ai biết chết như thế nào.

Có người nói :

— Lão Lai Tử cũng là người nước Sở, làm mười lăm thiên sách nói về công dụng của Đạo gia. Ông ta cũng sống một thời với Khổng Tử. Đại khái Lão Tử sống hơn một trăm sáu mươi tuổi, có người nói ông hơn hai trăm tuổi, vì ông tu đạo để kéo dài tuổi thọ.

Sau khi Khổng Tử mất 129 năm, sử ký chép thái sử nhà Chu tên là Đàm yết kiến Tần Hiến Công, có nói :

— Lúc trước Tần hợp với Chu rồi lại tách, tách trăm năm rồi lại hợp, hợp bảy mươi năm rồi đấng bá vương sẽ xuất hiện.

Có người bảo Đam tức là Lão Tử, có người bảo là không phải. Đời không biết là ai nói phải, ai nói không phải (1).

Lão Tử là người quân tử đi ở ẩn. Con của Lão Tử tên là Tông làm tướng nước Ngụy được phong ở đất Đoan Can. Con của Tông là Chú, con của Chú là Cung, chút của

1. Khổng Tử chủ trương theo lễ nghi của các vua đời trước. Lão Tử bác lại ý kiến đó.

2. Hai câu này đều trong *Đạo Đức Kinh*.

1. Tác giả đưa ra cả ba thuyết về Lão Tử : Lý Nhĩ, Lão Lai Tử, Đam, không khẳng định thuyết nào. Ông thường thận trọng như vậy khi gặp những việc nghi ngờ, tỏ rõ có óc nghiêm túc của sử gia.

Cung là Hà, Hà làm quan thời Hán Văn Đế, con của Hà là Giải làm thái phó của Giao Tây Vương tên là Ngang, nhân đấy cư trú ở Tề. Người đời theo thuyết của Lão Tử thì bài bác Nho học, theo Nho học lại bài bác thuyết của Lão Tử. Phải chăng câu : « Đạo khác nhau không giúp cho nhau » là nghĩa như vậy ? Lý Nhĩ chủ trương « vô vi » mà dân tự cảm hóa, « thanh tĩnh » mà dân tự quay về đường phải (1).

1. Chủ trương của Lão Tử là « thanh tĩnh » (giữ tâm hồn được trong lặng « vô vi » (không bị những ham muốn lôi cuốn).

TRUYỆN TRANG TỬ

TRANG TỬ người huyện Mông tên là Chu. Chu có lần làm lại ở thành Tất Viên thuộc huyện Mông, đồng thời với Lương Huệ Vương và Tề Tuyên Vương (1). Học thuyết của ông không có việc gì là không xét đến, nhưng gốc là theo thuyết của Lão Tử. Ông làm sách có hơn mười vạn chữ, đại để đều theo lối ngụ ngôn. Ông làm những thiên « Ngư phủ », « Đạo chích », « Khư kíp », để chê cười Khổng Tử và làm sáng tỏ học thuyết của Lão Tử. Những thiên « Ôi Hỹ Hư », « Canh Tang Tử » đều là lời bịa đặt, chẳng có việc thực, nhưng ông khéo ghép các đoạn sách, tách ra từng lời để nêu sự việc, xét rành mạch sự tình, nhằm công kích đạo Nho, đạo Mặc, dầu có những bậc tức học cũng không tài nào biện bạch được. Lời của ông mông lung phóng túng để thỏa ý mình, cho nên từ bậc vương công, đại nhân trở xuống đều không ai biết quý trọng tài năng của ông. Uy Vương nước Sở nghe Trang Chu là người hiền, sai sứ mang hậu lễ đón ông để cho ông làm tể tướng, Trang Chu cười bảo sứ giả nước Sở :

1. Tức là đồng thời với Mạnh Tử, nhưng có điều rất lạ là hai người này trong tác phẩm không hề nhắc đến nhau một lời.

— Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy. Nhưng ông không thấy con bò lúc tế giao hay sao? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ, muốn làm con lợn nhỏ có được không? Ông đi ngay cho, đừng làm bẩn đến ta. Ta chỉ chơi đùa trong nơi ngòi vũng để tự vui, không để cho kẻ có nước trói buộc, trọn đời không ra làm quan để thỏa chí ta.

THÂN BẤT HẠI, HÀN PHI LIỆT TRUYỆN

1. THÂN Bất Hại là người đất Kinh, vốn là một viên quan nhỏ ở nước Trịnh, nhờ có học thuật nên thành thân cận với Hàn Chiêu Hầu, Chiêu Hầu dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc. Thân Bất Hại bên trong lo sửa đổi chính sự, lễ giáo, bên ngoài lo đối phó với chư hầu. Suốt trong mười lăm năm, cho đến khi Thân Tử mất, nước được bình yên, binh mạnh, không nước nào xâm lấn nước Hàn.

Học thuyết của Thân Tử gốc ở Hoàng Đế, Lão Tử, nhưng lấy việc « hình danh » (1) làm chủ. Thân Bất Hại có viết quyển sách gồm hai thiên gọi là *Thân Tử*.

2. Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích cái học « hình danh », « pháp thuật ». Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão Tử. Phi là người nói ngọng, không thể biện luận nhưng giỏi về mặt viết sách. Hàn Phi và Lý Tư đều học với Tuân Khanh. Tư tự cho mình kém Phi. Phi thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần viết thư dâng lên can vua Hàn, nhưng vua Hàn không dùng. Hàn Phi ghét những người trị nước không trau dồi làm cho pháp chế sáng rõ, mà muốn dùng cái thế của mình để chế ngự bầy tôi, không lo việc làm cho nước giàu, binh

1. Một chi nhánh của phái Pháp gia.

mạnh bằng cách tìm người xứng đáng, dùng người hiền; trái lại dùng những bọn tham nhũng, dâm loạn, sâu mọt, đặt chúng ở địa vị cao hơn những người có công lao và có thực tài. Phi cho rằng bọn nhà Nho dùng lời văn làm rối loạn luật pháp, bọn du hiệp dùng võ lực phạm đến điều ngăn cấm, gặp lúc yên ổn thì nhà vua dùng bọn ham danh, gặp lúc nguy cấp thì lại dùng kẻ sĩ mang giáp trụ.

Như thế thành ra ngày nay người nhà vua nuôi lại không phải là những người nhà vua cần dùng, những người nhà vua cần dùng đều lại không phải những người nhà vua nuôi. Phi thương xót những người thanh liêm, chính trực, không được bọn tôi gian tà dung tha, nhìn những sự biến đổi tồn vong của các nước ngày xưa, viết « Có phẫn » (sự phẫn nộ của con người có độc) « Ngũ đố » (năm thứ sâu mọt). « Nội ngoại trữ thuyết » (sưu tập những lời bàn về việc trong và việc ngoài) « Thuyết lâm », « Thuyết nan » (cái khó trong việc du thuyết) tất cả hơn mười vạn chữ.

Hàn Phi biết cái khó trong việc du thuyết nên viết chương « Thuyết nan » rất đầy đủ. Cuối cùng Phi chết ở Tần, không thể thoát nạn.

3. « Thuyết nan » nói :

Cái khó trong việc du thuyết không phải là ở chỗ biết những điều cần phải đưa ra nói. Nó cũng không phải ở chỗ mình không biết biện luận. Cũng không phải ở chỗ không trình bày được rõ ràng ý nghĩ của mình. Cũng không phải ở chỗ không dám nói ngang nói dọc cho hết cái ý của mình. Phàm cái khó trong việc du thuyết chính là ở chỗ làm thế nào biết được cái tim của con người mình muốn thuyết phục để dùng cái thuyết của mình mà đối phó

Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái danh cao, mà mình lại đem cái lợi lớn ra thuyết với họ, thì họ sẽ cho mình là bọn hèn hạ, và đối xử như với bọn ty tiện. Thế là thế nào họ cũng vất bỏ ta thật xa. Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái lợi cho lớn, mà mình lại đem cái danh cao ra thuyết với họ thì họ sẽ cho ta không chú ý gì đến thế sự, nói chuyện viển vông, và thế nào họ cũng không dùng. Nếu con người mình muốn du thuyết trong bụng nghĩ đến cái lợi cho lớn nhưng bên ngoài làm ra vẻ muốn cái danh cho cao mà ta đem chuyện danh cao ra thuyết thì bên ngoài họ làm ra vẻ dung nạp cái thân ta, nhưng thực ra thì bỏ rơi ta. Nhưng nếu ta đem chuyện lợi lớn ra nói với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta, nhưng bên ngoài họ sẽ vất bỏ cái thân của ta (1).

Đó là những điều không biết không được.

Phàm việc làm mà thành là do chỗ bí mật ; lời nói mà thất bại là do chỗ bị tiết lộ. Bản thân mình chưa chắc đã tiết lộ ra, nhưng chỉ cần nói đến cái mà người ta giấu thì đã nguy đến thân rồi. Nhà vua có điều sai mà người du thuyết lại dùng những lời sáng tỏ, dùng cái nghĩa lý hay để suy luận ra sai lầm của nhà vua thì nguy đến thân.

Nếu ta chưa được ân huệ nhà vua tới đến mà lại đem hết những điều ta biết ra nói thì hoặc là cái thuyết của ta sẽ được dùng đem đến kết quả nhưng ta chẳng được ơn đức ; hoặc là cái thuyết không được dùng xảy ra thất bại, thế là ta bị nghi ngờ. Như thế thì nguy đến thân.

---

1. Trở lên, nói đến những cái khó trong việc du thuyết, cái khó chính là làm thế nào để dò cho được ý của nhà vua.

Phàm nhà vua được cái kế của ta, nhưng muốn xem đó là công lao của mình, mà người du thuyết lại muốn cùng biết, thế thì nguy đến thân. Nếu nhà vua rõ ràng muốn làm một việc gì và cho đó là công lao của mình mà kẻ du thuyết lại cùng biết điều đó thì nguy đến thân (1). Nếu mình cưỡng ép nhà vua bắt làm những điều nhà vua quyết không làm, bắt bỏ những điều nhà vua quyết không bỏ, thì nguy đến thân (2).

Cho nên nói : Nếu ta đem những người tôn quí trong triều ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho là ta ly gián ; nếu ta đem những người thấp hèn ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho ta muốn bán quyền. Ta bàn đến cái nhà vua thích, thì nhà vua sẽ cho ta là nịnh nọt ; ta bàn đến cái nhà vua ghét, thì nhà vua sẽ cho ta thăm dò nhà vua.

Nếu ta nói tóm tắt, ít lời, thì nhà vua sẽ cho ta không có kiến thức gì và khinh ta. Nếu ta nói mênh mông, lời lẽ phù phiếm, thì nhà vua sẽ thấy là nhiều quá và chán. Nếu ta cứ trình bày sự việc theo ý muốn nhà vua, thì nhà vua sẽ bảo ta « nhút nhát không dám nói hết sự lý ». Nếu ta suy nghĩ sự việc và nói rộng, thì nhà vua sẽ bảo ta « thô lỗ và ngạo mạn ».

Tất cả những điều khó này trong việc du thuyết không thể không biết đến.

Phàm việc thuyết phục là cốt ở chỗ biết tô điểm cho cái mà nhà vua quý trọng, từ bỏ cái mà nhà vua ghét. Hễ nhà vua tự cho cái kế mình là sai, thì ta chớ nêu chỗ nó sai lầm mà bắt bẻ đến cùng. Nếu nhà vua tự cho mình dũng mãnh ở chỗ quyết đoán một việc gì, thì ta

1. Xem thí dụ của Quan Kỳ Tư ở dưới.
2. Nói đến những cái nguy trong việc du thuyết.

chớ đưa ý của ta ra chống lại để làm cho nhà vua nổi giận. Nếu nhà vua cho sức lực mình đủ để làm một việc gì, thì ta chớ đem chuyện khó khăn ra cản trở. Nếu nhà vua muốn mưu việc gì cùng với một người khác, hay khen một người mà nhà vua cùng bàn mưu với họ, thì ta nên tô điểm cho họ và chớ nói gì có hại cho họ. Nếu nhà vua và người ấy thất bại, thì hãy cố gắng tô điểm làm như họ không sai lầm.

Kẻ đại trung không dùng lời lẽ làm phật ý nhà vua, lời can gián cũng không cốt đả kích bài bác gì ai (1). Sau đó mới đem cái tài biện luận và cái khôn của mình ra. Như thế cho nên gần gũi với nhà vua, không bị nhà vua ngờ vực.

Biết hết cái đạo thờ vua là khó. Phải chờ đến khi nào quen biết đã lâu, đã được ân huệ nhiều, bày mưu kế sâu mà không bị nghi, cãi lại ý nhà vua mà không bị tội, lúc bấy giờ mới bày rõ điều lợi hại, để lập được công, nói thẳng điều phải điều trái để cho cái thân mình được sung sướng. Khi nào vua và tôi đối với nhau được như vậy lúc đó là lúc việc du thuyết thành công (2).

Y Doãn làm người nấu bếp. Bách Lý Hề làm người nô lệ đều do con đường hèn hạ mà gặp nhà vua. Cho nên họ đều thành đạt từ chỗ được nhà vua dùng. Hai người này đều là những bậc thánh nhân mà còn không

1. Ý nói người tôi thực trung thì biết tìm cách nói với nhà vua làm sao cho nhà vua nghe theo, không chán nản, lời can ngăn hợp lẽ thì thế nào cũng được nghe. Người làm tôi phải biết kiên nhẫn và lựa lời.
2. Ví như cách làm của Phạm Thư trong *Phạm Thư liệt truyện* (quyển II)

thể không lấy thân mình làm tôi tớ, để bước vào đường đời một cách nhục nhã như vậy (1). Như thế đủ biết đó không phải là điều làm cho những bầy tôi tài giỏi phải xấu hổ.

Nước Tống có người nhà giàu. Trời mưa, tường hư hỏng. Người con nói : « Nếu không xây tường thì sẽ bị kẻ trộm ăn trộm ». Cha của người hàng xóm cũng khuyên như vậy.

Đêm ấy, quả nhiên trong nhà mất của. Nhà ấy khen người con là khôn mà nghi cha của người hàng xóm.

Ngày xưa Trịnh Vũ Công muốn đánh Hồ, bèn gả con gái cho người Hồ. Nhân đấy, nhà vua hỏi quần thần :

— Ta muốn dùng binh, nên đánh ai ?

Quan Kỳ Tư nói :

— Nên đánh Hồ.

Nhà vua bèn giết Quan Kỳ Tư, nói :

— Hồ là nước anh em của ta, tại sao nhà ngươi lại nói nên đánh ?

Vua nước Hồ nghe tin ấy, cho nước Trịnh là chỗ thân thiết với mình nên không đề phòng. Nước Trịnh đánh úp và lấy Hồ.

Hai điều nói trên chứng tỏ là hai người đều biết đúng sự thực nhưng người rủi nhất thì bị giết, người bị thiệt hại ít nhất, cũng bị nghi. Như thế đủ biết cái khó không phải ở chỗ biết, cái khó là ở chỗ dùng cái biết của mình (2). Ngày xưa, Di Tử Hà (3) được vua

1. Chủ ý của bọn du thuyết là đạt đến công danh bất chấp thủ đoạn cho nên lấy Y Doãn và Bách Lý Hề để làm chứng cho thái độ vô liêm sỉ của họ.

2. Nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài.

3. Một người bầy tôi yêu của vua Linh Công nước Vệ.

nước Vệ yêu, theo pháp luật của nước Vệ, ai tự tiện đi xe của nhà vua là bị tội chặt chân. Được ít lâu mẹ Di Tử mắc bệnh. Có người nghe tin đang đêm đến báo với Di Tử Hà. Di Tử Hà trái lệnh, đi ra bằng xe ngựa của vua.

Nhà vua nghe tin cho là người hiền, nói :

— Thực là người có hiếu ! Vì mẹ mà phạm tội bị chặt chân.

Di Tử Hà đi chơi với nhà vua trong vườn quả. Di Tử Hà ăn quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng nhà vua. Nhà vua nói :

— Anh tử thật yêu ta ! Quên cái miệng của mình mà nhớ đến ta. Đến khi Di Tử nhan sắc kém, lòng vua yêu bớt đi, lại phạm tội. Nhà vua nói :

— Nó đã có lần tự tiện đi xe ngựa của ta, lại có lần bắt ta ăn quả đào thừa của nó.

Cho nên việc làm của Di Tử không khác, nhưng lần trước được khen là hiền, lần sau lại phạm tội. Đó là vì lòng yêu ghét hết sức thay đổi. Cho nên được nhà vua yêu thì cái khôn của mình càng làm cho mình được thân, bị nhà vua ghét thì cái tội của mình càng làm cho mình bị ruồng bỏ. Những kẻ sĩ đi du thuyết không thể không xét đến chỗ nhà vua yêu và ghét cái gì, rồi sau đó mới thuyết phục (1).

Rồng là một vật có thể đùa bỡn, thậm chí có thể cưỡi. Nhưng ở dưới cái cổ của nó có cái vảy ngược dài một thước. Ai động đến thì bị nó giết ngay. Các vị vua chúa cũng có cái vảy ngược, kẻ du thuyết không sờ phải cái vảy ngược của vua chúa thì ngõ hầu mới là người giỏi.

4. Có người đem sách của Hàn Phi đến nước Tần. Vua Tần đọc « Cô phẫn », « Ngũ đố », nói :

1. Nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài.

— Than ôi ! quả nhân mà được chơi bời với con người này thì có chết cũng không ăn năn (1).

Lý Tư nói :

— Đó là sách Hàn Phi làm đấy !

Vua Tần liền vội vàng đánh Hàn. Lúc đầu vua Hàn không dùng Phi, đến khi nguy cấp bèn sai Phi đi sứ sang Tần. Vua Tần mừng rỡ, nhưng chưa tin dùng. Lý Tư và Diêu Giả ganh ghét Hàn Phi, gièm Hàn Phi, nói :

— Hàn Phi là công tử nước Hàn. Nay nhà vua muốn thôn tính tất cả nước chư hầu, nhưng Phi thì rốt cục chỉ lo cho Hàn chứ không lo cho Tần, thường tình con người ta vẫn thế. Nay nhà vua không dùng, giữ lại đây lâu rồi cho về, thế là gây cho mình một mối lo. Không bằng lấy cớ làm trái pháp luật mà giết đi.

Vua Tần cho là phải, giao cho quan lại trị tội Phi. Lý Tư sai người đưa thuốc độc để cho Phi tự sát. Phi muốn bày tỏ trước mặt nhà vua nhưng không được nhà vua tiếp. Sau đó nhà vua hối tiếc sai người tha Phi thì Phi đã chết rồi.

5. Thân Tử, Hàn Tử đều làm sách, truyền đến đời sau, những người học giả nhiều người có. Riêng tôi chỉ tiếc cho Hàn Phi viết « Thuyết nan » mà vẫn không thể thoát khỏi chết.

Thái Sử Công nói :

1. Văn của Hàn Phi chặt chẽ, khúc chiết, phân tích rất tỉ mỉ và làm người ta có cảm tưởng đọc một luật gia La Mã. Toàn bộ *Hàn Phi Tử* đều viết với lời văn như vậy, với một phong cách rất độc đáo đối với Trung Quốc cổ.

Lão Tử chủ trương « đạo » thì « hư » không có nguồn gốc, biến hóa từ chỗ « vô vi » cho nên làm sách lời vi diệu, khó hiểu. Trang Tử nói rộng về « đạo » và « đức », nhưng điều chủ yếu trong học thuyết cũng quay về tự nhiên. Thân Tử chăm chú trình bày về cái « danh » và cái « thực ». Hàn Tử đưa ra tiêu chuẩn để xét sự việc, phân biệt điều phải điều trái. Học thuyết ông ta hết sức thảm khắc, ít dùng ân đức. Tất cả điều đó đều do học thuyết về « đạo » và « đức » mà ra. Chỉ có Lão Tử thực là sâu sắc và xa rộng vậy ! (1).

1. Tư Mã Thiên thường hay ca ngợi Lão Tử. Những điều nói ở đây là theo bài « Lục gia yếu chỉ » (tư tưởng chủ yếu của sáu nhà) của Tư Mã Đàm trong đó tác giả phân tích các học thuyết của Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, Âm Dương gia, Danh gia, Nho gia chủ yếu là đề cao Đạo gia.

TƯ MÃ NHƯƠNG THƯ LIỆT TRUYỆN

1. Tư Mã Nhương Thư [1] là con cháu Điền Hoàn. Trong thời Tề Cảnh Công, nước Tấn đánh các đất A, Chân ; nước Yên xâm phạm đất Hà Thượng. Quân Tề bị đánh bại. Cảnh Công lo lắng. Ấn Anh bèn tiến cử Điền Nhương Thư, nói :

— Nhương Thư tuy là đứa con vợ mọn [2] của họ Điền nhưng người này về mặt văn thì có thể làm cho dân chúng theo mình ; về mặt võ có thể làm cho quân địch sợ uy. Xin nhà vua thử dùng xem.

Cảnh Công cho mời Nhương Thư cùng bàn việc binh. Cảnh Công rất thích Nhương Thư, cho làm tướng quân, cầm binh chống lại quân Yên và quân Tấn. Nhương Thư nói :

— Thần vốn là kẻ thấp hèn được nhà vua cất nhắc từ nơi làng xóm lên giữ địa vị ở trên các đại phu. Sĩ tốt chưa theo, trăm họ không tin ; người không có tiếng tăm, uy quyền ít. Xin nhà vua cho một người tôi yêu của

1. Nhương Thư họ Điền nhưng vì làm đại tư mã nên gọi là Tư Mã.

2. Con của người tỳ thiếp. Ở dưới lại nói Nhương Thư là kẻ thấp hèn.

nhà vua, được cả nước quý trọng để làm giám quân [1], như thế mới được.

Cảnh Công bèn nghe lời cho Trang Giả đến. Sau khi từ giã nhà vua, Nhương Thư hẹn với Trang Giả :

— Sáng ngày mai vào lúc mặt trời đứng bóng thì họp ở cửa quân doanh.

2. Nhương Thư ruổi ngựa đến quân doanh trước, sai đặt một cái đồng hồ nước và dựng dưới một cái cột gỗ để làm nêu nhìn bóng mặt trời, đợi Giả. Giả vốn là người kiêu ngạo xuất thân nơi quyền quý, cho rằng mình cầm đầu quân lại làm giám quân cho nên không vội vã. Thân thích bạn bè tiễn đưa ông ta, giữ ông ta ở lại uống rượu. Mặt trời đã đứng bóng mà Giả vẫn chưa đến. Nhương Thư bèn vật ngã cây gỗ làm nêu, đổ nước trong đồng hồ ra đoạn vào duyệt hàng ngũ điều khiển quân đội, nêu cao kỷ luật. Sau khi ban bố kỷ luật xong, đến chiều Trang Giả mới đến. Nhương Thư hỏi :

— Tại sao đến muộn ?

Giả xin lỗi đáp :

— Thân thích bà con tiễn đưa tôi, cho nên đến chậm.

Nhương Thư nói :

— Làm tướng, một khi đã nhận mệnh lệnh là quên nhà, khi coi kỷ luật của quân ngũ thì quên cha mẹ, khi tiếng trống đánh gấp thì quên thân mình. Nay quân địch xâm nhập sâu, trong nước nhốn nháo, sĩ tốt phơi bày ở nơi biên giới, nhà vua nằm không ấm chiếu, ăn không biết ngon, tính mệnh trăm họ đều treo ở ông, tại sao lại nói chuyện tiễn đưa nhau ?

Bèn gọi người coi việc pháp luật trong quân ngũ, hỏi :

1. Chức quan coi kỷ luật trong quân đội.

— Theo phép quân, hẹn mà đến muộn thì thế nào ?

Người kia nói :

— Bị tội chém.

Trang Giả hoảng sợ, sai người ruổi ngựa báo với Cảnh Công, xin nhà vua cứu cho. Người kia ra đi, chưa về kịp thì Trang Giả đã bị chém để nêu gương cho ba quân. Tướng sĩ trong ba quân đều run sợ.

3. Mãi về sau, Cảnh Công sai sứ giả cầm cờ tiết đến tha cho Giả. Sứ giả phi ngựa vào trong quân doanh. Nhương Thư nói :

— Viên tướng đã ở trong quân ngũ thì có khi không theo lệnh nhà vua.

Và hỏi người coi việc pháp luật trong quân ngũ :

— Ở trong quân doanh không được phi ngựa ! Nay sứ giả phi ngựa thì thế nào ?

— Đáng chém !

Sứ giả hoảng sợ. Nhương Thư nói :

— Sứ giả của nhà vua không thể giết.

Bèn chém cái cây gỗ ở bên trái thành xe và con ngựa đi bên trái trong số ba con ngựa để nêu gương cho ba quân. Nhương Thư bảo sứ giả trở về báo, sau đó mới cho quân ra đi.

Quân sĩ dừng lại nghỉ, lấy nước, nấu cơm, ăn uống. Nhương Thư thân hành thăm hỏi sức khỏe, cho thuốc, vỗ về thăm hỏi họ, đem tất cả tiền lương của vị tướng quân chia cho sĩ tốt, cùng sĩ tốt nhận phần lương thực như nhau, hết sức giúp đỡ người yếu đuối mệt mỏi.

Sau ba ngày cầm quân ra trận, binh sĩ người nào ốm cũng xin đi, tranh nhau xông ra giao chiến. Quân Tấn nghe vậy bãi binh về. Quân Yên nghe vậy vượt sông

bỏ chạy và giải vây. Nhương Thư đuổi đánh lấy lại được tất cả đất đai ở biên giới cũ đã bị mất. Nhương Thư đem quân về. Trước khi về kinh đô, Nhương Thư cho binh sĩ về, bỏ những điều ràng buộc (1), ăn thề rồi mới vào thành. Cảnh Công cùng các quan đại phu ra ngoài thành đón tiếp, úy lạo quân sĩ, làm lễ xong mới trở về nghỉ.

Tề Cảnh Công bèn tôn Nhương Thư làm đại tư mã.

Họ Điền ngày càng được tôn quý ở nước Tề. Được ít lâu các đại phu Bào Thì, bọn Cao và Quốc định hại Nhương Thư, nói xấu Nhương Thư với Cảnh Công. Cảnh Công bỏ Nhương Thư. Thư phát bệnh mà chết. Bọn Điền Khuất, Điền Báo oán bọn Cao và Quốc. Về sau Điền Thường giết Giản Công, giết tất cả họ của Cao và Quốc. Chắt của Điền Thường là Điền Hòa bèn tự lập làm Tề Uy Vương, Uy Vương dùng binh và ra uy đều theo phép tắc của Nhương Thư. Các chư hầu triều cống nước Tề. Tề Uy Vương sai các quan đại phu khảo sát binh pháp của Tư Mã ngày xưa trong đó có thêm Nhương Thư, do đó gọi quyển sách ấy là *Tư Mã Nhương Thư binh pháp*.

Thái Sử Công nói :

Tôi đọc *Tư Mã binh pháp* thấy bao la, sâu sắc, tuy việc chinh phạt trong thời Tam Đại cũng chưa nói hết cái nghĩa của nó. Cái văn ấy khó lòng thêm được gì. Nhưng nếu Nhương Thư cầm đầu đạo quân của một nước nhỏ bé thì còn ai công hơi đâu nói đến sách *Tư Mã binh pháp* nữa ! Trong đời nhiều người khen sách binh pháp của Tư Mã Nhương Thư, cho nên tôi không nói đến sách ấy mà viết liệt truyện về Nhương Thư.

---

1. Ý nói bãi bỏ những điều lệ, kỷ luật quân sĩ phải theo khi có chiến tranh.

NGŨ TỬ TƯ LIỆT TRUYỆN

1. NGŨ Tử Tư là người nước Sở, tên là Viên. Cha của Viên là Ngũ Xa, anh của Viên là Ngũ Thượng, tổ tiên là Ngũ Cử thờ vua Sở Trang Vương hay can thẳng có danh vọng cho nên đời sau nổi tiếng ở Sở.

2. Sở Bình Vương có thái tử tên là Kiến, Bình Vương sai Ngũ Xa làm thái phó, Phí Vô Kỵ làm thiếu phó. Vô Kỵ không trung với thái tử Kiến, Bình Vương sai Vô Kỵ cưới vợ cho thái tử ở Tần. Người con gái ở Tần đẹp, Vô Kỵ ruỗi ngựa về báo với Bình Vương.

— Người con gái ở nước Tần rất đẹp, nhà vua có thể lấy cho mình mà cưới một người vợ khác cho thái tử.

Bình Vương bèn lấy người con gái nước Tần, rất yêu quý nàng, sinh con là Chẩn và cưới một người vợ khác cho thái tử. Vô Kỵ sau khi đã đem người con gái nước Tần dâng vua Bình Vương để lấy lòng nhà vua, bèn bỏ thái tử mà thờ Bình Vương. Vô Kỵ sợ một ngày kia Bình Vương mất đi, thái tử lên ngôi sẽ giết mình nên gièm thái tử Kiến. Mẹ của Kiến là người đất Thái, không được Bình Vương yêu. Bình Vương càng bỏ xa Kiến, sai Kiến giữ huyện Thành Phụ, để phòng bị ở biên giới.

Được ít lâu, Vô Kỵ lại ngày đêm nói xấu thái tử với vua :

— Thái tử không thể không oán giận về chuyện người con gái nước Tần. Xin nhà vua cẩn thận đề phòng. Từ khi cầm quân ở Thành Phụ, thái tử giao thiệp với chư hầu xem ra có ý muốn vào làm loạn.

Bình Vương bèn mời thái phó của thái tử là Ngũ Xa vào xét hỏi. Ngũ Xa biết Vô Kỵ gièm thái tử với Bình Vương, nhân nói :

— Tại sao nhà vua lại vì một kẻ bầy tôi nhỏ bé siểm nịnh, tàn tạc mà làm hại đến tình cốt nhục ?

Vô Kỵ nói :

— Nếu ngày nay nhà vua không lo ngăn cản đi thì việc sẽ xảy ra, nhà vua sẽ bị bắt.

Bình Vương nổi giận bỏ tù Ngũ Xa rồi sai Tư Mã Phấn Dương đến Thành Phụ giết thái tử. Đi chưa đến nơi, Phấn Dương sai người báo trước với thái tử, nói thái tử hãy trốn đi ngay, nếu không sẽ bị giết. Thái tử Kiến trốn sang nước Tống.

Vô Kỵ nói với Bình Vương :

— Ngũ Xa có hai người con, đều là những người tài giỏi, nếu không giết thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Ta có thể lấy cha họ làm con tin mà gọi họ đến. Nếu không, họ sẽ là mối lo cho nước Sở.

Nhà vua sai sứ giả nói với Ngũ Xa :

— Nếu nhà ngươi có thể gọi hai người con đến thì sẽ được sống, nếu không gọi được thì nhà ngươi sẽ bị giết.

Ngũ Xa nói :

— Thượng là người nhân hậu, nếu gọi thế nào cũng đến. Còn Viên là người cứng rắn, ngang bướng (1), có thể nhẫn nhục làm được việc lớn. Nó thấy đến sẽ bị bắt, thì thế nào cũng không đến.

Nhà vua không nghe, sai người gọi hai người con. Sứ giả nói :

— Các ngươi đến thì ta sẽ tha cho cha các ngươi được sống ; các ngươi không đến thì ta sẽ giết Xa.

Ngũ Thượng muốn đi, Viên nói :

— Vua Sở gọi hai anh em ta đến không phải là muốn cho cha chúng ta sống đâu. Ông ta sợ có người trốn thoát sau này sẽ gây mối lo cho nên lấy cha chúng ta làm con tin, lừa gọi hai anh em ta đến. Hai anh em ta đến thì cha con đều chết chứ chẳng có ích lợi gì hết. Cha chúng ta chết, chúng ta đến chỉ làm cho sau này không có ai mà trả thù mà thôi. Không bằng trốn sang nước khác, mượn sức mạnh của nó mà rửa cái nhục của cha. Nếu tất cả đều chết thật không làm được việc gì hết.

Ngũ Thượng nói :

— Ta biết đến thì cuối cùng cũng không thể bảo toàn được tính mạng của cha. Nhưng chỉ tiếc một điều cha gọi ta đến để mong được sống mà ta không đến, sau này không thể rửa được điều nhục, rốt cục bị thiên hạ cười mà thôi.

Thượng bảo Viên :

— Em trốn đi ! Em có thể trả thù cho cha. Anh sẽ về chịu chết.

Thượng để cho người ta bắt. Sứ giả bắt Ngũ Tử Tư, nhưng Ngũ Tử Tư trương thẳng cung lắp tên vào nhằm

1. Câu này đánh giá tính cách của Tử Tư.

sứ giả dọa bắn, sứ giả không giám tiến. Ngũ Viên bèn bỏ trốn.

Nghe nói thái tử Kiến ở Tống, Ngũ Viên đến đấy theo thái tử. Xa nghe tin con mình là Tử Tư đã trốn thoát, nói :

— Vua tôi nước Sở rồi sẽ khổ cực về việc binh đao đây !

3. Ngũ Thượng đến Sở, Sở giết cả Xa lẫn Thượng. Ngũ Tử Tư đến Tống. Tống gặp cái loạn họ Hoa (1) Tử Tư bèn cùng thái tử Kiến trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh rất quý họ. Thái tử Kiến lại sang Tấn. Tấn Khoảnh Công nói :

Thái tử đã quen nước Trịnh, nước Trịnh tin thái tử, nếu thái tử có thể làm nội ứng cho ta, còn ta đánh bên ngoài thì thế nào cũng diệt được Trịnh. Nếu diệt được Trịnh, ta sẽ phong đất cho thái tử.

Thái tử bèn trở về Trịnh. Việc này chưa xảy ra thì gặp lúc thái tử muốn giết một người đi theo mình. Người này biết mưu ấy bèn báo với Trịnh. Trịnh Định Công cùng Tử Sản giết thái tử Kiến.

Kiến có người con tên là Thắng. Ngũ Viên sợ, bèn cùng Thắng bỏ trốn sang Ngô. Đến cửa ải Chiêu Quan, người Chiêu Quan muốn bắt. Ngũ Viên bèn cùng Thắng đi bộ bỏ chạy, suýt nữa thì không thoát được. Người đuổi theo ở đằng sau. Khi qua sông Giang, trên sông có một người đánh cá đang chèo. Ông ta biết Ngũ Tử Tư nguy cấp bèn chở thuyền cho Tử Tư. Sau khi qua sông, Ngũ Tử Tư cởi thanh kiếm nói :

1. Năm 522 trước công nguyên bọn Hoa Hợi, Hoa Ninh, Hoa Định muốn cướp ngôi Sở, sau đó bỏ trốn.

— Thanh kiếm này giá đáng trăm lạng vàng, tôi xin biếu cụ.

Cụ già nói :

— Theo phép nước Sở, ai bắt được Ngũ Tử Tư thì thưởng năm vạn thạch lúa, lước đến bậc cầm ngọc khuê, chứ có phải chỉ thưởng cái kiếm giá trăm lạng vàng đâu ?

Ông cụ không nhận. Ngũ Tử Tư chưa đến đất Ngô, bị bệnh, dừng lại giữa đường, ăn xin.

Khi Tử Tư đến Ngô, vua Ngô là Liêu vừa mới dùng công tử Quang làm tướng. Ngũ Tử Tư bèn nhờ công tử Quang để xin yết kiến vua Ngô.

Sau đó ít lâu, Sở Bình Vương vì việc cái ấp ở biên giới nước Sở là Chung Ly cùng ấp Ty Lương ở biên giới nước Ngô đều làm nghề nuôi tằm, con gái hai bên tranh nhau đất trồng dâu, đi đến đánh nhau, nên nổi giận, đến nỗi hai nước đem binh đánh nhau. Ngô sai công tử Quang đánh Sở, lấy đất Chung Ly và Cư Sào của Sở rồi đem quân về. Ngũ Tử Tư nói với vua Ngô là Liêu :

— Có thể đánh bại được nước Sở, xin nhà vua sai công tử Quang đi đánh lần nữa.

Công tử Quang nói với vua Ngô :

— Anh chàng Ngũ Tử Tư kia vì cớ cha và anh đều bị giết ở Sở nên khuyên nhà vua đánh Sở. Chẳng qua anh ta muốn báo cái thù riêng mà thôi. Nếu ta đánh Sở thì cũng chưa thể đánh bại được nó.

Ngũ Tử Tư biết đối với việc trong, công tử Quang đang ôm ấp một chí riêng, công tử Quang muốn giết vua để tự lập làm vua nên không thể đem việc ngoài (1)

1. Việc ngoài là việc đánh nhau với nước ngoài đối lập với việc trong là việc cướp ngôi vua Ngô.

ra thuyết ông ta được. Tử Tư bèn tiến cử Chuyên Chư với công tử Quang, còn mình rút lui cùng con của thái tử Kiến là Thắng cày ở đồng nội.

Sau năm năm, Sở Bình Vương mất. Trước kia Bình Vương cướp người con gái nước Tần của thái tử Kiến, lấy nàng và sinh con là Chẩn. Đến khi Bình Vương chết, Chẩn được lập để nối ngôi tức là Chiêu Vương. Ngô Vương là Liêu nhân lúc nước Sở có tang, sai hai công tử đem binh đánh úp nước Sở. Nước Sở đem binh chặn mất đường về của quân Ngô, quân Ngô không thể về. Nước Ngô bấy giờ trong nước trống rỗng.

Công tử Quang bèn sai Chuyên Chư bất ngờ đâm chết Ngô Vương là Liêu và tự lập làm vua. Đó là vua Hạp Lư của nước Ngô. Sau khi được lập, thỏa được chí nguyện của mình, Hạp Lư bèn gọi Ngũ Viên cho làm hành nhân (1) để cùng mưu việc nước. Nước Sở giết quan đại thần của mình là Khước Uyển và Bá Châu Lê, cháu của Bá Châu Lê là Phì chạy trốn sang Ngô. Ngô cũng cho Phì làm đại phu.

4. Trước đấy, vua Ngô sai hai công tử cầm quân đánh Sở, bị chặn đường không về được. Sau đó hai người lại nghe tin Hạp Lư giết vua là Liêu mà tự lập nhà vua, bèn đem quân đầu hàng Sở. Sở phong cho họ ở Thư.

Hạp Lư lên ngôi được ba năm, bèn đem quân cùng Ngũ Tử Tư và Bá Phì đánh Sở, lấy đất Thư bắt hai vị tướng quân của Ngô đã làm phản. Nhân đấy Hạp Lư muốn đánh đến Sính. Tướng quân Tôn Vũ can :

— Dân mệt nhọc, chưa có thể đánh, hãy chờ.

1. Chức quan lo tiếp khách và nhận những vật người ta dâng cho nhà vua.

Hạp Lư bèn quay về.

Năm thứ tư, Ngô đánh Sở lấy hai huyện Lục và Tiềm.

Năm thứ năm Ngô đánh Việt thua (1).

Năm thứ sáu, Sở Chiêu Vương sai công tử Nang Ngõa cầm quân đánh Ngô. Ngô sai Ngũ Viên đón đánh, phá tan quân Sở ở Dự Chương, lấy đất Cư Sào của Sở.

Năm thứ chín, vua Ngô là Hạp Lư bảo Tử Tư và Tôn Vũ :

— Trước đây các ông nói chưa có thể vào được thành Sính, bây giờ thì thế nào ?

Hai người đều nói :

— Tưởng Sở Nang Ngõa tham lam. Dân đất Đường, đất Thái đều oán giận hắn. Nếu nhà vua muốn đánh Sở một trận lớn thì trước tiên phải làm cho dân Đường và Thái theo mới được.

Hạp Lư nghe lời, đem tất cả quân sĩ cùng dân Đường và Thái đánh Sở. Quân Ngô và quân Sở dàn trận sát sông Hán Thủy. Em của vua Ngô là Phù Khái cầm quân xin theo, nhà vua không nghe, Khái bèn đem bộ hạ của mình năm nghìn người đánh tướng Sở Tử Thường (2) Tử Thường thua, chạy sang đất Trịnh. Quân Ngô bèn thừa thắng tiến lên, đánh năm trận rốt cục tiến đến thành Sính. Ngày kỷ mão, Sở Chiêu Vương bỏ chạy. Ngày canh thìn Ngô Vương vào thành Sính. Chiêu Vương bỏ trốn vào đầm Vân Mộng, bọn ăn trộm đánh nhà vua, nhà vua chạy vào nước Vân. Em của Vân Công là Hoài nói :

— Bình Vương giết cha ta, ta giết con hắn cũng được chứ sao ?

1. Về tất cả việc đánh nhau giữa Ngô và Việt, xem « Việt Vương Câu Tiễn thế gia ».

2. Tức Nang Ngõa.

Vân Công sợ em mình giết nhà vua nên cùng nhà vua trốn sang đất Tùy.

Quân Ngô vây thành Tùy, bảo người Tùy :

— Con cháu của họ Chu ở Hán Xuyên đều sẽ bị quân Sở giết hết.

Người Tùy muốn giết nhà vua, nhưng người con của nhà vua là Cơ giấu vua đi và tự xưng làm vua để thay thế. Dân thành Tùy bói xem có nên nộp nhà vua cho quân Ngô không. Quẻ bói không tốt, họ bèn từ chối không trao nhà vua cho quân Ngô.

Trước đây, Ngũ Viên chơi với Thân Bao Tư. Khi trốn đi, Viên có bảo Bao Tư :

— Tôi thế nào cũng lật đổ nước Sở.

Bao Tư nói :

— Tôi thế nào cũng bảo tồn được nước Sở.

Đến khi quân Ngô vào thành Sính, Ngũ Tử Tư tìm Chiêu Vương không được, bèn sai đào mả Sở Bình Vương lên, đem thây ra quất ba trăm roi. Thân Bao Tư lúc này đã bỏ trốn vào trong núi, sai người bảo Tử Tư :

— Nhà ngươi báo thù sao mà quá thế ? Ta nghe nói người mà đông thì thắng trời, trời định cũng có thể phá người. Nhà ngươi là tôi của Bình Vương, đã từng quay mặt về hướng Bắc mà thờ nhà vua, nay làm gì đến nỗi trừng phạt cả thây người chết như vậy ? Như thế chẳng phải là vô đạo hết sức sao ?

Ngũ Tử Tư nói :

— Ông xin lỗi Thân Bao Tư hộ tôi, bảo : « Tôi trời chiều, đường xa, cho nên gặp việc trái với đạo lý cũng cứ làm » (1).

1. Ý nói có dịp được báo thù là làm, kể gì đến đạo lý. Câu này sau thành một thành ngữ.

Thân Bao Tư bèn chạy sang Tần cầu cứu trong cảnh nguy cấp. Vua Tần không nghe. Bao Tư đứng trước sân vua Tần khóc bảy ngày đêm không dứt tiếng. Tần Ai Công thương nói :

— Nước Sở tuy vô đạo nhưng có bầy tôi như thế lẽ nào không bảo tồn nó !

Bèn sai năm trăm cỗ xe đi cứu Sở, đánh Ngô. Tháng sáu, đánh quân Ngô thua ở Tắc. Gặp lúc vua Ngô ở lâu tại đất Sở để tìm Chiêu Vương. Phù Khái, em của Hạp Lư bèn trốn về tự lập làm vua. Hạp Lư nghe tin ấy liền bỏ Sở trở về đánh Phù Khái. Phù Khái thua chạy sang Sở. Sở Chiêu Vương thấy nước Ngô có nội loạn lại về thành Sính, phong Phù Khái ở Đương Khê, làm thành họ Đương Khê. Sở lại giao chiến với Ngô, đánh bại Ngô. Vua Ngô bèn rút về.

Hai năm sau, Hạp Lư sai thái tử Phù Sai cầm quân đánh Sở lấy đất Bàn. Sở sợ Ngô lại đem quân đến, bèn dời đô từ Sính đến Nhược. Lúc bấy giờ nước Ngô nhờ mưu của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, phía tây đánh bại nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp các nước Tề, Tấn, phía nam chinh phục người Việt. Sau đó bốn năm, Khổng Tử làm tướng quốc nước Lỗ. Năm năm, Ngô đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn đón, đánh bại quân Ngô ở Cô Tô, làm Hạp Lư bị thương ở ngón tay. Quân Ngô phải rút lui, Hạp Lư bị bệnh vì vết thương, sắp chết bảo thái tử Phù Sai :

— Con có quên Câu Tiễn giết cha con không ?

Phù Sai đáp :

— Con không dám quên.

Đêm ấy, Hạp Lư chết. Khi được lập làm vua (năm 494 trước công nguyên) Phù Sai cho Bá Phì tìm thái tể, tập dượt việc chiến trận và bắn tên trong hai năm. Sau

đó quân Ngô đánh bại quân Việt ở Phù Tiêu. Vua Việt Câu Tiễn bèn đem số quân còn lại năm nghìn người lên núi Cối Kê, sai quan đại phu là Chủng đem lễ vật hậu đến đưa cho quan thái tể của Ngô là Phì để xin giảng hòa, nộp nước xưng là thần. Ngô Vương toan bằng lòng. Ngũ Tử Tư nói :

— Vua Việt là con người có thể chịu đựng cảnh khổ cực đắng cay, nếu ngày nay nhà vua không diệt đi thì sau này nhất định sẽ hối hận.

Vua Ngô không nghe, dùng kế của thái tể là Phì, cùng giảng hòa với Việt.

Sau đó năm năm, vua Ngô nghe tin Tề Cảnh Công chết, các quan đại thần tranh nhau để được nhà vua yêu, vị vua mới nhu nhược, bèn cất quân đi về hướng bắc đánh Tề, Ngũ Tử Tư can :

— Câu Tiễn ăn không hai món, viếng người chết thăm hỏi người ốm, ý muốn có lúc dùng đến dân. Con người ấy không chết thì còn là cái mối lo cho nước Ngô. Nay Ngô có Việt cũng như con người có cái bệnh trong gan trong ruột, thế mà nhà vua lại không lo đánh Việt trước, mà lo đánh Tề, chẳng phải là sai lầm sao ?

Vua Ngô không nghe, đánh Tề, quân Tề bị thua to ở Ngải Lăng, quân Ngô thì uy với các vua nước Trâu và nước Lỗ rồi trở về, lại càng bỏ lơ mưu kế của Tử Tư.

Sau đó bốn năm, vua Ngô đem quân về hướng bắc đánh Tề. Vua Việt Câu Tiễn dùng mưu của Tử Cống đem quân giúp Ngô, lại đem của quý đưa cho thái tể là Phì. Quan thái tể là Phì đã mấy lần nhận lễ vật của Việt, lại càng yêu quý, và tin nước Việt. Ngày đêm Phì bày đặt lời nói với vua Ngô. Vua Ngô tin dùng kế của Phì. Ngũ Tử Tư can :

— Nước Việt là cái bệnh trong gan trong ruột của ta. Nay nhà vua nghe những lời phù phiếm, dối trá của nó mà tham đất Tề, đem quân đánh Tề. Tề cũng ví như ruộng đá không dùng được vào việc gì. Vả lại trong bài cáo của Bàn Canh (1) có nói : « Có bọn cuồng loạn láo xược phải giết hết đi khiến cho chúng không còn có con cháu gì nữa, không cho chúng được làm hại cái giống tốt ở ấp này ». Đó là điều đã làm cho nhà Thương hưng thịnh. Xin nhà vua bỏ nước Tề mà đánh nước Việt trước. Nếu không làm thế thì sau này có hối cũng không kịp nữa.

Nhưng vua Ngô không nghe, sai Tử Tư đi sứ sang Tề. Lúc ra đi, Tử Tư dặn con :

— Ta đã mấy lần can nhà vua nhưng nhà vua không nghe. Lần này ta sẽ thấy nước Ngô mất đây ! Mày cùng chết với nước Ngô thì vô ích.

Bèn gửi người con cho Bão Mục ở Tề mà trở về báo với vua Ngô. Quan thái tể nước Ngô là Phỉ vốn đã có hiềm khích sẵn với Tử Tư, nhân đấy nói dèm :

— Tử Tư là người cứng rắn, tàn bạo, ít ân đức, hay nghi ngờ. Ông ta oán trách, tôi sợ sẽ xảy ra tai họa lớn. Trước đây, nhà vua muốn đánh nước Tề, Tử Tư cho là không thể được. Nhà vua cuối cùng đánh Tề và có công lớn, Tử Tư xấu hổ về chỗ mưu kế của mình không được dùng, nên quay ra oán trách. Ngày nay, nhà vua lại đánh nước Tề, Tử Tư chỉ chuyên ra sức can ngăn, mắng nhiếc những người làm quan, chỉ trông nước Ngô thua để cho cái mưu của mình được thắng mà thôi. Nay nhà vua đem tất cả vũ lực trong nước để

1. Vua đời Thương cai trị từ 1401 đến 1374 trước công nguyên. Câu này lấy trong *Kinh Thư*.

đánh Tề, Tử Tư c[illegible], nhà vua không nghe bèn cáo bệnh không đi theo. Nhà vua không thể không phòng bị, cái việc gây họa không khó đâu. Vả lại, Phỉ sai người rình mò xem thì khi ông ta đi sứ sang Tề, ông ta giao con cho họ Bão ở Tề. Phàm con người làm bầy tôi người ta mà bên trong không được vừa lòng, bên ngoài dựa vào chư hầu, tự cho mình là mưu thần của tiên vương, nay không được dùng, thường uất ức oán trách, vậy xin nhà vua phải lo liệu sớm đi.

Vua Ngô nói :

— Nếu không có lời nói của nhà ngươi thì ta cũng đã nghi hắn.

Bèn sai sứ giả trao cho Ngũ Tử Tư thanh kiếm Chúc Lâu nói :

— Nhà ngươi hãy chết bằng cái này !

Ngũ Tử Tư ngẩng lên trời than :

— Than ôi ! tên sàm thần Phỉ làm loạn rồi ! Nhà vua quay lại giết ta. Ta làm cho cha nhà ngươi thành « bá ». Từ khi ngươi chưa được lập làm vua, các công tử tranh giành nhau, nếu ta không liều chết can ngăn tiên vương thì ngươi cơ hồ không được lập. Khi được lập làm vua, ngươi muốn chia nước Ngô cho ta, nhưng ta không dám mong như vậy. Thế mà nay ngươi nghe lời bọn tôi siểm nịnh, giết bậc trưởng giả.

Bèn nói với người xá nhân :

— Thế nào cũng phải trồng trên mộ ta một cây tử để có thể làm quan tài. Hãy móc mắt ta treo trên cửa phía đông của nước Ngô để cho nó thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô.

Bèn tự đâm cổ chết.

Vua Ngô nghe tin nổi giận bèn đem thây Tử Tư, nhét vào túi da ngựa, thả trôi trên sông Giang. Người nước

Ngô thương Tử Tư lập đền thờ trên sông Giang, nhân gọi nó là Tử Sơn.

Sau khi đã giết Ngũ Tử Tư, vua Ngô bèn đánh Tề. Họ Bão ở nước Tề giết vua của mình là Điền Công mà lập Dương Sinh. Vua Ngô muốn trừng trị những người giết vua Tề nhưng đánh không thắng, phải quay về.

Sau đấy hai năm, vua Ngô mời các vua nước Lỗ và nước Vệ họp ở Thác Cao. Năm sau, nhân lúc nhà vua đi về phía bắc họp các chư hầu ở Hoằng Trì để tôn nhà Chu, vua Việt Câu Tiễn đánh úp, giết thái tử nước Ngô, phá quân Ngô. Vua Ngô nghe tin quay về sai sứ giả đem lễ vật rất hậu đưa cho vua Việt để giảng hòa. Chín năm sau (473 trước công nguyên) vua Việt là Câu Tiễn tiêu diệt nước Ngô, giết vua Phù Sai, chém thái tể là Phì về tội không trung với vua, bên ngoài nhận của đút, ngầm giao kết với mình (1).

Lúc đầu Ngũ Tử Tư cùng trốn với Thắng, cho nên Thắng, con của Thái Tử nước Sở là Kiến ở Ngô. Thời vua Ngô Phù Sai, Sở Huệ Vương muốn mời Thắng về nước Sở. Diệp Công can :

— Thắng là người dũng mãnh lại ngầm tìm những người liều chết vì mình, phải chăng có ý riêng gì ?

Huệ Vương không nghe, bèn mời Thắng về, cho ở Yên là ấp ở biên giới nước Sở, hiệu là Bạch Công. Bạch Công về Sở oán giận vua Trịnh đã giết cha mình, bèn ngầm nuôi những người dũng sĩ liều chết để báo thù nước Trịnh.

Về Sở được năm năm, Bạch Công xin quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây đánh Trịnh. Tử Tây hứa sẽ đánh. Quân chưa đi thì quân Tấn đánh Trịnh. Trịnh xin Sở

1. Với Câu Tiễn.

cứu. Nước Sở sai Tử Tây đến cứu, ăn thề với Trịnh rồi trở về, Bạch Công là Thắng giận nói :

— Người thù của ta không phải là nước Trịnh mà là Tử Tây.

Thắng tự mài kiếm. Có người hỏi :

— Để làm gì thế ?

Thắng nói :

— Muốn để giết Tử Tây.

Tử Tây nghe vậy cười, nói :

— Thắng chỉ như quả trứng thôi, làm được gì ?

Bốn năm sau, Bạch Công là Thắng và Thạch Ngật đánh úp, giết quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây và quan tư mã nước Sở là Tử Cơ ở đại triều.

Thạch Ngật nói :

— Không giết vua không được.

Bèn bắt nhà vua đi điện Cao Phủ. Người đi theo Thạch Ngật là Khuất Cố cõng Sở Huệ Vương trốn chạy vào cung Chiêu phu nhân (1) Diệp Công nghe tin Bạch Công làm loạn, đem tất cả những người trong nước ra đánh Bạch Công. Bọn Bạch Công thua chạy trốn vào núi, Bạch Công tự sát,

Diệp Công bắt được Thạch Ngật hỏi :

— Thây của Bạch Công ở đâu ? Không nói thì ta sẽ nấu.

Thạch Ngật nói :

— Việc thành thì làm khanh tướng, không thành bị nấu nướng, cái đó vốn là phận sự của tôi.

Cuối cùng vẫn không chịu nói xác Bạch Công ở đâu. Diệp Công bèn sai nấu Thạch Ngật và tìm Huệ Vương về, lại lập làm vua.

Thái Sử Công nói :

1. Mẹ Huệ Vương.

Oán thù đối với người ta thực là thâm độc làm sao. Bậc vua chúa còn không thể làm điều đó đối với bầy tôi, huống gì những người cùng hàng với nhau ? Giả sử trước đấy Ngũ Tử Tư cùng chết với Ngũ Xa thì có khác gì con sâu con kiến ! Vì bỏ cái nghĩa nhỏ nên rửa được cái nhục lớn, để danh tiếng lại đời sau. Than ôi ! khi Tử Tư bị khốn quẫn trên sông, ăn xin trên đường cái, cái chí ông ta há phải trong giây phút nào quên thành Sính đâu ! Nhịn nhục lập nên công danh, nếu không phải kẻ liệt sĩ thì ai có thể làm được như vậy ? (1). Nếu Bạch Công không tự lập làm vua thì cái công và cái mưu của ông ta cũng không thể nói hết.

1. Tác giả tự ngụ.

THƯƠNG QUÂN LIỆT TRUYỆN

THƯƠNG QUÂN là con người hầu của một quý tộc nước Vệ, tên là Ưởng, họ là Công Tôn, tổ tiên vốn là họ Cơ. Ưởng lúc nhỏ thích học hình danh, thờ tể tướng nước Ngụy là Công Thúc Toa làm trung thứ tử. Công Thúc Toa biết Ưởng hiền, nhưng chưa có dịp tiến cử. Khi Toa mắc bệnh, Ngụy Huệ Vương thân hành đến thăm bệnh, hỏi :

— Nếu như bệnh của Công Thúc đưa đến việc chẳng may thì ai lo việc nước nhà ?

Công Thúc Toa nói :

— Trung Thứ Tử của Toa là Công Tôn Ưởng, tuy trẻ tuổi, nhưng có tài cao xin nhà vua giao phó việc nước cho ông ta.

Nhà vua lm lặng. Vua sắp đi, Toa đuổi mọi người ra, nói :

— Nếu nhà vua không nghe tôi, không dùng Ưởng, thì phải giết y đi chớ để cho y ra khỏi biên giới.

Nhà vua nhận lời mà đi ra. Công Thúc Toa gọi Ưởng đến từ tạ nói :

— Hôm nay, nhà vua hỏi tôi, ai có thể làm tể tướng, tôi nói anh. Sắc mặt nhà vua có vẻ không tin lời tôi. Tôi trước tiên phải lo đến vua sau mới nghĩ đến bầy tôi, cho nên tôi nói với nhà vua « nếu nhà vua không

dùng Ưởng thì phải giết anh ta đi ». Nhà vua đã hứa. Vậy anh phải mau mau trốn đi, nếu không sẽ bị bắt đấy.

Ưởng nói :

— Nhà vua đã chẳng nghe lời của ông cho tôi làm tể tướng, lẽ nào lại có thể nghe lời nói của ông mà giết tôi.

Rốt cục Ưởng không đi. Sau khi đi ra, Huệ Vương nói với các quan hầu :

— Công Thúc bệnh nặng, thực đáng thương ! Ông ta muốn quả nhân nghe theo Công Tôn Ưởng để trị nước, há chẳng quá sai lầm sao ?

Sau khi Công Thúc Toa chết, Công Tôn Ưởng nghe tin Tần Hiếu Công ra lệnh trong nước tìm người hiền để nối nghiệp của Tần Mục Công (1) đem quân sang hướng đông lấy lại đất đai bị cướp, bèn đi sang hướng tây vào đất Tần. Ưởng nhờ một người tôi yêu của Hiếu Công là Cảnh Giám để xin yết kiến Hiếu Công. Khi đã gặp Vệ Ưởng, Hiếu Công nói chuyện một hồi lâu, nhiều khi buồn ngủ, không nghe. Sau đó, Hiếu Công giận, quở Cảnh Giám :

— Người khách của nhà ngươi là người láo, dùng làm sao được !

Cảnh Giám trách Vệ Ưởng, Vệ Ưởng nói :

— Tôi đem « đế đạo » ra nói (2) với nhà vua, nhưng chỉ nhà vua không hiểu rõ đó thôi.

Năm ngày sau, Cảnh Giám lại xin nhà vua cho Ưởng được yết kiến. Ưởng lại yết kiến Hiếu Công, nhà vua

1 Tần Mục Công (—659 đến — 612) ở thời Xuân Thu nổi tiếng là ông vua giỏi, đã làm cho nước Tần bá chủ chư hầu một thời gian.

2. Đem đạo Ngũ Đế ra bàn ý muốn làm cho vua thành Nghiêu, Thuấn.

tỏ ra vui vẻ hơn, nhưng vẫn chưa trúng ý nhà vua. Sau đó, Hiếu Công lại trách Cảnh Giám, Cảnh Giám cũng lại trách Vệ Ưởng, Ưởng nói :

— Tôi đem « vương đạo » (1) ra nói nhưng chưa lọt vào đó thôi. Xin cho Ưởng được yết kiến lần nữa.

Ưởng lại yết kiến Hiếu Công, Hiếu Công khen nhưng vẫn chưa dùng. Sau khi hội kiến đi ra, Hiếu Công nói với Cảnh Giám :

— Người khách của nhà ngươi giỏi đấy, có thể nói chuyện được !

Vệ Ưởng nói :

— Tôi đem « bá đạo » (2) ra nói với nhà vua, ý nhà vua là muốn dùng đấy. Nếu nhà vua còn gọi tôi đến yết kiến thì tôi đã biết phải nói những gì rồi ! (3).

Vệ Ưởng lại yết kiến Hiếu Công. Hiếu Công cùng y nói chuyện không biết đầu gối của mình đã lê đến trước chiếu của y (4). Nói mấy ngày không chán — Cảnh Giám nói :

— Ông làm sao nói đúng ý nhà vua đến nỗi nhà vua vui thích như thế ?

— Tôi đem đạo đế vương ra nói với nhà vua, muốn nhà vua sánh với thời Tam Đại (5), nhưng nhà vua nói « điều đó viển vông, ta không thể chờ được, và chăng

1. Vương đạo : của Tam Vương, ý muốn làm cho vua thành Hạ Vũ, Thành Thang, Vũ Vương.

2. Bá đạo : đạo làm bá chủ chư hầu như Tề Hoàn Công, Tần Mục Công thời Xuân Thu.

3. Theo phép du thuyết trước khi nói phải tìm cách dò cho đúng ý muốn của nhà vua rồi mới nói.

4. Miêu tả vua Tần bị lời lẽ của Ưởng thu hút đến nỗi xích lại gần lúc nào không biết.

5. Tam đại : ba đời : Hạ, Thương, Chu.

những vị vua hiền, đều được nổi danh trong thiên hạ, ngay trong đời mình, lẽ nào ngồi bùi ngùi đợi mấy trăm năm mới thành đế vương sao ?» Vì vậy tôi đem cái thuật làm cho nước mạnh nói với nhà vua, nhà vua rất thích. Nhưng cũng khó mà sánh đức với đời Thương, đời Chu được !

Sau khi Hiếu Công dùng Vệ Ưởng, Ưởng muốn thay đổi pháp độ, nhưng sợ thiên hạ bàn tán, Vệ Ưởng nói :

— Hành động không kiên quyết thì không nổi tiếng được, sự việc không xác định thì không nên công cán gì ! Vả chăng, những kẻ làm việc cao hơn người, thường bị thế tục chê bai. Những kẻ có ý nghĩ lỗi lạc thế nào cũng bị dân chúng trách móc. Người ngu thì việc đã thành vẫn còn mờ ám không biết ; người khôn thì việc chưa tỏ mầm mống đã thấy rồi. Dân chúng không thể cùng ta lo liệu buổi đầu mà chỉ có thể cùng ta yên vui khi công việc đã xong. Bàn cái « chí đức » không thể hòa đồng với thế tục ; làm nên công lớn không cần hỏi ở dân chúng. Vì vậy cho nên bậc thánh nhân nếu có thể tìm cách làm cho nước mạnh thì khi không bắt chước phép cũ, nếu có thể làm cho dân lợi thì không câu nệ ở lề thói ngày xưa.

Hiếu Công nói :

— Phải.

Cam Long nói :

— Không phải thế ! Thánh nhân không đổi dân để dạy, kẻ trí giả không thay đổi pháp độ để trị. Thuận dân tục mà dạy thì không khó nhọc mà lại thành công ; theo phép mà trị thì quan lại làm đã quen mà dân cũng thích.

Vệ Ưởng nói :

— Lời của ông Long là lời của thế tục ! Người thường thì thuận theo tục cũ ; kẻ học giả say đắm vào những điều mình đã nghe, hai hạng người ấy làm quan giữ phép thì được, chứ không thể cùng bàn đến việc ở ngoài phép tắc. Đời Tam Đại đều làm vương, nhưng lễ khác nhau, Ngũ Bá, (1) đều làm bá, nhưng phép tắc khác nhau. Kẻ trí giả làm ra pháp chế, người ngu lại lo ngăn cản người hiền thay đổi lễ, kẻ bất tiếu lại câu nệ.

Đỗ Chí nói :

— Nếu không có lợi gấp trăm lần thì không thay đổi pháp chế, nếu không có công hiệu gấp mười lần thì không thay đổi đồ dùng. Bắt chước xưa thì không sai lầm, theo lễ thì không lệch lạc.

Vệ Ưởng nói :

— Trị đời không phải chỉ có một cách, trị nước không bắt chước xưa. Vì vậy Thành Thang, Vũ Vương không theo xưa mà làm vương ; vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân không thay đổi lễ mà nát. Không nên chê người làm trái xưa, không nên khen người chỉ theo lễ.

Hiếu Công nói :

— Phải !

Bèn cho Vệ Ưởng làm tả thứ trưởng rồi ra lệnh thay đổi pháp chế.

Ưởng sai chia dân thành từng nhóm, năm hộ, mười hộ, phải củ soát nhau và bị ràng buộc vào nhau. Ai không tố cáo kẻ gian thì bị chém ngang lưng ; ai tố cáo kẻ gian thì cũng được thưởng ngang với người chém đầu quân địch ; người che giấu quân gian bị phạt ngang

1. Ngũ Bá : Năm vị vua làm bá chủ chư hầu thời Xuân Thu : Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương.

với người đầu hàng quân địch. Gia đình có hai người con trai trở lên mà không chia của ở riêng thì bắt đánh thuế gấp đôi. Ai có quân công thì cứ theo thứ bực mà được thưởng, ai đánh nhau vì việc riêng thì đều bị hình phạt lớn hay nhỏ, tùy theo nặng hay nhẹ mà trị. Ai ra sức vào nghề nghiệp gốc, cày cấy, dệt vải, cung cấp nhiều lúa thì được tha khỏi sưu dịch ; trái lại, ai theo cái lợi trên ngọn (1) cùng những người lười mà nghèo thì đều bắt cùng với vợ con làm nô ; người tổn thất mà không có quân công, thì không được ghi vào sổ sách họ nhà vua. Định cấp bậc tước trật cao thấp rõ ràng ; ghi tên các ruộng vườn, thần thiếp, áo quần theo số hiệu từng nhà. Ai có công thì hiển vinh, ai không có công thì tuy giàu có cũng không được vinh hoa (2).

Pháp lệnh đã đủ, Ưởng vẫn chưa ban bố vì sợ dân không tin mình. Ưởng bèn dựng một cây gỗ dài ba trượng ở cửa phía nam chợ của kinh đô, quảng cáo rằng, ai có thể mang nó đến cái cửa phía bắc thì cho mười lạng vàng. Dân lấy làm lạ, không ai dám mang đi. Ưởng lại nói :

— Ai có thể mang đi thì cho năm mươi lạng !

Có một người mang, Ưởng liền cho năm mươi lạng, để chứng tỏ mình không lừa dối. Rồi ban bố pháp lệnh.

Lệnh thi hành trong dân gian được chẵn năm. Lúc đầu người ở trong kinh đô nước Tần nói lệnh không tiện có hàng ngàn. Bây giờ thái tử phạm pháp, Vệ Ưởng nói :

1. Ý nói buôn bán.

2. Những điều này biểu hiện cụ thể nguyên lý cơ bản của học thuyết « hình danh » : mọi người bình đẳng trước pháp luật, lấy thưởng và phạt làm nguyên lý trị nước, không cần giáo dục.

— Pháp lệnh mà không thi hành được, là do người trên phạm.

Vệ Ưởng muốn lấy pháp luật trị thái tử, nhưng thái tử là người sẽ nối ngôi cho nên không thể trừng trị. Ưởng trừng trị thái phó của thái tử là Công tử Kiền, chạm vào mặt thầy thái tử là Công Tôn Giả. Ngày hôm sau, người Tần đều theo lệnh. Pháp lệnh thi hành được mười năm, dân Tần rất vui mừng, ngoài đường không nhặt của rơi, trong núi không có trộm cướp, nhà đủ người no, dân dũng cảm trong lúc chiến đấu vì việc công, khiếp sợ không dám đánh nhau vì việc riêng, làng xóm đều được trị an. Trong số những người xưa kia nói lệnh không tiện, có người đến nói lệnh tiện.

Vệ Ưởng nói :

— Đó đều là bọn dân làm cho việc giáo hóa rối loạn.

Bèn đời tất cả những người ấy ra biên giới. Sau đó dân không ai dám bàn bạc gì về pháp lệnh nữa (1).

Vua bèn cho Ưởng làm đại lương tạo, đem binh vây đất An Ấp của nước Ngụy, bắt ấp này phải đầu hàng.

Được ba năm, Ưởng sai xây đắp cung điện và cửa khuyết ở Hàm Dương, Tần dời đô ở Ung đến đấy. Ưởng ra lệnh cấm cha, con, anh em cùng ở chung một nhà ; phân cư và hợp các làng, xóm, nhỏ lại thành huyện, đặt chức quan lệnh và thừa. Được tất cả ba mươi mốt huyện. Bỏ bờ ruộng, đường thiên đường mạch, nhờ đó việc đánh thuế được tăng. Thống nhất hộc, thùng, quả cân, cân, thước, tấc. Lệnh thi hành được bốn năm, Công tử Kiền lại phạm pháp bị cắt mũi. Được năm năm, người

1. Không những dân không được chê mà còn không được khen.

Tần giàu mạnh, Thiên tử biếu Hiếu Công thịt tế (1) chư hầu đều đến mừng. Năm sau, quân Tề đánh bại quân Ngụy ở Mã Lăng, bắt bỏ tù thái tử Ngụy là Thân, giết tướng quân Bàng Quyên.

Năm sau (— 340) Vệ Ưởng nói với Hiếu Công :

— Nước Tần với nước Ngụy cũng giống như con người có bệnh trong tim gan vậy. Nếu nước Ngụy không thôn tính nước Tần, thì nước Tần cũng phải thôn tính nước Ngụy. Tại sao ? Vì nước Ngụy ở phía tây dãy núi hiểm đóng đô ở An Ấp cách Tần con sông Hoàng Hà về một mình thu tất cả nguồn lợi miền Sơn Đông. Gặp điều kiện thuận lợi thì Ngụy đem quân về hướng tây đánh Tần, Ngụy gặp điều kiện không có lợi thì ta có thể qua phía đông để mở đất. Nay Tần được lúc nhà vua hiền thánh, nước nhờ vậy cường thịnh ; trái lại nước Ngụy năm ngoái bị Tề đánh thua to, chư hầu làm phản. Ta có thể nhân lúc này mà đánh Ngụy. Ngụy không chống cự nổi Tần, thì thế nào cũng phải dời về đông. Ngụy dời về đông, Tần nhờ sự hiểm trở của núi sông quay mặt về đông để khống chế chư hầu, đó là cái nghiệp đế vương vậy.

Hiếu Công cho là phải, sai Vệ Ưởng làm tướng đánh Ngụy. Nước Ngụy sai Công tử Ngang làm tướng đón đánh. Khi hai quân gần nhau, Vệ Ưởng đưa thư cho tướng Ngụy là Công tử Ngang, nói :

« Tôi trước đây chơi thân với Công tử, nay cả hai đều làm tướng của hai nước, không nỡ đánh nhau. Tôi muốn gặp mặt công tử ăn thề, uống rượu mừng và bãi binh để cho Tần và Ngụy được yên ».

1. Thiên tử : tức vua Hiển Vương nhà Chu, biếu thịt tế để tỏ lòng kính trọng.

Công tử Ngang nước Ngụy cho là phải. Hội họp ăn thề xong, uống rượu, Vệ Ưởng phục võ sĩ bắt Công tử Ngang bỏ tù, nhân đó đánh quân Ngang, đem Ngang về Tần. Binh của Ngụy Huệ Vương mấy lần bị quân Tề, quân Tần đánh phá, trong nước trống rỗng, ngày càng hao mòn nên lo sợ. Ngụy Huệ Vương bèn sai sứ cắt đất Tây Hà dâng cho Tần để giảng hòa. Rồi Ngụy phải bỏ An Ấp, dời đô đến Đại Lương. Lương Huệ Vương (1) nói :

— Quả nhân hối hận không nghe lời của Công Thúc Toa ! (2).

Sau khi đánh phá quân Ngụy trở về, Tần phong cho Vệ Ưởng mười lăm ấp ở đất Ư, đất Thương hiệu là Thương Quân.

Thương Quân làm tể tướng nước Tần mười năm, tôn thất và gia đình quyền quí nhiều người oán. Triệu Lương ra mắt Thương Quân. Thương Quân hỏi :

— Ưởng được gặp ông là nhờ Mạnh Lan Cao tiến cử, nay Ưởng muốn được kết bạn với ông có được không ?

Triệu Lương nói :

— Tôi không dám mong được thế. Khổng Khâu có nói: « Nếu tiến cử người hiền thì những người yêu dân tự tiến cử mình ; nếu tụ họp bọn bất tiếu thì những người theo vương đạo tự rút lui ». Tôi là kẻ bất tiếu, cho nên không dám vâng mệnh. Tôi nghe nói « không phải địa vị của mình mà lại giữ lấy là tham địa vị ; không phải cái danh tiếng của mình mà cứ chiếm lấy là tham danh ». Tôi nếu chịu cái ơn của ngài, sợ là tham địa vị, tham danh, cho nên không dám vâng mệnh.

Thương Quân nói :

1. Sau khi Ngụy dời đô đến Đại Lương, đổi tên nước là Lương, nên gọi là Lương Huệ Vương.

2. Ý nói giết Vệ Ưởng.

— Người không vừa ý về việc ta cai trị nước Tần sao?

Triệu Lương nói :

— Tự nghe mình là thông, nhìn vào mình là minh, thắng được mình là cường. Vua Thuấn có nói : « Kẻ tự cho mình là thấp thì đáng tôn quí vậy », ngài có lẽ nên làm như vua Thuấn không nên hỏi tôi.

Thương Ưởng nói :

— Trước kia tập tục ở Tần bắt chước theo bọn Nhung, Địch : cha con không phân biệt, cùng ở chung một nhà. Nay ta thay đổi cách dạy dỗ làm cho con trai con gái phân biệt, xây dựng cung điện to lớn cũng như ở nước Lỗ, nước Vệ. Người xem ta cai trị nước Tần với Ngũ Cổ đại phu (1) thì ai giỏi hơn ?

Triệu Lương nói :

— Một nghìn tấm da dê không quá bằng cái nách của một con cáo, một nghìn người vâng dạ, không bằng một người nói thẳng. Vua Vũ Vương nhờ bầy tôi nói thẳng nên thịnh vượng, vua Trụ nhà Ân vì bầy tôi a dua nên mất. Nếu ngài không cho Vũ Vương là không phải, thì tôi xin nói thẳng suốt ngày mà ngài đừng trị tội tôi. Như thế có được không ?

Thương Quân nói :

— Tục ngữ có câu : « Lời nói trau chuốt là phù hoa, lời nói ngay là thành thực ; nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật ». Nếu ông quả thực chịu suốt ngày nói điều thẳng, thì đó là thuốc cho Ưởng này. Ưởng phải thờ ông làm thầy, lẽ nào ông lại chối từ ?

Triệu Lương nói :

1. Bách Lý Hề tể tướng đời Tần Mục Công.

— Ngũ Cổ đại phu là người nhà quê ở đất Kinh (1), nghe tin Tần Mục Công hiền, được yết kiến, đi không có tiền, tự bán mình cho người khách ở Tần, mặc áo cộc chăn dê. Được chẳn một năm, Tần Mục Công biết đến, cất nhắc từ dưới miệng trâu mà đặt trên đầu trăm họ, nước Tần không ai dám oán trách. Làm tể tướng nhà Tần sáu bảy năm, phía đông đánh Trịnh, ba lần lập vua nước Tấn, một lần cứu họa nước Sở, thi hành giáo hóa ở trong bờ cõi, làm cho người đất Ba đến nộp đồ cống, đức ban ra các chư hầu và các rợ Nhung đều theo phục. Do Dư nghe vậy, đến cửa khuyết xin yết kiến. Ngũ Cổ đại phu làm tể tướng nước Tần, lúc mệt không ngồi xe, lúc nắng không che lọng, đi ở trong nước không có xe tùy tùng, không có người mang giáo mác hộ vệ, công lao ghi ở sử sách, đức hạnh lưu lại đời sau. Khi Ngũ Cổ đại phu chết, trai gái nước Tần chảy nước mắt, trẻ con không ca hát, người giã gạo không hò, đức của Ngũ Cổ đại phu là như thế. Nay ngài yết kiến vua Tần nhờ người tôi yêu là Cảnh Giám tiến cử, đó không phải là cách để có danh dự (2). Ngài làm tể tướng không lo đến trăm họ mà lại ra sức xây cung khuyết, không phải là cách lập công. Về mặt hình phạt thì chạm vào mặt sư phó của thái tử, dùng hình phạt nặng nề để tàn hại nhân dân, như vậy là cách nuôi oán, chất họa.

1. Bách Lý Hề người nước Ngu. Nước Ngu bị Tần diệt. Bách Lý Hề bỏ trốn bị người nhà quê đất Kinh (đất Sở) bắt. Tần Mục Công nghe nói Bách Lý Hề là người hiền nên lấy năm tấm da dê mà đổi vì vậy Bách Lý Hề cũng gọi là « ông đại phu năm tấm da dê » (Ngũ Cổ đại phu).

2. Cảnh Giám là hoạn quan. Triệu Lương chê Thương Ưởng dùng lối luồn lọt để được tiến cử.

Tự mình tu đức để giáo hóa dân, thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên, thì nhanh hơn pháp luật. Nay ngài lập uy quyền một cách trái, biến pháp một cách sai đã tám năm nay ; ngài lại giết Chúc Hoan và chạm vào mặt Công Tôn Giả. *Kinh Thi* nói : « Ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ ». Mấy việc trên đây không phải là việc thu được nhân tâm. Khi ngài đi ra xe tùy tùng có hàng chục, xe đi theo mang áo giáp, người khỏe mạnh xương sườn liền nhau cùng ngồi tham thặng, kẻ cầm giáo mác chạy hộ vệ bên xe. Nếu thiếu một trong những điều này là ngài không đi. *Kinh Thư* nói : « Ai cậy vào đức thì sẽ hưng thịnh, ai cậy vào sức thì sẽ mất ». Ngài đang nguy như hạt móc buổi sáng, thế mà lại còn muốn sống lâu sao được ? Tại sao ngài không trả lại mười lăm ấp, vui làm vườn ở nơi xa, khuyên vua Tần cất nhắc kẻ sĩ ở ẩn trong núi sâu, nuôi người già, hỏi thăm người cô (1), kính bậc cha anh, sắp xếp những người có công, tôn những người có đức, như thế may ra có thể an được chút ít. Nếu ngài còn tham cái giàu có ở ấp Thương, ấp Ư, chất chứa điều oán giận của trăm họ, thì một khi vua Tần rời bỏ tân khách mà không ra triều, người nước Tần bắt ngài là sự hiển nhiên, điều nguy vong có thể đứng nhón chân mà đợi !

Thương Quân không nghe theo.

Năm tháng sau, Tần Hiếu Công mất, thái tử lên ngôi. Bọn Công tử Kiển báo Thương Quân muốn làm phản. Vua sai người bắt Thương Quân. Thương Quân bỏ trốn,

1. Không anh, không cha.

đến cửa quan muốn vào ở nhà trọ. Người nhà trọ không biết đó là Thương Quân, nói :

— Theo phép của Thương Quân, cho người ở trọ không có giấy chứng nhận thì bị liên lụy.

Thương Quân thở dài mà rằng :

— Than ôi ! Cái tệ hại của kẻ làm pháp lệnh đến như thế ư !

Thương Quân trốn sang Ngụy. Người Ngụy giận y lừa Công tử Ngang và đánh phá quân, Ngụy nên không nhận. Thương Quân muốn đi sang nước khác. Người Ngụy nói :

— Thương Quân là thằng giặc của Tần. Nước Tần mạnh, ta không tống cổ tên giặc đã vào đất Ngụy về thì không được.

Bèn đuổi về Tần. Thương Quân sau khi trở lại nước Tần, chạy về ấp Thương cùng bọn tôi tớ đem binh về hướng bắc đánh đất Trịnh. Tần đem binh đánh Thương Quân, giết y ở Dẫn Trì thuộc đất Trịnh. Tần Huệ Vương lấy xe xé xác Thương Quân để thị uy, nói :

— Chớ có làm phản như Thương Quân !

Rồi giết cả nhà Thương Quân.

Thái Sử Công nói : Thương Quân là người thiên tư khắc bạc. Xét việc y muốn nói thuật làm đế vương với Hiếu Công, đem lý thuyết viển vông ra nói không phải là thực tâm của ông ta. Ông ta nhờ người tôi tớ vua yêu mà được tiến cử, rồi khi được dùng, lại trị Công tử Kiển, lừa tướng Ngụy là Ngang, không nghe theo lời Triệu Lương, như thế cũng đủ thấy Thương Quân ít làm ân đức. Tôi thường đọc sách nói về việc mở mang bờ cõi, cày ruộng, đánh trận của Thương Quân, thấy giống như việc ông làm. Cuối cùng ông ta mang cái tiếng xấu ở Tần cũng là đáng lắm !

TRUYỆN TÔ TẦN

1. TÔ TẦN người thành Lạc Dương, nhà Đông Chu. Tần sang đông tìm thầy ở nước Tề, theo học Quỉ Cốc tiên sinh. Đi du thuyết vài năm bị khốn cùng quá nên trở về. Anh em, chị dâu, em gái, thê thiếp đều chê cười, nói :

— Người đất Chu xưa nay chỉ cốt lo làm ăn, chăm việc công thương, cốt lấy cái lợi hai phần mười. Nay ông bỏ việc gốc mà lo khua môi múa mép, có khốn cũng là đáng lắm !

Tô Tần nghe vậy xấu hổ, tự cảm thương mình. Bèn ngồi nhà đóng cửa không đi ra. Tần đem sách ra xem hết và nói :

— Kẻ sĩ đã cúi đầu học thầy, thế mà vẫn không được tôn quý, vinh hiển, đọc sách nhiều để mà làm gì !

Tần bèn tìm được quyển *Âm phù sách* của nhà Chu, cúi cổ đọc, một năm trời đã tìm ra được « thuật thăm dò », nói :

— Chuyến này có thể thuyết phục vua đương thời đây.

Tần xin nói chuyện với Chu Hiển Vương. Những người thân cận của Hiển Vương vốn biết Tô Tần học thức kém, đều khinh mà không tin. Tô Tần đi về hướng tây đến nước Tần. Tần Hiếu Công đã mất, Tần nói chuyện với Huệ Vương :

— Tần là nước hiểm yếu, bốn phía có núi bao quanh, có sông Vị vắt ngang như cái đai. Phía đông có Hàm Cốc Quan, sông Hoàng Hà ; phía tây có đất Hán Trung ; phía nam có đất Ba, đất Thục ; phía Bắc có ấp Mã, quận Đại. Đấy là nơi kho trời. Với một nước dân đông, kẻ sĩ nhiều như nước Tần mà dạy binh pháp cho họ thì có thể thôn tính thiên hạ, xưng đế mà trị được.

Tần Vương nói :

— Lông cánh chưa đủ, không thể bay cao ; đạo lý chưa rõ ràng, không thể thôn tính các nước được.

Tần vừa mới giết Thương Ưởng nên ghét kẻ biện sĩ, không dùng Tô Tần. Tô Tần bèn đi về hướng đông, đến nước Triệu. Triệu Túc Hầu cho con là Thành làm tướng quốc, gọi là Phụng Dương Quân. Phụng Dương Quân không ưa Tô Tần. Tô Tần đi sang nước Yên. Sau hơn một năm mới được vào nói chuyện với Yên Văn Hầu. Tô Tần nói :

— Nước Yên ở phía đông giáp với Triều Tiên, Liêu Đông ; phía bắc có các nước Lâm Hồ, Lâu Phiền ; phía tây có các quận Vân Trung, Cửu Nguyên ; phía nam có các sông Hô Đà, Dịch Thủy. Đất vuông hơn hai nghìn dặm ; binh sĩ mặc áo giáp vài mươi vạn người ; xe sáu trăm cỗ, ngựa sáu nghìn con, thóc chứa chỉ dùng được vài năm. Phía nam có núi Kệ Thạch, núi Nhạn Môn đầy sản vật ; phía bắc có cây táo, cây lật lắm hoa lợi, dân dẫu không cày cấy nhưng nhờ cây táo cây lật cũng đủ sống. Vì vậy người ta gọi nó là kho trời. Kể về mặt yên vui vô sự, không thấy cảnh tượng quân thua tướng chết, thì không nước nào hơn nước Yên. Đại vương có biết vì sao thế không ? Nước Yên sở dĩ không bị giặc xâm lấn, không phải lo việc binh đao là vì có nước Triệu che ở mặt nam vậy. Tần với Triệu đánh nhau

năm lần, Tần hai lần thắng mà Triệu ba lần Thắng. Tần và Triệu làm cho nhau chết mà nhà vua lại đem tất cả toàn bộ nước Yên để chống giữ ở phía sau, cho nên nước Yên không bị xâm lấn. Vả lại, Tần muốn đánh Yên thì phải vượt qua hai quận Vân Trung và Cửu Nguyên, đi qua hai quận Đại và Thượng Cốc, đất dài vài nghìn dặm, dẫu có lấy được thành nước Yên, tưởng Tần rốt cục cũng không thể nào giữ được. Việc Tần không làm hại được Yên, thực là hiển nhiên vậy. Trái lại, nếu Triệu đánh Yên thì ra lệnh không đầy mười ngày, đã có vài mươi vạn quân đóng ở ấp Đông Viên. Quân Triệu vượt qua sông Hô Đà, Dịch Thủy, không đầy bốn năm ngày đã đến kinh đô nước Yên. Cho nên nói Tần đánh Yên thì đánh ở ngoài nghìn dặm; còn Triệu đánh Yên là đánh ở trong trăm dặm là như vậy. Không lo điều đáng sợ trong trăm dặm mà chú trọng ở ngoài nghìn dặm, thì thực là sai lắm! Vì thế cho nên xin đại vương kết thân và hợp tung với nước Triệu, hợp thiên hạ làm một thì nước Yên chắc chắn sẽ chẳng có gì phải lo!

Văn Hầu nói:

— Ông nói phải đấy, nhưng nước tôi nhỏ, phía Tây sát nách nước Triệu mạnh, phía nam gần nước Tề, Tề và Triệu đều là những nước mạnh, nếu quả thật ông muốn hợp tung để làm cho nước Yên được yên ổn, thì quả nhân xin đem cả nước theo.

Văn Hầu bèn cấp cho Tô Tần xe, ngựa, vàng, lụa để đi đến nước Tì

Lúc này ở nước Triệu, Phụng Dương Quân đã chết, Tô Tần nhờ vậy được nói chuyện thẳng với Triệu Túc Hầu:

— Lâu nay, trong thiên hạ, từ các khanh tướng, các quan cho đến kẻ sĩ áo vải đều kính phục đạo nghĩa của đại vương, đều muốn vâng theo lời dạy, bày tỏ lòng trung thành trước mặt đại vương, nhưng vì Phụng Dương Quân ghen ghét lại cản trở công việc nên tân khách du sĩ không ai dám bày tỏ hết lòng thành ở trước mặt đại vương. Nay Phụng Dương Quân đã qua đời, đại vương mới lại gần gũi kẻ sĩ và dân chúng. Cho nên thần mới dám dâng điều ý nghĩ ngu muội của mình. Theo như thần trộm nghĩ, đối với đại vương, không gì bằng dân sống yên ổn vô sự và không bày việc bắt dân phải làm. Yêu dân gốc ở chỗ chọn nước bạn mà giao hiếu. Chọn đúng thì dân được yên; chọn không đúng thì dân suốt đời không yên. Thần xin nói về mối lo bên ngoài: nếu Tần và Tề làm hai nước thù địch thì dân không được yên; nếu dựa vào Tề đánh Tần thì dân cũng không được yên. Cho nên mưu đánh chúa người, chinh phạt nước người, thường khổ ở chỗ nói ra lời để cắt đứt tình giao hiếu của người. Mong đại vương cẩn thận, chớ nói ra miệng. Thần chỉ xin phân biệt trắng đen để rõ phải trái mà thôi. Đại vương nếu quả thực nghe lời thần thì nước Yên thế nào cũng phải đem dâng đất đai sản xuất ra lông chiên, áo cừu, chó ngựa; nước Tề thế nào cũng phải đem dâng biển sản xuất ra cá và muối; nước Sở thế nào cũng phải đem dâng vườn sản xuất ra quýt, bưởi; có thể bắt nước Hàn, nước Ngụy, đất Trung Sơn nộp đất, các bậc phụ huynh họ hàng nội ngoại đều có thể được phong hầu. Vì muốn cắt đất của người ta, chiếm lấy nguồn lợi của người ta cho nên Ngũ Bá đã đánh bại quân địch, bắt tướng địch; vì muốn phong hầu cho họ hàng nên các vua Thành Thang, Vũ Vương đã tranh giành thiên hạ, đuổi vua Kiệt, giết vua Trụ. Nay thần xin trình bày ý nghĩ khiến đại vương có thể chắp

tay ngồi yên không làm gì mà được cả hai điều ấy. Nếu bây giờ đại vương theo Tần thì thế nào Tần cũng làm yếu nước Hàn, nước Ngụy; đại vương theo Tề thì thế nào Tề cũng làm yếu nước Sở, nước Ngụy. Nếu Ngụy yếu thì phải cắt đất Hà Ngoại; Hàn yếu thì phải dâng đất Nghi Dương. Đất Nghi Dương đã dâng thì con đường Thượng Quận bị chặn; đất Hà Ngoại bị cắt thì đường sá không thông; Sở bị yếu thì không có viện binh. Về chước ấy không thể không suy sâu nghĩ kỹ. Nay Tần đem quân xuống Chỉ Đạo thì Nam Dương bị nguy. Tần cướp lấy Hàn, bao bọc kinh đô của Chu thì nước Triệu phải cầm binh, Tần chiếm giữ Vệ, lấy được Kỳ Quyền thì Tề thế nào cũng phải vào chầu Tần. Tần đã được Sơn Đông thì thế nào cũng đem quân nhằm đánh Triệu. Quân của Tần vượt Hoàng Hà qua sông Chương giữ thành Ba Ngô, thế nào binh sĩ cũng đánh nhau ở gần Hàm Đan. Đó là cái điều mà thần lo cho nhà vua đấy. Trong lúc này các nước ở miền Sơn Đông, không nước nào mạnh bằng nước Triệu. Nước Triệu đất vuông hơn hai nghìn dặm, người mặc áo giáp vài mươi vạn, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc dùng được vài năm. Ở phía tây có núi Thường Sơn; phía nam có sông Chương; phía đông có sông Thanh Hà; phía bắc có nước Yên. Nước Yên vốn là nước yếu không đáng sợ. Các nước trong thiên hạ không nước nào Tần ghét bằng nước Triệu. Thế nhưng Tần không dám đem binh đánh Triệu là tại làm sao? Là vì sợ Hàn, Ngụy đánh ở sau lưng. Thế thì Hàn, Ngụy là cái phên che ở phía nam cho Triệu. Tần đánh Hàn, Ngụy không có núi to, sông lớn ngăn cản cứ lấn dần như tằm ăn lá dâu đến sát kinh đô mới thôi. Hàn, Ngụy không chống được Tần, thế nào cũng phải vào thần phục Tần. Tần một khi không phải bận về Hàn và Ngụy thì Triệu thế nào cũng

bị tai vạ. Đó là điều thần lấy làm lo cho đại vương đấy. Thần nghe nói phần đất vua Nghiêu không đến ba phu (1), vua Thuấn không có một thước đất mà có cả thiên hạ; vua Vũ không có nhóm một trăm người mà làm vương chư hầu; vua Thang, vua Vũ, kẻ sĩ chẳng quá ba nghìn người, xe không quá ba trăm cỗ, quân chẳng quá ba vạn người mà làm được thiên tử. Chỉ vì họ giữ đúng đạo nghĩa của họ. Cho nên vị vua sáng ở ngoài thì nắm vững kẻ địch mạnh hay yếu; ở trong thì lượng xem binh sĩ giỏi hay kém, không cần đợi khi quân hai bên chạm trán, mà trong bụng đã biết rõ ai thắng ai bại, ai mất ai còn, chứ đâu bị lời của người thường làm mờ tối, quyết đoán công việc một cách hồ đồ! Thần trộm xét địa đồ thiên hạ, thì đất của chư hầu rộng gấp năm lần đất của nước Tần; ước tính quân của chư hầu thì đông gấp mười lần quân của nước Tần. Nếu sáu nước hợp làm một, chung sức hướng về tây để đánh Tần, thì Tần phải tan vỡ. Nhưng nay chư hầu lại ngoảnh mặt về tây mà thờ, xưng thần với Tần. Phàm việc đánh bại người, so với việc bị người đánh bại; bắt người phải thần phục, so với việc phải thần phục người là khác nhau một vực một trời. Những người du thuyết chủ trương liên hoành, đều muốn cắt đất của chư hầu để nộp cho Tần, Nếu Tần được, thì họ sẽ được đài tạ cao, cung thất đẹp, tai nghe tiếng đàn sáo, đằng trước có cổng lầu, xe cộ, đằng sau có gái giỏi người đẹp. Nước nhà họ bị cái nạn nước Tần nhưng họ cũng mặc kệ. Thế cho nên những kẻ chủ trương liên hoành ngày đêm cốt lấy uy quyền của Tần hăm dọa chư hầu để đòi cắt đất. Xin đại vương nghĩ việc đó cho chín. Thần nghe vị vua sáng thì cắt đứt nghi ngờ, gạt bỏ lời gièm

1. Phu : 100 mẫu, ba phu là ba trăm mẫu.

pha, bác bỏ những lời rêu rao không căn cứ, bịt lối gây dựng bè đảng. Cho nên thần mới được bày tỏ ở trước nhà vua cái kế làm cho vua được tôn, binh được mạnh. Thần trộm mưu tính hộ đại vương, không gì bằng hợp tung với Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu làm một để chống lại Tần. Khiến tướng quân, tể tướng trong thiên hạ họp nhau ở trên sông Hoàn Thủy, đưa con tin cho nhau, giết ngựa trắng cùng ăn thề, ước với nhau rằng : « Hễ Tần đánh Sở thì Tề, Ngụy đều đem quân tinh nhuệ ra để giúp Sở, quân Hàn cắt đứt đường vận lương của Tần, quân Triệu vượt qua Hoàng Hà, Chương Thủy, quân Yên giữ phía bắc núi Thường Sơn. Nếu Tần đánh Hàn, Ngụy thì Sở cắt đứt phía sau quân Tần ; Tề đem quân tinh nhuệ ra giúp Hàn, Ngụy ; quân Triệu vượt sông Chương, quân Yên giữ ở Vân Trung. Nếu Tần đánh Tề thì quân Sở cắt đứt phía sau quân Tần ; quân Hàn giữ Thành Cao ; quân Ngụy chặn đường của quân Tần ; quân Triệu vượt qua Hoàng Hà đến Bác Khuyết ; Yên đem quân tinh nhuệ ra để giúp Tề. Nếu Tần đánh Yên thì quân Triệu giữ Thường sơn ; quân Sở đóng ở Vũ Quan ; quân Tề vượt qua Bột Hải ; Hàn, Ngụy đều đem quân ra giúp Yên. Nếu Tần đánh Triệu thì Hàn đóng quân ở Nghi Dương ; Sở đóng quân ở Vũ Quan ; Ngụy đóng quân ở Hà Ngoại ; Tề vượt qua sông Thanh Hà ; Yên đem quân tinh nhuệ ra giúp Triệu. Chư hầu có nước nào không theo lời ước, thì quân năm nước cùng đánh nước ấy. Sáu nước hợp tung, thân thiện với nhau để chống Tần thì quân của Tần chắc chắn không dám ra khỏi cửa Hàm Cốc để làm hại vùng Sơn Đông. Như thế thì làm nên cơ nghiệp bá vương (1).

1. Trong những đoạn du thuyết của Tô Tần thấy rõ cái thuật « thăm dò » : nắm vững tình hình, xét tất cả mọi mặt, tìm đúng chỗ hở mà thuyết phục.

Triệu Vương nói :

— Quả nhân ít tuổi, trị nước chưa lâu, chưa hề được nghe mưu kế lâu dài của xã tắc. Nay thượng khách có ý muốn bảo tồn thiên hạ, làm chư hầu được yên, quả nhân xin đem cả nước theo.

Triệu Vương bèn sắm xe lịch sự trăm cỗ, vàng ròng một ngàn dật, ngọc bích trắng một trăm đôi, gấm vóc một ngàn tấm để ước hẹn với chư hầu.

Lúc bấy giờ, thiên tử nhà Chu cho đưa phần thịt tế vua Văn, vua Vũ cho Tần Huệ Vương. Huệ Vương sai quan Tể Thủ đánh Ngụy, bắt tướng của Ngụy là Long Giả, lấy đất Điêu Âm của Ngụy, lại muốn kéo quân sang miền đông. Tô Tần sợ quân của Tần kéo đến Triệu bèn trêu tức Trương Nghi để đưa Nghi vào Tần. Rồi Tô Tần đi du thuyết với Tuyên Huệ Vương :

— Nước Hàn ở phía bắc có đất Củng Lạc, Thánh Cao kiên cố, phía tây có Nghi Dương, Thương Bản hiểm trở, phía đông có các huyện Uyên, Nhương và sông Vị ; phía nam có núi Hình Sơn. Đất vuông hơn chín trăm dặm, tướng sĩ mặc giáp vài mươi vạn người. Những cung bền nỏ cứng trong thiên hạ đều do Hàn sản xuất. Nỏ của mán Khê Tử và hai thứ nỏ « thời lực », « cự lai » của Thiếu Phủ làm đều bắn xa ngoài sáu trăm bộ. Quân nước Hàn giơ chân đạp cánh nỏ rồi bắn, trăm phát không nghỉ. Người ở xa thì bị tên xuyên suốt ngực, người ở gần thì mũi tên bắn trúng tim. Kiếm và kích của quân Hàn đều sản xuất ở núi Minh Sơn. Các thanh kiếm « Đường Khê », « Mặc Dương », « Hợp Phụ », « Đặng Sư », « Uyển Phùng », « Long Uyên », « Thái A », đều ở trên cạn thì chém đứt trâu ngựa, ở dưới nước thì chặt phăng hộc, nhạn, chống kẻ địch thì chém được áo giáp bền, cái che cánh tay bằng sắt. Bao da, dây mộc không thiếu

thứ gì. Lấy quân nước Hàn dũng cảm, mặc giáp bền, bắn nỏ cứng, đeo gươm sắc, thì một người đương được trăm người, không cần phải nói. Nay với một nước mạnh như nước Hàn, một vị vua hiền như đại vương mà lại chịu ngoảnh mặt về phía tây thờ nước Tần, khoanh tay chịu phục tùng, khiến xã tắc xấu hổ và làm trò cười cho thiên hạ, thật không gì hơn thế. Cho nên xin đại vương nghĩ cho chín. Đại vương đã thờ Tần, Tần thế nào cũng đòi đất Nghi Dương, Thánh Cao. Năm nay đem dâng đất ấy thì sang năm họ lại đòi cắt đất nữa. Nếu cho thì không có đất để cung cấp, không cho thì công lao trước kia bị bỏ đi mà chịu lấy cái họa sẽ đến. Vả lại đất của đại vương có lúc hết, mà sự đòi hỏi của Tần thì không bao giờ thôi. Lấy cái đất có lúc hết để đương với sự đòi hỏi không thôi, thế nghĩa là mua oán chuộc vạ, không đánh nhau mà đất đã bị cắt rồi. Thần nghe ngạn ngữ có câu: «Thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu» (1). Nay ngoảnh mặt về phía tây, khoanh tay mà thần phục Tần, có khác gì làm đít trâu không? Hiền như đại vương, lại có quân của nước Hàn vững mạnh, thế mà mang cái tiếng «đít trâu», thần trộm lấy làm thẹn cho đại vương!

Bấy giờ Hàn Vương nét mặt hầm hầm, xắn tay áo, trừng đôi mắt, vỗ gươm, ngửa lên trời, thở dài, nói:

— Quả nhân tuy kém cỏi, nhưng không thể nào thờ Tần được. Nay ngài đem lời dạy của Triệu Vương khuyên ta, ta xin kính dâng xã tắc để theo.

Tô Tần lại thuyết Ngụy Vương:

— Đất của đại vương phía nam có ngòi Hồng Câu, các huyện Trần, Nhữ Nam, Hứa, Yển, Côn Dương, Thiệu

1. Ý nói nên ở trước cái nhỏ, không nên ở sau cái lớn.

Lăng, Vũ Dương, Tân Đô, Tân Thê; phía đông có quận Hoài, quận Dĩnh, đất Chử Tảo, đất Vô Tư; phía tây có Trường Thành làm giới hạn; phía bắc có đất Hà Ngoại, Quyền Diễn, Toan Tảo. Đất đai vuông ngàn dặm. Đất tiếng là nhỏ, nhưng ruộng nương, nhà cửa chi chít, không có chỗ nào là đồng cỏ bãi chăn; nhân dân đông, xe ngựa nhiều, ngày đêm đi không ngớt, rầm rập như ba quân ra trận. Thần trộm ước lượng nước của đại vương không kém gì nước Sở. Những bọn du thuyết chủ trương liên hoành, cứ dụ nhà vua giao kết với nước Tần là loài hổ lang để xâm chiếm thiên hạ. Nếu đột nhiên nước Tần gây hoạn nạn thì họ không đoái gì đến tai vạ của nước. Cậy thế của nước Tần mạnh để bên trong ép chủ của mình (1) là rất nặng tội. Nước Ngụy là một nước mạnh trong thiên hạ. Nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. Nay nhà vua lại có ý ngoảnh mặt về hướng tây để thờ Tần, xưng làm đông phiên, xây dựng đế cung cho Tần, nhận đai mũ của Tần, mùa xuân mùa thu nộp lễ vật cho Tần để tế. Thần trộm lấy làm xấu hổ cho đại vương. Thần nghe Việt Vương Câu Tiễn có ba nghìn quân mệt mỏi mà bắt được Phù Sai ở Can Toại; Vũ Vương có ba nghìn quân, trăm cỗ xe trận mà thắng được vua Trụ ở Mục Dã; binh sĩ của họ có nhiều đâu? Chỉ vì họ biết làm nổi uy thế của mình mà thôi. Nay trộm nghe quân của đại vương có vũ sĩ hai mươi vạn người, quân đội khăn xanh hai mươi vạn người, quân cầm kích hai mươi vạn người, quân nấu bếp, nuôi ngựa mười vạn, xe sáu trăm cỗ, ngựa năm nghìn con. Như thế là hơn hẳn Câu Tiễn, Vũ Vương. Thế mà đại vương lại nghe lời quần thần, muốn làm tôi thờ nước Tần. Nếu thờ Tần thì thế nào cũng phải cắt đất dâng

1. Tức là ép nhà Chu.

cho nó để tỏ lòng thành thực, cho nên binh chưa dùng mà nước đã hao hụt rồi. Phàm những bầy tôi nói thờ Tần đều là kẻ gian, không phải trung thần đâu. Làm tôi lại cắt đất của vua mình để cầu bên ngoài, trộm cái công một thời mà không đoái nghĩ đến ngày sau. Phá nhà công trở thành của tư, ngoài cậy thế của nước Tần mạnh để trong ép vua mình đòi cắt đất. Xin đại vương xét kỹ cho. *Chu Thư* nói: «Thấy nó kéo dài mà không dứt thì nó sẽ ăn lan khắp nơi, còn làm gì được nữa. Khi còn nhỏ như sợi tơ không cắt, đến sau sẽ phải dùng búa rìu». Nếu không lo cho xong cái mối lo trước, thì, sau này khi gặp vạ lớn còn biết làm thế nào. Nếu đại vương quả thực nghe lời thần, sáu nước hợp tung, đồng tâm góp sức, một ý một lòng, thì nhất định không phải lo về nước Tần mạnh. Cho nên Triệu Vương của tệ ấp sai thần dâng kế ngu dại, trình ước minh bạch, xin đại vương dạy cho.

Ngụy Vương nói:

— Quả nhân ngu xuẩn, chưa hề được nghe lời chỉ giáo sáng suốt, nay ông đã lấy lời của Triệu Vương dạy ta, ta xin kính đem cả nước theo.

Tô Tần bèn sang đông thuyết Tề Tuyên Vương:

— Nước Tề phía nam có núi Thái Sơn, phía đông có núi Lang Gia, phía tây có sông Thanh Hà, phía bắc có bể Bột Hải; thế gọi là nước bốn mặt đều hiểm yếu. Nước Tề có đất vuông hơn hai nghìn dặm, quân tướng mặc áo giáp vài mươi vạn, thóc gạo chất cao như gò núi, ba quân giỏi, lính của năm nhà tiến nhanh như mũi dáo, mũi tên, đánh dữ như sấm chớp, thôi mau như mưa gió. Khi có việc quân, chưa hề phải đem quân đi theo núi Thái Sơn, vượt sông Thanh Hà, qua bể Bột Hải. Trong vùng Lâm Tri có bảy vạn hộ, thần trộm tính mỗi

hộ có khoảng ba người con giai, thì ba lần bảy là hai mươi mốt vạn, không cần phải lấy người ở huyện xa, chỉ riêng quân ở Lâm Tri cũng đã được hai mươi mốt vạn rồi. Vùng Lâm Tri rất giàu lại đầy đủ. Dân ở đấy không ai là người không biết thổi sáo, đánh đàn cầm, đàn sắt, đánh trúc, nuôi gà chọi, có chó săn, đánh cờ, đánh cầu. Trên đường Lâm Tri trục xe chạm nhau, vai người đụng nhau, vạt áo liền nhau thành màn, tay áo giơ lên thành lều, mồ hôi vẩy thành mưa. Nhà giàu, người đủ, chí cao, khí hăng. Nay có vua hiền như đại vương, nước mạnh như nước Tề, thiên hạ không ai địch nổi, thế mà lại ngoảnh mặt về phía tây để thờ nước Tần, thần trộm thẹn thay cho đại vương. Vả lại, Hàn, Ngụy sở dĩ rất sợ Tần là vì bờ cõi tiếp giáp nước Tần. Đem quân ra để đánh nhau thì không quá mười ngày mà tình thế thắng bại, mất còn, đã quyết định. Hàn, Ngụy đánh được Tần, thì quân tổn mất nửa, bốn cõi không giữ được. Đánh mà không thắng thì nguy vong theo ngay đằng sau. Cho nên Hàn, Ngụy coi nặng việc đánh nhau với Tần mà coi nhẹ việc làm tôi nước Tần. Trái lại, Tần đánh Tề thì không thế. Nó phải đi theo đất nước Hàn, nước Ngụy, qua đường Dương Tấn của nước Vệ, đi tắt lối hiểm huyện Cang Phủ. Xe không đi hàng đôi, ngựa không đi ngang nhau được, trăm người giữ hiểm, nghìn người không dám đi qua. Tần muốn vào sâu, nhưng nhớn nhác nhìn lại, sợ Hàn, Ngụy đánh sau lưng mình. Vậy cho nên nó nơm nớp, ngần ngại, chỉ làm bộ dọa, chứ không dám tiến. Như thế rõ ràng là Tần không làm hại được Tề. Nay nhà vua không xét kỹ chỗ Tần không làm gì được Tề, lại muốn ngoảnh mặt hướng tây thờ Tần, điều đó chứng tỏ mưu kế của quần thần là sai. Nay không phải mang cái tiếng thờ Tần,

lại được cái thực là nước mạnh; đó là điều thần xin đại vương xét kỹ cho.

Tề Vương nói:

— Quả nhân mờ ám, ở cái nước về cõi đông xa xôi nơi góc bể chân trời, chưa hề được nghe lời dạy bảo. Nay túc hạ đem lời của Triệu Vương bảo cho, quả nhân xin đem cả nước theo.

Tô Tần bèn đi về phía tây nam, thuyết Sở Uy Vương:

— Sở là nước mạnh trong thiên hạ, nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. Ở phía tây có quận Kiềm Trung quận Vu; phía đông có đất Hạ Châu, Hải Dương; phía nam có hồ Động Đình, quận Thương Ngô; phía bắc có cửa ải Hình, đất Tuần Dương. Đất đai rộng hơn năm nghìn dặm, tướng sĩ mặc áo giáp trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc gạo đủ chi dùng mười năm. Đó là cái vốn để làm bá làm vương. Nước Sở mạnh như vậy, nhà vua lại hiền như vậy thì thiên hạ không ai địch nổi, thế mà nhà vua lại muốn ngoảnh mặt về hướng tây để thờ Tần. Như thế thì chư hầu còn ai chẳng ngoảnh mặt về tây mà chầu ở dưới đài Chương Đài của Tần kia chứ! Tần ghét nhất là Sở. Sở mạnh thì Tần yếu, Tần mạnh thì Sở yếu. Thế của hai nước không thể cùng đứng. Cho nên đối với đại vương, không gì bằng hợp tung để cô lập Tần. Đại vương không hợp tung, Tần tất đem hai đạo quân ra cửa Vũ Quan, một đạo xuống Kiềm Trung. Thế thì đất Yển, đất Sính phải rung động. Thần nghe nói: trị từ lúc nó chưa loạn, làm từ lúc nó chưa có. Gặp hoạn nạn đến rồi mới lo thì không kịp nữa. Cho nên đại vương sớm tính cho chín đi. Nếu đại vương nghe thần, thần xin báo các nước miền Sơn Đông dâng thức hiến bốn mùa, tuân theo lời dạy bảo sáng suốt của đại vương, trao tất cả xã tắc, tôn miếu để theo, rèn luyện quân sĩ, cổ võ

khích lệ binh lính để cho đại vương dùng. Nếu đại vương quả dùng ngu kế của thần thì người đẹp, giọng nói hay của Hàn, Ngụy, Tề, Yên, Triệu, Vệ sẽ đầy hậu cung; lạc đà, ngựa tốt của Yên, Đại tất sẽ đầy chuồng ngoài. Cho nên hợp tung thì Sở làm vương, liên hoành thì Tần làm đế. Nay bỏ cơ nghiệp bá vương mà mang cái tiếng thờ người, thần trộm cho đại vương làm thế là không phải. Nay Tần là nước hùm sói, có ý nuốt thiên hạ, Tần là kẻ thù của thiên hạ. Những kẻ theo chước liên hoành đều muốn cắt chư hầu để thờ Tần, tức là như người ta nói, nuôi cừu địch mà thờ kẻ thù vậy. Họ làm tôi người ta nhưng lại cắt đất của vua mình cho nước ngoài, làm cho nước Tần hùm sói thêm mạnh, xâm lấn thiên hạ. Nếu bỗng nhiên nước Tần gây loạn, thì họ không hề đoái nghĩ đến tai vạ của nước mình. Bên ngoài, họ dùng cái uy thế của nước Tần mạnh để bên trong ép vua mình cắt đất. Thật là không việc gì đại nghịch bất trung cho bằng. Cho nên hợp tung thì chư hầu cắt đất để thờ Sở; liên hoành thì Sở cắt đất để thờ Tần. Hai kế ấy cách nhau một vực một trời. Trong hai kế ấy đại vương dùng kế nào? Vì thế Triệu Vương nước tôi sai tôi sang trình ngu kế, bày minh ước, xin đại vương dạy cho.

Sở Vương nói:

— Nước của quả nhân phía tây giáp giới với Tần. Tần có ý lấy Ba, Thục, Hán Trung, Tần là nước hùm sói không thể thân được, mà Hàn, Ngụy thì lo ngay ngáy về Tần, ta không thể bàn mưu kế sâu xa với họ được. Nếu bàn mưu kế sâu xa với họ chỉ sợ họ phản lại để hùa với Tần. Cho nên mưu chưa đưa ra mà nước đã bị nguy rồi. Quả nhân tự liệu, nếu Sở đánh Tần thì không thắng nổi. Ở trong bàn mưu với quần thần thì không

thể nhờ cậy được. Quả nhân ăn không ngon, nằm không yên, bụng phập phồng như lá cờ treo chơi vơi, không biết bám vào đâu. Nay ông muốn hợp nhất thiên hạ, tập hợp chư hầu, bảo tồn cái nước đang bị nguy, quả nhân xin đem nước nhà để theo...

Kết quả, sáu nước hợp tung và cùng chung sức. Tô Tần là người cầm đầu hợp tung, kiêm làm tể tướng sáu nước. Khi về bắc để báo cáo với Triệu Vương, Tô Tần đi qua Lạc Dương, chư hầu đem xe ngựa đưa đón rầm rập ngang bậc vương giả.

Chu Hiển Vương nghe thấy thế, sợ hãi, sai sửa dọn đường cho quân ra ngoài thành ủy lạo Tô Tần. Anh em vợ và chị dâu của Tô Tần liếc trông Tô Tần, không dám ngẩng lên nhìn, cứ cúi đầu, nép mình chầu chực, dâng thức ăn. Tô Tần cười bảo chị dâu :

— Sao trước kia chị ngạo ngược mà bây giờ lại cung kính như thế ?

Chị dâu khúm núm, úp mặt xuống đất, xin lỗi :

— Vì thấy chú có ngôi cao, của nhiều.

Tô Tần thở dài than :

— Cũng cái thân này, nhưng lúc phú quý thì họ hàng sợ hãi, khi bần tiện thì họ hàng khinh rẻ, huống gì mọi người ? Vả lại, nếu ta có vài khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương thì làm sao còn được đeo ấn tể tướng của sáu nước ?

Tô Tần bèn phân tán nghìn vàng cho họ hàng bè bạn. Trước kia khi Tô Tần sang Yên, có vay một trăm quan tiền làm vốn, đến khi được phú quý, Tô Tần bèn lấy một trăm nén vàng đền trả. Tần báo đáp tất cả những người mình đã mang ơn. Riêng có một người theo Tô Tần chưa được báo đáp, mới tự nói trước mặt Tô Tần. Tô Tần nói :

— Ta không phải quên ngươi đâu. Ngươi cùng ta đến nước Yên, hai ba lần ngươi muốn bỏ ta trên sông Dịch Thủy. Lúc bấy giờ, ta khốn cùng, cho nên oán ngươi nhiều. Vì thế mới báo đáp ngươi sau.

Ngươi nay cũng được báo.

Tô Tần sau khi giao ước với sáu nước hợp tung, bèn trở về Triệu. Triệu Túc Hầu phong Tô Tần làm Vũ An Quân, và tuyên bố ước thư cho Tần biết. Quân Tần không dám ra cửa Hàm Cốc nhòm ngó trong mười lăm năm. Sau Tần sai Tê Thủ lừa dối Tề, Ngụy cùng Tần đánh Triệu, muốn để phá ước hợp tung.

Tề, Ngụy đánh Triệu, Triệu Vương trách Tô Tần, Tô Tần sợ, xin đi sứ Yên, quyết làm hại Tề.

Tô Tần rời khỏi Triệu, ước hợp tung tan.

Tần Huệ Vương gả con gái cho thái tử nước Yên. Năm ấy Văn Hầu chết. Thái tử lên thay, tức là Yên Dịch Vương. Dịch Vương mới lên ngôi, Tề Tuyên Vương nhân nước Yên có tang, đánh nước Yên lấy mười thành. Dịch Vương bảo Tô Tần :

— Ngày trước tiên sinh đến Yên, tiên vương cấp tiền cho tiên sinh sang yết kiến nước Triệu, kết quả hợp tung được sáu nước. Nay Tề đầu tiên đánh Triệu rồi đến đánh Yên. Nước Yên vì tiên sinh mà bị thiên hạ cười. Tiên sinh có thể lấy lại được đất Yên bị cướp không ?

Tô Tần thẹn quá nói rằng :

— Xin lấy lại hộ nhà vua.

Tô Tần ra mắt Tề Vương, lạy hai lạy, cúi xuống chúc mừng, nhưng ngẩng đầu lên (1) lại phúng điếu.

1. Một thủ đoạn để làm người ta chú ý. Lúc này Tô Tần không còn nghĩ đến việc chống Tần nữa.

Tề Vương nói :

— Sao mà chúc mừng và phúng điếu theo nhau chóng thế ?

— Thần nghe người đói không ăn phụ tử non vì ăn nó vào thì càng đầy bụng mà chết, kết quả cũng khổ như chết đói. Nay Yên tuy nhỏ yếu nhưng nó là con rể của Tần Vương. Đại vương tuy được mười thành của Yên, nhưng làm kẻ thù muôn đời với nước Tần mạnh. Việc này khiến cho nước Yên yếu làm hàng quân đi trước, còn nước Tần mạnh yểm hộ ở sau để chiêu tập binh trong thiên hạ, tức là cùng một loại với việc ăn phụ tử non đấy.

Tề Vương đổi sắc mặt nói :

— Thế thì làm thế nào ?

Tô Tần nói :

— Thần nghe nói người xưa giỏi ứng phó thì chuyển tai vạ thành phúc, nhân thất bại làm công. Nếu đại vương thực nghe kế của thần thì hãy trả ngay cho Yên mười thành. Yên vô cớ được mười thành thế nào cũng mừng. Người ta bảo « bỏ mối thù hằn, được tình giao hiếu bền vững » là thế đấy. Nay Yên, Tần đều thờ Tề thì đại vương ra hiệu lệnh cho thiên hạ, ai dám không nghe. Thế là đại vương theo nước Tần bằng lời nói suông, dùng mười thành mà lấy được thiên hạ, ấy là cơ nghiệp bá vương đó.

Tề Vương nói :

— Phải.

Rồi trả cho Yên mười thành.

Có người nói xấu Tô Tần :

— Ông ta là người tôi trá trở, lo xoay xở tìm cách bán nước, chí sẽ làm loạn.

Tô Tần sợ có tội, quay về, nhưng Yên lại không cho làm quan nữa.

Tô Tần yết kiến Yên Vương, nói :

— Thần là kẻ quê mùa ở Đông Chu, không có chút công cán gì mà nhà vua bái thần ở miếu, kính lễ thần ở triều. Nay thần vì nhà vua làm lui quân nước Tề, lấy được mười thành, đáng lẽ phải được gần gũi nhà vua hơn trước, tại sao thần về, nhà vua lại không cho thần ra làm quan ? Chắc là có kẻ nói với nhà vua rằng thần bất tín để hại thần. Thần mà bất tín là phúc của nhà vua đấy. Thần nghe nói trung tín là để vì mình ; tiến thủ là để vì người (1). Vả lại điều thần nói với Tề Vương không phải là lừa dối đâu. Thần bỏ mẹ già ở Đông Chu, cố nhiên là bỏ chuyện vì mình mà lo chuyện tiến thủ đấy. Nay có người hiếu như Tăng Sâm, liêm như Bá Di, tín như Vĩ Sinh, được cả ba người ấy thờ nhà vua thì thế nào ?

Yên Vương nói :

— Đủ lắm rồi !

Tô Tần nói :

— Người hiếu như Tăng Sâm thế nào cũng không rời cha mẹ một đêm ở ngoài. Nhà vua làm sao có thể khiến họ đi bộ nghìn dặm để thờ ông vua nguy khốn của nước Yên nhỏ yếu ? Người liêm như Bá Di thế nào cũng làm người nối ngôi của nước vua Cô Trúc, không chịu làm quan của Vũ Vương, không chịu phong hầu mà chết đói ở dưới chân núi Thú Dương. Người liêm như thế, nhà vua làm sao sai họ đi bộ nghìn dặm để mưu việc tiến thủ ở Tề ? Người tín như Vĩ Sinh, hẹn với người con gái đến ở dưới cầu, người con gái không lại, nước lên đến nơi, anh ta cũng không đi, ôm cột cầu mà chết.

1. Lời nói tiêu biểu cho cái tâm lý trắng trợn, vô lu của bọn du thuyết.

Người có tín như thế, nhà vua làm sao sai khiến được họ đi bộ ngàn dặm, làm lui quân mạnh của Tề ? Thần nói vì trung tín mà có tội với người trên là thế đấy !

Yên Vương nói :

— Đó là không trung tín mà thôi, lẽ nào có người vì trung tín mà phải tội ?

Tô Tần nói :

— Không phải thế, thần nghe có người đi làm quan ở xa, vợ tư thông với người khác. Người chồng sắp về, kẻ gian phu lo sợ. Người vợ nói : « Chớ lo, tôi đã làm rượu thuốc đợi nó rồi». Được ba ngày, người chồng về thực. Người vợ sai người thiếp đem rượu mời chồng uống. Người thiếp muốn nói rượu có thuốc độc thì sợ bà chủ bị đuổi ; không nói thì sợ ông chủ bị chết. Nó bèn giả vờ ngã làm đổ mất rượu. Ông chủ giận lắm, đánh người thiếp năm chục roi. Cho nên người thiếp ngã đổ mất rượu, trên bảo toàn được ông chủ, dưới bảo toàn được bà chủ, nhưng vẫn không khỏi bị roi vọt.

Yên Vương nói :

— Tiên sinh lại về chức cũ.

Vua Yên hậu đãi Tô Tần. Mẹ Dịch Vương là vợ Văn Hầu tư thông với Tô Tần. Yên Vương biết việc đó, nhưng càng hậu đãi Tô Tần. Tô Tần sợ bị giết bèn nói với Yên Vương :

— Thần ở Yên, không thể khiến cho Yên được trọng, nhưng nếu ở Tề thì Yên thế nào cũng được trọng.

Yên Vương nói :

— Tùy ý tiên sinh

Rồi Tô Tần vờ nói đắc tội với Yên, nên chạy trốn sang Tề. Tề Tuyên Vương cho Tô Tần làm khách khanh. Khi Tuyên Vương chết, Mẫn Vương lên ngôi, Tô Tần

bảo Mẫn Vương chôn cất để tỏ là hiếu, xây nhà cao, mở vườn rộng để tỏ là đắc ý. Tô Tần muốn phá hoại Tề để giúp Yên. Dịch Vương nước Yên chết. Yên Khoái Vương lên làm vua. Về sau, nhiều đại phu nước Tề cùng Tô Tần tranh giành sự tin yêu của nhà vua, nên sai người đâm Tô Tần, Tô Tần không chết, bị thương nặng, bỏ chạy. Tề Vương sai người tìm hung thủ nhưng không bắt được. Tô Tần gần chết, nói với Tề Vương :

— Thần chết, xin dùng xe xé xác thần mà rao ở chợ : «Tô Tần vì Yên làm loạn ở Tề. Như thế thì thế nào cũng bắt được hung thủ giết thần».

Tề Vương bèn làm như lời Tô Tần, quả nhiên kẻ giết Tô Tần tự ra nhận. Tề Vương nhân đó giết kẻ đâm chết Tô Tần. Vua Yên nghe biết chuyện, nói :

— Tề báo thù cho Tô Tần đến thế là cùng !

Tô Tần chết rồi, việc vỡ lở, Tề sau nghe tin ấy, giận Yên, Yên sợ lắm.

Em của Tô Tần là Đại, em của Đại là Lệ thấy anh được phú quý cũng đều bắt chước học du thuyết. Lúc Tô Tần chết, Đại xin yết kiến Yên Vương, muốn nối tiếp việc cũ. Đại nói :

— Thần là người quê mùa ở Đông Chu, trộm nghe tín nghĩa của đại vương, nên mặc dầu ngu dốt cũng bỏ cày bừa để đi tìm đại vương. Đến Hàm Đan được thấy tận mắt, khác xa điều tai nghe. Khi ở Đông Chu, thần trộm tự phụ về chí hướng mình. Nhưng lúc đến triều đình nước Yên, xem quần thần, hạ lại của đại vương, biết đại vương là bậc vua sáng trong thiên hạ.

Yên Vương nói :

— Ngươi nói vua sáng là thế nào ?

Đại nói :

— Thần nghe đấng vua sáng cốt nghe điều lỗi lầm, không muốn nghe điều hay của mình. Thần xin mách bảo điều lỗi lầm của bệ hạ. Tề, Triệu là kẻ thù của nước Yên. Nay bệ hạ thờ kẻ thù để đánh lại nước bạn của mình, đó không phải là điều làm lợi cho nước Yên. Bệ hạ tự nghĩ xem. Thế là tính sai. Nếu không biết can ngăn thì không phải là kẻ trung thần.

Yên Vương nói :

— Tề cố nhiên là kẻ thù của quả nhân mà quả nhân muốn đánh. Chỉ lo nước mỏi mệt, sức không đủ. Nếu nhà ngươi có thể lấy Yên đánh Tề được thì quả nhân xin đem nước giao cho ngươi.

— Thiên hạ có bảy nước đánh nhau, mà Yên ở vào hạng nước yếu. Một mình đánh thì không được, nếu dựa vào đâu thì được đấy tôn trọng. Ở phía nam dựa vào Sở thì được Sở tôn trọng ; ở phía tây dựa vào Tần thì được Tần tôn trọng ; ở giữa dựa vào Hàn, Ngụy thì được Hàn, Ngụy tôn trọng. Vả lại nếu nước mình dựa vào nước nào mà được tôn trọng, tất nhiên đại vương cũng được tôn trọng. Nay vua Tề đã lớn tuổi mà lại tự phụ. Phía nam đánh Sở năm năm, quân sĩ mỏi mệt ; phía bắc đánh nhau với Yên, ba quân bị thua mà bắt được hai tướng. Thế mà còn đem những binh sĩ còn lại, hướng về phía nam đánh Đại Tống có năm nghìn cỗ xe, để bao gồm mười hai chư hầu. Vua thì muốn được đất, nhưng kiệt lực, có gì đáng khen. Vả thần nghe nói đánh nhau luôn thì dân nhọc, quân đi lâu thì sức mệt.

Yên Vương nói :

— Ta nghe nước Tề có sông Tế trong, sông Hà đục có thể giữ vững, có thành dài, đê lớn đủ để che chở. Có thực thế không ?

Đại nói :

— Thiên thời không cho, dẫu có sông Tề, sông Hà cũng không giữ vững được ; sức dân nhọc, dẫu có thành dài đê lớn cũng không che chở được. Vả lại ngày trước, Tề không đóng quân ở Tế Tây là để đề phòng nước Triệu đấy ; không đóng quân ở Hà Bắc, là để phòng bị nước Yên. Nay Tế Tây, Hà Bắc đã có binh lính đồn thú hết, trong nước đã mệt nhọc. Phàm vị vua kiêu ngạo thì thế nào cũng ham lợi. Bầy tôi vong quốc thì thế nào cũng tham tiền. Nếu bệ hạ không lấy làm nhục, đưa con yêu, em ruột, chú họ làm con tin, lấy châu báu ngọc lụa để biếu tả hữu, thì họ sẽ cảm ơn nước Yên mà khinh bỉ nước Tống đã mất. Như vậy Tề có thể mất thôi.

Yên Vương nói :

— Ta đành phải phó thác con cho trời vậy.

Yên Vương bèn sai một người con sang làm con tin ở nước Tề. Rồi Tô Lệ nhờ con của Yên Vương làm con tin ở Tề, xin yết kiến Tề Vương. Tề Vương oán Tô Tần, toan bỏ tù Tô Lệ. Con của Yên Vương làm con tin xin lỗi hộ Tô Lệ mới thôi. Lệ bèn hiến thân làm quan ở nước Tề,

Tướng của Yên là Tử Chi thông gia với Tô Đại, muốn nắm quyền hành ở Yên, bèn sai Đại sang hầu con tin của Yên ở Tề. Tề sai Đại báo cáo với Yên. Yên Vương Khoái hỏi :

— Tề Vương có thể làm bá chăng ?

Đại nói :

— Không thể được.

— Sao thế ?

— Tề Vương không tin tôi của mình.

Từ đấy Yên Vương chuyên dùng Tử Chi, sau đó nhường ngôi cho ông ta.

Nước Yên loạn to. Tề đánh Yên, giết Khoái cùng Tử Chi.

Nước Yên lập Chiêu Vương làm vua. Tô Đại, Tô Lệ không dám về Yên, rút cục đều về với Tề, được Tề hậu đãi.

Tô Đại qua nước Ngụy. Ngụy vì nước Yên bắt Đại. Tề sai người bảo vua Ngụy :

— Tề xin lấy đất của Tống để phong cho Kinh Dương Quân (1). Tần nhất định sẽ không nhận. Không phải Tần không có lợi nếu giao hiếu với Tề và nhận được đất Tống đâu ; mà vì Tần không tin Tề Vương và Tô Đại. Nay Tề với Ngụy xích mích nhau đến thế, thì Tề không dối Tần, Tần sẽ tin Tề. Tề với Tần hợp nhau, Kinh Dương Quân có đất của Tống, đó không phải là điều lợi cho Ngụy. Cho nên chẳng bằng nhà vua cho Tô Tử sang đông, Tần thế nào cũng nghi Tề và không tin Tô Tử. Tề, Tần không hòa hợp, thiên hạ không biến đổi, và việc đánh Tề hình thành.

Ngụy bèn thả Tô Đại ra.

Đại sang Tống. Tống đãi Đại tử tế. Tề đánh Tống, Tống nguy cấp. Tô Đại bèn đưa thư cho Yên Chiêu Vương nói :

— Đứng vào hàng nước có hàng vạn cỗ xe mà phải gửi con tin ở Tề thì danh hèn mà quyền nhẹ (2) ; giúp Tề đánh Tống thì nhọc dân mà tốn của. Phá Tống mà làm hại đất Hoài Bắc to lớn và béo bở thì kẻ thù là Tề sẽ thêm mạnh mà nước mình sẽ bị hại. Ba việc ấy đều làm cho nước nguy to vậy. Vả lại, bệ hạ làm điều đó là muốn để giữ tín với Tề, nhưng Tề lại càng không tin bệ

1. Em của vua Tần.

2. Chính Tô Đại khuyên vua Yên gửi con làm con tin ở Tề, rồi sau đó lại nói nhà vua làm thế là sai.

hạ, càng ghét Yên. Thế là bệ hạ mưu tính sai. Nay nước Tống có thêm đất Hoài Bắc là nó thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đấy ; mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm một nước Tề vậy. Bắc Di đất vuông bảy trăm dặm mà thêm nước Vệ, nước Lỗ thì sẽ thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đấy ; mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm hai nước Tề. Với một nước Tề mạnh, Yên còn nhớn nhác không chống được ; nay có ba nước Tề ở gần Yên thì tai vạ tất lớn. Tuy nhiên người khôn ngoan thì biến họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Nước Tề cũng như tấm lụa trắng xấu đem nhuộm màu tía (1) mà giá gấp mười. Việt Vương Câu Tiễn nương mình ở Cối Kê, quay trở lại đánh tan nước Ngô mạnh, làm bá chủ thiên hạ. Đó là điều nhân họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Muốn thế thì không gì bằng giữ Tề làm bá mà tôn nó, sai sứ đi tuyên thệ với nhà Chu, đốt phù của Tần mà nói : « Cái kế hay nhất là phá Tần ; thứ nữa là phục tùng theo Tề ». Nếu như nhà vua phục tùng theo Tề thì vua Tần thế nào cũng lo lắng. Nước Tần đã đánh các nước chư hầu năm đời nay thế mà nay địa vị nó ở dưới nước Tề thì nó sẽ tức. Chí của vua Tần là phải làm sao cho nước Tề cùng khốn, dù có phải đem toàn lực trong nước ra làm nó cũng không tiếc. Thế thì tại sao nhà vua không sai hiệp sĩ nói với Trần Vương như thế này : « Yên, Triệu, Tống làm cho nước Tề được béo bở, tôn Tề mà làm kẻ dưới của Tề. Yên, Triệu không được lợi gì ở điều đó. Yên, Triệu không được lợi, nhưng vẫn phải làm, vì không tin Trần Vương. Thế thì sao bệ hạ không khiến người đáng tin cậy để tiếp thu Yên,

1. Vua Tề thích màu tía, cho nên tục nước Tề chuộng màu ấy. Ý nói Tề bên ngoài có vẻ mạnh, nhưng thực ra thì không phải.

Triệu, khiến Kinh Dương Quân, Cao Lăng Quân làm con tin trước khi Yên, Triệu, Tần có biến cố. Thế thì Yên, Triệu sẽ tin Tần, Tần làm đế phương tây, Yên làm đế phương bắc, Triệu làm đế ở giữa. Lập ba đế để ra mệnh lệnh cho thiên hạ ; Hàn, Ngụy không nghe thì Tần đánh ; Tề không nghe thì Yên, Triệu đánh ; thiên hạ còn ai dám không nghe ! Thiên hạ đã nghe theo thì nhân thế mà thúc Hàn, Ngụy đánh Tề, bảo : « Phải trả lại đất cho Tống, trả đất Hoài Bắc cho Sở ». Tề trả đất cho Tống, trả Hoài Bắc cho Sở, thế là Yên, Triệu lợi đấy. Ba đế đứng ngang nhau là điều Yên, Triệu mong muốn. Về sự thực thì được hưởng lợi ; về mặt tôn quý thì được mãn nguyện. Yên, Triệu sẽ bỏ Tề dễ dàng như rút giày vậy. Nay nếu không tiếp thu Yên, Triệu thì nghiệp bá của Tề tất thành. Chư hầu nghe theo Tề mà bệ hạ không theo thế là nước bị đánh đấy. Chư hầu nghe theo Tề mà bệ hạ theo họ, thế là mang tiếng hèn đấy. Nay tiếp thu Yên, Triệu thì nước được yên mà danh được tôn ; không tiếp thu Yên, Triệu thì nước bị nguy mà mang tiếng hèn. Bỏ địa vị yên ổn tôn quý, mà mang lấy địa vị nguy vong, hèn hạ, người khôn ngoan không làm. Tần Vương nghe câu nói ấy tất như đâm vào ruột. Sao bệ hạ không sai biện sĩ đem câu nói khó chịu ấy nói với Tần thì tất Tần nghe theo, thế nào cũng đánh được Tề. Tần nghe theo thì sự giao hiếu được gắn bó, đánh Tề là điều ích lợi chính đáng. Tôn trọng sự giao hiếu gắn bó, lo điều ích lợi chính đáng, là việc của bậc thánh vương đấy »

Yên Vương khen thư của Đại, nói :

— Tiên nhân đã từng chịu ơn họ Tô. Vì có loạn Tử Chi nên Tô Tần bỏ Yên đi. Yên muốn báo thù Tề, ngoài họ Tô thì không ai làm được.

Bèn sai mời Tô Đại, lại đối đãi tử tế, cùng Đại mưu đánh Tề. Kết quả phá được Tề, Mẫn Vương phải chạy. Sau đó ít lâu, Tần mời Yên Vương, Yên Vương muốn đi. Tô Đại nói với Yên Vương :

— Sở được đất Chỉ mà nước Sở mất ; Tề được nước Tống mà nước Tề mất. Tại sao Tề, Sở không thể lấy đất Chỉ, nước Tống để thờ Tần ? Đó là vì Tần thù kẻ có công. Tần lấy được thiên hạ không phải là làm việc nghĩa mà làm việc bạo đấy. Tần làm việc bạo và nói thẳng với thiên hạ. Họ nói với Sở rằng : « Giáp binh của đất Thục đi thuyền trên sông Vấn, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Giang chỉ năm ngày là đến đất Sính. Giáp binh của Hán Trung, đi thuyền ra sông Ba, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Hán, thì chỉ bốn ngày là đến bãi Ngũ Chử. Quả nhân tập hợp giáp binh ở phía đông huyện Uyển rồi đi xuống ấp Tùy. Người khôn hết đường xoay xở, kẻ dũng sĩ hết cách trổ tài ; quả nhân đánh Sở như bắt chim ưng, nhất định là được. Nhà vua lại còn muốn chờ thiên hạ đánh Hàm Cốc ư ? Thế thì xa xôi quá ? Vì thế cho nên Sở Vương mười bảy năm nay thờ Tần. Tần nói thẳng với Hàn rằng : « Ta dấy quân ở đất Thiếu Khúc, một ngày là chặn ngang núi Thái Hàng. Ta dấy binh ở Nghi Dương rồi đánh vào Bình Dương thì chỉ hai ngày là tất cả đều rung chuyển. Ta qua hai Chu (1) rồi đánh vào Trịnh, thì chỉ năm ngày là lấy được nước Trịnh ». Hàn cho là phải, cho nên thờ Tần. Tần nói thẳng với Ngụy rằng : « Ta đánh lấy An Ấp, chặn Nữ Kích, Hàn Thị, Thái Nguyên, Quyền ; ta xuống Chỉ Đạo, Nam Dương, Phong Kỳ, bao vây thành của hai Chu, nhân nước lũ mùa hạ, đi thuyền nhẹ, mang nỏ khỏe ở phía trước, giáo sắc ở phía sau. Ta khơi chắm

1. Hai Chu : là Đông Chu và Tây Chu.

Huỳnh Trạch thì Ngụy không còn Đại Lương ; khơi bến Bạch Mai thì Ngụy không còn Ngoại Hoàng, Tế Dương ; khơi bến Túc Tư thì Ngụy không còn Khư, Đốn Khâu ; trên đường bộ thì đánh Hà Nội ; đường thủy thì diệt Đại Lương ». Ngụy cho là phải cho nên thờ Tần. Tần muốn đánh An Ấp, sợ Tề cứu An Ấp, thì giao đất Tống cho Tề và nói : « Tống Vương vô đạo, làm người bằng gỗ để viết tên quả nhân, rồi bắn vào mặt. Quả nhân ở xa không tiện đánh. Vương đánh lấy được đất Tống cũng như chính quả nhân đánh được đất ấy. Sau khi đã đánh lấy An Ấp, Tần sẽ nhân đấy bắt tội Tề về việc phá Tống. Tần muốn đánh Hàn, sợ thiên hạ cứu Hàn thì giao Tề cho thiên hạ mà nói rằng : « Tề Vương bốn lần hẹn với quả nhân thì bốn lần lừa dối quả nhân. Đã ba lần Tề quyết tâm cầm đầu thiên hạ để đánh quả nhân. Có Tề thì không Tần, có Tần thì không Tề ; phải đánh Tề, phải tiêu diệt Tề ». Sau khi đã được Nghi Dương, Thiếu Khúc đến Lan Trạch. Tần sẽ buộc thiên hạ về cái tội đã đánh phá Tề. Tần muốn đánh Ngụy, nhưng lo ngại Sở, bèn lấy Nam Dương giao cho Sở, nói rằng : « Quả nhân thế nào cũng sẽ tuyệt giao với Hàn. Sở hãy giữ lấy Quản Lãng, chẹn đất Manh Ách, nếu có lợi cho Sở thì cũng như là có lợi cho quả nhân. Khi Ngụy đã bỏ nước thân thiện mà hợp với Tần, Tần sẽ nhận lấy việc Sở chẹn Manh Ách mà bắt tội Sở. Sau đó, khi quân Ngụy bị nguy khốn ở Lâm Trung, và các nước Yên, Triệu mạnh lên, thì Tần lại hứa lấy Liêu Đông giao cho Yên, lấy Tế Tây giao cho Triệu, và sau đó, Triệu giảng hòa với Ngụy, đưa công tử Diên làm con tin. Tần nhờ có Tề Thủ (tướng quốc nước Ngụy — NĐ) liên binh với Ngụy để đánh Triệu nhưng bị quân Triệu đánh bại ở Tiêu Thạch, bị tổn thất nặng nề ở Dương Mã. Tần bèn làm ra vẻ kính trọng Ngụy, hứa cho nó đất Diệp, đất

Thái, nhưng bản thân mình thì lại giảng hòa với Triệu để khi nào mình xâm chiếm Ngụy thì không bị Triệu cản trở, và gặp lúc khó khăn thì sai em của thái hậu là Nhương Hầu cầu hòa. Còn nếu thắng Ngụy thì sẽ lừa cả mẹ và cậu. Tần trách Yên thì bảo là vì Giao Đông, trách Triệu thì bảo là vì Tế Tây, trách Ngụy thì bảo là vì Diệp Thái, trách Sở thì bảo là vì Manh Ách, trách Tề thì bảo là vì Tống. Cái lối ấy tức là nói quẩn nói quanh như cái vòng tròn, dùng binh như đàm châu chấu. Mẹ không ngăn được, cậu không giữ được. Trong những trận đánh ở Long Cổ, Ngạn Môn, Phong Lăng, Cao Thương, Triệu Trang, Tần giết dân của Tam Tấn (1) đến vài trăm vạn. Nay những người còn sống đều là những người mồ côi, cha bị quân Tần giết. Nhà vua xem những trận ngoài Tây Hà và ở đất Thượng Lạc, tai vạ ở Tam Xuyên, Tấn Quốc, đã làm thiệt hại một nửa Tam Tấn !Tai vạ Tần gây ra to lớn là như thế đấy ! Thế mà kẻ du thuyết của Yên, Triệu đến Tấn, đều tranh nhau thuyết phục vua mình thờ Tần. Đó là điều thần rất lo.

Yên Chiêu Vương không đi nữa. Tô Đại lại được tôn trọng ở Yên. Yên sai Đại đi giao ước với chư hầu, cùng hợp tung như thời Tô Tần. Có nước theo, có nước không theo, nhưng thiên hạ từ đấy vẫn tôn kính ước tung của họ Tô. Đại và Lệ đều được sống lâu mới chết, danh tiếng lừng lẫy ở chư hầu.

3. Thái Sử Công nói :

— Ba anh em Tô Tần đều đi du thuyết các nước chư hầu, danh tiếng lừng lẫy. Thuật của những người ấy

1. Tam Tấn : Triệu, Hàn, Ngụy.

giỏi về quyền biến. Tô Tần bị phản gián mà chết, thiên hạ đều cười Tô Tần mà kiêng học thuyết ấy của Tần. Song đời nói về Tô Tần nhiều điều quái lạ, có việc gì kỳ quặc một chút là cứ gán cho Tô Tần. Tô Tần nổi dậy từ chốn làng xóm, hợp tung sáu nước. Điều đó chứng tỏ tri thức của ông ta có chỗ hơn người. Cho nên tôi trình bày việc làm của ông ta theo thứ tự thời gian, không để cho ông ta chỉ mang tiếng xấu thôi vậy.

TRUYỆN TRƯƠNG NGHI

1. TRƯƠNG NGHI là người nước Ngụy. Trước [illegible] Tô Tần theo học Quỷ Cốc tiên sinh. Tô Tần tự cho mình kém Trương Nghi về học thuật. Trương Nghi học xong đi du thuyết các nước chư hầu. Nghi có lần theo tướng quốc nước Sở uống rượu, sau đó tướng quốc nước Sở mất ngọc bích. Môn hạ ngờ cho Trương Nghi, nói :

— Nghi nghèo không có nghề ngỗng gì, nhất định hắn lấy trộm ngọc bích của tướng quân.

Họ bắt Trương Nghi đánh vài trăm roi, Nghi không nhận tội. Họ tha cho. Vợ Nghi nói :

— Hừ ! nếu chàng không đọc sách đi du thuyết thì sao đến nỗi phải cái nhục này !

Trương Nghi bảo vợ :

— Nhìn xem lưỡi ta còn không ?

Vợ cười :

— Lưỡi còn.

Nghi nói :

— Được rồi ! (1)

Tô Tần chẳng bao lâu thuyết phục được Triệu Vương theo hợp tung và cầm đầu việc hợp tung với các nước.

1. Một chi tiết hết sức điển hình.

Song ông ta sợ nước Tần đánh chư hầu, sẽ hỏng mất ước tung. Nghĩ không ai có thể cầm quyền ở Tần, ngoài Trương Nghi, Tô Tần bèn sai người gợi ý cho Trương Nghi nói :

— Ông trước quen Tô Tần, nay Tần đã cầm quyền sao ông không đến chơi nhờ giúp để đạt chí nguyện của mình.

Thế là Trương Nghi sang Triệu, đưa danh thiếp xin yết kiến Tô Tần. Tô Tần bèn dặn bọn môn hạ đừng thông báo và không cho đi đâu trong vài hôm. Sau đó, Tần tiếp kiến Nghi, để Nghi ngồi ở dưới thềm, cho Nghi ăn cơm của hạng đày tớ nàng hầu, nhân nhiếc Nghi :

— Tài năng như ngươi mà lại để khốn nhục thế à ? Ta không phải không thể nói để ngươi được giàu sang, nhưng ngươi không đáng được dùng.

Bèn từ tạ đuổi đi.

Trương Nghi tự cho mình là bạn cũ, đến nhờ giúp đỡ, không ngờ lại bị sỉ nhục nên tức giận. Nghĩ chư hầu không đâu có thể thờ được, chỉ có nước Tần mới làm khổ được Triệu, Nghi bèn đi vào Tần.

Sau đó, Tô Tần bảo môn hạ :

— Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, ta không thể bằng. Nay ta may được dùng trước, mà chỉ có một mình Trương Nghi là có thể cầm quyền bính ở Tần. Song anh ta nghèo, không có cách gì để tiến thân. Ta sợ anh ta ham cái lợi nhỏ mà không thành đạt, cho nên mời đến làm nhục để trêu tức. Ngươi hãy vì ta giúp ngầm ông ta.

Đoạn, Tô Tần nói với Triệu Vương phát cho tiền của, xe ngựa, cho người lén lút theo Trương Nghi ở cùng nhà trọ, dần dần thân mật, đưa cho Nghi tiền

bạc, xe ngựa. Nghi muốn gì thì cho cấp cho ngay, nhưng không nói. Trương Nghi nhờ vậy được yết kiến Tần Huệ Vương. Huệ Vương cho làm khách khanh, cùng mưu đánh chư hầu. Người môn hạ của Tô Tần bèn từ giã ra đi. Trương Nghi nói :

— Nhờ ông mới được hiển đạt, tôi sắp báo ơn sao ông lại đi ?

Người kia nói :

— Không phải tôi biết ngài đâu, biết ngài là Tô Quân. Tô Quân lo Tần đánh Triệu, hỏng mất điều ước hợp tung. Lại cho rằng ngoài ngài ra, không ai có thể nắm được quyền bính nước Tần, cho nên trêu tức ngài rồi ngầm sai tôi theo hầu hạ tư cấp cho ngài làm trọn mưu kế của Tô Quân. Nay ngài đã được dùng, tôi xin về báo.

Trương Nghi nói :

— Than ôi ! Thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân. Ta lại mới được dùng, làm sao nghĩ đến chuyện đánh Triệu được ? Ông tạ ơn Tô Quân hộ ta. Trong thời còn Tô Quân, Nghi đâu dám nói chuyện đánh Triệu ? Vả lại, Tô Quân còn đấy, Nghi dám làm trò gì được ?

Sau khi làm thừa tướng nước Tần, Trương Nghi bèn viết tờ hịch báo tướng quốc nước Sở : « Trước ta theo ngươi nống rượu, ta không lấy trộm ngọc bích của ngươi, ngươi đánh đòn ta. Ngươi hãy lo giữ nước cho khéo, ta sẽ có ngày lấy trộm thành của ngươi đấy ».

Đất Ba và đất Thục đánh nhau, đều đến cầu cứu Tần, Tần Huệ Vương muốn đem quân đánh Thục, nhưng ngại đường sá hiểm trở, nhỏ hẹp khó đi, Hàn lại đến xâm lấn ; muốn đánh Hàn trước, sau sẽ đánh Thục, nhưng

sợ không lợi ; muốn đánh Thục trước nhưng lại sợ Hàn đánh úp Tần. Huệ Vương do dự chưa quyết. Tư Mã Thác cùng Trương Nghi tranh luận ở trước mặt Huệ Vương. Tư Mã Thác (1) muốn đánh Thục. Trương Nghi nói :

— Chẳng bằng đánh Hàn.

Huệ Vương nói :

— Xin nói tại sao ?

Nghi nói :

— Thân với Ngụy, làm bạn với Sở, đem quân xuống Tam Xuyên, ngăn chặn cửa Thập Cốc, làm chủ đường Đồn Lưu. Ngụy cắt đứt Nam Dương. Sở đến gần Nam Trịnh, Tần đánh Tân Thành, Nghi Dương để đến gần ngoại đồng của hai Chu (2), trách tội Chu Vương xâm lấn đất của Sở, Ngụy. Chu tự biết không thể cứu được, tất phải đem đồ báu và chín vạc ra (3). Giữ lấy chín vạc, cầm lấy địa đồ, sổ sách, lấy thế thiên tử để ra lệnh cho thiên hạ, thiên hạ ai dám không nghe theo ! Ấy là nghiệp vương đấy. Nay Thục là nước xa tít về phía tây, và thuộc hạng Nhung, Địch. Ta làm lính mệt, dân chúng vất vả, nhưng không đủ để nổi danh, được đất của nó không đủ để làm lợi. Thần nghe nói « tranh danh ở triều, tranh lợi ở chợ ». Nay Tam Xuyên, Chu Thất tức là triều và chợ của thiên hạ, mà đại vương không tranh, lại tranh Nhung, Địch, thế là còn cách xa vương nghiệp lắm.

1. Tổ của Tư Mã Thiên.

2 Nhị Chu : Đông Chu và Tây Chu.

3. Chín vạc : Vua Hạ Vũ đúc chín cái vạc để tượng trưng chín châu trong thiên hạ. Thời tam đại coi chín cái vạc ấy là bảo vật khí truyền nước, Thành Thang thiên chín vạc ấy ra Thương Ấp. Chu Vũ Vương lại thiên ra Lạc Ấp.

Tư Mã Thác nói :

— Không phải. Thần nghe nói : vị vua muốn nước giàu thì cốt được ruộng đất ; vị vua muốn binh mạnh thì cốt được dân giàu ; vị vua muốn làm vương thì cốt được đức rộng lớn. Có ba điều ấy thì nghiệp vương sẽ theo sau. Nay nhà vua đất nhỏ, dân nghèo, cho nên thần muốn làm việc dễ trước. Nay Thục là nước xa tít về phía tây và là trưởng các dân Nhung, Địch, đang có loạn Kiệt, Trụ. Lấy binh Tần đánh nước ấy khác nào khiến sài lang đuổi đàn dê ! Được đất nước ấy đủ để mở rộng nước, lấy của nước ấy đủ để làm dân giàu, nuôi binh sĩ không thiệt đến dân chúng mà họ đã theo phục. Đánh đổ một nước mà thiên hạ không cho là bạo ; được hết lợi vùng Tây Hải mà thiên hạ không cho là tham. Thế là ta làm một việc mà có cả danh lẫn thực, lại còn có cái tiếng là trừ bạo, ngăn loạn nữa. Nay ta đánh Hàn, tất sẽ uy bức thiên tử, là danh không tốt, mà vị tất đã có lợi, lại mang cái tiếng bất nghĩa. Đánh nước thiên hạ không muốn đánh, thật là nguy vậy. Thần xin bày rõ lại sao. Chu là tôn thất trong thiên hạ, Tề là nước thân thiện với Hàn. Chu tự biết mất chín vạc, Hàn tự biết mất đất Tam Xuyên. Hai nước ấy chung sức hợp mưu, để dựa vào Tề, Triệu mà cầu hòa với Sở, Ngụy. Bệ hạ không thể ngăn họ lấy chín vạc cho Sở, lấy đất cho Ngụy. Thần bảo nguy là thế đấy. Không bằng đánh Thục là kế vạn toàn.

Huệ Vương nói :

— Phải, quả nhân xin nghe nhà ngươi.

Rồi đem binh đánh Thục. Đến tháng mười lấy được Thục. Bèn bình định nước Thục, truất Thục Vương, đổi hiệu làm hầu, rồi khiến Trần Trang làm thừa tướng nước Thục.

Thục đã thuộc Tần, Tần vì thế càng giàu mạnh khinh chư hầu. Năm thứ 10 thời Tần Huệ Vương, vua Tần sai công tử Hoa cùng Trương Nghi vây Bồ Dương, Bồ Dương phải hàng. Nghi nhân nói với Tần lại thân thiện với Ngụy, rồi sai công tử Do làm con tin ở Ngụy.

Nghi nhân nói với Ngụy Vương :

— Tần Vương đãi Ngụy rất hậu, Ngụy không thể vô lễ được.

Ngụy nhân nộp đất Thượng Quận, đất Thiếu Dương để tạ Tần Huệ Vương. Tần Huệ Vương bèn cho Trương Nghi làm thừa tướng, đổi tên Thiếu Lương gọi là Hạ Dương. Nghi làm thừa tướng nước Tần được bốn năm, lập Huệ Vương làm « vương ». Một năm sau khi Nghi làm thừa tướng, nước Tần đánh lấy đất Thiềm, đắp ải Thượng Quận ; hai năm sau, Tần sai Nghi đi hội với tướng các nước Tề, Sở tại Khiết Tang. Khi từ phương đông trở về, Nghi thôi không làm thừa tướng.

Nghi sang làm tướng quốc nước Ngụy bảo Ngụy Vương : « Tần muốn Ngụy thờ Tần trước để chư hầu bắt chước ». Ngụy Vương không chịu nghe Nghi. Tần Vương giận, đánh lấy đất Khúc Ốc, Bình Chu của Ngụy, lại ngầm đãi Trương Nghi càng hậu. Trương Nghi thẹn không có gì để về báo đáp Tần lưu ở lại Ngụy bốn năm. Ngụy Tương Vương chết, Ai Vương lên ngôi. Trương Nghi lại nói với Ai Vương, Ai Vương không nghe. Trương Nghi ngầm bảo Tần đánh Ngụy. Ngụy đánh nhau với Tần bị thua. Năm sau Tề lại đánh bại Ngụy ở bến Quán Tàn. Tần lại muốn đánh Ngụy, trước tiên đánh bại quân của Thân Sai nước Hàn, chém tám vạn thủ cấp. Chư hầu khiếp sợ. Trương Nghi lại bảo với Ngụy Vương :

— Đất của nước Ngụy vuông không đầy nghìn dặm quân không quá ba mươi vạn người, bốn bề bằng phẳng các phía thông với chư hầu, không có núi cao sông lớn ngăn trở. Đi từ Trịnh đến Lương (1) hơn hai trăm dặm, xe chạy người đi không phải vất vả mà đến được. Nước Lương ở phía Nam, giáp giới nước Sở ; phía tây giáp giới nước Hàn ; phía bắc giáp giới nước Triệu ; phía đông giáp giới nước Tề ; binh sĩ đi thú giữ nơi đồn lũy ở bốn phía không đến mười vạn. Địa thế nước Lương rõ ràng là bãi chiến trường. Nước Lương phía nam thân với Sở, không thân với Tề, thì Tề đánh ở mặt đông ; phía đông thân với Tề không thân với Triệu, thì Triệu đánh ở mặt bắc ; không hòa hợp với Hàn thì Hàn đánh ở mặt tây ; không thân với Sở thì Sở đánh ở mặt nam. Nói ở cái cảnh chia năm, xẻ bảy là như thế. Vả lại chư hầu hợp tung là để yên xã tắc, làm cho vua được tôn quý, quân được mạnh và nổi tiếng vậy. Nay những kẻ hợp tung chủ trương thống nhất thiên hạ ước làm anh em, giết ngựa trắng ăn thề ở trên sông Hoàn Thủy để giữ vững cho nhau. Nhưng anh em thân cùng một cha mẹ còn tranh nhau tiền tài, muốn dùng lối lừa dối để lật nhau. Rõ ràng cái mưu thừa của Tô Tần không thể thành được. Nếu đại vương không chịu theo Tần, Tần sẽ đem quân xuống đánh miền Hà Ngoại chiếm cứ Quyền Diễn, Toan Tảo, uy bức nước Vệ, lấy Dương Tấn thì Triệu sẽ không đi xuống phía nam được ; Triệu không đi xuống phía nam thì Lương không lên bắc được ; Lương không đi lên miền bắc thì con đường hợp tung đứt ; con đường hợp tung đứt thì không thể nào nước của đại vương không nguy. Tần dọa Hàn để

1. Lương : Đại Lương là nơi Ngụy Huệ Vương đóng đô.

đánh Lương. Hàn bị Tần ép, Hàn với Tần làm một, Lương có thể đứng đợi mất nước được, thần thấy lo cho đại vương về chỗ ấy. Đối với đại vương chẳng có kế gì bằng thờ Tần. Thờ Tần thì Sở, Hàn không dám cựa quậy. Đại vương không lo về Sở, Hàn thì cứ việc nằm khểnh, nước chắc chắn không phải lo ngoại gì. Vả lại nước mà Tần muốn làm yếu nhất là Sở ; mà nước làm Sở yếu thì chẳng nước nào bằng Lương. Sở tuy có danh là giàu lớn, nhưng thực ra thì trống rỗng. Quân nước ấy tuy nhiều, nhưng dễ chạy hay trốn, không chiến đấu bền bỉ được. Nay đem tất cả quân của Lương quay về phía Nam để đánh Sở thì nhất định thắng Sở. Cắt nước Sở để mở rộng Lương, bớt xén Sở để vừa lòng Tần ; gây họa cho nước khác để nước mình được yên, đó là việc hay. Nếu đại vương không nghe thần, Tần cho binh sĩ mặc áo giáp đi đánh miền đông, bấy giờ dẫu muốn thờ Tần cũng không thể được. Vả lại, kẻ theo chước hợp tung chỉ nói hăng, nhưng ít đáng tin. Thuyết phục được một chư hầu là được phong hầu, cho nên kẻ sĩ du thuyết trong thiên hạ không ai không ngày đêm nắm tay trợn mắt nghiến răng để thuyết phục các vị vua về sự tiện lợi của hợp tung ; các vị vua khen lời biện luận là hay, rồi cứ bám riết lấy lời nói của họ, làm sao khỏi lầm được. Thần nghe nói « chất lòng chim sẽ làm chìm thuyền chở nhiều vật nhẹ sẽ làm gãy trục xe, miệng người ta ; làm chảy loài kim, nhiều lời gièm pha làm tan cốt nhục ! » Xin đại vương xét kỹ kế bàn và cho xin hài cốt (1) để rời khỏi nước Ngụy.

1. Xin hài cốt : xin từ chức, ý nói để cho hài cốt được đem về chôn ở quê hương.

Ai Vương bèn bỏ hợp tung rồi nhờ Nghi, xin hòa với Tần.

Trương Nghi về lại làm thừa tướng nước Tần. Được ba năm, Ngụy lại chống Tần, lo hợp tung. Tần đánh Ngụy lấy đất Khúc Ốc. Năm sau Ngụy lại thờ Tần. Tần muốn đánh Tề. Tề, Sở hợp tung với nhau. Vì thế Trương Nghi sang làm thừa tướng nước Sở. Sở Hoài Vương nghe Trương Nghi đến, để dành cái nhà to cho Nghi ở, nói :

— Nước tôi là nước xa xôi hủ lậu, ông có gì dạy bảo không ?

Nghi nói với Sở Vương :

— Đại vương nếu nghe thần, đóng cửa quan, tuyệt giaoước với Tề thì thần xin dâng đất Thượng Ư sáu trăm dặm, khiến cho con gái Tần được làm thiếp hầu hạ quét tước cho đại vương. Hai nước Tần, Sở lấy vợ gả chồng với nhau thành nước anh em mãi mãi. Thế là phía bắc thì làm yếu nước Tề mà phía tây làm ích nước Tần đấy. Không kế gì tiện bằng thế.

Sở Vương thích lắm nên nghe theo. Quần thần đều chúc mừng, chỉ một mình Trần Chẩn chia buồn với nhà vua. Sở Vương giận nói :

— Quả nhân không phải cử binh xuất quân mà được sáu trăm dặm đất, quần thần đều mừng, một mình ngươi chia buồn là tại làm sao ?

Trần Chẩn thưa :

— Không phải. Theo điều thần thấy thì không thể lấy được đất Thượng Ư mà trái lại Tề với Tần sẽ hòa hợp. Tần với Tề hòa hợp thì điều lo ngại nhất định sẽ đến.

Sở Vương nói :

— Ông lấy gì làm căn cứ để nói thế.

Trần Chẩn thưa :

— Tần trọng Sở chẳng qua là vì có Tề. Nay Sở đóng cửa quan, tuyệt giao với Tề thì Sở lại bị cô lập. Tần mong chờ gì ở cái nước bị cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thượng Ư ? Trương Nghi về Tần, thế nào cũng phụ bệ hạ, thế là phía bắc ta tuyệt giao với Tề ; phía tây phải lo lắng với Tần vậy. Rồi quân hai nước ấy thế nào cũng đều đến. Đối với bệ hạ, không kế gì bằng bề trong ngầm hợp với Tề mà bề ngoài thì tuyệt giao với Tề. Sai người theo Trương Nghi. Họ cho ta đất, ta sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn. Họ không cho ta đất thì ta cứ ngầm hợp với Tề để mưu tính.

Sở Vương nói :

— Xin ông Chẩn câm miệng đừng nói nữa để đợi quả nhân được đất đã.

Bèn trao ấn tướng quốc cho Trương Nghi và cho Nghi nhiều của. Rồi đóng cửa quan tuyệt giao với Tề. Lại sai một viên tướng quân đi theo Trương Nghi. Trương Nghi đến Tần, giả vờ làm bị đứt dây vịn ngã xe, ba tháng không vào chầu. Sở Vương nghe tin nói :

— Nghi cho quả nhân chưa kiên quyết tuyệt giao với Tề ư ?

Bèn sai dũng sĩ sang Tống, mượn phù tiết của Tống, sang bắc mắng Tề Vương, Tề Vương giận lắm, nén lòng chịu phục tùng Tần. Tình giao hiếu của Tần với Tề lại nối lại, Trương Nghi mới vào chầu, bảo sứ giả của Sở:

— Thần có sáu dặm đất ăn lộc xin hiến để dâng tả hữu của đại vương (1).

Sứ giả của Sở nói :

— Thần được lệnh của vương là lấy sáu trăm dặm đất của Thượng Ư, chứ không thấy nói sáu dặm.

1. Tả hữu của đại vương : nghĩa đen là các quân hầu, ở đây là chỉ nhà vua.

Sứ giả về báo với Sở Vương. Sở Vương giận lắm, đem quân đánh Tần. Trần Chẩn nói :

— Chẩn có thể mở miệng nói được chăng ? Đánh Tần chẳng bằng cắt đất để cho Tần, cùng Tần hợp quân để đánh Tề. Thế là ta bỏ đất ra cho Tần mà được bù lại ở Tề vậy. Như thế nước của vương ngõ hầu có thể còn.

Sở Vương không nghe. Cuối cùng đem quân đi và sai tướng quân Khuất Cái đánh Tần. Tần, Tề cùng đánh Sở, chém tám vạn thủ cấp, giết Khuất Cái, lấy đất Đan Dương, Hán Trung. Sở lại đem thêm quân để đánh úp Tần. Đến Lam Điền đánh nhau ở đó, Sở thua to. Sở bèn cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi sở cho đất Kiềm Trung, muốn lấy đất ngoài Vũ Quan để đổi. Sở Vương nói :

— Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Tần Vương muốn cho Nghi đi, nhưng miệng không nỡ nói. Trương Nghi bèn xin đi. Huệ Vương nói :

— Sở Vương giận ông nói dối về việc hiến đất Thượng Ư, tức là sẽ giết ông cho hả giận.

Trương Nghi nói :

— Tần mạnh, Sở yếu. Thần quen Cận Thượng, Thượng được hầu hạ Sở phu nhân là Trịnh Tụ. Tụ nói gì Sở Vương cũng nghe. Vả lại, thần mang phù tiết của vương sang sứ nước Sở, Sở sao dám giết ? Dù cho họ giết thần mà Tần được đất Kiềm Trung thì đó là điều thần mong muốn nhất !

Nghi bèn đi sứ sang Sở. Sở Hoài Vương được Nghi, liền bỏ tù, toan giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tụ :

— Phu nhân có biết phu nhân sẽ không được nhà vua yêu quý không ?

— Tần trọng Sở chẳng qua là vì có Tề. Nay Sở đóng cửa quan, tuyệt giao với Tề thì Sở lại bị cô lập. Tần mong chờ gì ở cái nước bị cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thượng Ư ? Trương Nghi về Tần, thế nào cũng phụ bệ hạ, thế là phía bắc ta tuyệt giao với Tề ; phía tây phải lo lắng với Tần vậy. Rồi quân hai nước ấy thế nào cũng đều đến. Đối với bệ hạ, không kế gì bằng bề trong ngầm hợp với Tề mà bề ngoài thì tuyệt giao với Tề. Sai người theo Trương Nghi. Họ cho ta đất, ta sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn. Họ không cho ta đất thì ta cứ ngầm hợp với Tề để mưu tính.

Sở Vương nói :

— Xin ông Chẩn câm miệng đừng nói nữa để đợi quả nhân được đất đã.

Bèn trao ấn tướng quốc cho Trương Nghi và cho Nghi nhiều của. Rồi đóng cửa quan tuyệt giao với Tề. Lại sai một viên tướng quân đi theo Trương Nghi. Trương Nghi đến Tần, giả vờ làm bị đứt dây vịn ngã xe, ba tháng không vào chầu. Sở Vương nghe tin nói :

— Nghi cho quả nhân chưa kiên quyết tuyệt giao với Tề ư ?

Bèn sai dũng sĩ sang Tống, mượn phù tiết của Tống, sang bắc mắng Tề Vương, Tề Vương giận lắm, nén lòng chịu phục tùng Tần. Tình giao hiếu của Tần với Tề lại nối lại, Trương Nghi mới vào chầu, bảo sứ giả của Sở:

— Thần có sáu dặm đất ăn lộc xin hiến để dâng tả hữu của đại vương (1).

Sứ giả của Sở nói :

— Thần được lệnh của vương là lấy sáu trăm dặm đất của Thượng Ư, chứ không thấy nói sáu dặm.

1. Tả hữu của đại vương : nghĩa đen là các quân hầu, ở đây là chỉ nhà vua.

Sứ giả về báo với Sở Vương. Sở Vương giận lắm, đem quân đánh Tần. Trần Chẩn nói :

— Chẩn có thể mở miệng nói được chăng ? Đánh Tần chẳng bằng cắt đất để cho Tần, cùng Tần hợp quân để đánh Tề. Thế là ta bỏ đất ra cho Tần mà được bù lại ở Tề vậy. Như thế nước của vương ngõ hầu có thể còn.

Sở Vương không nghe. Cuối cùng đem quân đi và sai tướng quân Khuất Cái đánh Tần. Tần, Tề cùng đánh Sở, chém tám vạn thủ cấp, giết Khuất Cái, lấy đất Đan Dương, Hán Trung. Sở lại đem thêm quân để đánh úp Tần. Đến Lam Điền đánh nhau ở đó, Sở thua to. Sở bèn cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi sở cho đất Kiềm Trung, muốn lấy đất ngoài Vũ Quan để đổi. Sở Vương nói :

— Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Tần Vương muốn cho Nghi đi, nhưng miệng không nỡ nói. Trương Nghi bèn xin đi. Huệ Vương nói :

— Sở Vương giận ông nói dối về việc hiến đất Thượng Ư, tức là sẽ giết ông cho hả giận.

Trương Nghi nói :

— Tần mạnh, Sở yếu. Thần quen Cận Thượng, Thượng được hầu hạ Sở phu nhân là Trịnh Tụ. Tụ nói gì Sở Vương cũng nghe. Vả lại, thần mang phù tiết của vương sang sứ nước Sở, Sở sao dám giết ? Dù cho họ giết thần mà Tần được đất Kiềm Trung thì đó là điều thần mong muốn nhất !

Nghi bèn đi sứ sang Sở. Sở Hoài Vương được Nghi, liền bỏ tù, toan giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tụ :

— Phu nhân có biết phu nhân sẽ không được nhà vua yêu quý không ?

Trịnh Tụ nói :

— Sao vậy ?

Cận Thượng nói:

— Tần vương yêu Trương Nghi lắm, nhất định sẽ làm cho ông ta thoát nạn. Nay Tần sẽ lấy sáu huyện đất Thượng Dung biếu Sở, lấy mỹ nhân dâng Sở, lấy người hát hay ở trong cung đưa sang Sở. Vương trọng đất, tôn Tần, con gái nước Tần thế nào cũng được yêu quý, phu nhân sẽ bị đuổi. Chi bằng phu nhân nói để tha Nghi ra.

Trịnh Tụ ngày đêm nói với Hoài Vương :

— Bầy tôi ai cũng làm việc cho vua của mình. Nay đất của Sở chưa nhập vào Tần, Tần đã sai Trương Nghi đến, là trọng bề hạ. Bề hạ chưa có lễ đáp lại mà lại giết Trương Nghi, Tần tất giận mà đánh Sở. Thiếp xin cho mẹ con dời đi Giang Nam, để không bị Tần giết chết.

Hoài Vương sau đó hối rồi tha Trương Nghi, hậu đãi Nghi như trước. Trương Nghi đã được ra, chưa đi thì nghe thấy tin Tô Tần chết. Bèn nói với Sở Vương :

— Đất Tần chiếm một nửa thiên hạ, binh đánh lại được bốn nước (1). Quân dũng sĩ mạnh như hổ có hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc chất như gò núi. Pháp lệnh đã rõ ràng, sĩ tốt đều không sợ khó khăn, vui với cái chết. Vua sáng và nghiêm, tướng quân nhiều mưu trí lại vũ dũng. Tuy không xuất quân, nhưng nếu thu lấy nơi hiểm vùng núi Thường Sơn như cuốn chiếu thì thế nào cũng làm gẫy xương sống của thiên hạ. Thiên hạ nước nào

1. Đất hiểm trở, sông Hoàng Hà vắt ngang, bốn bề biển giới che ngăn làm cho nước vững chắc.

thần phục sau thì sẽ mất trước, vả lại theo kế hợp tung, không khác gì xua đàn dê để đánh mãnh hổ ; dê không địch lại hổ, điều đó rõ ràng lắm. Nay đại vương không theo mãnh hổ mà lại theo đàn dê, thần trộm cho kế của đại vương là nhầm. Tóm lại nước mạnh trong thiên hạ không Tần thì Sở, không Sở thì Tần. Hai nước tranh giành nhau, thế không thể cùng đứng được. Đại vương không theo Tần, Tần đem quân xuống giữ Nghi Dương, đất phía trên của Hàn không giao thông được, đem quân xuống Hà Đông lấy Thành Cao, Hàn thế nào cũng phải vào thần phục Tần ; Lương cũng cúi rạp theo gió. Tần đánh phía tây của Sở, Hàn, Lương đánh phía bắc của Sở, xã tắc của Sở làm sao khỏi nguy được ? Vả lại những kẻ theo kế hợp tung hợp các nước yếu để đánh nước hết sức mạnh, không lượng kẻ địch mà đánh liều ; nước nghèo mà dấy binh luôn, ấy là con đường nguy vong đấy. Thần nghe nói « quân không bằng người ta thì chớ khiêu chiến với họ, thóc không bằng người ta thì chớ cầm cự lâu với họ ». Nay bọn theo kế hợp tung, dùng lý luận suông, dùng lời trống rỗng, tán dương tiết hạnh của các vị vua, nói cái lợi mà không nói cái hại, nếu đột nhiên bị Tần gây họa thì không kịp lo đến mình. Thế cho nên thần muốn đại vương tính việc đó cho chín. Tần ở phía tây có đất Ba, đất Thục, thuyền to chứa thóc, đi đường sông từ Vấn Sơn, xuống đến Sở hơn ba nghìn dặm, dùng thuyền đôi chở quân, mỗi thuyền chở được năm mươi người với lương ăn ba tháng, thuyền đi một ngày hơn ba trăm dặm. Số dặm dẫu nhiều, nhưng không phí sức trâu ngựa Không đến mười ngày mà đến Hãn Quan. Hãn Quan hoảng kinh, thì từ biên giới về phía đông, đều giữ lấy thành tất cả. Thế là Kiềm Trung, Vu Quận không phải là đất của đại

vương nữa. Tần cử binh ra cửa Vũ Quan, hướng về phía nam để đánh, thì đất miền bắc của Sở bị cắt đứt. Quân Tần đánh Sở, điều nguy nan xảy ra chỉ trong vòng ba tháng, mà Sở chờ cứu viện của chư hầu phải hơn nửa năm, ấy là thế không kịp nhau vậy. Đợi nước yếu cứu, quên cái vạ của Tần mạnh, đó là điều thần lo cho đại vương đấy. Đại vương đã cùng quân Ngô đánh nhau, đánh năm trận thắng ba. Quân đi chiến trận hết cả, chỉ riêng việc giữ thành mới lấy được, giữ gìn dân cư, đã là khổ sở rồi. Thần nghe nói: «Công to thì dễ nguy, dân khổ thì oán người trên». Nay giữ lấy cái công dễ nguy để làm hài lòng nước Tần mạnh, thần trộm cho thế là nguy cho đại vương. Vả lại Tần sở dĩ không đem quân ra cửa Hàm Cốc trong mười lăm năm nay để đánh Tề, Triệu là vì có âm mưu thôn tính cả thiên hạ. Sở đã gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung, người Sở bị thua, hạng tước hầu cầm khuê (1), chết hơn bảy mươi người, kết quả mất Hán Trung. Sở vương cả giận, cử binh đánh úp Tần ở Lam Điền. Thế nghĩa là như người ta nói «hai hổ đánh nhau» đấy. Nay Tần, Sở đánh nhau mỏi mệt, mà Hàn, Ngụy còn nguyên vẹn lại khống chế ở phía sau, thật không có kế nào nguy hơn thế nữa! Xin đại vương tính kỹ cho. Tần đem quân đánh Vệ và Dương Tấn, tức là mở toang lồng ngực của thiên hạ. Đại vương đem tất cả quân để đánh Tống, không đầy vài tháng có thể lấy được Tống. Tống đã bị lấy, bèn đi về phía đông, thì mười hai nước chư hầu ở trên sông Tứ sẽ là của đại vương hết. Người trong thiên hạ chủ trương hợp tung để các nước bảo vệ

1- Khuê là thứ ngọc mà vương hầu được cầm khi triều hội tế tự, thời phong kiến dùng ngọc làm con tin. Ngọc khuê tùy theo tước vị có khác nhau.

cho nhau được bền vững là Tô Tần. Tần được phong làm Vũ An Quân rồi làm tướng quốc nước Yên. Tô Tần ngầm mưu với Yên Vương, đánh phá Tề mà chia đất Tề. Rồi vờ làm có tội, chạy sang nước Tề. Tề Vương nhân đấy nhận mà cho làm tướng quốc. Tô Tần ở Tề hai năm Tề Vương mới hiểu, giận lắm, dùng xe ngựa xé xác Tô Tần ở chợ, anh chàng Tô Tần muốn dùng lối dối trá để kinh doanh thiên hạ, thống nhất chư hầu, rõ ràng không thể thành công được. Nay Tần với Sở hờ cõi tiếp nhau, cố nhiên là nước hình thế gần gũi. Đại vương nếu quả nghe thần, thần xin bảo thái tử của Tần vào làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần. Xin đem con gái của Tần để làm người thiếp quét dọn cho đại vương, dâng đô thị muôn nhà để làm ấp của đại vương. Hai nước làm anh em mãi mãi, suốt đời không đánh nhau. Thần cho không gì tiện bằng kế ấy.

Bấy giờ Sở Vương đã được Trương Nghi, nhưng lại không muốn đem đất Kiềm Trung cho Tần. Sở Vương định nghe theo Trương Nghi. Khuất Nguyên nói:

— Trước đại vương đã bị Trương Nghi lừa dối. Trương Nghi đến, thần tưởng đại vương giết hắn. Nay đã không nỡ giết mà lại nghe các tà thuyết của hắn là không nên.

Hoài vương nói:

— Nghe Trương Nghi mà vẫn giữ đất Kiềm Trung là lợi to đấy. Ta sẽ được lợi gấp đôi.

Sở Vương rút cục vẫn nghe theo Trương Nghi thân thiện với Tần.

Trương Nghi ở Sở ra đi, nhân tiện sang Hàn, nói với Hàn Vương:

— Đất nước Hàn hiểm trở, ở nơi đồi núi. Ngũ cốc ở đây chẳng qua chỉ có đỗ và lúa mạch. Thức ăn của dân chẳng qua đại đề chỉ có đỗ và canh rau hoắc. Hễ một

năm mất mùa không thu hoạch được là dan ăn tấm, cám không no. Đất chẳng qua có chín trăm dặm, không đủ thức ăn trong hai năm. Tất cả quân của đại vương, chẳng qua ba mươi vạn người, kể cả những người sai phái, khuân vác, trừ số quân canh ở biên cương, giữ nơi hiểm yếu, thì số quân chẳng qua hai mươi vạn mà thôi. Nước Tần quân mặc áo giáp hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con. Hạng người dũng mãnh như hổ, đầu không đội mũ trụ, hai tay ôm má, cầm giáo, hăng hái xông vào giữa quân địch đông không thể kể xiết. Ngựa của Tần hay, quân lính đông. Ngựa chạy chân trước cuốc, chân sau đạp, khoảng chân trước chân sau cách nhau đến ba tầm. Số ngựa chạy nhanh không biết bao mà kể. Quân sĩ của Sơn Đông, mặc áo giáp, đội mũ trụ để đánh. Quân của Tần, bỏ áo giáp, xắn tay áo xông vào giữa quân địch đông, tay trái xách đầu giặc, tay phải cắp tù binh. Quân sĩ của Tần so với quân sĩ của Sơn Đông cũng như Mạnh Bôn so với kẻ nhát ; lấy sức mạnh đè ép nhau, cũng như Ô Hoạch với đứa con thơ. Đem quân sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch đi đánh nước yếu không phục, thì có khác gì buông sức nặng nghìn quân (1) lên trên quả trứng chim, tất nhiên là không thể sống sót vậy. Nay quần thần các nước chư hầu không hiểu đất nước mình nhỏ và ít, lại theo lời ngon ngọt, khéo léo của kẻ theo hợp tung, a dua để tô vẽ cho nhau. Họ đều hăm hở nói rằng : « Nghe kế của ta, có thể làm cho nước mạnh, làm bá thiên hạ ». Ôi ! họ không nghĩ đến cái lợi lâu dài của xã tắc mà lại nghe theo lời nói trong chốc lát, không có gì lừa dối nhà vua hơn thế. Đại vương không thờ Tần, Tần đem quân

1. Quân : quả cân nặng 30 cân.

xuống chiếm giữ Nghi Dương, cắt đứt đất miền trên của Hàn. Ở phía đông, Tần lấy Thành Cao, Huỳnh Dương, thì cung Hồng Đài, vườn Tang Lâm không phải là đất đại vương có nữa. Nếu họ chặn Thành Cao, cắt đứt Thượng Địa thì nước của đại vương sẽ bị chia xẻ. Thờ Tần trước thì được yên, không thờ Tần thì bị nguy ; nếu gây ra họa để cầu được báo phúc, tính kế nông nổi để kết oán sâu, trái Tần để thuận Sở, thì dù muốn không mất nước cũng không thể được. Cho nên đối với đại vương không có gì bằng thờ Tần. Tần chẳng muốn gì hơn là làm cho Sở yếu. Không nước nào làm cho Sở yếu bằng nước Hàn. Đó không phải là vì Hàn mạnh hơn Sở đâu, mà vì địa thế khiến như vậy. Nay đại vương hướng về tây mà thờ Tần để đánh Sở thì Tần Vương chắc chắn sẽ mừng. Đánh Sở để lấy lợi cho đất mình, chuyển họa làm vui lòng Tần, không kế gì tiện hơn thế !

Hàn Vương nghe theo kế của Trương Nghi.

Trương Nghi về báo với Tần Huệ Vương. Tần Huệ Vương phong cho Nghi năm ấp gọi là Vũ Tín Quân. Rồi sai Trương Nghi đi sang đông, nói với Tề Mẫn Vương :

— Trong thiên hạ không nước nào mạnh hơn Tề. Đại thần phụ huynh giàu thịnh đông vui. Thế mà những người bày kế cho đại vương đều nói chuyện nhất thời, không nghĩ cái lợi trăm đời. Những kẻ theo hợp tung chắc chắn nói với đại vương : « Nước Tề ở phía tây có nước Triệu mạnh, ở phía nam có nước Hàn, nước Lương. Tề là nước nhỏ cậy có bể. Đất rộng dân nhiều, quân mạnh, tướng sĩ dũng cảm. Dẫu có trăm nước Tần cũng không làm gì được Tề ». Đại vương cho lời nói của họ là hay, mà không tính đến sự thực. Những kẻ theo hợp tung bè đảng a dua, ai cũng cho hợp tung là

phải. Thần nghe Tề với Lỗ ba lần đánh nhau, Lỗ ba lần thắng, rồi sau đó nước Lỗ diệt vong. Tuy có cái tiếng là thắng, nhưng thực ra là mất nước, thế là cớ làm sao? Vì Tề lớn mà Lỗ nhỏ. Nay Tần với Tề, cũng như Tề với Lỗ vậy. Tần và Triệu đánh nhau ở sông Chương, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần; đánh nhau ở gần Bàn Ngô, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần. Sau bốn trận đánh nhau, Triệu mất vài chục vạn quân, Hàm Đan mới còn, tuy được cái tiếng thắng Tần, nhưng nước đã bị tan nát. Vì sao thế? Vì Tần mạnh mà Triệu yếu. Nay nước Tần, nước Sở gả con cho nhau, làm nước anh em. Hàn dâng đất Nghi Dương, Ngụy hiến đất Hà Ngoại, Triệu vào chầu ở Dẫn Trì, cắt đất Hà Gian để thờ Tần. Đại vương không thờ Tần, Tần sẽ xui Hàn, Lương đánh đất phía nam của Tề, đem tất cả quân của Triệu vượt sông Thanh Hà, hướng tới Bắc Quan thì Lâm Tri, Tức Mặc sẽ không phải là đất của đại vương nữa. Một khi nước đã bị đánh, dẫu đại vương muốn thờ Tần cũng không thể được. Thế cho nên xin đại vương tính việc đó cho kỹ.

Tề Vương nói:

— Nước Tề ở xa xôi hẻo lánh trên bể Đông Hải, chưa hề được nghe điều lợi lâu dài của xã tắc.

Bèn nghe lời Trương Nghi.

Trương Nghi đi sang phía tây, nói với Triệu Vương:

— Tần Vương của tệ ấp sai thần dâng kế ngu muội lên đại vương. Đại vương cầm đầu thiên hạ để bài xích Tần. Quân của Tần không dám ra cửa Hàm Cốc đã mười năm nay. Uy thanh của đại vương lan ra vùng Sơn Đông. Tệ ấp sợ hãi chế áo giáp, mài binh khí, sắm xe ngựa, tập ruổi ngựa bắn tên, ra sức làm ruộng, tích trữ thóc, giữ bờ cõi bốn bề, buồn rầu lo sợ không dám ho

he, đó là vì đại vương có ý trách lỗi tệ ấp sâu sắc. Nay với lực lượng của đại vương lại muốn lấy đất Ba, đất Thục, chiếm Hán Trung, thôn tính hai Chu, dời chín vạc, giữ bến Bạch Mã; Tần tuy ở xa xôi, nhưng trong lòng tức giận nung nấu đã lâu. Nay Tần có binh sĩ mặc áo giáp mỏi yếu đóng ở Dẫn Trì, vượt sông Hà, qua sông Chương, chiếm giữ Bàn Ngô, hội ở dưới Hàm Đan, xin định ngày giáp tí hợp chiến để sửa lại cái việc của chúa Trụ nhà Ân (1). Kính sai thần đến nói trước để tả hữu của đại vương biết. Đại vương tin những kẻ theo chước hợp tung là cậy có Tô Tần. Tô Tần đánh lừa chư hầu, lấy phải làm trái lấy trái làm phải. Muốn phản nước Tề, lại sai xe xé xác mình ở chợ. Rõ ràng là thiên hạ không thể thống nhất được. Nay Sở với Tần là nước anh em, mà Hàn, Lương xưng thần làm hàng rào phía đông; Tề dâng đất sản xuất ra cá muối, thế là chặt một cánh tay phải của Triệu. Mất cánh tay phải mà cùng người chiến đấu mất bè cánh, bị cô lập, làm sao khỏi nguy được? Nay Tần đem ba đạo quân: một đạo chặn Ngọ Đạo, bảo Tề cử quân sang đò sông Thanh Hà, đóng ở phía đông Hàm Đan; một đạo đóng ở Thành Cao, xua quân của Hàn, Lương ra Hà Thủy; một đạo đóng ở Dẫn Trì, ước với bốn nước cùng nhau hợp nhất để đánh Triệu. Triệu hàng phục thì đất của Triệu sẽ bị chia tư. Vì thế cho nên thần không dám giấu ý, ẩn tình, xin nói trước để tả hữu của đại vương biết. Thần trộm nghĩ đối với đại vương chẳng gì bằng gặp Tần Vương ở Dẫn Trì, mặt trông thấy nhau và miệng giao kết với nhau, xin đóng quân lại, không đánh nhau. Mong đại vương quyết định kế cho.

---

1. Ý nói đánh Triệu. Ngày giáp tí là ngày Vũ Vương đánh và tiêu diệt Trụ.

Triệu Vương nói :

— Thời tiên vương, Phụng Dương Quân chuyên quyền cậy thế, che giấu tiên vương, một mình cai quản công việc. Quả nhân ở trong cung, dựa vào các quan Sư, Phó, không dự bàn việc nước. Tiên Vương mất đi, quả nhân tuổi còn ít, ngày phụng tự còn mới, trong lòng vẫn trộm nghi ngờ về việc ấy, cho là theo phe hợp tung không thờ Tần, không phải là cái lợi lâu dài cho nước, nên muốn thay lòng đổi ý, cắt đất tạ lỗi trước để thờ Tần. Đang định ruổi xe đi mau, chợt được nghe lời bảo sáng rõ của sứ giả.

Triệu Vương nghe theo Trương Nghi.

Trương Nghi bèn đi về phía bắc, đến nước Yên, nói với Yên Chiêu Vương :

— Nước mà đại vương thân thiện, không đâu bằng Triệu. Xưa Triệu Trương Tử đã gả chị cho vua nước Đại. Triệu Trương Tử thôn tính Đại bèn hẹn với vua nước Đại gặp nhau ở ải Câu Chú. Trương Tử sai thợ làm cái mõi mác bằng kim khí có cán dài, có thể dùng để đánh người. Trương Tử cùng vua nước Đại uống rượu, ngầm dặn người nhà bếp : « Khi chén đã vui say thì bưng ngay canh nóng lên, quay mõi mác để đánh nó ». Bấy giờ uống rượu đề vui tay đến lúc dâng canh nóng, nhà bếp bưng canh lên, nhân quay mõi đánh vua nước Đại chết. Óc ở đầu vua nước Đại chảy nhầy nhụa ra đất. Chị của Trương Tử nghe tin ấy, bèn mài trâm để tự đâm mình cho nên đến nay có núi tên là Ma Trâm (mài trâm). Chuyện vua nước Đại bị bại vong, thiên hạ ai cũng nghe. Nay Triệu Vương tham lam, tàn bạo, đại Vương đã thấy rõ điều đó. Vả lại đại vương cho Triệu Vương là đáng thân chăng ? Triệu cử quân đánh Yên, hai lần vây quốc đô nước Yên để uy hiếp, đại vương cắt mười thành để tạ Triệu. Nay Triệu Vương đã vào

chầu ở Dẫn Trì, dâng đất Hà Gian để thờ Tần. Nếu đại vương không thờ Tần, Tần sẽ đem quân xuống Vân Trung, Cửu Nguyên, xua quân Triệu để đánh Yên, thì Dịch Thủy, Trường Thành không phải là đất của đại vương nữa. Vả lại ngày nay, Triệu đối với Tần cũng như là quận, huyện của Tần vậy, không dám cử quân càn bậy để đánh. Nay đại vương thờ Tần, Tần Vương tất mừng, Triệu không dám hành động bậy. Thế là ở phía tây đại vương có nước Tần mạnh giúp đỡ, mà ở phía nam, không có tai vạ Tề, Triệu. Vì thế, nên mong đại vương tính toán kỹ điều đó cho.

Yên Vương nói :

— Quả nhân là man di ở xa, tuy là người lớn, nhưng chỉ như đứa trẻ con, không có đủ trí khôn để theo một mưu kế gì. Nay may được thượng khách chỉ bảo cho, xin hướng về phía tây để thờ Tần, dâng cho Tần năm thành ở cuối núi Hằng Sơn.

Yên Vương nghe Nghi. Nghi về báo chưa đến Năm Dương thì Tần Huệ Vương đã chết. Vũ Vương lên ngôi. Vũ Vương từ khi còn là thái tử đã không ưa Trương Nghi. Đến khi lên ngôi, quần thần phần nhiều gièm pha Trương Nghi, nói :

— Chớ tin hắn, hắn chỉ xoay xở bán nước để được người ưa. Nếu Tần còn dùng hắn nữa e làm thiên hạ cười.

Chư hầu biết Trương Nghi thôi không được Vũ Vương dùng, đều bỏ liên hoành, lại hợp tung.

Năm đầu thời Tần Vũ Vương, quần thần ngày đêm ghét Trương Nghi chưa thôi, thì những lời trách mắc của Tề lại dồn đến. Trương Nghi sợ bị giết, bèn nói với Tần Vũ Vương :

— Nghi có cái kế vụng về, xin hiến đại vương.

Vũ Vương nói :

— Thế nào ?

Nghi nói :

— Muốn mưu tính cho xã tắc nước Tần, thì phương đông phải có biến cố to, đại vương mới có thể cắt lấy được nhiều đất. Nay nghe nói Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu, Tề tất cử quân đánh đấy. Cho nên Nghi xin đại vương cho mang cái thân ngu đần này đi sang Lương. Tề thế nào cũng đem quân đánh Lương. Quân của Lương, Tề cầm cự mãi ở dưới thành không dám rời nhau, đại vương nhân dịp ấy đánh Hàn, vào Tam Xuyên, đem quân ra cửa Hàm Cốc, kéo đến kinh đô Chu, không đánh chác gì mà đồ tế tự của Chu tất phải đem ra. Mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch. Ấy là vương nghiệp đấy.

Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Trương Nghi vào Lương. Tề quả nhiên đưa quân đánh Lương. Lương Ai Vương sợ lắm. Trương Nghi nói :

— Đại vương chớ lo. Tôi xin bắt Tề bãi binh.

Nghi bèn sai môn hạ là Phùng Hỷ sang Sở, nhân tiện sai ông ta sang Tề, bảo Tề Vương :

— Đại vương rất ghét Trương Nghi. Tuy nhiên đại vương giữ Nghi ở Tần cũng là hậu đấy !

Tề Vương nói :

— Quả nhân ghét Nghi, Nghi ở đâu ta tất cử binh đánh đấy. Sao lại cho là giữ hắn ?

Sứ giả thưa :

— Thế là vương giữ Nghi đấy. Khi Nghi ra đi, vốn đã dặn Tần Vương : «Muốn mưu tính cho nhà vua thì phương đông phải có biến cố lớn, nhà vua mới có thể

cắt lấy được nhiều đất. Nay Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu Tề tất cử binh đánh đấy. Cho nên Nghi xin cho lại cái thân ngu đần để đi sang Lương. Tề tất cử quân đánh Lương. Quân của Tề, Lương cầm cự nhau mãi ở dưới thành không dám rời nhau. Nhân dịp ấy đại vương đánh Hàn, vào Tam Xuyên, kéo quân ra cửa Hàm Cốc, rồi kéo đến kinh đô nhà Chu, không đánh chác gì mà đồ tế tự của Chu tất phải đem ra, rồi mượn thế thiên tử, cầm những đồ tịch của Chu. Ấy là vương nghiệp đấy». Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Nghi vào Lương. Thế là Lương ở trong, tự làm mỏi mệt nước mình ; mà ở ngoài đi đánh nước giao hiếu với mình. Mở rộng kẻ cừu địch, ở bên láng giềng để tự làm nguy mình, và làm cho Nghi được Tần Vương tin cậy. Thần bảo giữ Nghi là thế đấy.

Tề Vương nói :

— Phải.

Bèn sai bãi binh.

Trương Nghi làm tướng ở nước Ngụy một năm, chết ở nước Ngụy.

2. Trần Chẩn là kẻ sĩ du thuyết, cùng với Trương Nghi thờ Tần Huệ Vương đều được quý trọng và tranh nhau được nhà vua yêu. Trương Nghi nói xấu Trần Chẩn với Tần Vương :

— Chẩn trọng của, khinh sứ giả. Tần, Sở sẽ là hai nước giao hiếu với nhau. Nay Sở không thân thêm với Tần mà lại thân với Chẩn, thế mà Chẩn lo cho mình nhiều mà lo cho đại vương thì ít đấy. Vả lại Chẩn muốn bỏ Tần để sang Sở, sao đại vương không cho đi ?

Nhà vua bảo Trần Chẩn :

— Ta nghe nói ngươi muốn bỏ Tần sang Sở, việc ấy có không ?

Trần Chẩn nói :

— Có.

Tần Vương nói :

— Lời của Nghi quả đúng thật.

Trần Chẩn nói :

— Không những một Nghi biết mà những kẻ sĩ thi thố học thuyết của mình đều biết việc ấy. Ngày xưa Tử Tư trung với vua mà thiên hạ tranh nhau mời ông ta ra làm quan; Tăng Sâm hiếu với cha mẹ mà thiên hạ xin để làm con. Cho nên bán con hầu mà không phải đưa ra khỏi làng xóm, chứng tỏ là con hầu tốt. Bị chồng bỏ mà lại lấy được chồng ở trong làng xóm là người đàn bà giỏi. Nay nếu Chẩn bất trung với vua, sao Sở lại cho là trung được ? Trung mà lại bị bỏ rơi, Chẩn không đi Sở thì đi đâu ?

Nhà vua cho là phải, bèn đãi Chẩn tử tế. Chẩn ở Tần được một năm, Tần Huệ Vương vẫn dùng Trương Nghi làm thừa tướng. Cuối cùng Trần Chẩn chạy sang Sở. Sở chưa trọng dụng Chẩn, nhưng sai Chẩn đi sứ sang Tần. Khi đi qua Lương, Chẩn muốn vào yết kiến Tê Thủ. Tê Thủ từ tạ không tiếp. Chẩn nói :

— Tôi đến là vì có việc muốn hỏi ông. Ông không tiếp Chẩn. Chẩn sắp đi, không đợi được.

Ngày khác Tê Thủ tiếp Chẩn, Chẩn nói :

— Sao ông thích uống rượu thế ?

Tê Thủ nói :

— Vì không có việc.

Trần Chẩn nói :

— Tôi xin làm cho ông có nhiều việc được không ?

Tê Thủ nói :

— Thế nào ?

Trần Chẩn nói :

— Điền Nhu (tướng quốc nước Ngụy) ước với chư hầu hợp tung, Sở Vương nghi ngờ chưa tin. Ông hãy nói với nhà vua : Thần với Yên Vương, Triệu Vương là chỗ quen biết cũ, họ mấy lần sai người đến nói, không có việc gì sao không gặp nhau ? Ông nói với Sở Vương xin đi, Sở Vương cho ông đi, ông đừng xin nhiều xe, chỉ lấy ba chục cỗ bày ra ở trước sân, rồi nói rõ là đi sang Yên, Triệu.

Thuyết khách của Yên, Triệu nghe biết, ruổi xe về báo với vua họ. Yên, Triệu sai người đón Tê Thủ. Sở Vương nghe vậy giận lắm, nói :

— Điền Nhu cùng quả nhân giao ước, mà Tê Thủ đi sang Yên, Triệu ; thế là Điền Nhu lừa dối ta.

Vua Sở không nghe theo việc hợp tung của Nhu. Tê nghe tin Tê Thủ đi sang miền bắc, sai người đem công việc ủy thác cho Tê Thủ. Tê Thủ làm tướng cả ba nước. Công việc đều do Tê Thủ quyết định.

Chẩn bèn đến Tần. Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong. Tần Huệ Vương muốn cứu họ, hỏi các quan hầu. Có người nói cứu là hơn, có người nói đừng cứu. Huệ Vương chưa quyết định được việc ấy. Chợt Trần Chẩn đến Tần, Tần Huệ Vương nói :

— Ngươi bỏ quả nhân đi sang Sở, vậy có nhớ quả nhân không ?

Trần Chẩn nói :

— Đại vương đã nghe chuyện Trang Tích nước Việt rồi chứ ?

Vua nói :

— Chưa nghe.

Trần Chẩn nói :

— Trang Tích là người Việt làm quan nước Sở đến tước cầm ngọc khuê. Được ít lâu bị bệnh. Sở Vương nói : « Tích là kẻ hèn mọn ở nước Việt, nay làm quan ở nước Sở đến tước cầm ngọc khuê, thật là phú quý, vậy còn nhớ Việt chăng ? ». Quan trung tả thưa rằng : « Phàm người ta nhớ nhàng thì tất ở lúc có bệnh đau ốm. Hắn nhớ Việt thì nói tiếng Việt, không nhớ Việt thì nói tiếng Sở ». Sai người đến nghe thì ông ta vẫn còn chuộng tiếng Việt. Nay thần tuy bị bỏ đuổi sang Sở, há không nói được tiếng Tần sao ?

Huệ Vương bảo :

— Phải. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm không xong, có người bảo quả nhân cứu họ là hơn, có người bảo đừng cứu họ. Quả nhân không quyết định được, mong ngươi ngoài việc vì vua của ngươi, còn vì quả nhân mưu tính việc ấy.

Trần Chẩn nói :

— Đã có ai đem chuyện Biện Trang Tử đâm hổ nói với đại vương chưa ? Biện Trang muốn đâm hổ, đứa trẻ ở quán trọ ngăn nói rằng : « Hai con bò sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng thế nào chúng cũng tranh nhau, tranh nhau thì phải đánh nhau. Khi đánh nhau thì con hổ lớn bị thương, con hổ nhỏ chết. Nhằm con bị thương mà đâm thì làm một việc mà được cả hai ». Biện Trang Tử cho là phải, đứng chờ. Được một lát, hai con hổ quả đánh nhau thật, con lớn bị thương, con nhỏ chết, Biện Trang Tử nhằm con bị thương mà đâm, làm một việc mà quả được cả hai con hổ. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong, thế nào nước lớn cũng bị thương, nước nhỏ cũng bị mất. Nhằm nước bị thương mà đánh, làm một mà được hai, cũng như chuyện

Biện Trang Tử đâm hổ vậy. Vua của thần cũng như đại vương chẳng lo việc gì khác.

Huệ Vương nói :

— Phải.

Rồi không cứu ai, nước lớn quả bị thương, nước nhỏ bị mất. Tần dấy quân đánh được nước lớn. Đó là mưu kế của Trần Chẩn.

3. Tê Thủ (tên quan nước Ngụy) là người đất Âm Tấn nước Ngụy, tên là Diễn, họ là Công Tôn. Tê Thủ không chơi với Trương Nghi. Trương Nghi vì Tần sang Ngụy, Ngụy Vương dùng Trương Nghi làm tướng quốc. Tê Thủ bực bội sai người bảo Hàn Công Thúc :

— Trương Nghi đã làm cho Tần, Ngụy giao hiếu với nhau. Hắn nói rằng « Ngụy đánh Nam Dương, Tần đánh Tam Xuyên ». Ngụy Vương sở dĩ quý Trương Nghi là vì muốn được đất của Hàn và muốn lấy Nam Dương. Tại sao ông không mời ông Công Tôn Diễn đến cho ông ta làm quan to ? Nếu làm thế thì có thể cản trở được sự giao hiếu của Tần và Ngụy. Ngụy tất lo đánh Tần mà bỏ Nghi, thu nạp Hàn mà dùng Diễn làm tướng quốc.

Công Thúc cho là tiện, nhân giao đất của Hàn cho Tê Thủ để làm công. Quả nhiên Diễn làm tướng quốc nước Ngụy.

Trương Nghi đi. Vua nước Nghĩa Cừ sang triều nước Ngụy. Tê Thủ nghe tin Trương Nghi lại làm thừa tướng nước Tần, ghét Nghi bèn nói với vua nước Nghĩa Cừ :

— Đường xa sau này lại không được gặp nhau nữa. Xin bày tỏ sự tình.

Rồi nói :

— Các nước ở Sơn Đông không làm gì thì Tần được dịp đốt phá, cướp bóc đất nước ngài. Nếu các nước

đánh Tần, Tần sẽ nhẹ phần sứ giả, nặng phần lễ vật để phụng sự nước ngài.

Đến sau, năm trước đánh Tần, Trần Chẩn bảo Tần Vương :

— Vua nước Nghĩa Cừ là vua hiền trong các nước Man di. Chẳng bằng đút lót họ để làm yên tâm họ.

Tần Vương nói :

— Phải.

Bèn lấy nghìn tấm gấm thêu, trăm người đàn bà, đưa cho vua nước Nghĩa Cừ. Vua nước Nghĩa Cừ mời quần thần đến bàn :

— Công Tôn Diễn nói là thế chăng (1) ?

Bèn cử quân đánh úp Tần, quân Tần bị thua to ở gần ấp Lý Bá.

Sau khi Trương Nghi chết, Tề Thủ vào làm tướng nước Tần, có lần đã mang ấn tướng quốc năm nước, làm ước trưởng.

4. Thái Sử Công nói : đất Tam Tấn có nhiều kẻ sĩ quyền biến. Những kẻ chủ trương hợp tung, liên hoành để làm cho Tần mạnh, nói chung đều là người của Tam Tấn. Việc làm của Trương Nghi tệ hại hơn việc làm của Tô Tần. Song người đời ghét Tô Tần, vì Tô Tần chết trước, Nghi lại nêu bày chỗ kém của Tô Tần để bênh vực cái thuyết của mình, làm cho thuyết liên hoành của mình thành công. Tóm lại, cả hai người ấy đều là những kẻ gian trá nguy hiểm làm sao !

1. Ý Diễn nói Tần chẳng thương gì vua nước Nghĩa Cừ, muốn được yên ổn thì chỉ có một cách là đánh Tần thôi.

MẠNH TỬ, TUÂN KHANH LIỆT TRUYỆN

1. THÁI Sử Công nói :
— Tôi đọc sách *Mạnh Tử* đến chỗ Huệ Vương nước Lương hỏi : « Lấy gì làm lợi cho nước tôi », không lúc nào không bỏ sách mà than : Than ôi ! Lợi quả thực là đầu mối loạn vậy ! Khổng Tử ít nói « lợi » là thường đề phòng cái gốc của « loạn ». Cho nên nói « theo lợi mà làm thì nhiều sự oán ». Từ thiên tử đến người dân thường, cái tệ tham lợi có khác gì nhau !

2. Mạnh Kha người huyện Trâu, thụ nghiệp ở học trò của Tử Tư. Khi đã thông đạo lý, Mạnh Kha sang thờ Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương không biết dùng, ông đi sang Lương. Lương Huệ Vương cũng do dự, thấy những lời Mạnh Kha nói, cho là viển vông không sát sự tình. Lúc bấy giờ Tần dùng Thượng Quân mà nước giàu binh mạnh ; Sở, Ngụy dùng Ngô Khởi mà đánh thắng làm yếu địch ; Tề Uy Vương, Tề Tuyên Vương dùng bọn Tôn Tử, Điền Kỵ mà chư hầu hướng về đông chầu Tề. Thiên hạ đang lo hợp tung, liên hoành, lấy việc đánh nhau làm giỏi. Thế mà Mạnh Kha lại nói đạo đức của các đời Đường, Ngu, Tam Đại. Vì thế, ông đi đến đâu cũng không được vừa ý. Ông lui về cùng bọn Vạn Chương xếp đặt thứ tự trong *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, thuật cái ý của Trọng Ni làm ra bảy thiên sách *Mạnh Tử*.

Sau Mạnh Kha có bọn Trâu Tử, Tề có ba Trâu Tử. Trước tiên có Trâu Kỵ lấy việc đánh đàn cầm can Uy Vương, nhân đấy được dự chính sự, phong làm Thành Hầu mà nhận ấn tướng quốc. Ông ta sống trước Mạnh Tử. Thứ đến Trâu Diễn, sống sau Mạnh Tử. Trâu Diễn thấy những vị vua các nước càng hoang dâm, xa xỉ, không hay chuộng đức như bậc đại hiền, trước sửa đức ở thân mình, rồi sau ban bố đức ấy đến kẻ dân hèn. Trâu Diễn bèn xem xét kỹ sự tiêu diệt, sinh trưởng của âm dương mà viết ra việc biến chuyển lạ lùng, viển vông. Đầu đuôi thiên *Đại Thánh* hơn mười vạn chữ, lời lẽ mông mênh rộng lớn không giống lời thường thấy. Phải trước nghiệm vật nhỏ rồi cứ suy rộng ra đến chỗ vô bờ bến. Trước kể từ đời nay rồi đi ngược lên đến thời Hoàng Đế. Các học giả cũng theo đại thể và đời thịnh suy, rồi nhân thế chép những điều lành điều gở và các chế độ. Suy xa ra đến khi trời đất chưa sinh, mờ mịt không thể khảo cứu mà xét đến cùng được. Trước tiên ông ta kể những danh sơn, sông lớn, hang hốc, cầm thú, các sản vật quý do các thủy thổ sinh ra ở Trung Quốc. Nhân thế, ông ta suy ra đến những cái ở ngoài bể mà người ta không trông thấy được. Trâu Diễn nói, từ khi khai thiên lập địa đến giờ, năm đức chuyển vần, việc chính trị mỗi thời mỗi khác nhưng đều phù hợp với sự chuyển vận ấy. Cái mà bọn nhà nho gọi là Trung Quốc chỉ chiếm một phần tám mươi mốt của thiên hạ, Trung Quốc tên là Xích Huyện Thần Châu. Bản thân Xích Huyện Thần Châu có chín châu. Nhưng chín châu của vua Vũ không được kể vào số Châu này. Ngoài TrungQuốc có chín chỗ như Xích Huyện Thần Châu, tức là cửu châu. Rồi ở ngoài cửu châu ấy lại có bể nhỏ bao quanh, nhân dân cầm thú không thể giao thông với nhau như ở trong một khu, thế mới là

một châu. Có chín châu như thế lại có bể cả bao bọc ở ngoài là chỗ trời đất giáp nhau. Học thuật của ông đều đại loại như thế. Song tóm lại, đều cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, những điều thi hành ở giữa vua tôi trên dưới, sáu bậc thân, đấy mới là bắt đầu mà thôi. Các bậc vương công, đại nhân, thoạt tiên thấy thuyết của ông ta đều kính sợ lo lắng muốn thay đổi theo, nhưng sau không thể làm được. Vì thế Trâu Tử được trọng ở nước Tề. Trâu Tử đến nước Lương, Lương Huệ Vương ra tận ngoài đồng đón, giữ lễ khách chủ. Trâu Tử đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân đi nghiêng người, áo quệt chiếu. Trâu Tử sang nước Yên, Chiêu Vương cầm chổi quét đất đi trước, xin ngồi vào chỗ các đệ tử để thụ nghiệp, dựng cung Kệ Thạch, thân hành thờ Trâu Tử làm thầy. Trâu Tử làm ra thiên *Chủ Vận*. Trâu Tử đi chơi các nước chư hầu được tôn kính như thế, đâu giống như Trọng Ni bị đói ở nước Trần, nước Thái, Mạnh Kha bị khốn ở nước Tề, nước Lương? Cho nên Vũ Vương lấy nhân nghĩa đánh Trụ mà nên nghiệp vương; Bá Di đói không ăn thóc nhà Chu; Vệ Linh Công hỏi việc chiến trận mà Khổng Tử không đáp; Lương Huệ Vương mưu đánh Triệu, Mạnh Kha nói việc Thái Vương bỏ đất Mân. Họ đâu phải chỉ biết a dua theo đời. Cầm cái cốt vuông muốn tra vào cái lỗ tròn, thì lọt sao được? Có người nói Y Doãn đội vạc mà giúp vua Thang, lập được nghiệp vương; Bách Lý Hề cho trâu ăn ở dưới xe mà giúp Mục Công nên nghiệp bá. Trước được hợp ý rồi sau mới đưa các vua ấy đến đạo lớn. Trâu Diễn nói tuy không theo khuôn phép, nhưng nếu đem dùng cũng có cái ý như đem vạc nấu trâu mà nấu gà chăng?

Trâu Diễn cùng các thầy ở dưới núi Tắc Môn nước Tề như bọn Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyên,

Tiếp Tử, Điền Biền, Trâu Thích đều làm sách nói việc trị loạn để cầu hợp ý các vua đương thời, nào có thể kể hết được!

3. Thuần Vu Khôn, người nước Tề, nghe rộng, nhớ nhiều, học không chuyên chú vào cái gì. Về việc can gián và du thuyết, Khôn hâm mộ tư cách của Án Anh, nhưng lại cốt ở chỗ đón ý nhà vua, nhìn xem sắc mặt. Có người khách đưa Khôn vào yết kiến Lương Huệ Vương. Huệ Vương đuổi các người tả hữu ra, ngồi một mình để tiếp kiến Khôn. Lần thứ hai, Khôn vẫn không nói gì. Huệ Vương lấy làm lạ, trách người khách:

— Ngươi khen Quản Trọng, Án Anh không bằng Thuần Vu tiên sinh. Nhưng lúc yết kiến quả nhân, quả nhân vẫn không được nghe gì. Có lẽ nào quả nhân không đáng để ông ta nói chuyện ư? Tại sao thế?

Người khách nói lại với Khôn. Khôn nói:

— Đúng thế! Tôi lần trước yết kiến nhà vua, thấy nhà vua đang nghĩ đến việc rong ruổi; lần sau lại yết kiến, thấy nhà vua để ý đến thanh âm. Vì thế, tôi im lặng không nói gì.

Người khách về báo lại đầu đuôi với Huệ Vương. Nhà vua cả sợ, nói:

— Ôi! Thuần Vu tiên sinh thật là thánh nhân vậy! Lần trước Thuần Vu tiên sinh đến thì có người dâng ta con ngựa hay, ta chưa kịp coi thì gặp tiên sinh đến. Lần sau, có người dâng ta người hát hay, ta chưa kịp thử cũng lại gặp tiên sinh đến. Quả nhân tuy đã đuổi người chung quanh ra ngoài, song lòng riêng quả thực đang nghĩ đến những cái đó.

Sau Thuần Vu Khôn lại đến yết kiến, nói chuyện suốt ba ngày ba đêm không mỏi. Huệ Vương muốn cho Khôn làm địa vị khanh tướng, Khôn bèn từ tạ để đi. Bấy giờ Huệ Vương lấy xe êm, thắng bốn ngựa, bó lụa, thêm ngọc bích và một trăm nén vàng tiễn Khôn. Khôn suốt đời không ra làm quan.

4. Thận Đáo là người nước Triệu, Điền Biền, Tiếp Tử là người nước Tề, Hoàn Uyên là người nước Sở đều theo học thuyết về đạo đức của hoàng đế, Lão Tử, nhân mở rộng ra, xếp đặt ý nghĩa có thứ tự. Cho nên Thận Đáo làm *Thập Nhị Luận*, Hoàn Uyên làm *Thượng Hạ Thiên*, còn Điền Biền, Tiếp Tử đều có lời bàn luận.

5. Trâu Thích là người trong bọn môn đồ Trâu Diễn nước Tề, cũng chọn lọc lấy nhiều điều trong học thuật của Trâu Diễn để chép thành văn. Vì thế, Tề Vương khen ngợi Thích. Từ hạng Thuần Vu Khôn trở xuống đều được gọi là «Liệt đại phu». Nhà vua sai làm cho tòa nhà ở chỗ đường ngã năm ngã sáu có cửa cao nhà lớn, tỏ sự tôn trọng yêu quý, đón tiếp các tân khách của chư hầu trong thiên hạ để nói rằng nước Tề mời được các hiền sĩ trong thiên hạ.

6. Tuân Khanh người nước Triệu, năm mươi tuổi mới đi học ở nước Tề. Học thuyết của Trâu Diễn thì vu khoát, huênh hoang, chỉ nói suông. Trâu Thích thì văn hoa đầy đủ nhưng khó thi hành, Thuần Vu Khôn thì ở lâu mới có được điều hay. Cho nên người Tề có câu ca: «Nói trời nói đất là Diễn; vẽ rồng vẽ phượng là

Thích ; hơ bầu dầu xe (1) là Khôn ». Bọn Điền Biền đều đã chết trong thời Tề Tuyên Vương, Tuân Khanh là bậc thầy già nhất. Nước Tề tôn kính là « Liệt đại phu», và Khanh ba lần làm tế tửu. Có người Tề gièm Tuân Khanh. Tuân Khanh bèn sang Sở. Xuân Thân Quân cho Tuân Khanh làm huyện lệnh Lan Lăng. Xuân Thân Quân chết rồi, Tuân Khanh lui về, nhân làm nhà ở Lan Lăng. Lý Tư có lần đến theo học và sau làm thừa tướng nước Tần.

Tuân Khanh ghét chính sự thời dơ đục, nước mất, vua hỏng luôn luôn nối nhau. Các vua không theo được đạo lớn mà lo cúng tế, bói toán, tin điều may, điều rủi. Bọn nho bỉ lậu, câu nệ, nhỏ nhen như bọn Trang Chu lại dùng lối khôi hài làm rối loạn phong tục. Tuân Khanh bèn xét những hành vi đạo đức của đạo Nho, đạo Mặc, xét nguồn gốc của việc hưng thịnh, bại vong, liệt thành thứ tự, làm ra sách vài vạn chữ, rồi chết, chôn ở huyện Lan Lăng.

7. Ở nước Triệu cũng có Công Tôn Long chủ trương thuyết « cứng » và « trắng » giống nhau và khác nhau và có lời nói của Kịch Tử.

8. Ở nước Ngụy có thuyết của Lý Khôi về việc dùng hết cái sức của đất. Ở nước Sở có sách *Thi Tử*, Trường Lô. Ở Châu A nước Tề có sách *Hu Tử*.

1. Bầu đựng dầu của xe tuy hết dầu, nhưng hơ nóng thì còn có dầu chảy ra. Ý nói Thuần Vu Khôn có nhiều trí thức khó mà hết được.

Từ Mạnh Tử đến Hụ Tử, đời có nhiều sách, cho nên không bàn chuyện của những người ấy.

9. Mặc Địch là đại phu nước Tống, giỏi việc chống giữ, chủ trương tiết kiệm trong việc dùng. Có người bảo Mặc Địch đồng thời với Khổng Tử. Có người bảo sống sau Khổng Tử (1).

1. Tư Mã Thiên rất chú trọng đến những nhà tư tưởng gia. Không những ông dành một thiên cho Khổng Tử, mà còn nói đến tất cả các nhà tư tưởng của Trung Quốc cổ. Ngoài những thiên nói về Khổng Tử, Lão Tử v v ..., tác giả còn viết thiên *Trọng Ni đệ tử truyện* nói về các học trò của Khổng Tử như Tử Du, Tử Hạ, Nhan Hồi v.v.. và thiên *Nho lâm liệt truyện* nói về các nhà Nho đời Tần và đời Hán.

BÌNH NGUYÊN QUÂN, NGU KHANH LIỆT TRUYỆN

1. BÌNH NGUYÊN QUÂN Triệu Thắng là công tử nước Triệu. Trong hàng công tử, Thắng là người hiền hơn cả. Thắng thích tân khách, tân khách đến độ mấy nghìn người. Bình Nguyên Quân làm tể tướng cho Triệu Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong ở Đông Vũ Thành.

Lầu nhà Bình Nguyên Quân nhìn xuống nhà dân. Nhà dân có người què khập khiễng ra múc nước. Mỹ nhân của Bình Nguyên Quân ở trên lầu trông thấy thế cười rộ. Hôm sau, người què đến cửa nhà Bình Nguyên Quân, nói :

— Tôi nghe nói ngài yêu kẻ sĩ, sở dĩ kẻ sĩ không ngại xa ngàn dặm mà đến là vì ngài biết quý kẻ sĩ mà khinh thường bọn tỳ thiếp. Tôi không may bị tàn tật, thế mà hậu cung của ngài lại cười. Tôi xin cái đầu con người đã cười chế nhạo tôi.

Bình Nguyên Quân cười, đáp :

— Vâng.

Người què ra đi, Bình Nguyên Quân cười mà rằng :

— Thằng kia lại muốn lấy cớ một nụ cười mà đòi giết mỹ nhân của ta, thật là quá đáng !

Rốt cuộc, Bình Nguyên Quân không giết.

Được hơn một năm, tân khách, môn hạ, xá nhân dần dần bỏ đi quá nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, nói :

— Thắng đối đãi các vị chưa hề dám thất lễ. Tại sao nhiều người lại bỏ đi như thế ?

Một người môn hạ bước ra, nói :

— Vì ngài không giết mỹ nhân đã cười chế nhạo con người què kia, vì ngài yêu sắc đẹp mà khinh thường kẻ sĩ cho nên kẻ sĩ bỏ đi đó thôi.

Bình Nguyên Quân bèn chém đầu mỹ nhân đã cười chế nhạo người què, đoạn thân hành đến nhà người què tạ lỗi. Sau đó, các môn hạ lại dần dần trở lại. Thời bấy giờ ở nước Tề có Mạnh Thường Quân, ở nước Ngụy có Tín Lăng Quân, ở nước Sở có Xuân Thân Quân đều ra sức đua nhau về mặt tiếp đãi kẻ sĩ.

2. Quân Tần vây Hàm Đan (1), vua Triệu sai Bình Nguyên Quân đi cầu cứu, tôn Sở làm minh chủ, hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân định đem hai mươi người thực khách, môn hạ có dũng lực và đủ tài văn vũ đề cùng đi. Bình Nguyên Quân nói :

— Nếu dùng văn mà xong xuôi thì tốt. Dùng văn không xong thì bất luận thế nào cũng phải uống máu ăn thề ở nơi miếu đường, phải định xong hợp tung rồi mới về (2). Không tìm kẻ sĩ ở ngoài, chỉ lấy trong số thực khách, môn hạ cũng đủ.

---

1. Năm - 260, tướng Tần Bạch Khởi đánh thắng quân Triệu ở Trường Bình. Năm—258, vây hãm thủ đô của Triệu là Hàm Đan.

2. Ý nói dùng cách thương thuyết êm đềm mà xong xuôi thì tốt nhất ; nếu không, phải dùng vũ lực mà ép buộc đối phương, chính vì vậy nên Bình Nguyên Quân mới mang theo người giỏi cả văn lẫn vũ.

Bình Nguyên Quân chỉ chọn được mười chín người, còn ra không đáng lấy, nên không làm sao đủ con số hai mươi. Có người môn hạ là Mao Toại bước ra, tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân:

— Toại nghe nói ngài sắp hợp tung với Sở, định cùng đi với hai chục người thực khách môn hạ mà không tìm ở ngoài. Nay còn thiếu một người, vậy xin ngài lấy ngay Toại này cho đủ số mà đi.

Bình Nguyên Quân nói:

— Tiên sinh làm môn hạ ở nhà Thắng đến nay đã mấy năm rồi?

Mao Toại đáp:

— Đến nay đã ba năm.

Bình Nguyên Quân nói

— Phàm kẻ sĩ tài giỏi ở trên đời, cũng như cái dùi ở trong túi, mũi dùi phải lòi ngay ra chứ! Tiên sinh ở nhà Thắng đến nay đã ba năm, xung quanh không thấy ai khen ngợi, tiến cử, Thắng vẫn chưa nghe gì, thế tức là tiên sinh không có tài năng, tiên sinh không đi được đâu, tiên sinh ở lại thôi (1).

Mao Toại nói:

— Tôi mãi hôm nay mới xin vào ở trong túi đấy thôi (2). Nếu Toại tôi sớm ở trong túi thì tất cả cái dùi đều lộ ra ngoài, chứ thèm để lộ cái mũi dùi mà thôi đâu.

Bình Nguyên Quân bèn cùng Mao Toại ra đi. Mười chín người kia đưa mắt nhìn tỏ ý cười Toại, nhưng không nói ra.

Khi đến nước Sở, Mao Toại cùng mười chín người kia bàn bạc. Cả mười chín người đều phục.

1. Lặp lại mấy lần chữ tiên sinh để tỏ ý mỉa mai và kiên quyết cự tuyệt.

2. Ý nói từ trước đến nay chưa muốn trổ tài.

Bình Nguyên Quân bàn với nước Sở về việc hợp tung, nói sự lợi hại như thế nào, suốt từ khi mặt trời mọc cho đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu. Mười chín người bảo Mao Toại:

— Ông lên đi.

Mao Toại chống kiếm thoăn thoắt bước lên các bậc thềm, bảo Bình Nguyên Quân:

— Việc hợp tung lợi hay hại thì chỉ hai tiếng là đủ quyết định. Nay ngài bàn việc hợp tung từ lúc mặt trời mọc, đến khi mặt trời đứng bóng còn chưa xong là có làm sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân:

— Khách làm gì thế?

Bình Nguyên Quân nói:

— Đó là xá nhân của Thắng đấy.

Vua Sở quát:

— Xuống ngay đi! Ta nói chuyện với chủ nhà ngươi, nhà ngươi làm cái trò gì thế?

Mao Toại chống kiếm tiến lên:

— Nhà vua sở dĩ quát mắng Toại là vì nhà vua cho rằng nước Sở đông người! Nay, trong vòng mười bước thì nhà vua không thể cậy vào chỗ nước Sở đông người được! Tính mạng của nhà vua đang nằm trong tay Toại. Chủ tôi ngồi đấy, tại sao lại nhiếc mắng tôi? Vả chăng Toại nghe: vua Thang chỉ có bảy mươi dặm đất mà làm vương thiên hạ, vua Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất mà chư hầu thần phục. Họ được như vậy đâu phải vì binh sĩ họ đông? Trái lại, đó chẳng qua vì họ khéo giữ lấy thế, nhờ đó, trổ cái oai của họ mà thôi. Nay nước Sở, đất vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích một trăm vạn người; đó là chỗ dựa để dựng lên cơ

nghiệp bá vương. Nước Sở mạnh như vậy, thiên hạ ai địch nổi. Bạch Khởi chẳng qua chỉ là một thằng nhãi mà thôi ! Nhưng hắn đem mấy vạn quân gây chiến với Sở, đánh một trận thì lấy được đất Yển, đất Sính, đánh hai trận đốt cháyDi Lăng, đánh ba trận làm nhục đến tiên nhân nhà vua (1). Đó là cái oán trăm đời, nước Triệu lấy thế làm xấu hổ, thế mà nhà vua không biết xấu. Kế hợp tung là vì lợi ích của nước Sở chứ đâu phải vì lợi ích của nước Triệu ! Chủ tôi ngồi đấy mà quát mắng tôi là tại làm sao ?

Vua Sở nói :

— Vâng, vâng ! Quả thật đúng như lời tiên sinh dạy. Tôi xin đem nước nhà theo kế hợp tung.

Mao Toại nói :

— Việc hợp tung đã quyết định chưa ?

Vua Sở nói :

— Quyết định rồi.

Mao Toại bảo những người hầu cận của vua Sở :

— Lấy máu gà, chó, ngựa, đem lại đây !

Mao Toại bưng chiếc mâm đồng, quỳ dâng vua Sở, nói :

— Xin nhà vua uống máu định việc hợp tung ; rồi đến chủ tôi, sau nữa đến Toại !

1. Mao Toại nhắc lại chuyện cũ, việc thứ nhất xảy ra năm 279 trước công nguyên. Năm 279, tướng Tần Bạch Khởi đánh lấy hai quận Yển, Sính của Sở, năm 278 trước công nguyên, Bạch Khởi đốt Di Lăng là nơi có lăng tẩm của các vua nước Sở. Nước Sở phải dời đô đến đất Trần. Đoạn này nói Mao Toại giỏi cả văn lẫn vũ.

Bèn định việc hợp tung ở ngay trên điện (1). Mao Toại tay trái bưng mâm huyết, tay phải vẫy mười chín người kia, nói :

— Các anh đem huyết này uống với nhau ở dưới thềm, các anh xoàng lắm, thật là nhờ người ta mà nên việc vậy.

Khi định hợp tung xong, về đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân nói :

— Thằng này từ nay không dám xem xét kẻ sĩ nữa, Thằng xem xét kẻ sĩ, nhiều kẻ có nghìn người, ít ra cũng có vài trăm, đã tự cho là mình không bỏ sót nhân tài trong thiên hạ, thế mà nay bỏ sót Mao tiên sinh đấy. Mao tiên sinh đến Sở một phen, làm cho thanh thế nước Triệu được tôn trọng hơn chín vạc, hơn chuông Đại Lữ (2). Ba tấc lưỡi của Mao tiên sinh mạnh hơn đạo quân trăm vạn. Thằng này không dám xem xét kẻ sĩ nữa !

Bèn tôn Toại làm thượng khách.

3. Sau khi Bình Nguyên Quân về Triệu, vua Sở sai Xuân Thân Quân đến cứu Triệu. Tín Lăng Quân cũng giả mệnh vua Ngụy giành lấy quân của Tấn Bỉ đến cứu Triệu (3). Nhưng đều chưa đến. Quân Tần vây Hàm Đan gấp. Hàm Đan nguy ngập sắp đầu hàng, Bình Nguyên Quân rất lo lắng.

1. Đoạn này để đáp ứng câu nói của Bình Nguyên Quân : "Nếu dùng văn không được thì phải dùng vũ lực. Nhất thiết phải hợp tung ở ngay trên điện mới nghe".

2. Chín vạc của vua Hạ Vũ đúc. Đại Lữ là cái chuông lớn đời nhà Chu, hai vật này đều là những vật quý.

3. Xem *Tín Lăng Quân liệt truyện*.

Con người coi trạm ở Hàm Đan là Lý Đồng nói với Bình Nguyên Quân:

— Ngài không lo nước Triệu mất hay sao ?

Bình Nguyên Quân nói :

— Nước Triệu mất thì Thắng bị bắt làm tù, không lo sao được ?

Lý Đồng nói :

— Dân thành Hàm Đan lấy xương người chết mà nấu củi, đổi con cho nhau để ăn, tình thế nguy ngập lắm rồi, thế mà hậu cung của ngài có đến hàng trăm người, tỳ thiếp thì mặc lụa là, gạo thịt thì thừa mứa. Trái lại, dân áo ngắn không được lành, tấm cám không có đủ mà ăn. Dân nguy khốn, binh khí hết: có người đẽo gỗ làm dáo, làm tên. Trái lại, đồ dùng chuông khánh của ngài vẫn như xưa. Nếu Tần phá nước Triệu thì ngài làm sao có được những đồ ấy ? Nếu nước Triệu còn, ngài lo gì không có ? Nay ngài có thể khiến từ phu nhân trở xuống đều ghi tên vào hàng ngũ sĩ tốt, chia việc mà làm, đem tất cả của cải trong nhà ra phân tán để nuôi quân sĩ. Quân sĩ đang trong lúc nguy khốn thì họ dễ cảm thấy ân đức của ngài.

Bình Nguyên Quân nghe theo, kết quả có ba nghìn người cảm tử. Lý Đồng bèn cùng ba nghìn người xông vào đánh quân Tần. Quân Tần vì vậy phải lui ba mươi dặm. Lại gặp lúc cứu binh của nước Sở, nước Ngụy đến, quân Tần bèn rút lui. Hàm Đan được bảo toàn. Lý Đồng chết trận, người cha được phong làm Lý Hầu.

4. Ngu Khanh muốn xin vua Triệu phong thêm đất cho Bình Nguyên Quân, vì Bình Nguyên Quân đã cầu được Tín Lăng Quân đến cứu thành Hàm Đan (1).

1. Xem *Tín Lăng Quân liệt truyện*.

Công Tôn Long nghe vậy đang đêm đi xe ngựa đến yết kiến Bình Nguyên Quân, hỏi ;

— Long tôi nghe nói Ngu Khanh muốn xin phong thêm đất cho ngài, vì cớ Tín Lăng Quân đã cứu được thành Hàm Đan, điều đó có hay không ?

Bình Nguyên Quân nói:

— Có.

Long nói :

— Việc này rất không nên. Nhà vua cho ngài làm tể tướng nước Triệu, không phải vì trong nước Triệu không có ai tài năng và mưu trí như ngài. Nhà vua cắt đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài, không phải vì ngài có công, còn người trong nước thì không có công, mà chỉ vì ngài là thân thích đó thôi. Ngài sở dĩ nhận ấn tể tướng không từ chối vì cớ mình bất tài, được cắt đất không từ chối vì cớ mình không có công, đó cũng vì ngài tự cho mình là thân thích. Nay nếu nhân việc cầu được Tín Lăng Quân cứu Hàm Đan mà xin đất phong, thế tức là ngài một mặt được phong ấp vì cớ là thân thích, lại một mặt kể công để được phong như mọi người thường trong nước, thực là không hợp lý chút nào. Vả chăng Ngu Khanh nắm cả hai mặt. Nếu việc thành thì ông ta nắm cái khế đòi nợ ấy để đòi ngài báo ơn ; nếu việc không thành thì ông ta vẫn được cái hư danh khiến ngài phải chịu ơn ông ta. Ngài nhất định đừng nghe.

Bình Nguyên Quân bèn không nghe lời Ngu Khanh.

Bình Nguyên Quân chết năm thứ mười lăm đời Hiếu Thành Vương nước Triệu (— 251 trước công nguyên). Con cháu nối dõi đời đời, mãi đến khi nước Triệu mất mới hết. Bình Nguyên Quân hậu đãi Công Tôn Long.

Công Tôn Long giỏi lối bàn kiên, bạch (cứng, trắng) (1) đến khi Trâu Diễn (2) sang Triệu nói đạo lớn, Bình Nguyên Quân bèn truất Công Tôn Long.

x
x x

1. Ngu Khanh là một kẻ sĩ du thuyết. Ngu Khanh mang giép mo, áo tơi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Ngu Khanh yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng (3), một đôi ngọc bạch bích. Ngu Khanh yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh (4) nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh. Nước Tần và nước Triệu đánh nhau ở Trường Bình (5), nước Triệu không thắng, mất một đô úy. Vua Triệu cho mời Lâu Xương và Ngu Khanh vào nói :

1. Công Tôn Long là một nhà "danh gia", cốt phân tích rõ danh nghĩa. Trong thiên "Kiên Bạch" ở sách *Công Tôn Long tử* có nói : Kiên (cứng), bạch (trắng), thạch (đá), cho là ba có được không ? — Không được. — Cho là hai có được không ? — Được. Nghĩa là : mắt xem đá thấy trắng mà thôi, không biết nó cứng thì gọi là đá trắng ; tay sờ đá thì biết là nó cứng mà không biết là nó trắng nên bảo là đá cứng vậy. Kiên (cứng), bạch (trắng), không thể hợp làm một được. Lý luận của ông nhằm mục đích rút ra những khái niệm trừu tượng từ thực tế và chứng minh những khái niệm này độc lập đối với nhau, "con ngựa trắng" và "con ngựa nói chung" là hai khái niệm khác nhau, cho nên con ngựa trắng không phải là con ngựa. Cũng vậy, khái niệm "người thân thích của nhà vua" và khái niệm "người dân thường" khác nhau cho nên không thể dùng cách khen thưởng như nhau. Lập luận của ông rất gần lập luận phái Ngụy biện ở Hy Lạp.

2. Trâu Diễn người nước Tề nói với Bình Nguyên Quân cho rằng cái thuyết của Công Tôn Long là ngụy biện, chỉ khiến người ta mê hoặc, đã vô ích lại hại đến đạo lớn.

3. Một dật là 20 lạng, 100 dật là 2000 lạng.

4. Một địa vị tương đương với tể tướng.

5. Xem *Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện*.

— Quân đánh không thắng, đô úy lại chết, bây giờ quả nhân có nên sai quân cuốn giáp xông vào quân địch (1) không ?

Lâu Xương nói :

— Vô ích, không bằng sai đại sứ đi cầu hòa.

Ngu Khanh nói :

— Ông Xương sở dĩ nói cầu hòa, vì cho rằng nếu không cầu hòa thế nào quân cũng thua to. Nhưng việc muốn hòa hay không là tùy ở nước Tần. Bây giờ nhà vua hãy nhìn tình thế nước Tần xem nó có muốn đánh bại quân Triệu không ?

Nhà vua đáp :

— Nước Tần đã dốc toàn lực, nhất định nó chỉ muốn đánh bại quân Triệu mà thôi.

Ngu Khanh nói :

— Xin nhà vua nghe tôi, sai sứ đem của quý cầu thân với nước Sở, nước Ngụy; nước Sở, nước Ngụy muốn nhận của quý của nhà vua thì thế nào cũng phải nhận sứ của ta. Một khi sứ của Triệu đã vào nước Sở, nước Ngụy thì Tần cho rằng thiên hạ đã hợp tung, và thế nào cũng lo sợ. Có như thế mới có thể cầu hòa được.

Triệu Vương không nghe, cùng với Bình Dương Quân quyết định việc cầu hòa, sai Trịnh Chu vào Tần. Tần nhận Trịnh Chu. Triệu Vương gọi Ngu Khanh đến nói :

— Quả nhân đã khiến Bình Dương Quân cầu hòa với Tần. Tần đã nhận Trịnh Chu rồi, ông thấy thế nào?

1. Ý nói quyết liều chết đánh địch.

Ngu Khanh đáp :

— Nhà vua không cầu hòa được đâu, quân nhất định bị đánh bại. Thiên hạ mừng chiến thắng đều đến Tần cả rồi. Trịnh Chu là người sang, vào Tần, Tần Vương và Ứng Hầu (1) thế nào cũng tôn trọng ông ta để lòe với thiên hạ. Nước Sở và nước Ngụy cho rằng nước Triệu đã cầu hòa rồi, nên không đến cứu nhà vua. Tần biết thiên hạ không đến cứu nhà vua thì thế nào việc giảng hòa cũng không thể thành.

Quả nhiên Ứng Hầu tôn trọng Trịnh Chu để khoe với những người thiên hạ đến mừng chiến thắng, và cuối cùng không chịu giảng hòa. Quân Triệu thua to ở Trường Bình. Quân Tần bèn vây Hàm Đan, nước Triệu bị thiên hạ cười.

2. Sau khi Tần đã giải vây Hàm Đan, Triệu Vương cho người vào chầu nước Tần, sai Triệu Hách phụng mệnh đi sứ ở Tần, cắt sáu huyện để giảng hòa.

Ngu Khanh nói với Triệu Vương:

— Quân Tần tấn công nhà vua mỏi mệt rồi trở về, hay là theo ý nhà vua, họ còn đủ sức tiến đánh, nhưng vì thương nhà vua cho nên không đánh (2) ?

Nhà vua nói :

---

1. Ứng Hầu tức Phạm Thư *(xem Phạm Thư liệt truyện)*

2 Chú ý phương pháp nghị luận của Ngu Khanh. Đó là một cách áp dụng phương pháp "thăm dò" (xem chú thích ở Tô Tần liệt truyện), tìm cho ra chỗ hở để mà nói. Mục đích của nó là không nói thẳng ý kiến của mình, vì có thể làm nhà vua tự ái không chấp nhận, mà dùng những câu hỏi hay những giả thiết trái ngược với điều mình nói đưa ra trước và làm sao cho nhà vua tự thấy nó mâu thuẫn với lẽ phải, rồi cuối cùng đưa nhà vua đến ý của mình và tấn công vào đấy.

— Quân Tần tấn công ta là dốc toàn lực ra mà đánh, chắc chắn vì mệt mỏi cho nên mới về.

Ngu Khanh nói :

— Quân Tần đã không dốc toàn lực ra đánh cái mà họ không lấy được, mệt mỏi trở về. Nay nhà vua lại cho họ cái mà sức họ không lấy được, như thế là giúp nước Tần để tự đánh mình. Sang năm quân Tần lại đánh nhà vua, nhà vua sẽ không còn cách nào cứu được mình nữa.

Nhà vua đem lời của Ngu Khanh nói lại với Triệu Hách. Triệu Hách nói :

— Ngu Khanh có thể biết hết được tình hình binh lực Tần không ? Dù rằng quân Tần không đủ sức tiến đánh đi nữa, nếu ta không cho họ miếng đất nhỏ như hòn đạn kia, nhưng nếu sang năm Tần lại đến đánh, liệu nhà vua có khỏi phải cắt đất của mình trong sáu thành để giảng hòa không ?

Nhà vua hỏi :

— Nếu ta nghe lời ngươi mà cắt đất thì ngươi làm thế nào cho sang năm Tần không đến đánh ta nữa không ?

Triệu Hách đáp :

— Việc ấy quả thực thần không dám chắc. Ngày xưa, Tam Tấn giao kết với Tần rất là thân thiết. Nay sở dĩ Tần hòa hiếu với Hàn, Ngụy mà đánh nhà vua, là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Thần xin vì nhà vua trừ bỏ cái việc bị đánh vì bội bạc với người thân, mở cửa ải đem lễ vật, cũng hòa thân như nước Hàn, nước Ngụy. Nếu làm như vậy rồi mà sang năm lại chỉ một mình vua bị nước Tần đánh thì đó là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hán, Ngụy. Việc đó quả thực thần không dám chắc.

Nhà vua đem điều ấy nói lại với Ngu Khanh. Ngu Khanh đáp :

— Hách nói nhà vua không cầu hòa nếu sang năm Tần lại đánh nhà vua, nhà vua có khỏi cắt đất trong sáu thành kia để cầu hòa được không ? Trái lại, nếu nhà vua cầu hòa thì Hách lại không dám chắc thế nào Tần cũng không đánh nữa. Đã thế thì nay tuy nhà vua có cắt sáu thành cũng không có ích gì. Sang năm Tần lại đánh, ta lại cắt cái đất mà nó không có đủ sức đánh lấy, nộp cho nó để cầu hòa, đó là cái thuật tự tiêu diệt vậy. Chi bằng đừng cầu hòa. Tần có giỏi tấn công đi nữa cũng không thể lấy được sáu huyện ; Triệu có chống giữ kém đi nữa, cũng không mất sáu thành. Tần đánh chán trở về, thế nào quân cũng mỏi mệt, ta lấy sáu thành gọi thiên hạ cùng đánh quân Tần mỏi mệt, tức là ta mất thành cho thiên hạ, nhưng được bù lại ở Tần. Như thế nước ta vẫn còn có lợi, chẳng hơn cứ ngồi mà chịu cắt đất, tự làm yếu mình để cho Tần mạnh lên hay sao ? Nay Hách nói Tần thân với Hàn, Ngụy, mà lại đánh Triệu, là cho rằng Hàn, Ngụy không cứu Triệu mà quân của nhà vua thế nào cũng bị cô lập. Đó là do nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Như vậy khiến nhà vua mỗi năm cắt sáu thành để thờ Tần. Làm thế tức là ngồi đấy mà nhìn người ta lấy hết cả thành. Sang năm Tần lại đòi cắt đất thì nhà vua có cho họ không ? Nếu không cho thì thế là bỏ tất cả cái công cắt đất ngày trước, lại gây nên cái tai họa bị Tần đánh, nếu cho thì không còn đất nữa để mà cho. Tục ngữ có câu : « Kẻ mạnh giỏi tấn công, kẻ yếu không thể chống đỡ ». Nếu nhà vua cứ ngồi yên mà nghe theo Tần thì quân nước Tần không khó nhọc gì lại lấy được nhiều đất. Đó là cách làm cho Tần mạnh thêm và Triệu yếu đi vậy. Lấy nước Tần càng ngày càng mạnh mà cắt

xẻ nước Triệu càng ngày càng yếu, kế đó chắc chắn còn kéo dài mãi không thôi. Vả chăng đất của nhà vua có hạn, mà đòi hỏi của Tần thì không cùng. Cứ làm theo lối lấy cái đất có hạn để cung phụng cho sự đòi hỏi không cùng, theo tình thế ấy chắc sẽ đi tới chỗ không còn nước Triệu nữa.

Vua Triệu bàn bạc chưa quyết định, thì Lâu Hoãn từ Tần đến.

Triệu Vương bàn mưu kế với Lâu Hoãn, nói :

— Cho Tần đất với không cho Tần đất, đằng nào hơn ?

Hoãn thoái thác nói :

— Điều đó, thần không biết được.

Nhà vua nói :

— Tuy vậy, ông cứ thử nói ý riêng của ông xem.

Lậu Hoãn nói :

— Nhà vua có nghe chuyện bà mẹ của Công Phủ Văn Bá không ? Công Phủ Văn Bá làm quan ở Lỗ, mắc bệnh mà chết, có hai người đàn bà vì ông ta mà tự sát ở trong phòng. Người mẹ nghe vậy không khóc. Người bảo mẫu hỏi : « Sao con bà chết mà bà không khóc ? ». Người mẹ đáp : « Khổng Tử là người hiền, bị đuổi ở đất Lỗ mà nó không đi theo, nay nó chết, đàn bà lại vì nó mà tự sát đến hai người, thế đủ biết nó tệ bạc với bậc trưởng giả mà hậu với đàn bà ». Đứng về người mẹ mà nói như vậy thì đó là bà mẹ hiền, nhưng đứng về người vợ mà nói thế thì không khỏi bị xem là người vợ ghen ; cho nên lời nói thì vẫn là một, nhưng tùy ở địa vị người nói ra ; cách hiểu của người nghe sẽ thay đổi. Nay thần mới ở Tần về, thần nói là không cho, thì không phải là mưu kế ; thần nói là cho, thì sợ nhà vua cho rằng thần

vì nước Tần, cho nên không dám đáp. Giá thần được bày mưu kế cho đại vương thì không bằng cho là hơn (1).

Nhà vua nói:

— Vâng.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói:

— Đó là lời trau chuốt bên ngoài, xin nhà vua chớ nghe.

Lâu Hoãn nghe vậy lại vào yết kiến nhà vua.

Nhà vua lại đem lời nói của Ngu Khanh nói lại với Lâu Hoãn. Lâu Hoãn đáp:

— Không phải thế! Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tại sao Tần, Triệu đánh lẫn nhau mà thiên hạ đều mừng? Là vì họ nghĩ rằng: « Ta hãy dựa vào cái thế của kẻ mạnh mà lợi dụng cái thế của kẻ yếu vậy ». Nay quân Triệu bị quân Tần làm nguy khốn, những người thiên hạ mừng chiến thắng, chắc chắn đều ở Tần. Cho nên không gì bằng cắt đất ngay mà cầu hòa để cho thiên hạ nghi và làm thỏa lòng Tần. Nếu không, thiên hạ sẽ nhân lúc nước Tần đang nổi giận, lợi dụng lúc nước Triệu đang mệt mỏi để chia xẻ Triệu. Nước Triệu sẽ mất, còn gì mà đối phó với Tần nữa. Cho nên thần nói Ngu Khanh chỉ biết một mặt không biết hai, xin nhà vua quyết định ngay đi, chớ đừng bàn bạc nữa.

1. Cách nói này cũng là cách "thăm dò". Thí dụ Công Phủ Văn Bá đưa ra chẳng qua chỉ là một cách rào trước. Lâu Hoãn đưa ra cả hai ý có vẻ khách quan, khiến nhà vua có thể nhìn thấy tình trạng khó xử của Hoãn mà tìm được cách giải quyết. Phương pháp dùng ngụ ngôn để mở đầu ý kiến của mình là một phương pháp thông thường ở thời Chiến Quốc, Trang Tử và Mạnh Tử rất hay dùng.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói:

— Nguy quá! Ông Lâu làm cho Tần, như thế chỉ khiến thiên hạ thêm nghi, chứ có làm nước Tần được vừa lòng đâu! Tại sao ông ta lại không nói cách làm của ông là chỉ để cho thiên hạ thấy chỗ yếu của mình. Vả chăng thần nói đừng cho, không phải là nhất quyết đừng cho. Tần đòi nhà vua sáu thành, mà nhà vua lại đem sáu thành đút cho nước Tề. Nước Tề vốn là kẻ thù sâu sắc của Tần (1), nếu được sáu thành của nhà vua thì sẽ đem tất cả quân lực về hướng tây đánh Tần. Nước Tề sẽ nghe nhà vua, chắc không đợi nói hết lời. Như thế, tức là nhà vua mất đất cho Tề, nhưng sẽ được bù lại ở Tần. Thế là có thể trả cái thù sâu sắc của Tề và Triệu đối với Tần, và tỏ cho thiên hạ thấy ta có sức mạnh dám làm. Nếu nhà vua ban bố điều ấy ra thì binh chưa ra tới biên giới, thần cũng đã thấy. Tần đem của cải quý báu đến Triệu và trái lại, chính Tần phải cầu hòa với nhà vua. Hàn, Ngụy, nghe nhà vua hòa với Tần, thế nào cũng trọng nhà vua. Họ trọng nhà vua tất sẽ mang vật tin đến cầu thân với nhà vua. Như vậy nhà vua làm một việc mà kết được tình hòa hảo của ba nước, đồng thời địa vị của mình đối với Tần cũng do đó mà thay đổi (2).

Triệu Vương nói:

— Phải.

1. Lúc bấy giờ hai nước Tề và Tần đang tranh nhau làm bá chủ chư hầu. Mạnh Thường Quân nước Tề đã tập hợp quân của Hàn, Ngụy đánh bại quân Tần ở Hàm Cốc Quan, Tần phải cắt ba thành để giảng hòa.

2. Đó là then chốt của câu "được bù đắp lại ở Tần".

Bèn sai Ngu Khanh sang đông yết kiến Tề Vương, cùng bàn về việc Tần. Ngu Khanh chưa trở về thì sứ của Tần đã đến Triệu (1). Lâu Hoãn nghe vậy bỏ trốn. Do đó, Triệu lấy một thành phong cho Ngu Khanh.

3. Được ít lâu, Ngụy xin hợp tung, Hiếu Thành Vương nước Triệu cho mời Ngu Khanh đến bàn.

Ngu Khanh qua nhà Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân nói.

— Tôi muốn ông theo kế hợp tung!

Ngu Khanh vào yết kiến nhà vua, nhà vua nói:

— Nước Ngụy xin hợp tung.

Ngu Khanh đáp:

— Ngụy sai rồi!

Nhà vua nói:

— Vì vậy mà quả nhân vẫn chưa thuận.

Ngu Khanh đáp:

— Sai rồi.

Nhà vua hỏi:

— Ngụy xin hợp tung, ngươi nói Ngụy sai, quả nhân chưa nhận, ngươi lại nói quả nhân sai, như thế thì việc hợp tung không làm được hay sao?

Ngu Khanh đáp:

— Thần nghe nói nếu nước nhỏ hợp tung với nước lớn, thì khi gặp điều lợi, nước lớn sẽ hưởng cái phúc, khi gặp việc thất bại thì nước nhỏ chịu lấy cái vạ. Nay

1. Ứng với câu "binh chưa xuất hiện... Tần đã đem của cải quý báu đến".

Ngụy là nước nhỏ xin lấy cái vạ, mà nhà vua là nước lớn lại từ chối lấy cái phúc, cho nên thần nói nhà vua sai, nước Ngụy cũng sai, thần trộm nghĩ việc hợp tung là có lợi.

Vua nói:

— Phải.

Bèn bàn hợp tung với Ngụy.

4. Ngu Khanh vì việc Ngụy Tề (1) không coi trọng chức vạn hộ hầu và ấn khanh tướng, cùng bỏ trốn với Ngụy Tề. Rốt cuộc Ngu Khanh rời khỏi nước Triệu, bị khốn ở Lương. Sau khi Ngụy Tề chết, Ngu Khanh bất đắc ý, bèn làm sách, trên góp nhặt sự việc đời Xuân Thu, dưới xem đời gần đây. Sách gồm tất cả tám thiên, là các thiên «tiết nghĩa», «xưng hiệu», «sủy ma», «chính mưu», v.v... bình phẩm những điều hay dở của nước nhà lúc bấy giờ, đời truyền gọi là sách *«Ngu Thị Xuân Thu»*

5. Thái Sử Công nói:

— Bình Nguyên Quân là một trang công tử tuyệt vời ở trong đời ô trọc. Nhưng ông ta chưa biết cái đạo lớn. Tục ngữ nói: «Lợi làm cho trí mờ». Bình Nguyên Quân

1. Ngụy Tề là tể tướng nước Ngụy làm nhục Phạm Thư. Khi Phạm Thư làm thừa tướng Tần, Ngụy Tề sợ chạy sang Triệu, ở nhà Bình Nguyên Quân. Quân Tần bức bách, Triệu Vương cho quân vây, Ngụy Tề yết kiến tể tướng nước Triệu là Ngu Khanh. Ngu Khanh liền bỏ ấn tể tướng, cùng Ngụy Tề trốn đến Đại Lương, muốn nhờ Tín Lăng Quân giúp để chạy về phía nam vào nước Sở. Tín Lăng Quân do dự, Ngụy Tề tự sát.

tham nghe lời tà thuyết của Phùng Đình (1), khiến cho quân Triệu bị vây hãm ở Trường Bình, bị chôn sống mất hơn bốn mươi vạn, suýt nữa mất Hàm Đan. Ngu Khanh xét tình thế, liệu sự việc, bày mưu cho nước Triệu sao mà khéo thế ! Đến như việc Ngu Khanh không nỡ để cho Ngụy Tề phải chết, rốt cuộc bị khốn ở đất Đại Lương, người tầm thường cũng biết là không nên, huống bậc hiền tài ! Thế nhưng Ngu Khanh nếu không gặp cái cảnh buồn bã cùng cực thì không thể viết sách để cho đời sau biết đến mình vậy (2).

1. Năm 262 trước công nguyên, quân Tần đánh Hàn, tướng Hàn là Phùng Đình đem đất Thương dâng Triệu. Bình Nguyên Quân khuyên nhà vua nhận đất ấy. Tần đem quân đến Trường Bình đánh Triệu, thua to, bốn mươi vạn quân bị chôn sống. Thủ đô Triệu là Hàm Đan suýt bị mất.

2. Nhân chuyện Ngu Khanh, tác giả bộc lộ tâm sự của mình.

NGỤY CÔNG TỬ LIỆT TRUYỆN

1. CÔNG TỬ nước Ngụy, Vô Kỵ là con út của Ngụy Chiêu Vương, và là em cùng cha khác mẹ với An Ly Vương nước Ngụy. Chiêu Vương chết, An Ly Vương lên ngôi phong công tử làm Tín Lăng Quân. Bấy giờ Phạm Thư bỏ nước Ngụy trốn sang Tần làm thừa tướng, vì thù oán Ngụy Tề (1) nên quân Tần vây thành Đại Lương, phá quân Ngụy ở gần núi Hoa Dương, đánh Mang Mão (2) bỏ chạy. Vua Ngụy và công tử lo sợ.

Công tử là người nhân hậu, biết khiêm tốn đối với kẻ sĩ. Kẻ sĩ không kể người hiền hay người dở, công tử đều khiêm tốn, lấy lễ đối đãi, không dám cậy mình giàu sang mà kiêu ngạo đối với họ. Vì vậy kẻ sĩ trong vòng mấy ngàn dặm đều tranh nhau theo. Khách ăn đến ba nghìn người. Lúc bấy giờ chư hầu cho công tử là người hiền, có nhiều khách, đã hơn mười năm không dám đem binh đánh Ngụy.

Công tử đang cùng vua Ngụy đánh cờ, bỗng ở biên giới phía bắc khói đốt lên (3) để báo hiệu, vua nói:

— Giặc Triệu đến, sắp vào bờ cõi.

1. Ngụy Tề xem *Phạm Thư, Thái Trạch liệt truyện*.
2. Mang Mão : tướng Ngụy.
3. Ngày xưa ở biên giới khi nào có giặc thì đốt lửa, khói bốc lên. Đó là một cách báo hiệu.

Vua Ngụy thôi đánh cờ, muốn triệu tập các quan đại thần để bàn công việc. Công tử can nhà vua, nói:

— Không phải có giặc đâu. Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi.

Rồi lại đánh cờ như cũ. Vua lo sợ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc đánh cờ. Lát sau, có người từ phương bắc đem tin về nói :

— Đó là vua Triệu đi săn đấy thôi chứ không phải có giặc cướp.

Vua Ngụy cả kinh, hỏi :

— Tại sao công tử lại biết điều đó ?

Công tử nói :

— Khách của thần có người dò biết được những việc bí mật của vua Triệu. Vua Triệu làm gì thì người khách ấy báo ngay với thần, cho nên thần biết.

Sau đó vua Ngụy sợ công tử hiền và có tài nên không dám giao việc chính sự trong nước cho công tử.

Nước Ngụy có người ẩn sĩ tên là Hầu Doanh, bảy mươi tuổi, nhà nghèo, làm người giữ cửa thành Di Môn ở Đại Lương. Công tử nghe tin đến mời, muốn đem hậu lễ để biếu. Hầu Doanh không chịu nhận nói :

— Thần tu thân, giữ nết trong sạch mấy mươi năm nay, quyết không vì làm chức giữ cửa thành khổ sở mà nhận tiền bạc của công tử.

Công tử bèn đặt tiệc rượu, hội họp tân khách đông đủ. Khách ngồi xong đâu vào đấy, công tử mang xe ngựa đi theo, để chỗ ngồi bên trái bỏ trống (1), thân hành đi đón người giữ cửa Di Môn là Hầu Sinh. Hầu Sinh sửa qua áo mũ bước thẳng lên xe, ngồi chỗ ngồi

1. Ngày xưa khi ngồi trên xe thì chỗ ngồi bên trái là chỗ ngồi tôn quý.

phía trên, không từ chối, muốn để dò ý công tử. Công tử lại càng cầm dây cương một cách cung kính. Hầu sinh lại nói với công tử :

— Tôi có người khách làm nghề hàng thịt ở ngoài chợ, xin ngài chịu khó cho xe ngựa đến để ghé thăm ông ta.

Công tử đánh xe vào chợ. Hầu Sinh xuống xe, thăm người khách Chu Hợi, nhìn ngang nhìn ngửa, cố ý dùng dằng, nói chuyện với người khách một hồi lâu, trong khi nói chuyện lại liếc nhìn công tử.

Vẻ mặt công tử lại càng ôn hòa (1). Lúc bấy giờ tướng quốc, tướng quân, tôn thất, khách khứa nước Ngụy đầy cả nhà, chờ đợi công tử nâng cốc. Người ngoài chợ đều xem công tử cầm dây cương, các quân kỵ đi theo đều chửi thầm Hầu Sinh. Hầu Sinh thấy sắc mặt công tử trước sau không thay đổi, bèn từ tạ người khách mà lên xe. Khi đến nhà, công tử dẫn Hầu Sinh lên ngồi ở ghế trên, giới thiệu và khen ngợi Hầu Sinh với các tân khách. Tân khách đều kinh sợ. Uống rượu say, công tử đến trước mặt Hầu Sinh chúc thọ. Hầu Sinh bèn nói với công tử :

— Hôm nay Doanh này làm cho công tử thực khó nhọc ! Doanh là người giữ cửa thành Di Môn mà được công tử thân hành chịu khó đem xe đến đón Doanh ở trước đông đảo mọi người. Đáng lý tôi không nên ghé vào nhà người ta. Nay công tử lại chịu khó đưa tôi đến. Doanh này muốn công tử được tiếng, cố ý giữ xe và quân kỵ của công tử ở giữa chợ, công tử lại càng cung kính, người ngoài chợ đều cho Doanh là đứa tiểu nhân, công tử là bậc trưởng giả, biết nhún mình trước kẻ sĩ.

1. Đoạn này giải thích Ngụy Vô Kỵ khiêm tốn đối với kẻ sĩ

Công tử bèn đãi tiệc, Hầu Sinh được làm thượng khách. Hầu Sinh nói với công tử :

— Người hàng thịt Chu Hợi mà tôi đến nhà là một người hiền trong đời không ai biết đến, cho nên ở ẩn cùng với những người hàng thịt đó thôi.

Công tử mấy lần đến thăm, Chu Hợi cố ý không đáp lễ. Công tử lấy làm lạ (1),

2. Năm thứ hai mươi, đời vua An Ly Vương nước Ngụy (237 trước công nguyên), Tần Chiêu Vương sau khi phá quân Triệu ở Trường Bình, lại tiến binh vây Hàm Đan. Chị của công tử là vợ Bình Nguyên Quân, em trai vua Huệ Văn Vương nước Triệu, đã mấy lần đưa thư cho Ngụy Vương và công tử xin nước Ngụy cứu viện. Vua Ngụy sai tướng quân Tấn Bỉ cầm mười vạn quân đi cứu Triệu. Vua Tần sai sứ giả nói với vua Ngụy :

— Ta đánh Triệu, sớm chiều thế nào cũng phá Triệu, chư hầu ai dám cứu thì sau khi phá Triệu, thế nào ta cũng đem binh đến đánh trước.

Vua Ngụy sai người ngăn Tấn Bỉ, giữ quân lại đóng dinh ở đất Nghiệp, tiếng là cứu Triệu, nhưng thực ra là đi nước đôi để chờ xem tình thế. Sứ giả của Bình Nguyên Quân liên tiếp kéo sang Ngụy, trách Ngụy công tử :

— Thắng sở dĩ tự phụ về chỗ kết nghĩa hôn nhân là vì cho rằng công tử là người có nghĩa khí cao, có thể giải cứu người ta lúc nguy khốn. Nay Hàm Đan sớm chiều sẽ phải đầu hàng nước Tần mà cứu binh của Ngụy không đến, thế thì công tử cứu nguy khốn cho

1. Đoạn 1 : thái độ cung kính khiêm tốn đối với kẻ sĩ của Ngụy Vô Kỵ.

2. Xem *Bình Nguyên Quân liệt truyện.*

người khác ở chỗ nào ? Vả chăng, nếu công tử khinh Thắng này, bỏ Thắng phải đầu hàng nước Tần, thế thì công tử không thương hại chị của công tử sao ?

Công tử lo lắng, mấy lần xin Ngụy Vương, và giục các tân khách biện sĩ tìm đủ mọi cách nói với Ngụy Vương, nhưng Ngụy Vương sợ Tần, rốt cuộc không nghe lời công tử. Công tử tự nghĩ mình không thể nào thuyết phục được nhà vua, thì không nên sống một mình để nước Triệu mất, định tụ tập các tân khách, quân kỵ và hơn một trăm cỗ xe, muốn cùng những người khách qua đánh quân Tần, rồi cùng chết với nước Triệu.

Công tử đi qua cửa Di Môn, ghé thăm Hầu Sinh, kể lại đầu đuôi tại sao mình liều chết với quân Tần và từ biệt ra đi. Hầu Sinh nói :

— Công tử cố gắng đi nhé ! Tôi già yếu rồi, không thể đi theo được.

Công tử đi được mấy dặm, trong lòng không vui nói :

— Ta đối đãi Hầu Sinh chu tất, thiên hạ không ai không biết. Nay ta sắp chết, thế mà Hầu Sinh không có nửa lời tiễn ta, phải chăng ta có điều gì không phải ?

Bèn quay xe về, hỏi Hầu Sinh. Hầu Sinh cười và nói :

— Tôi đã biết thế nào công tử cũng quay lại (1).

Lại nói :

— Công tử yêu kẻ sĩ nổi tiếng khắp thiên hạ, nay gặp nạn không có phương kế nào khác mà lại muốn lao vào quân Tần, thế cũng như là ném thịt cho hổ đói, chứ có ích gì đâu ! Như thế thì dùng tân khách làm cái gì ? Nhưng công tử đối đãi với tôi rất hậu, công tử ra đi mà tôi không tiễn, vì vậy biết công tử sẽ hối hận mà trở lại.

1. Chỉ cần hai câu, nhân vật Hầu Sinh đã hiện ra rất rõ nét.

Công tử lạy hai lạy và hỏi. Hầu Sinh bèn đuổi người ra rồi nói riêng:

— Doanh này nghe nói «Binh phù» (1) của Tấn Bỉ thường để ở trong phòng ngủ của nhà vua, mà nàng Như Cơ được nhà vua rất yêu, ra vào nơi phòng ngủ của nhà vua, có thể ăn trộm được. Doanh nghe nói cha của Như Cơ bị người ta giết, Như Cơ chứa giận ba năm, muốn tìm người báo thù cho cha, nhưng từ nhà vua trở xuống, không được một người nào. Như Cơ khóc với công tử. Công tử sai người khách chém đầu kẻ thù kính dâng lên Như Cơ. Như Cơ muốn báo ơn công tử, chết cũng không từ chối, nhưng vẫn chưa có dịp đấy thôi. Nay nếu công tử mở miệng nói với Như Cơ một lời thì thế nào Như Cơ cũng bằng lòng. Một khi đã có được «hổ phù», giành lấy quân đội của Tấn Bỉ, đem quân về phía bắc, cứu nước Triệu, đuổi nước Tần về phía tây, đó là công lao của Ngũ Bá đời xưa.

Công tử nghe theo kế của Hầu Sinh, nói với Như Cơ. Như Cơ quả nhiên trộm được binh phù của Tấn Bỉ đưa cho công tử.

Công tử ra đi, Hầu Sinh nói:

— «Tướng quân đã ở ngoài biên giới thì có những lúc không nghe theo lệnh của nhà vua, để tiện lợi cho việc quốc gia» (2). Công tử đến ghép phù, nếu như

1. Ngày xưa, tướng ra đi cầm quân được nhà vua giao cho cái "hổ phù", còn gọi là "binh phù". Binh phù làm bằng đồng, khắc hình con hổ, chia làm hai, vua giữ một nửa, tướng quân giữ một nửa. Khi nào vua sai người đến thay thế để cầm quân thì cầm nửa kia đi, đến nơi đóng quân. Nếu "ghép phù" thấy khớp, tức nhà vua đã sai đến thay thế.

2. Đây là một câu trong binh pháp của Tôn Tử. Hầu Sinh đoán trước Tấn Bỉ có thể viện theo đó mà không nghe theo Ngụy công tử.

Tấn Bỉ không trao quân cho công tử mà lại muốn hỏi lại nhà vua thì công việc thế nào cũng hỏng mất. Người khách của tôi là anh hàng thịt Chu Hợi có thể cùng đi với công tử, anh ta là một lực sĩ. Nếu như Tấn Bỉ nghe theo thì tốt lắm. Nếu không thì sẽ sai đâm chết.

Công tử liền khóc. Hầu Sinh nói:

— Công tử sợ chết hay sao? Tại sao lại khóc?

Công tử nói:

— Tấn Bỉ là một vị lão tướng oai vệ. Tôi đến sợ ông ta không nghe, phải giết ông ta cho nên khóc đó thôi (1).

Công tử bèn mời Chu Hợi, Chu Hợi cười mà rằng:

— Tôi là anh hàng thịt, múa dao ở nơi chợ búa, mà công tử lại thân hành mấy lần đến thăm hỏi. Tôi sở dĩ không đáp lễ là vì nghĩ rằng không cần gì cái trò lễ nghi lặt vặt ấy. Nay công tử có việc nguy cấp, đó là lúc tôi hiến tính mạng cho công tử.

Bèn cùng công tử ra đi.

Công tử đi qua tạ ơn Hầu Sinh. Hầu Sinh nói:

— Tôi đáng lý phải đi theo, nhưng đã già đi không được, xin tính ngày công tử đến quân đội Tấn Bỉ, tôi sẽ quay đầu về hướng bắc, tự đâm vào cổ để tiễn công tử.

Công tử bèn ra đi.

Đến đất Nghiệp, công tử giả lệnh của vua Ngụy thay Tấn Bỉ, Tấn Bỉ ghép phù lấy làm ngờ, giơ tay, nhìn công tử nói:

— Nay tôi cầm binh mười vạn, đóng đồn ở nơi biên giới là một công việc nặng nề của nước. Ông đi một chiếc xe đến đây thay tôi, là nghĩa thế nào?

1. Chi tiết rất nhỏ nhặt nhưng nêu rõ lòng yêu quý kẻ sĩ của Ngụy công tử.

Tấn Bỉ ý không chịu nghe theo. Chu Hợi giấu ở trong ống áo cái chùy sắt bốn mươi cân, đánh Tấn Bỉ chết, công tử bèn chỉ huy quân của Tấn Bỉ, chỉnh đốn lại đội ngũ, ra lệnh trong quân:

— Nếu cả cha và con đều ở trong quân, thì cha trở về; nếu cả anh và em ở trong quân thì anh trở về; nếu là con một không có anh em thì trở về mà nuôi cha mẹ (1).

Chọn được tám vạn quân, tiến đánh quân Tần. Quân Tần giải vây rút lui, công tử bèn cứu được Hàm Đan, bảo tồn nước Triệu.

Vua Triệu và Bình Nguyên Quân thân hành đón công tử ở biên giới. Bình Nguyên Quân mang cung, túi tên đi trước dẫn đường. Vua Triệu lạy hai lạy nói:

— Người hiền từ xưa đến nay, chưa có ai bằng công tử.

Lúc bấy giờ Bình Nguyên Quân không dám so sánh với công tử. Kể từ khi công tử cùng Hầu Sinh từ biệt, đến khi đến quân doanh thì quả nhiên Hầu Sinh đã quay mặt về phía bắc mà tự đâm cổ chết (2).

3. Vua Ngụy giận công tử ăn trộm binh phù của mình, lừa giết Tấn Bỉ, công tử cũng tự biết điều đó. Sau khi đã đuổi quân Tần, cứu được nước Triệu, công tử sai các tướng đem quân trở về nước Ngụy, còn mình cùng với những người khách ở lại nước Triệu.

Hiếu Thành Vương nước Triệu cho công tử có ơn với mình, đã giả lệnh của nhà vua giành binh của Tấn

1. Ý kiên quyết đánh Tần đến cùng.

2. Đoạn 2. Ngụy Vô Kỵ dùng kế của Hầu Doanh cứu được nước Triệu.

Bỉ mà cứu được nước Triệu nên bàn với Bình Nguyên Quân phong cho công tử năm thành. Công tử nghe vậy sắc mặt có ý kiêu căng, tỏ vẻ tự khoe công trạng của mình. Có người khách nói với công tử:

— Có việc không có thể quên, lại có việc không thể không quên. Hễ người ta có ân đức đối với công tử thì công tử chớ quên; hễ công tử có ân đức đối với người ta, xin công tử hãy quên đi. Vả chăng, giả lệnh vua Ngụy, giành lấy quân của Tấn Bỉ để cứu Triệu, đối với Triệu thì có công đấy, nhưng đối với Ngụy thì vẫn chưa phải là kẻ trung thần. Công tử lại tự kiêu lấy đó làm công lao của mình, tôi trộm nghĩ công tử làm như thế là không phải.

Công tử lập tức tự trách mình như là con người không có chỗ dung thân. Vua Triệu tưới nước quét đường đi, thân hành đón tiếp, giữ lễ của người chủ, đưa công tử lên cái thềm phía tây. Công tử khép nép từ tạ, bước đi theo cái thềm phía đông mà lên, tự nói rằng mình là người có tội, phụ bạc với nước Ngụy, không có công lao gì với nước Triệu. Vua Triệu tiếp rượu mãi đến chiều, miệng vẫn không nỡ nói việc biếu năm thành vì biết công tử sẽ từ chối. Công tử vẫn cứ ở Triệu. Vua Triệu cho công tử đất Hoắc để làm ấp tắm gội. Nước Ngụy cũng lại cho công tử hưởng lộc đất Tín Lăng, nhưng công tử vẫn ở lại nước Triệu.

Công tử nghe nói ở nước Triệu có Mao Công ẩn mình giữa những người đánh bạc, Tiết Công ẩn mình giữa những người bán tương. Công tử muốn gặp hai người ấy. Hai người ấy trốn tránh không chịu ra tiếp công tử. Công tử biết chỗ họ ở, bèn đi bộ một mình đến nhà, từ đó hai người kia chơi với công tử rất là tương đắc. Bình Nguyên Quân nghe vậy nói với vợ:

— Lúc đầu ta nghe nói người em của phu nhân là người có một không hai trong thiên hạ; nay ta xem ra thì ông ta lại chơi bời với bọn đánh bạc và bọn bán tương, công tử chỉ là người gàn thôi.

Phu nhân nói với công tử. Công tử bèn từ tạ phu nhân ra đi mà rằng:

— Lúc đầu tôi nghe nói Bình Nguyên Quân là người hiền, cho nên tôi phụ bạc vua Ngụy mà cứu nước Triệu để xứng đáng với Bình Nguyên Quân. Cách giao du của Bình Nguyên Quân chỉ cốt tân khách cho nhiều để tự khoe khoang mà thôi, chứ không tìm kẻ hiền sĩ. Vô Kỵ từ khi ở Đại Lương vẫn thường nghe nói hai người này là người hiền, khi đến Triệu, sợ không gặp mặt. Vô Kỵ chơi với họ, còn sợ họ không muốn chơi với mình nữa kia. Nay Bình Nguyên Quân lại lấy thế làm thẹn, như vậy Bình Nguyên Quân không phải là người đáng cùng giao du. Có lẽ không hơi đâu mà giao du với ông ta nữa.

Bèn chuẩn bị hành lý để đi. Phu nhân đem tất cả nói lại với Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân bèn cất mũ để xin lỗi, cố ý giữ công tử lại. Môn hạ của Bình Nguyên Quân nghe vậy, một nửa bỏ Bình Nguyên Quân mà theo công tử. Kẻ sĩ trong thiên hạ lại đến theo công tử. Công tử làm cho khách của Bình Nguyên Quân đổ về công tử.

Công tử ở lại Triệu mười năm không về, nước Tần nghe tin công tử ở Triệu, ngày đêm đem binh về hướng đông đánh Ngụy. Vua Ngụy lo lắng, sai sứ đến mời công tử về. Công tử sợ vua giận mình nên ngăn cấm các môn hạ:

— Ai dám làm người truyền đạt cho sứ giả vua Ngụy thì sẽ bị giết.

Các tân khách đều đã bỏ Ngụy sang Triệu, không ai dám khuyên công tử trở về. Mao Công và Tiết Công đến yết kiến công tử, nói:

— Sở dĩ công tử được trọng ở Triệu, nổi danh khắp chư hầu, là vì có nước Ngụy. Nay Tần đánh Ngụy, Ngụy nguy cấp mà công tử không lo đến. Nếu nước Tần phá thành Đại Lương, san phẳng tôn miếu của tiên vương thì công tử còn mặt mũi nào mà đứng trong thiên hạ?

Nói chưa dứt lời, công tử liền thay đổi sắc mặt, giục người đánh xe về để cứu Ngụy.

Vua Ngụy thấy công tử, hai người cùng khóc, trao cho công tử ấn thượng tướng quân. Công tử bèn làm tướng. Năm ba mươi đời vua An Ly Vương nước Ngụy (năm 247 trước công nguyên) công tử sai sứ báo khắp các chư hầu, chư hầu nghe công tử làm tướng, đều sai tướng đem quân cứu Ngụy. Công tử cầm quân cả năm nước đánh tan quân Tần ở Hà Ngoại. Mông Ngao bỏ chạy. Công tử bèn thừa thắng đuổi quân Tần đến ải Hàm Cốc, chẹn đường quân Tần, quân Tần không dám ra. Lúc bấy giờ uy thế của công tử làm rung động cả thiên hạ. Khách các nước chư hầu dâng binh pháp, công tử đều chiếm lấy làm của mình, cho nên thế tục gọi là *«Ngụy công tử binh pháp»*. Vua Tần lo lắng bèn cho người đem một vạn cân vàng sang Ngụy, tìm người khách của Tần Bỉ, khiến y gièm công tử với Ngụy Vương rằng: «Công tử trốn ra nước ngoài đã mười năm, nay làm tướng nước Ngụy, chư hầu đều theo. Chư hầu chỉ nghe nói Ngụy công tử không nghe nói đến vua Ngụy. Công tử nhân lúc này muốn quay mặt về hướng nam làm vua. Chư hầu sợ uy công tử cũng muốn cùng nhau lập công tử».

Nước Tần mấy lần sai phản gián, giả vờ mừng công tử được lập làm Ngụy Vương. Ngụy Vương ngày nào cũng nghe lời gièm pha không thể không tin, về sau, quả nhiên sai người thay công tử làm tướng.

Công tử tự biết mình lại vì gièm pha mà bị phế truất, bèn cáo bệnh không ra chầu, cùng tân khách uống rượu suốt đêm, lại gần đàn bà. Ngày đêm vui chơi, bốn năm sau, cuối cùng mắc bệnh vì rượu mà chết. Năm ấy An Ly Vương nước Ngụy cũng mất. Tần nghe tin công tử đã chết, bèn sai Mộng Ngao đánh Ngụy lấy hai mươi thành, bắt đầu đặt Đông Quận. Sau đó Tần dần dần nuốt Ngụy như tằm ăn lá dâu, được mười tám năm thì bắt Ngụy Vương, làm cỏ dân thành Đại Lương.

Lúc Hán Cao Tổ còn nhỏ, thường nghe nói công tử là người hiền, đến khi lên ngôi vua, mỗi lần đi qua thành Đại Lương, Cao Tổ thường tế công tử. Năm thứ mười hai đời Cao Tổ (195 trước công nguyên), sau khi đánh Kinh Bố trở về, nhà vua cho đặt năm nhà để giữ mồ mả tế công tử, đời đời hàng năm bốn mùa tế tự công tử (1).

4. Thái Sử Công nói :

— Tôi qua thành Đại Lương cũ, tìm hỏi nơi mà người ta gọi là Di Môn. Di Môn là cửa phía đông thành. Các công tử trong thiên hạ cũng có người yêu kẻ sĩ, nhưng Tín Lăng Quân tiếp người ẩn sĩ ở nơi núi khuất hang cùng, không thẹn trong việc giao thiệp với người dưới, điều đó cũng ít có. Danh tiếng nhất chư hầu không phải là hư danh vậy. Cao Tổ mỗi lần qua đấy, khiến dân phụng thờ không dứt.

1. Đoạn 3 : Hành trạng của Ngụy công tử khi ở Triệu và việc công tử cứu Ngụy.

PHẠM THƯ, THÁI TRẠCH LIỆT TRUYỆN

1. PHẠM THƯ là người nước Ngụy, tên tự là Thúc. Phạm Thư đi du thuyết ở các nước chư hầu, ý muốn giúp việc cho vua Ngụy, nhưng vì nhà nghèo, không có gì để làm vốn, trước tiên phải giúp việc cho trung đại phu nước Ngụy. Tu Giả vâng lệnh Ngụy Chiêu Vương đi sứ sang Tề, Phạm Thư đi theo. Hai người ở lại mấy tháng không có kết quả. Vua Tề Tương Vương nghe nói Thư có tài biện luận, bèn sai người biếu Thư mười cân vàng cùng với thịt bò và rượu. Thư từ chối không dám nhận. Tu Giả biết điều đó, giận lắm, cho rằng Thư được những tặng phẩm ấy là vì đã đem những điều bí mật của nước Ngụy ra nói với nước Tề nên sai Thư nhận thịt bò và rượu, còn trả vàng lại. Sau khi trở về nước, Giả giận Thư cho nên nói với tướng quốc nước Ngụy là Ngụy Tề, một trong những công tử của nước Ngụy. Ngụy Tề cả giận, sai môn hạ lấy roi đánh Thư. Đánh gãy xương sườn, rụng răng, Thư giả vờ chết, bị người ta lấy chiếu bó lại vứt vào trong nhà xí. Khách khứa uống rượu say thi nhau đái lên người Thư, cốt làm nhục Thư để răn những người sau đừng nói bừa bãi.

Thư nằm trong chiếu nói với người giữ nhà xí :

— Nếu ông có thể đưa tôi ra thì thế nào tôi cũng xin hậu tạ.

Người giữ nhà xí mới xin đem con người chết ở trong chiếu vứt ra ngoài.

Ngụy Tề đang say nói :

— Được.

Phạm Thư nhờ vậy được thoát. Về sau Ngụy Tề hối hận, lại sai người tìm bắt. Người nước Ngụy là Trịnh An Bình nghe tin ấy bèn mang Phạm Thư đi trốn. Thư ẩn nấp, đổi tên họ là Trương Lộc.

Lúc bấy giờ, Tần Chiêu Vương sai người yết giả là Vương Kê sang Ngụy, Trịnh An Bình giả làm lính, hầu hạ Vương Kê.

Vương Kê hỏi :

— Nước Ngụy có người nào giỏi có thể cùng ta đi về phía tây được không ?

Trịnh An Bình nói :

— Trong làng của tôi có ông Trương Lộc muốn yết kiến ngài để bàn việc thiên hạ. Ông ta bị người ta thù không dám gặp mặt ngài ban ngày.

Vương Kê nói :

— Đến đêm ngươi cùng ông ta đến.

Đang đêm Trịnh An Bình cùng Trương Lộc đến yết kiến Vương Kê.

Nói chưa hết buổi, Vương Kê đã biết ngay Phạm Thư là người giỏi, bèn bảo :

— Tiên sinh đợi tôi ở phía nam gò Tam Đình.

Hai người cùng hẹn hò riêng với nhau rồi chia tay.

Vương Kê từ giã nước Ngụy ra đi, qua nơi đã hẹn, mang Phạm Thư lên xe chở vào nước Tần. Khi đi đến Hồ Quan, nhìn xa thấy xe và quân kỵ ở phía tây đi lại.

Phạm Thư hỏi :

— Người đến là ai thế ?

Vương Kê nói :

— Đó là Nhương Hầu, thừa tướng nước Tần đang đi phía đông kinh lý các huyện các ấp.

Phạm Thư nói :

— Tôi nghe nói Nhương Hầu chuyên quyền ở nước Tần, ghét việc đưa những người khách ở các nước chư hầu vào Tần, tôi sợ ông ta làm nhục tôi, tôi hãy tạm trốn trong xe.

Một lát sau Nhương Hầu quả nhiên đến ủy lạo Vương Kê, nhân tiện dừng xe hỏi :

— Ở Quan Đông có tin gì mới không ?

Vương Kê nói :

— Không có tin gì.

Nhương Hầu lại nói với Vương Kê :

— Ông yết giả có đem người khách nào ở chư hầu cùng về đó không ? Đem về vô ích, chỉ tổ làm cho nước nhà rối loạn mà thôi.

Vương Kê nói :

— Không dám ạ.

Rồi từ biệt ra đi.

Phạm Thư nói :

— Tôi nghe nói Nhương Hầu là người lắm mưu trí, nhưng thấy việc thì chậm. Lúc nãy ông ta nghi trong xe có người nhưng quên lục soát.

Vì vậy, Phạm Thư xin xuống xe để chạy, nói :

— Thế nào ông ta cũng sẽ hối hận về việc này (1).

Đi được hơn mười dặm, quả nhiên Nhương Hầu sai quân kỵ quay lại lục trong xe. Khi không thấy có khách họ mới thôi. Vương Kê cùng Phạm Thư vào Hàm Dương.

---

1. Câu này chuẩn bị cho những việc sau này Phạm Thư sẽ làm đối với Nhương Hầu.

Sau khi báo công việc đi sứ xong, Vương Kê nhân tiện nói :

— Nước Ngụy có ông Trương Lộc là một tay biện sĩ trong thiên hạ. Ông ta nói : « Nước Tần nguy như trứng để đầu đẳng (1). Nếu được ông ta thì sẽ yên ổn. Nhưng điều đó không thể truyền đạt bằng thư từ ». Cho nên thần chở ông ta lên xe về.

Vua Tần không tin, sai cho ở tại nhà khách, ăn cơm rau, chờ đợi hơn một năm.

Lúc bấy giờ vua Chiêu Vương đã làm vua được ba mươi sáu năm. Phía nam nước Tần đã lấy đất Yên, đất Sính của nước Sở. Sở Hoài Vương bị giữ lại và chết ở đất Tần. Quân Tần phía đông đánh phá nước Tề, Dẫn Vương đã có lần xưng đế, sau đó lại thôi (2). Tần mấy lần làm cho đất Tam Tấn nguy khốn, chán ghét những kẻ biện sĩ trong thiên hạ, không tin dùng ai.

2. Hoa Dương Quân Nhương Hầu là em trai của Tuyên Thái Hậu, mẹ của Chiêu Vương, Kinh Dương Quân và Cao Lăng Quân đều là em cùng mẹ của Chiêu Vương. Nhương Hầu làm thừa tướng, ba người thay nhau làm tướng quân đều có đất phong. Nhờ thế lực của thái hậu, nên nhà riêng của họ giầu có hơn cả nhà vua. Đến khi Nhương Hầu làm tướng quân nước Tần, ông ta lại muốn vượt qua nước Hàn và nước Ngụy để đánh ấp Cương Thọ của nước Tề, ý ông ta muốn mở rộng đất phong

1. Câu này cũng là một cái thuật "thăm dò", mục đích kích thích sự chú ý của nhà vua.

2. Năm 246 trước công nguyên, vua Tần tự lập làm Tây Đế, sai sứ khuyên Tề Dẫn Vương tự lập làm Đông Đế. Vua Tề tự xưng là Đông Đế được hai tháng rồi thôi. Sau đó vua Tần lại xưng vương như cũ.

của mình là đất Đào. Phạm Thư bèn dâng thư lên nhà vua nói (1) :

« Thần nghe nói khi nào vua sáng trị vì thì người có công được thưởng, người có tài được làm quan ; người khó nhọc nhiều được hưởng lộc hậu, người có công nhiều được tước cao, người nào biết cai trị dân chúng thì chức quan lớn. Cho nên những kẻ không có tài, không dám giữ chức, những kẻ có tài năng cũng không dám trốn tránh ở ẩn. Nếu nhà vua cho lời nói của thần là đúng thì xin nhà vua đem ra thi hành để càng làm sáng tỏ cái đạo ấy. Nếu nhà vua cho lời nói của thần là không đúng thì giữ thần mãi ở đây cũng không có ích gì. Tục ngữ có câu : « Vị vua tầm thường thì thưởng người mình yêu mà phạt người mình ghét. Vị vua sáng thì không thế. Khi thưởng thì nhất định thưởng cho người có công ; khi phạt thì nhất định phạt kẻ có tội. Nay bụng của thần không đáng chịu đao kiếm, lưng của thần không đáng chịu búa rìu, thần dám đâu đem những việc không chắc chắn để chịu hình phạt của bệ hạ (2) ! Dù cho thần là người thấp hèn nên bị bệ hạ coi thường làm nhục đi nữa, lẽ nào bệ hạ lại không trọng con người dung nạp thần đã nói đi nói lại với bệ hạ hay sao ? Vả chăng thần nghe nói nhà Chu có ngọc « Chỉ Ách », nước Tống có ngọc « Kết Lục », nước Sở có ngọc « Biện Hòa », nước Lương có ngọc « Huyền Lê ». Bốn vật quý ấy do đất đai sinh ra, bị người thợ khéo bỏ rơi nhưng vẫn là đồ quý giá của thiên hạ ; nhưng con người

1. Đoạn này nêu một cách điển hình những mánh khóe của một người du thuyết để làm cho nhà vua nghe theo ý của mình.

2. Ý nói điều tôi nói ra là điều chắc chắn đúng, tôi đâu dám đem cái trò du thuyết vu vơ ra để chịu hình phạt.

bị vua thánh vứt bỏ, lẽ nào lại không đủ để giúp ích cho nước nhà hay sao (1) ?

Thần nghe nói kẻ khéo làm lợi cho nhà thì thu lấy cả cái lợi ở nước (2), người khéo làm lợi cho nước thì lấy cái lợi ở chư hầu (3). Thiên hạ có vị vua sáng thì chư hầu không thể chiếm được cái lợi. Tại sao ? Vì nhà vua tước mất cái vinh của họ đem về cho mình. Người thầy thuốc giỏi biết được người bệnh sống hay chết, vị vua thánh thấy rõ việc thành hay bại ; có lợi thì làm, có hại thì bỏ, nghi ngờ thì thử một ít xem sao ? Tuy vua Vũ, vua Thuấn sống lại cũng không thể thay đổi được cái phép tắc ấy. Lời nói sâu xa thì thần không dám viết vào giấy (4) ; lời nói nông cạn thì nhà vua không cần phải nghe. Phải chăng đó là vì thần ngu không hợp với ý muốn nhà vua, hay là con người tiến cử thần ở địa vị thấp hèn nên lời nói không đáng dùng! Nếu như không phải như vậy, thì thần xin nhà vua cho phép có lúc nào rảnh được ngước nhìn nhan sắc, nói một lời không có công hiệu, thần xin chịu tội búa rìu ».

Vua Tần Chiêu Vương cả mừng, xin lỗi Vương Kế, sai người lấy xe đưa Phạm Thư vào.

Phạm Thư bấy giờ mới được vào yết kiến nhà vua ở Ly Cung. Phạm Thư giả vờ không biết cung nhà vua

1. Phạm Thư ám chỉ mình, tự cho mình như viên ngọc quý nhưng chưa được người thợ giỏi biết đến.

2. Ám chỉ Nhương Hầu vơ vét của cải trong nước để làm giàu cho mình.

3. Ám chỉ Nhương Hầu không nghĩ đến quyền lợi của nước nên không dung nạp những người du thuyết ở các nước chư hầu như Phạm Thư.

4. Đặc điểm lối nói của hạng du thuyết là không đi ngay vào đề mà bắt đầu bằng những câu bóng gió.

cứ bước vào trong. Nhà vua đến, bọn hoạn quan giận đuổi Thư, nói :

— Nhà vua đến đấy !

Phạm Thư giả vờ không biết, nói :

— Nước Tần làm gì có vua ! Nước Tần chỉ có thái hậu và Nhương Hầu mà thôi (1).

Ý Phạm Thư muốn khích cho nhà vua giận. Chiêu Vương đến, nghe lời của Phạm Thư cãi nhau với viên hoạn quan, liền đến đón tiếp, xin lỗi mà nói ;

— Đáng lý quả nhân phải thân hành lĩnh giáo ngài đã lâu. Nhưng vì có việc Nghĩa Cừ (2) gấp, quả nhân ngày đêm thân hành thỉnh giáo thái hậu. Nay việc Nghĩa Cừ đã xong, quả nhân mới được thỉnh giáo, thực quả nhân trộm biết mình hồ đồ mờ tối.

Nhà vua cung kính theo lễ khách chủ, Phạm Thư nhún nhường. Hôm ấy thấy Phạm Thư yết kiến nhà vua, tất cả các quan không ai không rùng mình biến sắc mặt, thay đổi thái độ.

Vua Tần đuổi tả hữu ra ngoài. Trong cung không có ai. Vua Tần quỳ xuống, cầu khẩn :

— Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân ?

Phạm Thư nói :

— Dạ, dạ.

Một lát sau, vua Tần lại quỳ xuống nói :

— Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân ?

1. Thiên này rất thành công trong việc miêu tả những mánh khóe của bọn du thuyết. Sau khi làm nhà vua chú ý đến mình, Phạm Thư dùng lối nói khích để bắt nhà vua thấy xấu hổ.

2. Vua của bộ lạc Nghĩa Cừ và Tuyên Thái Hậu gian díu với nhau sinh hai con. Tuyên Thái Hậu lừa giết vua Nghĩa Cừ ở CamTuyền rồi sau đem binh tiêu diệt Nghĩa Cừ. Câu nói này chứng tỏ nhà vua cũng cho lời nói của Phạm Thư là đúng.

Phạm Thư nói :

— Dạ, dạ (1).

Như thế ba lần. Vua Tần quỳ xuống nói :

— Thế là tiên sinh cuối cùng vẫn không làm ơn dạy bảo quả nhân sao ?

Phạm Thư nói ;

— Thần đâu dám thế. Thần nghe nói ngày xưa khi Lữ Thượng (2) gặp Văn Vương, thì Lữ Thượng chỉ là người câu cá ở bến sông Vị mà thôi. Như thế tức là quen biết sơ. Sau khi nói xong, Văn Vương lập Lữ Thượng làm thái sư, chở lên xe cùng về. Đó là vì lời nói của ông ta sâu sắc (3). Cho nên Văn Vương nhờ có Lữ Thượng mà lập được công, cuối cùng làm vương cả thiên hạ. Trước đây giả sử Văn Vương coi Lữ Thượng là người xa lạ, không cùng nói những lời sâu sắc, thì nhà Chu đã không có cái đức làm thiên tử, và Văn Vương, Vũ Vương không nhờ ai để lập nên nghiệp vương. Ngày nay thần là một người tôi ở trọ (4), với nhà vua là kẻ sơ giao, nhưng việc thần muốn trình bày lại là những việc giúp đỡ nhà vua, đụng chạm đến nơi cốt nhục của người ta (5), thần muốn đem tấm lòng trung ngu dại của mình để tâu lên nhưng chưa biết lòng vua như thế nào. Vì vậy cho nên nhà vua hỏi ba lần mà thần vẫn không dám đáp. Không phải thần có điều lo sợ nên không dám nói đâu. Thần biết rằng hôm nay được nói trước mặt nhà vua, rồi ngày mai sẽ bị chết, nhưng thần cũng không dám từ chối (1). Nếu đại vương quả thực tin dùng lời nói của thần thì đối với thần, cái chết không phải là điều đáng lo, việc trốn tránh không đáng làm cho thần sợ, việc sơn mình làm người hủi, bện tóc làm người điên, cũng không đủ làm cho thần xấu hổ (2). Vả chăng Ngũ Đế là những người thánh mà chết; Tam Vương là những người nhân mà chết ; Ngũ Bá là những người hiền mà chết ; Ô Hoạch, Nhiệm Bỉ là những người khỏe mà chết ; Thành Kinh, Mạnh Bôn, Vương Khánh Kỵ, Hạ Dục là những người dũng cảm mà chết. Cái chết là điều người ta không ai tránh khỏi. Gặp cái thế tất nhiên, nếu có làm được điều gì có thể bổ ích cho nước Tần một chút thì đó là điều thần rất mong muốn vậy, thần có sợ gì đâu ! Ngũ Tử Tư bị bỏ vào đẫy đem ra khỏi cửa Chiêu Quan, ban đêm đi, ban ngày thì nấp, đến đất Lăng Thủy không có gì nuôi miệng, bèn quỳ bằng đầu gối, bò lết, cúi đầu lạy, ở trần, vỗ bụng, thổi sáo, ăn xin ở chợ Ngô, cuối cùng làm cho nước Ngô hưng khởi, Hạp Lư thành bá. Nếu như thần được trình

1. Làm cho nhà vua lo lắng, chắc việc sắp nói sẽ quan trọng. Cách miêu tả của Tư Mã Thiên sinh động như một tấn kịch. Riêng cử chỉ này của Phạm Thư cũng xứng đáng với lời khen của Tư Mã Thiên : " Biện sĩ giỏi nhất một thời ".

2. Lữ Thượng còn gọi là Lã Vọng. Trong những hòn non bộ ở ta thường có ông Lã Vọng ngồi câu cá.

3. Then chốt của đoạn này là mấy chữ " quen biết thì sơ nhưng lời nói thì sâu " cho nên đành phải dè dặt. Ở đây đồng thời ngụ ý tự cho mình là Lã Vọng, lại hy vọng nhà vua sẽ là Văn Vương, tức là có ý tâng bốc nhà vua.

4. Ý nói mình không gắn bó gì với nhà vua.

5. Nói bóng đến việc Nhương Hầu và Tuyên Thái Hậu.

1. Đoạn này dài, hoàn toàn không liên quan đến điều trình bày nhưng rất quan trọng để chuẩn bị trước cho nhà vua nghe theo ý của mình. Chú ý Phạm Thư nhắc đến chỗ " chết " mười một lần, chỗ "không sợ " bốn lần, cốt làm cho nhà vua nóng ruột, bị thuyết phục hoàn toàn trước khi nghe. (Xem bài " Thuyết nan " trong *Thân, Hàn truyện*).

2. Lại đưa ra một trường hợp cực đoan, trái với trường hợp Văn Vương để kích thích nhà vua. Vua Trụ hôn ám, Tỷ Can can bị giết. Cơ Tử giả làm điên.

bày tất cả mưu kế của mình như Ngũ Tử Tư, thì dù phải suốt đời không được gặp lại nhà vua, nhưng cái thuyết của thần được thi hành, thì thần có gì là lo sợ! Cơ Tử, Tiếp Dư sơn mình làm người hủi, bện tóc làm người điên, nhưng vô ích đối với nhà vua. Nếu như thần được xếp cùng một hàng với Cơ Tử nhưng lại có điều bổ ích cho vị vua mình cho là người hiền, thì đó thực là một vinh dự lớn của thần. Thần có xấu hổ gì đâu? Điều thần sợ là chỉ sợ rằng sau khi thần chết, thiên hạ thấy thần tận trung mà chết, vì vậy cho nên khóa miệng, bó chân không ai dám hướng về nước Tần mà thôi. Bệ hạ ở trên thì sợ thái hậu nghiêm khắc, ở dưới bị bọn gian thần lừa dối, ngồi ở trong thâm cung chưa hề rời khỏi tay người nâng niu, suốt đời bị mê hoặc, không có ai nêu rõ gian tà. Tai họa này nếu lớn thì tôn miếu bị tiêu diệt, nếu nhỏ thì bản thân mình cô độc hiểm nguy, đó là điều thần sợ (1). Còn như việc cùng khổ, sỉ nhục, chết chóc thì thần đâu dám sợ. Nếu thần chết mà nước Tần được thịnh trị thì còn hơn là sống.

Vua Tần quỳ xuống nói:

— Sao tiên sinh nói thế! Nước Tần ở nơi xa xôi hẻo lánh, quả nhân ngu dại, tiên sinh đã hạ cố đến đây, đó là trời kia đưa quả nhân đến làm phiền tiên sinh để bảo tồn tôn miếu của tiên vương vậy. Quả nhân được nghe lời chỉ giáo của tiên sinh, đó là trời thương đến tiên vương mà không vứt bỏ đứa con côi cút. Tiên sinh có việc gì mà lại nói như vậy? Bất kỳ việc lớn việc nhỏ, trên từ thái hậu, dưới đến các quan đại thần,

1. Đe dọa và khích vua Tần tức giận.

xin tiên sinh chỉ giáo hết cho quả nhân, chứ đừng nghi ngờ quả nhân (1).

Phạm Thư lạy mà vua Tần cũng lạy. Phạm Thư nói:

— Nước của đại vương bốn phía có biên giới vững vàng: phía bắc có núi Cam Tuyền, cửa ải Cốc Khẩu, phía nam có dãy sông Kinh, sông Vị, bên phải có đất Lũng Tây, đất Thục, bên trái có cửa ải Hàm Cốc, núi Hào, quân đội thiện chiến có trăm vạn, xe trận có ngàn cỗ, gặp lợi thì xông ra đánh, bất lợi thì rút vào cố thủ. Đó là đất của bậc vương giả vậy! Dân khiếp sợ việc đánh nhau riêng, nhưng dũng cảm trong việc chiến đấu cho nước nhà, đó là dân của bậc vương giả. Nhà vua nắm được cả hai cái đó (2). Còn việc lấy quân đội Tần dũng mãnh, xe ngựa đông đúc để khống chế chư hầu thì cũng dễ như xua chó Lô của nước Hàn (3) đuổi đánh con thỏ què vậy. Cơ nghiệp bá vương có thể làm được nhưng vì các quan không ai xứng chức vị của mình, cho nên đóng cửa ải đến nay đã mười lăm năm, không dám đem binh lực đánh các nước ở Sơn Đông. Sở dĩ như vậy là vì Nhương Hầu không trung thành với việc mưu lợi ích cho nước Tần và kế của đại vương có chỗ sai lầm vậy.

Vua Tần quỳ xuống nói:

— Quả nhân xin nghe xem kế của quả nhân sai lầm như thế nào?

Thấy xung quanh có nhiều người nghe trộm, Phạm Thư sợ không dám nói việc trong nhà, chỉ nói việc ngoài

1. Mánh khóe này làm cho vua Tần từ địa vị một ông vua chuyển sang địa vị một người cầu khẩn. Trái lại, Phạm Thư đã từ địa vị một người cầu khẩn sang địa vị một ân nhân. Việc chuẩn bị tâm lý mà thuật du thuyết đòi hỏi đã đạt được bước đầu.

2. Hai cái là địa lợi, nhân hòa.

3. Tên một con chó khỏe.

trước để dò xem ý của nhà vua như thế nào (1). Phạm Thư bèn nói :

— Nhương Hầu muốn vượt qua nước Hàn, nước Ngụy để đánh đất Cương Thọ của nước Tề, đó không phải là kế hay. Nếu đem ít quân thì không đủ để làm tổn thương nước Tề, đem nhiều quân thì hại đến nước Tần. Theo như ý của thần thì kế của nhà vua là mình đem ít quân, nhưng lại bắt nước Hàn nước Ngụy dốc hết binh lực của họ để đánh Tề. Điều đó thật vô lý. Nay nếu ta đã thấy nước theo mình không thân với mình mà lại vượt qua nước người ta để đánh nước khác, thì hỏi có được hay không ? Mưu kế như vậy là sơ hở đấy. Vả chăng ngày xưa vua Dẫn Vương nước Tề, phía nam đánh Sở, phá quân diệt tướng, hai lần mở mang đất đai ngàn dặm, nhưng rốt cuộc nước Tề vẫn không lấy được một tấc đất nào. Điều đó đâu phải là vì vua Tề không muốn lấy đất, nhưng chỉ vì tình thế không cho phép làm như vậy. Chư hầu thấy nước Tề mỏi mệt, vua tôi không hòa, đem quân đánh tan quân Tề. Tướng sĩ bị nhục, binh lính bị khốn đốn, đều đổ lỗi cho nhà vua, nói : « Ai bày ra kế này đây ? ». Nhà vua nói : « Văn Tử (2) đấy ». Đại thần làm loạn, Văn Tử chạy ra nước ngoài. Cho nên nước Tề sở dĩ thua to là vì nó đánh Sở, làm cho nước Hàn, nước Ngụy được béo. Cách đó gọi là « trao binh khí cho giặc, đem lương thực cho kẻ cướp vậy ». Chi bằng nhà vua cứ giao hiếu với nước ở

1. Để chứng minh mưu kế đem quân Tần vượt qua Hàn, Ngụy để đánh Tề là sai, Phạm Thư dẫn trường hợp của Tề. Năm 285 trước công nguyên, Tề đem quân đi xa đánh Sở. Vua sai Nhạc Nghị thống lĩnh quân các nước Yên, Triệu, Ngụy đánh Tề thua to (xem *Nhạc Nghị liệt truyện*). Phạm Thư kết luận bằng một tục ngữ.

2 Văn Tử tức là Mạnh Thường Quân.

xa mà đánh nước ở gần ; được tấc đất nào là tấc đất của nhà vua, được thước đất nào là thước đất của nhà vua. Nay nhà vua lại bỏ kế đó mà đánh nước ở xa, thế chẳng phải là sai hay sao ! Đấy, xưa kia nước Trung Sơn đất vuông năm trăm dặm mà bị một mình nước Triệu nuốt hết. Nước Triệu công thành danh toại, lại được thêm cái lợi nữa, thế mà thiên hạ không ai làm hại được nó (1). Nay các nước Hàn, Ngụy là những nước ở giữa, là nơi then chốt của thiên hạ. Nếu nhà vua muốn làm nghiệp bá thì thế nào cũng phải hòa thân với các nước ở giữa làm nơi then chốt cho thiên hạ để uy hiếp nước Sở, nước Triệu. Nếu nước Sở mạnh thì ta bênh vực nước Triệu ; nước Triệu mạnh thì ta bênh vực nước Sở. Cả hai nước Sở, Triệu cùng theo ta thì thế nào nước Tề cũng hoảng sợ. Nước Tề hoảng sợ thì thế nào cũng dùng lời lẽ khiêm tốn, đem nhiều của cải đến để thờ nước Tần. Một khi nước Tề đã theo ta thì có thể cầm tù được nước Hàn, nước Ngụy (2).

1. Đưa ra một dẫn chứng khác để bênh vực thuyết "giao hiếu với các nước ở xa mà đánh những nước ở gần". Nước Triệu một mình đã nuốt hết nước Trung Sơn to lớn mà chẳng ai làm được gì, vì Triệu ở gần Trung Sơn.

2. Then chốt của mưu kế Phạm Thư là lấy Hàn, Ngụy ở gần mà giao hiếu với Tề ở xa. Nhưng muốn lấy Hàn, Ngụy thì trước hết phải cô lập nó, cho nên đầu tiên phải giao hiếu với nó để nó thoát ly ảnh hưởng của các nước lớn Tề, Sở, Triệu. Sau đó phải làm sao cho Sở và Triệu phục tùng theo mình, không can thiệp vào việc đánh Hàn, Ngụy. Muốn vậy thì xui hai nước đánh nhau, giúp nước yếu đánh nước mạnh, làm cả hai nước đều kiệt quệ mà phải thần phục mình. Một khi Hàn, Ngụy, Triệu, Sở đã thần phục rồi thì nước Tề lúc bấy giờ tuy mạnh, nhưng ở vào thế cô, nên thế nào cũng phải giao hiếu với Tần, khi đã giao hiếu với các nước xa xôi rồi, việc lấy Hàn, Ngụy dễ như trở bàn tay.

Chiêu Vương nói :

— Ta muốn thân với nước Ngụy đã lâu, nhưng nước Ngụy là nước hay thay đổi luôn, quả nhân không thể hòa thân được, xin cho biết làm thế nào để hòa thân với Ngụy.

Phạm Thư đáp :

— Nhà vua dùng lời lẽ nhún nhường, đem nhiều của cải đến để phụng sự họ ; nếu không được thì cắt đất mình mà đút lót cho họ, nếu làm thế cũng không được thì phải đem binh mà đánh.

Nhà vua nói :

— Quả nhân xin vâng theo lời chỉ giáo.

Bèn cho Phạm Thư làm khách khanh (1), lo việc binh, cuối cùng nhà vua nghe theo mưu kế của Phạm Thư, sai ngũ đại phu và Uyển đánh Ngụy, lấy đất Hoài, hai năm sau đánh lấy đất Hình Khâu.

Khách khanh Phạm Thư lại nói với Chiêu Vương :

— Địa hình của nước Tần và nước Ngụy cài vào nhau như bức gấm thêu. Nước Tần có nước Hàn cũng như cây gỗ có mọt, như con người có bệnh ở trong tim trong ruột vậy. Trong thiên hạ không có biến thì thôi, chứ đã có biến thì chẳng nước nào làm cho Tần phải lo sợ bằng nước Hàn đâu ! Nhà vua thu phục Hàn là hơn cả.

Chiêu Vương nói :

— Ta từ lâu đã muốn thu phục nước Hàn, nhưng nước Hàn không nghe, vậy phải làm thế nào ?

Phạm Thư đáp :

— Nước Hàn không nghe sao được ! Nhà vua đem binh xuống đánh Huỳnh Dương thì con đường giao thông của đất Củng và đất Thành Cao bị tắc. Sau đó,

1. Chức quan ở trên cấp đại phu.

quay về phía bắc chặn đường Thái Hàng thì quân ở Thượng Đảng (1) không xuống được. Một khi nhà vua đem binh đánh Huỳnh Dương thì nước Hàn sẽ bị chia cắt làm ba khúc, nước Hàn thấy mình thế nào cũng mất, không nghe theo sao được ! Nếu như nước Hàn nghe theo thì có thể lo đến cơ nghiệp bá.

Nhà vua nói :

— Phải đấy.

Bèn sai sứ sang nước Hàn.

Phạm Thư ngày càng thân với nhà vua, được nhà vua tin dùng trong mấy năm. Phạm Thư bèn nói riêng với nhà vua (2) :

— Khi thần ở Sơn Đông, thần nghe ở nước Tề có Điền Văn chứ không có vua Tề, nghe Tần có thái hậu, có Nhương Hầu, Hoa Dương, Cao Lăng, Kinh Dương chứ không nghe nói có vua (3). Phàm có nắm được toàn quyền trong nước mới gọi là vua, có nắm được quyền sinh sát mới gọi là vua. Nay thái hậu tự tiện chuyên quyền không đếm xỉa đến nhà vua, Nhương Hầu cho sứ ra đi không báo với nhà vua, Hoa Dương, Kinh Dương xét xử người ta không nể nang ai hết, Cao Lăng muốn làm hay muốn thôi, không cần hỏi nhà vua. Nước có bốn hạng người cao quý ấy mà không nguy thì xưa nay chưa hề có vậy. Nếu người ta theo bốn hạng người

1. Thượng Đảng ở phía bắc đất Hàn. Chặn đường Thái Hàng thì quân Hàn ở phía bắc không xuống miền nam mà tiếp viện được.

2. Sau mấy năm mới đưa chủ ý ra bàn. Lúc bấy giờ Phạm Thư đã chuẩn bị đầy đủ cho nhà vua để nhà vua nghe theo mình.

3. Đưa ra một nhận xét kỳ quặc để nhân đó giải thích định nghĩa của khái niệm vua.

quy ấy thì có thể gọi không có nhà vua. Như thế thì uy quyền làm sao cho khỏi bị phá hoại, nhà vua làm sao còn có thể ban hành mệnh lệnh được nữa ! Thần nghe nói vị vua giỏi trị nước thì ở trong nước nắm chắc lấy cái uy thế của mình, ở ngoài nước coi trọng cái quyền lực của mình. Sứ giả của Nhương Hầu nắm lấy quyền lực của nhà vua, uy hiếp chư hầu, chặt phù với thiên hạ, đem quân đánh nước người, ai cũng phải nghe theo. Nếu Nhương Hầu đánh thắng, lấy được đất thì cái lợi lại quy về đất Đào, còn chư hầu thì chịu thiệt hại ; nếu Nhương Hầu đánh thua thì nhà vua kết oán với trăm họ, mà nước nhà lại phải chịu tai họa. Thơ có câu ; « Cây mà nhiều quả thì làm gãy ngành, ngành bị gãy thì hại đến gốc. Làm đồ thành lớn thì nguy cho nước, đề cao bầy tôi thì hạ thấp nhà vua » (1). Thôi Trữ Trác Xỉ cai trị nước Tề, bắn vào đùi nhà vua, rút gân nhà vua, treo nhà vua lên xà ở miếu, một ngày sau thì chết. Lý Đoái cai trị nước Triệu, giam Chủ Phụ (2) ở Sa Khâu được một trăm ngày thì Chủ Phụ chết đói. Nay thần nghe nói Tần Thái Hậu, Nhương Hầu chuyên quyền, Cao Lăng, Hoa Dương, Kinh Dương giúp cho họ, như thế kết quả là sẽ không còn vua Tần nữa, đó cũng là các loại Trác Xỉ, Lý Đoái vậy. Vả chăng, đời Tam Đại, sở dĩ mất nước là vì nhà vua cứ giao việc nước cho bầy tôi, tha hồ uống rượu, săn bắn, không lo việc chính sự. Những kẻ mà vua trao quyền bính là những kẻ ghen người hiền, ghét người có tài, đàn áp kẻ

1. Ý nói nếu chú trọng đến cái ngọn thì hại đến gốc.

2. Chủ Phụ tức là Vũ Linh Vương nước Triệu. Phạm Thư đưa ra hai thí dụ để chứng minh cái nguy của nhà vua, và tìm những thí dụ nổi bật làm nhà vua phải sợ.

dưới, che mắt người trên để làm việc riêng của mình. Họ không lo đến việc nhà vua, nhưng nhà vua không tỉnh ngộ, vì vậy cho nên mất nước. Nay từ người quan nhỏ nhất trở lên, cho đến những vị quan lớn, thậm chí cả những người hầu hạ xung quanh nhà vua, thông ai không phải là người của thừa tướng. Thần thấy nhà vua đứng một mình ở triều, thần trộm lo cho nhà vua, vạn thế sau này người làm vua nước Tần, sẽ không phải là con cháu nhà vua nữa (1).

Chiêu Vương nghe vậy, hoảng sợ, nói :

— Phải đấy.

Bèn phế truất thái hậu, đuổi Nhương Hầu, Cao Lăng, Hoa Dương, Kinh Dương ra ngoài cửa ải. Vua Tần bèn cho Phạm Thư làm thừa tướng. Vua Tần thu ấn của Nhương Hầu, sai Nhương Hầu trở về đất Đào, nhân đó sai các quan cấp cho xe bò để chuyên chở đồ đạc. Đồ đạc chở hơn một ngàn cỗ xe ! Khi đến cửa ải, người giữ cửa ải xét lại những đồ quý báu thì thấy những đồ của cải quý báu nhiều hơn cả cung vua. Vua Tần phong cho Phạm Thư đất Ứng, hiệu là Ứng Hầu. Bấy giờ là năm thứ 41 đời Tần Chiêu Vương (2).

3. Sau khi Phạm Thư làm thừa tướng nước Tần, nước Tần gọi ông ta là Trương Lộc. Nước Ngụy không biết, cho là Phạm Thư chết đã lâu. Nước Ngụy nghe nói nước Tần sắp đem quân sang đông đánh các nước

1. Câu này cắt nghĩa lời nói của Phạm Thư : " Nước Tần nguy như trứng để đầu đẳng ", và thái độ dè dặt của Thư khi gặp Chiêu Vương.

2. 266 trước công nguyên. Đoạn 2 : Phạm Thư dụ thuyết vua Tần làm đến chức thừa tướng.

Hàn, Ngụy, nên sai Tu Giả đến nước Tần. Phạm Thư nghe vậy, cải trang, mặc áo quần lam lũ, đi bộ lẻn đến nhà khách, yết kiến Tu Giả. Tu Giả thấy Thư liền kinh ngạc hỏi:

— Phạm Thúc vẫn không can gì sao?

Phạm Thư đáp:

— Phải.

Tu Giả cười nói:

— Phạm Thúc đến làm thuyết khách ở nước Tần phải không?

— Thưa không ạ. Trước đấy Thư có tội với tướng quốc nước Ngụy, cho nên bỏ trốn đến đây, đâu dám làm thuyết khách.

— Nay ông Thúc làm việc gì?

Phạm Thư nói:

— Tôi làm thuê cho người ta.

Tu Giả trong bụng thương hại, giữ lại, cùng ngồi ăn cơm, nói:

— Phạm Thúc nghèo khổ đến thế sao?

Bèn lấy một cái áo bào thêu cho Phạm Thư. Nhân đấy, Tu Giả hỏi:

— Anh có biết thừa tướng nước Tần là Trương Quân không? Tôi nghe nói ông ta được nhà vua yêu quý, việc trong thiên hạ đều do thừa tướng quyết định. Công việc của tôi bây giờ thành công hay thất bại đều tùy ở Trương Quân cả. Này anh! Anh có ai bạn bè quen biết quan thừa tướng không?

Phạm Thư nói:

— Ông chủ của tôi quen biết ông ta, nên tôi cũng có thể vào bái yết. Thư này xin giúp ông để cho ông yết kiến Trương Quân.

Tu Giả nói:

— Con ngựa của ta mắc bệnh, trục xe gãy, không có xe tứ mã lớn, nên ta không đi ra.

Phạm Thư nói:

— Tôi sẽ nói với ông chủ của tôi mượn cho ông cái xe tứ mã lớn.

Phạm Thư về lấy xe tứ mã đưa cho Tu Giả và đánh xe cho Tu Giả vào phủ thừa tướng nước Tần. Người trong phủ nhận ra Phạm Thư, ai nấy đều ẩn nấp trốn tránh. Tu Giả lấy làm lạ. Khi đến cửa nhà thừa tướng, Phạm Thư nói với Tu Giả:

— Ông hãy đợi tôi một lát, tôi xin vào trước để báo với thừa tướng.

Tu Giả đợi ở ngoài cửa, dừng xe hồi lâu, hỏi người môn hạ:

— Ông Phạm Thúc không ra là tại làm sao?

Người môn hạ nói:

— Không có ai là Phạm Thúc cả.

Tu Giả nói:

— Lúc nãy ông ta cùng tôi đi xe vào đấy mà.

— Đó là quan thừa tướng của chúng tôi đấy.

Tu Giả cả kinh biết rằng mình bị lừa, bèn cởi trần đi bằng đầu gối rồi nhờ người môn hạ vào xin tha tội. Bấy giờ Phạm Thư bày màn trướng nghiêm chỉnh, kẻ hầu người hạ rất đông để tiếp kiến. Tu Giả cúi đầu nói:

— Tội tôi đáng chết. Giả tôi không ngờ ngài có thể tự mình lên đến tận mây xanh. Từ nay Giả không dám đọc sách thiên hạ, bàn việc thiên hạ nữa. Giả có cái tội phải bỏ vào vạc nước sôi, cúi xin ngài đuổi đến nơi

man rợ, ngài cho sống thì được sống, ngài bắt chết thì xin chịu chết (1).

Phạm Thư nói:

— Nhà ngươi có mấy tội?

— Nhổ hết tóc của Giả để tính tội của Giả cũng còn chưa đủ.

Phạm Thư nói:

— Nhà ngươi chỉ có ba tội mà thôi. Trước đây thời Sở Chiêu Vương, Thân Bao Tư vì nước Sở mà đuổi quân Ngô, vua Sở phong cho ông ta đất Kinh năm nghìn hộ, Bao Tư từ chối không nhận vì mồ mả của ông cha đều ở đất Kinh (2). Nay mồ mả cha ông của Thư này cũng đều ở đất Ngụy, nhà ngươi trước đây cho rằng Thư này có ngoại tâm đối với Tề, gièm pha Thư với Ngụy Tề, đó là một tội. Lúc Ngụy Tề làm nhục ta ở trong nhà xí, nhà ngươi không ngăn cản, đó là hai tội. Đến khi uống rượu say lại đái vào ta, sao mà nhà ngươi nhẫn tâm đến thế! Đó là ba tội. Nhưng sở dĩ nhà ngươi được khỏi chết, là vì còn thương hại ta, tặng cái áo bào, tức là còn có tình nghĩa với người cũ, cho nên ta tha cho nhà ngươi.

Phạm Thư bèn tha tội và đuổi Tu Giả ra, vào nói với Chiêu Vương tha cho Tu Giả trở về.

Tu Giả từ giã Phạm Thư. Phạm Thư mở tiệc lớn, mời tất cả sứ thần các nước chư hầu ngồi trên nhà ăn uống rất sang, rất hậu. Trái lại, Tu Giả phải ngồi ở

1. Qua lời nói này ta thấy rõ uy lực của Tần đối với chư hầu lúc bấy giờ như thế nào

2. Bao Tư từ chối cho rằng sở dĩ mình cứu nước Sở là vì mồ mả của mình ở Kinh thuộc đất Sở, như vậy là vì mình mà làm chứ không phải vì nước Sở (Xem *Ngũ Tử Tư liệt truyện*).

dưới thềm. Phạm Thư sai đặt một cái máng cho ngựa ăn trước mặt, sai hai người tội nhân bị chạm vào mặt y cho ăn như người ta cho ngựa ăn vậy. Phạm Thư mắng:

— Nhà ngươi nói với vua Ngụy hộ ta rằng khá mau mau xách đầu Ngụy Tề đến đây! Nếu không, ta sẽ làm cỏ thành Đại Lương.

Tu Giả về báo với Ngụy Tề. Ngụy Tề sợ trốn chạy đến nước Triệu ở nhà Bình Nguyên Quân.

Sau khi Phạm Thư đã làm tướng, Vương Kê nói với Phạm Thư:

— Có ba việc không thể biết, có ba việc không biết làm thế nào. Xe cung một sớm ra muộn, đó là điều thứ nhất không thể biết (1). Ngài bỗng nhiên bỏ quán xá đi là điều thứ hai không thể biết (2), tôi bỗng nhiên bị vất ra ngoài ngòi rãnh (3), đó là điều thứ ba không thể biết. Nếu xe vua một sớm ra muộn thì ngài tuy giận tôi, cũng không biết làm thế nào. Nếu ngài đột nhiên rời bỏ quán xá, thì ngài tuy giận tôi (4), cũng không biết làm thế nào. Nếu tôi đột nhiên bị ném ra ngoài ngòi rảnh thì ngài tuy có giận tôi, cũng không biết làm thế nào.

Phạm Thư không vui vào nói với nhà vua:

— Nếu không có Vương Kê trung thành thì không ai có thể đưa thần vào cửa ải Hàm Cốc, nếu nhà vua không phải bậc hiền thánh thì không có ai có thể làm cho thần được vinh hiển. Nay thần làm quan đến thừa tướng, ước đến bậc hầu, mà Vương Kê chỉ đến chức yết giả, đó không phải là ý của ông ta khi đưa thần vào cửa ải

1. Ý nói một ngày kia nhà vua chết.
2. Ý nói Phạm Thư chết.
3. Ý nói tôi bị tội chết.
4. Dùng lối phản ngữ, ý nói yêu tôi.

Chiêu Vương gọi Vương Kê đến, cho làm thái thú Hà Đông, ba năm không báo lên nhà vua về việc cai trị ở đấy (1). Thư lại tiến cử Trịnh An Bình. Chiêu Vương cho Trịnh An Bình làm tướng quân. Phạm Thư bèn phân tán tài sản trong nhà đem tất cả ra báo ơn những người đã giúp mình trong cảnh khốn khổ. Người mình chịu ơn một bữa ăn cũng báo ; người ta trợn mắt với mình một cái cũng trả thù.

Phạm Thư làm thừa tướng nước Tần được hai năm. Năm thứ 42 đời Tần Chiêu Vương (265 trước công nguyên), Phạm Thư sang đông đánh Hàn, lấy đất Thiểu Khúc, Cao Bình. Tần Chiêu Vương nghe nói Ngụy Tề ở Bình Nguyên Quân, muốn báo thù cho Phạm Thư, bèn giả vờ viết một bức thư dùng lời lẽ khôn khéo đưa cho Bình Nguyên Quân, nói :

— « Quả nhân nghe nói ngài cao nghĩa muốn cùng ngài làm bạn áo vải, nếu may mắn được ngài đến với quả nhân thì quả nhân xin cùng ngài uống rượu mười ngày».

Bình Nguyên Quân sợ Tần, vả lại cũng cho là phải nên vào nước Tần yết kiến Chiêu Vương. Chiêu Vương cùng Bình Nguyên Quân uống rượu mấy ngày. Chiêu vương nói với Bình Nguyên Quân :

— Xưa Chu Văn Vương được Lữ Thượng cho làm thái công, Tề Hoàn Công được Quản Di Ngô cho làm trọng phụ. Nay Phạm Quân cũng là bậc thúc phụ của quả nhân, kẻ thù của Phạm Quân ở nhà ông. Xin ông cho người về lấy đầu hắn đem lại đây, nếu không ta không cho ông ra khỏi cửa ải đâu.

1. Theo lệ của Tần, thái thú sau một năm phải báo cáo về tình hình cai trị ở quận một lần.

Bình Nguyên Quân nói :

— Tuy mình sang, nhưng kết bạn với người ta là vì không quên cái nghĩa lúc mình còn thấp hèn. Tuy mình giàu, nhưng chơi với người ta là vì không quên cái nghĩa lúc mình còn nghèo túng. Ngụy Tề là bạn của Thắng, nếu ở nhà tôi, cố nhiên tôi không đem ra nộp, phương chi ông ta lại không ở nhà tôi.

Chiêu Vương bèn đưa thư cho vua Triệu, nói :

— Em trai của nhà vua ở Tần, kẻ thù của Phạm Quân là Ngụy Tề hiện đang ở nhà Bình Nguyên Quân. Nhà vua mau mau sai người đem đầu hắn lại đây, nếu không, ta sẽ đem binh đánh Triệu, lại không cho em nhà vua ra khỏi ải đâu.

Vua Triệu là Hiếu Thành Vương bèn đem binh lính vây nhà Bình Nguyên Quân rất gấp, đang đêm Ngụy Tề trốn ra, ra mắt tướng quốc nước Triệu là Ngu Khanh. Ngu Khanh xem chừng không thể can nổi nhà vua, bèn cởi ấn tướng quốc, cùng Ngụy Tề bỏ trốn, lẻn ra đi. Nghĩ không thể trốn tránh ở nước chư hầu nào trong lúc nguy cấp cho nên chạy về Đại Lương, muốn nhờ Tín Lăng Quân để chạy sang nước Sở. Tín Lăng Quân nghe tin, sợ Tần, đang do dự chưa dám tiếp kiến, nói :

— Ngu Khanh là người như thế nào?

Lúc bấy giờ Hầu Doanh ở bên cạnh nói :

— Con người ta thật là không dễ biết hết, biết người cũng không phải dễ. Ngu Khanh (1) đi giày rơm, mang dù yết kiến vua Triệu, lần thứ nhất được thưởng một đôi bạch bích, một trăm cân vàng ; yết kiến lần thứ hai, được phong làm thượng khanh, yết kiến lần thứ ba được trao ấn tướng quốc, phong vạn hộ hầu. Trong

1. Xem *Bình Nguyên Quân, Ngu Khanh liệt truyện*,

lúc bấy giờ thiên hạ tranh nhau muốn biết ông ta. Thế mà khi Ngụy Tề cùng khốn đến nhà Ngu Khanh, Ngu Khanh không dám cho tước lộc là tôn quý, cởi ấn tướng quốc, bỏ tước vạn hộ hầu mà lẻn ra đi. Nay kẻ sĩ ngụy cấp khốn cùng chạy về với công tử, công tử lại nói «người như thế nào», thực là con người không dễ biết, biết người cũng không dễ vậy.

Tin Lăng Quân cả thẹn, lên xe ra ngoài đồng để đón. Ngụy Tề nghe nói Tín Lăng Quân lúc đầu ngại tiếp kiến mình nên nổi giận tự đâm cổ chết. Vua Triệu nghe tin, lấy đầu của Tề đưa cho nước Tần. Tần Chiêu Vương bèn cho Bình Nguyên Quân về nước Triệu (1).

4. Năm thứ 43 đời Tần Chiêu Vương (264 trước công nguyên), quân Tần đánh lấy đất Phần Hình của nước Hàn, nhân đó xây thành Quảng Vũ ở trên sông Hoàng Hà. Năm năm sau, Chiêu Vương dùng kế của Ứng Hầu tung phản gián vào mua chuộc nước Triệu. Vua Triệu vì vậy cho Mã Phục Tử thay Liêm Pha làm tướng (2). Quân Tần phá tan quân Triệu ở Trường Bình, rồi vây Hàm Đan. Ít lâu sau, Vũ An Quân là Bạch Khởi có hiềm khích với Ứng Hầu, Ứng Hầu gièm với nhà vua và giết Bạch Khởi, sai Trịnh An Bình đánh Triệu. Trịnh An Bình bị quân Triệu vây rất gấp cho nên đem hai vạn quân đầu hàng nước Triệu. Ứng Hầu ngồi trên chiếu cỏ xin chịu tội. Theo pháp luật nhà Tần, người tiến cử và người được tiến cử không tốt đều có tội như nhau. Vì vậy, Ứng Hầu đáng lý bị tội giết cả ba họ. Vua Tần Chiêu Vương sợ phạm đến Ứng Hầu bèn ra lệnh trong nước : « Ai dám nói đến việc Trịnh An Bình ; thì sẽ trị theo tội của Trịnh An Bình», trái lại, lại thưởng cho Ứng Hầu đồ ăn hậu hơn trước, hết sức làm cho Ứng Hầu an tâm. Hai năm sau, Vương Kê làm thái thú Hà Đông, tư thông với chư hầu (1) bị tội giết (2). Vì vậy, Ứng Hầu ngày càng không vui.

Chiêu Vương ra triều thở dài. Ứng Hầu tâu :

— Thần nghe nói : «Vua lo thì tôi nhục, vua nhục thì tôi chết». Nay đại vương ra triều lo lắng, thần xin hỏi thần có tội gì ?

Chiêu Vương nói :

— Ta nghe nói kiếm sắt của nước Sở sắc mà việc ca múa lại kém. Phàm kiếm sắt mà sắc thì quân sĩ dũng cảm, ca múa mà kém thì suy nghĩ xa. Họ suy xa nghĩ rộng, có nhiều dũng sĩ, ta sợ nước Sở sẽ mưu lấy nước Tần. Phàm vật mà không chuẩn bị sẵn thì không thể ứng phó được trong lúc bất ngờ. Nay Vũ An Quân đã chết, bọn Trịnh An Bình làm phản, trong nước không có tướng giỏi, bên ngoài lại nhiều nước thù, ta lo lắng là vì thế.

Nhà vua muốn khích lệ Ứng Hầu, Ứng Hầu lo sợ không biết bày mưu kế gì. Thái Trạch nghe vậy, vào nước Tần (3).

1. Thái Trạch là người nước Yên, đi du học, xin làm quan ở các nước lớn, lại đến nước nhỏ chẳng được ai dùng, bèn đến nhờ Đường Cử xem tướng. Thái Trạch nói :

---

1. Đoạn 3 : Phạm Thư báo ân báo oán.
2. Tức Triệu Quát. Xem *Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*

1. Điều này cắt nghĩa câu "ba năm không báo lên nhà vua về việc cai trị" ngõ như thừa.
2. Phạm Thư theo luật Tần đáng bị giết ba họ hai lần.
3. Đoạn 4 : Những người Phạm Thư tiến cử làm phản, Thư không có mưu kế gì nữa.

—Tôi nghe tiên sinh xem tướng cho Lý Đoái, nói: « Nội trong năm ngày sẽ cầm quyền cả nước » ,điều đó có không?

—Có.

—Như tôi thì thế nào?

Đường Cử nhìn chăm chú rồi cười mà nói:

—Tiên sinh mũi hếch, vai lồi, mặt to, sống mũi tẹt, đầu gối cong (1). Tôi nghe nói « thánh nhân không thể lấy chuyện tướng mạo mà nói được », có lẽ tiên sinh là người như thế chăng?

Thái Trạch biết Đường Cử trêu mình, bèn nói:

—Việc giàu sang thì tôi đã có sẵn rồi, chỉ chưa biết có sống lâu hay không. Tôi muốn biết điều đó.

Đường Cử nói:

—Tiên sinh thọ từ giờ trở đi là 43 năm.

Thái Trạch cười từ giã ra đi, bảo người đánh xe:

—Ta ăn gạo ngon, thịt béo, ruổi ngựa đi nhanh, mang ấn vàng, lưng buộc dây ấn màu tía, vái chào trước mặt nhà vua, giàu sang thì bốn mươi ba năm cũng đủ.

Thái Trạch sang Triệu bị Triệu đuổi, sang Hàn, Ngụy, trên đường đi bị người ta cướp mất nồi, chảo. Nghe nói Ứng Hầu dùng Trịnh An Bình, Vương Kê, đều phạm tội nặng với nước Tần, trong bụng Ứng Hầu có ý thẹn, Thái Trạch bèn đi sang phía tây vào nước Tần(2).

1. Toàn là những nét tầm thường, chẳng có cái gì đáng chú ý, thế mà muốn tự ví mình là Lý Đoái, cho nên Đường Cử gọi đùa là thánh nhân.

2 Đoạn 1: Thái Trạch đi du thuyết các nước không thành công, bèn sang Tần.

2. Khi sắp ra mắt Chiêu Vương, Thái Trạch sai người phao tin để khích cho Ứng Hầu giận (1):

—Có người khách nước Yên tên là Thái Trạch là người biện sĩ kiến thức siêu việt, biện luận tài giỏi, khôn ngoan khác thường anh ta nếu vào yết kiến vua Tần thì vua Tần thế nào cũng làm ngài nguy khốn và giật mất địa vị của ngài.

Ứng Hầu nói:

—Việc Ngũ Đế, Tam Đại, học thuyết của bách gia, ta đều biết cả, lời biện luận của mọi người ta đều bẻ gẫy được. Nó làm khốn thế nào được ta mà đoạt được địa vị của ta!

Phạm Thư cho người gọi Thái Trạch đến (2).

Thái Trạch vào vái chào Ứng Hầu (3), Ứng Hầu vốn đã không bằng lòng, đến khi tiếp kiến lại thấy y ngạo mạn, Ứng Hầu bèn trách y rằng:

—Ông thường phao tin rằng muốn thay ta làm thừa tướng nước Tần có phải không?

Thái Trạch đáp:

—Phải.

Ứng Hầu nói:

—Xin cho nghe thuyết của ông như thế nào?

Thái Trạch nói:

—Ô (4), sao mà ngài thấy muộn thế! Đại phàm trật tự bốn mùa thay nhau đổi, thành công rồi thì rút lui. Thân

1. Cách thuyết phục của Thái Trạch chẳng kém cách thuyết phục của Phạm Thư.

2. Đoạn này rất hay, nó là sự gặp gỡ của hai tay thuyết khách, tìm mọi cách để thuyết phục nhau.

3. Đáng lý phải lậy.

4. Toàn là giọng xược.

thể mạnh mẽ, chân tay lanh lẹn, tai mắt tỏ tường, trí khôn sáng suốt, điều đó chẳng phải mọi kẻ sĩ đều muốn hay sao ?

Ứng Hầu nói :

— Phải.

Thái Trạch nói :

— Nắm lấy điều nhân, giữ lấy điều nghĩa, làm việc hợp đạo, thi hành ân đức, đắc chí trong thiên hạ, thiên hạ vui vẻ, tôn kính hâm mộ đều muốn tôn làm vua, đó chẳng phải là chí hướng của kẻ sĩ có tài biện thuyết hay sao ?

Ứng Hầu nói :

— Đúng.

Thái Trạch lại nói :

— Giàu sang vinh hiển, xử lý vạn vật, khiến cho vạn vật đều êm đẹp, tính mạng lâu dài, sống trọn tuổi trời, không phải chết yểu. Thiên hạ nối được cái quy mô của mình, giữ được cơ nghiệp của mình, truyền mãi đến vô cùng, cả danh lẫn thực đều đẹp đẽ, ân đức tràn khắp ngàn dặm, đời đời khen ngợi không bao giờ dứt, cùng với trời đất không bao giờ cùng, đó chẳng phải là dấu hiệu của đạo đức, thánh nhân gọi đó là điềm lành, việc tốt đó sao ?

Ứng Hầu nói :

— Đúng.

Thái Trạch nói :

— Xem việc nhà Tần đối với Thương Quân, nước Sở đối với Ngô Khởi, nước Việt đối với đại phu Chủng thì kết cục của họ có làm ta vừa ý không ? (1)

1. Thuyết khách trổ tài với nhau cũng dùng toàn lối văn châm ngôn, so sánh, nhưng Phạm Thư là người quen cái lối nói ấy nên biết đối phó ngay.

Ứng Hầu biết Thái Trạch muốn dùng cách biện thuyết để bắt bí mình, nên dùng lối ngụy biện nói :

— Tại sao không được ! Công Tôn Ưởng thờ Hiếu Công suốt đời không hai lòng, chỉ lo việc công mà không nghĩ đến việc riêng, đặt ra đạo cưa để cấm bọn gian tà, việc thưởng phạt đều rõ ràng, làm cho nước được thịnh trị, phơi gan ruột, bày tỏ nỗi lòng, chịu người ta oán giận, lừa bạn cũ, giành bắt công tử Ngang nước Ngụy, làm cho xã tắc nhà Tần được yên, làm lợi cho trăm họ, cuối cùng vì nước Tần bắt sống tướng địch, cướp đất ngàn dặm (1). Ngô Khởi thờ Điệu Vương, khiến cho việc riêng không được hại đến việc công, lời gièm pha không che được người trung thực, khi nghe lời nói, không cốt nghe kẻ a dua theo mình, không vì việc nguy mà thay đổi hành động, làm việc nghĩa không tránh hoạn nạn, chỉ lo làm sao cho nhà vua xưng bá, làm cho nước được mạnh, không từ tai họa gian nguy (2). Đại phu Chủng thờ Việt Vương, vua tuy bị khốn bị nhục, nhưng mình vẫn đem hết lòng trung thành không chút lười biếng, vua tuy ở trong cảnh nguy vong, vẫn đem hết lòng mà không rời, công thành mà không khoe khoang, giàu sang mà không kiêu ngạo nhác nhớn. Ba người kia đã đạt đến mức độ cao nhất của điều trung, cho nên người quân tử vì giữ nghĩa mà chết, trong lúc hoạn nạn, coi chết như về. Sống mà nhục chẳng bằng chết mà vinh. Kẻ sĩ vốn có cái nghĩa chịu hy sinh thân mình, để cho cái danh được thành. Chỉ cốt đó là đạo nghĩa thì dù có chết cũng không oán hận, có gì là không được đâu ?

1. Xem *Thương Quân liệt truyện.*

2. Xem *Tôn Vũ Tử, Ngô Khởi liệt truyện.*

Thái Trạch nói :

— Vua thánh, tôi hiền là cái phúc lớn trong thiên hạ ; vua sáng tôi ngay là cái phúc của nước ; cha nhân từ, con hiếu, chồng tín vợ trinh, đó là cái phúc của nhà. Vì vậy cho nên Tỷ Can (1) trung mà không thể bảo tồn được nhà vua Ân ; Tử Tư (2) khôn mà không thể bảo toàn được nước Ngô ; Thân Sinh (3) có hiếu mà nước Tấn nổi loạn. Họ đều là những tôi trung con hiếu, nhưng nước nhà vẫn loạn lạc, vẫn bị tiêu diệt là tại làm sao? Vì không có vua sáng, cha hiền để nghe họ, cho nên thiên hạ đều căm ghét, mắng nhiếc vua và cha mà thương kẻ làm tôi và làm con. Nay Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng làm người tôi thì phải, nhưng vua của họ thì trái. Cho nên đời khen ba người này lập được công, nhưng vẫn không được báo đáp, chứ có phải thích việc họ không gặp thời mà chết đâu. Nếu cứ đợi chết rồi sau đó mới được gọi là trung, mới lập được danh tiếng thì Vi Tử (4) không đáng gọi là nhân, Khổng Tử không đáng gọi là thánh, Quản Trọng không đáng gọi là lớn. Người ta lập công, ai lại không muốn được thành đạt toàn vẹn ? Thân và danh được toàn vẹn là tốt nhất. Danh có thể nêu gương mà thân thì chết đó là hạng thứ hai. Danh bị ô nhục mà thân được toàn vẹn thì đó là hạng bét.

1 Tỷ Can can vua Trụ mà bị giết, nhà Ân sau đó cũng mất.

2. Ngũ Tử Tư biết nước Việt thế nào cũng tiêu diệt nước Ngô khuyên vua Ngô đánh Việt, nhưng vua Ngô không nghe. Tử Tư bị giết sau đó nước Ngô cũng tiêu diệt.

3. Tấn Hiếu Công yêu Ly Cơ. Ly Cơ vu thái tử Thân Sinh mưu giết cha. Thân Sinh sợ mình trình bày oan uổng thì sẽ làm cho cha đau lòng nên tự sát. Sau đó các công tử tranh ngôi, nước Tấn rối loạn.

4. Vi Tử can Trụ, Trụ không nghe, Vi Tử bỏ sang Chu.

Lúc đó, Ứng Hầu mới khen là giỏi (1).

Thái Trạch dần dần tìm ra chỗ hở (2), bèn nói :

— Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng làm tôi tận trung lập nên công, đó là điều đáng mong mỏi, Hoành Yêu thờ Văn Vương, Chu công giúp Thành Vương há không phải là bậc thánh trung hay sao (3). Theo như ý ngài làm Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng với làm Hoành Yêu, Chu Công thì nên làm người nào hơn ?

Ứng Hầu nói :

— Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng không thể bằng được.

Thái Trạch nói :

— Thế thì vua của ngài về mặt nhân từ, tin dùng kẻ trung thần, nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, tôn trọng kẻ sĩ có tài và có đạo, gắn bó với họ, không bỏ người công thần, so với Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương thì ai hơn ?

Ứng Hầu nói :

— Chưa biết như thế nào.

Thái Trạch nói :

— Nay nhà vua thân với kẻ trung thần nhiều lắm là như Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương. Về mặt trổ tài trí lực, giúp cho nhà vua bình định được việc nguy, sửa sang chính trị, dẹp loạn, làm cho quân mạnh, trừ bỏ điều lo lắng, tiêu diệt điều tai nạn, mở mang đất

1 Trở lên Phạm Thư chỉ nói "đúng" vì cách lập luận cũng tầm thường, lúc này thấy Thái Trạch quả có tài thực, Phạm Thư mới khen giỏi.

2. Chỗ hở của Phạm Thư là không biết mình sẽ bị giết ba họ lúc nào, Phạm Thư muốn làm theo Thương Ưởng. Ngô Khởi cho nên sẵn sàng chờ chết mà không biết làm thế nào

3. Chu Công và Hoành Yêu đều lập công to, lại thành đạt toàn vẹn cho nên gọi là thánh trung.

đai, trồng trọt ngũ cốc, làm cho nước giàu, nhà no đủ, nhà vua mạnh, xã tắc được tôn trọng, tôn miếu được hiển vinh, thiên hạ không ai dám phạm đến nhà vua, uy thế của nhà vua vang dội khắp bốn bể, công lao vang lừng ở ngoài vạn dặm, thanh danh sáng ngời đến ngàn đời, thì ngài so với Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng ai hơn?

Ứng Hầu nói:

— Ta không bằng.

Thái Trạch nói:

— Nay nhà vua về mặt thân với kẻ trung thần, không quên tình xưa nghĩa cũ đã không bằng Hiếu Công, Điệu Vương, Câu Tiễn, mà về mặt công lao được tin yêu, thân cận ngài lại không bằng Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chủng. Đã thế, tước lộc, chức vị của ngài lại sang trọng hơn, nhà cửa của ngài lại giàu có hơn cả ba người kia, thế mà ngài còn chưa rút lui thì tôi sợ còn đáng lo hơn cả ba người kia. Tôi xin lo thay cho ngài. Tục ngữ có câu: «Mặt trời lên đến đỉnh đầu thì sẽ xế, trăng đầy thì khuyết, sự vật thịnh thì suy». Đó là cái lẽ thường của trời đất. Khi tiến khi lùi, khi đầy khi vơi theo thời tiến hóa, đó là cái đạo thường của thánh nhân. Cho nên «nước có đạo thì làm quan, nước không có đạo thì đi ở ẩn» (1). Thánh nhân nói: «Rồng bay lên trời, lợi thấy kẻ đại nhân» (2). «Bất nghĩa mà giàu sang thì ta xem như đám mây nổi» (3). Nay oán thù ngài đã trả, ân đức ngài đã báo, điều sở nguyện đã đạt, thế mà không thay đổi cái kế của mình, thì tôi trộm cho ngài

1. Câu của Khổng Tử trong *Luận Ngữ*.

2. Câu trong *Kinh Dịch*, ý nói đã được địa vị tôn quý thì phải đề phòng.

3. Câu của Khổng Tử trong *Luận Ngữ*.

như thế là không nên. Vả chăng con chim trả, chim hộc, con tê ngưu, con voi, chỗ ở không phải là không xa chỗ chết, mà sở dĩ chết là vì ham mồi. Tô Tần, Trí Bá không phải là không đủ trí khôn để tránh điều nhục, tránh xa cái chết, nhưng sở dĩ đều chết, đó là vì tham lợi không chịu dừng lại (1). Cho nên bậc thánh nhân đặt ra lễ để hạn chế cái lòng dục, lấy ở dân có chừng mực, sai dân đúng thời vụ, dùng của cải của dân có mức độ. Cho nên trí họ không tự mãn, hành động của họ không kiêu, luôn luôn theo đạo mà không bỏ. Vì vậy giữ mãi được thiên hạ mà không mất. Ngày xưa Tề Hoàn Công nhóm họp chư hầu, chỉnh đốn thiên hạ, đến khi họp ở Quỳ Khâu thì có ý kiêu căng, chín nước phản lại; vua Ngô là Phù Sai, quân đội vô địch trong thiên hạ, dũng mãnh coi khinh chư hầu, lấn át nước Tề, nước Tấn, cho nên rút cục thân bị giết, nước bị mất. Hạ Dục, Thái Sử Hiệu (2) hò hét làm ba quân sợ hãi, nhưng thân bị chết bởi một người tầm thường. Những người này thanh thế đã đến cực thịnh, nhưng không quay về với đạo lý, không khiêm tốn rút lui để an tâm chịu nghèo hèn cho nên mới xảy ra tai họa như thế! Thương Quân làm pháp lệnh cho Tần Hiếu Công, cấm nguồn gốc của tội ác, có công nhất định thưởng, có tội nhất định phạt, làm cho cân ngang nhau, chỉnh lý việc đo lường, điều chỉnh nặng nhẹ, phá vỡ các đường thiên, đường mạch (3) để cho dân ổn định được nghề nghiệp.

1. Tô Tần đi du thuyết, làm tể tướng sáu nước, sau đó bị người đâm chết ở Tề, Trí Bá đem quân của Hàn, Ngụy đánh Triệu Hàn, Ngụy sợ Trí Bá nên mưu với Triệu giết Trí Bá.

2. Tên những dũng sĩ thời cổ.

3. Đường nhỏ ở ruộng, đường từ bắc đến nam gọi là thiên, từ đông đến tây gọi là mạch.

Do đó thống nhất được tục lệ, khuyến khích người cày làm hết cái lợi của đất, một nhà không lo hai việc, ra sức cày ruộng, súc tích lương thực, tập nghề chiến trận ; kết quả, khi đem binh đánh thì mở đất rộng, khi nghỉ binh thì nước được giàu, cho nên trong thiên hạ không đâu địch nổi, có uy thế đối với chư hầu, lập thành cơ nghiệp nước Tần. Công ông ta đã thành, rút cục ông ta lại bị xe xé xác. Đất Sở vuông mấy ngàn dặm, người cầm kích một trăm vạn, Bạch Khởi chỉ huy mấy vạn quân, đánh nhau với Sở, đánh một trận lấy đất Yển, đất Sính, đốt Di Lăng ; đánh hai trận phía nam lấy đất Thục, đất Hán, rồi vượt qua nước Hàn, nước Ngụy, đánh nước Triệu mạnh : phía bắc chôn sống Mã Phục, làm cỏ hơn bốn mươi vạn người, họ bị chôn ở gần Trường Bình, máu chảy thành sông, sóng sôi lên như sấm (1). Sau đó, vào vây Hàm Đan, khiến cho nước Tần có được cơ nghiệp đế vương. Nước Sở, nước Triệu là nước mạnh trong thiên hạ và là kẻ thù địch của nước Tần. Nhưng từ đó về sau, Sở, Triệu đều nem nép sợ không dám đánh Tần nữa. Đó là cái thế của Bạch Khởi. Bạch Khởi thâu hành đánh lấy bảy mươi thành, nhưng khi công đã thành, lại bị nhà vua trao kiếm chịu chết ở Đỗ Bưu. Ngô Khởi lập phép tắc cho vua Sở Điệu Vương, giảm bớt uy lớn của các quan đại thần, bãi những người không có năng lực, những người vô dụng, bỏ những chức quan không cần kíp, trừ việc xin xỏ ở cửa nhà tư, thống nhất phong tục nước Sở, cấm những người đi du thuyết, biểu dương những kẻ sĩ giỏi cày và chiến đấu, phía nam lấy đất Dương Việt, phía bắc thâu tóm đất Trần, đất Thái, phá kế liên hoành, giải

1. Các thuyết khách muốn cho lời lẽ hùng hồn nên hay dùng lối ngoa dụ.

tán kế hợp tung, khiến cho những kẻ sĩ đi du thuyết đều không có cách nào mở miệng, cấm bè đảng để khuyến khích trăm họ, ổn định chính trị nước Sở, binh lực nổi tiếng trong thiên hạ, uy thế làm chư hầu phải phục. Nhưng khi công đã thành, cuối cùng lại bị xé cả tay chân. Đại phu Chủng vì Việt Vương nghĩ mưu sâu, bày kế xa, chuyển mất thành còn, nhân điều sỉ nhục mà đổi thành vinh quang ; khai khẩn đất đai đầy cỏ dại, lập thành ấp trại, vỡ đất trồng ngũ cốc ; cầm đầu kẻ sĩ bốn phương, trên dưới đều hết lòng giúp cho cái hiền của Câu Tiễn, trả được cái thù với Phù Sai ; cuối cùng phá được nước Ngô mạnh khiến cho nước Việt làm nên nghiệp bá. Công như thế rõ ràng là rực rỡ vậy. Kết cục Câu Tiễn phụ bạc mà giết ông ta. Bốn người này công thành mà không bỏ đi cho nên tai vạ đến thân mình. Đó là biết duỗi mà không biết co, biết đi mà không biết về vậy (1). Phạm Lãi biết điều đó vượt ra khỏi ràng buộc của thế lợi, trốn đời, suốt đời làm Đào Chu Công (2). Ngài không thấy người ta đánh bạc hay sao ? Có kẻ muốn tố nhiều, có kẻ muốn tố ít, rồi tiến lên dần dần, đó là điều ngài đã biết rõ. Nay ngài làm tướng nước Tần, bàn kế không rời khỏi chiếu, bàn mưu không ra khỏi nơi lăng miếu, ngồi mà khống chế chư hầu, lấy đất Tam Xuyên để bồi đắp cho đất Nghi Dương (3), phá được cái hiểm trở ở Dương Trường, chẹn được con đường Thái Hàng, lại nắm được đường vào đất Phạm, đất Trung Hàng, sáu nước không dám hợp tung, đường sạn đạo ngàn dặm, thông đến đất Thục,

1. Trở lên kể bốn trường hợp sát thân thánh nhân.

2. Xem *Việt Vương Câu Tiễn thế gia*.

3. Sau khi Tần diệt Hàn thì đặt quận Tam Xuyên, Nghi Dương là một ấp của Hàn, Tần đã lấy từ trước.

đất Hán, khiến cho thiên hạ đều sợ Tần. Như thế là điều mong muốn của Tần đã đạt được rồi và công của ngài cũng đã tột độ rồi đó. Nay cũng là lúc nước Tần chia công. Nếu ngài như thế mà không rút lui thì sẽ như Thương Quân, Bạch Công, Ngô Khởi, đại phu Chủng vậy. Tôi nghe nói: «Nhìn xuống nước thì thấy mặt mình; nhìn vào người thì biết dữ lành». *Kinh Thư* có câu: «Sau khi thành công, không thể ở lâu». Ngài chịu tai họa của bốn người kia làm gì? Tại sao ngài không nhân lúc này trả ấn thừa tướng, trao ấn nhường cho người hiền, rút lui về ở ẩn nơi rừng núi xa, xa lánh thế sự. Như thế thì thế nào cũng được cái liêm của Bá Di, suốt đời làm Ứng Hầu, đời đời xưng «cô», lại được cái tiếng nhân nhượng của Hứa Do, Diên Lăng, Quý Tử, được cái thọ của Kiêu, Tùng (1), thế chẳng hơn cuối cùng mắc tai họa sao? Nếu ngài cứ tiếc mà không nỡ rời, nghi ngờ mà không dám quyết định, thì thế nào cũng mắc cái họa của bốn người kia. *Kinh Dịch* có câu: «Cang long hữu hối» (2). Đó là nói chỉ biết tiến lên không biết lùi, chỉ biết duỗi mà không biết co, chỉ biết đi mà không biết về vậy. Xin ngài nghĩ kỹ cho.

Ứng Hầu nói:

— Hay lắm! Ta nghe nói: «Chỉ muốn mà không biết dùng thì sẽ mất điều mình muốn; có mà không

1. Hứa Do là một người hiền đời trước, vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho ông, nhưng ông không bằng lòng. Diên Lăng, Quý Tử, con thứ tư vua Ngô, nhà vua muốn nhường ngôi, nhưng ông không nhận. Vương Kiều, con Chu Linh Vương và Xích Tùng Tử người đời Thần Nông là những người sống lâu.

2. Kinh Dịch quẻ "càn" hào "thượng cửu": con rồng bay trên cao muốn hạ cũng không kịp, thế nào cũng hối hận. Ý nói chỉ biết tiến không biết thoái thì sẽ hối hận.

biết cho là đủ thì sẽ mất điều mình có». May mắn được tiên sinh chỉ giáo, Thư này xin kính cẩn vâng lời.

Bèn mời vào ngồi, tôn làm thượng khách. Mấy ngày sau, Phạm Thư vào Triều, nói với Tần Chiêu Vương:

— Vừa mới có một người khách ở Sơn Đông đến tên là Thái Trạch. Ông ta là người biện sĩ, biết việc Tam Vương, hiểu sự nghiệp Ngũ Bá, biết sự biến đổi của thế tục, có thể giao chính sự nước Tần cho ông ta. Thần thấy người rất nhiều, nhưng không ai bằng, thần cũng không bằng. Thần xin tâu để nhà vua biết.

Tần Chiêu Vương mời vào tiếp kiến, cùng nói chuyện, rất lấy làm thích, cho làm khách khanh. Ứng Hầu nhân đấy cáo bệnh rút lui, trả lại ấn thừa tướng. Chiêu Vương cưỡng ép Ứng Hầu dậy, Ứng Hầu bèn cáo bệnh nặng. Phạm Thư thôi làm thừa tướng. Chiêu Vương thích kế hoạch của Thái Trạch bèn phong Thái Trạch làm thừa tướng nước Tần, sang đông thôn tính nhà Chu.

Thái Trạch làm thừa tướng mấy tháng, có người gièm, Thái Trạch sợ bị giết, bèn cáo bệnh trả ấn thừa tướng, hiệu là Cương Thành Quân. Thái Trạch ở Tần hơn mười năm, thờ Chiêu Vương, Huệ Văn Vương, Trang Tương Vương, cuối cùng thờ Thủy Hoàng Đế, đi sứ cho nước Tần sang nước Yên, được ba năm thì nước Yên sai thái tử Đan vào làm con tin ở nước Tần (1).

3. Thái Sử Công nói:

— Hàn Tử nói: «Ông áo dài khéo múa, lắm tiền khéo buôn». Lời nói ấy đúng làm sao! Phạm Thư, Thái Trạch là những người biện sĩ giỏi nhất một thời, thế

1. Đoạn 2: Thái Trạch trổ tài, thuyết phục được Phạm Thư và làm thừa tướng nước Tần.

mà đi du thuyết chư hầu, đến lúc đầu bạc cũng không có cơ hội thành đạt. Đó không phải là kế hoạch của họ dở mà chỉ vì những nước họ đến du thuyết đều yếu (1), Đến khi hai người làm khách ở nước Tần, nối gót nhau làm khanh tướng, công để lại trong thiên hạ. Đó là vì cái thế mạnh và yếu khác nhau vậy. Nhưng kẻ sĩ cũng có lúc ngẫu nhiên mà gặp cơ hội. Những người hiền hơn hai người kia, nhưng không thể trổ hết tài nhiều không kể xiết. Thế nhưng hai người, nếu không bị khốn cùng thì làm sao mà khích lệ họ được (2) ?

1. Ý nói giúp nước yếu thì khó thành công, giúp kẻ mạnh thì dễ có kết quả.

2. Đoạn 3 : Tác giả tiếc mình không gặp thời, nhưng lại thấy cảnh khốn cùng của họ để tự khích lệ mình.

NHẠC NGHỊ LIỆT TRUYỆN

1. Tổ tiên của Nhạc Nghị là Nhạc Dương. Nhạc Dương làm tướng của Ngụy Văn Hầu đánh lấy được nước Trung Sơn, Ngụy Văn Hầu đem đất Linh Thọ phong cho Nhạc Dương. Nhạc Dương chết chôn ở Linh Thọ. Con cháu về sau sống ở đấy. Trung Sơn về sau lại được lập thành một nước. Đến đời Vũ Linh Vương (325—299 trước công nguyên) nước Triệu, Vũ Linh Vương lại diệt Trung Sơn.

Nhạc Nghị là con cháu họ Nhạc. Nhạc Nghị là người hiền, thích việc binh. Người Triệu quý trọng Nghị. Đến khi Vũ Linh Vương gặp nạn ở Sa Khâu, Nghị bèn rời khỏi nước Triệu đến nước Ngụy.

Nghị nghe nói Yên Chiêu Vương vì loạn Tử Chi, nên quân Tề đánh quân Yên thua to. Yên Chiêu Vương oán giận, không ngày nào quên báo thù nước Tề. Yên là nước nhỏ ở nơi xa xôi hẻo lánh, sức không đủ chống cự, cho nên nhà vua nhún mình, quý trọng kẻ sĩ. Trước tiên lấy lễ đối xử với Quách Ngỗi (1) để vời những

1. Vua Chiêu Vương hỏi Quách Ngỗi : "Quả nhân nước hẹp, dân ít, quân Tề lấy tám thành ở kề, quân Hung Nô ruổi ngựa ở dưới thành Lâu Phiền, quả nhân là người kém cỏi được thờ tôn miếu, sợ xã tắc bị nguy, có cách gì bảo tồn xã tắc không ?". Ngỗi nói : "Bầy tôi của các đế bề ngoài là tôi, nhưng thực là bạn, bầy tôi của các bá tên là tôi nhưng thực là tôi tớ, bầy tôi của một người bị nguy khốn tên là tôi nhưng thực ra là tù". Nhà vua nghe theo cho Ngỗi làm thượng khách.

người hiền. Nhạc Nghị bèn làm sứ giả cho Ngụy Chiêu Vương sang nước Yên. Vua Yên lấy lễ đối đãi với khách để tiếp đãi Nhạc Nghị. Nghị trước từ chối vinh dự ấy rồi sau chịu làm tôi. Yên Chiêu Vương cho làm á khanh. Như thế trong một thời gian dài.

2. Lúc bấy giờ Tề Dẫn Vương mạnh, phía nam, đánh bại tướng nước Sở là Đường Muội ở Trọng Khâu : phía tây, đánh lại quân Tam Tấn ở Quan Tân rồi cùng Tam Tấn đánh Tần, giúp nước Triệu diệt nước Trung Sơn, phá nước Tống, mở rộng đất đai hơn ngàn dặm, tranh nhau với Tần Chiêu Vương để làm đế, được ít lâu Tề Dẫn Vương lại trở về nước. Chư hầu đều muốn phản lại nước Tần theo Tề.

Dẫn Vương kiêu ngạo, trăm họ chịu không nổi. Yên Chiêu Vương hỏi về việc đánh Tề. Nhạc Nghị thưa :

— Nước Tề kế thừa cơ nghiệp để lại của một nước đã làm bá (1), đất rộng, người đông khó lòng một mình đánh được. Nếu nhà vua quả thực muốn đánh Tề thì không gì bằng liên minh với Triệu, Sở và Ngụy.

Yên Chiêu Vương bèn sai Nhạc Nghị giao ước với Huệ Văn Vương nước Triệu. Lại sai những người khác đi liên kết với Sở, Ngụy và nhờ Triệu thuyết phục Tần về cái lợi trong việc đánh Tề. Chư hầu ghét Tề Dẫn Vương kiêu ngạo, tàn bạo, đều tranh nhau hợp tung cùng nước Yên đánh Tề. Nhạc Nghị quay về báo. Yên Chiêu Vương đem tất cả quân, sai Nhạc Nghị làm thượng tướng quân, Huệ Văn Vương nước Triệu trao ấn tướng quốc cho Nhạc Nghị, Nhạc Nghị bèn cầm đầu tất cả quân các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy, Yên hợp

1. Ý nói Dẫn Vương là con cháu Tề Hoàn Công. Hoàn Công làm bá chư hầu, đầu tiên trong số ngũ bá.

nhất đánh bại quân Tề ở Tế Tây. Quân chư hầu bãi binh rút về, nhưng quân của Yên dưới quyền Nhạc Nghị vẫn một mình đuổi theo đến Lâm Tri (1).

Sau khi thua trận ở Tế Tây, Tề Dẫn Vương chạy vào thành Cử. Nhạc Nghị một mình ở lại đi khắp nước Tề. Các thành của Tề đều lo chống giữ. Nhạc Nghị đánh vào thành Lâm Tri lấy tất cả những đồ quý báu của cải, đồ cúng tế của Tề chở về Yên.

Yên Chiêu Vương cả mừng thân hành đến sông Tế để úy lạo, khao thưởng quân sĩ, phong cho Nhạc Nghị huyện Xương Quốc, hiệu là Xương Quốc Quân.

Yên Chiêu Vương sau khi đã thu của cải lấy được ở Tề thì quay về, sai Nhạc Nghị lại đem binh đánh lấy những thành của Tề chưa lấy được. Nhạc Nghị ở lại Tề trong năm năm, đánh lấy hơn bảy mươi thành của Tề, biến tất cả những thành này thành quận huyện nước Yên, chỉ còn thành Cử và Tức Mặc là chưa chịu hàng.

3. Vừa lúc ấy Yên Chiêu Vương chết, người con được lập làm Yên Huệ Vương. Huệ Vương từ khi còn làm thái tử thường không thích Nhạc Nghị. Đến khi Huệ Vương lên ngôi, Điền Đan nước Tề nghe tin ấy bèn tung phản gián sang nước Yên nói :

— Nước Tề chỉ còn hai thành không bị lấy nữa mà thôi. Sở dĩ những thành này không bị lấy là vì nghe nói Nhạc Nghị có hiềm khích với vị vua mới ở Yên, muốn giữ tất cả binh lưu lại ở Tề, quay mặt về hướng nam mà làm vua nước Tề. Điều nước Tề lo ngại chỉ là sợ có viên tướng khác đến.

1. Kinh đô của Tề.

Yên Huệ Vương vốn đã nghi ngờ Nhạc Nghị, nghe những lời phản gián của Tề bèn sai Kỵ Khiếp làm tướng thay Nghị và mời Nhạc Nghị về. Nhạc Nghị biết Yên Huệ Vương không thích mình nên cho người thay thế sợ bị giết, bèn đi về hướng tây theo nước Triệu.

Triệu phong Nhạc Nghị ở Quan Tân, hiệu là Vọng Chư Quân, tôn trọng và yêu quý Nhạc Nghị làm cho các nước Yên, Tề lo sợ. Sau đó Điền Đan nước Tề đánh nhau với Kỵ Khiếp. Điền Đan bày mưu lừa quân Yên đánh bại Kỵ Khiếp ở dưới thành Tức Mặc, đuổi theo quân Yên đến tận Hà Thượng, thu lại tất cả những thành của Tề và đón Tương Vương ở thành Cử vào Lâm Tri.

Sau đó Yên Huệ Vương lại hối hận về chỗ mình sai Kỵ Khiếp thay thế Nhạc Nghị cho nên quân bị bại, tướng bị giết, bỏ mất nước Tề. Lại oán Nhạc Nghị đã đầu hàng Triệu, sợ Triệu dùng Nhạc Nghị để đánh Yên nhân lúc nước Yên gặp cảnh khó khăn. Huệ Vương bèn sai người trách Nhạc Nghị và đồng thời xin lỗi. Bức thư viết:

4. «Tiên vương đem cả nước giao cho tướng quân, tướng quân vì nước Yên đánh phá quân Tề trả cái thù của tiên vương, thiên hạ đều rung động. Quả nhân đâu dám một ngày quên cái công của tướng quân! Gặp lúc tiên vương bỏ bầy tôi, quả nhân mới lên ngôi, các quan tả hữu lừa quả nhân, quả nhân sai Kỵ Khiếp làm tướng thay tướng quân. Vì thấy tướng quân đã lâu phải dầm sương giãi nắng ở ngoài nên quả nhân có ý muốn triệu tướng quân về để nghỉ.

Tướng quân quá nghe lời không hay, cho rằng quả nhân có điều hiềm khích với tướng quân bèn bỏ nước Yên theo nước Triệu. Việc tướng quân tự lo cho mình

thế cũng được, nhưng làm thế nào để báo đáp cái lòng tốt của tiên vương đối với tướng quân?».

Nhạc Nghị viết thư trả lời Yên Huệ Vương như sau:

«Thần là người bất tài, không thể vâng theo mệnh lệnh của nhà vua và làm vừa lòng những người xung quanh nhà vua. Thần sợ làm thương tổn đến sự sáng suốt của tiên vương, hại đến cái nghĩa của nhà vua, cho nên chạy trốn sang Triệu.

Nay nhà vua sai người trách tội thần, thần sợ các quan hầu cận không xét nguyên do vì sao tiên vương lại nuôi và yêu quý thần; lại không bày tỏ cái lòng thần thờ tiên vương, cho nên đánh bạo viết thơ trả lời.

Thần nghe vị vua hiền thánh không lấy lộc cho riêng những người thân. Ai có nhiều công thì được thưởng, ai có năng lực thì cho làm ở địa vị xứng đáng. Cho nên xét năng lực mà giao quan chức, đó là việc làm của vị vua lập nên công trạng; bàn việc làm rồi mới kết giao đó là việc làm của kẻ sĩ lập nên danh tiếng. Thần trộm xem việc làm của tiên vương, thấy tiên vương có cái lòng của vị vua cao quý nhất trên đời, cho nên mặc dầu là sứ thần của Ngụy, thần đã mượn cờ tiết của nước Ngụy để qua nước Yên và được nước Yên xét đến. Tiên vương cất nhắc thần vượt bực cho ở vào hàng tân khách, cho đứng ở trên quần thần, không bàn với cha, anh, cho thần làm á khanh. Thần trộm tự biết mình vâng lệnh trên, nghe theo lời dạy, có thể may mà được vô tội (1). Cho nên nhận được mệnh mà không dám từ chối. Tiên vương dạy «Ta có mối oán thù sâu sắc, chồng chất đối với nước Tề, không kể đến sức mình nhỏ yếu, muốn bàn tính việc đánh nước Tề». Thần nói: «Nước,

1. Nhạc Nghị khi nói đến mình chỉ dùng chữ vô tội còn quy tất cả công lao cho nhà vua.

Tề kế thừa cái cơ nghiệp để lại của một nước bá, lại là nước trước kia đánh thắng tất cả, giỏi về việc binh, quen việc chiến đấu, tấn công. Nếu nhà vua muốn đánh Tề thì thế nào cũng phải cùng thiên hạ mưu việc ấy. Muốn cùng thiên hạ mưu việc ấy thì không gì bằng liên kết với nước Triệu. Vả lại, đất Hoài Bắc và đất Tống là những đất mà các nước Sở và Ngụy đều muốn (1). Nếu Triệu bằng lòng mà ta lại giao ước với bốn nước đánh Tề, thì có thể đánh bại được Tề. Tiên vương cho là phải, trao cho thần phù, cờ tiết, phía nam sai thần đi sứ ở Triệu. Khi thần về phụng mệnh thì liền đem binh đánh Tề.

Nhờ đạo trời, nhờ uy linh của tiên vương, đất Hà Bắc theo tiên vương. Sau đó đem quân đến sông Tế. Quân ở Tế được lệnh bèn đánh quân Tề thua to. Đem quân tinh nhuệ đuổi theo mãi đến nước Tề. Vua Tề bỏ trốn chạy vào thành Cử chỉ thoát được thân. Còn châu ngọc, của cải, xe cộ, binh khí, đồ quý báu hết thảy đều bị đưa về Yên. Đồ tế lễ của Tề bày ở điện Ninh Đài, chuông Đại Lữ bày ở cung Nguyên Anh, vạc cũ (2) lại về cung Ma Thất, trúc sông Vấn đem về trồng ở Kế Khâu (3).

Từ thời Ngũ Bá đến nay không ai công lớn bằng tiên vương.

Tiên vương cho là thực hiện được cái chí của mình nên cắt đất phong, khiến cho thần có thể được sánh với nước chư hầu nhỏ bé (4). Thần trộm không tự biết

1. Sở muốn lấy đất Hoài Bắc, Ngụy muốn lấy đất Tống. Cả hai miền này đều thuộc Tề.

2 Trước kia vạc của Yên bị Tề lấy.

3. Ý nói biên giới của Yên mở rộng. Kế Khâu là kinh đô của Yên, Vấn Thủy là sông của nước Tề.

4. Nhạc Nghị được phong làm Xương Quốc Quân.

mình, cho rằng mình vâng mệnh, nghe lời dạy có thể may mà được vô tội, cho nên nhận mệnh trên mà không từ. Thần nghe nói vị vua thánh hiền lập được công mà công không bị bỏ, cho nên được chép vào *Xuân Thu*, kẻ sĩ biết nhìn trước làm nên danh mà cái danh không bị mất, cho nên được đời sau khen. Như tiên vương báo oán, rửa cái sỉ nhục của mình, san phẳng được cái nước mạnh có vạn cỗ xe, thu của cải tích lũy tám trăm năm đến ngày rời bỏ quần thần, lời giáo huấn sót lại vẫn còn chưa phai. Kẻ bầy tôi cầm quyền giữ chức vụ trau dồi pháp lệnh, cẩn thận đối với dân chúng, uy đức lan đến cả những người tôi tớ. Những điều đó đều có thể dạy đời sau.

Thần nghe kẻ mở đầu tốt chưa chắc đã có kết quả tốt. Ngày xưa Ngũ Tử Tư nói được Hạp Lư nghe nên dấu chân vua Ngô đi xa đến tận thành Sính. Phù Sai thì không thế, cho xác ông ta vào cái túi da ngựa và thả trôi trên sông Giang. Vua Ngô không hiểu theo lời bàn của Tử Tư có thể lập được công, nên dìm xác Tử Tư mà không hối hận. Tử Tư không biết nhìn trước nhà vua không cùng bàn bạc với mình để đến nỗi vào sông Giang mà không được giải thoát (1).

Thần khỏi tội, lập nên công trạng để làm sáng cái dấu vết của tiên vương, đó là cái kế cao nhất của thần. Mắc phải việc gièm pha, nhục nhã làm hỏng mất cái danh của tiên vương đó là điều thần rất sợ. Đã chịu cái tội không thể lường được, may được lợi mà thoát khỏi, nhưng thần mang nặng ân nghĩa của

1. Ý nói Tử Tư oán giận vua Ngô nên tuy chết rồi vẫn vương vất trên sông Giang. Các nhà phê bình đời sau khen lời thư trung hậu, không khoe công trạng, không oán trách vua. Chỉ nói vì thế bức mà phải trốn, luôn luôn nhận tội của mình.

tiên vương, thần tuy ở nước ngoài mà lòng vẫn không rời bỏ nước Yên.

Thần nghe nói « người quân tử ngày xưa tuy không đi lại với nhau nữa nhưng cũng không nói xấu nhau. Kẻ trung thần bỏ nước ra đi không nên chê bai vua để sạch cái danh ». Thần tuy bất tài cũng đã từng được học với người quân tử. Thần sợ những người hầu hạ thân cận với nhà vua, những người xung quanh nói, không xét cái cách cư xử của thần ở nơi xa xôi, nên mạo muội dâng thư cho nhà vua biết. Xin nhà vua lưu ý cho ».

Yên Vương bèn cho con của Nhạc Nghị là Nhạc Can lại làm Xương Quốc Quân. Còn Nhạc Nghị lại đi lại với Yên. Nước Yên và nước Triệu đều cho Nghị làm khách khanh.

Nhạc Nghị chết ở Triệu.

5. Nhạc Can sống ở Yên hơn ba mươi năm. Yên Vương là Hỷ dùng kế của tướng quốc là Lật Phúc muốn đánh Triệu, hỏi Xương Quốc Quân Nhạc Can. Nhạc Can nói :

— Triệu là nước phải đánh với địch cả bốn mặt (1). Dân ở đấy quen việc binh. Không thể đánh.

Yên Vương không nghe, đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha đánh, phá tan quân của Lật Phúc ở Hạo, bắt sống Lật Phúc, Nhạc Thừa. Nhạc Thừa là họ hàng với Nhạc Can.

Nhạc Can bèn bỏ trốn sang nước Triệu. Nước Triệu vây nước Yên. Nước Yên lại phải cắt đất cho Triệu để

1. Triệu là nước không có biên giới hiểm trở, phía đông là Yên, phía tây là Tần và Lâu Phiền, phía nam là Hàn, Ngụy, phía bắc là Hung Nô.

giảng hòa, Triệu mới rút quân về. Vua Yên hối hận không dùng Nhạc Can. Vì Nhạc Can đã ở Triệu, nhà vua bèn gửi cho Nhạc Can, bức thư nói :

« Trong thời của Trụ, Cơ Tử không được dùng, nhưng vẫn can gián mãi không thôi, hy vọng nhà vua sẽ nghe mình. Tỉ Can không được vua nghe, thân mình bị nhục, mong chờ nhà vua thay đổi. Đến khi nước loạn, lòng dân ly tán hướng về nước ngoài, các quan cầm quyền chính bỏ pháp luật, hai người mới rút lui về ở ẩn. Cho nên mặc dầu chịu cái nạn của vua Kiệt bạo ngược, hai người vẫn không mất cái tiếng là trung là thành. Tại sao ? Vì họ hết lòng lo lắng vậy. Nay quả nhân tuy ngu nhưng không tàn bạo như vua Trụ, dân nước Yên tuy loạn, nhưng không đến nỗi tệ hại quá như dân nhà Ân. Trong nhà có lời qua tiếng lại không nên nói hết với làng bên cạnh. Về hai điều trên, quả nhân không cho ông làm là đúng ».

Nhạc Can và Nhạc Thừa oán vua Yên không nghe theo kế của mình, rốt cục ở lại nước Triệu. Triệu phong Nhạc Thừa làm Vũ Tướng Quân. Năm sau Nhạc Thừa, Liêm Pha vì Triệu vây Yên. Yên đem lễ hậu đến để xin giảng hòa, sau đó quân Triệu mới về. Năm năm sau, Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, Tương Vương sai Nhạc Thừa thay Liêm Pha, Liêm Pha đánh Nhạc Thừa, Nhạc Thừa bỏ chạy. Liêm Pha bỏ trốn sang nước Ngụy. Sau đó mười sáu năm, nước Tần diệt Triệu (228 trước công nguyên). Hai mươi năm sau, Cao Đế đi qua Triệu hỏi Nhạc Nghị có con cháu gì không? Người ta trả lời :

— Có Nhạc Thúc.

Cao Đế phong cho Thúc huyện Nhạc Hương, hiệu là Hoa Thành Quân. Hoa Thành Quân là cháu Nhạc Nghị. Dòng họ Nhạc có Nhạc Hà Công, Nhạc Thần Công. Khi

nước Triệu bị nước Tần diệt, họ trốn sang Tề vào thành Cao Mật, Nhạc Thần Công thích theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử, nổi tiếng ở Tề, được gọi là « hiền sư ».

Thái Sử Công nói :

— Kể từ Khoái Thông cho đến Chủ Phụ Yển nước Tề đọc bức thư Nhạc Nghị gửi vua Yên đều không lần nào không gấp thư lại mà khóc. Nhạc Thần Công học đạo Hoàng Đế, Lão Tử, ông thầy chính của ông ta gọi là « Hà thượng trượng nhân ». Nguồn gốc của người này không rõ ở đâu.

« Hà thượng trượng nhân » dạy An Kỳ Sinh ; An Kỳ Sinh dạy Mao Hấp Công ; Mao Hấp Công dạy Nhạc Hà Công ; Nhạc Hà Công dạy Nhạc Thần Công ; Nhạc Thần Công dạy Cái Công ; Cái Công dạy ở đất Cao Mật và Giao Tây tại nước Tề, làm thầy học của tướng quốc Tào Tham.

LIÊM PHA, LẠN TƯƠNG NHƯ LIỆT TRUYỆN

1. LIÊM PHA là viên tướng giỏi nước Triệu. Năm thứ mười sáu đời Huệ Văn Vương nước Triệu (283 trước công nguyên), Liêm Pha làm tướng nước Triệu, đánh Tề, phá tan quân Tề lấy ấp Dương Tân, được làm thượng khanh, nổi tiếng dũng khí ở các nước chư hầu.

Lạn Tương Như là người nước Triệu, làm môn hạ của người cầm đầu các hoạn quan nước Triệu là Mục Hiền.

2. Đời vua Huệ Văn Vương, nước Triệu được viên ngọc bích của họ Hòa (1) ở nước Sở, vua Chiêu Vương nước Tần nghe tin, sai người đưa thư cho vua Triệu, xin đem mười lăm thành để đổi lấy viên ngọc bích. Vua Triệu cùng đại tướng quân Liêm Pha và các vị đại thần bàn : Nếu cho Tần ngọc bích thì sợ không được thành của Tần, chỉ bị lừa thôi, nếu không cho thì lại

1. Biện Hòa nước Sở được hòn đá có ngọc ở trong núi, đem dâng Lệ Vương. Vua sai thợ ngọc xem, thợ ngọc nói: "Đó là đá". Vua cho Biện Hòa nói dối, chặt một chân Hòa. Vũ Vương lên, họ Hòa lại dâng, kết quả bị chặt thêm một chân nữa. Biện Hòa ôm hòn đá mà khóc. Vua sai xem lại, biết hòn đá có viên ngọc bích rất quý. Vì vậy, viên ngọc này gọi là "ngọc bích họ Hòa".

lo binh Tần đến đánh. Kế chưa quyết định, tìm người có thể sang trả lời Tần, tìm mãi chưa được.

Viên hoạn quan Mục Hiền nói :

— Môn hạ của thần là Lạn Tương Như có thể đi được.

Nhà vua hỏi :

— Tại sao nhà ngươi lại biết ?

Mục Hiền đáp :

— Thần đã từng có tội, trộm nghĩ muốn chạy trốn sang đất Yên, môn hạ của thần là Tương Như cản lại mà rằng : «Ngài làm sao mà biết vua Yên ?» Thần nói : «Tôi từng theo đại vương họp với vua Yên ở biên giới, vua Yên nắm tay tôi mà nói : Xin kết làm bạn ! Vì vậy tôi biết, nên muốn trốn sang». Tương Như bảo thần : «Vì nước Triệu mạnh, nước Yên yếu, cho nên vua Yên muốn kết bạn với ngài. Nay ngài bỏ Triệu trốn sang Yên thì Yên sợ Triệu, nhất định không dám giữ ngài mà sẽ trói ngài nộp cho Triệu. Chi bằng ngài hãy cởi trần, phục bên lưỡi rìu mà xin tha tội, may ra được thoát thân !». Thần nghe theo kế ấy, may sao đại vương tha tội. Thần trộm nghĩ người ấy là bậc dũng sĩ, có mưu trí, có thể sai đi được.

Nhà vua liền cho mời đến, hỏi Lạn Tương Như :

— Vua Tần đem mười lăm thành đổi lấy viên ngọc của quả nhân, nên cho hay không ?

Tương Như nói :

— Tần mạnh, Triệu yếu, không cho không được.

Vua Triệu nói :

— Họ lấy ngọc ta mà không cho ta thành thì làm thế nào ?

Lạn Tương Như nói :

— Tần đem thành đổi lấy ngọc mà Triệu không cho, thì điều trái là ở Triệu. Triệu cho ngọc mà Tần chẳng

cho thành thì điều trái là ở Tần. Xét lại kế đó thì thà cho ngọc để Tần chịu phần trái.

Nhà vua hỏi :

— Ai có thể sai đi sứ ?

Lạn Tương Như nói :

— Nếu nhà vua thiếu người, thần xin mang ngọc bích đi sứ. Thành có về tay nước Triệu thì ngọc mới ở lại đất Tần. Nếu thành không về, thần xin giữ nguyên vẹn viên ngọc đem về Triệu.

Triệu Vương bèn sai Tương Như mang ngọc sang hướng tây vào đất Tần.

3. Vua Tần ngồi ở «Chương đài» tiếp kiến Tương Như. Tương Như mang ngọc bích dâng vua Tần. Vua Tần mừng rỡ trao cho các mỹ nhân và các quan hầu xem, các quan hầu đều hô :

— Vạn tuế !

Tương Như thấy vua Tần không có ý trả thành cho Triệu, bèn tiến lên nói :

— Ngọc bích có vết, tôi xin chỉ cho bệ hạ xem.

Vua trao ngọc bích, Tương Như nhân cầm lấy ngọc, đứng lùi tựa vào cột, nổi giận, tóc dựng ngược, nói với vua Tần :

— Đại vương muốn được ngọc, sai người đem thư đến vua Triệu. Vua Triệu cho mời quần thần bàn bạc, tất cả đều nói : «Nước Tần tham, cậy mình mạnh, đem lời nói suông để cầu lấy ngọc, chưa chắc đã trả thành cho ta». Họ bàn không muốn đưa ngọc bích cho Tần. Thần cho rằng kẻ áo vải chơi với nhau còn không dối nhau, huống nữa là nước lớn. Vả chăng vì một viên ngọc mà làm nước Tần mất vui thì không nên. Vì vậy nên vua Triệu trai giới năm ngày, sai thần mang ngọc bích đi,

vái mà đưa ở giữa triều đình. Tại sao thế? Vì trọng cái uy của nước lớn để tỏ lòng tôn kính vậy. Nay thần đến đại vương tiếp thần ở một nơi tầm thường, lễ tiết rất khinh mạn. Được ngọc, đại vương đưa cho các mỹ nhân để đùa bỡn thần. Thần xem đại vương không có ý trả thành ấp cho vua Triệu, cho nên thần lấy ngọc về. Nếu đại vương cứ muốn bức bách thần thì đầu thần và viên ngọc đều vỡ ở cái cột này.

Tương Như cầm viên ngọc, lượm cái cột, muốn đập đầu vào cột. Vua Tần sợ ông ta đập vỡ viên ngọc nên từ tạ cố xin, gọi quan đương sự cầm địa đồ đến chỉ cắt mười lăm thành từ chỗ này trở đi để cho Triệu. Tương Như đoán vua Tần chỉ lừa dối mà thôi, tuy giả vờ cho Triệu thành, nhưng thực ra thì không thể được thành, bèn bảo vua Tần :

— Ngọc bích họ Hòa thiên hạ đều nhận là của báu, vua Triệu sợ không dám không dâng. Khi đưa ngọc, vua Triệu trai giới năm ngày, nay đại vương cũng nên trai giới năm ngày, đặt lễ cửu tân (1) ở sân thì thần mới dám dâng ngọc.

Vua Tần xem chừng không có cách gì ép được, bèn hứa trai giới năm ngày, cho Tương Như ở lại quán tân khách Quảng Thành. Tương Như xem chừng vua Tần tuy trai giới, nhưng thế nào cũng bội ước không trả thành, nên sai kẻ đi theo mình mặc áo ngắn, mang viên ngọc đi theo đường tắt, trốn về nộp trả ngọc bích cho Triệu.

Vua Tần sau khi trai giới năm ngày bèn đặt lễ cửu tân ở triều đình để tiếp sứ nước Triệu là Lạn Tương Như. Tương Như đến, nói với vua Tần :

1. Cửu tân là cái lễ ngoại giao rất long trọng, trong buổi lễ có đến chín người chiêu đãi, kế tiếp nhau phục dịch.

— Nước Tần từ đời Mục Công đến nay, hơn hai mươi đời vua, chưa từng có ai giữ trọn lời hứa. Quả thực, thần sợ bị nhà vua lừa, lại phụ lòng [illegible] Triệu, nên đã sai người cầm ngọc lên về đến nước Triệu rồi. Vả lại, Tần mạnh mà Triệu yếu, đại vương sai một người sứ giả đến Triệu thì Triệu lập tức đem ngọc sang dâng. Nay mạnh như nước Tần mà lại cắt trước mười lăm thành để cho Triệu thì Triệu đâu dám giữ ngọc bích để mắc tội với đại vương! Thần biết rằng lừa dối đại vương tội đáng chết. Thần xin vào vạc nước sôi. Xin đại vương và quần thần bàn bạc kỹ cho.

Vua Tần và quần thần nhìn nhau cùng hậm hực. Các quần thần muốn kéo cổ Tương Như đi. Vua Tần nhân đó nói :

— Bây giờ có giết Tương Như cũng không lấy được ngọc, mà chỉ làm tuyệt tình giao hảo giữa Tần và Triệu. Chi bằng nhân việc này mà hậu đãi ông ta, cho ông ta về Triệu. Vua Triệu há vì một viên ngọc bích mà lừa dối Tần sao?

Do đó, vua Tần vẫn tiếp Tương Như ở triều đình, lễ xong cho về. Sau khi Tương Như về, vua Triệu khen Tương Như là một quan đại phu giỏi, đi sứ không khuất nhục với chư hầu, bèn phong Tương Như làm thượng đại phu. Kết quả, Tần cũng không đổi thành cho Triệu, Triệu cũng không đem ngọc bích cho Tần.

3. Về sau, Tần đánh Triệu, lấy Thạch Thành (năm 282, trước công nguyên). Năm sau lại đánh Triệu, giết hại vạn người. Vua Tần sai sứ giả nói với Triệu Vương muốn họp nhau ở Dẫn Trì, ngoài Tây Hà để giảng hòa. Vua Triệu sợ Tần, định không đi. Liêm Pha, Lạn Tương Như bàn mưu :

— Nhà vua không đi thì tỏ ra nước Triệu yếu và nhát.

Vua Triệu bèn đi, Tương Như đi theo. Liêm Pha tiễn đến biên giới, từ biệt nhà vua, nói :

— Nhà vua đi, tính đường đi về cùng hội họp, chẳng quá ba mươi ngày, nếu ba mươi ngày không về, xin lập thái tử làm vua để cho Tần hết hy vọng (1).

Nhà vua nghe theo. Bèn họp với vua Tần ở Dẫn Trì. Vua Tần uống rượu say, nói :

— Quả nhân trộm nghĩ Triệu Vương giỏi nhạc, xin gảy đàn sắt cho nghe.

Vua Triệu gảy đàn sắt. Ngự sử nước Tần tiến lên chép :

— Ngày... tháng... năm... vua Tần cùng vua Triệu hội họp uống rượu, khiến vua Triệu gảy đàn sắt.

Tương Như tiến lên nói :

— Vua Triệu trộm nghe nói vua Tần giỏi về âm nhạc nước Tần, xin bưng cái vùa sành đến vua Tần gõ để cùng vui với nhau (2).

Vua Tần giận không chịu. Nhưng Tương Như cứ tiến lên dâng cái vùa. Nhân quỳ xuống mời vua Tần, vua Tần không chịu gõ, Tương Như nói :

— Ở trong năm bước, thần xin được phép lấy máu ở cổ làm bẩn người đại vương.

Tả hữu muốn chém Tương Như. Tương Như trợn mắt quát, tả hữu đều dạt ra. Vua Tần không vui, đành gõ vùa một cái. Tương Như quay lại gọi ngự sử nước Triệu viết :

— Năm... tháng... ngày..., vua Tần gõ vùa cho vua Triệu nghe.

1. Đề phòng nhà Tần giữ Triệu Vương lại để hòng yêu sách này nọ.

2. Nguyên là chữ *bồn phẫu* một thứ đồ sành để đựng rượu.

Quần thần nước Tần nói :

— Xin đem mười lăm thành nước Triệu để chúc thọ vua Tần.

Lạn Tương Như cũng nói :

— Xin lấy Hàm Dương của Tần để chúc thọ vua Triệu.

Vua Tần xong tiệc rượu, chẳng tranh hơn được với vua Triệu. Nước Triệu cũng đặt sẵn nhiều quân lính để đợi Tần. Tần không dám động. Tan hội về nước, vua Triệu cho rằng Tương Như có công to, phong làm thượng khanh, địa vị ở trên Liêm Pha.

Liêm Pha nói :

— Ta là tướng nước Triệu, pha thành đánh trận có công to, trái lại Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi lập công mà địa vị ở trên ta. Hơn nữa, Tương Như vốn người thấp hèn, ta xấu hổ không mặt mũi nào ngồi ở dưới ông ta.

Và rêu rao :

— Ta gặp Tương Như, quyết làm nhục ông ta.

Tương Như nghe vậy, không chịu hội họp với Liêm Pha. Mỗi lần có buổi chầu, Tương Như thường cáo bệnh không muốn tranh ngôi thứ với Liêm Pha. Một hôm, Tương Như đi ra trông thấy Liêm Pha, Tương Như quay xe trốn tránh. Những người môn hạ bèn cùng nhau can :

— Chúng tôi sở dĩ bỏ thân thích đến thờ ngài chỉ vì mến cao nghĩa của ngài. Nay ngài và Liêm Pha cũng ngang hàng. Liêm Pha rêu rao nói xấu mà ngài lại sợ trốn tránh ông ta, sợ sệt quá đáng, người thường còn lấy làm xấu hổ, huống hồ là bậc tướng quốc, tướng quân ! Bọn thần bất tài, xin từ giã về.

Tương Như cố cản lại, nói :

— Các ông xem Liêm tướng quân có bằng vua Tần không ?

— Không bằng.

Tương Như nói :

— Oai như vua Tần mà Tương Như dám gào thét ở giữa triều đình, làm nhục cả quần thần. Tương Như tuy hèn nhát há sợ Liêm tướng quân sao. Nhưng ta nghĩ rằng nước Tần sở dĩ mạnh, không đem binh lính đánh Triệu vì có ta cùng Liêm tướng quân. Nay hai con hổ đánh nhau, thế nào cũng không sống được cả cho nên ta phải làm như thế, vì nghĩ đến việc cấp bách của nước nhà trước mà gác việc thù riêng đó thôi.

Liêm Pha nghe vậy, cởi trần mang roi nhờ tân khách đưa đến cửa nhà Lạn Tương Như tạ tội, nói :

— Kẻ hèn mọn này không biết tướng quân rộng lượng đến thế !

Rồi cùng nhau vui vẻ làm bạn sống chết có nhau !

5. Năm ấy Liêm Pha đem quân về đông đánh Tề, phá một đạo quân của Tề. Hai năm sau (276), Liêm Pha lại đánh thành Kỳ của Tề, lấy được thành. Ba năm sau, Liêm Pha đánh đất Phòng Lăng, An Dương của Ngụy, lấy được. Bốn năm sau, Lạn Tương Như làm tướng đánh Tề đến Bình Ấp rồi về. Năm sau nữa, Triệu Xa phá quân Tần ở vùng Ứ Dự.

1. Triệu Xa là một viên lại thu thuế ruộng ở Triệu. Xa thu tô thuế, nhưng nhà Bình Nguyên Quân không chịu nộp, Xa lấy phép trị, giết người quản lý của Bình Nguyên Quân. Bình Nguyên Quân giận toan giết Xa. Xa nhân nói với Bình Nguyên Quân.

— Ngài là vị quý công tử ở Triệu, nay ngài lại dung túng người nhà không theo phép công, thì pháp luật mất hiệu lực ; pháp luật mất hiệu lực thì nước yếu ; nước yếu thì chư hầu đem quân đến đánh, thế là không còn nước Triệu nữa. Ngài làm sao giữ được giàu có này,

ngài là người quý mà theo lẽ công, tuân pháp luật thì trên dưới được công bình. Trên dưới công bình thì nước mạnh. Nước mạnh thì nước Triệu vững, ngài lại là quý thích, có phải kẻ tầm thường trong thiên hạ đâu ?

Bình Nguyên Quân cho là người hiền, nói với nhà vua, dùng Xa coi việc thuế má trong nước. Thuế má rất công bình, dân giàu và kho tàng đầy đủ.

2. Tần đánh Hàn, đóng quân ở Ứ Dự. Vua cho mời Liêm Pha đến hỏi :

— Có thể cứu không ?

Liêm Pha nói :

— Đường xa hiểm trở và hẹp, khó cứu.

Vua lại cho gọi Nhạc Thừa đến hỏi. Nhạc Thừa cũng đáp như Liêm Pha. Lại cho gọi Triệu Xa, Xa đáp :

— Đường xa hiểm trở và hẹp, cũng như hai con chuột đánh nhau trong hang, bên nào dũng cảm sẽ thắng.

Vua bèn sai Triệu Xa làm tướng cứu Hàn. Binh đi cách Hàm Đan ba mươi dặm. Xa ra lệnh trong quân :

— Kẻ nào dám lấy việc quân sự mà can ngăn thì xử tử.

Quân Tần đóng ở phía tây Vũ An. Quân Tần reo hò tiến, tất cả các ngôi nhà ở thành Vũ An đều rung động. Trong quân có một người nói phải cứu gấp Vũ An. Triệu Xa liền chém ngay. Cứ cố thủ giữ thành đứng lại hai mươi tám ngày không đi. Lại xây thêm thành lũy. Một tên thám thính của Tần trà trộn vào, Triệu Xa cho ăn ngon và thả cho về. Y lẻn về báo với tướng Tần, tướng Tần mừng rỡ nói :

— Rời khỏi nước ba mươi dặm mà quân lại không đi, còn xây thêm thành lũy thì Ứ Dự không phải là đất của Triệu rồi !

Sau khi đã cho tên thám thính của Tần đi, Triệu Xa bèn đem quân cướp giáp rảo chạy, hai ngày một đêm đến nơi, sai những người bắn giỏi đi cách Ứ Dự năm mươi dặm mà đóng quân. Thành lũy của quân đã đắp xong, quân Tần nghe tin đem cả toán quân đến. Binh sĩ là Hứa Lịch xin can về việc quân sự. Triệu Xa nói :

— Cho vào.

Hứa Lịch nói :

— Quân Tần không ngờ quân Triệu đã đến đây. Nó đến đây khí thế hùng mạnh, tướng quân phải tập trung đội ngũ lại mà đợi, nếu không thì chắc sẽ thua.

Triệu Xa nói :

— Xin vâng lệnh !

Hứa Lịch nói :

— Xin chịu tội chết.

Triệu Xa nói :

— Hãy đợi lệnh sau xem.

Khi lâm trận, Hứa Lịch lại nói :

— Ai chiếm được đỉnh núi phía bắc sẽ thắng, ai đến sau sẽ thua.

Triệu Xa cho là phải, liền cho một vạn người rảo bước lên núi. Quân Tần đến sau, tranh ngọn núi nhưng không lên được. Triệu Xa thả quân đánh, phá tan quân Tần. Quân Tần bị đánh tan bỏ chạy, bèn giải vây Ứ Dự mà trở về. Huệ Văn Vương nước Triệu phong cho Xa hiệu là Mã Phục Quân, cho Hứa Lịch làm quốc úy (1). Do đó, Triệu Xa cũng ngang hàng với Liêm Pha, Lạn Tương Như.

1. Chức quan võ ở dưới chức tướng quân.

1. Bốn năm sau, Huệ Văn Vương nước Triệu chết. Con là Hiếu Thành Vương lên ngôi (270 trước công nguyên). Bảy năm sau, quân Tần và quân Triệu chống nhau ở Trường Bình. Bấy giờ Triệu Xa đã chết, Lạn Tương Như lại mắc bệnh nặng, Triệu sai Liêm Pha cầm quân đánh Tần, quân Tần mấy lần đánh bại quân Triệu, quân Triệu cố thủ giữ thành không đánh. Quân Tần mấy lần khiêu chiến, Liêm Pha vẫn không chịu đánh. Vua Triệu nghe lời bọn tay chân của Tần nói : « Tần chỉ sợ một mình Triệu Quát, con Mã Phục Quân Triệu Xa mà thôi ». Vua Triệu bèn cho Quát làm tướng thay Liêm Pha, Lạn Tương Như nói :

— Nhà vua dùng Quát cũng chỉ vì nghe danh ông ta, cũng như gắn trục đàn mà gảy đàn thôi. Quát chỉ biết đọc sách của cha để lại, không biết ứng biến.

Vua Triệu không nghe, bèn cho Quát làm tướng.

2. Triệu Quát từ lúc nhỏ học binh Pháp, nói việc binh, cho thiên hạ không ai bằng mình. Y thường cùng cha là Xa bàn việc binh, Xa không thể bắt bẻ được, nhưng vẫn không cho là phải. Mẹ Quát hỏi Xa tại sao thế, Xa nói :

— Việc binh là nơi chết người mà Quát nói một cách khinh thường quá, nước Triệu không cho Quát làm tướng thì thôi, chứ nếu cho nó làm tướng, thì người phá vỡ quân Triệu nhất định là Quát.

Khi Quát sắp đi, người mẹ dâng thư nói với nhà vua :

— Không để cho Quát làm tướng được.

Vua hỏi :

— Tại sao ?

Người mẹ thưa :

— Xưa kia thiếp thờ cha nó. Trong thời cha nó làm tướng, hạng người ông ta thân hành bưng cơm nước,

cho ăn có đến hàng chục, hạng ông ta xem là bạn có đến hàng trăm. Đại vương và tôn thất thưởng cho cái gì thì đưa tất cả cho các quân lại và sĩ phu. Ngày được nhận mệnh lệnh làm tướng, không hỏi đến việc nhà. Nay Quát mới làm tướng mà ngồi ngoảnh mặt về hướng đông để tiếp khách (1), quân lại không ai dám ngẩng lên nhìn, vàng lụa nhà vua cho đều đem về cất ở nhà, hàng ngày xem có nhà cửa ruộng vườn gì có lợi, nên mua thì mua. Nhà vua xem nó có bằng cha nó không? Cha con bụng dạ khác nhau, xin nhà vua chớ sai đi.

Nhà vua nói:

— Bà đừng nói nữa, ta đã quyết định rồi.

Mẹ Triệu Quát nói:

— Nếu nhà vua vẫn sai nó đi, nhưng làm không nổi việc, thiếp có thể khỏi tội không?

Nhà vua nói:

— Được.

3. Sau khi Triệu Quát đã thay thế Liêm Pha, bèn thay đổi tất cả những luật lệnh, thay đổi nhiều người quân lại. Tướng Tần là Bạch Khởi nghe vậy, thả kỹ binh, giả vờ thua chạy cắt đứt đường vận lương của Triệu, chia cắt quân Quát làm hai, quân sĩ rời rạc. Được hơn bốn mươi ngày, quân sĩ đói khổ, Triệu Quát đem quân tinh nhuệ ra đánh quân địch. Quân Tần bắn chết Triệu Quát. Binh của Quát bị bại, nấy chục vạn người đầu hàng Tần, Tần đều chôn sống hết. Triệu trước sau mất bốn mươi lăm vạn quân. Năm sau quân

1. Ngày xưa vua ngồi hướng bắc quay mặt hướng nam, tướng quân và tể tướng ngồi hướng tây quay mặt về hướng đông.

Tần vây Hàm Đan hơn một năm, suýt nữa thì nước Triệu không khỏi bị tiêu diệt. Nhờ có các chư hầu Sở, Ngụy đến cứu nên mới giải được vây ở Hàm Đan. Vua Triệu cũng vì mẹ Quát trước kia đã nói nên không giết.

4. Sau khi giải vây Hàm Đan được năm năm, nước Yên dùng mưu của Lật Phúc, nói:

— Những người trai tráng của Triệu đều chết ở Trường Bình, bọn con mồ côi chưa lớn...

Bèn đem quân đánh Triệu. Triệu sai Liêm Pha làm tướng đánh tan quân Yên ở Hạo, giết Lật Phúc, bèn vây Yên. Yên cắt năm thành để cầu hòa, Triệu mới nghe, Triệu lấy đất Úy Văn, phong cho Liêm Pha làm Trú Bình Quân, làm quyền tướng quốc (1).

Sau khi Liêm Pha không được cầm quân ở Trường Bình phải về, ở vào lúc thất thế, khách khứa đều bỏ đi hết. Đến khi lại làm tướng quân thì khách khứa lại đến, Liêm Pha nói:

— Các vị hãy rút lui cho!

Khách nói:

— Ô! Sao ngài thấy việc muộn thế? Đạo bạn bè trong thiên hạ, kết bạn với nhau như lối con buôn, trò giao dịch ngoài chợ. Khi ngài có thế thì chúng tôi theo, ngài không có thế thì chúng tôi đi, cái đó là lẽ dĩ nhiên chứ có gì đáng giận!

Được sáu năm (245 trước công nguyên), Triệu sai Liêm Pha đánh đất Phồn Dương của Ngụy, lấy được Phồn Dương.

1. Bấy giờ tướng quốc Lạn Tương Như đã chết. Liêm Pha làm tạm để thay Tương Như.

Vua Hiếu Thành Vương nước Triệu mất, con là Điệu Tương Vương lên ngôi (244 đến 236 trước công nguyên), sai Nhạc Thừa thay Liêm Pha, Liêm Pha giận đánh Nhạc Thừa. Nhạc Thừa bỏ chạy. Liêm Pha bèn chạy sang đất Đại Lương của Ngụy. Sang năm sau, Triệu bèn sai Lý Mục làm tướng đánh Yên, lấy được Vũ Toại, Phương Thành. Liêm Pha ở Lương một thời gian lâu, Ngụy không tin dùng. Nước Triệu thường bị khốn về quân Tần. Vua Triệu lại nghĩ đến việc dùng Liêm Pha. Liêm Pha cũng muốn lại đắc dụng ở Triệu. Vua Triệu sai sứ giả xem Liêm Pha còn dùng được nữa hay không. Kẻ thù của Liêm Pha là Quách Khai cho sứ giả nhiều vàng bảo nói xấu ông ta. Sứ giả của Triệu ra mắt Liêm Pha. Liêm Pha vì vậy ăn một đấu gạo, mười cân thịt trong một bữa cơm, mặc áo giáp lên ngựa để tỏ rằng mình còn dùng được. Sứ giả nước Triệu về báo với nhà vua :

— Liêm tướng quân tuy già, ăn còn khỏe, nhưng khi cùng thần ngồi trong khoảnh khắc ba lần đi đại tiện.

Vua Triệu cho rằng ông ta già cho nên không triệu về. Nước Sở nghe tin Liêm Pha ở Ngụy, ngầm cho sứ đón về. Liêm Pha làm tướng nước Sở không lập được công lao, nói :

— Ta ước được dùng người Triệu ! (1).

Liêm Pha chết ở Thọ Xuân (2).

5. Lý Mục là viên tướng giỏi ở biên giới phía bắc nước Triệu. Mục thường ở Nhạn Môn, đất Đại, phòng bị Hung Nô. Mục được phép tiện nghi đặt quan lại, tất cả tô thuế ở thành thị đều đưa vào trong dinh, để chi

1. Ý nói không lập được công vì quân Sở không theo.
2. Thuộc đất Sở.

tiêu quân phí. Mỗi ngày giết mấy con bò để nuôi quân, tập bắn cung, cưỡi ngựa, canh gác cẩn thận, dùng nhiều người thám thính, hậu đãi chiến sĩ. Ra hiệu lệnh :

— Hung Nô mà vào cướp thì phải lập tức thu thập, bảo vệ, ai dám bắt quân giặc thì chém !

Hung Nô mỗi lần vào, canh gác cẩn thận, mọi người lập tức thu thập gìn giữ không dám chiến đấu.

Như vậy mấy năm cũng không mất mát gì, nhưng Hung Nô cho Lý Mục là nhát, đến cả binh sĩ ở biên giới cũng cho vị tướng của mình là nhát. Vua Triệu trách Lý Mục. Lý Mục vẫn thế. Vua Triệu giận, đòi về, sai người khác làm tướng thay.

Được hơn một năm, Hung Nô mỗi lần đến là ra đánh. Đánh nhiều lần không lợi, tổn thất nhiều, ở biên giới không thể làm ruộng chăn nuôi. Vua lại mời Lý Mục, Lý Mục đóng cửa không ra, cố xưng bệnh, vua Triệu bèn ép nài ông ta dậy để cầm quân. Mục nói :

— Nếu nhà vua nhất định dùng thần, thì thần có được làm như trước mới dám vâng lệnh.

Nhà vua bằng lòng.

6. Lý Mục vẫn theo lối làm như cũ. Hung Nô mấy năm không được gì, kết quả cho ông ta nhát gan. Quân sĩ ở biên giới được thưởng nhiều mà không được dùng, muốn đánh một trận. Bấy giờ Lý Mục mới chọn đủ một nghìn ba trăm cỗ xe, chọn được ba ngàn con ngựa, năm vạn tráng sĩ đáng thưởng mỗi người là trăm lạng vàng (1), mười vạn người thiện xạ, tất cả đều học tập chiến đấu,

1. Quản Trọng có câu : " Kẻ nào có thể phá quân địch, bắt tướng địch thì thưởng một trăm lạng vàng ".

cho súc vật ăn cỏ khắp nơi, nhân dân ở đây đông, Hung Nô vào ít, giả chạy không đánh thắng, vất cho nó mấy ngàn người. Thiền Vu nghe thấy vậy đem tất cả quân đến. Lý Mục bày ra nhiều trận đánh úp, đem hai cánh tả hữu đánh vào, phá, giết hơn mười vạn kỵ binh của Hung Nô: diệt Đan Lam (1), phá Đông Hồ (2) bắt Lâm Hồ đầu hàng (3). Thiền Vu bỏ chạy. Sau đó hơn mười năm Hung Nô không dám đến gần biên giới nước Triệu.

7. Năm thứ nhất thời Điệu Tương Vương nước Triệu (254 trước công nguyên) sau khi Liêm Pha đã trốn vào Ngụy, Triệu sai Lý Mục đánh Yên, lấy Vũ Toại, Phương Thành. Được hai năm, Bàng Noãn phá quân Yên, giết Kịch Tân (4). Bảy năm sau, Tần phá Triệu, giết tướng Hồ Triếp ở Vũ Toại, chém mười vạn người. Triệu bèn cho Lý Mục làm đại tướng quân, đánh quân Tần ở Nghi Ấn, phá tan quân Tần, tướng Tần là Hoàn Nghị phải bỏ chạy. Vua Triệu phong Lý Mục làm Vũ An Quân. Được ba năm, Tần đánh Bàn Ngô. Lý Mục đánh phá quân Tần, phía nam chống lại Hàn, Ngụy.

Năm thứ bảy, đời vua Triệu tên là Thiên (235 đến 238 trước công nguyên) Tần sai Vương Tiễn đánh Triệu, Triệu sai Lý Mục, Tư Mã Thượng chống lại. Tần cho người tôi yêu của vua Triệu là Quách Khai nhiều tiền làm phản gián, nói Lý Mục, Tư Mã Thượng muốn làm phản. Vua Triệu bèn sai Triệu Thông và tướng Tề là Nhan Tụ thay Lý Mục. Lý Mục không vâng mệnh. Vua Triệu sai người tìm bắt được Lý Mục, giết

1. Tên nước Hồ ở phía bắc đất Đại.
2. Tên nước còn gọi là Tiên Ty.
3. Một chi nhánh của Hung Nô.
4. Tướng Yên.

ông ta, bỏ Tư Mã Thượng. Ba tháng sau, Vương Tiễn nhân đánh Triệu gấp, phá tan quân Triệu, giết Triệu Thông, bắt Triệu Vương là Thiên cùng với tướng của vua Triệu là Nhan Tụ, bèn diệt nước Triệu.

Thái Sử Công nói :

— Biết chịu chết tất phải là dũng cảm, cái chết không phải là khó, cái khó là ở chỗ xử trí cái chết. Khi Lạn Tương Như giơ ngọc bích liếc mắt nhìn cột trụ, tình thế chẳng qua chỉ bị giết là cùng. Những kẻ sĩ hoặc vì nhát gan mà không dám làm. Tương Như chỉ một lần biểu lộ dũng khí của mình mà nước địch sợ uy, sau đó, rút lui, nhường Liêm Pha mà danh tiếng trọng như thái sơn, có thể gọi là người khéo sử dụng cả trí lẫn dũng vậy.

ĐIỀN ĐAN LIỆT TRUYỆN

1. ĐIỀN ĐAN là họ hàng xa họ Điền tôn thất nước Tề. Thời Tề Dẫn Vương, Điền Đan làm người coi chợ ở Lâm Tri, không được ai biết đến.

Nước Yên sai Nhạc Nghị (1) đánh phá nước Tề (285 trước công nguyên). Vua Tề Dẫn Vương trốn chạy, rút về giữ thành Cử. Quân Yên thừa thế ruổi dài đuổi đánh, bình định nước Tề. Điền Đan bỏ chạy vào thành An Bình, sai họ hàng cưa tất cả hai đầu trục xe lấy sắt lắp vào để làm trục. Quân Yên tấn công An Bình. Thành vỡ, người Tề bỏ chạy, tranh nhau đường, đầu trục xe gãy, xe đổ nên bị quân Yên bắt làm tù binh. Chỉ có họ hàng Điền Đan nhờ có đầu trục xe bịt sắt cho nên trốn thoát, đi về hướng đông giữ đất Tức Mặc. Quân Yên chiêu hàng tất cả các thành của nước Tề, chỉ còn Cử và Tức Mặc là chưa bị hạ.

Quân Yên nghe tin vua Tề ở thành Cử nên dồn tất cả binh lực đánh thành Cử. Sau khi đã giết Dẫn Vương ở thành Cử, Trác Xỉ cố giữ thành chống lại quân Yên. Quân Yên đánh một năm không lấy được, bèn đem quân về hướng đông vây Tức Mặc. Quan đại phu ở Tức Mặc ra giao chiến bị thua và chết. Người trong

1. Xem *Nhạc Nghị liệt truyện*.

thành cùng nhau tiến cử Điền Đan làm quan giữ thành. Họ nói :

— Trong lúc đánh nhau ở An Bình, họ hàng Điền Đan nhờ có trục xe bằng sắt nên được sống cả. Ông ta thông thạo binh pháp.

Cho nên họ lập Điền Đan làm tướng quân, coi thành Tức Mặc để chống lại quân Yên.

2. Ít lâu sau, Yên Chiêu Vương chết (279 trước công nguyên), Huệ Vương lên ngôi, có hiềm khích với Nhạc Nghị. Điền Đan nghe tin ấy bèn tung phản gián vào nước Yên, phao lên : « Vua Tề đã chết. Nước Tề chỉ còn hai thành nữa không lấy được mà thôi. Nhạc Nghị sợ bị giết nên không dám về, ông ta mượn tiếng đánh Tề, nhưng thực ra là muốn kết hợp binh lực, ngoảnh mặt về hướng nam làm vua đất Tề. Người Tề chưa theo, vì vậy, ông ta đánh Tức Mặc không ráo riết để cho họ theo mình. Người Tề chỉ sợ có viên tướng khác đến thì thành Tức Mặc sẽ bị tiêu diệt mất.

Vua Yên cho là phải, sai Kỵ Khiếp thay Nhạc Nghị.

Nhạc Nghị vì vậy trở về Triệu (1). Sĩ tốt nước Yên phẫn uất. Điền Đan bèn sai người ở trong thành, khi ăn thì phải cúng tổ tiên ở ngoài sân. Chim chóc ở ngoài đều bay vào thành lượn xuống ăn. Nước Yên cho là quái lạ. Nhân đó, Điền Đan phao lên rằng : « Có thần đến dạy bảo ta ». Bèn nói với người trong thành :

— Sẽ có thần nhân làm thầy cho ta.

Có một tên lính nói :

— Tôi làm thầy có được không ?

1. Nhạc Nghị bị đoạt binh quyền không dám trở về Yên, nên đầu hàng nước Triệu. Nhạc Nghị là người Triệu cho nên tác giả nói " về ".

Nói xong, liền bỏ chạy, Điền Đan đứng dậy kéo anh ta lại, đặt ngồi về hướng đông, thờ làm thầy. Người lính nói :

— Tôi nói dối ông đấy, tôi thật chẳng có tài cán gì !

Điền Đan nói :

— Ông chớ nói thế.

Bèn thờ anh ta làm thầy, mỗi khi ra hiệu lệnh đều gọi là «Thần sư». Nhân đó, Điền Đan phao lên :

— Ta chỉ sợ quân Yên xẻo mũi lính Tề, đặt họ ra hàng đầu để cùng ta giao chiến, nếu họ làm thế thì Tức Mặc sẽ bị thua.

Quân Yên nghe vậy làm đúng lời Điền Đan nói. Người trong thành thấy tất cả những người Tề đầu hàng đều bị xẻo mũi nên nổi giận kiên quyết giữ thành, chỉ sợ bị quân Yên tóm được. Điền Đan lại tung bọn phản gián nói :

— Ta sợ người Yên đào mồ mả tổ tiên của ta ở ngoài thành làm nhục tổ tiên, nếu họ làm thế thì thật đáng sợ.

Quân Yên đào tất cả mồ mả của người Tề lên, thiêu xác chết. Người Tức Mặc ở trên thành nhìn ra thấy thế đều khóc, muốn ra đánh, giận gấp mười lần trước.

Điền Đan biết quân sĩ đã dùng được, bèn thân hành mang bai, thuổng, cùng sĩ tốt phân công, biên tên vợ và nàng hầu vào quân đội, phân tán tất cả thức ăn thức uống để nuôi quân sĩ. Điền Đan sai tất cả quân sĩ mang áo giáp nấp một nơi, còn người già yếu, đàn bà con gái đều lên thành cho sứ thần giao ước sẽ đầu hàng Yên, quân Yên đều hô «vạn tuế» ! Điền Đan lại sai thu vàng của dân được một ngàn dật, bảo những người giàu có ở Tức Mặc đưa cho tướng sĩ Yên mà nói :

— Thành Tức Mặc sắp đầu hàng, xin các ông chớ bắt bớ, cướp bóc vợ con của gia đình họ hàng chúng tôi để cho họ được sống yên ổn như trước.

Tướng Yên cả mừng, bằng lòng. Quân Yên vì thế lại càng trễ nải.

3. Điền Đan bèn thu trong thành được hơn một nghìn con trâu, lấy vải quyến mặc cho nó, vẽ vằn rồng ngũ sắc, buộc mũi nhọn ở đầu sừng, buộc lau vào đuôi đổ mỡ vào đấy rồi đốt những bó lau. Lại sai đục mấy mươi hang ở thành, ban đêm tung trâu ra, năm ngàn tráng sĩ tiếp theo sau. Đuôi trâu nóng, trâu nổi giận, xông vào quân Yên, quân Yên đang đêm cả sợ. Đuôi trâu bốc lửa, ánh sáng chói lòa. Quân Yên nhìn vào thì thấy toàn là vằn rồng, trâu húc vào ai thì người ấy đều bị thương và chết. Năm ngàn người theo đó ngậm tăm xông vào đánh, trong thành lại đánh trống reo hò trợ lực, người già cả, yếu đuối đều đánh đồ đồng, tiếng vang động trời đất. Quân Yên hoảng sợ thua chạy. Người Tề đuổi theo giết tướng Yên là Kỵ Khiếp, quân Yên chạy tán loạn, người Tề đuổi theo quân Yên. Quân Tề đi qua thành ấp nào thì thành ấy đều phản lại nước Yên mà trở về với Tề.

Quân của Điền Đan mỗi ngày một nhiều, thừa thắng đuổi theo. Quân Yên ngày càng thua trận, bỏ chạy. Cuối cùng quân Yên rút về trên sông Hoàng Hà, hơn bảy mươi thành của Tề đều trở về nước Tề như cũ. Điền Đan bèn đón Tương Vương ở thành Cử vào thành Lâm Tri để cai trị. Tương Vương phong Điền Đan làm An Bình Quân.

4. Thái Sử Công nói :

— Theo phép dùng binh thì cốt lấy chính binh (1) để

1. Chính binh : cánh quân chính thức giao chiến.

đánh địch, lấy kỳ binh để thắng địch, người khéo dùng binh thì có nhiều cách dùng kỳ binh, nói không thể hết được. Kỳ binh và chính binh sinh ra nhau như cái vòng, không có đâu là đầu mối. Lúc mới dùng binh, phải tỏ vẻ sợ sệt như cô gái trinh khiến kẻ địch khinh thường mở cửa không đề phòng, sau đó thì phải hăng hái như con thỏ thoát lưới làm cho quân địch không kịp chống cự (1). Điền Đan có thể nói là người như thế.

Lúc đầu Trác Xỉ giết Dẫn Vương, người thành Cử đi tìm người con của Dẫn Vương là Pháp Chương bắt gặp ông ta đang làm người tưới vườn ở tại nhà thái sử tên là Hiệu. Con gái của Hiệu thương hại nên đối đãi với ông ta một cách tử tế. Về sau Pháp Chương nói thực tình cảnh của mình với người con gái. Người con gái bèn đi lại với ông ta. Đến khi người thành Cử cùng nhau lập Pháp Chương làm vua Tề, lấy thành Cử để chống lại nước Yên thì người con gái của thái sử được làm vương hậu, người ta gọi là « quân vương hậu ».

Lúc mới vào đất Tề, quân Yên nghe nói Vương Xúc người ở đất Hoạch là người hiền bèn ra lệnh trong quân: « Xung quanh đất Hoạch ba mươi dặm không ai được vào ». Làm thế là vì có Vương Xúc. Sau đó họ sai người nói với Xúc:

— Người Tề phần lớn đều quý trọng phẩm hạnh của ông, ta cho ông làm tướng, phong cho ấp vạn nhà.

Xúc cố từ. Người Yên nói:

— Ông không nghe, ta sẽ đem ba quân giết sạch cả ấp Hoạch.

1. Tác giả lấy lối của binh pháp Tôn Vũ Tử (thiên *Cửu Địa*) để đánh giá tài năng của Điền Đan.

Vương Xúc nói:

— « Trung thần không thờ hai vua, gái trinh không lấy hai chồng ». Vua Tề không nghe lời can ngăn của ta, cho nên ta rút lui mà cày ở nơi đồng nội. Nay nước đã mất, ta không thể còn. Các người lại lấy binh lực ép ta làm tướng, thế là giúp Kiệt làm việc bạo ngược. Sống mà không có nghĩa, không bằng chết bị nấu.

Bèn buộc cổ vào cây, ra sức kéo cổ mà chết.

Các quan đại phu nước Tề nghe tin ấy, nói:

— Vương Xúc là kẻ áo vải mà còn theo nghĩa không quay mặt về hướng bắc thờ Yên, huống những người làm quan ăn lộc sao!

Bèn họp lại đến thành Cử tìm người con của vua lập làm Tương Vương.

KHUẤT NGUYÊN LIỆT TRUYỆN

1. KHUẤT NGUYÊN tên là Bình cùng họ với vua nước Sở. Bình làm chức tả đô đời Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ lâu, thấy rõ lẽ trị loạn, thạo việc giấy tờ. Vào cung thì cùng vua bàn tính việc nước, ban bố các mệnh lệnh, ra thì tiếp đãi khách khứa, ứng đối với chư hầu. Nhà vua rất tin dùng. Đại phu Thượng Quan (1) cùng ông ngang hàng, tranh được vua yêu, trong bụng ghen ghét tài năng.

Hoài Vương sai Khuất Nguyên làm pháp lệnh. Khuất Nguyên nháp bản thảo chưa xong, đại phu Thượng Quan trông thấy muốn cướp lấy, Khuất Nguyên không cho, ông ta bèn gièm với vua:

— Bệ hạ sai Khuất Bình làm pháp lệnh, không ai là không biết. Mỗi khi lệnh ban ra, Bình lại khoe công của mình, nói: « Ngoài ta ra, chẳng ai làm nổi! ».

Nhà vua giận, bỏ rơi Khuất Bình.

2. Khuất Bình giận về nỗi nhà vua nghe không phân biệt phải trái, để lời gièm pha che lấp óc sáng suốt, để kẻ gian ác làm hại người trung thành, khiến

1. Có sách chú Thượng Quan là họ, có sách chú thượng quan đại phu là chức quan.

2. Đoạn 1: Khuất Nguyên bị nhà vua bỏ rơi.

cho người ngay không có chỗ dung thân, cho nên lo buồn nghĩ ngợi mà làm ra « Ly Tao ».

« Ly Tao » cũng như là buồn trong chia ly. Trời là khởi thủy của loài người. Cha, mẹ là gốc của con người. Người ta gặp lúc khốn cùng thì quay về gốc. Cho nên hễ khó nhọc mỏi mệt, ốm đau, không ai không kêu trời! Khi đau xót, thương cảm, không ai không kêu cha mẹ. Khuất Bình theo đạo ngay đi đường thẳng, dốc hết lòng trung, đưa hết trí khôn ra thờ vua, nhưng lại bị kẻ gièm pha ly gián, có thể gọi là ở vào cảnh khốn cùng vậy! Mình tín mà bị ngờ vực, mình trung mà bị chỉ trích, làm sao khỏi oán thán! Khuất Bình viết *Ly Tao* là do oán thán mà ra vậy! Thơ *Quốc Phong* mê sắc mà không dâm, thơ *Tiểu Nhã* oán trách mà không loạn. Như *Ly Tao* thực là gồm được cả hai. Trên kể từ Đế Cốc, dưới nói đến Tề Hoàn, giữa thuật chuyện vua Thang và Vũ, chỉ trích việc đời. Nó nêu rõ tầm quan trọng của đạo đức, nguyên nhân làm nước nhà trị hay loạn, không có chuyện gì là không nói đến, Văn ông ngắn gọn, kín đáo, chí ông trong sạch, nết ông thanh cao; tuy nói những điều vụn vặt, nhưng ý nghĩa rất rộng; việc nhắc đến tuy gần, nhưng nghĩa thì xa. Chí ông trong sạch nên nói đến các hoa thơm. Nết ông cao cho nên dù chết cũng không được dung nạp. Ông thoát khỏi cái thế giới bùn lầy như con ve bỏ lốt ở nơi dơ đục, để cất mình ra khỏi đám bụi trần chẳng để cho đời làm dơ bẩn. Thật là ở bùn mà trong trắng chẳng lây đen. Suy cái chí ấy thì ông có thể thi sáng với mặt trăng, mặt trời vậy! (1).

1. Đoạn 2: Giá trị của *Ly Tao*. Bài này có một ý nghĩa rất lớn. Ở Âu Châu, trong lịch sử, người ta không nói đến các nhà văn. Mãi đến thế kỷ XVIII, Vôntơ trong " *Lịch sử thế kỷ Lu-i XIV* " mới có một ...

3. Sau khi Khuất Nguyên bị truất, nước Tần muốn đánh Tề, nhưng Tề hợp tung với Sở. Tần Huệ Vương lo ngại bèn sai Trương Nghi giả vờ bỏ Tần, mang nhiều tiền của tình nguyện thờ nước Sở. Trương Nghi nói :

— Tần rất ghét Tề, nhưng Tề lại hợp tung, thân với Sở. Nếu Sở tuyệt giao với Tề thì Tần sẽ xin dâng sáu trăm dặm đất ở Thương Ư.

Sở Hoài Vương tham đất, lại tin lời Trương Nghi, bèn tuyệt giao với Tề, sai sứ sang Tần nhận đất. Trương Nghi nói dối sứ giả :

— Nghị hẹn cho nhà vua sáu dặm, chứ có phải sáu trăm dặm đâu.

Sứ thần Sở giận, ra về, nói lại với Hoài Vương. Hoài Vương giận, đem đại quân đánh Tần. Tần đem quân đánh lại, phá tan quân Sở ở sông Đan, sông Tịnh, chém tám vạn đầu, bắt tướng Sở là Khuất Cái, lấy đất Hán Trung của Sở. Hoài Vương bèn đem tất cả quân trong nước Sở đánh sâu vào nước Tần. Hai bên đánh nhau ở Lam Điền. Nước Ngụy nghe tin, đánh úp Sở, đem quân đến đất Đặng. Quân Sở lo sợ từ nước Tần trở về, còn quân Tề thì giận không cứu Sở, Sở khốn to.

. . . chương dành cho văn học· Tư Mã Thiên dành cả một chương cho Khuất Nguyên với những lời lẽ đanh thép quyết định. Ngoài Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên còn nói đến những nhà làm phú như Giả Nghị, Tư Mã Tương Như v·v·· cùng với tất cả các nhà tư tưởng gia. Trước ông không ai nhắc đến Khuất Nguyên, sau ông không ai đánh giá Khuất Nguyên đúng bằng. Ở Trung Quốc cổ chưa có phê bình văn học, chỉ có sự phê bình qua ý nghĩa chính trị chứ không nói đến sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Đoạn này là một thứ ngoại lệ.

Năm sau, Tần cắt đất Hán Trung để giảng hòa với Sở. Vua Sở nói :

— Không cần được đất ! Xin được Trương Nghi là hả dạ.

Trương Nghi nghe vậy liền nói :

— Lấy một mình Nghi mà đổi được đất Hán Trung vậy thần xin đi sang Sở.

Khi sang Sở, Nghi lại dùng nhiều của đút lót cho viên quan cầm quyền là Cận Thượng bày cách nói với người vợ yêu của Hoài Vương là Trịnh Tụ. Kết quả, Hoài Vương nghe lời Trịnh Tụ lại tha cho Trương Nghi về.

Khi ấy Bình đã bị nhà vua bỏ rơi không còn ở lại địa vị cũ. Bình đi sứ ở Tề, quay về can Hoài Vương :

— Sao không giết Trương Nghi đi ?

Hoài Vương hối hận cho người đuổi theo Trương Nghi, nhưng không kịp nữa.

Về sau, chư hầu cùng nhau đánh Sở, phá tan quân Sở, giết tướng Sở là Đường Muội. Bấy giờ Chiêu Vương nước Tần thông gia với Sở, muốn họp mặt với Hoài Vương, Hoài Vương toan đi. Khuất Bình can :

— Tần là nước hùm sói, không thể tin ! Đừng đi là hơn.

Con nhỏ của Hoài Vương là Tử Lan, khuyên nhà vua nên đi :

— Sao lại để mất lòng vua Tần ?

Hoài Vương bèn ra đi. Khi vào đất Vũ Quan, Tần sai phục binh cắt đứt đường về, nhân giữ Hoài Vương lại để đòi cắt đất. Hoài Vương giận, không chịu, bỏ trốn sang Triệu, Triệu không chứa, Hoài Vương lại về Tần, rốt cục chết ở Tần, rồi đưa về chôn ở Sở.

Con cả của Hoài Vương lên ngôi tức là Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương cho em là Tử Lan làm lệnh doãn. Người nước Sở vẫn cho việc khuyên Hoài Vương sang Tần không về là tội của Tử Lan (1).

4. Khuất Bình cũng ghét chuyện ấy. Tuy bị ruồng bỏ, xua đuổi, ông vẫn lo toan nước Sở, lòng vẫn nghĩ đến Hoài Vương, cứ mong trở về, mong có một ngày nào nhà vua tỉnh ngộ, tập tục sẽ thay đổi. Lòng ông chỉ mong sao cho nhà vua được còn, nước được mạnh, trong một bài, ông nhắc đi nhắc lại điều ấy đến ba lần. Nhưng rốt cục vẫn không làm sao được ! Điều đó, chứng tỏ Hoài Vương suốt đời không tỉnh ngộ.

Người làm vua, không kể dại hay khôn, hiền hay dở, đều muốn tìm kẻ trung thần để trị nước, cất nhắc kẻ giỏi để giúp mình. Vậy mà chuyện nước mất nhà tan thì cứ kế tiếp nhau diễn ra, trái lại cái cảnh vua thánh nước trị thì mấy đời cũng không thấy có. Đó là vì cái bọn gọi là trung kia không phải là trung, và cái bọn gọi là giỏi kia không phải là giỏi vậy. Hoài Vương vì không biết phân biệt kẻ trung thần cho nên ở trong thì bị Trịnh Tụ làm mê hoặc, ở ngoài bị Trương Nghi lừa dối, rốt cục ruồng bỏ Khuất Bình mà tin đại phu Thượng Quan, lệnh doãn Tử Lan. Rốt cục quân thua, đất bị cắt, mất đứt sáu quận, chết bỏ xác ở đất Tần, làm trò cười cho thiên hạ. Đó đều do không biết người mà mắc vạ. *Kinh Dịch* nói : «Giết sạch chẳng ăn, lòng ta băn khoăn ! Đạo ta có thể đem ra dùng, vua sáng dùng đạo ta, mọi người đều nhờ phúc ». Vua không sáng thì thực là vô phúc vậy !

1. Tình hình nước Sở sau khi Khuất Nguyên bị đuổi.

Lệnh doãn Tử Lan biết chuyện cả giận, kết quả sai đại phu Thượng Quan gièm Khuất Nguyên với Khoảnh Tương Vương. Khoảnh Tương Vương giận đày ông (1).

5. Khuất Nguyên đến bờ sông, xõa tóc đi, ngâm nga trên bờ đầm, sắc mặt tiều tụy, hình dung khô héo. Một ông cụ đánh cá, thấy hỏi ông ta :

— Ông là quan tam lư đại phu (2) đấy phải không ? Vì sao đến nông nỗi này ?

Khuất Nguyên nói :

— Tất cả đời đều nhơ đục, chỉ một mình ta trong, tất cả mọi người đều say, riêng một mình ta tỉnh, cho nên bị đuổi.

Cụ đánh cá nói:

— Người thánh nhân không khư khư ở một vật, mà biết thay đổi theo đời. Tất cả đều nhơ đục sao ông không xuôi theo dòng làm cho sóng lên cao ? Tất cả mọi người đều say, sao ông không nhai bã rượu và húp rượu ? Vì cớ gì lại ôm ngọc cần, giữ ngọc du trong người để đến nỗi bị đuổi !

Khuất Nguyên nói ;

— Tôi nghe nói, khi vua gội đầu xong thì người ta phủi mũ, khi vua tắm xong thì người ta giũ áo, lẽ nào để cái thân trong trắng bị vật làm nhơ bẩn đi. Ta thà gieo mình xuống sông Tương, chôn mình trong bụng cá, lẽ nào để cái bản chất trắng ngần của ta chịu bụi bậm của đời ?

Bèn làm bài phú *Hoài Sa*, đoạn ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết (3).

1. Tâm sự u uất của Khuất Nguyên,
2. Chức quan coi ba họ tôn thất của Sở,
3. Đoạn 5 ; Trích bài *Ngư Phủ Từ* của Khuất Nguyên. Bài này tác giả dùng lối vấn đáp để bày tỏ lòng mình. Nhân vật ông lão đánh cá là một nhân vật tượng trưng.

6. Sau khi Khuất Nguyên đã chết, nước Sở có bọn Tống Ngọc, Đường Lạc, Cảnh Sai đều thích văn chương và nổi tiếng về lối phú. Song họ chỉ biết bắt chước Khuất Nguyên về chỗ lời lẽ dịu dàng chứ không ai dám nói thẳng. Nước Sở ngày càng hao mòn, sau mấy chục năm, cuối cùng bị nước Tần tiêu diệt.

Sau khi Khuất Nguyên chết đuối ở Mịch La hơn trăm năm, đến đời Hán, có Giả Nghị (1) làm thái thú của Trường Sa Vương, qua sông Tương, ném thư xuống sông để điếu Khuất Nguyên (2).

7. Thái Sử Công nói:

— Tôi đọc *Ly Tao, Thiên Vấn, Chiêu Hồn, Ai Sính* thương chí ông. Tôi sang Trường Sa xem quãng sông Khuất Nguyên trầm mình, không lần nào không khóc. Khi thấy Giả Sinh viếng ông, tôi lấy làm lạ về chỗ tài giỏi như Khuất Nguyên nếu đi sang chư hầu thì nước nào mà chẳng dùng, tại sao lại làm khổ mình như thế? Đến khi đọc bài phú «*Phục Điểu*» thấy nói đến việc coi sống chết như nhau, coi thường việc đi hay ở, bấy giờ lòng luống bâng khuâng tự biết là lầm!

1. Giả Nghị, một nhà chính trị, nhà văn có tiếng đời Hán Văn Đế chết năm 33 tuổi được Tư Mã Thiên chép chung vào một thiên với Khuất Nguyên. Ở đây không dịch phần nói về Giả Nghị. Giả Nghị có tài nhưng không được vua dùng cho đi làm thái phó của Trường Sa Vương, đến Trường Sa cảm thông cảnh ngộ của Khuất Nguyên làm bài *Điếu Khuất Nguyên* trong đó có câu "Nhìn chín châu mà tìm vua chừ! Có gì mà phải nhớ mong kinh đô ấy?" Ý hỏi tại sao Khuất Nguyên không sang nước khác. Nhưng ở bài *Phục Điểu Phú* (bài phú con cú) thì Giả Nghị [illegible] "Sống kia như trôi chừ, chết kia như nghỉ" Ý nói mình lầm chưa hiểu [illegible]i Khuất Nguyên. Khuất Nguyên không phải là hạng Tô Tần lo mưu lợi cho mình mà là người yêu nước cho nên coi thường sống chết.

2. Đoạn 6: Nước Lỗ sau khi Khuất Nguyên chết.

TRUYỆN LÃ BẤT VI

1. LÃ BẤT VI là một nhà buôn lớn ở Dương Địch, đi lại mua rẻ, bán đắt, trong nhà có hàng nghìn cân vàng. Năm thứ bốn mươi đời Chiêu Vương nước Tần, thái tử mất. Năm thứ bốn mươi hai, nhà vua cho con thứ là An Quốc Quân làm thái tử.

An Quốc Quân có hơn hai mươi người con; lại có người yêu nhất được lập làm chính phu nhân, gọi là Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con. Tử Sở là con giữa của An Quốc Quân. Mẹ Tử Sở là Hạ Cơ không được vua yêu nên Tử Sở phải làm con tin của Tần ở nước Triệu. Tần mấy lần đánh Triệu, nên Triệu bạc đãi Tử Sở. Tử Sở là cháu của vua Tần, làm con tin ở chư hầu, xe ngựa, vật tiêu dùng chẳng được sẵn, ở cảnh cùng khốn có vẻ bực bội. Lã Bất Vi ở Hàm Đan, trông thấy Tử Sở thương hại, nói:

— Món hàng này lạ, có thể buôn được đây! (1).

Bất Vi bèn nói với Tử Sở;

— Tôi có thể làm cửa nhà ngài lớn lên.

Tử Sở cười:

— Ông hãy tự làm cho nhà cửa ông lớn lên đã rồi hẵy làm đến cửa nhà tôi.

1. Miêu tả tâm lý thương nhân rất sinh động.

Lã Bất Vi nói:

— Thế thì ngài không biết: cửa nhà tôi phải đợi cửa nhà ngài mới lớn được.

Tử Sở hiểu ý, bèn ngồi nói chuyện. Lã Bất Vi nói:

— Vua Tần già rồi mà An Quốc Quân lại là thái tử. Tôi trộm nghe An Quốc Quân rất yêu Hoa Dương phu nhân. Phu nhân không có con, nhưng chỉ có phu nhân mới lập nổi con thừa tự mà thôi! Nay anh em ngài hơn hai mươi người, ngài lại ở hàng giữa không được yêu lắm, cứ làm con tin mãi ở nước ngoài thì dù nhà vua mất đi, An Quốc Quân lên ngôi, ngài cũng đừng hòng làm thái tử.

Tử Sở nói:

— Phải! Nhưng làm thế nào được?

Bất Vi nói:

— Ngài nghèo làm người khách ở đây chẳng có gì mà dâng biếu cha mẹ cùng giao kết với bạn bè! Bất Vi tuy nghèo, xin bỏ nghìn vàng sang tây nói với An Quốc Quân cùng Hoa Dương phu nhân, lập ngài làm con thừa tự.

Tử Sở dập đầu lạy mà nói:

— Nếu được như mưu của ông thì xin cùng ông hưởng nước Tần!

Bất Vi liền cho Tử Sở năm trăm cân vàng tiêu dùng và đãi tân khách; lại lấy năm trăm cân vàng mua của báu vật lạ, thân hành đem sang Tần, xin ra mắt người chị Hoa Dương phu nhân để dâng những vật ấy cho Hoa Dương phu nhân. Nhân đó, Bất Vi kể Tử Sở tài giỏi, khôn ngoan, chơi bời với người các nước, bạn hữu khắp thiên hạ, Bất Vi nói:

— Tử Sở cho phu nhân là trời. Ngày đêm khóc nhớ thái tử và phu nhân.

Phu nhân mừng lắm.

Bất Vi nhân xui người chị phu nhân nói với phu nhân:

— Tôi nghe: «Nếu lấy nhan sắc thờ người thì khi nhan sắc suy là tình yêu phai nhạt». Nay phu nhân thờ thái tử rất được yêu nhưng chưa có con. Sao chẳng nhân lúc này lựa một người hiền và có hiếu ở trong các con cho làm thừa tự và nhận làm con. Như thế chồng còn, mình được tôn quý, đến khi chồng trăm tuổi, con mình làm vua, mình vẫn không thất thế. Thật là nói một câu lợi đến muôn đời. Nay lúc đang thịnh mà không chăm đến gốc, thì khi nhan sắc suy, yêu thương nhạt, dù muốn mở miệng nói một lời cũng khó lòng nói được. Tử Sở là người hiền lại tự biết mình là con hàng giữa, kể thứ tự không sao làm được con thừa tự. Mẹ ông ta lại không được thái tử yêu nên đem mình nương nhờ phu nhân. Nếu lúc này phu nhân cho anh ta làm con thừa tự, thì suốt đời phu nhân sẽ có quyền thế ở Tần.

Hoa Dương phu nhân cho là phải. Nhân dịp thong thả, phu nhân nói với thái tử:

— Tử Sở hiện làm con tin ở nước Triệu là người rất giỏi, kẻ qua lại đều khen...

Đoạn sụt sùi khóc, mà nói:

— Thiếp đội ơn được sung vào hậu cung nhưng không may không có con. Vậy xin cho nhận Tử Sở làm con, lập làm thừa tự để gửi thân thiếp.

An Quốc Quân hứa cho, bèn cùng phu nhân khắc con dấu bằng ngọc hẹn sẽ lập Tử Sở làm con thừa tự. An Quốc Quân cùng phu nhân bèn cho Tử Sở nhiều của và xin Bất Vi giúp đỡ cho.

2. Danh tiếng Tử Sở từ đó càng nổi với chư hầu. Lã Bất Vi kén trong số vợ mình ở Hàm Đan một người

tuyệt đẹp và múa khéo, lại biết người này đã có mang. Tử Sở sang nhà Bất Vi, trông thấy, đem lòng mê, nhân đứng dậy chúc thọ mà xin. Bất Vi nghĩ giận mình đã vì Tử Sở phá hết nhà cửa, muốn dùng món lạ để câu, bèn dâng vợ. Người vợ giấu chuyện mình đã có mang, đến đủ tháng sinh con là Chính. Tử Sở bèn lập nàng làm phu nhân. Năm thứ 50, đời vua Chiêu Vương nước Tần, Tần sai Vương Ý vây Hàm Đan rất gấp. Nước Triệu muốn giết Tử Sở. Tử Sở cùng Lã Bất Vi mưu đưa sáu trăm cân vàng cho kẻ coi giữ nên trốn thoát về với quân Tần... Triệu muốn giết vợ con Tử Sở, nhưng vợ của Tử Sở là con nhà tai mắt ở Triệu, lẩn trốn được, vì thế mẹ con đều sống.

Năm thứ năm mươi sáu, Tần Chiêu Vương mất, thái tử An Quốc Quân lên làm vua, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu. Tử Sở làm thái tử. Vua Triệu cũng cho đưa vợ của Tử Sở cùng con là Chính về Tần. Vua Tần lên ngôi được một năm thì mất, hiệu bụt là Hiếu Văn Vương. Thái tử Tử Sở lên thay, tức là Trang Tương Vương, tôn mẹ nuôi là Hoa Dương hậu làm Hoa Dương thái hậu, mẹ là Hạ Cơ là Hạ thái hậu.

3. Năm đầu, Trang Tương Vương cho Bất Vi làm thừa tướng, phong là Văn Tín Hầu, được ăn thuế mười vạn hộ ở Hà Nam, Lạc Dương. Trang Tương Vương làm vua được ba năm thì mất, thái tử tên là Chính lên ngôi tôn Lã Bất Vi làm tướng quốc, gọi là trọng phụ. Vua Tần tuổi nhỏ, thái hậu thường thường lén lút tư thông với Lã Bất Vi. Trong nhà Lã Bất Vi có đến vạn người. Bấy giờ ở Ngụy có Tín Lăng Quân, ở Sở có Xuân Thân Quân, ở Triệu có Bình Nguyên Quân, ở Tề có Mạnh Thường Quân, đều đua nhau quý kẻ sĩ, chiều tân khách. Bất Vi thấy Tần mạnh mà mình không bằng họ nên xấu hổ cũng đón mời các kẻ sĩ đãi rất hậu, khách ăn trong

nhà có đến ba nghìn. Khi ấy chư hầu có nhiều biện sĩ, như bọn Tuân Khanh làm sách truyền bá ra thiên hạ. Bất Vi bèn sai các khách soạn ra những điều mình biết, họp lại làm tám Lãm, sáu Luận, mười Kỷ gồm hơn hai mươi vạn chữ, cho là đủ hết những việc trời, đất, muôn vật, xưa nay ; đặt tên sách là *Lã Thị Xuân Thu* bày ở cửa chợ Hàm Dương, đặt nghìn lạng vàng lên trên, mời các du sĩ của chư hầu ai có thể thêm bớt một chữ thì xin biếu một nghìn lạng vàng (1).

Khi ấy Thủy Hoàng Đế đã lớn mà thái hậu cứ dâm loạn mãi. Bất Vi sợ lộ, mang vạ, bèn ngầm tìm kẻ dương vật lớn là Giao Ái, dùng làm người nhà. Thường làm trò vui, sai Ái lấy vật của mình tra vào bánh xe gỗ đồng mà đi, khiến thái hậu nghe biết chuyện để nhử thái hậu. Quả nhiên thái hậu nghe chuyện rồi, muốn được riêng Giao Ái. Lã Bất Vi bèn dâng Giao Ái. Bất Vi vờ sai người tố cáo y phạm tội đáng thiến. Bất Vi lại báo với thái hậu : Nên cho kẻ giả bị thiến này làm chức Cấp Sự Trung. Thái hậu bèn ngầm cho kẻ coi việc thiến nhiều tiền. Viên quan coi án lại luận tội vờ, nhổ râu mày làm cho hoạn quan Giao Ái nhờ vậy được vào hầu thái hậu. Thái hậu cùng y gian dâm, rất yêu rồi chửa, sợ người ta biết chuyện, bèn vờ xem bói nói nên tránh mùa dời cung sang đất Ung. Giao Ái thường đi theo được thưởng rất hậu, việc gì cũng do Giao Ái quyết định. Nhà Giao Ái tôi tớ vài nghìn người, các khách cầu làm quan, làm môn hạ cho y đến hơn nghìn người.

Năm thứ bảy đời Thủy Hoàng, mẹ Trang Tương Vương là Hạ thái hậu mất. Vợ Hiếu Văn là Hoa Dương

1. Một cách quảng cáo đặc biệt của thương nhân.

thái được chôn một nơi với Hiếu Văn ở Thọ Lăng. Con Hạ thái hậu là Trang Tương Vương chôn ở Chi Dương. Chọ nên Hạ thái hậu bảo chôn riêng mình ở Đỗ Đông, nói rằng : ở đó ngoảnh sang đông nhìn được con ta, ngoảnh sang tây nhìn được chồng ta, trăm năm sau chắc ở đấy có ấp vạn nhà.

Năm thứ chín đời Thủy Hoàng, có kẻ phát giác Giao Ái thực không phải là hoạn quan, thường tư thông với thái hậu, sinh hai con đều giấu đi, hắn mưu với thái hậu : hễ vua chết thì dùng con hắn làm vua. Vua Tần liền giao cho pháp đình xét, biết rõ thực tình. Việc liên can đến tướng quốc là Lã Bất Vi. Tháng chín giết ba họ nhà Giao Ái, lại giết hai con do thái hậu đẻ ra và đày thái hậu sang đất Ung. Nhà cửa các môn hạ của Giao Ái đều bị tịch thu và họ bị đày sang đất Thục. Nhà vua muốn giết cả tướng quốc, nhưng vì Bất Vi thờ vua trước có công lớn, lại được các tân khách, biện sĩ nói giúp khá đông nên không nỡ làm tội.

Tháng mười năm thứ mười, cách chức tướng quốc của Lã Bất Vi. Đến khi người Tề là Mao Tiều thuyết vua Tần, vua Tần mới sang Ung đón thái hậu về Hàm Dương như cũ và phong ấp cho Văn Tín Hầu ở Hà Nam. Được hơn một năm, các tân khách cùng sứ giả của chư hầu đến thăm Văn Tín Hầu lũ lượt ở trên đường. Vua Tần sợ Văn Tín Hầu làm loạn, bèn viết thư nói :

«Ông có công gì với Tần, mà Tần phong ông ở Hà Nam, ăn thuế của mười vạn hộ. Ông thân thích gì với Tần mà hiệu là Trọng Phụ ?

Rồi bắt đem cả nhà dời sang Thục. Lã Bất Vi tự liệu sẽ bị giết bèn uống thuốc độc tự tử. Những người vua Tần giận là Lã Bất Vi và Giao Ái đều đã chết. Nhà Vua bèn cho những người nhà của Giao Ái bị đày vào

Thục được trở về. Năm thứ mười chín đời Thủy Hoàng, thái hậu mất, tên thụy là Đế Thái Hậu, chôn một chỗ với Trang Tương Vương ở Chỉ Dương.

4. Thái Sử Công nói :

Lã Bất Vi và Giao Ái đều thành những người sang, được phong làm Văn Tín Hầu, Trường Tín Hầu. Có kẻ tố giác Giao Ái. Giao Ái nghe tin vua Tần sai tìm chứng cứ. Trong khi các quan hầu chưa tìm ra chứng cứ thì nhà vua đi ra ngoài thành Ung. Giao Ái sợ mang vạ bèn cùng đồ đảng bày mưu lấy ấn của thái hậu, đem quân làm phản ở cung Kỳ Niên. Nhà vua sai quân quân đánh Giao Ái. Giao Ái bỏ chạy. Binh sĩ đuổi theo chém y ở Hảo Chi, sau đó giết cả họ Ái. Lã Bất Vi vì thế mà bị truất. Họ Lã phải chăng là người «có tiếng» như Khổng Tử nói (1)?

---

1. *Luận Ngữ* thiên "Nhan Uyên". Khổng Tử nói "... Con người (mà người ta gọi là) có tiếng bên ngoài có vẻ theo nhân, nhưng việc làm thì trái...". Ý nói là kẻ nịnh hót.

THÍCH KHÁCH LIỆT TRUYỆN

1. TÀO MẠT là người nước Lỗ, lấy sức mạnh được thờ Lỗ Trang Công (693 đến — 662 trước công nguyên) Lỗ Trang Công chuộng sức mạnh, Tào Mạt làm tướng nước Lỗ đánh nước Tề ba lần đều bị thua, Lỗ Trang Công sợ, bèn hiến đất Toại Ấp để cầu hòa, sau đó lại cho làm tướng như cũ.

Tề Hoàn Công hứa cùng họp với vua Lỗ ở ấp Kha để ăn thề. Hoàn Công và Trang Công đã thề ở trên đàn, Tào Mạt cầm chủy thủ đe dọa (1) thị uy với Tề Hoàn Công. Các quan hầu cận của Hoàn Công không ai dám động. Hoàn Công hỏi :

— Nhà ngươi muốn gì ?

Tào Mạt nói :

— Tề mạnh, Lỗ yếu, nước lớn xâm phạm nước Lỗ đã quá lắm. Nay thành nước Lỗ nếu sụp đổ thì đè cả đất Tề (2) nhà vua liệu lấy !

Hoàn Công bèn hứa trả tất cả đất đai đã chiếm đoạt trước cho Lỗ. Nói xong, Tào Mạt ném chủy thủ xuống đàn, ngoảnh mặt về hướng bắc đến chỗ đứng của bầy

1. Chủy thủ : thứ kiếm ngắn đầu mũi như cái chủy (cái thìa).

2. Câu này ngụ ý dọa Hoàn Công, ý nói sẽ liều mình mà hại đến thân thể Hoàn Công.

tôi, sắc mặt không thay đổi, nói năng vẫn ôn hòa như thường.

Hoàn Công giận, muốn bỏ điều đã hứa. Quản Trọng nói :

— Không nên ! Nếu tham cái lợi nhỏ để cho thỏa thích mình, bỏ tín nghĩa đối với chư hầu, thì mất sự giúp đỡ của thiên hạ. Chi bằng cứ cho là hơn.

Hoàn Công bèn trả lại những đất Lỗ đã bị Tề xâm chiếm, các đất đai đã mất sau ba lần Tào Mạt đánh thua đều được trao lại cho nước Lỗ.

Sau đó một trăm sáu mươi bảy năm thì nước Ngô xảy ra việc của Chuyên Chư.

***

2. Chuyên Chư là người đất Đường Ấp, thuộc nước Ngô, Ngũ Tử Tư trốn khỏi nước Sở chạy sang Ngô, biết tài năng của Chuyên Chư. Sau khi ra mắt Ngô Vương tên là Liêu, Ngũ Tử Tư, bàn việc đánh Sở lợi như thế nào. Công tử Quang nước Ngô nói :

— Gã Ngũ Viên này cha anh đều bị Lỗ giết, nay Viên nói việc đánh Sở, là muốn báo thù riêng của mình, chứ không phải vì nước Ngô.

Vua Ngô bèn thôi. Ngũ Tử Tư biết công tử Quang muốn giết Ngô Vương Liêu bèn nói :

— Ông Quang này sắp nghĩ đến việc bên trong cho nên chưa thể nói việc bên ngoài (1).

Bèn tiến cử Chuyên Chư cho công tử Quang.

Cha của Quang là Chư Phàn làm vua nước Ngô. Chư Phàn có ba người em. Thứ hai là Dư Thái, đến Di Mạt,

1. Ý nói : nghĩ đến việc tranh ngôi vua ở trong nước nên không nghĩ đến việc đánh nước ngoài.

rồi đến Quý Tử Trát. Chư Phàn biết Quý Tử Trát là người hiền nên không lập thái tử làm vua, cứ theo thứ tự truyền cho ba người em, chủ ý muốn cuối cùng truyền nước cho Quý Tử Trát. Sau khi Chư Phàn chết, truyền ngôi cho Dư Thái. Dư Thái chết truyền ngôi cho Di Mạt, Di Mạt chết đáng lý phải truyền ngôi cho Quý Tử Trát nhưng Quý Tử Trát bỏ trốn không chịu làm vua. Người nước Ngô bèn lập con của Di Mạt là Liêu làm vua. Công tử Quang nói:

— Nếu như cứ truyền theo thứ tự anh em thì Quý Tử đáng được lập làm vua, còn nếu truyền cho con thì Quang này mới thực là người con cả chân chính đáng lập làm vua.

Vì vậy, Quang thường nuôi ngầm các mưu thần để tìm cách tự lập làm vua.

Sau khi được Chuyên Chư, Quang đãi Chuyên Chư như bậc thượng khách. Được chín năm, vua Bình Vương nước Sở chết. Mùa xuân, vua Ngô là Liêu muốn nhân lúc nước Sở có tang phái công tử Cáp Dư, Chúc Dung đem quân vây đất Tiềm của nước Sở, sai Diên Lăng Quý Tử sang nước Tần để xem chư hầu động tĩnh như thế nào.

Nước Sở đem binh chặn đường của tướng Ngô là Cáp Dư, Chúc Dung; quân Ngô không về được.

Công tử Quang bèn nói với Chuyên Chư:

— Cơ hội này không thể bỏ lỡ, nếu mình không tìm thì làm sao mà gặp được! Vả chăng, Quang này thực là người nối dõi nhà vua đáng được lập, Quý Tử có về, cũng không phế truất ta đâu.

Chuyên Chư nói:

— Vương Liêu đáng chết! Mẹ thì già, con thì dại, hai em đem binh đánh Sở bị quân Sở cắt đứt đường

về. Ngày nay nước Ngô bên ngoài bị khốn về nước Sở, bên trong không người tôi chính trực, tức là không làm gì được ta.

Công tử Quang cúi đầu nói:

— Thân của Quang này là thân của ông (1).

Tháng tư, ngày Bính Tý, Quang cho binh sĩ mặc áo giáp nấp ở trong nhà hầm, làm tiệc rượu để mời Vương Liêu đến. Vương Liêu sai dàn binh từ cung đến nhà của Quang, ở ngoài cửa và hai bên thềm đều là thân thích của Vương Liêu. Những người đứng hai bên đường đều cầm giáo dài. Sau khi uống rượu say, công tử Quang giả đau chân vào trong nhà hầm, sai Chuyên Chư nhét chủy thủ vào trong bụng con cá rán rồi đem lên dâng. Khi đến trước mặt vua, Chuyên Chư mổ bụng cá, nhân đó lấy chủy thủ đâm Vương Liêu. Vương Liêu chết ngay. Tả hữu cũng giết Chuyên Chư, người của nhà vua rối loạn... Công tử Quang cho quân sĩ đã phục sẵn xông ra đánh bộ hạ của Vương Liêu, giết chết tất cả, rồi tự lập làm vua, tức là Hạp Lư. Hạp Lư bèn phong con của Chuyên Chư làm thượng khanh.

Sau đó hơn bảy mươi năm ở Tấn xảy ra việc của Dự Nhượng (2).

*
* *

3. Dự Nhượng là người nước Tần, trước kia đã thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, nhưng không ai biết đến,

1. Ý nói mình sẽ lo đến con của Chuyên Chư sau khi Chuyên Chư chết.

2. Cuối mỗi đoạn lại nhắc: "Sau đó... mươi năm"... Để nêu cao tầm quan trọng của sự kiện nên dùng lối văn của biên niên sử.

Dự Nhượng bỏ sang thờ Trí Bá. Trí Bá rất yêu quý và tôn trọng. Đến khi Trí Bá đánh Triệu Tương Tử, Triệu Tương Tử cùng mưu với các nước Hàn, Ngụy, giết Trí Bá. Sau khi đã giết Trí Bá, họ chia đất Trí Bá làm ba phần. Triệu Tương Tử rất oán Trí Bá, nên sơn đầu lâu của Bá để làm đồ đựng rượu.

Dự Nhượng trốn vào trong núi nói:

— Than ôi! Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ! Người con gái làm dáng vì kẻ yêu mình. Nay Trí Bá biết ta, ta phải liều chết báo thù để đền ơn, có thế hồn phách của ta mới khỏi xấu hổ!

Dự Nhượng bèn đổi họ tên làm người bị khổ dịch, lẻn vào cung dọn nhà xí, trong người giấu cái chủy thủ, muốn để đâm Tương Tử. Tương Tử vào nhà xí thấy chột dạ, bắt hỏi người khổ dịch đang dọn nhà xí, thì ra đó là Dự Nhượng, khám trong người có binh khí. Dự Nhượng nói:

— Ta muốn báo thù cho Trí Bá.

Tả hữu muốn giết, Tương Tử nói:

— Hắn là người có nghĩa, ta chỉ cần thận tránh hắn là đủ. Vả chăng, Trí Bá chết không có con cái gì, mà người làm tôi của nó lại muốn báo thù, vậy người này là một người hiền trong thiên hạ.

Cuối cùng tha cho đi.

Ít lâu sau, Dự Nhượng lại sơn mình làm người hủi, nuốt than làm người câm, khiến không ai nhận ra hình dạng. Nhượng đi hành khất ở ngoài chợ, người vợ không nhận ra. Đi gặp người bạn, người bạn nhận được nói:

— Anh có phải là Dự Nhượng đấy không?

— Chính tôi.

Người bạn khóc và nói:

— Có tài như anh nếu gửi mình làm tôi thờ Tương Tử, thì Tương Tử thế nào cũng yêu mến gần gũi anh. Khi Tương Tử đã yêu mến gần gũi anh thì anh làm điều anh muốn, thế chẳng dễ hơn sao? Bây giờ làm hủy hoại thân thể như thế này muốn để báo thù Tương Tử, chẳng phải khó khăn sao?

Dự Nhượng nói:

— Mình đã gửi mình làm tôi người ta, rồi lại tìm cách giết họ, như thế tức là mang hai lòng để thờ vua. Vả chăng điều tôi làm vốn là hết sức khó nhưng tôi làm thế này là để cho hạng làm tôi thờ vua mang hai lòng ở trong thiên hạ sau này phải hổ thẹn!

Sau khi đi rồi, được ít lâu Tương Tử sắp ra đi, Dự Nhượng nấp ở dưới cầu chỗ Tương Tử phải đi qua. Tương Tử đến cầu, con ngựa sợ hãi, Tương Tử nói:

— Đây chắc là Dự Nhượng rồi!

Sai người hỏi thì quả là Dự Nhượng. Tương Tử bèn trách Dự Nhượng:

— Nhà ngươi chẳng phải đã từng thờ họ Phạm và họ Trung Hàng đó sao? Trí Bá diệt họ, thế mà ngươi chẳng báo thù cho họ lại còn gửi mình làm tôi Trí Bá. Nay Trí Bá đã chết rồi sao nhà ngươi lại một mình vì hắn báo thù sâu sắc như vậy?

Dự Nhượng đáp:

— Tôi thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, họ Phạm và họ Trung Hàng đều xem tôi là hạng người thường, cho nên tôi báo đáp theo lối hạng người thường. Còn như Trí Bá thì đối đãi với tôi xem như người quốc sĩ, cho nên tôi phải báo thù theo lối người quốc sĩ.

Tương Tử thở dài, ngậm ngùi khóc mà rằng:

— Than ôi! Dự Nhượng! Nhà ngươi vì Trí Bá báo thù, nay danh cũng đã thành rồi. Quả nhân tha cho

nhà ngươi như thế cũng đã đủ rồi! Nhà ngươi hãy tự liệu lấy; quả nhân không tha cho nhà ngươi nữa.

Bèn sai lính vây bắt. Dự Nhượng nói:

— Tôi nghe «bậc vua sáng không che cái tốt đẹp của người, kẻ trung thần có cái nghĩa phải chết theo danh». Trước đây nhà vua đã tha cho tôi, thiên hạ không ai không khen nhà vua hiền. Việc ngày hôm nay tôi cố nhiên xin chịu chết; nhưng xin nhà vua cho tôi cái áo của ngài để tôi được thỏa ý định báo thù, tuy chết cũng không ân hận. Đó không phải là điều tôi dám mong mỏi, nhưng cũng xin bày gan ruột như vậy.

Tương Tử bèn khen là người có nghĩa và sai người cầm áo đưa cho Dự Nhượng. Dự Nhượng tuốt kiếm, nhảy lên, đâm ba lần và nói:

— Ta có thể chết để báo ơn Trí Bá được rồi!

Rồi phục gươm mà tự sát. Hôm Dự Nhượng chết, các chí sĩ nước Triệu nghe tin đều sụt sùi.

Sau đó hơn bốn mươi năm ở đất Chỉ có việc của Nhiếp Chính.

* * *

4. Nhiếp Chính là người làng Thâm Tĩnh, ấp Chỉ. Chính giết người, trốn kẻ thù, cùng mẹ và chị sang nước Tề làm nghề hàng thịt. Được ít lâu, Nghiêm Trọng Tử người đất Bộc Dương thờ Ai Hầu nước Hàn, có hiềm khích với tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy. Nghiêm Trọng Tử sợ bị giết, bỏ trốn tìm người có thể giết Hiệp Lũy để trả thù. Ông ta đến nước Tề, có người nước Tề nói Nhiếp Chính là người dũng cảm, vì trốn kẻ thù nên nương náu ở trong bọn bán thịt. Nghiêm Trọng Tử đến cửa mời, đi về mấy lần. Sau đó đem rượu đến dâng cho mẹ của Nhiếp Chính. Uống

rượu say, Nghiêm Trọng Tử bưng ra một trăm dật vàng dâng cho mẹ Nhiếp Chính để chúc thọ. Nhiếp Chính lấy làm quái lạ vì quá nhiều, cố hết sức từ tạ Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cố dâng, Nhiếp Chính từ tạ mà rằng:

— Tôi nay có mẹ già, nhà nghèo đến nơi đất khách làm nghề bán thịt để hôm mai kiếm được chút ngọt bùi phụng dưỡng mẹ. Việc phụng dưỡng mẹ đã đầy đủ rồi, không dám nhận của Trọng Tử cho.

Nghiêm Trọng Tử bảo người xung quanh đi ra, nhân đấy nói với Nhiếp Chính:

— Tôi có người thù nên đi khắp chư hầu. Đến nước Tề trộm nghe túc hạ nghĩa khí rất cao, cho nên dâng một trăm dật vàng muốn dùng làm tiền chi dùng qua loa cho bà cụ, để được cùng vui chơi với túc hạ, chứ nào có dám mong mỏi gì.

Nhiếp Chính nói:

— Tôi sở dĩ chịu khuất thân lẫn lút ở nơi chợ búa làm nghề hàng thịt, chỉ là muốn nuôi mẹ già. Mẹ tôi còn sống, Chính này không dám lấy thân giao cho ai.

Nghiêm Trọng Tử cố hết sức van nài, rốt cục Nhiếp Chính vẫn không chịu nhận. Nhưng Nghiêm Trọng Tử vẫn làm đủ nghi lễ khách đối với chủ rồi ra đi.

Được một thời gian lâu, mẹ Nhiếp Chính chết. Sau khi đã chôn cất xong, hết tang ba năm, Nhiếp Chính nói:

— Than ôi, Chính này người ở nơi chợ búa, múa dao làm nghề hàng thịt, thế mà Nghiêm Trọng Tử là bậc khanh tướng của chư hầu, lại không ngại đường xa nghìn dặm, hạ cố đến kết giao. Ta đãi ông như thế, quả là đạm bạc. Ta chưa có công gì lớn đáng được tôn kính như thế, nhưng Nghiêm Trọng Tử lại dâng trăm lạng vàng để làm lễ chúc thọ mẹ ta. Ta tuy không nhận

nhưng riêng điều đó cũng đủ chứng tỏ ông đánh giá Chính cao như thế nào. Người hiền vì muốn báo thù, đến chơi thân với một kẻ khốn cùng xa lạ, Chính này lẽ nào lại im lặng mãi hay sao ? Vả chăng, ngày trước ông ta cố nài Chính, Chính còn lấy cớ mẹ già ; nay mẹ già đã trọn tuổi trời, Chính này sẽ hy sinh vì người tri kỷ.

Nhiếp Chính bèn đi sang hướng tây đến Bộc Dương ra mắt Nghiêm Trọng Tử, nói :

— Ngày trước sở dĩ tôi không dám nhận lời Trọng Tử, chỉ vì mẹ tôi còn sống ; nay không may mẹ tôi đã hưởng trọn tuổi trời, vậy người Trọng Tử muốn báo thù là ai ? Xin cho tôi đi làm việc đó !

Nghiêm Trọng Tử bèn kể rõ đầu đuôi :

— Kẻ thù của tôi là Hiệp Lũy làm tướng quốc nước Hàn. Hiệp Lũy lại là chú của vua Hàn, họ hàng đông và thịnh, nơi ở canh phòng rất nghiêm mật. Tôi muốn sai người đi ám sát nhiều lần, nhưng không ai làm được. Nay túc hạ may mà không bỏ tôi, vậy xin đem nhiều xe ngựa và tráng sĩ để có thể trợ lực cho túc hạ.

Nhiếp Chính nói :

— Nước Hàn và nước Vệ cách nhau không xa lắm. Nay muốn giết tướng quốc của người ta, tướng quốc lại là thân thích của nhà vua, thì tình thế này không thể dùng nhiều người được. Nếu dùng nhiều người thì không thể không bàn trước chuyện lợi hại, bàn chuyện lợi hại thì lời tiết lộ. Lời tiết lộ thì nước Hàn sẽ đem tất cả nước ra đối phó với Trọng Tử, như thế chẳng hóa nguy sao !

Nhiếp Chính bèn từ tạ không nhận xe ngựa, người tùy tùng, chống kiếm đi một mình đến đất Hàn. Tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy ngồi trong phủ, những

người cầm kích để bảo vệ rất đông. Nhiếp Chính xông thẳng vào, lên thềm đâm chết Hiệp Lũy. Tả hữu rối loạn ! Nhiếp Chính hô lớn đâm giết mấy chục người rồi tự bóc da mặt, móc mắt, tự kéo ruột ra mà chết.

Nước Hàn phơi thây Nhiếp Chính ở ngoài chợ, treo giải thưởng để hỏi, nhưng không người nào biết. Nước Hàn bèn treo trọng thưởng để tìm hung thủ : «Ai biết được người giết tướng quốc Hiệp Lũy thì thưởng nghìn vàng». Mãi về sau cũng không ai biết. Chị của Nhiếp Chính là Vinh nghe tin có người giết tướng quốc nước Hàn nhưng không biết hung thủ, trong nước không biết tên họ anh ta là gì, phơi thây treo giải nghìn vàng, bèn nghẹn ngào nói ;

— Đó là em của ta chăng ? Than ôi ! Nghiêm Trọng Tử biết em ta !

Liền đứng dậy đi đến nước Hàn, thì người chết quả là Chính. Nàng nằm bên thây khóc rất thảm thiết nói :

— Đấy là Nhiếp Chính. Người làng Thâm Tỉnh, ấp Chỉ.

Những người ở trong chợ đều nói :

— Người này hành hung giết tướng quốc nước ta, nhà vua treo giải ai biết được tên họ nó thì thưởng nghìn vàng, bà không nghe hay sao, lại dám đến đây nhận mặt nó ?

Vinh đáp lại rằng :

— Tôi có nghe. Nhưng sở dĩ Chính chịu ô nhục, mai một ở nơi chợ búa là vì mẹ già còn khỏe, thiếp chưa lấy chồng. Nay mẹ già đã hưởng trọn tuổi trời, thiếp đã đi lấy chồng, Nghiêm Trọng Tử lại biết tìm thấy em tôi trong nơi khốn cùng, hèn hạ, mà kết bạn, đối đãi rất hậu. Bây giờ làm thế nào ? Kẻ sĩ vốn chết vì người tri kỷ, nay chỉ vì thiếp vẫn còn sống cho nên Nhiếp Chính mới cố tự hủy hoại thân thể để làm mất

tung tích. Lẽ nào thiếp lại sợ thân mình phải chết để cho hủy diệt mất danh tiếng của người em hiền hay sao ?

Điều đó làm cho người ở chợ nước Hàn cả sợ. Người chị bèn kêu trời ba lần rồi sụt sùi thảm thiết, chết bên cạnh Nhiếp Chính. Các nước Tần, Sở, Tề, Vệ nghe vậy đều hỏi :

— Không phải chỉ một mình Nhiếp Chính là giỏi mà cả người chị của anh ta cũng là liệt nữ. Giá trước đấy Nhiếp Chính biết rằng người chị của mình không có tính chịu nhẫn nhục, không sợ cái nguy bị phơi thây, quyết vượt qua nghìn dặm để làm nổi bật danh của em. cả chị cùng em đều chết ở chợ nước Hàn, thì vị tất Nhiếp Chính đã dám trao thân cho Nghiêm Trọng Tử. Nghiêm Trọng Tử cũng có thể gọi là kẻ biết người vậy.

Sau đó hơn hai trăm hai mươi năm, ở nước Tần có việc của Kinh Kha.

* * *

5. Kinh Kha là người nước Vệ, tổ tiên là người nước Tề. Kinh Kha di cư sang Vệ, người Vệ gọi là Khánh Khanh (1). Sau đó sang nước Yên, người nước Yên gọi là Kinh Khanh. Kinh Kha thích đọc sách, đánh gươm, đem kiếm thuật nói với Vệ Nguyên Quân. Vệ Nguyên Quân không dùng.

Sau đó Tần đánh Ngụy (năm 242 trước công nguyên) đặt Đông Quận, dời họ hàng Vệ Nguyên Quân đến đất Dã Vương. Kinh Kha có lần qua chơi đất Du Thứ, bàn kiếm thuật với Cáp Nhiếp. Cáp Nhiếp giận, trợn mắt

1. Khánh có lẽ là họ của Kinh Kha, Khanh danh từ dùng để gọi những người mình tôn trọng.

nhìn Kinh Kha đi ra. Có người nói muốn mời Kinh Kha, Cáp Nhiếp nói :

— Lúc nãy ta bàn kiếm thuật với hắn. Có chỗ không vừa ý, ta trợn mắt nhìn hắn. Thử đi mà xem, chắc hắn đi rồi không dám ở lại nữa.

Sai người đến nhà trọ thì Kinh Kha đã đi xe ngựa rời khỏi đất Du Thứ rồi. Người này về báo, Cáp Nhiếp nói :

— Cố nhiên là hắn đi ! Lúc nãy ta vừa lấy mắt dọa hắn.

Kinh Kha đi chơi đến Hàm Đan. Lỗ Câu Tiễn cùng Kinh Kha đánh cờ, tranh nhau nước cờ, Lỗ Câu Tiễn giận mắng, Kinh Kha im lặng trốn đi, sau đó không gặp nhau nữa (1).

Sau khi Kinh Kha đã đến Yên, làm bạn với người bán thịt chó và người giỏi gẩy đàn trúc (2) tên là Cao Tiệm Ly. Kinh Kha thích uống rượu, ngày ngày cùng anh bán thịt chó và Cao Tiệm Ly uống rượu ở chợ nước Yên. Sau khi chén rượu dở say, Cao Tiệm Ly gẩy đàn trúc, Kinh Kha họa theo mà hát vui với nhau ở giữa chợ. Sau đó lại cùng nhau khóc, xem như bên cạnh không có người (3). Kinh Kha tuy ở trong bọn bợm rượu, nhưng tính tình thâm trầm, thích đọc sách, khi

1. Tác giả dùng phép ức dương : trước khi nói đến sự dũng cảm của Kinh Kha thì kể một chuyện làm người đọc tưởng rằng Kinh Kha lần đầu hèn nhát, rồi lần thứ hai cũng lại hèn nhát.

2. Đàn trúc cũng giống đàn cầm, nhưng lấy trúc mà gẩy.

3. Chi tiết này chứng tỏ Kinh Kha và Cao Tiệm Ly có tâm sự u uất không thể thổ lộ cùng ai. Tư Mã Thiên có một phương pháp tự sự độc đáo làm thành một phong cách riêng : khi kể chuyện về một nhân vật thường đưa ra những giai thoại rất ngắn chỉ 4, 5 câu có vẻ vụn vặt, nhưng những chi tiết ấy lại rất điển hình làm cho nhân vật rất sống.

du lịch các nước chư hầu, đến đâu cũng kết bạn với tất cả những người hiền, trưởng giả ở đấy. Khi sang nước Yên, xử sĩ nước Yên là Điền Quang tiên sinh cũng trọng đãi vì biết rằng Kha không phải là người tầm thường.

Được ít lâu, gặp lúc thái tử nước Yên là Đan làm con tin ở Tần trốn về. Thái tử Đan nước Yên đã có lần làm con tin ở Triệu mà vua Tần tên là Chính lại sinh ở Triệu, lúc nhỏ vẫn chơi thân với Đan. Đến khi Chính được lập làm vua, Đan làm con tin ở Tần, vì vua Tần đối đãi với thái tử Đan không tử tế, cho nên Đan giận trốn về. Đan về tìm cách báo thù vua Tần, nhưng nước nhỏ, sức không làm nổi. Sau đó Tần ngày ngày đem binh ra miền Sơn Đông để đánh các nước Tề, Sở, Tam Tấn, dần dần tiêu diệt chư hầu như tằm ăn lá dâu, sắp đến nước Yên. Vua tôi nước Yên đều sợ họa sắp đến nơi. Thái tử Đan lo lắng hỏi thầy học là Cúc Võ. Cúc Võ nói:

— Đất nước Tần bao khắp thiên hạ, uy hiếp các nước Hàn, Ngụy, Triệu, phía bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu là nơi hiểm trở, phía nam có đất bên sông Kinh, sông Vị là nơi mầu mỡ, chiếm nguồn lợi đất Ba, đất Hán, bên phải có dãy núi đất Lũng, đất Thục, bên trái có nơi hiểm trở như Hàm Cốc Quan, Hào Sơn. Dân đã đông, quân lại mạnh, khí giới có thừa. Nếu họ muốn đem quân ra thì từ Trường Thành xuống phía nam, từ Dịch Thủy lên phía bắc (1) chưa biết ra sao! Tại sao chỉ vì cái oán bị khinh rẻ mà thái tử lại muốn động chạm đến cái vầy ngược của con rồng (2) như thế?

1. Đây chỉ địa phận nước Yên.

2. Hàn Phi nói, dưới cổ con rồng có cái vầy ngược, ai động đến thì nó giết ngay.

Đan nói:

— Vậy thì làm sao?

— Việc ấy xin suy nghĩ cho sâu.

Được ít lâu tướng Tần là Phàn Ư Kỳ có tội với vua Tần, chạy trốn sang Yên, thái tử dung nạp cho ở. Cúc Võ can:

— Không được! Nước Tần đã mạnh lại căm giận nước Yên, như thế cũng đủ đáng sợ lắm rồi. Huống gì nó lại nghe Phàn tướng quân ở đây. Như thế tức là «Ném thịt ra giữa lối đi của hùm đói», cái tai vạ ấy không thể cứu được đâu! Tuy có Quản Trọng, Án Anh(1) cũng không thể bày mưu cho ta. Thái tử phải mau mau cho Phàn tướng quân vào đất Hung Nô để khỏi tai tiếng, xin phía tây ước hẹn với Tam Tấn, phía nam liên kết với nước Tề, nước Sở, phía bắc cầu hòa với Thiền Vu, sau đó mới có thể lo toan được (2).

Thái tử nói:

— Kế của thái phó tốn mất nhiều ngày giờ quá. Lòng tôi lo lắng ưu phiền, sợ không đợi được giây lát. Vả chăng, không phải như thế mà thôi, Phàn tướng quân là người cùng khốn, thiên hạ không ai dung, gửi thân ở Đan, dù sao Đan cũng không thể nào vì bị nước Tần mạnh bức bách mà bỏ rơi người bạn đáng thương, đưa ông ta sang Hung Nô, như thế thì Đan chết mất. Xin thái phó nghĩ cho cách khác.

Cúc Võ nói:

— Làm việc nguy mà muốn cầu được yên, gây họa mà muốn cầu được phúc; mưu kế thì cạn mà kết oán thì sâu; liên kết với một người mà không nghĩ đến cái hại lớn của nước nhà, tức là như người ta nói, thêm

1. Những nhà chính trị giỏi thời Xuân Thu.

2. Ý muốn hợp tung chống Tần.

oán mà gieo họa vậy. Điều đó cũng như lấy nắm lông chim hồng đốt trên lò than, nhất định chẳng còn gì nữa. Nước Tần đã hung ác lại muốn làm hả cơn giận dữ, thì chưa biết đến thế nào mà nói! Nước Yên có Điền Quang tiên sinh là người trí sâu mà dũng cảm thâm trầm, có thể bàn với ông ta được (1).

Thái tử nói:

— Muốn xin thái phó cho tôi được làm quen với Điền tiên sinh, có được không?

Cúc Võ nói:

— Xin vâng.

Cúc Võ bèn đi ra tìm Điền Quang nói:

— Thái tử muốn mưu việc nước với tiên sinh đấy.

Điền Quang nói:

— Xin vâng lời dạy.

Bèn đến, thái tử ra đón, đi giật lùi để dẫn đường, quỳ xuống để trải chiếu.

Điền Quang ngồi yên, xung quanh không có ai, thái tử dời khỏi chiếu nói:

— Nước Yên và nước Tần không cùng sống, xin tiên sinh lưu ý cho.

Điền Quang nói:

— Tôi nghe nói ngựa kỳ, ngựa kỳ lúc đang mạnh thì một ngày ruổi nghìn dặm, đến khi già rồi ngựa hèn vượt lên trước. Nay thái tử chỉ nghe thời Quang còn trai trẻ chứ không biết rằng tinh lực tôi đã hao mòn hết rồi. Nhưng mặc dù Quang không dám bàn việc nước, người bạn của tôi là Kinh Khanh có thể dùng được.

1. Ý Cúc Võ đã muốn nói đến kẻ dùng thích khách cho nên nói đến chữ dũng cảm thâm trầm.

Thái tử nói:

— Tôi muốn nhờ tiên sinh cho tôi kết bạn với Kinh Khanh có được không?

— Thưa vâng.

Điền Quang liền đứng dậy bước rảo ra ngoài. Thái tử tiễn đến cửa căn dặn:

— Điền Đan trình bày, điều tiên sinh chỉ giáo, đều là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ.

Điền Quang cúi đầu mỉm cười nói:

— Vâng.

Điền Quang lom khom đến gặp Kinh Khanh (1) nói

— Quang và ông quen nhau, nước Yên ai cũng biết. Thái tử chỉ nghe Quang lúc còn khỏe mạnh không biết Quang nay đã kém cỏi rồi. Thái tử lại dạy tôi rằng: «Nước Yên nước Tần không cùng chung sống xin tiên sinh lưu ý cho». Quang trộm nghĩ rằng mình không nên tự đứng ra ngoài, nên tiến cử túc hạ với thái tử. Xin túc hạ quá bộ đến cung thái tử.

Kinh Kha nói:

— Xin vâng lời dạy.

Điền Quang nói:

— Tôi nghe nói kẻ trưởng giả làm việc không để cho người ta ngờ mình. Nay thái tử nói với Quang rằng: «Điều nói đó là việc lớn của nước, xin tiên sinh chớ tiết lộ», như vậy là thái tử ngờ Quang. Phàm làm người để cho người ta ngờ mình, thì không phải là người nghĩa hiệp.

Điền Quang muốn tự sát để khích lệ Kinh Kha, nói:

— Xin túc hạ đến gặp thái tử ngay, nói rằng Quang đã chết để chứng tỏ Quang không nói với ai.

1. Hai chữ lom khom đủ để lột tả Điền Quang là ngựa kỳ về già.

Bèn tự đâm cổ mà chết.

Kinh Kha vào yết kiến thái tử nói việc Điền Quang đã chết và kể lại lời của Quang. Thái tử lạy hai lạy, đi bằng đầu gối, nước mắt ròng ròng. Một lúc sau mới nói:

— Đan nay sở dĩ dặn Điền tiên sinh đừng nói là muốn mưu việc lớn thành công. Nay Điền tiên sinh lại lấy cái chết để chứng tỏ mình không nói, thực có phải là bụng của Đan này đâu.

Kinh Kha ngồi yên, thái tử đứng dậy, cúi đầu nói:

— Điền tiên sinh không biết rằng Đan này ngu dại, cho Đan được đến trước mặt túc hạ mà bày tỏ. Đó là trời thương nước Yên mà không vứt bỏ đứa con mồ côi của nó. Nay nước Tần có bụng tham lợi, lòng tham không vừa, nếu không lấy tất cả đất đai trong thiên hạ nộp cho nó, bắt tất cả các vua trong thiên hạ làm tôi nó, thì ý nó chưa thỏa mãn. Nay Tần đã bắt vua Hàn, lấy hết đất Hàn, lại đem binh về phía nam đánh Sở, phía bắc đánh Triệu. Vương Tiễn đem quân mấy mươi vạn chặn lấy đất Chương, đất Nghiệp, Lý Tín lại đem quân ra Thái Nguyên, Vân Trung. Nước Triệu không thể chống nổi Tần, thế nào cũng phải vào xưng thần; vào xưng thần thì tai họa đến nước Yên. Nước Yên nhỏ yếu, nhiều lần khổ vì chiến tranh, tính dốc cả sức trong nước cũng không đủ để chống cự với Tần, chư hầu sợ nước Tần, không ai dám hợp tung. Theo kế riêng của Đan, thì ngu này cho rằng nếu có một kẻ dũng sĩ trong thiên hạ đi sứ sang Tần, dùng lợi to để nhử nó, Tần Vương tham lam, thế nào ta cũng làm được điều mong muốn. Nếu có thể bắt hiếp được vua Tần buộc nó phải trả cho chư hầu những đất nó đã xâm chiếm, như Tào Mạt đã làm đối với Tề Hoàn Công thì thực là hay lắm, không được thế thì nhân đó đâm chết hắn đi. Đại tướng của nước Tần cầm quân ở ngoài mà trong nước lại có

loạn thì vua tôi ngờ vực nhau, nhân thời cơ ấy chư hầu có thể hợp tung, thế nào cũng phá được nước Tần. Đó là điều mong mỏi nhất của Đan nhưng không biết ủy thác cho ai, xin Kinh Khanh lưu ý cho.

Một hồi lâu Kinh Kha đáp:

— Đó là một việc lớn của nước, thần hèn kém sợ không đáng sai khiến.

Thái tử bước đến trước cúi đầu, khẩn khoản xin đừng từ chối, sau đó Kinh Kha mới nhận lời.

Thái tử bèn tôn Kinh Kha làm thượng khanh ở nhà sang nhất. Thái tử ngày ngày đến trước cửa dâng cỗ thái lao, các vật lạ, xe ngựa, gái đẹp tha hồ Kinh Kha muốn gì được nấy để làm chàng vừa lòng.

Sau một thời gian, Kinh Kha vẫn chưa có ý đi. Tướng Tần là Vương Tiễn đã phá nước Triệu, cầm tù vua Triệu, lấy tất cả đất Triệu tiến quân về phía bắc, cướp đất đến biên giới phía nam nước Yên. Thái tử Đan lo sợ, cầu khẩn Kinh Kha.

— Quân Tần nay mai sẽ vượt qua sông Dịch Thủy thì dù tôi muốn hầu túc hạ mãi cũng chẳng dễ mà được đâu!

Kinh Kha nói:

— Thái tử không nói, thì tôi cũng muốn yết kiến để bàn việc ấy. Nay đi mà không có gì làm tin thì khó lòng đến gần vua Tần. Vua Tần treo giải nghìn cân vàng, ấp muôn nhà để bắt Phàn tướng quân. Nếu quả được cái đầu của Phàn tướng quân và địa đồ đất Đốc Cang của nước Yên để dâng lên vua Tần, thì vua Tần thế nào cũng vui lòng cho tôi yết kiến, bấy giờ tôi mới có cách để báo đáp thái tử.

Thái tử nói :

— Phàn tướng quân cùng khốn về với Đan, Đan này không nỡ vì việc riêng của mình làm hại đến người trưởng giả, xin túc hạ nghĩ cho cách khác.

Kinh Kha biết thái tử không nỡ, bèn thân hành đến gặp Phàn Ư Kỳ nói :

— Nước Tần đối đãi với tướng quân có thể gọi là quá thâm độc. Cha mẹ họ hàng đều bị giết, nay nghe nói họ mua cái đầu của tướng quân nghìn cân vàng, ấp vạn nhà, tướng quân nghĩ sao ?

— Ư Kỳ ngửa mặt lên trời thở dài, sa nước mắt mà rằng :

Ư Kỳ mỗi khi nghĩ đến điều đó, thường đau đến tận xương tủy, nhưng không nghĩ ra kế gì.

Kinh Kha nói :

— Nay có một lời, có thể cứu nguy cho nước Yên, báo thù cho tướng quân... Tướng quân nghĩ thế nào ?

Ư Kỳ bèn tiến lên nói :

— Làm thế nào bây giờ ?

Kinh Kha nói :

— Tôi muốn xin cái đầu của tướng quân để hiến vua Tần, vua Tần thế nào cũng mừng rỡ tiếp kiến tôi. Tôi tay trái nắm lấy tay áo nó, tay phải đâm vào bụng nó như thế thì trả được thù cho tướng quân lại rửa được cái nhục bị khinh rẻ của nước Yên. Tướng quân có nghĩ như thế không ?

Phàn Ư Kỳ xắn ống tay áo tiến lên nói :

— Đó là điều ngày đêm tôi nghiến răng nát ruột, đến nay mới nghe được chỉ giáo.

Bèn tự đâm cổ chết (1).

1. Phàn Ư Kỳ lại là một hiệp sĩ. Người thứ hai chết mong giục Kinh Kha báo thù.

Thái tử biết vậy mới ngựa đến, nấp bên thây mà khóc hết sức thảm thương. Nhưng việc đã không làm sao được, nên bỏ đầu Phàn Ư Kỳ vào hòm và niêm phong lại.

Thái tử sai tìm trong thiên hạ được cái chủy thủ sắc của Từ phu nhân nước Triệu, mua mất trăm lạng vàng, sai thợ tẩm thuốc thử đâm vào người hễ máu chảy ra như sợi tơ là người chết ngay.

Bèn chuẩn bị hành lý để cho Kinh Kha đi. Nước Yên có người dũng sĩ là Tần Vũ Dương, mười ba tuổi, giết người không ai dám trừng mắt nhìn. Bèn sai Tần Vũ Dương làm phó. Kinh Kha muốn đợi một người để cùng đi. Người ấy ở xa chưa tới, đã sắp sẵn hành lý cho anh ta. Đợi một thời gian chưa lên đường. Thái tử cho rằng quá chậm, ngờ Kinh Kha có đổi dạ chăng, bèn lại giục :

— Ngày đã hết rồi. Kinh Khanh có bằng lòng đi không, Đan xin cho Tần Vũ Dương đi trước.

Kinh Kha giận mắng thái tử.

— Tại sao thái tử lại làm thế ? Đi mà không nên việc đó là phường con trẻ (1). Cầm một cây chủy thủ, lọt vào nước Tần mạnh bất trắc, tôi sở dĩ ở lại là vì còn đợi người khách của tôi cùng đi. Nay thái tử cho là trễ, vậy xin chia tay ngay.

Bèn ra đi.

Thái tử và tân khách biết chuyện ấy đều mặc áo mũ trắng để tiễn. Đến trên sông Dịch Thủy, sau khi làm lễ tiễn hành, lên đường, Cao Tiệm Ly gẩy đàn trúc, Kinh

1. Ý Kinh Kha muốn đợi người cùng đi cho chắc chắn. Chỉ có bọn trẻ con ngu ngốc mới làm việc xốc nổi không xem xét trước sau sao cho nên việc.

Kha theo nhịp mà hát theo điệu biến chủy (1), kẻ sĩ đều sụt sùi nức nở. Kinh Kha lại tiến lên hát :

Gió hiu hắt, chừ, Dịch Thủy lạnh ghê !

Tráng sĩ ra đi chừ không bao giờ về !

Lại hát theo điệu vũ khảng khái, mọi người trợn mắt, tóc đều dựng đứng xiên lên mũ,

Sau đó Kinh Kha lên xe đi, không hề nhìn ngoái lại (2).

Kinh Kha đến Tần, đem lễ vật giá nghìn vàng đút cho viên quan trung thứ tử là Mông Gia bầy tôi yêu của vua Tần. Gia nói trước với vua Tần :

— Vua Yên thực sợ hãi uy thế của đại vương, không dám đem binh để đón đánh các tướng, muốn xin đem cả nước làm tôi nước Tần, đứng ở hàng chư hầu, chịu nộp cống, chịu nhận chức như một quận một huyện để được giữ tòn miếu của tiên vương. Họ sợ hãi không dám tự bày tỏ, đã chém đầu Phàn Ư Kỳ niêm phong bỏ vào hòm và dâng địa đồ xứ Đốc Cang. Vua Yên lạy trước sân sai sứ sang tâu với đại vương, xin đại vương phán cho như thế nào !

Vua Tần nghe nói cả mừng bèn mặc áo chầu, đặt lễ cửu tân (3), tiếp kiến sứ giả nước Yên ở cung Hàm Dương. Kinh Kha bưng hòm đựng đầu Phàn Ư Kỳ, còn Tần Vũ Dương bưng trắp đựng địa đồ, lần lượt dâng lên. Đến bệ, Tần Vũ Dương run sợ biến sắc mặt, các

1. Nhạc cổ theo âm luật cao thấp chia ra cung, thương, giốc, chủy, vũ, gọi là năm cung.

2. Chỉ thêm mấy chữ "không hề nhìn ngoái lại" mà khí phách anh hùng của Kinh Kha nổi bật.

3. Xem chú thích ở *Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*

quan lấy làm lạ. Kinh Kha quay lại cười Tần Vũ Dương, tiến lên xin lỗi, nói :

— Nó là kẻ mọi rợ ở phương bắc, chưa hề trông thấy thiên tử, cho nên run sợ. Xin đại vương tha thứ cho, để cho nó được làm tròn phận sự một sứ thần trước mặt thiên tử.

Vua Tần bảo Kinh Kha :

— Đưa địa đồ Vũ Dương cầm đó lên đây.

Kinh Kha liền cầm địa đồ dâng lên. Vua Tần mở địa đồ. Giở hết địa đồ thì cái chủy thủ hiện ra. Kinh Kha liền tay trái nắm ống tay áo vua Tần, tay phải cầm chủy thủ chĩa vào người. Đao chưa đến người, vua Tần sợ hãi vùng đứng dậy. Ống áo đứt ! Vua Tần tuốt kiếm, kiếm dài vua nắm lấy bao kiếm. Lúc bấy giờ hoảng hốt, kiếm lại chặt nên không tuốt được ngay. Kinh Kha đuổi theo vua Tần, vua Tần chạy quanh cột trụ, các quan luống cuống, gặp lúc hoảng hốt, đều mất tất cả cái vẻ mặt lúc bình thường. Theo phép của nước Tần các quan chầu trực ở trên điện không được cầm một tấc binh khí. Các lang trung cầm binh khí đều đứng sắp hàng ở dưới điện, nếu không có chiếu chỉ gọi thì không được lên. Bấy giờ đang lúc gấp, không kịp gọi những người cầm binh khí ở dưới. Vì vậy Kinh Kha đuổi vua Tần, các quan vẫn cuống quýt không có gì để đánh trả lại chỉ lấy tay mà đánh Kha. Lúc bấy giờ viên thầy thuốc đứng hầu tên là Hạ Vô Thự lấy túi thuốc cầm trong tay ném Kinh Kha. Vua Tần đang chạy quanh cột vẫn cuống quýt chưa biết làm thế nào. Tả hữu kêu lên :

— Nhà vua mang kiếm sau lưng,

Vua Tần đưa tay ra sau lưng, tuốt kiếm đánh Kinh Kha, chặt đứt bắp vế bên trái. Kinh Kha què bèn cầm chủy thủ ném vua Tần. Ném không trúng, trúng cái cột

đồng. Vua Tần lại đánh Kinh Kha. Kinh Kha bị tám vết thương tự biết công việc không xong bèn tựa vào cột mà cười, ngồi xổm mà mắng :

— Việc này không xong chỉ vì ta muốn để cho nó sống mà uy hiếp nó lấy cho được giấy cam kết để đưa cho thái tử (1).

Lúc bấy giờ tả hữu tiến lên giết Kinh Kha. Vua Tần hoảng hốt một hồi lâu, sau đó ban công lao thưởng các quan và trị tội theo thứ bực, cấp cho Hạ Vô Thư hai trăm cân vàng nói :

— Vô Thư yêu ta nên cầm túi thuốc ném Kinh Kha.

Vua Tần bèn cả giận cho thêm quân sang Triệu, ra lệnh cho Vương Tiễn đem quân đánh Yên. Tháng mười, lấy được thành Kế, vua Yên là Hỷ, thái tử là Đan đều đem tất cả tinh binh sang phía đông cầm cự ở Liêu Đông. Tướng Tần là Lý Tín đuổi đánh vua Yên gấp, vua nước Đại là Gia bèn đưa cho vua Yên là Hỷ bức thư nói :

« Nước Tần sở dĩ đuổi đánh nước Yên ráo riết hơn cả là vì thái tử Đan. Nếu nhà vua giết Đan dâng cho vua Tần thì vua Tần có thể giải hòa, còn có hy vọng nền xã tắc được cùng tế lâu dài ».

Sau đó Lý Tín đuổi Đan. Đan nấp ở vùng sông Diễn Thủy. Vua Yên bèn sai người chém thái tử Đan, dâng đầu cho vua Tần. Tần lại đem binh đánh. Năm năm sau (222 trước công nguyên) nước Tần diệt nước Yên, bắt vua Yên là Hỷ. Sang năm sau, Tần lấy tất cả thiên hạ xưng hiệu là hoàng đế.

1. Tất cả đoạn này không nhắc một chữ đến Tần Vũ Dương càng làm người ta nhớ đến "người bạn" Kinh Kha chờ để cùng đi.

Tần bèn lùng bắt bạn bè của thái tử Đan và Kinh Kha. Họ đều bỏ trốn. Cao Tiệm Ly đổi họ tên đi làm thuê cho người ta, nương náu ở huyện Tống Tử. Được ít lâu, làm việc khó nhọc, nghe ở trên thềm có khách chơi đàn trúc, bàng hoàng không sao bỏ đi được. Thường nói : người này gảy khá, người kia gảy kém. Bọn đầy tớ nói với chủ :

— Người làm thuê kia biết âm nhạc, bàn trộm người hay kẻ dở.

Chủ nhà gọi đến gảy đàn trúc, mọi người đều khen hay, cho rượu uống. Cao Tiệm Ly nghĩ mình cứ lén lút rụt rè mãi bao giờ cho cùng, bèn trở lui, lấy cái đàn trúc và quần áo đẹp trong hòm ra thay đổi dung mạo bước lên. Tất cả khách ngồi ở đấy đều kinh ngạc bước xuống làm lễ, tôn làm thượng khách bảo gảy đàn trúc và hát. Mọi người đều sa nước mắt mà bỏ về. Trong vùng Tống Tử, các nhà lần lượt mời Cao Tiệm Ly đến làm khách. Việc đến tai Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng gọi vào chầu. Có người biết, nói :

— Đó là Cao Tiệm Ly

Tần Thủy Hoàng tiếc chàng giỏi gảy đàn trúc, nên đặc cách tha chết làm cho đui cả hai con mắt của Ly. Sai gảy đàn trúc : lần nào cũng khen hay. Dần dần vua Tần lại ngồi gần, Cao Tiệm Ly đổ chì vào ống đàn trúc, vua lại đến gần hơn, Cao Tiệm Ly giơ đàn đánh Tần Thủy Hoàng. Đánh không trúng, nhà vua bèn giết Cao Tiệm Ly, suốt đời không gần gũi những người các nước chư hầu nữa.

Lỗ Câu Tiễn sau khi nghe tin Kinh Kha đâm vua Tần, nói riêng một mình :

— Than ôi ! tiếc thay hắn không thạo về phép đánh gươm ! Ta thật không biết người quá nỗi ! Xưa kia ta

quát hắn, chắc hắn cho ta không phải là người cùng chí (1).

6. Thái Sử Công nói :

— Người đời nói đến chuyện Kinh Kha, lại khen thái tử Đan có thiên mạng « trời mưa lúa, ngựa mọc sừng » (2), như thế quá đáng ! Lại nói Kinh Kha đâm vua Tần bị thương, cũng đều sai. Trước đây Công Tôn Quý Công, Đổng Sinh giao du với Hạ Vô Thư biết kỹ việc đó nói lại với tôi như thế (3) !

Từ Tào Mạt đến Kinh Kha, năm người, chí nguyện của họ hoặc thành, hoặc không thành, nhưng lập ý rõ ràng không trái với chí mình, danh tiếng để lại đời sau có phải là vớ vẩn đâu !

---

1. Kết luận sinh động. Lỗ Câu Tiễn hối tiếc không dạy cho Kinh Kha phép đánh gươm đến nỗi việc lớn thất bại và tự thẹn về chỗ Kinh Kha bỏ mình ra đi. Câu này cắt nghĩa Kinh Kha muốn chơi với người cùng chí hướng, thấy ai không cùng chí nguyện thì bỏ đi chứ không phải hèn nhát. Nhân vật Kinh Kha lôi cuốn người ta không chỉ vì là hiệp sĩ mà là một người có một tâm sự kín đáo, không mấy người hiểu. Trong những con người không hiểu đó có cả thái tử Đan.

2. Sách *Yên Đan tử* nói : Thái tử Đan xin về, vua Tần không cho, hẹn khi nào đầu quạ trắng, ngựa mọc sừng mới cho về. Đan ngửa mặt lên trời than vãn, trời làm cho đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng ngay. Vua Tần bất đắc dĩ phải cho Đan về. Sách *Phong tục thông* nói : Trời vì thái tử Đan mưa lúa xuống, đầu quạ bạc, ngựa mọc sừng. Ở đây Thái Sử Công dẫn những lời trong truyền ngôn đó.

3. Bác lại những truyền ngôn vu vơ và nêu phương pháp viết sử của mình là căn cứ vào lời nói những người biết rõ sự thực.

LÝ TƯ LIỆT TRUYỆN

1. Lý Tư người đất Thượng Sái thuộc nước Sở. Lúc còn ít tuổi, Tư làm viên lại nhỏ ở quận, thấy con chuột trong nhà xí nơi mình làm việc ăn đồ bẩn thỉu, luôn luôn lo sợ gặp người và chó. Đến khi Tư vào trong kho, nhìn con chuột ở đấy, thấy nó ăn lúa no nê, ở dưới mái nhà lớn, không hề lo gặp phải người hay chó gì hết, Lý Tư bèn than :

— Người ta hiền tài hay kém cỏi chẳng qua cũng như con chuột kia, đều là nhờ ở hoàn cảnh đấy thôi !

Bèn theo Tuân Khanh học thuật làm đế vương (1).

Khi học thành tài, Tư nhận thấy mình có theo vua Sở cũng không làm nên sự nghiệp gì, mà sáu nước đều yếu không có nước nào có thể giúp để lập công danh, nên muốn sang tây vào nước Tần. Tư đến từ biệt Tuân Khanh, nói :

— Tư nghe nói gặp thời cơ không thể bỏ phí. Lúc này các nước chư hầu đang tranh giành nhau, thực quyền ở trong tay những người du thuyết. Nay vua Tần muốn nuốt thiên hạ, lên ngôi hoàng đế để cai trị, đó là thời bay nhảy của kẻ áo vải, thời trổ tài của kẻ du thuyết.

---

1. Thuật làm đế vương tức là chủ trương chính trị của Nho giáo.

Nếu ở địa vị thấp hèn lại bỏ lỡ cơ hội, không làm thì cũng như cầm thú nhìn thấy thịt là ăn, mang cái mặt người trơ trẽn đi ngoài đường đó thôi (1). Cho nên không có gì nhục bằng ở địa vị hèn hạ, không có gì buồn hơn gặp cảnh khốn cùng. Nếu ở mãi địa vị hèn hạ, chịu mãi cảnh khốn khổ, lại còn chê cười thế tục, căm ghét danh lợi rồi tự phụ mình có những điều không thèm làm thì đó không phải là chí nguyện của kẻ du thuyết. Vì vậy Tư đi về hướng tây để du thuyết vua Tần.

Khi đến nước Tần, gặp lúc Trang Tương Vương chết, Lý Tư bèn cầu xin làm môn hạ của Văn Tín Hầu Lã Bất Vi làm thừa tướng nước Tần. Bất Vi cho là người hiền dùng làm lang. Lý Tư nhờ vậy có cơ hội du thuyết. Tư nói với vua Tần như sau :

— Cứ ngồi chờ đợi nay lần mai lữa thì sẽ bỏ mất thời cơ. Làm nên công lớn là ở chỗ biết lợi dụng chỗ sơ hở rồi mạnh dạn làm. Ngày xưa Tần Mục Công làm bá nhưng cuối cùng vẫn không đi về đông thâu tóm cả sáu nước là tại làm sao ? Bởi vì lúc bấy giờ chư hầu còn đông, đức của nhà Chu chưa suy ; cho nên Ngũ Bá kế tiếp nhau nổi lên nhưng cũng đều tôn nhà Chu. Từ thời Tần Hiếu Công trở đi, nhà Chu suy đốn, chư hầu thôn tính lẫn nhau, ở phía đông Hàm Cốc Quan là sáu nước ; nước Tần thừa thắng nó dịch chư hầu đã sáu đời nay. Nay chư hầu phục tùng cũng như quận huyện nước Tần vậy. Nước Tần mạnh, nhà vua tài giỏi thì việc tiêu diệt chư hầu, dựng nên nghiệp đế, thống nhất thiên hạ cũng dễ như quét bụi trong bếp. Đó là thời cơ muôn đời mới có ! Nay nhà vua bỏ qua thời cơ này

1. Tâm lý trắng trợn của một kẻ muốn thành đạt bất kể thủ đoạn. Ý nói con người ta bỏ lỡ cơ hội thì cũng như con vật mang cái mặt người thôi.

không vội túm lấy nó thì chư hầu sẽ mạnh lên, hợp tung với nhau, lúc bấy giờ dù có giỏi như vua Hoàng Đế cũng không sao thôn tính được nữa.

Vua Tần bèn cho Tư làm trưởng sử, nghe theo kế của Tư, ngầm sai mưu sĩ mang vàng bạc châu ngọc, đi du thuyết chư hầu. Xem các danh sĩ ở chư hầu người nào có thể mua chuộc bằng tiền của thì cho tiền để liên kết với họ, còn người nào không nghe thì dùng kiếm sắc đâm chết, cốt để ly gián vua tôi của họ. Sau đó vua Tần mới phái tướng giỏi đem quân đến đánh.

Vua Tần cho Tư làm khách khanh (1).

2. Gặp lúc Trịnh Quốc người nước Hàn đến để can vua Tần đừng đào sông tưới ruộng (2), sau đó việc vỡ lở ra, các tôn thất và các quan đại thần đều nói với vua Tần :

— Người các nước chư hầu đến thờ Tần nói chung đều vì vua của họ mà du thuyết, cốt làm cho Tần ly gián, xin đuổi tất cả những người khách đi.

Lý Tư cũng ở trong số khách bị đuổi, bèn dâng thư nói :

« Thần nghe nói quan lại bàn đến việc đuổi khách, thần trộm cho là sai.

Ngày xưa vua Mục Công tìm kẻ sĩ, ở phía tây lấy Do Dư ở đất Nhung, ở phía đông lấy được Bách Lý Hề ở đất Uyển, đón Kiển Thúc ở đất Tống, Cẩu Phi Báo, Công Tôn Chi ở đất Tấn. Năm người này đều không

1. Đoạn 1 : Lý Tư sang Tần bắt đầu được tin dùng.
2. Nội rắng việc làm tốn kém. Kỳ thực việc đó rất có lợi cho Tần.

sinh ở đất Tần nhưng Mục Công vẫn dùng nên thôn tính được hai mươi nước, rốt cục làm bá ở Tây Nhung. Hiếu Công dùng phép trị nước của Thương Ưởng, thay đổi phong tục, nhờ đó dân đông, nước giàu, trăm họ vui vẻ vâng theo, chư hầu về hàng phục, bắt được tướng của các nước Sở, Ngụy, cướp đất ngàn dặm, đến nay nước yên và mạnh. Huệ Vương dùng kế của Trương Nghi, cướp đất Tam Xuyên; phía tây thôn tính đất Ba, đất Thục, phía bắc thu đất Thượng Quận, phía nam thu đất Hán Trung, lấy được chín Di, khống chế các ấp Yển, Sính, phía đông dựa vào địa thế hiểm yếu của Thành Cao, cắt các đất mầu mỡ; cho nên phá tan được kế hợp tung của sáu nước, khiến họ ngoảnh mặt về hướng tây mà thờ nước Tần, công lao còn mãi đến ngày nay. Chiêu Vương được Phạm Thư, phế truất Nhương Hầu, đuổi Hoa Dương làm cho công thất được mạnh, quyền môn bị lấp, xâm chiếm chư hầu như tằm ăn lá dâu, khiến cho nước Tần lập nên nghiệp đế. Bốn vị vua kia đều nhờ công lao của những người khách. Xem thế đủ biết những người khách có phụ bạc gì với nước Tần đâu?

Giả sử bốn vị vua kia đều đuổi khách đi mà không nhận, xa lìa kẻ sĩ mà không dùng, thì thế là khiến cho nước nhà thực ra không được giàu có, mà nước Tần lại không được cái danh là lớn, và mạnh.

Nay bệ hạ lấy ngọc Côn Sơn, có của báu Tùy Hầu, Biện Hòa (1) có châu minh nguyệt, đeo kiếm Thái A, cỡi ngựa Tiềm Ly, cắm cờ Thúy Phụng, dựng trống Linh Đà. Những của báu này nước Tần không sản sinh ra một thứ nào. Nhưng bệ hạ lại thích là tại làm sao?

1. Tùy Hầu đi gặp con rắn bị chém gần đứt, Tùy Hầu cứu nó sống, nó cho hòn ngọc gọi là Tùy Châu. Biện Hòa xem chú thích ở *Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện*.

Nếu như cái gì cũng phải sinh ở nước Tần mới được thì ngọc bích dạ quang sẽ không trang sức ở triều đình, sừng tê, ngà voi sẽ không làm đồ chơi, và con gái nước Triệu sẽ không đưa vào hậu cung. Ngựa tuấn mã, ngựa quyết đề sẽ không ở tại chuồng ngựa; không dùng vàng, thiếc Giang Nam, không nhuộm bằng màu đỏ màu xanh Tây Thục. Nếu những trang sức ở hậu cung, những tỳ thiếp đứng đằng sau làm vui lòng đẹp ý, thích mắt khoái tai, đều phải của ở nước Tần mới được, thì trầm Uyển Châu, hoa tai Phụ Cơ, áo lụa Đông A, các thứ gấm vóc sẽ không được dâng trước mặt nhà vua mà những người con gái nước Triệu hình dung yểu điệu theo tục trở nên trang nhã, sẽ không đứng bên cạnh nhà vua.

Gõ vại, khua vò, đánh đàn tranh, vỗ đùi mà ca hò «ô ô», vui tai sướng mắt, đó chính là nhạc của nước Tần. Còn các nhạc Tang Gian của Trịnh, Vệ, nhạc Thiều Ngu, nhạc Vũ Tượng đều là nhạc của nước ngoài. Nay bỏ việc gõ vại, khua vò, mà theo lối nhạc Trịnh, Vệ; bỏ việc đánh đàn tranh mà theo nhạc Thiều Ngu là tại làm sao? Chẳng qua là âm thanh này làm vừa ý ngẫu nhiên xem nó thì thích, thế thôi!

Nay lấy người thì lại không như thế, không hỏi nên chăng, không kể ngay gian; nếu không phải người Tần thì bỏ, nếu ai là khách thì đuổi. Như vậy tức là nhà vua quý trọng sắc đẹp, âm nhạc, châu báu, ngọc ngà, còn khinh rẻ người. Làm như thế không phải là cái thuật để cưỡi cổ thiên hạ, khống chế chư hầu vậy.

Thần nghe nói: đất rộng thì lúa nhiều, nước lớn thì người đông, quân mạnh thì tướng sĩ dũng cảm. Núi Thái Sơn không từ một hòn đất cho nên mới lớn như vậy; sông Hoàng Hà biển Đông không từ những dòng

nước nhỏ cho nên mới sâu như vậy. Bậc vương giả không đuổi dân chúng thấp hèn mới có thể làm sáng cái đức của mình. Cho nên đất không có bốn phương, người không ai là người nước ngoài (1), bốn mùa đều đẹp, quỷ thần đưa phúc đến. Ngũ Đế Tam Vương sở dĩ vô địch là vì vậy.

Nay nhà vua lại bỏ bọn đầu đen để giúp cho nước địch, đuổi tân khách để giúp chư hầu lập lên cơ nghiệp, khiến kẻ sĩ trong thiên hạ không dám quay mặt về hướng tây, dừng chân không vào nước Tần. Như thế tức là, như người ta nói, giúp binh khí cho giặc và đem lương thực cho bọn ăn trộm vậy. Những vật không sản xuất ở nước Tần mà đáng quý trọng cũng nhiều ; kẻ sĩ không sinh ở nước Tần nhưng muốn trung với nước Tần cũng lắm. Nay nhà vua đuổi khách đi để giúp cho nước địch bỏ dân đi để thêm cho kẻ thù ; như thế là ở bên trong tự làm cho mình yếu và bên ngoài gây oán với chư hầu, muốn cho nước khỏi nguy cũng không thể nào được »

Vua Tần bèn bỏ lệnh đuổi khách, cho Lý Tư làm quan như cũ.

3. Cuối cùng nhà vua dùng kế của Tư. Tư làm quan đến đình úy. Được hơn 20 năm, nước Tần rốt cục thôn tính thiên hạ. Vua làm hoàng đế, cho Tư làm thừa tướng.

Nhà Tần san phẳng thành quách, các quận các huyện nấu chảy binh khí để biểu lộ rằng không dùng đến nó

1. Ý nói : đất nào cũng là đất của vua, người nào cũng là tôi vua.

nữa. Tư khiến nước Tần không phong cho ai một thước một tấc đất nào, không lập con em làm vương, các công thần làm chư hầu để đời sau khỏi lo việc các nước đánh nhau.

Năm thứ 31 đời Thủy Hoàng (213 trước công nguyên), nhà vua sai đặt tiệc rượu ở cung Hàm Dương. Bọn bác sĩ Chu Thanh Thần làm bộc xạ ca tụng uy thanh và công đức của Thủy Hoàng.

Thuần Vu Việt người nước Tề tiến lên can :

— Thần nghe : nhà Ân, nhà Chu làm vua hơn nghìn năm, phong các con em, các công thần để cho họ làm phên dậu giúp đỡ mình. Nay bệ hạ giàu có bốn biển nhưng con em vẫn là kẻ thất phu ; nếu đột nhiên xảy ra việc như bọn Điền Thường hay bọn lục khanh (1) thì không ai giúp đỡ, làm sao có thể cứu nhau được. Trong công việc không bắt chước đời xưa mà có thể lâu dài là điều chưa hề nghe nói. Nay bọn Thanh Thần lại siểm nịnh bệ hạ để làm cho điều sai lầm của bệ hạ thêm nặng, như vậy không phải là kẻ trung thần.

Thủy Hoàng đưa lời bàn của ông ta xuống thừa tướng. Thừa tướng cho thuyết ấy là sai, loại bỏ ý kiến của ông ta. Bèn dâng thư nói :

« Ngày xưa thiên hạ rối loạn và phân tán, không ai thống nhất được. Do đó, chư hầu tranh nhau ; khi nói, mọi người đều đem chuyện đời xưa làm hại việc nay, bày đặt những lời nói suông để làm loạn việc thực. Mọi người đều lấy cái học riêng của mình để chê bai những điều nhà vua làm. Nhưng nay hoàng đế đã thâu tóm cả thiên hạ, phân biệt trắng đen mà định ra điều duy nhất

1. Xem chú thích ở *Tần Thủy Hoàng bản kỷ*.

được tôn trọng. Trái lại, những kẻ học theo cái học riêng của mình cùng nhau chê cười pháp luật rồi đem dạy cho người ta. Khi nghe lệnh ban xuống tức thì họ đều lấy cái học riêng của mình để bàn tán. Khi vào triều thì trong bụng chê bai. Ra ngoài đường, thì xúm bàn trong ngõ, chê vua để lấy tiếng, làm khác người để tỏ là cao, bày cho kẻ dưới phỉ báng. Nếu cứ như thế mà không cấm thì ở trên uy thế của nhà vua sẽ bị giảm sút; ở dưới các bè đảng sẽ nổi lên. Nên cấm là hơn. Thần xin tâu: ai có sách văn học, *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, sách vở của trăm nhà thì đều hủy bỏ đi. Lệnh này ban ra ba mươi ngày mà ai không hủy bỏ thì khắc vào mặt đày đi giữ thành. Những sách không hủy bỏ là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Người nào muốn học thì phải lấy kẻ lại làm thầy».

Vua Tần Thủy Hoàng chuẩn y lời tâu ấy, thu các sách *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, bách gia để làm cho trăm họ ngu tối khiến cho thiên hạ không được lấy điều xưa mà chê ngày nay. Việc định ra pháp độ rõ ràng, đặt luật lệ bắt đầu từ Thủy Hoàng. Thống nhất văn tự, xây các ly cung và các biệt quán khắp trong thiên hạ. Năm sau, lại đi tuần thú, bên ngoài thì đánh dẹp tứ di. Trong những việc này đều có công của Tư. Con trai đầu của Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên. Mấy người con trai đều lấy công chúa nước Tần, con gái thì lấy các công tử nước Tần. Thái thú Tam Xuyên Lý Do xin nghỉ về Hàm Dương, Lý Tư đặt tiệc rượu ở nhà, trăm quan đều đến trước mặt chúc thọ; ở ngoài sân, ngoài cửa, xe ngựa kể có hàng nghìn. Lý Tư thở dài than rằng:

— Than ôi! Ta nghe Tuân Khanh nói: «Sự vật không nên đi đến chỗ quá thịnh». Tư này là kẻ áo vải đất Thượng Sái, một tên đầu đen ở nơi làng xóm, nhà

vua không biết ta hèn kém, cất nhắc lên đến thế này. Nay ta ở địa vị bầy tôi không thua kém ai, có thể nói là giàu sang cùng cực rồi vậy. Phàm sự vật đến cùng cực rồi thì sẽ suy, ta chưa biết sau này kết cục ra sao (1).

4. Tháng 10, năm 37 đời Thủy Hoàng (210 trước công nguyên) nhà vua đi chơi Cối Kê, và dọc bờ bể, phía bắc đến Lang Gia. Thừa tướng Lý Tư, trung xa phủ lệnh kiêm chức giữ phù, ấn nhà vua là Triệu Cao cùng đi theo. Thủy Hoàng có hơn hai mươi người con. Con cả là Phù Tô vì mấy lần can thẳng nên nhà vua sai coi binh ở Thượng Quận, Mông Điềm làm tướng ở đấy. Con nhỏ Hồ Hợi được nhà vua yêu, xin đi theo. Nhà vua bằng lòng. Những người con khác không ai được theo.

Tháng 7 năm ấy, Thủy Hoàng Đế đến Sa Khâu bị bệnh nặng, sai Triệu Cao viết thư gửi cho công tử Phù Tô nói: «Giao binh cho Mông Điềm, mau về lo việc tang, đưa về Hàm Dương để chôn».

Bức thư đã dán rồi nhưng chưa trao cho sứ giả thì Thủy Hoàng mất. Thư và ấn đều ở chỗ Triệu Cao. Chỉ có con là Hồ Hợi, thừa tướng là Lý Tư, Triệu Cao và năm sáu viên hoạn quan được nhà vua yêu là biết Thủy Hoàng đã chết; còn quần thần không ai biết. Lý Tư cho là vua mất ở ngoài, không có thái tử chân chính, nên giấu kín việc ấy. Sai đặt Thủy Hoàng trong cái xe mát, trăm quan vẫn tâu trình, việc dâng đồ ăn như mọi ngày. Một viên hoạn quan ngồi ở trong xe chuẩn y lời tâu.

---

1. Đoạn 3: Những việc của Tư khi làm thừa tướng của Tần Thủy Hoàng. Câu cuối chuẩn bị cho độc giả đón trước những điều bất hạnh mà Lý Tư sẽ gặp.

Triệu Cao (1) nhân đấy giữ lại bức thư gửi cho Phù Tô và nói với công tử Hồ Hợi :

— Nhà vua mất, không có chiếu phong các con làm vương mà chỉ gửi thư cho con cả ; nếu con cả đến thì lập tức được lập làm hoàng đế. Còn ông không có một thước một tấc đất, bây giờ làm thế nào ?

Hồ Hợi đáp :

— Cái đó đã đành ! Ta nghe nói vị vua sáng suốt biết bầy tôi, người cha sáng suốt biết con mình. Cha mất không phong các con, còn nói gì được nữa !

Triệu Cao nói :

— Không phải. Lúc này quyền thế trong thiên hạ, việc mất hay còn là ở ông, Cao và thừa tướng mà thôi. Xin ông nghĩ cho ! Vả lại, việc bắt người ta làm bầy tôi với việc làm bầy tôi người ta ; chế ngự người ta với việc bị người ta chế ngự là khác nhau một vực một trời.

Hồ Hợi nói :

— Bỏ anh lập em là bất nghĩa ; không theo lời chiếu của cha mà sợ chết là bất hiếu ; sức kém, tài mỏng, nhờ sức người khác là không tài năng. Cả ba cái này đều trái với đức thì thiên hạ không phục ; làm thế, thân mình sẽ gặp tai nạn, xã tắc không được cúng tế.

Triệu Cao nói :

— Tôi nghe vua Thang, vua Vũ giết vua của mình mà thiên hạ khen họ là nghĩa, không cho họ là không trung ; vua Vệ giết cha mà nước Vệ khen ông ta có đức, Khổng Tử chép việc ấy, không cho là không hiếu. Phàm làm việc lớn thì không kể đến những điều vặt vãnh ; đức

1. Nhân vật Triệu Cao được miêu tả thành một hạng người tàn nhẫn nhưng quỷ quyệt, khôn ngoan.

dày thì không nhường nhịn. Việc vặt ở nơi xóm làng thì xóm làng bàn, trăm quan công việc mỗi người một khác. Cho nên, nếu để ý đến việc nhỏ mà bỏ quên việc lớn thì thế nào sau này cũng gặp hại, cứ dùng dằng nghi ngờ mãi thì thế nào sau này cũng hối hận, người quyết đoán và dám làm, quỷ thần phải tránh, thì về sau sẽ thành công. Xin ông nghe theo lời tôi.

Hồ Hợi thở dài than :

— Nay việc vua mất còn dấu, việc tang lễ chưa xong lẽ nào lại đem việc này bàn với thừa tướng sao ?

Triệu Cao nói :

— Thời cơ, thời cơ gấp rút, nếu trì hoãn thì không trù tính gì được. Phải mang lương khô ruổi ngựa còn sợ bỏ lỡ cơ hội(1).

Sau khi Hồ Hợi đã nghe lời Cao, Cao nói :

— Nếu chúng ta không bàn mưu với thừa tướng thì sợ công việc không thành. Thần xin vì ngài bàn mưu ấy với thừa tướng.

Cao bèn nói với thừa tướng Lý Tư (2) :

— Nhà vua băng hà, đưa thư cho con đầu bảo làm lễ an táng ở Hàm Dương và lập thái tử nối ngôi. Thư vẫn chưa gửi đi. Nay nhà vua mất chưa ai biết cả. Bức thư gửi cho người con đầu và phù, ấn đều ở chỗ Hồ Hợi. Việc lập thái tử là do ở miệng ngài và Cao thôi. Bây giờ nên làm thế nào (3) ?

1. Ý nói phải làm ngay.

2 Đoạn đối thoại giữa Triệu Cao và Lý Tư sinh động như một vở bi kịch.

3. Dò la ý của Tư.

Lý Tư nói:

— Sao lại nói lời «mất nước» như vậy? Việc đó không phải việc bọn bầy tôi bàn (1).

Triệu Cao nói:

— Ngài hãy tự liệu xem, tài năng của ngài so với Mông Điềm ai giỏi hơn? Công lao của ngài so với Mông Điềm ai lớn hơn? Về mặt mưu tính việc lâu dài mà không sai thì ngài với Mông Điềm ai hơn? Về mặt không gây oán với thiên hạ thì ngài với Mông Điềm ai hơn? Về mặt người con đầu của nhà vua quen biết đã lâu và tin dùng thì ngài so với Mông Điềm ai hơn (2)?

Lý Tư nói:

— Ở năm mặt ấy tôi đều không bằng Mông Điềm. Nhưng sao ông lại đòi hỏi ở tôi nhiều như thế?

Triệu Cao nói:

— Cao vốn chỉ là bọn tôi tớ phục dịch trong cung mà thôi; may mắn nhờ quen việc giấy tờ, văn án nên được đưa vào cung vua Tần, coi sóc công việc hơn hai mươi năm, chưa hề thấy nhà Tần cho thừa tướng thôi việc (3), chưa hề thấy công thần được phong đất đến hai đời. Người nào rốt cục cũng bị giết chết. Hoàng đế có hơn hai mươi người con, đều là những người ngài quen biết cả. Người con đầu cương nghị lại có vũ dũng, tin người và cất nhắc kẻ sĩ, một khi lên ngôi thế nào cũng dùng Mông Điềm làm thừa tướng, ngài quyết không thể nào mang ấn thông hầu mà về làng, cái đó

1. Tư biết ý Cao nên chẹn ngay. Việc quyết định ai làm vua là ở vua, bọn bầy tôi nói thế là bậy, việc này chỉ xảy ra khi nước sắp mất. Ý muốn dọa Cao.

2. Biết không thể đem chuyện đạo lý ra mà thuyết Lý Tư như đã thuyết Hồ Hợi. Cao bắt Lý Tư phải nghe theo mình vì lợi của bản thân Lý Tư.

3. Dọa Lý Tư, muốn nói thế nào Lý Tư cũng chết.

thì rõ lắm. Cao nhận chiếu dạy dỗ Hồ Hợi, giúp ông ta học pháp luật đã mấy năm, chưa hề thấy ông ta có sai sót gì. Người nhân từ, trọng hậu, khinh của cải, quý trọng kẻ sĩ, lòng rất sáng suốt, tuy ăn nói vụng về, nhưng rất mực lễ phép. Các con vua Tần không ai bằng ông ta. Có thể lập làm vua! Ông hãy tìm kế lập ông ta đi!

Lý Tư nói:

— Ông nên trở lại chức vụ của mình (1). Tư này phụng chiếu nhà vua, vâng theo mệnh trời, còn có điều gì phải quyết định nữa!

Triệu Cao nói:

— An có thể thành nguy, nguy có thể thành an (2). Làm người không nắm được vận mệnh an nguy của mình, làm sao có thể gọi là người thánh hiền lỗi lạc?

Lý Tư nói:

— Tư này là kẻ áo vải nơi làng xóm đất Thượng Sái. Nhà vua yêu cho làm thừa tướng, phong tước thông hầu, con cháu đều được chức vị cao, có bổng lộc hậu, cho nên đem việc nước còn hay mất, an hay nguy phó thác cho tôi! Tôi há lại phụ bạc hay sao! Kẻ trung thần không trốn cái chết mà cầu may; người con hiếu không nên làm thân thể khó nhọc quá để nguy đến tính mạng kẻ bầy tôi chỉ lo giữ tròn chức vụ của mình mà thôi. Ông đừng nói nữa, kẻo khiến Tư mang tội (3).

Triệu Cao nói:

— Tôi nghe thánh nhân biến đổi tuôn tuôn chứ không cố chấp. Nắm lấy sự biến đổi, theo thời cơ, thấy ngọn

1. Lý Tư dọa lại. Ý nói anh đừng có lo việc lập vua này bỏ vua kia. Ta nhất định không theo.

2. Cao đe dọa: hiện nay anh còn an đấy nhưng tôi có thể làm cho anh nguy, vận mệnh của anh là nằm trong tay tôi. Việc tôi làm tuy nguy hiểm nhưng rồi sẽ an.

3. Cao dọa giết Tư. Tư nói mình sẵn sàng chết để báo lại.

mà biết được gốc, thấy sự vật phát triển mà biết kết cục nó sẽ ra sao. Tình hình sự vật nó biến đổi như thế đấy, sao có thể giữ một phép tắc nhất định được ! Hiện nay uy quyền và vận mệnh của thiên hạ là treo ở trong tay Hồ Hợi, Cao có thể nhờ đấy mà làm được điều mình muốn. Vả chăng, từ ngoài mà khống chế trong thì gọi là làm loạn, ở dưới mà khống chế kẻ trên thì gọi là giặc (1). Cho nên mùa thu sương xuống thì cỏ hoa rụng ; mùa xuân nước dâng thì vạn vật sinh trưởng : đó là cái kết quả tất nhiên. Tại sao ngài thấy muộn thế (2) ?

Lý Tư nói :

— Tôi nghe nói vua Tấn thay thái tử mà ba đời không yên ; Tề Hoàn Công anh em tranh giành nhau, thân bị giết chết. Vua Trụ giết người thân thích, không nghe lời can ngăn nên nước thành gò đống, nguy đến quốc gia : ba người này trái với trời nên tôn miếu không còn ai tế tự (3), Tư vẫn còn là người, sao lại mưu việc như vậy ?

Triệu Cao nói :

— Trên, dưới một lòng thì sự nghiệp mới có thể lâu dài. Trong ngoài nhất trí thì việc xong xuôi. Nếu ngài theo kế của tôi thì mãi mãi được phong hầu, đời đời xưng « cô », sẽ sống lâu như Vương Tử Kiều, Xích Tùng Tử, có cái trí khôn của Khổng Khâu, Mặc Địch.

1. Ý nói Hồ Hợi ở trong, Phù Tô ở ngoài, Thủy Hoàng ở trên. Phù Tô ở dưới cho nên bây giờ tôn Hồ Hợi lên ngôi mà giết Phù Tô là việc hợp đạo.

2 Ý nói Tư phải biết theo thời mà làm.

3. Tư muốn đưa những việc xưa để chống lại : Tấn Hiến Công bỏ thái tử là Thân Sinh, lập Hề Tề làm thái tử. Khi Hề Tề lên ngôi bị Lý Khắc giết. Tuân Tức lập em Hề Tề là công tử Trác lên ngôi, Trác cũng bị Lý Khắc giết. Di Ngô từ nước Tần về giết Lý Khắc, lên ngôi vua. Loạn như vậy kéo dài ba đời.

Nếu ngài bỏ điều ấy mà không theo, thì tai họa đến cả con cháu, đủ làm người ta lạnh gáy (1) ! Người khéo xử sự nhân lúc họa mà được phúc, ngài định xử thế nào ?

Tư bèn ngẩng đầu lên trời than, chảy nước mắt thở dài mà nói :

— Than ôi ! Một mình gặp phải thời loạn, đã không thể chết, còn biết gửi tính mệnh vào ai ?

Tư bèn nghe lời Triệu Cao.

Cao báo với Hồ Hợi :

— Thần đem mệnh lệnh của thái tử báo cho thừa tướng, thừa tướng Tư đâu dám trái lệnh.

Bấy giờ mấy người bèn bàn mưu với nhau, giả làm thừa tướng đã nhận di chiếu của Thủy Hoàng, lập con là Hồ Hợi làm thái tử. Lại làm một bức thư gửi cho con đầu Phù Tô nói :

— « Trẫm đi tuần thiên hạ, tế lễ các thần ở các danh sơn để kéo dài tuổi thọ. Nay Phù Tô cùng tướng quân Mông Điềm cầm quân mấy mươi vạn đồn thú ở biên giới đã hơn mười năm. Không thể tiến quân về phía trước, quân sĩ tổn thất nhiều, không lập được chút công cán gì. Thế mà lại mấy lần dâng thư nói bướng, phỉ báng việc ta làm. Vì cớ không được thôi việc cầm quân, về làm thái tử nên ngày đêm oán giận. Phù Tô làm con bất hiếu, cấp cho kiếm để tự sát. Tướng quân Điềm cùng Phù Tô ở ngoài không sửa chữa được sai lầm của Phù Tô, thế nào cũng biết mưu mô của Phù Tô. Làm tôi không trung cũng cho được chết. Giao quân cho phó tướng Vương Ly ».

Lấy ấn hoàng đế niêm phong bức thư, sai người

1. Đe dọa.

khách của Hồ Hợi mang thư đưa cho Phù Tô ở Thượng Quận.

Khi sứ giả đến, mở thư ra, Phù Tô khóc. Phù Tô vào nhà trong định tự sát. Mông Điềm cản Phù Tô nói :

— Nhà vua ở ngoài chưa lập thái tử, cho thần cầm ba mươi vạn binh giữ biên giới, công tử làm người cai quản, đó là một trách nhiệm quan trọng trong thiên hạ. Nay mới một viên sứ giả tới đã tự sát ngay, chắc gì không phải là dối trá? Xin cứ tâu lại lần nữa rồi sau hãy chết cũng chưa muộn.

Sứ giả mấy lần giục. Phù Tô là người nhân hậu, bảo Mông Điềm :

— Cha bảo con chết, còn tâu lại làm gì?

Phù Tô liền tự sát.

Mông Điềm không chịu tự sát, sứ giả liền giao cho thuộc lại giam ở ấp Dương Châu.

Sứ giả trở về báo tin, Hồ Hợi, Tư (1), Cao cả mừng. Đến Hàm Dương báo tang, thái tử lên ngôi là Nhị Thế hoàng đế. Cho Triệu Cao làm lang trung lệnh thường châu chực nhà vua trong cung, nắm lấy uy quyền (2).

4. Nhị Thế nhân lúc thong thả vô sự gọi Triệu Cao vào bàn công việc. Nhị Thế nói :

— Người ta sinh ở đời cũng như sáu con ngựa kỳ chạy qua cái lỗ hổng. Nay ta đã trị vì thiên hạ, ta muốn hưởng tất cả những cái gì tai thích nghe, mắt thích nhìn, thỏa mãn cùng cực điều trong lòng ham muốn, nhưng vẫn khiến cho tôn miếu được yên, trăm họ được vui, làm chủ thiên hạ mãi mãi, hưởng trọn tuổi thọ. Vậy có thể làm điều đó được không? (3)

1. Câu nà[illegible] nhằm chỉ trích Lý Tư.
2. Đoạn 3 : Triệu Cao, Lý Tư mưu lập Hồ Hợi làm vua.
3. Hồ Hợi biết muốn hưởng lạc lại muốn nước yên, dân sướng là hai điều mâu thuẫn nhau. Vậy có cách nào làm được cả hai điều ấy không ?

Triệu Cao nói :

— Chỉ có vị vua hiền mới làm được việc đó còn vị vua hôn ám thì phải tránh. Thần xin nói, không dám tránh sự trừng phạt của búa rìu, xin bệ hạ lưu ý một chút cho. Cái mưu ở Sa Khâu, các công tử và đại thần đều nghi ngờ. Thế mà các công tử đều là anh của bệ hạ (1) các quan đại thần đều là những người tiên đế dùng. Nay bệ hạ mới lên ngôi, cho nên bọn họ trong bụng đều bực bội không phục, sợ sẽ sinh loạn. Vả lại, Mông Điềm đã chết, Mông Nghị cầm quân ở ngoài, thần lo lắng ngay ngáy chỉ sợ bệ hạ kết thúc không hay. Bệ hạ làm thế nào có thể vui sướng như ý vừa nói?

Nhị Thế hỏi :

— Bây giờ làm thế nào?

Triệu Cao nói :

— Hãy làm cho pháp luật thành nghiêm, hình phạt thành tàn khốc, khiến cho kẻ có tội liên can đến người khác, kẻ có tội bị bắt cả họ, giết tróc các quan đại thần và xa lìa những người cốt nhục. Người ta nghèo thì mình làm cho họ giàu, người ta hèn thì mình làm cho họ sang. Trừ khử tất cả những bầy tôi cũ của tiên đế, thay thế vào đó những người bệ hạ thân tín và gần gũi họ. Như thế thì ân đức sẽ theo về bệ hạ, trừ bỏ được điều hại và các mưu gian đều bị chặn. Quần thần không ai không được thấm ơn mưa móc, đội đức cao dày; bệ hạ có thể nằm khểnh tha hồ muốn làm gì thì làm, muốn vui chơi gì cũng được. Không có kế nào hơn kế ấy cả!

Nhị Thế cho là phải, bèn thay đổi pháp luật. Các quan và các công tử có tội, Nhị Thế liền giao cho Cao, bảo Cao tra tấn xét hỏi. Giết bọn đại thần Mông Nghị; mười

1. Hồ Hợi là con thứ mười tám của Thủy Hoàng.

hai công tử bị giết chết phơi thây ở chợ Hàm Dương; mười công chúa bị xé xác ở đất Đỗ; của cải của họ bị đưa vào kho vua, những người liên can bị tội không kể xiết.

Công tử Cao muốn bỏ trốn, sợ cả họ bị tội, bèn dâng thư nói:

«Khi tiên đế còn sống, thần vào thì được cho ăn, thần ra thì được đi xe, thần được cho áo quần trong kho của hoàng đế, được cho ngựa quý trong chuồng của hoàng đế. Thần đáng lý phải chết theo mà không làm được. Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung. Kẻ bất trung thì không còn danh tiếng, không đáng đứng trên đời. Thần xin được chết theo và được chôn ở chân núi Ly Sơn. Chỉ xin bệ hạ đoái thương!».

Thư dâng lên, Hồ Hợi cả mừng cho gọi Triệu Cao và đưa thư cho Cao xem, nói:

— Thế này có thể gọi là «việc nguy cấp quá đành phải làm thế!» (1).

Triệu Cao nói:

— Lắm bầy tôi lo giữ tính mạng còn chưa được, quyết không dám nghĩ đến việc làm phản.

Hồ Hợi chấp nhận lời thỉnh cầu trong thư, cho tiền mười vạn để chôn cất. Pháp lệnh trừng phạt, giết chóc ngày càng thảm khốc, các quan ai cũng thấy mình nguy đến nơi, nhiều người muốn làm phản.

Nhà vua lại sai làm cung A Phòng, đắp các đường lớn và đường để vua đi, thuế má đóng góp ngày càng nặng, việc đi đồn thú làm xâu không lúc nào ngớt. Do

1. Ý nói công tử Cao muốn làm phản nhưng gặp tình cảnh nguy cấp quá đành phải làm thế.

đó bọn lính thú nước Sở là Trần Thắng, Ngô Quảng làm loạn, nổi lên ở Sơn Đông, những người anh hùng hào kiệt nổi dậy, tự lập làm vương làm hầu để chống lại Tần, đánh đến Hồng Môn rồi rút lui (1). Lý Tư mấy lần muốn can ngăn nhưng Nhị Thế không nghe.

Nhị Thế trách Lý Tư, nói:

— Ta có cách nhìn riêng của ta. Ta lại nghe Hàn Phi nói: vua Nghiêu có được thiên hạ, nhà cao ba thước, kèo nhà bằng gỗ thái, đẽo mà không bào, tranh lợp mái nhà không cắt. Tuy con người lữ khách ở tại quán trọ cũng không phải khó nhọc đến thế. Mùa đông mặc áo cầu, mùa hạ mặc áo cát, ăn cơm đỏ, canh rau, đề cơm trong cái liễn bằng sành, uống nước ở cái chum bằng đất, tuy người canh cửa cũng không đến nỗi ăn kém như vậy. Vua Hạ Vũ đục núi Long Môn để cho nước thông với Đại Hạ, khơi dòng cho chín con sông, đắp đê ở nơi chín khúc sông Hà bẻ quặt, tháo nước đọng ra đến biển, đến nỗi vế và đùi không có lông, tay chân đầy chai, mặt mày đen đủi, rốt cục chết ở ngoài, chôn ở Cối Kê. Nay đến bọn tôi mọi cũng không khó nhọc đến thế. Cái đáng quý của người làm chủ thiên hạ, đâu phải ở chỗ muốn làm cho thể xác và tinh thần đều cực khổ, nhọc nhằn, sống trong cảnh của người lữ khách ở trọ, miệng ăn thức ăn của người canh cửa, tay làm công việc của bọn tôi mọi? Đó là việc những người hèn mọn phải gắng gượng làm, chứ không phải việc người hiền lo đến. Người hiền mà làm chủ thiên hạ thì chỉ dùng thiên hạ để làm cho sung sướng mình mà thôi, sở dĩ làm chủ thiên hạ đáng quý là ở đấy.

1. Quân khởi nghĩa của Trần Thắng đến gần Hồng Môn bị quân của Tần do Chương Hàm cầm đầu đánh thua to.

Phàm gọi là người hiền tức là người có thể làm cho thiên hạ yên ổn, cai trị được muôn dân. Nay chưa làm cho bản thân mình được sung sướng thì làm sao mà trị thiên hạ được! Cho nên ta muốn thích gì làm nấy, cho thỏa thích điều ham muốn của ta, hưởng thiên hạ mãi mãi mà không gặp tai họa gì. Muốn thế phải làm thế nào?

Con của Lý Tư là Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn giặc Ngô Quảng ở phía tây cướp đất, đi lại, nhưng Do cũng không cấm được. Chương Hàm đánh đuổi quân của bọn Ngô Quảng, các sứ giả liên tiếp nhau đến Tam Xuyên tra xét, trách Tư ở địa vị tam công làm thế nào đến nỗi trộm cướp nhiều đến thế?

Lý Tư lo sợ, nhưng lại luyến tiếc tước lộc, không biết làm thế nào (1).

5. Tư bèn a dua theo ý của Nhị Thế, muốn được lòng nhà vua, viết thư dâng lên nói:

« Vị vua hiền là người biết giữ đạo trọn vẹn và thực hành thuật « đốc trách » (2). Nếu đốc trách thì bầy tôi không thể đem hết năng lực để phục dịch nhà vua. Nhờ thế, địa vị giữa vua và tôi được quy định rõ rệt, cái nghĩa giữa người trên kẻ dưới sáng rõ. Do đó, tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ không ai không hết lòng làm tròn nhiệm vụ để phục dịch nhà vua. Kết quả nhà vua một mình chế ngự cả thiên hạ

1. Đoạn 4: Triệu Cao xui giục Nhị Thế thi hành chính sách bạo ngược độc tài.

2. Đốc là tra xét tội, trách là dùng hình phạt. Thuật đốc trách là cách dùng hình phạt nghiêm bắt người ta sợ pháp luật.

mà không bị ai hạn chế, có thể hưởng lạc cùng cực. Vị vua hiền cần xét đến điều đó.

Cho nên Thân Tử (1) nói: « Có được thiên hạ mà không phóng túng », gọi đó là « lấy thiên hạ làm gông cùm », cũng không phải vì lý do gì khác, mà chỉ vì không biết đốc trách đến nỗi thân mình khó nhọc vì dân trong thiên hạ như vua Nghiêu, vua Vũ, cho nên gọi là « gông cùm ».

Vị vua không biết theo cái thuật sáng rõ của Thân Bất Hại, Hàn Phi, thi hành lối đốc trách, cốt lấy thiên hạ để làm cho sung sướng thân mình, mà lại cứ vụ làm cho xác thịt nhọc nhằn, tinh thần mỏi mệt, lấy thân mình phục dịch trăm họ, tức là làm việc lao dịch của bọn đầu đen chứ đâu phải là chăn nuôi thiên hạ? Như thế sao đáng quý? Phàm bắt người ta phục dịch mình thì mình sang mà người ta hèn; mình phục dịch người khác thì mình hèn mà người khác sang. Cho nên người phục dịch người ta là hèn, mà được người ta phục dịch là sang. Từ xưa đến nay bao giờ cũng thế. Sở dĩ người ta tôn quý người hiền là bởi vì người hiền thì sang. Trái lại người ta ghét người ngu đần cũng vì người ngu đần thì hèn. Thế mà vua Nghiêu, vua Vũ đem thân phục dịch thiên hạ, người ta lại theo đó mà đề cao, tức là người ta đã bỏ mất cái gọi là lòng tôn quý người hiền vậy. Như thế có thể nói là sai lầm lớn, gọi là « gông cùm » cũng là đúng thôi. Đó là cái sai lầm không biết « đốc trách » vậy.

Cho nên Hàn Phi nói: « Người mẹ hiền có người con hư nhưng cái nhà nghiêm thì không có bọn tôi tớ hung hãn ». Tại sao vậy? Vì cái nhà nghiêm biết phạt bọn tôi tớ thẳng tay.

1. Tức Thân Bất Hại.

Cho nên Thương Quân làm pháp luật khắc vào mặt người bỏ gio ngoài đường (1). Bỏ gio là tội nhỏ mà bị hình phạt nặng. Chỉ có vị vua sáng mới có thể phạt nặng những tội nhẹ. Tội nhẹ còn phạt nặng huống nữa kẻ bị tội nặng thì bị phạt đến thế nào ? Vì thế dân không dám phạm tội.

Hàn Phi nói : « Lụa, vải một thước, người thường không bỏ ; vàng ròng trăm cân, Đạo Chích (2) không lấy ». Đó không phải vì lòng người thường xem trọng cái lợi một thước một tấc, còn Đạo Chích thì ít tham muốn đâu. Đó cũng không phải vì Đạo Chích coi thường một trăm cân vàng, nhưng vì nếu lấy thì bị trị tội ngay cho nên Đạo Chích không dám. Trái lại lấy một thước vải chưa chắc đã bị phạt, cho nên người thường không buông tha. Vì thế thành cao năm trượng mà Lâu Tử không dám phạm một cách khinh suất, trái lại núi Thái Sơn cao một trăm nhận mà con dê cái què ăn ở trên. Lâu Tử còn cho năm trượng cao cản trở là khó vượt, con dê cái què đâu dám cho trăm nhận cao là dễ trèo. Chỉ vì cái thế dốc thẳng khó lên, bằng phẳng dễ đi khác nhau đó thôi.

Vị chúa sáng, vị vua thánh sở dĩ có thể ở lâu ở địa vị tôn quý, mãi mãi giữ uy quyền to lớn, một mình nắm tất cả cái lợi của thiên hạ cũng chẳng vì có con đường nào khác, ngoài con đường biết một mình quyết định và xét đoán, khi đốc trách thì phạt nặng, cho nên thiên hạ không ai dám phạm. Nay nếu không chú ý đến cái người ta không phạm mà lại theo cái cách người mẹ hiền dùng để làm hư con thì tức là không xét đến

1. Xem *Thương Quân liệt truyện*.
2. Chích là tên người ăn trộm thời cổ.

lời bàn của thánh nhân vậy. Không thi hành được cái thuật của thánh nhân làm tôi tớ thiên hạ để làm gì ? Chẳng phải tội nghiệp lắm sao ?

Vả lại, người kiệm ước, nhân nghĩa đứng ở triều đình thì việc vui chơi bừa bãi phóng túng chấm dứt. Bầy tôi biết can ngăn, bàn bạc được nói ở bên cạnh, thì cái chí buông thả hết. Hành động kẻ liệt sĩ chịu chết để giữ khí tiết được đề cao ở trên đời thì cái vui dậm dật bị bỏ. Cho nên vị vua sáng có thể không dùng ba cái đó mà chỉ dùng cái thuật của người chủ để bắt bầy tôi phải nghe theo và trau dồi cái pháp luật sáng rõ của mình. Cho nên thân mình được tôn quý và cái thế của mình được trọng. Phàm vị vua hiền thì thế nào cũng có thể làm trái thế tình, sửa đổi phong tục bắt phải theo mình, bỏ những cái mình ghét và lập những cái mình muốn. Cho nên khi sống thì được tôn trọng, khi chết thì được tên thụy là tài giỏi sáng suốt. Vị vua sáng một mình định đoạt cho nên uy quyền không ở bầy tôi. Sau đó, mới có thể tiêu diệt con đường nhân nghĩa, bịt cái miệng du thuyết, làm khốn hành vi kẻ liệt sĩ, chặn sự khôn ngoan, che sự sáng suốt, chỉ một mình ở trong nhìn và nghe. Cho nên ở ngoài không thể lấy hành vi nhân, nghĩa, liệt sĩ để lấn át ; ở trong không thể lấy lời can gián, du thuyết, tranh cãi để thắng. Nhờ vậy nhà vua có thể một mình tha hồ làm theo sở thích của mình chẳng ai dám trái. Có như thế thì mới có thể làm sáng rõ được cái thuật của Thân Bất Hại, Hàn Phi (1) và sửa sang cái phép tắc của Thương Quân. Chưa bao giờ

1. Lý Tư là bạn học của Hàn Phi, biết Hàn Phi giỏi hơn mình, nên gièm với vua Tần giết chết Hàn Phi. Nhưng ở đây lại cực lực tán dương Hàn Phi một cách trơ trẽn quả thực không biết thẹn.

pháp luật được trau dồi, thuật đốc trách được sáng rõ mà thiên hạ lại loạn. Cho nên nói «Vương đạo gọn và dễ làm, nhưng chỉ có vị vua sáng mới làm được».

Như vậy đủ biết nếu thành tâm lo việc đốc trách thì bầy tôi không thể gian tà; bầy tôi không thể gian tà thì thiên hạ yên; thiên hạ yên thì nhà vua uy nghiêm và được tôn quý; nhà vua uy nghiêm và được tôn quý thì đốc trách kiên quyết; đốc trách kiên quyết thì cầu gì được nấy; cầu gì được nấy thì nước nhà giàu; nước nhà giàu thì sung sướng phồn thịnh (1). Cho nên nếu đặt ra thuật đốc trách thì muốn gì cũng được. Quần thần trăm họ lo bổ cứu những sai lầm của mình còn chưa dám đâu nghĩ đến việc làm loạn. Như vậy là làm trọn đạo đế vương. Có thể nói đó là cái thuật làm sáng rõ địa vị vua tôi vậy. Tuy Thân Bất Hại, Hàn Phi sống lại cũng không thể làm hơn được».

Thư tâu lên, Nhị Thế vui lòng. Từ đó càng thi hành việc «đốc trách» nghiêm hơn trước. Ai đánh thuế dân nặng thì được xem làm quan lại sáng suốt. Nhị Thế nói :

— Như thế có thể gọi là biết «đốc trách» vậy !

Ở ngoài đường số người bị hình phạt chiếm một nửa; ở ngoài chợ người chết càng ngày càng chồng chất. Ai giết nhiều người là tôi trung. Nhị Thế nói :

— Như thế có thể gọi là biết «đốc trách» vậy (2).

1. Hình thức lý luận gần giống như hình thức lý luận trong đại học.

2. Đoạn 5 : Luận "đốc trách" của Lý Tư. Thực ra Tư chẳng nói gì mới. Nhà Tần từ thời Thương Ưởng đã theo thuyết pháp gia, đến đời Thủy Hoàng, Nhị Thế pháp luật lại càng nghiêm khắc. Đây chỉ là một cách ngụy biện để làm vừa lòng nhà vua.

6. Lúc đầu, Triệu Cao làm lang trung lệnh, giết và báo oán riêng rất nhiều, sợ các quan đại thần vào chầu, tâu, gièm pha, chê bai mình, bèn nói với Nhị Thế :

— Người ta quý thiên tử vì chỉ được nghe tiếng thôi, chứ bầy tôi không ai được thấy mặt. Cho nên nhà vua mới gọi là «trẫm». Vả lại, bệ hạ tuổi còn trẻ, chưa chắc đã thông thạo các việc. Nay nếu bệ hạ ngồi ở triều đình, thưởng phạt có điều gì không đúng thì sẽ bị các quan đại thần coi thường. Đó không phải là cách biểu thị sự thần minh với thiên hạ. Nếu bệ hạ chắp tay ngồi trong cung cấm, cùng thần và những người chầu chực thạo pháp lệnh, chờ có việc gì đưa đến sẽ cân nhắc xét đi xét lại, như vậy thì các quan đại thần không dám tâu việc nghi ngờ, thiên hạ sẽ ca ngợi là vị vua thánh.

Nhị Thế dùng kế của Cao, không ngồi ở triều đình tiếp kiến đại thần mà ở trong cung cấm. Triệu Cao thường chầu chực, được tin dùng, việc gì cũng do Triệu Cao quyết định (1).

Triệu Cao nghe nói thừa tướng muốn can điều đó bèn đến gặp thừa tướng nói :

— Ở Quan Đông bọn trộm cướp nhiều, nay nhà vua càng xúc tiến việc sai người lao dịch làm cung A Phòng, tụ tập chó, ngựa, những vật vô dụng, tôi muốn can nhưng ở địa vị hèn. Đó chính là việc của ngài, sao ngài không can ?

Lý Tư nói :

— Phải đấy, tôi cũng muốn nói điều đó đã lâu. Nhưng hiện nay nhà vua không ngồi ở triều đình mà ở trong cung cấm. Tôi có điều muốn nói cũng không thể nói

1. Kết quả uy quyền của Nhị Thế chuyển sang Triệu Cao.

đến tai nhà vua, muốn yết kiến cũng không có cơ hội nào.

Triệu Cao bảo:

— Nếu ngài quả thực muốn can ngăn, tôi xin rình xem có lúc nào nhà vua rảnh để báo cho ngài biết.

Triệu Cao bèn đợi khi Nhị Thế đang an nhàn vui chơi, ở trước mặt là con gái, mới sai người nói với thừa tướng :

— Nhà vua hiện nay đang rảnh, ngài có thể tâu việc. Thừa tướng đến cửa cung xin yết kiến. Như thế ba lần. Nhị Thế giận, nói:

— Ta thường có nhiều ngày rảnh, thừa tướng lại không đến. Nay ta đã an nhàn vui chơi một mình ở đây thì thừa tướng đến ngay xin yết kiến, có phải thừa tướng chê và khinh ta không?

Triệu Cao nhân cơ hội này nói:

— Như thế thì nguy! Thừa tướng có dự vào vụ âm mưu ở Sa Khâu. Nay bệ hạ đã được lập làm đế còn thừa tướng vẫn không được quý hơn, ý ông ta cũng muốn cắt đất làm vương. Vả lại bệ hạ không hỏi nên thần không dám nói đấy thôi. Chứ con trai đầu của thừa tướng là Lý Do làm thái thú Tam Xuyên, bọn trộm cướp Trần Thắng đều là những dân ở huyện bên cạnh của thừa tướng. Vì vậy cho nên bọn trộm cắp đất Sở hoành hành công khai. Chúng đi qua Tam Xuyên, quan thủ Tam Xuyên không chịu đánh. Thần nghe họ thư từ qua lại nhưng không biết rõ ràng nên chưa dám tâu. Không những thế, thừa tướng ở ngoài, uy quyền lớn hơn bệ hạ.

Nhị Thế cho là phải, muốn trị tội thừa tướng nhưng sợ không xác thực. Bèn sai người xét tình hình thái thú Tam Xuyên tư thông với bọn trộm cướp.

Lý Tư nghe tin ấy. Bây giờ Nhị Thế đang ở Cam Tuyền xem hát xướng, xem trò đấu sừng (1). Lý Tư không vào yết kiến được, bèn dâng thư nói về những khuyết điểm của Triệu Cao. Thư như sau:

« Thần nghe: Tôi mà sánh ngang vua thì không thể nào không làm cho nước nguy; thiếp mà sánh ngang chồng không thể nào không làm cho nhà nguy. Nay có vị đại thần ở cạnh bệ hạ nắm tất cả việc lợi và việc hại chẳng khác gì bệ hạ. Điều đó thực là bất tiện! Ngày xưa, Tư Thành Tử Hãn làm tướng quốc nước Tống, chuyên quyền hình phạt lấy uy lực của mình mà thi hành, được một năm thì cướp ngôi vua. Điền Thường làm tôi Giản Công, tước vị cao nhất trong nước, nhà riêng giàu ngang nhà vua, làm điều ân đức riêng, ở dưới được lòng trăm họ, ở trên được lòng các quan, lấy nước Tề một cách kín đáo (2), giết Tề Dư ở sân, giết Giản Công ở triều, kết quả lấy nước Tề. Điều đó thiên hạ đều rõ hết. Nay Cao có cái chí gian tà, có cái hành động phản nghịch như Tử Hãn làm tướng quốc ở nước Tống. Nhà riêng của y giàu có như họ Điền ở nước Tề. Y kiêm cả cái lối phản nghịch của Điền Thường, Tử Hãn mà cướp lấy uy tín của bệ hạ. Chí của y như Hàn Khởi làm tướng quốc của vua Hàn là An vậy. Nếu bệ hạ không lo đến thì sợ y sẽ sinh biến ».

Nhị Thế nói:

— Sao thế? Cao vốn là hoạn quan, không vì cớ mình được ở nơi yên ổn mà ngông nghênh, không vì cớ mình ở nơi nguy hiểm mà thay đổi lòng trung. Ông ta

1. Giác lực: trò chơi thời cổ, từng cặp hai ba người, đầu mang sừng húc nhau.

2 Vì được lòng mọi người nên trong thực tế đã trộm được nước Tề.

phẩm hạnh liêm khiết, khéo trau dồi cái hay nên mới lên đến địa vị ấy. Ông ta nhờ trung mà được cất nhắc, nhờ tín mà được giữ địa vị, trẫm thực cho ông ta là người hiền, sao ông lại nghi ? Vả chăng khi tiên đế mất, trẫm còn ít tuổi, không biết gì, không quen cách trị dân, ông lại già, nếu không có ông ta sợ sẽ cùng thiên hạ tiêu diệt. Trẫm nếu không nhờ cậy Triệu Cao thì biết dùng ai? Triệu Cao là người sáng suốt, liêm khiết, có sức làm việc, ở dưới biết dân tình, ở trên biết làm vừa ý trẫm. Ông đừng có nghi.

Lý Tư nói :

— Không phải thế ! Cao vốn là người hèn, không hiểu đạo lý, tham lam, đòi hỏi không biết chán, cầu lợi không thôi. Địa vị và quyền thế gần ngang với nhà vua ; đòi hỏi, tham muốn không cùng. Cho nên thần mới nói là « nguy ».

Nhị Thế trước đây vốn đã tin Triệu Cao, sợ Lý Tư giết y, bèn nói riêng với Triệu Cao. Triệu Cao nói :

— Thừa tướng chỉ lo ngại một mình Cao mà thôi. Sau khi Cao đã chết, thừa tướng sẽ làm ngay việc Điền Thường đã làm đấy.

Nhị Thế bèn nói ;

— Giao Lý Tư cho lang trung lệnh (1).

Triệu Cao tra xét Lý Tư. Lý Tư bị giam, bị trói ở trong nhà tù, ngẩng đầu lên trời nói :

— Than ôi ! Thương thay ! Làm sao có thể bàn mưu với ông vua vô đạo ! Ngày xưa Kiệt giết Quan Long Bàng, Trụ giết Tỷ Can, vua Ngô là Phù Sai giết Ngũ Tử Tư, ba người tôi kia đâu phải không trung ? Nhưng

1. Tức giao cho Triệu Cao.

họ đều không khỏi chết. Thân chết, nhưng kẻ mà mình trung với họ lại vô đạo. Nay trí khôn của ta không bằng ba người kia mà Nhị Thế còn vô đạo hơn cả Kiệt, Trụ, Phù Sai. Ta vì trung mà chết là đáng lắm. Vả chăng cách cai trị của Nhị Thế há chăng gây loạn lạc sao ? Gần đây ông ta giết sạch các anh em mà tự lập, giết tôi trung mà tôn quý bọn hèn hạ, làm cung A Phòng, bắt thiên hạ phải nộp thuế nặng. Ta không phải không can ngăn, nhưng ông ta không nghe. Phàm các vua thánh ngày xưa ăn uống có chừng mực, xe cộ, đồ dùng có số nhất định, cung thất có hạn độ, ra mệnh lệnh, làm việc gì không ích lợi cho dân lại tốn kém nhiều thì đều cấm. Cho nên có thể trị an lâu dài (1). Nay Nhị Thế làm việc trái đạo lý với anh em, không đoái nghĩ gì đến mối lo về sau, giết oan trung thần, không nghĩ đến tai họa, ra sức làm cung thất cho lớn, vơ vét thiên hạ, không tiếc tổn phí. Một khi đã làm ba điều ấy (2) thì thiên hạ không nghe theo. Nay những người làm phản đã lấy được một nửa thiên hạ rồi. Thế mà còn vẫn chưa tỉnh ngộ, vẫn lấy Triệu Cao làm người giúp việc. Nhất định ta sẽ thấy giặc đến Hàm Dương, hươu nai chơi ở triều !

Nhị Thế bèn sai Cao xét án thừa tướng, trị tội, kết tội Tư và con là Do làm phản. Bắt tất cả họ hàng tân khách.

Triệu Cao trị tội Tư, dùng roi đánh hơn một nghìn cái, Tư đau đớn vô cùng nghĩ mình chịu tội oan ức. Tư không tự vẫn vì tự phụ mình có tài biện luận, có công lao, thực tình không có lòng làm

1. Lúc này Tư đã bỏ hẳn cái thuyết " đốc trách ".
2. Làm trái đạo anh em, giết tôi trung, xây cung thất.

phản nên hy vọng có dịp dâng thư để bày tỏ, mong Nhị Thế sẽ tỉnh ngộ mà tha cho. Lý Tư bèn ở trong ngục dâng thư lên. Thư như sau:

«Thần làm thừa tướng trị dân đã ba mươi năm. Lúc thần đến, đất Tần chật hẹp. Trong thời tiên vương đất Tần chẳng qua nghìn dặm, quân vài mươi vạn. Thần đem hết tài mọn, cẩn thận chấp hành pháp luật, mệnh lệnh. Ngầm sai các mưu thần đưa cho vàng bạc, châu báu để họ đi du thuyết chư hầu. Ngầm chuẩn bị vũ lực, quân đội, trau dồi chính giáo, cho những người chiến đấu dũng cảm làm quan, tôn trọng những bầy tôi có công, cho họ tước lộc dồi dào. Cho nên rốt cục uy hiếp nước Hàn, làm yên nước Ngụy, phá tan các nước Yên, Triệu, san phẳng các nước Tề, Sở, cuối cùng lấy tất cả sáu nước, cầm tù vua của họ, lập Tần làm thiên tử — đó là một tội! Đất không phải rộng thế mà phía bắc lại đuổi các rợ Hồ, Mạch, phía nam bình định Bách Việt (1), để nêu rõ cái mạnh của Tần — đó là hai tội! Tôn trọng các quan đại thần cho họ tước vị cao làm cho sự thân thiết với nhà vua càng thêm bền vững, đó là ba tội! Lập xã tắc, sửa sang tôn miếu, để làm sáng tỏ cái hiền của nhà vua, đó là bốn tội! Thay đổi các hoa văn khắc vẽ trên các đồ vật, thống nhất các đấu, các hộc, đồ đo lường, quy định các văn chương, ban bố với thiên hạ, để lập nên danh tiếng của nhà Tần, đó là năm tội! Làm đường vua đi, xây dựng ở những nơi danh thắng để nhà vua đi xem chơi, để nêu rõ điều đắc ý của nhà

1. Hồ và Mạch chỉ Hung Nô ở phương bắc Trung Quốc. Bách Việt là tên chung chỉ các dân tộc miền Lưỡng Quảng phía nam đến Giao Chỉ (Việt Nam) phía bắc đến bờ biển Chiết Giang, phía đông đến bờ biển Phúc Kiến, phía tây đến Quảng Tây. Những bộ lạc nổi tiếng là: Đông Việt, Âu Việt, Tây Việt, Tường Kha, Lạc Việt.

vua, đó là sáu tội! Nới hình phạt, giảm nhẹ đóng góp để làm thỏa mãn mong muốn của nhà vua đã thu được lòng dân chúng, vạn dân tôn quý nhà vua, đến chết cũng không quên, đó là bảy tội! Tư này làm tôi, tội đáng chết đã từ lâu. May được trên cho thần đem hết tài hết sức ra làm nên mới được sống đến nay. Xin bệ hạ xét cho» (1).

Thư dâng lên, Triệu Cao sai viên lại vứt đi, không tâu lên, nói:

— Đã bị tù còn dâng thư sao được!

Triệu Cao sai hơn mười người khách của mình giả làm ngự sử, yết giả, thị trung (2) thay nhau đến xét hỏi Tư. Tư lại đem thực tình ra nói với họ, Cao lại sai người đánh Tư. Về sau, Nhị Thế sai người đến hỏi Lý Tư, Tư cho rằng lần xét hỏi này cũng như mấy lần trước, rốt cục không dám thay đổi lời khai, nhận là mình đã phạm tội. Triệu Cao tâu lên rằng Tư đã nhận tội.

Nhị Thế mừng nói:

— Nếu không có Triệu Cao thì suýt nữa ta bị thừa tướng làm hại rồi!

Khi Nhị Thế phái người đến xét tội trạng của thái thú Tam Xuyên thì Hạng Lương đã giết chết Lý Do. Sứ giả về thì Lý Tư đã bị bắt giao quan coi ngục, Triệu Cao đổi tất cả những lời của sứ giả, nói rằng Lý Do làm phản.

1. Tất cả đoạn này đều dùng hình thức phản ngữ nên có sức thuyết phục mạnh.

2. Ngự sử coi giấy tờ trong cung, kiêm việc can ngăn nhà vua, Yết giả làm chức tiếp khách khứa, Thị trung coi việc giấy tờ tâu lên nhà vua.

Tháng 7 năm thứ hai đời Nhị Thế, Tư bị đủ ngũ hình, bị xử chém ngang lưng ở chợ Hàm Dương. Tư ở trong ngục đi ra cùng bị áp giải với đứa con giữa. Tư quay lại bảo con :

— Ta muốn cùng ngươi lại dắt con chó vàng, ra khỏi cửa đông ở ấp Thượng Sái đuổi con thỏ khôn, nhưng làm sao được nữa ?

Cha con khóc với nhau. Tư bị giết cả ba họ (1).

8. Sau khi Lý Tư chết, Nhị Thế cho Triệu Cao làm trung thừa tướng (2), mọi việc bất kỳ lớn nhỏ đều do Cao quyết định.

Cao tự biết quyền mình to lớn, bèn dâng vua con nai lại nói là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người chung quanh :

— Đó là con nai chứ ?

Những người chung quanh nói :

— Con ngựa đấy ạ.

Nhị Thế cả kinh, tự cho mình loạn óc, bèn gọi quan thái bốc sai bói xem (3). Quan thái bốc nói :

— Bệ hạ mùa xuân mùa thu làm lễ tế giao, thờ phụng tôn miếu, quỷ thần, trai giới không nghiêm, cho nên đến thế. Nên theo đức lớn của các vị vua hiền ngày xưa và cẩn thận trong việc trai giới.

Nhị Thế bèn vào vườn Thượng Lâm trai giới, ban ngày đi chơi, săn bắn. Có người vào vườn Thượng Lâm Nhị Thế tự tay bắn chết.

1. Đoạn 7 : Mâu thuẫn gay gắt trong tập đoàn thống trị, Triệu Cao giết Lý Tư.

2. Thừa tướng ở trong cung cấm.

3. Xem Tần Thủy Hoàng bản kỷ đoạn 7. Ở hai nơi có những chi tiết không giống nhau.

Triệu Cao bày cho con rể là Diêm Nhạc hặc không biết có người nào giết người, đem xác đến vất ở Thượng Lâm. Triệu Cao bèn nói với Nhị Thế :

— Nhà vua vô cớ giết người vô tội, đó là điều trời cấm, quỷ thần không nhận đồ tế lễ, trời sinh tai họa. Nên đi xa cung nhà vua để giải trừ tai họa.

Nhị Thế bèn dời đến Vọng Di Cung.

Nhị Thế ở đấy ba ngày, Triệu Cao làm chiếu nhà vua gọi về binh đến, sai họ đều mặc đồ trắng cầm binh khí, quay mặt vào trong. Triệu Cao vào cung nói với Nhị Thế :

— Quân trộm cắp ở Sơn Đông đến rất đông.

Nhị Thế lên lầu xem thấy thế hoảng sợ. Cao bèn nhân đấy bắt ép Nhị Thế phải tự sát (1). Triệu Cao mang ấn nhà vua, tả hữu, trăm quan không ai theo Cao. Cao lên điện, điện ba lần muốn sụp. Cao tự biết trời không cho mình làm vua, quần thần không chịu, bèn cho mời người em của Thủy Hoàng trao ấn cho ông ta.

Tử Anh lên ngôi, lo sợ bèn cáo ốm không ra triều nghe quần thần tâu bày các công việc. Tử Anh cùng viên hoạn quan Hàn Đàm và con mưu giết Cao. Cao đến yết kiến Tử Anh để hỏi thăm bệnh, Tử Anh nhân đấy gọi vào, Hàn Đàm đâm chết rồi giết cả ba họ của Cao.

Tử Anh làm vua được ba tháng, Bái Công đem quân từ Vũ Quan vào, đến Hàm Dương, các quan đều làm phản không đến. Tử Anh tự buộc dây ấn ở cổ cùng vợ con đầu hàng ở Chỉ Đạo. Bái Công nhận đấy giao

1. Việc chép ở đây và ở đoạn 7 của Tần Thủy Hoàng bản kỷ có chỗ không giống nhau.

Tử Anh cho quan đương sự. Hạng Vương đến và chém Tử Anh. Nhà Tần rốt cuộc mất thiên hạ (1).

9. Thái Sử Công nói :

Lý Tư xuất thân là kẻ áo vải nơi làng xóm, đi khắp các nước chư hầu, vào thờ Tần, nhân cơ hội các nước có chỗ hở có thể lợi dụng, nên giúp Thủy Hoàng làm nên nghiệp đế. Tư làm tam công, có thể gọi là ở địa vị cao và được trọng dụng. Tư biết đạo của lục kinh, nhưng không lo làm cho chính sự được sáng suốt để bổ cứu những thiếu sót của nhà vua ; trái lại lo giữ tước cao, lộc hậu, a dua cầu hợp, làm cho uy thêm nghiêm, hình phạt thêm tàn khốc, nghe theo lời tà thuyết của Cao, bỏ con trưởng lập con thứ. Đến khi chư hầu đã làm phản rồi Tư mới muốn can ngăn thì chẳng phải muộn rồi sao ? Người ta đều cho Tư tận trung mà bị ngũ hình chết, nhưng xét cho cùng thì không phải như lời thế tục thường bàn. Nếu không thế hóa ra công của Tư có thể sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công vậy (2).

1. Đoạn 8 : Triệu Cao giết Nhị Thế, nhà Tần bị diệt vong.

2. Đoạn 9 : Lời bàn của Tư Mã Thiên. Ý tác giả nói Tư không phải là người trung mà là người có tội. Nếu như lời nói của người thường mà đúng chẳng hóa ra công của Tư sánh ngang với Chu Công, Thiệu Công sao ? Câu này nhiều người giải thích sai cho là Tư Mã Thiên ca ngợi Tư quá đáng nhưng thực ra thì tác giả trách Lý Tư chứ không khen.

TRƯƠNG NHĨ, TRẦN DƯ LIỆT TRUYỆN

TRƯƠNG NHĨ, người thành Đại Lương, lúc nhỏ làm tân khách ở nhà công tử nước Ngụy là Vô Kỵ. Trương Nhĩ có lần trốn đi chơi Ngoại Hoàng. Ở Ngoại Hoàng có người con gái nhà giàu rất đẹp, lấy một người chồng làm đầy tớ tầm thường, liền trốn chồng về nhà người khách của cha. Người khách cha cô ta vốn biết Trương Nhĩ, bèn nói với người con gái :

— Nếu cô muốn tìm người chồng tài giỏi thì hãy theo Trương Nhĩ !

Người con gái nghe theo. Sau đó người khách của cha cô ta bèn giúp cô ta bỏ đứt chồng, và lấy Trương Nhĩ. Trương Nhĩ bây giờ thoát khỏi cảnh nghèo, đi chơi. Nhà người con gái đối đãi chu cấp cho Trương Nhĩ rất hậu. Trương Nhĩ nhờ thế có thể làm cho khách ở xa ngàn dặm đến nhà. Ông bèn làm quan lệnh ở Ngoại Hoàng, danh tiếng từ đó càng nổi.

Trần Dư cũng là người Đại Lương, thích Nho thuật, hay đi chơi đất Khổ Hình ở Triệu. Có người giàu là họ Công Thừa gả con gái cho. Ông ta cũng biết Trần Dư không phải là người tầm thường. Dư ít tuổi, xem Trương Nhĩ như cha, hai người làm bạn sống chết có nhau.

Khi nhà Tần diệt Đại Lương thì nhà Trương Nhĩ ở Ngoại Hoàng. Cao Tổ lúc còn là kẻ áo vải thường hay

đến làm du khách ở nhà Trương Nhĩ, ở đấy mấy tháng. Khi nhà Tần đã diệt nước Ngụy được mấy năm, nghe tin hai người này là hai danh sĩ ở Ngụy, bèn treo giải người nào bắt được Trương Nhĩ thì thưởng ngàn lạng vàng, bắt được Trần Dư thưởng năm trăm lạng. Trương Nhĩ, Trần Dư đổi tên họ cùng đến Trần làm người giữ cổng làng để kiếm ăn. Hai người cãi nhau, viên lại trong làng đi qua, liền lấy roi đánh Trần Dư. Trần Dư muốn đứng dậy. Trương Nhĩ giẫm vào gót chân bảo Dư cứ chịu đòn đi. Viên lại ra đi, Trương Nhĩ bèn kéo Trần Dư xuống dưới gốc cây dâu mà trách, nói :

— Lúc đầu tôi nói với anh như thế nào? Nay mới bị một cái nhục mà muốn giết viên lại sao ?

Trần Dư cho là phải.

Tần ban chiếu tìm hai người. Hai người trái lại dùng chức giữ cổng để ra lệnh trong làng.

Trần Thiệp nổi lên ở đất Kỳ, khi vào đất Trần thì số quân đã vài vạn. Trương Nhĩ, Trần Dư đến yết kiến Trần Thiệp. Trần Thiệp và các quan hầu ngày thường đã nhiều lần nghe nói Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền nhưng chưa được gặp mặt. Nay được gặp, họ rất mừng. Các bậc hào kiệt và những người già cả ở đất Trần bèn bảo Trần Thiệp :

— Tướng quân thân hành mang áo giáp, cầm binh khí, dẫn đầu binh sĩ để đánh nhà Tần bạo ngược, dựng lại xã tắc nước Sở, dựng lại cái nước đã mất, nối lại dòng dõi đã bị đứt, công đức đáng làm vua. Vả chăng, cai quản các tướng trong thiên hạ, nếu không làm vua thì không được. Xin tướng quân tự lập làm vua nước Sở.

Trần Thiệp hỏi hai người. Hai người đáp :

— Nhà Tần làm việc vô đạo, phá nước nhà người ta, diệt xã tắc của người ta, cắt đứt dòng dõi người ta, làm cho trăm họ mệt sức hết của. Tướng quân trợn mắt, cả gan xông vào nơi muôn chết không để ý đến một sống, vì thiên hạ trừ bọn tàn bạo. Nay tướng quân mới đến đất Trần mà đã tự xưng làm vua, tức là nêu rõ với thiên hạ rằng mình nghĩ đến điều riêng. Xin tướng quân chớ có làm vua, mau mau đem binh đi về hướng tây, sai người lập con cháu sáu nước để dựng bè đảng cho mình. Như thế nhà Tần càng có thêm nhiều kẻ địch. Quân địch của Tần đông thì sức của nó bị chia. Cùng mưu với nhiều người thì binh lực mạnh. Như vậy ở ngoài đồng không gặp cảnh binh sĩ đánh nhau, trong các huyện thì không ai giữ thành, tướng quân diệt nhà Tần bạo ngược, chiếm lấy Hàm Dương và ra lệnh cho chư hầu. Chư hầu trước đây đã mất nay lại được lập lên. Tướng quân dùng sức để làm cho họ phục, như thế có thể làm nên cơ nghiệp đế vương. Nay tướng quân một mình xưng vương ở Trần, tôi sợ thiên hạ tan rã mất.

Trần Thiệp không nghe theo bèn tự lập làm vua. Trần Dư lại thuyết phục Trần Vương nói :

— Đại Vương đem binh của Lương và Sở đi về hướng tây, cốt vào Quan Trung nhưng chưa kịp lấy Hà Bắc. Tôi thường đi chơi ở đất Triệu, biết những người hào kiệt và địa thế ở đấy. Xin nhà vua cho tôi một đạo kỳ binh (1) đi về phía bắc lấy đất Triệu.

Trần Vương bèn cho người bạn thân của mình là Vũ Thần, người đất Trần, làm tướng quân, Thiệu Tao làm hộ quân, Trương Nhĩ và Trần Dư làm tả hiệu úy và hữu hiệu úy cùng ba nghìn quân để đi về phía bắc lấy đất Triệu. Bọn Vũ Thần đi từ bến Bạch Mã, vượt qua

1. Đạo binh đánh quân địch lúc họ không đề phòng.

sông Hà, đến các huyện thuyết phục những hào kiệt ở đấy, nói :

— Nhà Tần theo lối chính sự bạo ngược hình phạt tàn khốc để giết hại thiên hạ đã mấy mươi năm nay : phía bắc phải đi Trường Thành, phía nam phải đi đồn thú ở Ngũ Lĩnh, trong ngoài nhao nhác, trăm họ mỏi mệt rã rời, cứ theo đầu người mà nộp thóc, vơ vét để cung cấp quân phí. Tiền của hết, sức dân kiệt không sống nổi. Đã thế, lại còn thêm pháp luật hà khắc, hình phạt nặng, làm cho cha con trong thiên hạ không thể sống yên. Trần Vương hăng hái nổi lên vì thiên hạ mở đầu, làm vương đất Sở, đất vuông hai ngàn dặm, không ai không hưởng ứng. Nhà nào cũng vì mình mà nổi dậy, người nào cũng vì mình mà đánh, báo oán cho mình, và tấn công quân thù của mình. Các huyện giết quan lệnh, các quận giết quan thú và quan úy. Nay đã nêu danh hiệu « Đại Sở », làm vương ở Trần (1), sai Ngô Quảng, Chu Văn cầm trăm vạn quân đi về hướng tây đánh Tần. Gặp thời cơ này mà không làm nên được sự nghiệp phong hầu thì không phải là con người hào kiệt. Xin các vị thử bàn tính xem : thiên hạ đồng tâm và khổ sở vì nhà Tần đã lâu rồi. Dùng sức mạnh của thiên hạ mà đánh ông vua vô đạo, trả thù cho cha anh để lập nên cái sự nghiệp được cắt đất phong hầu, đó chính là thời cơ của kẻ sĩ ngày nay.

Các hào kiệt đều cho là phải — bọn Vũ Thần bèn tập hợp binh sĩ được vài vạn người, gọi Vũ Thần là Vũ Tín Quân lấy được hơn mười thành của đất Triệu, Những thành còn lại đều cố giữ không chịu đầu hàng. Bọn Vũ Thần bèn đem quân đi về phía đông bắc đánh

1. Xem *Trần Thiệp thế gia*,

Phạm Dương. Khoái Thông người đất Phạm Dương đến du thuyết viên lệnh ở Phạm Dương như sau :

— Tôi trộm nghe ngài sắp chết cho nên đến điếu. Tuy vậy tôi mừng ngài gặp được Thông nên sống.

Viên lệnh ở Phạm Dương hỏi :

— Tại sao lại điếu ?

Khoái Thông đáp :

— Pháp luật nhà Tần rất nặng, tức hạ làm quan lệnh ở Phạm Dương đã mười năm nay ngài giết cha người ta, làm cho con người ta thành mồ côi, chặt chân người ta, khắc chữ vào mặt người ta không thể kể xiết. Những người cha nhân từ, những người con hiếu vẫn không ai dám đâm mũi nhọn vào giữa bụng ngài, chỉ vì họ sợ pháp luật nhà Tần mà thôi. Nay thiên hạ gặp loạn lớn, pháp luật nhà Tần không được thi hành. Như vậy thì những người cha nhân từ, những người con có hiếu sẽ đâm mũi nhọn vào bụng ngài để lập nên cái danh tiếng của mình, vì thế cho nên tôi đến điếu ngài. Nay chư hầu phản lại nhà Tần, binh của Vũ Tín Quân sắp đến mà ngài lại cố giữ vững thành Phạm Dương, những người trai tráng đều tranh nhau giết ngài để đầu hàng Vũ Tín Quân. Ngài hãy mau mau sai tôi đến gặp Vũ Tín Quân thì dịp này có thể chuyển vạ thành phúc đấy.

Viên lệnh ở Phạm Dương bèn sai Khoái Thông đến yết kiến Vũ Tín Quân. Khoái Thông nói :

— Nếu tức hạ đòi phải đánh cho thắng rồi sau đó mới cướp đất, phải phá được thành rồi sau đó mới lấy thành thì tôi cho là sai. Nếu ngài biết nghe mưu kế của tôi thì có thể không tấn công mà làm cho thành phải đầu hàng, không đánh mà cướp được đất, chỉ truyền hịch cũng sẽ bình định được ngàn dặm. Như thế có được không ?

Vũ Tín Quân nói :

— Như thế nghĩa là thế nào ?

Khoái Thông nói :

— Hiện nay viên lệnh ở Phạm Dương thế nào cũng phải chỉnh đốn binh sĩ để giữ thành và chiến đấu. Ông ta nhút nhát sợ chết, nhưng lại xem trọng việc giàu sang, cho nên muốn đầu hàng trước mọi người nhưng lại sợ ngài cho ông ta là viên quan lại do nhà Tần đặt ra nên sẽ giết ông ta như ngài đã giết quan lại mười thành trước đây. Ngày nay, những người trai tráng ở Phạm Dương cũng đang muốn giết viên lệnh của mình để lấy thành mà chống lại ngài. Tại sao ngài lại không trao cho tôi ấn tước hầu để phong cho viên lệnh ở Phạm Dương? Nếu làm thế thì viên lệnh ở Phạm Dương sẽ đem thành đầu hàng ngài, những người trai tráng cũng không dám giết viên lệnh của mình. Thế rồi ngài ra lệnh cho viên lệnh ở Phạm Dương đi cái xe bánh đỏ, có trục xe chạm, bảo ông ta ruỗi ngựa ở ngoài thành đất Yên đất Triệu. Những người ở ngoài thành đất Yên đất Triệu thấy ông ta đều sẽ nói : « Đó là viên huyện lệnh ở Phạm Dương đầu hàng trước đấy ». Thế thì họ sẽ mừng, ngài có thể không đánh mà khiến các thành ở Yên và Triệu đầu hàng. Tôi nói truyền hịch mà bình định được ngàn dặm là như thế đấy.

Vũ Tín Quân theo kế của Khoái Thông, bèn sai Khoái Thông đưa cho viên lệnh ở Phạm Dương ấn tước hầu. Đất Triệu nghe vậy có hơn ba mươi thành không đánh mà đầu hàng.

Khi quân đến Hàm Đan, Trương Nhĩ, Trần Dư nghe tin quân của Chu Chương đã vào cửa ải, nên đến đất Hi rồi rút lui, lại nghe nhiều viên tướng đã giúp Trần Vương lấy đất bị dèm pha mà phải tội chết, oán Trần

Vương không dùng mưu kế của mình, không cho mình làm tướng lại cho làm hiệu úy, bèn nói với Vũ Thần :

— Trần Vương nổi lên ở đất Kỳ, đến đất Trần thì xưng vương ; không muốn lập con cháu sáu nước. Nay tướng quân với ba nghìn người đã hạ được hơn mấy chục thành của nước Triệu, lại chỉ lần lút ở phía bắc sông Hà, nếu tướng quân không xưng vương thì còn ai làm. Vả chăng Trần Vương nghe những lời dèm pha, nếu tướng quân quay về báo, tôi sợ tướng quân sẽ không thoát khỏi họa, không bằng lập một nước anh em với Sở, nhưng không lập ngay con cháu nước Triệu. Tướng quân chớ có bỏ thời cơ, thời cơ qua nhanh không chờ đợi được.

Vũ Thần bèn nghe theo, tự xưng là Triệu Vương, cho Trần Dư làm đại tướng quân, Trương Nhĩ làm hữu thừa tướng, Thiệu Tao làm tả thừa tướng và sai người báo với Trần Vương. Trần Vương cả giận, muốn giết tất cả nhà của bọn Vũ Thần và đem binh đánh Triệu. Tướng quốc của Trần Vương là Phòng Quân can :

— Nhà Tần chưa mất mà nhà vua lại giết cả nhà bọn Vũ Thần, như thế tức là gây ra một nước Tần thứ hai. Không bằng nhân đấy mà chúc mừng ông ta, sai ông ta mau mau đem binh về hướng tây đánh Tần.

Trần Vương cho là phải, theo kế của Phòng Quân, đời gia đình của bọn Vũ Thần vào trong cung, phong cho con Trương Nhĩ là Ngao làm Thành Đô Quân. Trần Vương sai sứ giả đến chúc mừng Triệu, giục Triệu mau mau đem binh đi về hướng tây vào Quan Trung. Trương Nhĩ, Trần Dư nói với Vũ Thần :

— Nhà vua làm vua ở Triệu không phải là ý nước Sở muốn thế, mà chỉ dùng mưu kế để chúc mừng nhà vua đấy thôi. Một khi Sở đã diệt xong nhà Tần thì thế nào

nó cũng sẽ đem binh đến đánh nước Triệu. Xin nhà vua chớ đem binh đi về hướng tây. Hãy đem binh đi về hướng bắc lấy các nước Yên, Đại; đi về hướng nam lấy Hà Nội để mở rộng đất đai của mình. Nước Triệu phía nam có sông Hà rộng, phía bắc có đất Yên, đất Đại, thì nước Sở dù có thắng được nước Tần đi nữa cũng không dám không chế nước Triệu.

Triệu Vương cho là phải bèn không đem binh đi về hướng tây, mà sai Hàn Quảng cướp lấy đất Yên, Lý Lương cướp lấy đất Thường Sơn, Trương Yêm cướp lấy đất Thượng Đảng. Hàn Quảng đến đất Yên, người Yên nhân đấy lập Quảng làm Yên Vương. Triệu Vương bèn cùng Trương Nhĩ, Trần Dư đi về phía bắc cướp đất ở biên giới nước Yên. Triệu Vương bất ngờ đi ra, bị quân Yên bắt được. Tướng Yên bỏ tù Triệu Vương, muốn cùng Triệu Vương chia đôi đất Triệu mới trả Triệu Vương về. Sứ giả Triệu đến, viên tướng nước Yên liền giết chết để đòi đất

Trương Nhĩ, Trần Dư lo lắng... Có người lính làm việc nấu ăn nói với những người trong nhà:

— Tôi xin vì nhà vua thuyết phục tướng Yên rồi sẽ cùng Triệu Vương lên xe về nhà.

Những người trong nhà đều cười nói:

— Sứ giả đến hơn mười người đều bị giết. Mày làm thế nào có thể đưa nhà vua về được?

Anh ta liền bỏ chạy sang thành nước Yên. Viên tướng nước Yên tiếp anh ta. Anh ta hỏi viên tướng:

— Ông có biết tôi muốn điều gì không?

Viên tướng nước Yên nói:

— Mày muốn đưa vua Triệu về mà thôi.

— Ông cho Trương Nhĩ, Trần Dư là người như thế nào?

— Là người hiền.

— Ông biết chí họ muốn điều gì không?

— Họ muốn nhà vua về chứ gì!

Người lính làm bếp bèn cười mà rằng:

— Thế thì ông vẫn chưa biết hai người ấy muốn gì! Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư vẫy roi ngựa lấy được mấy mươi thành của Triệu. Họ người nào cũng muốn ngoảnh mặt về hướng nam mà làm vua, há chỉ muốn làm khanh, tướng cho trọn đời mình đâu! Phàm việc làm tôi người ta với làm vua người ta là khác nhau một vực một trời. Chẳng qua vì tình thế mới ổn định nên chưa dám chia ba mà làm vương, cho nên theo thứ tự lớn nhỏ trước tiên lập Vũ Thần làm vương để giữ lòng dân Triệu. Bây giờ đất Triệu đã theo, hai người này cũng muốn chia đất Triệu để làm vương, nhưng thời cơ chưa làm được đấy thôi. Nay ngài lại bỏ tù Triệu Vương, hai người kia về mặt danh nghĩa thì xin Triệu Vương, nhưng thực ra muốn nước Yên giết ông ta đi. Hai người này sẽ do đó chia nước Triệu, tự lập làm vua. Mới chỉ có một nước Triệu mà nó đã coi thường nước Yên, huống gì có hai vị vua hiền, giúp nhau, lại bắt tội ngài về cái tội giết vua thì việc tiêu diệt nước Yên rất là dễ.

Viên tướng nước Yên cho là phải, bèn thả Triệu Vương. Người lính làm bếp đánh xe cho vua Triệu trở về.

Sau khi Lý Lương đã bình định được Thường Sơn trở về báo tin, Triệu Vương lại sai Lương đi lấy Thái Nguyên, Lương đến thạch Ấp, quân Tần chặn ở Tỉnh Hình, Lương chưa tiến lên được. Tướng Tần giả vờ nói Nhị Thế sai người đưa cho Lý Lương bức thư không dán, nói Lương trước kia đã từng thờ ta rất được yêu quý,

nếu Lương có thể phản lại nước Triệu, theo Tần, thì sẽ tha tội và tôn quý Lương. Lương nhận được thư nghi ngờ không tin, bèn quay về Hàm Đan xin thêm binh sĩ. Lương chưa đến Hàm Đan, đi giữa đường, gặp người chị của Triệu Vương đi ra uống rượu, có hơn một trăm quân kỵ đi theo. Lý Lương đứng xa nhìn thấy, cho đó là Triệu Vương, bèn nằm rạp bên đường để yết kiến. Người chị của Triệu Vương say không biết đó là viên tướng của Triệu Vương, bèn sai quân kỵ từ tạ Lý Lương. Lý Lương vốn là người sang, đứng dậy, mắng những viên quan theo hầu. Trong số này có một người nói :

— Thiên hạ làm phản nhà Tần, ai có tài thì được lập trước. Vả lại Triệu Vương vốn là ở dưới quyền tướng quân, nay một người đàn bà mà lại không xuống xe chào tướng quân. Xin tướng quân đuổi theo giết đi !

Lý Lương đã nhận được thư của Tần, muốn phản lại nước Triệu nhưng chưa quyết định. Nhân việc đó, Lý Lương nổi giận sai người đuổi theo giết người chị của Triệu Vương ở giữa đường, rồi cầm quân đánh úp Hàm Đan. Hàm Đan không kịp phòng bị, Lý Lương giết Vũ Thần, Thiệu Tao. Nhiều người nước Triệu là tai mắt của Trương Nhĩ, Trần Dư, cho nên hai người trốn thoát, tập hợp binh sĩ được vài vạn người. Có người khách nói với Trương Nhĩ :

— Hai ông là những người lữ khách muốn giúp Triệu thì khó mà đứng một mình được. Các ông hãy lập con cháu vua Triệu, lấy nghĩa để phò họ thì có thể thành công.

Hai người bèn tìm được Triệu Yết, lập làm Triệu Vương đóng ở Tín Đô, Lý Lương tiến quân đánh Trần Dư. Trần Dư đánh Lý Lương thua to. Lý Lương bỏ

chạy về với Chương Hàm. Chương Hàm đem binh đến Hàm Đan. Hai người sai dời dân ở đấy đi Hà Nội, san phẳng thành quách, Trương Nhĩ và Triệu Vương Yết chạy vào thành Cự Lộc. Vương Ly vây thành, Trần Dư đi về phía bắc tập hợp binh sĩ ở Thường Sơn được vài vạn người, đóng quân ở phía bắc Cự Lộc. Chương Hàm đóng quân ở phía nam Cự Lộc, trên cánh đồng Nam Cức, xây đường ống đến sông Hà để vận chuyển lương thực cho Vương Lý. Vương Ly binh sĩ và lương thực đều nhiều, đánh Cự Lộc rất gấp. Ở trong thành Cự Lộc binh ít, lương hết. Trương Nhĩ mấy lần sai người đến bảo Trần Dư tiến quân. Trần Dư tự nghĩ quân của mình ít, không đánh lại được quân Tần nên không dám tiến. Tình hình kéo dài mấy tháng. Trương Nhĩ cả giận, oán Trần Dư, sai Trương Yèm, Trần Thích đến trách Trần Dư :

— Trước kia ta cùng ông làm bạn sống chết có nhau. Nay nhà vua và Nhĩ sớm chiều sẽ chết, thế mà ông cầm quân mấy vạn không chịu cứu. Như thế làm sao có thể tin rằng cùng chết với nhau được ? Tại sao ông không xông vào quân Tần, cùng nhau chịu chết, như thế ngõ hầu còn có hy vọng cùng sống trong muôn một.

Trần Dư nói :

— Tôi tính tiến quân thì cũng không thể cứu được Triệu, mà chỉ mất hết quân. Và lại, sở dĩ Dư này không cùng chết là vì muốn báo thù cho Triệu Vương và Trương Quân. Nay nếu chúng ta cùng chết thì cũng như ném thịt cho hổ đói, phỏng có ích gì ?

Trương Yèm, Trần Thích nói :

— Tình hình đã gấp lắm rồi, xin lấy việc cùng chết để nêu rõ tín nghĩa, còn biết việc tính toán sau này ra sao nữa !

Trần Dư nói:

— Tôi chết thì chỉ vô ích mà thôi, nhưng cũng xin theo như lời ông.

Bèn cho năm nghìn quân, sai Trương Yêm, Trần Thích thử quân Tần trước. Những người này đều bị diệt. Lúc bấy giờ các nước Yên, Tề, Sở nghe tin Triệu nguy cấp đều đến cứu. Trương Ngao cũng tập hợp binh sĩ đất Đại ở phía bắc được hơn vạn người đến. Tất cả đều xây lũy ở cạnh Trần Dư nhưng vẫn chưa dám đánh Tần. Quân của Hạng Vũ mấy lần cắt đứt đường ống của Chương Hàm. Quân của Vương Ly thiếu ăn. Hạng Vũ đem tất cả binh sĩ vượt Hoàng Hà và phá tan quân Chương Hàm. Chương Hàm bèn đem binh chạy. Quân các nước chư hầu mới dám đánh quân Tần đang vây Cự Lộc, rốt cục cầm tù được Vương Ly. Thiệp Nhàn tự sát, cuối cùng bảo tồn được Cự Lộc là do sức của nước Sở. Nhờ vậy Triệu Vương Yết và Trương Nhĩ mới ra khỏi thành Cự Lộc, cảm tạ chư hầu.

Trương Nhĩ gặp Trần Dư, trách Trần Dư không chịu cứu Triệu. Đến khi hỏi Trương Yêm, Trần Thích ở đâu, Trần Dư nổi giận nói:

— Trương Yêm, Trần Thích bảo tôi thế nào cũng phải chết, nên tôi sai họ cầm năm nghìn quân để thử sức quân Tần trước. Họ đều chết không thể ra được.

Trương Nhĩ không tin, cho là Trần Dư đã giết họ. Hỏi Trần Dư mấy lần. Trần Dư nổi giận nói:

— Tôi không ngờ ông oán giận tôi sâu sắc đến thế! Có phải vì tôi tiếc không dám bỏ chức tướng quân đâu!

Trần Dư bèn cởi ấn trao cho Trương Nhĩ. Trương Nhĩ cũng kinh ngạc không dám nhận. Trần Dư đứng dậy đi ra nhà xí, có người khách nói với Trương Nhĩ:

— Tôi nghe nói: «Trời cho mà không nhận thì sẽ

mang vạ» nay Trần tướng quân đã trao ấn cho ngài mà ngài không nhận thì trời sẽ bắt mang vạ đấy. Xin ngài nhận ngay đi.

Trương Nhĩ bèn mang ấn, thu bộ hạ của Dư, nhưng Trần Dư vẫn oán Trương Nhĩ không chịu nhường. Sau đó, Trần Dư rảo bước đi ra. Trương Nhĩ bèn thu quân của Trần Dư. Trần Dư một mình cùng với vài trăm người trước đây ở dưới cờ vẫn quen thân, đi săn và đánh cá trong cái đầm trên sông Hoàng Hà. Từ đó giữa Trần Dư và Trương Nhĩ có sự hiềm khích.

Triệu Vương Yết lại ở Tín Đô, Trương Nhĩ theo Hạng Vũ và chư hầu vào Quan Trung.

Năm thứ nhất, tháng hai nhà Hán, Hạng Vũ lập chư hầu, Trương Nhĩ vốn giao du rộng, nhiều người nói Trương Nhĩ với Hạng Vũ. Hạng Vũ cũng nhiều lần nghe Trương Nhĩ là người tài giỏi bèn chia đất Triệu, phong Trương Nhĩ làm Thường Sơn Vương, cai trị ở Tín Đô, đổi tên Tín Đô là Trương Quốc. Nhiều người khách của Trương Nhĩ nói với Hạng Vũ:

— Trần Dư và Trương Nhĩ hai người như một, đều có công ở đất Triệu.

Hạng Vũ thấy Trần Dư không theo Hạng Vũ vào Quan Trung, nghe tin Trần Dư ở huyện Nam Bì, liền phong cho Trần Dư ba huyện ở gần Nam Bì và đưa Triệu Vương là Yết đi làm vua ở đất Đại.

Trương Nhĩ về nước của mình, Trần Dư càng nổi giận nói:

— Trương Nhĩ và ta công lao như nhau, nay Trương Nhĩ làm vua, mà một mình ta làm hầu, như thế là Hạng Vũ không công bình!

Đến khi vua Tề là Điền Vinh phản lại nước Sở, Trần Dư bèn sai Hạ Duyệt đến nói với Điền Vinh:

— Hạng Vũ là người cầm đầu thiên hạ nhưng không công bình, phong các tướng của mình ở những nơi tốt, còn đời vua cũ đi làm vua ở nơi đất xấu. Nay vua Triệu lại ở đất Đại, xin nhà vua cho tôi quản, tôi xin lấy huyện Nam Bì để làm hàng rào che chở cho nhà vua.

Điền Vinh muốn lập bè đảng ở Triệu để phản lại Sở, bèn sai đem binh cho Trần Dư. Trần Dư nhân đấy đem tất cả quân ba huyện đánh úp Thường Sơn Vương Trương Nhĩ. Trương Nhĩ bị thua bỏ chạy nhận thấy trong số chư hầu không thể theo ai, nói:

— Hán Vương và ta là chỗ quen biết cũ, còn Hạng Vũ thì mạnh và lập ta (1), ta muốn theo Sở.

Cam Công nói:

— Hán Vương vào Quan Trung, năm ngôi sao tụ tập ở Đông Tỉnh, Đông Tỉnh là phần của Tần (2) ai đến trước thì làm bá. Sở tuy mạnh nhưng đến sau thì thế nào cũng phải thuộc về Hán!

Vì vậy Trương Nhĩ chạy về với Hán Vương.

Hán Vương cũng quay về bình định Tam Tần, đang vây Chương Hàm ở Phế Khâu. Trương Nhĩ yết kiến Hán Vương, Hán Vương hậu đãi Trương Nhĩ. Sau khi đã đánh bại Trương Nhĩ, Trần Dư bèn thu lại đất Triệu, đón Triệu Vương ở Đại về làm Triệu Vương như cũ. Để tỏ lòng biết ơn Trần Dư, Triệu Vương lập Dư làm vương đất Đại. Trần Dư cho Triệu Vương yếu, nước Triệu lại mới bình định nên không về nước của mình ở lại giúp Triệu Vương, và sai Hạ Duyệt làm tướng quốc giữ đất Đại.

1. Trương Nhĩ lưỡng lự không biết nên theo Hán Vương là nơi quen biết cũ, hay theo Hạng Vũ.

2. Theo chiêm tinh cổ, bầu trời cũng chia ra những khu vực khác nhau, mỗi khu ứng với một nước.

Năm thứ hai nhà Hán, Hán Vương đi về hướng đông đánh Sở, sai sứ giả nói với Triệu, muốn cùng Triệu đi về đông, Trần Dư nói:

— Hán Vương có giết Trương Nhĩ thì tôi mới theo. Hán Vương bèn tìm người giống Trương Nhĩ, chém và mang đầu đưa đến cho Trần Dư. Trần Dư bèn đem binh giúp Hán. Quân Hán bị thua to ở phía tây Bành Thành, Trần Dư lại biết tin Trương Nhĩ chưa chết nên phản lại nhà Hán.

Năm thứ ba, sau khi Hàn Tín đã bình định đất Ngụy, Hán Vương sai Trương Nhĩ và Hàn Tín đánh phá đất Tỉnh Hình của Triệu, chém Trần Dư ở trên sông Chi Thủy, đuổi giết Triệu Vương Yết ở Tương Quốc. Hán Vương lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương.

Năm thứ năm nhà Hán, Trương Nhĩ chết, được tặng tên thụy là Cảnh Vương. Con là Trương Ngao nối nghiệp, được lập làm Triệu Vương. Người con gái đầu của Cao Tổ là công chúa Lỗ Nguyên làm hoàng hậu của Triệu Vương Trương Ngao.

Năm thứ bảy nhà Hán, Cao Tổ từ Bành Thành đi qua Triệu. Triệu Vương sáng chiều cuốn bao tay lên, tự đưa đồ ăn cho nhà vua, rất cung kính, theo lễ của hàng con rể. Cao Tổ ngồi xổm mắng nhiếc, hết sức ngạo mạn khinh thường Triệu Vương. Bọn tướng quốc nước Triệu là Quán Cao, Triệu Ngọ, hơn sáu mươi người là khách của Trương Nhĩ, vốn bình sinh là người chuộng khí tiết bèn nổi giận nói:

— Vua chúng ta là ông vua nhu nhược!

Họ nói với nhà vua:

— Những kẻ hào kiệt trong thiên hạ đều cùng nổi lên, ai có tài thì được lập trước, nay nhà vua thờ Cao Tổ rất cung kính mà Cao Tổ lại rất vô lễ, chúng tôi xin vì nhà vua mà giết Cao Tổ!

Trương Ngao cắn ngón tay chảy máu, nói:

— Tại sao các ông lại nói điều càn rỡ như vậy! Cha tôi trước mất nước, nhờ Cao Tổ nên được trở về nước của mình; ơn đức còn lại đến con cháu, tất cả chân tơ kẽ tóc đều nhờ sức của Cao Tổ. Xin các ông đừng có mở miệng nữa.

Bọn Quán Cao, Triệu Ngọ hơn mười người đều bảo nhau:

— Thế là chúng ta trái! Vua chúng ta là người trung hậu không phản bội ân đức. Nhưng bọn chúng ta nghĩa không chịu nhục, nay chúng ta giận Cao Tổ làm nhục vua chúng ta, cho nên mới giết ông ta, tại sao chúng ta lại làm nhơ bẩn đến nhà vua? Nếu như việc thành, chúng ta sẽ về với nhà vua, còn việc bại thì sẽ một mình chúng ta chịu mà thôi.

Năm thứ tám nhà Hán, Cao Tổ đi từ Đông Viên về, ghé qua nước Triệu. Bọn Quán Cao đặt người ở huyện Bách Nhân ở tường nhà xí muốn để rình giết, Cao Tổ đi qua muốn nghỉ lại, nhưng chột dạ hỏi:

— Huyện này tên là gì?

— Huyện Bách Nhân.

Cao Tổ nói:

— Bách Nhân tức là bị người ta bức bách.

Vì vậy Cao Tổ không ở lại mà đi ngay.

Năm thứ chín, một nhà có thù oán với Quán Cao, biết mưu ấy bèn tâu lên. Nhà vua bắt tất cả bọn Triệu Vương, Quán Cao.

Hơn mười người đều tranh nhau tự đâm cổ chết, Quán Cao một mình nổi giận mắng họ:

— Ai bảo các ông làm điều đó? Nay nhà vua thật không có liên quan gì, nhưng vẫn bị bắt; nếu các ông đều chết thì lấy ai để nói rằng nhà vua không làm phản,

Bèn lên cái xe có vân che kín bốn phía cùng nhà vua đến Trường An. Cao Tổ trị tội Trương Ngao. Chiếu của nhà vua đưa ra nói: Bầy tôi tân khách nước Triệu, ai dám theo nhà vua đều bị giết cả họ. Bọn Quán Cao cùng người khách Mạnh Thư hơn mười người đều tự gọt đầu, xiềng cổ, làm nô lệ của nhà Triệu Vương, đi theo đến kinh đô. Quán Cao đến, khai rằng:

— Chỉ một mình bọn tôi làm điều đó, nhà vua thực không biết gì.

Viên lại quất mấy nghìn roi, nung sắt giùi vào thịt, thân hình Quán Cao không có chỗ nào lành, nhưng Quán Cao vẫn không nói khác. Lữ Hậu mấy lần nói Trương Vương lấy Lỗ Nguyên công chúa chắc không làm việc đó.

Nhà vua nổi giận nói:

— Nếu Trương Ngao lấy được thiên hạ thì nó chê con gái của bà sao?

Nhà vua không nghe. Quan đình úy đem việc Quán Cao tâu lên. Nhà vua nói:

— Đó là tráng sĩ! Có ai biết hắn thì lấy tình riêng mà hỏi xem.

Tiết Công làm trung đại phu nói:

— Nó là người cùng ấp với tôi, tôi vốn biết nó, đó là người trọng danh tiếng và tiết nghĩa của nước Triệu, không làm trái điều đã hứa.

Nhà vua sai Tiết Công cầm cờ tiết đến hỏi Quán Cao ở trước cái xe bằng tre. Quán Cao ngẩng đầu lên nói

— Tiết công đấy à?

Tiết Công an ủi Quán Cao vui vẻ như lúc bình sinh. Tiết Công nói chuyện với Quán Cao, hỏi Trương Vương quả thực có dự vào mưu ấy không. Quán Cao nói:

— Nhân tình ai lại không yêu cha mẹ vợ con của mình! Nay ba họ của tôi đều bị khép vào tội chết, tôi

há vì nhà vua mà coi thường cha mẹ của tôi sao ! Nhưng nhà vua thật không làm phản, chỉ có một mình bọn chúng tôi làm mà thôi.

Quán Cao kể lại đầu đuôi đó là ý của mình, nhà vua không biết gì về việc ấy. Tiết Công vào báo lại tất cả. Cao Tổ bèn tha Triệu Vương, Cao Tổ khen Quán Cao là người hiền biết trọng lời mình đã hứa, sai Tiết Công nói đầu đuôi với Quán Cao.

— Trương Vương đã được ra, nhân đấy tha cho Quán Cao.

Quán Cao mừng rỡ nói :

— Vua của tôi được ra à ?

Tiết Công nói :

— Phải.

Tiết Công nói :

— Hoàng Đế khen túc hạ cho nên tha túc hạ !

Quán Cao nói :

— Tôi sở sĩ không liều chết cái thân tàn này là chỉ muốn chứng tỏ Trương Vương không làm phản. Nay nhà vua đã được ra, chức trách của tôi đã trọn, tôi chết không oán hận. Vả chăng, làm tôi mà mang lấy cái tiếng giết vua thì còn mặt mũi nào mà thờ hoàng đế nữa. Dù cho hoàng đế không giết tôi, thì tôi chẳng thẹn trong lòng mình hay sao !

Bèn ngẩng đầu lên thắt cổ mà chết. Trong thời bấy giờ, danh tiếng Quán Cao vang dội khắp thiên hạ.

Trương Ngao sau khi được ra, nhờ lấy Lỗ Nguyên nên được phong làm Tuyên Bình Hầu. Cao Tổ khen những người khách tự xiêng cổ làm nô lệ theo Trương Vương vào Quan Trung là những người hiền, nên đều cho làm tướng quốc của chư hầu, hay quan thú ở các quận. Đến thời Hiếu Huệ, Cao Hậu, Văn Đế, Hiếu Cảnh

con cháu những người khách của Trương Vương đều được làm quan lương hai nghìn thạch, Trương Ngao chết năm thứ sáu thời Cao Hậu. Người con là Yển nhờ mẹ là con gái Lữ Hậu cho nên được Lữ Hậu phong làm Lỗ Nguyên Vương. Nguyên Vương yếu đuối, anh em ít Lữ Hậu lại phong hai người anh em cùng cha khác mẹ của Trương Ngao là Trương Thọ làm Nhạc Xương Hầu, Trương Xỉ làm Tín Đô Hầu. Khi Cao Hậu mất, họ Lữ vô đạo, các quan đại thần giết họ Lữ, phế truất Lỗ Nguyên Vương, cùng Nhạc Xương Hầu và Tín Đô Hầu. Khi Hiếu Văn Đế lên ngôi lại phong Trương Yển trước là Lỗ Nguyên Vương, làm Nam Cung Hầu để nối dõi họ Trương.

Thái Sử Công nói :

Người đời khen Trương Nhĩ, Trần Dư là người hiền. Tân khách tôi tớ của họ đều là những bậc tuấn kiệt trong thiên hạ, đến ở nước nào cũng đều làm khanh tướng. Tuy vậy, Trương Nhĩ, Trần Dư khi còn nghèo hèn thì tin nhau, không coi cái chết vào đâu. Đến khi giữ nước tranh quyền, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao trước kia yêu nhau thành thật, mà sau đấy lại phản nhau ác liệt như vậy ? Há chẳng phải vì lợi sao ? Danh dự tuy cao, tân khách tuy đông, nhưng con đường họ đi thì sai, so với Thái Bá và Quý Tử ở Diên Lăng thì khác hẳn.

---

1. Thái Bá và Ngu Trọng là con vua Thái Vương. Thái Vương muốn lập Quý Lịch làm vua. Thái Bá biết ý sang Kinh Man để nhường ngôi cho em, Ngu Trọng cũng theo anh đến đấy. Thái Vương lập người con thứ ba là Quý Lịch làm vua. Người Kinh Man lập Thái Bá làm vua tức là Ngô Thái Bá. Quý Lịch là cha của Văn Vương nhà Chu.

Quý Tử tức Quý Trát thời Xuân Thu. Quý Trát là con út vua Ngô Thọ Mộng. Thọ Mộng thấy Quý Trát là người hiền, muốn lập làm thái tử. Quý Trát không nghe.

KÌNH BỐ LIỆT TRUYỆN

1. KÌNH BỐ (1) người huyện Lục, họ Anh. Thời Tần, Bố làm người áo vải. Lúc còn nhỏ, có người khách xem tướng Bố, nói :

— Anh sẽ bị hình phạt rồi làm vương.

Đến khi lớn bị tội. Kình Bố hớn hở cười mà nói :

— Có người xem tướng tôi bảo tôi bị hình phạt, rồi làm vương, có lẽ thế chăng ?

Những người nghe nói vậy đều cười Bố.

Bố bị tội đày đi Ly Sơn. Những người đi đày ở Ly Sơn có mấy chục vạn, Bố giao kết với những người cầm đầu trong đám tù bị đày và những người hào kiệt. Sau đó Bố cầm đầu bè lũ trốn trên sông Dương Tử làm thành một toán cướp.

2. Khi Trần Thắng nổi lên, Bố yết kiến Phiên Quân (2) cùng đồ đảng của mình phản lại nhà Tần, số binh sĩ tụ tập lên đến mấy nghìn. Phiên Quân bèn gả con gái cho Bố. Khi Chương Hàm diệt Trần Thắng, phá tan quân của Lữ Thần thì Bố đem binh về phía bắc quấy rối hai cánh quân tả và hữu của quân Tần, phá quân Tần ở Thanh Ba rồi đem quân đi về hướng đông.

1. Tên là Anh Bố, nhưng bị chạm (kình) vào mặt cho nên gọi là Kình Bố. Lời nói này ngụ ý chê bai.

2 Xem *Hạng Vũ bản kỷ*.

Nghe nói Hạng Lương đã bình định được Giang Đông, Cối Kê, Bố bèn vượt qua Trường Giang đi về hướng tây. Trần Anh cho họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, liền đem binh của mình thuộc vào Hạng Lương, đem quân vượt phía nam sông Hoài. Anh Bố, Bồ Tướng Quân cũng đem quân của mình theo Hạng Lương. Hạng Lương vượt qua sông Hoài đi về hướng tây, đánh bọn Cảnh Câu, Tần Gia. Bố thường cầm những toán quân đi trước.

Hạng Lương đến đất Tiết nghe tin Trần Vương đã chết, bèn lập Sở Hoài Vương. Hạng Lương hiệu là Vũ Tín Quân, Anh Bố làm Đương Dương Quân. Hạng Lương bại trận, chết ở Định Đào. Hoài Vương dời đô đến Bành Thành. Anh Bố và các tướng đều giữ Bành Thành. Lúc bấy giờ, Tần vây Triệu rất gấp. Triệu mấy lần sai người đến xin cứu viện. Hoài Vương sai Tống Nghĩa, làm thượng tướng quân, Phạm Tăng làm mạt tướng, Hạng Tịch làm thứ tướng, Anh Bố và Bồ Tướng Quân đều làm tướng quân, tất cả đều ở dưới quyền Tống Nghĩa, đem quân về hướng bắc để cứu Triệu. Đến khi Hạng Tịch giết Tống Nghĩa trên sông Hoàng Hà, Hoài Vương nhân đấy cho Tịch làm thượng tướng quân. Các tướng đều ở dưới quyền Hạng Tịch. Hạng Tịch sai Bố vượt Hoàng Hà để đánh quân Tần. Bố đánh thắng mấy lần, Tịch bèn đem tất cả binh sĩ qua Hoàng Hà. Sau đó Tịch phá quân Tần, bắt bọn Chương Hàm phải đầu hàng. Binh Sở đánh thắng luôn, công cao nhất trong chư hầu. Quân của chư hầu đều phục và theo Sở, đó là nhờ Bố mấy lần với một số quân ít đã đánh bại một kẻ địch đông. Hạng Tịch đem binh về hướng tây, đến Tân An, lại sai bọn Bố đang đêm đánh và chôn sống hai mươi vạn binh của Chương Hàm. Tịch đến cửa Hàm Cốc không vào được, lại sai bọn Bố đi trước theo con

đường tắt đánh phá quân ở cửa ải. Tịch bèn vào ải, đi đến Hàm Dương. Bố thường làm tiền phong.

3. Hạng Vương phong các tướng, cho Bố làm Cửu Giang Vương, đóng đô ở Lục. Năm thứ nhất nhà Hán tháng tư, chư hầu đều bãi binh, ai nấy về nước của mình. Họ Hạng lập Hoài Vương làm Nghĩa Đế, dời đô đến Trường Sa, lại ngầm ra lệnh cho Cửu Giang Vương là Bố đánh Nghĩa Đế trên đường đi. Tháng tám năm ấy, Bố sai tướng đánh Nghĩa Đế, đuổi theo Nghĩa Đế và giết ở Sâm Huyện. Năm thứ hai nhà Hán, vua Tề là Điền Vinh làm phản, Sở Hạng Vương đến đánh nước Tề, đòi Cửu Giang Vương đem binh đến giúp. Cửu Giang Vương bố cáo bệnh không đến, sai viên tướng đem mấy ngàn quân đi. Khi quân Hán bị thua ở Bành Thành. Bố lại cáo bệnh không giúp Sở. Vì vậy Hạng Vương giận Bố, mấy lần sai sứ giả trách Bố, mời Bố đến, Bố càng sợ không dám đến.

Hạng Vương bấy giờ phía bắc đang lo về các nước Tề, Triệu ; phía tây lo về Hán, người theo chỉ có một mình Cửu Giang Vương, Hạng Vương lại quý cái tài của Bố, nên muốn hậu đãi Bố, vì vậy chưa đánh. Năm thứ ba nhà Hán, Hán Vương đánh Sở, đại chiến ở Bành Thành. Đánh thua, Hán Vương ra khỏi đất Lương, đến thành Ngu nói với các quan hầu :

— Không thể bàn kế thiên hạ với bọn bay được.

Tùy Hà làm vẻ giả tiến lên nói :

— Không hiểu bệ hạ muốn nói gì ?

Hán Vương nói :

— Ai có thể vì ta đi sứ Hoài Nam khiến cho Hoài Nam đem binh phản lại Sở, giữ Hạng Vương ở Tề vài

tháng, thì chắc chắn thế nào ta cũng lấy được thiên hạ.

Tùy Hà nói :

— Tôi xin đi.

Tùy Hà bèn cùng hai mươi người đi sứ Hoài Nam. Khi đến đấy, quan thái tể cho ở trong nhà, nhưng đợi ba ngày vẫn không được yết kiến. Tùy Hà nhân nói với quan thái tể :

— Nhà vua không tiếp tôi, chắc hẳn vì cho rằng Sở mạnh mà Hán yếu. Tôi sở dĩ phải đi sứ chính là vì việc ấy đấy. Ông hãy cho Hà này được yết kiến. Nếu lời nói mà phải, thì đó là điều đại vương muốn nghe, còn lời nói không phải thì cứ bắt bọn Hà hai mươi người chịu tội búa rìu ở chợ Hoài Nam để chứng tỏ đại vương chống lại Hán mà theo Sở.

Thái tể bèn nói với Hoài Nam Vương. Vương tiếp Tùy Hà.

Tùy Hà nói :

— Hán Vương sai tôi kính dâng thư cho đại vương. Tôi trộm lấy làm lạ tại sao đại vương vẫn thân thiết với Sở như thế ?

Hoài Nam Vương nói :

— Quả nhân quay mặt về hướng bắc thờ Hạng Vương như tôi thờ vua.

Tùy Hà nói :

— Đại Vương với Hạng Vương địa vị đều là chư hầu như nhau. Đại Vương quay mặt về hướng bắc thờ ông ta chắc hẳn vì cho rằng nước Sở mạnh có thể gửi nước của mình. Hạng Vương đánh Tề, thân hành mang vác mang cháy để làm gương cho binh sĩ, đáng lý đại

vương phải đem tất cả dân chúng Hoài Nam, thân hành làm tướng cầm đầu họ để làm đội tiên phong cho quân Sở, thế mà đại vương lại chỉ phái bốn ngàn người giúp Sở. Ngoảnh mặt về hướng bắc thờ người ta mà lại làm như thế à? Khi Hán Vương đánh ở Bành Thành, Hạng Vương chưa ra khỏi nước Tề, đáng lý đại vương phải vét tất cả binh Hoài Nam vượt qua sông Hoài, ngày đêm cùng chiến đấu ở gần Bành Thành mới phải, thế mà đại vương lại giữ đạo quân một vạn người không cho một người nào vượt qua sông Hoài, ngồi yên khoanh tay đợi xem ai thắng. Gửi nước mình vào người ta mà lại làm như thế à? Đại vương chỉ có cái tiếng suông là theo Sở mà lại muốn được hậu đãi. Tôi trộm cho làm như thế là không phải. Nhưng sở dĩ đại vương không phản lại Sở là vì đại vương cho rằng Hán yếu. Kể ra binh Sở mạnh đấy, nhưng bị thiên hạ đồ cho cái tiếng là bất nghĩa, vì Sở đã phản lại điều giao ước và giết Nghĩa Đế. Sở Vương cậy mình đánh thắng cho là mình mạnh, Hán Vương tập hợp chư hầu, quay về giữ Thành Cao, Huỳnh Dương, đem thóc lúa từ đất Thục, đất Hán xuống, đào hào sâu, đắp thành chắc, chia binh sĩ giữ các nơi, canh phòng ở biên giới. Quân Sở muốn về thì phải đi qua đất Lương, đi sâu vào nước địch tám, chín trăm dặm, muốn đánh không được, muốn lấy thành thì không đủ sức. Người già, kẻ yếu phải lo chuyên chở lương thực ở ngoài ngàn dặm. Quân Sở đến Huỳnh Dương, Thành Cao, quân Hán giữ vững thành không làm gì. Quân Sở tiến không được, rút lui thì không thể ra khỏi. Cho nên nói quân Sở không đáng sợ. Nếu như Sở thắng Hán thì chư hầu sẽ cảm thấy nguy đến mình, họ đều sợ mà cứu nhau. Cái mạnh của Sở chỉ tổ làm cho quân của thiên hạ đến đánh mà thôi; cho nên Sở không bằng Hán, cái thế rất dễ thấy. Nay đại vương lại không theo Hán vạn toàn

mà tự gửi thân vào Sở ở trong cảnh bị nguy vong, tôi trộm cho đại vương làm như vậy là lầm. Không phải tôi nói quân của Hoài Nam có thể tiêu diệt được Sở đâu! Nếu đại vương cử quân đánh lại Sở thì Hạng Vương thế nào cũng dừng lại. Hạng Vương chỉ dừng lại vài tháng là Hán Vương có thể lấy thiên hạ một cách chắc chắn. Tôi xin cùng đại vương cầm kiếm về với Hán, Hán Vương thế nào cũng cắt đất phong cho đại vương, chứ không phải chỉ có đất Hoài Nam. Đất Hoài Nam dĩ nhiên là của đại vương rồi. Hán Vương kính sai tôi đem kế ngu dại nói với đại vương, xin đại vương lưu ý.

Hoài Nam Vương nói:

— Xin vâng mệnh.

Hoài Nam Vương ngầm theo Hán, phản lại Sở nhưng chưa dám tiết lộ. Bấy giờ sứ giả của Sở ở đấy giục Anh Bố đem binh giúp Sở, còn nghỉ ở tại trạm xá. Tùy Hà đi thẳng vào ngồi ở trên ghế sứ giả nước Sở và nói:

— Cửu Giang Vương đã theo Hán! Sở còn muốn bảo ông ta đem quân đi thế nào được?

Bố hoảng sợ, sứ giả nước Sở đứng dậy. Hà nhân nói với Bố:

— Việc đã đến thế này, nên giết sứ giả nước Sở chớ để cho về, và phải mau mau hợp lực với Hán.

Bố nói:

—Xin vâng theo lời dạy của sứ giả, đem binh đánh Sở.

Bố bèn giết sứ giả rồi đem binh đánh Sở. Sở sai Hạng Thanh, Long Thư đánh Hoài Nam. Hạng Vương ở lại Tề đánh Hạ Ấp. Sau mấy tháng, Long Thư đánh Hoài Nam, đánh bại quân của Bố. Bố muốn đem quân bỏ chạy về với Hán Vương, nhưng sợ vua Sở giết, nên lẻn

đi cùng Tùy Hà về Hán. Hoài Nam Vương đến, nhà vua đang ngồi xổm trên giường rửa chân, gọi Bố vào yết kiến. Bố cả giận, hối hận, muốn tự sát. Bố đi ra, về đến nhà mình thì màn trướng, đồ ăn uống, các quan hầu đều như chỗ Hán Vương ở. Bố lại cả mừng vì được quá điều mình mong ước.

4. Bố bèn sai người vào Cửu Giang. Bấy giờ Sở đã sai Hạng Bá thu binh sĩ Cửu Giang, giết tất cả vợ con Bố. Tuy vậy sứ giả của Bố vẫn thu thập được những người quen biết cũ và những bầy tôi trước kia được yêu quý, đem mấy nghìn người quay về với Hán. Hán Vương cho Bố thêm quân và cùng Bố đi về hướng bắc đến Thành Cao. Tháng bảy, năm thứ tư, Hán Vương lập Bố làm Hoài Nam Vương cùng Bố đánh Hạng Tịch. Năm thứ năm, Bố sai người vào Cửu Giang lấy được mấy huyện. Năm thứ sáu, Bố và Lưu Giả vào Cửu Giang dụ đại tư mã của Sở là Chu Ân. Chu Ân phản lại Sở, đem quân của Cửu Giang cùng Hán đánh quân Sở thua to ở Cai Hạ.

Hạng Tịch chết, thiên hạ bình định xong, nhà vua đặt tiệc rượu, coi thường công lao của Tùy Hà, gọi Tùy Hà là hủ nho « bọn hủ nho không có ích gì cho thiên hạ ». Tùy Hà quỳ xuống, nói :

— Khi bệ hạ đem quân đánh Bành Thành, vua Sở chưa rời khỏi Tề, bệ hạ đem năm vạn bộ binh, năm nghìn quân kỵ đi, có lấy được Hoài Nam không ?

Nhà vua nói :

— Không lấy được.

Tùy Hà nói

— Bệ hạ sai Hà cùng với hai mươi người đi sứ Hoài Nam, đến làm được đúng ý muốn của bệ hạ, như thế tức là công của Hà hơn năm vạn bộ binh, năm nghìn

quân kỵ. Tại sao bệ hạ lại bảo Hà là hủ nho, «Hủ nho không có ích lợi gì cho thiên hạ».

Nhà vua nói :

— Ta đang tính đến công lao của nhà ngươi đây.

Bèn cho Tùy Hà làm hộ quân trung úy và Bố được cấp phù làm Hoài Nam Vương, đóng đô ở Lục. Các quận Cửu Giang, Lư Giang, Hành Sơn, Dự Chương đều thuộc bố.

Năm thứ bảy, Bố vào chầu vua Hán. Năm thứ tám, chầu ở Lạc Dương. Năm thứ chín, chầu ở Trường An. Năm thứ mười một, Cao Hậu giết Hoài Âm Hầu. Bố do đó trong lòng lo sợ. Mùa hạ, nhà Hán giết Lương Vương là Bành Việt, muối thịt ông ta rồi phân phát cho tất cả chư hầu. Khi người đem thịt muối đến Hoài Nam thì Hoài Nam Vương đang đi săn. Hoài Nam Vương thấy thịt muối sợ quá, sai bộ hạ tập hợp binh sĩ chờ khi các quận bên cạnh có việc nguy cấp.

Người thiếp Bố yêu quý mắc bệnh, xin đến nhà thầy thuốc điều trị. Nhà thầy thuốc đối diện với nhà quan trung đại phu Bồn Hách. Người thiếp mấy lần đến nhà thầy thuốc. Bồn Hách thân hành theo hầu. Bồn Hách tặng nhiều lễ vật và cùng người thiếp ăn uống ở nhà thầy thuốc. Khi về nhà, người thiếp nhân lúc nhàn rỗi thường cứ khen ngợi Bồn Hách là người trung hậu. Vương giận nói :

— Mày làm sao mà biết được ?

Người thiếp kể lại tất cả tình hình. Vương nghi người thiếp của mình tư thông với Hách. Hách sợ cáo bệnh, Vương càng giận, muốn bắt Hách. Hách nói có việc biến cố lên xe trạm đi Trường An. Bố sai người đuổi theo nhưng không kịp. Hách đến Trường An báo với nhà

vua rằng Bố đã có mầm mống mưu phản và phải giết trước khi Bố khởi sự.

Nhà vua đọc thư của Hách, bàn với tướng quốc Tiêu Hà. Tướng quốc nói :

— Bố chưa chắc đã làm điều đó. Tôi sợ đó là do thù oán, vu cáo, xin trói Hách lại và sai sứ giả dò xét Hoài Nam Vương.

Hoài Nam Vương Kình Bố thấy Hách có tội bỏ trốn đi báo có việc nguy biến, cho nên đã ngờ sẵn sàng Hách báo những việc bí mật quốc gia. Lại thấy sứ giả của Hán đến có vẻ dò xét mình, bèn giết cả nhà Hách, đem binh làm phản. Khi thư báo tin Bố làm phản đưa lên, nhà vua triệu các tướng nói :

— Bố làm phản, bây giờ nên làm như thế nào ?

Mọi người đều nói:

— Chỉ có cách đem binh đánh hắn, chôn sống thằng nhãi ấy đi mà thôi. Hắn làm nên trò trống gì ?

Nhữ Âm Hầu là Đằng Công mời viên lệnh doãn trước kia của Sở đến hỏi. Viên lệnh doãn nói :

— Cố nhiên là phải làm phản.

Đằng Công nói :

— Nhà vua cắt đất phong ông ta làm vương, chia tước làm cho ông ta sang, ông ta ngoảnh mặt về hướng nam mà đứng, làm vị vua có vạn cỗ xe, tại sao lại làm phản ?

Lệnh doãn nói :

— Năm vừa rồi giết Bành Việt, năm ngoái giết Hàn Tín. Ba người này là một, công lao như nhau ông ta tự nghi tai họa sẽ đến thân, cho nên làm phản đấy thôi.

Đằng Công nói với nhà vua :

— Người khách của tôi là Tiết Công trước đây làm lệnh doãn nước Sở có nghĩ ra một kế. Xin bệ hạ hỏi ông ta.

Nhà vua bèn mời vào yết kiến, hỏi Tiết Công. Tiết Công đáp :

— Việc Bố làm phản không có gì đáng lạ, nhưng nếu Bố theo cái kế hay nhất thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán ; nếu hắn theo cái kế vừa thì việc thắng hay bại chưa có thể biết ; còn hắn theo cái kế kém thì bệ hạ có thể gối đầu lên gối mà nằm.

Nhà vua hỏi :

— Thế nào gọi là kế hay nhất ?

Tiết Công đáp :

— Phía đông lấy đất Ngô, phía tây lấy đất Sở. Thôn tính đất Tề, lấy đất Lỗ, truyền hịch cho các nước Yên, Triệu, cố thủ ở chỗ của mình. Như thế thì đất Sơn Đông sẽ không phải là của nhà Hán.

— Thế nào là kế hay vừa ?

— Phía đông lấy Ngô, phía tây lấy Sở, thôn tính Hàn lấy Ngụy, giữ lúa ở Ngao Thương, chặn cửa Thành Cao, như thế thì ai thắng ai bại chưa có thể biết được.

— Thế nào gọi là kế kém ?

— Phía đông lấy Ngô, phía tây lấy Hạ Thái, chú trọng về phía Việt, tự mình về Trường Sa. Như thế bệ hạ có thể gối đầu mà nằm. Nhà Hán vô sự !

Nhà vua nói ;

— Hắn sẽ theo kế nào ?

Lệnh doãn đáp :

— Sẽ theo cái kế kém.

— Tại sao lại bảo hắn bỏ cái kế hay nhất và cái kế vừa mà lại theo cái kế kém ?

Lệnh doãn nói :

— Bố vốn là một người bị đày ở Ly Sơn, tự mình làm nên ông vua có vạn cỗ xe. Điều đó đều do chỗ hắn chỉ nghĩ đến thân hắn mà không nghĩ đến trăm họ và vạn đời sau này. Vì vậy cho nên hắn sẽ theo cái kế kém.

Nhà vua nói :

— Phải lắm !

Bèn cấp cho Tiết Công một ngàn hộ làm đất phong và lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương. Nhà vua bèn đem quân, tự mình làm tướng đi về hướng đông đánh Bố. Lúc đầu, Bố làm phản, nói với viên tướng của mình :

— Nhà vua già rồi, chán việc binh, thế nào cũng không thể đến mà sai các tướng. Trong các tướng ta chỉ ngại có Hoài Âm Hầu và Bành Việt mà thôi, nay hai người này đã chết, ngoài ra không ai đáng sợ.

Cho nên Bố làm phản. Đúng như Tiết Công đã trù tính, Bố phía đông đánh Kinh. Kinh Vương Lưu Giả bỏ chạy, chết ở Phú Lăng. Bố cướp tất cả binh của đất Kinh, vượt qua sông Hoài đánh Sở. Sở đem binh đánh nhau với Bố, đánh ở giữa huyện Từ và huyện Đồng. Sở chia làm ba đạo quân, muốn để cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói với tướng Sở :

— Bố thạo về việc dùng binh, dân vốn sợ Bố. Vả lại, theo *Binh pháp* nói : « Khi nào chư hầu đánh ở đất mình thì có nguy cơ bị đánh tan » (1). Nay ông lại tách ra làm ba cánh quân, nếu nó đánh bại một cánh quân của ta thì hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao có thể cứu nhau được ?

Viên tướng Sở không nghe. Quả nhiên thấy Bố đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ chạy tán

1. Binh sĩ dễ tan vì nhớ nhà.

loạn. Bố bèn đi về hướng tây gặp quân của nhà vua ở Tụy phía tây thành Kỳ. Quân Bố rất tinh nhuệ. Nhà vua bèn xây thành lũy tại Dung Thành, trông thấy quân của Bố giàn trận như quân của Hạng Tịch. Nhà vua căm ghét, nhà vua và Bố nhìn thấy nhau, nhà vua từ xa gọi :

— Nhà ngươi khổ cực gì mà lại làm phản ?

Bố nói :

— Ta muốn làm hoàng đế đó thôi.

Nhà vua nổi giận mắng Bố. Trận chiến đấu lớn diễn ra. Quân Bố thua, bỏ chạy, vượt qua sông Hoài. Mấy lần quân Bố dừng lại đánh nhưng không lợi. Bố cùng hơn trăm người chạy đến Giang Nam. Bố vốn là bà con bên vợ với Phiên Quân, cho nên Ai Vương làm Trường Sa Vương sai người giả vờ cùng chạy trốn với Bố và dụ Bố chạy vào đất Việt. Bố tin theo, vào Phiên Dương. Người Phiên Dương giết Bố ở cái nhà trong đồng quê.

Nhà vua bèn diệt Kinh Bố, lập hoàng tử Trường làm Hoài Nam Vương, phong Bồn Hách làm Kỳ Tư Hầu, các tướng phần lớn được phong tùy theo công lao của mình.

5. Thái Sử Công nói :

Tổ tiên của Anh Bố phải chăng là người họ Anh ở nước Lục, con cháu của Cao Giao đã bị quân Sở diệt từ thời Xuân Thu ? Thân mình bị hình phạt nhưng tại sao lại nổi lên nhanh như vậy ? Họ Hạng chôn sống và giết người hàng ngàn, hàng vạn và Bố thường là người bày đầu những việc bạo ngược ấy. Công Bố cao nhất trong chư hầu. Nhờ cách đó, Bố được làm vương, nhưng cũng không khỏi chết, bị đời mắng nhiếc. Tất cả tai họa sinh ra từ người thiếp yêu. Cái ghen gây nên tai họa, cuối cùng đưa đến chỗ nước bị tiêu diệt.

HOÀI ÂM HẦU LIỆT TRUYỆN

1. HOÀI ÂM HẦU Hàn Tín là người ở huyện Hoài Âm. Khi còn hàn vi, nhà nghèo, tài năng đức hạnh không có gì để được cử làm quan, lại không biết lo việc làm ăn buôn bán. Thường theo người ta ăn bám, nhiều người chán ghét. Tín thường ăn bám ở nhà đình trưởng đình Nam Xương làng Hạ Hương. Được mấy tháng, người vợ của đình trưởng lo phiền, bèn nấu cơm từ sáng ngồi trên giường mà ăn. Đang lúc ăn thì Tín đến, họ không để Tín cùng ăn, Tín cũng biết ý họ, nổi giận tuyệt giao ra đi. Tín câu cá ở dưới thành, trong số những người đàn bà đập vải, có một bà thấy Tín đói, cho Tín ăn cơm suốt mấy mươi ngày, cho đến khi đập vải xong, Tín mừng nói với bà :

— Thế nào tôi cũng đền ơn bà xứng đáng.

Bà ta giận nói :

— Kẻ đại trượng phu không có thể nuôi nổi thân mình, tôi thương cậu nên mời ăn, chứ có phải mong cậu báo đáp đâu ?

Trong số những người hàng thịt ở Hoài Âm, có một người trẻ tuổi trêu Tín nói :

— Mày tuy cao lớn lại thích mang đao kiếm, nhưng trong lòng thì nhát thôi.

Y làm nhục Tín trước mặt mọi người :

— Tín ! Mày dám chết thì hãy đâm tao, nếu không chết thì luồn dưới háng tao đây !

Thế là (1) Tín nhìn người kia đăm đăm, cúi xuống bò qua háng. Cả chợ đều cười Tín là nhát gan.

Đến khi Hạng Lương qua sông Hoài, Tín chống gươm đi theo, ở dưới cờ chẳng có tiếng tăm gì. Hạng Vương bại trận, Tín lại theo Hạng Vũ, Hạng Vũ cho làm lang trung. Tín nhiều lần bày mưu cho Hạng Vũ, nhưng Vũ không dùng. Khi Hán Vương vào đất Thục, Tín bỏ Sở theo về Hán. Cũng không có tiếng tăm gì (2), được làm chức liên ngao (3). Tín phạm tội bị xử chém, cả bè lũ mười ba người đều đã chém hết : đến lượt Tín, Tín ngẩng đầu lên nhìn chợt thấy Đằng Công, bèn hỏi :

— Nhà vua không muốn lấy thiên hạ hay sao ? Tại sao lại chém tráng sĩ !

Đằng Công thấy lời nói kỳ lạ, dung mạo hiên ngang nên tha mà không chém.

Đằng Công cùng nói chuyện, rất hài lòng. Đằng Công nói với nhà vua, được cho làm đô úy, coi về thóc, nhưng vẫn chưa thấy có tài gì lạ (4).

2. Tín thường nói chuyện với Tiêu Hà, Tiêu Hà rất phục. Khi vua Hán đến đất Nam Trịnh, trên đường đi, các tướng bỏ trốn đến mấy chục người. Tín xem chừng bọn Hà đã mấy lần tâu với nhà vua, nhưng nhà vua không dùng mình, cho nên bỏ trốn. Hà nghe Tín bỏ trốn

1. Ý nói vội vàng.
2. Dùng phản phúc pháp, trong một trang nhắc năm lần " không có tiếng tăm gì ", khiến người đọc càng yên trí rằng Hàn Tín bất tài.
3. Liên ngao : chức coi việc tiếp tân.
4. Đoạn 1 : Thời hàn vi của Hàn Tín sống cực khổ, bị khinh rẻ không có tiếng tăm.

liền thân hành theo tìm, không kịp báo cho nhà vua biết. Có người nói với nhà vua :

— Thừa tướng Tiêu Hà bỏ trốn rồi !

Nhà vua cả giận như người mất tay phải, tay trái. Được một hai ngày, Tiêu Hà đến, ra mắt nhà vua. Nhà vua vừa mừng vừa giận mắng (1) Hà :

— Tại sao nhà ngươi lại bỏ trốn ?

Hà đáp :

— Thưa thần không dám bỏ trốn, thần theo bắt người bỏ trốn đấy ạ.

Nhà vua hỏi :

— Nhà ngươi theo bắt ai ?

Hà đáp :

— Theo Hàn Tín !

Nhà vua lại mắng :

— Các tướng bỏ trốn đến hàng chục, nhà ngươi không đuổi theo ai, lại đuổi theo Hàn Tín, nói láo !

Hà đáp :

— Các tướng đều dễ kiếm thôi, còn như Tín là kẻ quốc sĩ (2) có một không hai. Nhà vua nếu cứ muốn làm vương mãi ở Hán Trung, thì chẳng cần Tín làm gì, chứ nếu muốn tranh lấy thiên hạ thì ngoài Tín ra chẳng có thể bàn công việc với ai (3). Chẳng hiểu nhà vua định đi theo đường nào ?

Vua nói :

— Ta cũng muốn sang đông chứ, lẽ nào lại bực bội ngồi ở đây mãi được ư ?

1. Một nét điển hình của tính cách Lưu Bang : hay mắng người, ăn nói suồng sã.

2. Quốc sĩ : người kiệt xuất nhất một nước.

3 Tất cả then chốt của bài là ở câu này.

Hà nói :

— Nhà vua nhất định muốn sang đông, dùng được Hàn Tín, Tín sẽ ở lại, nếu không dùng được thì Tín thế nào cũng bỏ trốn đấy (1).

Nhà vua nói :

— Ta sẽ vì ông, cho hắn làm tướng.

Hà nói :

— Tuy được làm tướng, Tín cũng không ở lại đâu.

Nhà vua nói :

— Thì cho làm đại tướng.

Hà nói :

— May lắm !

Vua bèn muốn mời Hàn Tín vào để phong. Tiêu Hà nói :

— Tính nhà vua vốn ngạo mạn, vô lễ, phong một đại tướng như gọi một đứa trẻ con đến, chính vì thế mà Tín bỏ đi đấy. Nếu nhà vua quả thật muốn phong cho ông ta thì phải chọn ngày tốt, trai giới, lập đàn, bày đủ lễ mới được.

Nhà vua bằng lòng. Các tướng đều mừng, ai cũng cho rằng mình sẽ được làm đại tướng. Đến khi phong đại tướng lại là Hàn Tín, cả ba quân đều ngơ ngác (2).

Tín lạy xong, lên ngồi ở trên đàn, nhà vua nói :

1 Câu nói kỳ lạ. Trong mắt Tiêu Hà phải là người có chí nguyện phi thường mới dùng được con người phi thường như Hàn Tín. Cái khó là ở Lưu Bang.

2. Bài Hoài Âm Hầu liệt truyện là một bài rất thành công xét về mặt biến hóa của câu chuyện. Từ sự kiện này sang sự kiện kia thực là đột ngột, hấp dẫn lạ thường, như ảo mà lại là sự thực, là sự thực nhưng lại khó tin. Người đời sau gọi văn của Tử Trường trùng trùng như núi luôn luôn mới, luôn luôn lạ là vì vậy.

— Thừa tướng nhiều lần nói đến tướng quân, tướng quân có kế gì để dạy bảo quả nhân ?

Tín từ tạ, nhân đấy hỏi nhà vua :

— Nay nhà vua sang đông tranh quyền thiên hạ, có phải là tranh với Hạng Vương không ?

Hán Vương nói :

— Phải

Hàn Tín nói :

— Đại Vương thử xem mình với Hạng Vương, ai dũng cảm, dữ tợn, nhân từ và hùng mạnh hơn (1) ?

Hán Vương im lặng hồi lâu. nói :

— Tôi không bằng.

Tín lạy hai lạy (2) và nói :

— Tín cũng nghĩ rằng đại vương không bằng, nhưng thần đã từng thờ y, vậy xin nói Hạng Vương là người như thế nào. Hạng Vương khi hò hét, quát tháo, nghìn người đều khiếp vía, nhưng ông ta không biết tin dùng tướng tài, thì đó chẳng qua là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Hạng Vương tiếp người thì cung kính, thương yêu, nói năng dịu dàng ; người ta đau ốm thì chảy nước mắt khóc, cùng chia thức ăn, thức uống. Nhưng khi người ta có công đáng được phong tước thì để cho ấn khắc bị hư mòn, tiếc mà không đem cho. Như thế thì gọi là lòng nhân của đàn bà vậy. Hạng Vương tuy làm

1. Tín dùng phương pháp thuyết phục của các thuyết khách đời Chiến Quốc, đặt câu hỏi để nhà vua tìm thấy sự thật.

2 Ngày xưa các vua cầu hiền khi nghe lời nói hay thì phải lạy. Tín lạy là lạy lời nói "Tôi không bằng". Tín cho đó là lời nói của bậc đế vương. Hạng Vũ trong con mắt của Hàn Tín cũng như của Tư Mã Thiên hơn hẳn Lưu Bang về cái tài cũng như về đạo đức cá nhân, nhưng kém mặt nhận thức về tình thế và không biết dùng người

bá trong thiên hạ, các chư hầu thần phục, nhưng không ở đất Quan Trung, lại đóng đô ở Bành thành. Hạng Vương trái lời giao ước của Nghĩa Đế phong những người thân tín của mình làm vương. Chư hầu bất bình, thấy Hạng Vương dời đuổi Nghĩa Đế đến Giang Nam nên cũng trở về đuổi chủ của mình mà tự lập làm vương ở nơi địa thế tốt. Hễ đi qua đâu, Hạng Vương cũng tàn sát người ta, thiên hạ đều oán, trăm họ không gần gũi, chỉ vì sợ uy mà miễn cưỡng theo đấy thôi. Tiếng tuy là lớn, nhưng thực ra thì mất lòng thiên hạ. Cho nên nói rằng cái mạnh của ông ta dễ làm yếu đi. Nay nếu như đại vương có thể làm trái hẳn điều ông ta đã làm, dùng những người vũ dũng trong thiên hạ thì đánh đâu mà chẳng được ? Lấy thành ấp trong thiên hạ, phong cho các công thần thì ai mà chẳng theo ? Lấy nghĩa binh đi theo những quân sĩ muốn về đông thì phá chỗ nào mà chẳng tan (1) ? Vả chăng những người làm vương ở Tam Tần (2) nguyên là các tướng Tần cai quản con em người Tần đã mấy năm, giết hại con em không kể xiết, lại lừa dối quân sĩ, đầu hàng chư hầu. Khi đến Tân An, Hạng Vương lừa chôn sống hai mươi vạn quân Tần đã đầu hàng, chỉ có Hàm, Hân và Ế là được thoát, bọn cha anh ở Tần oán ba người này đến tận xương tủy. Nay nước Sở dùng uy lực ép nhân nhân đem ba người ấy làm vương, dân Tần chẳng ai ưa cả. Trái lại đại vương vào Quan Trung tơ hào không phạm đến, trừ bỏ những thứ luật pháp hà khắc của Tần, cùng với nhân dân Tần

1. Trong mấy câu tóm tắt cả chỗ mạnh và chỗ yếu của Hạng Vũ. Tất cả đường lối của Hàn Tín giúp Lưu Bang là ở chỗ này.

2. Xem *Hạng Vũ bản kỷ* : Đây nói Chương Hàm làm Ung Vương Tư Mã Hân làm Tắc Vương, Đổng Ế làm Địch Vương. Ba nước Ung, Tắc, Địch nói gộp lại là Tam Tần.

giao ước. Pháp luật theo ba khoản (1), dân Tần ai cũng muốn được đại vương làm vua đất Tần. Theo lời giao ước của chư hầu thì đại vương đáng làm vương ở Quan Trung, dân Quang Trung đều biết như thế. Đại vương mất chức vương ở Quan Trung phải vào Hán Trung, dân Tần ai cũng tiếc (2). Nay đại vương đem quân sang đông, có thể truyền hịch mà bình định được đất Tam Tần.

Hán Vương cả mừng, tự cho là gặp Hàn Tín quá muộn, bèn nghe theo lời Hàn Tín, sắp đặt các tướng để nhằm tấn công.

3. Tháng tám, Hán Vương đem binh sang đông, đi ra khỏi huyện Trần Thương, bình định đất Tam Tần. Năm thứ hai nhà Hán (205 trước công nguyên), đem quân ra cửa ải, thu đất Hà Nam của Ngụy. Hán Vương và Ân Vương đều đầu hàng. Hán Vương hợp với Tề và Triệu để cùng đánh Sở. Tháng tư, đến Bành Thành, quân của Hán bị đánh bại, tan tác trở về. Tín thu binh họp với Hán Vương ở Huỳnh Dương, lại đánh phá quân Sở ở miền giữa đất Kinh và đất Sách. Quân Sở vì vậy vẫn không thể đi ra hướng tây.

Sau khi quân Hán bị thua trận ở Bành Thành, Tắc Vương là Hân và Địch Vương là Ế bỏ Hán đầu hàng Sở. Nước Tề, nước Triệu cũng phản lại Hán mà hòa với Sở. Tháng sáu, Ngụy Vương là Báo xin nghỉ để về thăm cha bị bệnh. Về đến nước, Ngụy Vương liền cắt đường giao thông ở Hà Quan, phản lại Hán, giao hiếu

---

1 và 2. Xem *Cao Tổ bản kỷ*.

3. Đoạn 2 : Hàn Tín được phong làm thượng tướng quân và trình bày đường lối của mình.

với Sở. Vua Hán sai Lịch Sinh thuyết phục Báo, nhưng Báo không nghe. Tháng tám năm ấy, nhà vua phong Tín làm tả thừa tướng để đánh Ngụy. Vua Ngụy đem nhiều binh đến Bồ Bản chặn cửa sông Lâm Tấn, Tín dàn thêm nghi binh, bày thuyền bè như muốn vượt qua sông Lâm Tấn ; nhưng trái lại dùng phục binh đi đường đất Hạ Dương, lấy thùng gỗ để cho quân vượt qua sông, đánh úp đất An Ấp. Ngụy Vương Báo cả kinh đem binh đến đánh Tín. Tín liền bắt Báo cầm tù, bình định đất Ngụy, làm thành quận Hà Đông. Hán Vương sai Trương Nhĩ cùng với Hàn Tín đem binh sang đông đi về hướng bắc, đánh nước Triệu, nước Đại. Tháng chín nhuận năm ấy, Tín phá quân Đại, bắt được Hạ Duyệt ở đất Ử Dự. Sau khi Tín lấy được nước Ngụy, phá được nước Đại, Hán Vương liền sai người thu tinh binh của Tín đem đến Huỳnh Dương để chống Sở.

Tín và Trương Nhĩ cầm quân mấy vạn, muốn đi về phía đông xuống Tỉnh Hình để đánh Triệu. Vua Triệu và Thành An Quân là Trần Dư nghe tin quân Hán sắp đánh úp, bèn tụ tập quân đội ở cửa Tỉnh Hình, phao là hai mươi vạn. Quảng Vũ Quân là Lý Tả Xa nói với Thành An Quân :

— Nghe nói tướng Hán là Hàn Tín vượt Tây Hà bắt Ngụy Vương, bắt sống Hạ Duyệt, vừa mới đồ máu ở Ử Dự, nay lại thêm Trương Nhĩ giúp sức, ý muốn lấy nước Triệu. Đó là họ thừa thắng và đi xa nước mà đánh, tình thế khó đương đầu với nó. Tôi nghe nói : vận lương nghìn dặm, quân sĩ có dáng đói ; đợi hái củi cắt cỏ mà nấu ăn, lính tráng không được no. Nay đường ở Tỉnh Hình, không thể cùng đi hai xe một lần. Quân kỵ không thể sắp thành hàng, đi vài trăm dặm thì thế nào lương thực cũng tụt lại sau. Xin túc hạ cho tôi ba vạn kỵ binh, đi theo đường tắt để chẹn đường vận tải ; còn

túc hạ thì đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, giữ chặt lấy thành, đừng đánh với họ. Quân của họ tiến lên trước không được đánh, mà rút lui lại không được về, tôi dùng kỳ binh chẹn đằng sau, khiến cho họ không thể cướp được gì ở ngoài đồng. Như thế không đầy mười ngày, đầu hai tướng sẽ nộp ở dưới cờ. Xin ngài lưu ý đến kế của tôi. Nếu không thế nào cũng bị hai tên ấy bắt.

Thành An Quân vốn là nhà nho, thường nói rằng: «Nghĩa binh thì không dùng mẹo lừa dối, mưu kỳ lạ», nói:

— Tôi nghe nói theo binh pháp «mình gấp mười thì vây, gấp đôi thì đánh» (1). Nay Hàn Tín, binh phao là mấy vạn nhưng thực ra chẳng qua chỉ mấy nghìn. Họ vượt nghìn dặm đánh úp chúng ta thì cũng đã mệt mỏi lắm rồi. Nếu như chúng ta trốn tránh không đánh, về sau có quân địch đông hơn, ta làm sao thắng được? Như thế chư hầu sẽ bảo ta là nhát và coi thường việc đánh ta.

Vì vậy, không nghe mưu kế của Quảng Vũ Quân.

Hàn Tín sai người sang thăm thính, biết mưu của Quảng Vũ Quân không được dùng, cả mừng, bèn đem quân thẳng xuống. Chưa đến cửa Tỉnh Hình, cách ba mươi dặm, dừng lại cắm trại. Nửa đêm truyền lệnh xuất phát. Chọn hai nghìn quân kỵ trang bị nhẹ, mỗi người cầm một lá cờ đỏ đi theo đường tắt lén lút sang núi theo dõi quân Triệu. Tín ra lệnh: Triệu thấy ta chạy, thế nào cũng bỏ trống thành mà đuổi ta. Chúng mày tiến vào ngay trong thành, nhổ cờ của Triệu, dựng cờ

1. Câu trích trong *"Tôn Tử binh pháp"*.

đỏ của Hán. Khiến bọn tỳ tướng truyền bảo ăn cơm lót lòng thôi, và nói:

— Hôm nay phá quân Triệu xong sẽ họp nhau ăn tiệc.

Các tướng không ai tin, giả vờ đáp:

— Dạ.

Lại nói với tướng sĩ:

— Quân Triệu đã giữ địa thế tiện lợi trước để xây đồn lũy, chúng lại chưa thấy cờ trống, đại tướng của ta nên chưa chịu tiến lên đánh đội tiên phong vì chúng sợ ta đến nơi đường hẹp, hiểm trở thì quay lại.

Tín bèn sai một vạn người đi trước bày trận quay lưng ra sông.

Quân Triệu ở xa nhìn thấy, cười vang.

Lúc bình minh, Tín dựng cờ đại tướng, đánh trống lên, kéo quân ra cửa Tỉnh Hình. Quân Triệu mở cửa lũy, đánh nhau to một hồi lâu. Bấy giờ Hàn Tín, Trương Nhĩ vờ bỏ cờ trống chạy đến đạo quân gần sông. Đạo quân ở gần sông rẽ ra, đón lấy họ, rồi lại chiến đấu dữ dội. Quân Triệu quả nhiên bỏ thành ra tranh lấy cờ trống của Hán, đuổi theo Hàn Tín, Trương Nhĩ. Sau khi Hàn Tín, Trương Nhĩ đã nhập vào đạo quân ở gần sông thì quân đội đều liều chết chiến đấu không thể nào đánh bại được. Hai nghìn quân kỵ mà Tín đã cho đi từ trước chờ đến khi quân Triệu bỏ lũy trống để đuổi theo lấy cờ trống của Hán, liền ruổi nhanh vào trong thành, nhổ tất cả cờ xí của Triệu để dựng hai nghìn lá cờ đỏ của Hán. Quân Triệu đã không thắng, không bắt được bọn Tín, muốn quay trở về đồn, nhưng trong thành toàn là cờ đỏ của Hán thì cả sợ, cho rằng quân Hán đã bắt được tướng của Triệu Vương rồi. Quân sĩ liền hỗn loạn, bỏ chạy. Tướng Triệu chém cũng

không ngăn được. Quân Hán hai bên áp lại, phá tan quân Triệu, chém Thành An Quân trên sông Chỉ Thủy, bắt Triệu Vương là Yết.

Tín ra lệnh cho quân đội không được giết Quảng Vũ Quân, ai bắt sống được ông ta thì thưởng ngàn vàng. Có người trói Quảng Vũ Quân nộp dưới cờ. Tín bèn cởi trói cho ông ta và cho ngồi quay mặt về hướng đông (1), còn mình ngồi quay mặt về hướng tây, thờ làm thầy.

Các tướng đem thủ cấp và tù binh đến nộp đâu đấy và chúc mừng. Các tướng nhân dịp hỏi Tín:

— Binh pháp nói «bên phải sau lưng thì núi gò, trước mặt bên trái thì sông đầm» (2), nay tướng quân lại sai bọn chúng tôi quay lưng ra sông mà bày trận, nói rằng phá xong quân Triệu sẽ ăn cơm. Bọn chúng tôi không phục, nhưng kết quả lại thắng, không biết đó là thuật gì?

Tín nói:

— Điều đó ở trong binh pháp, chỉ có điều các anh không xét đến mà thôi. Chẳng phải binh pháp có nói: «Hãm vào đất chết thì sau nó mới sống, đắt vào chỗ mất thì sau nó mới còn» (3) đó sao? Vả chăng Tín không phải có những tướng sĩ đã từng được huấn luyện. Đây cũng như người ta nói là kéo những người ngoài chợ bắt họ đi đánh. Tình thế này nếu không

1. Khi tiếp khách, để khách quay mặt về hướng đông là tỏ ý tôn kính.

2. Trong thiên "*Tôn Tử hành quân*" nói: khi đóng quân thì trước mặt là sông, đầm, sau lưng và bên phải gần núi gò. Ý nói như thế thì tránh được việc bất trắc.

3. Thiên "*Cửu Địa*" cũng của "*Tôn Tử binh pháp*". Ý nói để cho quân đội ở vào địa thế bất lợi thì nó sẽ chiến đấu hăng.

đặt họ vào nơi đất chết, khiến cho người nào cũng vì mình mà chiến đấu thì không được. Nếu như ta để cho họ vào nơi đất sống thì họ đều bỏ chạy, ta còn làm sao dùng họ được nữa?

Các tướng đều phục mà rằng:

— Hay lắm, quả chúng tôi không nghĩ đến được.

Tín bèn hỏi Quảng Vũ Quân:

— Tôi muốn phía bắc đánh nước Yên, phía đông đánh nước Tề, làm thế nào thì thành công?

Quảng Vũ Quân từ tạ mà rằng:

— Tôi nghe nói «làm tướng mà quân đã thua trận thì không thể nói là dũng cảm, quan đại phu của nước đã mất thì không thể bàn đến việc bảo tồn nước» (1). Nay tôi là tên tù bại trận, đâu có xứng đáng bàn đến việc đại sự.

Tín nói:

— Tôi nghe nói Bách Lý Hề ở nước Ngu thì nước Ngu mất, ở nước Tần thì nước Tần làm bá. Không phải ông ta ở nước Ngu thì ngu mà về nước Tần thì khôn, chỉ vì ông ta được dùng hay không, được nghe hay không đó thôi. Giả sử Thành An Quân nghe theo kế của túc hạ thì bọn Tín cũng đã bị bắt rồi. Chỉ vì ông ta không dùng mưu của túc hạ cho nên Tín mới được hầu chuyện đó thôi.

Tín bèn van nài mãi:

— Tôi hết lòng nguyện theo kế của túc hạ xin túc hạ chớ từ chối!

Quảng Vũ Quân nói:

— Tôi nghe nói «người khôn nghĩ một nghìn điều, thế nào cũng có một điều sai; người ngu nghĩ một nghìn

1. Một câu thành ngữ đương thời.

điều thế nào cũng có một điều đúng» (1), cho nên có câu « lời nói của người cuồng cũng được thánh nhân xét đến ». Chỉ sợ mưu kế của tôi chưa chắc đã dùng được, nhưng cũng xin bày chút trung thành dại dột. Thành An Quân có kế bách chiến bách thắng, không may phút chốc thất bại, quân đội bị thua ở gần đất Cảo Thành, thân chết trên sông Chi Thủy. Nay tướng quân vượt Tây Hà, cầm tù vua Ngụy, bắt sống Hạ Duyệt ở Ứ Dự; đánh một trận lấy Tỉnh Hình; chưa trọn buổi sáng đã phá được hai mươi vạn quân Triệu, giết Thành An Quân. Danh tiếng nổi trong nước, uy thế rung động thiên hạ. Người nông phu không ai không nghỉ việc, buông cày, mặc áo đẹp, đem thức ăn ngon, nghiêng tai để chờ quyết định vận mệnh (2). Đó là cái sở trường của tướng quân. Nhưng nay quân mệt, lính mỏi, thực ra thì khó dùng. Tướng quân muốn đem cái quân đội mệt mỏi, đóng lâu ở dưới chân thành kiên cố của nước Yên. Muốn đánh thì sợ đánh lâu mà sức không thể lấy được. Thực tình sẽ lộ ra, uy thế bị giảm, lâu ngày hết lương mà nước Yên yếu thế kia vẫn không phục, nước Tề thế nào cũng giữ biên giới để tự cường. Nước Yên, nước Tề đều chống cự không chịu đầu hàng, thì chưa biết họ Lưu hay họ Hạng sẽ nắm phần thắng lợi. Đó là sở đoản của tướng quân. Tôi là người ngu, trộm cho kế của ngài là sai. Vì vậy kẻ giỏi dùng binh không lấy cái sở đoản để đánh cái sở trường mà lấy cái sở trường để đánh cái sở đoản.

Hàn Tín nói :

1. Đó là những câu tục ngữ đương thời.

2. Ý nói dân không biết sống chết thế nào nên đừng làm việc đem đồ đẹp ra mặc, thức ăn ngon ra ăn, để chờ quyết định số phận của mình.

— Như vậy thì làm thế nào ?

Quảng Vũ Quân đáp :

— Nay tính mưu kế cho tướng quân, không gì bằng xếp giáp cho quân nghỉ ngơi, bình định nước Triệu, vỗ về những người con mất cha, trong vòng trăm dặm, bò rượu ngày nào cũng đem đến để thết sĩ phu, khao quân lính, hướng về nước Yên ở phía bắc mà đóng quân. Sau đó sai người biện sĩ mang một bức thư, nói rõ cái sở trường của mình với nước Yên, chắc chắn nước Yên không dám không nghe theo. Nước Yên đã nghe theo, sai người biện sĩ đi về hướng đông nói với Tề, nước Tề thế nào cũng nghe theo như cỏ lướt trước ngọn gió, dẫu có người mưu trí cũng không biết bày cách gì cho Tề. Như thế thì có thể lấy được thiên hạ. Việc binh vốn có cái thuật « trước hư trương thanh thế rồi sau mới dùng thực lực », tức là như thế (1).

Hàn Tín nói :

— Phải (2).

Tín nghe theo mưu kế ấy, cho sứ sang nước Yên, nước Yên như ngọn cỏ lướt trước ngọn gió, Tín lại sai sứ báo với Hán, nhân tiện xin lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương để cai trị và vỗ về nước này. Vua Hán ưng thuận, bèn lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương (3).

1. Ý nói trước hết phải làm cho người ta sợ uy lực của mình, sau đó mới đánh.

2. Đoạn này văn lại biến hóa một từng nữa. Sau khi kể những chiến công oanh liệt và tài dùng binh của Hàn Tín thì nói ngay đến việc Quảng Vũ Quân " dạy " binh pháp cho Hàn Tín.

3. Đoạn 3 : Hàn Tín đánh lấy các nước Ngụy, Triệu, Yên, lập chiến công lừng lẫy và phương pháp dùng binh kỳ diệu của Tín.

4. Nước Sở mấy lần sai kỳ binh vượt qua sông Hà đánh Triệu. Triệu vương là Nhĩ và Hàn Tín đi đi lại lại để cứu Triệu, nhân lúc đi lại bình định các thành ấp ở Triệu, đem binh đến giúp Hán Vương. Nước Sở đang bận vào việc vây Hán Vương ở Huỳnh Dương, Hán vương đi ra về phía nam, đến giữa miền Uyển và Diệp, gặp được Kinh Bố, chạy vào Thành Cao. Quân Sở lại bao vây rất gấp. Tháng sáu, Hán Vương ra khỏi Thành Cao, đi về hướng đông, vượt qua sông Hoàng Hà, chỉ có một mình Đằng Công cùng đi, Hán Vương theo quân của Trương Nhĩ đến Tu Vũ. Đến nơi, Hán Vương nghỉ ở ngoài quán trọ. Sáng sớm, Hán Vương tự xưng là sứ thần nhà Hán, phi ngựa vào trong thành Triệu. Trương Nhĩ, Hàn Tín chưa dậy. Hán Vương vào trong phòng ngủ (1), cướp ấn tín và binh phù, dùng cờ mao (2) để triệu tập các tướng, thay đổi chức vị các tướng, Tín và Nhĩ thức dậy, mới biết là Hán Vương đã đến, cả sợ. Hán Vương sau khi đoạt quân của hai người, liền ra lệnh cho Trương Nhĩ giữ lấy đất Triệu, phong Hàn Tín làm tướng quốc, thu quân đội của Triệu chưa phái đến Huỳnh Dương để đánh Tề(3).

Tín đem quân sang đông, chưa vượt qua bến sông Bình Nguyên thì nghe tin sứ thần của Hán Vương là Lịch Tự Cơ đã thuyết phục được nước Tề đầu hàng.

1. Lưu Bang phải "cướp ấn", vì sợ các tướng thấy mình ở trong cảnh khốn đốn sẽ không nghe theo. Tác giả nêu lên một cách kín đáo thái độ sợ Hàn Tín của Lưu Bang.

2. Cờ dùng để triệu tập các tướng.

3. Hán Vương sau khi thu quân đội của Triệu thì trao quân cho Hàn Tín đem đi đánh Tề.

Hàn Tín muốn dừng lại. Người biện sĩ đất Phạm Dương là Khoái Thông (1) bàn với Hàn Tín:

— Tướng quân nhận chiếu đánh nước Tề, nay Hán Vương chỉ sai một người ly gián mà khiến nước Tề đầu hàng, nhưng đã có chiếu chỉ bảo tướng quân dừng lại đâu? Tại sao tướng quân lại không đi? Vả chăng Lịch Sinh là một kẻ sĩ kính cẩn múa ba tấc lưỡi mà hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề, tướng quân cầm mấy vạn quân hơn một năm mới hạ được hơn năm mươi thành của Triệu. Làm tướng quân mấy năm mà công không bằng một anh nhà nho hay sao?

Tín cho là phải, theo kế của Thông, vượt qua sông Hà. Nước Tề đã nghe lời Lịch Sinh nên giữ Lịch Sinh ở lại uống rượu, triệt bỏ các quân đội để phòng ngự quân Hán.

Tín nhân đó đánh úp quân Tề ở Lịch Hạ, đi đến Lâm Tri. Vua Tề là Điền Quảng cho rằng Lịch Sinh lừa mình nên nấu Lịch Sinh và trốn đến đất Cao Mật, sai sứ đến nước Sở để cầu cứu. Sau khi đã bình định Lâm Tri, Hàn Tín đi về phía đông, đuổi Quảng đến phía tây đất Cao Mật. Sở cũng sai Long Thư làm tướng, phao là hai mươi vạn quân, đem quân đến cứu Tề.

Vua Tề là Quảng cùng Long Thư dồn quân để đánh nhau với Tín. Lúc chưa giao chiến, có người bàn với Long Thư:

— Quân Hán thừa thắng đi đánh xa, xuất toàn lực để chiến đấu ở đất mình thì quân dễ thua và rối loạn. Chi bằng đào hào sâu, đắp lũy cao, bảo vua Tề cho người tôi tín cẩn kêu gọi vỗ về những thành đã mất. Các thành

1. Khoái Thông tên là Triệt, nhưng vì sau này Vũ Đế tên là Triệt nên tác giả húy chữ Triệt mà đổi là Thông.

đã mất, nghe tin vua mình vẫn còn, quân Sở lại đến cứu thì thế nào cũng phản lại quân Hán. Quân Hán ở nơi đất khách, cách quê nhà hai nghìn dặm, các thành của Tề lại làm phản, thì thế nào cũng không có gì ăn, có thể không đánh mà bắt họ đầu hàng.

Long Thư nói :

— Ta bình sinh biết Hàn Tín là người như thế nào rồi. Nó cũng xoàng thôi ! Vả chăng, cứu Tề mà không đánh nó, khiến nó hàng thì không có công cán gì ! Nay ta đánh thắng nó thì có thể được một nửa nước Tề, tại sao lại không đánh ?

Rồi bày trận hai bên sông Tuy Thủy. Hàn Tín đang đêm sai người làm hơn một vạn cái đãy, đổ đầy cát chặn lấy thượng lưu dòng sông rồi đem quân qua nửa chừng, đánh Long Thư, giả vờ không thắng quay lưng bỏ chạy về. Long Thư quả nhiên mừng rỡ nói :

— Ta đã biết Hàn Tín nhát gan mà !

Bèn đuổi theo, qua sông. Tín cho người phá các bao đựng cát, nước sông chảy đến ào ào, đại quân của Long Thư quá nửa không qua được, quân Tín liền đánh gấp, giết Long Thư. Bộ phận quân của Long Thư phía đông dòng sông bỏ chạy tán loạn. Vua Tề là Quảng chạy trốn. Tín liền đuổi theo đến đất Thành Dương, bắt bỏ tù tất cả linh Sở.

Năm thứ tư nhà Hán (203 trước công nguyên), tất cả đều đầu hàng. Hàn Tín bình định nước Tề, sai người nói với vua Hán :

— Nước Tề là nước gian dối, hay gây biến, tráo trở. Biên giới phía nam là nước Sở, nếu không lập giả vương (1) để giữ thì không thể bình định được. Xin cho làm giả vương.

1. Giả vương : người tạm làm vương.

Lúc bấy giờ quân Sở đang vây Hán Vương rất gấp ở thành Huỳnh Dương. Sứ giả của Hàn Tín đến, Hán Vương mở phong thư ra, cả giận mắng :

— Tao đang nguy khốn ở đây, sớm chiều trông mày đến giúp, thế mà mày lại muốn tự lập làm vương à ?

Trương Lương, Trần Bình giẫm vào chân Hán Vương, nhân đấy ghé vào tai Hán Vương, nói :

— Nhà Hán hiện đang bất lợi, có thể cấm không cho Tín làm vương được không ? Chi bằng nhân đấy mà lập, đối xử với ông ta cho tử tế, khiến ông ta vì mình mà giữ. Nếu không sẽ sinh biến.

Hán Vương tỉnh ngộ, nhân đấy lại mắng (1) :

— Đại trượng phu đã bình định được chư hầu tức là vua « thật » rồi, chứ làm vua « giả » gì nữa ?

Hán Vương liền sai Trương Lương đi lập Tín làm Tề Vương, trưng dụng binh của Tín đến đánh Sở (2).

5. Sau khi Sở mất Long Thư, Hạng Vương sợ, sai Vũ Thiệp, người Vu Thai đến nói với Tề Vương Tín :

— Thiên hạ đều khổ vì Nhà Tần đã lâu rồi, nên cùng nhau chung sức đánh Tần. Tần đã bị phá, định công, cắt đất làm vương, để cho sĩ tốt nghỉ ngơi. Nay Hán Vương lại dấy binh, đem quân sang đông, lấn phần đất của người khác, cướp đất đai của người ta. Hán đã phá Tam Tần, đem binh ra cửa ải, thu quân đội của chư hầu để sang đông đánh Sở. Ý của ông ta là chưa nuốt

1. Chú ý cách ăn nói của Lưu Bang, Tư Mã Thiên không vì có Lưu Bang là vua của mình mà che giấu tính tình lỗ mãng của y, thái độ can đảm ấy đã giúp cho ông điển hình hóa Lưu Bang một cách cao độ. Hễ Lưu Bang mở miệng là mắng.

2. Đoạn 4 : Hàn Tín đánh lấy Tề, đánh bại quân Sở, làm Tề Vương. Mâu thuẫn giữa Hàn Tín và Lưu Bang dần dần hình thành.

hết cả thiên hạ thì chưa chịu thôi, không biết thế nào là vừa, thực là quá đáng. Vả chăng, số mệnh của Hán Vương chưa có gì là chắc chắn. Đã mấy lần chính ông ta nằm trong tay Hạng Vương. Hạng Vương thương hại tha cho sống ; nhưng vừa thoát ra đã bội ước ngay, lại đánh Hạng Vương. Ông ta là người không thể thân tín như vậy, nay túc hạ tuy tự cho rằng Hán Vương đối đãi với mình rất hậu, nên đem hết sức ra cầm quân, nhưng rút cục thế nào túc hạ cũng bị ông ta bắt mà thôi. Túc hạ sở dĩ còn được sống sót đến nay là vì Hạng Vương hãy còn. Hiện nay Hán Vương, Hạng Vương, ai thắng, ai bại là ở túc hạ. Túc hạ theo về phía bên phải thì Hán Vương thắng, theo về phía bên trái thì Hạng Vương thắng. Hôm nay Hạng Vương mất thì hôm sau là đến lượt túc hạ đấy. Túc hạ sao lại không phản lại Hán mà hòa với Sở, chia thiên hạ làm ba mà làm vương một phần ? Nay túc hạ bỏ cơ hội này, đem hết tâm lực để theo Hán đánh Sở, làm người mưu trí lại như thế ư ?

Hàn Tín từ chối mà rằng :

— Tôi thờ Hạng Vương, quan chẳng qua là lang trung, địa vị chẳng qua là cầm kích đứng hầu ở điện, lời nói ra không được nghe, mưu kế đưa ra không được dùng, cho nên tôi bỏ Sở mà theo Hán. Hán Vương trao cho tôi ấn thượng tướng quân, giao cho tôi mấy vạn binh, cởi áo của mình để cho tôi mặc, đưa cơm của mình để cho tôi ăn, lời tôi nói được nghe, mưu của tôi được dùng. Cho nên tôi mới được như thế này. Phàm người ta hết sức tin cậy mình thành thực như thế mà mình phản lại là điều chẳng lành. Tôi dù chết cũng không thay lòng đổi dạ. Nhờ ông thưa lại với Hạng Vương rằng Tín từ chối.

Sau khi Vũ Thiệp đi rồi, người nước Tề là Khoái Thông biết rằng thiên hạ ai thắng ai bại là ở Hàn Tín,

muốn dùng kế lạ để làm Tín cảm động nên dùng thuật xem tướng để thuyết phục Hàn Tín. Khoái Thông nói :

— Tôi đã từng học thuật xem tướng.

Hàn Tín nói :

— Phép xem tướng của tiên sinh như thế nào ?

Thông đáp :

— Sang hay hèn là ở cốt cách, vui hay buồn là ở nét mặt, được hay thua là ở quyết đoán. Gộp cả ba điều ấy mà xem thì vạn người không sai một (1).

Hàn Tín nói :

— Hay đấy ! Tiên sinh xem quả nhân như thế nào ?

Thông đáp :

— Xin cho vẫn người chút đã.

Tín nói :

— Tả hữu lui ra rồi.

Thông nói :

— Mặt của tướng quân chẳng qua chỉ được phong hầu, lại còn nguy hiểm không yên. Lưng (2) của tướng quân thì sang không thể nói hết.

Hàn Tín nói :

— Tại sao lại nói như vậy ?

Khoái Thông nói :

— Lúc thiên hạ mới khởi sự, các anh hùng hào kiệt đều xưng vương, hiệu triệu kẻ sĩ trong thiên hạ như mây họp, sương mù tụ lại, nhan nhản như vầy cá, tấp nập như lửa bốc, như gió thổi... Lúc bấy giờ, họ chỉ lo

1. Theo phép du thuyết điều quan trọng là phải có kế lạ để bắt người nghe để ý đến mình ngay. Cách tả lời của Thông về thuật xem tướng có thể xem là kế lạ. Đoạn xem tướng này hết sức sinh động, quá khứ sống lại như hiện ra trước mắt.

2. Lưng là " bối ", có thể đọc là " bội ". Ý nói phản là Hán Vương, đây dùng lối chơi chữ.

nghĩ đến việc tiêu diệt nhà Tần đang suy vong mà thôi. Nay Sở và Hán tranh giành nhau khiến cho gan mật những người trong thiên hạ phơi đầy đất, cha con bỏ xương ở ngoài đồng nội, kể không sao xiết. Người Sở nổi lên ở Bành Thành, vừa đánh vừa đuổi mãi đến thành Huỳnh Dương, thừa tình thế thuận lợi, cuốn như cuốn chiếu, uy thế vang lừng trong thiên hạ. Tuy vậy, quân của họ bị khốn ở giữa miền đất Kinh, đất Sách, bị núi tây cản trở nên không sao tiến lên được (1), đã ba năm nay rồi. Vua Hán cầm mấy chục vạn quân, giữ đất Củng, đất Lạc, dựa vào núi sông hiểm trở, nhưng một ngày đánh mấy lần vẫn không được chút công lao gì, thua chạy không sao tự cứu, bị đánh bại ở Huỳnh Dương, bị thương ở Thành Cao, sau đó chạy sang giữa miền đất Uyển đất Diệp, có thể nói là người khôn hay người mạnh cũng đều bị khốn (2). Nay nhuệ khí bị nhụt ở trước cửa ải hiểm trở, lương thực ở trong kho lại hết, trăm họ mỏi mệt, hết sức oán giận, nhao nhác không nơi nương tựa. Theo tôi, tình thế này nếu không có kẻ hiền thánh trong thiên hạ thì không sao dẹp nổi tai họa trong thiên hạ. Hiện nay tính mạng của hai vua đều treo ở tay túc hạ. Túc hạ theo Hán thì Hán thắng, theo Sở thì Sở thắng. Tôi xin phơi bày gan ruột, nói rõ lòng thành, trình bày cái kế ngu muội của tôi, chỉ sợ túc hạ không biết dùng. Nếu quả túc hạ nghe theo mưu kế của tôi, thì không gì bằng làm lợi cho cả đôi bên khiến cho họ đều sống chia ba thiên hạ, đứng theo thế vạc ba chân. Trong tình thế ấy thì cả hai bên không ai dám động binh trước. Túc hạ là người hiền thánh,

1. Ý nói bị chặn ở ngọn núi phía tây Thành Cao.

2. Ý nói cả hai đều nguy khốn, người khốn là chỉ Lưu Bang người mạnh chỉ Hạng Vũ.

quân sĩ đông, giữ lấy nước Tề hùng mạnh, bắt nước Triệu theo mình, xuất quân ra miền đất trống ở đằng sau lưng họ mà kiềm chế hậu phương họ (1), thuận theo dân mong muốn quay đầu hướng về phía tây để cho trăm họ được sống (2) thì thiên hạ thế nào cũng chạy theo như gió thổi, như tiếng vang, còn ai dám không nghe! Túc hạ cắt đất nước lớn, làm yếu nước mạnh, để lập chư hầu. Sau khi chư hầu đã được lập, thiên hạ lại nghe theo mà cảm tạ ân đức của nước Tề. Túc hạ cứ giữ lấy nước Tề cũ, nắm lấy đất Giao, đất Tứ, lấy đức của mình để vỗ về chư hầu, kín đáo nhún nhường (3) thì các vua trong thiên hạ thế nào cũng kéo nhau đến chầu vua Tề vậy. Tôi được nghe: «Trời cho mà không lấy, thì sẽ mang lấy tội, thời cơ đến mà không theo thì sẽ mang lấy họa, xin túc hạ suy nghĩ cho kỹ».

Hàn Tín nói:

— Vua Hán đãi tôi rất hậu, lấy xe của mình để cho tôi đi, lấy áo của mình để cho tôi mặc, lấy cơm của mình để cho tôi ăn. Tôi nghe nói «đi xe người ta thì lo điều lo của người ta, mặc áo của người ta thì mang điều lo nghĩ của người ta, ăn cơm người ta thì chết cho

1. Đây là nói đem quân từ Yên Triệu xuống phía nam uy hiếp hậu phương của Lưu Bang và Hạng Vũ. Đó là nơi đất trống vì không có quân đội của hai bên.

2. Ý nói đem binh về hướng tây khiến cho quân Hán và quân Sở phải thôi không đánh nhau nữa do đó cứu sống được trăm họ.

3. Bên ngoài tỏ vẻ khiêm nhường để bảo vệ thực lực bên trong.

công việc của người ta» (1). Tôi lẽ nào lại chạy theo lợi mà quên nghĩa ?

Khoái Thông nói :

— Túc hạ tự cho là mình thân với vua Hán, muốn xây dựng cái công nghiệp muôn đời. Tôi trộm cho thế là lầm (2). Xưa kia, lúc Thường Sơn Vương và Thành An Quân (3) còn là kẻ áo vải thì cũng kết nghĩa, làm bạn sống chết có nhau. Sau đó, vì câu chuyện cãi nhau về Trương Yêm, Trần Trạch mà hai người thù oán nhau. Thường Sơn Vương phản lại Hạng Vương, mang đầu Hạng Anh bỏ trốn về với Hán Vương. Hán Vương phái Thường Sơn Vương đem quân xuống miền đông, giết Thành An Quân ở phía nam sông Kỳ, đầu một nơi chân một nẻo. Rốt cục làm trò cười cho thiên hạ. Hai người ấy chơi với nhau rất thân thiết nhất trong thiên hạ, rốt cục lại giết lẫn nhau. Tại sao thế ? Đó là vì ham muốn nhiều thì sinh lo nghĩ và lòng người khó lường. Nay túc hạ muốn làm việc trung tín để kết giao với Hán Vương thì thế nào tình bạn cũng không vững chắc hơn tình bạn của hai người kia. Đã thế, công việc lại nhiều và lớn hơn việc Trương Yêm, Trần Trạch, cho nên tôi cho rằng nếu túc hạ tin rằng Hán Vương thế nào cũng không làm hại mình là lầm to ! Ngày xưa, Phạm Lãi, đại phu Chủng làm cho nước Việt sắp mất được tồn tại, làm cho Câu Tiễn dựng nên nghiệp bá,

1. Lại dùng một thành ngữ để đáp lại thành ngữ của Khoái Thông

2. Vì Hàn Tín nói đến chuyện trung thành, nên Khoái Thông đem những thí dụ về sự trung thành và thân tín ra bẻ lại.

3. Thường Sơn Vương tức là Trương Nhĩ, Thành An Quân là Trần Dư. (*Xem Hạng Vũ bản kỷ và Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện*).

lập nên công, thành được danh, thế mà người thì chết, kẻ thì bỏ trốn. Thú trong đồng nội đã hết thì chó săn bị nấu. Nói về mặt bạn bè thân thiết thì túc hạ với Hán Vương không bằng Trương Nhĩ đối với Thành An Quân. Nói về mặt trung tín thì chẳng qua như đại phu Chủng, Phạm Lãi đối với Câu Tiễn là cùng. Túc hạ cứ xem hai người đó là đủ rõ. Xin túc hạ suy nghĩ cho sâu (1). Vả chăng, tôi nghe nói (2) dũng cảm mưu lược át cả chủ thì nguy đến thân, công lớn bao trùm cả thiên hạ thì sẽ không được thưởng. Tôi xin nói về công lao và mưu lược của túc hạ. Túc hạ vượt Tây Hà, cầm tù Ngụy Vương, bắt Hạ Duyệt, đem quân xuống Tỉnh Hình, giết Thành An Quân, chiêu hàng đất Triệu, uy hiếp đất Yên, bình định đất Tề, sang đất Nam đánh gẫy hai mươi vạn quân Sở, sang đông giết Long Thư, quay về tây để báo công. Như thế có thể nói công ấy không có hai ở trong thiên hạ mà mưu lược ấy không phải đời nào cũng có. Bây giờ túc hạ mang cái uy lấn át cả chủ, ôm cái công không có cách nào thưởng, theo Sở thì người Sở không tin, về Hán thì người Hán hoảng sợ. Túc hạ muốn mang cái công lao, cái mưu lược ấy về đâu ? Mình ở địa vị bầy tôi mà có cái uy lấn át cả chủ, có cái danh cao nhất trong thiên hạ, tôi trộm lấy làm nguy cho túc hạ.

Hàn Tín cảm ơn nói :

— Tiên sinh hãy về nghỉ, tôi sẽ nghĩ lại xem.

1. Câu này nhắc đi nhắc lại nhiều lần là có chủ ý.

2. Một biện pháp khác của các thuyết khách, không nói thẳng đó là ý của mình, mà gói ghém nói dưới hình thức châm ngôn, tục ngữ cho nó có cái vẻ dễ tin.

Vài ngày sau Khoái Thông lại đến, nói:

— Nghe là để chuẩn bị mà làm (1), kế là then chốt của việc. Nghe sai, kế hỏng mà vẫn ở yên được lâu là việc ít có vậy. Người nghe mà phân biệt được việc nên chăng, thì không thể dùng lời nói để làm rối loạn. Bàn mưu mà không bỏ quên điều gốc và điều ngọn thì không thể lấy lời lẽ văn hoa để làm rối loạn. Cam tâm làm phận sự của bọn tôi tớ thì sẽ mất cái quyền của người muôn cỗ xe; cứ bo bo lấy cái lộc ít ỏi thì bỏ lỡ địa vị khanh tướng. Cho nên kiên quyết là cái quyết định người khôn. Ngờ vực làm hại công việc; cứ xét cái kế nhỏ tủn mủn thì sẽ bỏ sót việc lớn trong thiên hạ. Một khi trí đã biết rõ mà không dám làm thì đó là điều gây nên mọi thứ tai họa. Cho nên có câu nói «con mãnh hổ do dự không bằng con ong, con bọ cạp liều đốt. Ngựa ký dùng dằng không bằng ngựa hèn bước chắc chắn. Mạnh Bôn hổ nghi không bằng con người tầm thường kiên quyết đi đến mục đích. Khôn như Nghiêu, Thuấn mà ngậm miệng không nói thì không bằng kẻ câm người điếc lấy ngón tay chỉ trỏ». Những điều trên đây, nói rằng cái quý là ở chỗ biết hành động. Đại phàm công lao thì khó thành mà dễ bại; thời cơ thì khó được mà dễ mất. Ôi! Thời cơ không trở lại. Xin túc hạ xét rõ cho.

Hàn Tín do dự không nỡ phản lại nhà Hán. Lại tự cho rằng mình lập được nhiều công, nhà Hán dẫu sao

1. Tác giả lột tả hết sức công phu ngôn ngữ của hạng thuyết khách. Họ thường gói ghém ý của họ ở trong hình thức châm ngôn, nhìn bên ngoài có cái vẻ khách quan, vĩnh viễn bình thản như một quyển sách đạo lý, nhưng có sức thuyết phục rất mạnh. Chỉ thấy toàn là cách ngôn tục ngữ, so sánh vu vơ, không nhắc một chữ đến đối tượng. Mạnh Tử nhiều lúc cũng viết như thế. Chú ý phần lớn là câu không chủ ngữ.

cũng không lấy mất nước Tề của mình. Bèn từ tạ Khoái Thông.

Khoái Thông nói không được, bèn giả điên, làm người thầy cúng.

Hán Vương bị nguy khốn ở Cố Lăng, dùng kế của Trương Lương, triệu Tề Vương là Tín, rồi đem binh họp nhau ở Cai Hạ. Sau khi Hạng Vũ đã bị phá, Cao Tổ cướp mất (1) quân của Tề Vương. Năm thứ năm tháng giêng đời Hán (202 trước công nguyên) Cao Tổ dời Tề Vương Tín làm Sở Vương, đóng đô ở Hạ Bì (2).

6. Tín về nước, cho gọi bà giặt vải đã cho mình ăn để thưởng ngàn vàng. Lại gọi đình trưởng Nam Xương ở Hạ Hương thưởng một trăm quan tiền nói:

— Ông là kẻ tiểu nhân, làm ơn không trót.

Sai gọi người thanh niên đã bắt Tín luồn qua háng cho làm trung úy nước Sở. Tín nói với các tướng văn võ:

— Hắn là tráng sĩ đấy, lúc hắn làm nhục ta, ta có phải không giết được hắn đâu! Nhưng giết hắn thì không có danh nghĩa gì (3).

Viên tướng bỏ trốn của Hạng Vương là Chung Ly Muội nhà ở núi Y Lô, Chung Ly Muội vốn chơi thân với Tín. Sau khi Hạng Vương chết, Ly Muội bỏ trốn về với

1. Nguyên văn: "Tập đoạt Tề Vương quân", theo nghĩa đen là đánh úp cướp mất quân của Tề Vương, tức là nhân lúc Hàn Tín không phòng bị, Lưu Bang cướp mất binh quyền. Câu này ám chỉ Lưu Bang đã xem Tín là đối thủ của mình.

2. Đoạn 5: Hàn Tín không chịu nghe theo lời Vũ Thiệp, Khoái Thông khuyên phản lại nhà Hán. Đoạn này gộp hai cuộc du thuyết, nội dung và ý nghĩa như nhau, nhưng cách trình bày khác hẳn nhau, một cái là khách, một cái là chủ.

3. Cũng như nói không có lý do xác đáng.

Tín. Hán Vương giận Muội, nghe nói Muội ở Sở, ra chiếu cho Sở Vương bắt Muội. Tín mới về đến nước, đi tuần hành ở các huyện các ấp, nơi ra vào đều dàn binh sĩ hộ vệ. Năm thứ sáu đời nhà Hán (201 trước công nguyên) có người đưa thư lên báo Sở Vương Tín làm phản. Cao Đế dùng mưu kế của Trần Bình, thiên tử đi tuần thú hội họp chư hầu. Ở phương nam có đất Vân Mộng, Hán Vương sai sứ báo với chư hầu sẽ họp ở đất Trần : «Ta sẽ đi chơi Vân Mộng». Kỳ thực nhà vua muốn bắt Tín, nhưng Tín không biết.

Cao Tổ sắp đến Sở, Tín muốn khởi binh làm phản, tự nghĩ mình vô tội (1), muốn yết kiến nhà vua, nhưng sợ bị bắt. Có người nói với Tín :

— Chém Muội để ra mắt nhà vua, nhà vua thế nào cũng mừng không có gì phải lo.

Tín đến gặp Muội để bàn việc ấy, Muội nói :

— Nhà Hán sở dĩ không dám đánh lấy Sở là vì Muội ở nhà ông. Nay ông muốn bắt ta để nịnh nhà Hán, thì ta hôm nay chết nhưng ông cũng chết theo như trở tay mà thôi.

Bèn mắng Tín :

— Nhà ngươi không phải bậc trưởng giả.

Sau đó đâm cổ chết.

Tín ôm đầu Muội ra mắt Cao Tổ ở đất Trần. Nhà vua sai võ sĩ trói Tín lại chở ở xe sau. Tín nói :

— Đúng như người ta nói : «Thỏ khôn chết thì chó giỏi bị nấu, chim cao hết thì cung tốt bị cất, nước địch bị phá thì mưu thần hết đời». Thiên hạ đã bình định rồi, ta bị nấu là đáng lắm.

Nhà vua nói :

— Người ta bảo nhà ngươi làm phản.

Bèn trói Tín. Đến Lạc Dương thì tha tội (1) cho Tín làm Hoài Âm Hầu.

Tín biết Hán Vương sợ và ghét tài năng mình, cho nên thường cáo bệnh không đi chầu. Tín vì vậy ngày đêm oán giận, vẫn thường bực bội, thẹn thùng vì thấy mình đứng ngang hàng với bọn Giáng, Quán (2). Tín thường qua chơi nhà tướng quân Phàn Khoái. Khoái quỳ lạy đón và tiễn ra cửa, xưng là « thần » nói :

— Đại Vương lại chịu quá bộ đến nhà « thần » sao ?

Tín bước ra cửa, cười mà rằng :

— Ta nay hóa ra ngang hàng với bọn Khoái

Nhà vua có lúc thung dung nói chuyện với Tín về tài năng của các tướng, xem tài năng họ như thế nào. Nhà vua hỏi :

— Như ta thì có thể cầm được bao nhiêu quân ?

Tín nói :

— Bệ hạ chẳng qua chỉ cầm được mười vạn.

Nhà vua hỏi :

— Thế còn nhà ngươi thì cầm được bao nhiêu ?

— Thần thì càng nhiều càng tốt !

Nhà vua cười nói :

— Càng nhiều càng tốt thì sao lại bị ta bắt ?

Tín nói :

1. Hai câu này ở liền nhau, trái hẳn nhau, chứng tỏ Tín không những không có tội mà lại không có ý làm phản. Tất cả bài này đều có những câu biểu lộ tác giả không tin rằng Tín làm phản.

1. Vì không có tội nên mới tha.

2- Giáng tức là Giáng Hầu Chu Bột, Quán là Quán Anh.

— Bệ hạ không thể cầm quân, nhưng giỏi chỉ huy các tướng, vì vậy cho nên Tín mới bị bệ hạ bắt. Vả chăng có thể nói là trời trao cho bệ hạ, chứ không phải sức người có thể làm được.

Trần Hy được bổ làm thái thú ở Cự Lộc. Hy từ giã Hoài Âm Hầu. Hoài Âm Hầu nắm lấy tay Hy, đuổi những người xung quanh, cùng Hy dạo bước ở ngoài sân. Tín ngẩng đầu lên trời thở dài mà rằng :

— Ta có thể nói với nhà ngươi được không ? Ta muốn nói với nhà ngươi một lời.

Hy đáp :

— Xin tướng quân chỉ giáo.

Hoài Âm Hầu nói :

— Chỗ nhà ngươi ở là nơi tinh binh trong thiên hạ ở đấy. Nhà ngươi lại là người tôi được bệ hạ tin yêu. Nếu người ta nói nhà ngươi làm phản thì thế nào bệ hạ cũng không tin. Nói lần thứ hai thì bệ hạ sẽ nghi. Nói lần thứ ba, thì thế nào bệ hạ cũng nổi giận, mà thân hành cầm quân. Ta vì nhà ngươi từ bên trong nổi dậy, thì có thể lấy được thiên hạ.

Trần Hy vốn biết tài năng Hàn Tín cho nên tin theo, nói :

— Xin vâng lời chỉ giáo (1).

1. Về cái tội của Tín, đó là một nghi án. Sách *Sử ký chỉ nghi* của Lương Ngọc Thăng nói : Tín chết oan vậy ! Những người hiền ngày trước đều thấy ông không có tội trạng gì tỏ ra làm phản, chỉ có mấy lời tố giác vu vơ đấy thôi .. Qua *Sử ký*, dựa vào giấy tờ làm án mà viết ra cũng thấy rõ là sai. Bữa cơm ngàn vàng, cởi áo nhường cơm, lẽ nào phụ bạc Cao Đế. Không nghe Thiệp, Thông, không giữ quân làm vua đất Tề thì thế nào cũng không làm liều khi nhà ở Hoài Âm. Không nghĩ đến việc liên kết với các vua lớn như Kinh Bố. Bành Việt thì ắt không giao ước dễ dàng với viên tướng ở ngoài biên giới xa xôi... Ai nghe lời nói "khi nắm tay đuổi người xung quanh ra", việc

Năm thứ mười một nhà Hán (116 trước công nguyên). Trần Hy quả nhiên làm phản. Nhà vua thân hành làm tướng, đem quân đi. Tín cáo bệnh không đi theo, ngầm sai người đến nói với Trần Hy :

— Ông cứ cử binh, tôi ở đây sẽ giúp ông.

Tín bèn bàn mưu với các gia thần đang đêm giả làm chiếu nhà vua tha những người phạm tội và làm nô lệ của nhà nước, muốn dùng họ để đánh úp Lữ Hậu và thái tử. Bố trí đã xong xuôi, đợi Hy báo tin. Người môn hạ có tội với Tín bị Tín bỏ tù, muốn giết đi. Em của người này ra đầu thú báo tin, tố cáo Tín muốn làm phản. Lữ Hậu muốn gọi Tín vào, nhưng sợ đảng của Tín đông, Tín không đến nên bàn với tướng quốc Tiêu Hà, giả vờ sai người từ chỗ vua ở về nói rằng Hy đã chết, các chư hầu, các quan đều đến mừng. Tướng quốc lừa Tín :

— Tuy ngài ốm, cũng xin cố gắng vào mừng.

Tín vào, Lữ Hậu sai võ sĩ trói Tín, chém ở nhà treo chuông trong cung Trường Lạc. Lúc sắp bị chém, Tín nói :

mưu phản chưa chắc lại sơ suất như vậy ? Số người và năng lực bọn tôi tớ bao lăm, Tín tất không dùng họ một cách liều lĩnh. Mới hay Cao Tổ sợ Tín không phải một sớm một chiều. Trương Lương giẫm vào gót chân, ghé tai mà nói ở Vu Thai. Cao Tổ cướp binh phù, đoạt quân đội, bắt trói cũng chưa cho là vừa, giết cả họ mới mừng. Xét câu : "Dẹp xong quân Trần Hy trở về vừa mừng vừa thương", đủ rõ Tín không có tội mà chết.

— Ta hối hận không dùng mưu kế của Khoái Thông cho nên mới bị bọn đàn bà con nít lừa dối. Há chẳng phải là vì trời muốn thế hay sao ?

Lữ Hậu bèn giết cả ba họ của Tín. Sau khi Cao Tổ đã dẹp xong quân của Trần Hy trở về đến kinh đô, thấy Tín đã chết nhà vua vừa mừng vừa thương hỏi :

— Lúc chết, Tín có nói gì ?

Lữ Hậu nói :

— Tín nói tiếc không dùng mưu kế của Khoái Thông.

Cao Tổ nói :

— Khoái Thông là người biện sĩ của nước Tề.

Bèn ra chiếu cho nước Tề bắt Khoái Thông. Khoái Thông đến, nhà vua nói :

— Nhà ngươi dạy cho Hoài Âm Hầu làm phản phải không ?

— Vâng, tôi có dạy cho hắn, thằng trẻ ranh kia không dùng kế của tôi cho nên đến nông nỗi này. Giá nó dùng kế của tôi thì bệ hạ làm sao mà diệt nó được.

Nhà vua nổi giận nói :

— Đem nấu nó đi.

Thông nói :

— Trời ơi ! bị nấu thật là oan.

Nhà vua nói :

— Nhà ngươi dạy cho Hàn Tín làm phản còn oan uổng gì nữa ?

Thông nói :

— Kỷ cương nhà Tần bị đứt, miền Sơn Đông nổi loạn, các miền khác đều nổi lên. Các anh hùng tuấn kiệt họp lại nhiều như quạ. Nhà Tần mất con hươu, thiên hạ

cùng nhau đuổi theo bắt (1). Lúc bấy giờ ai tài cao, chân nhanh thì bắt được trước. « Chó của Chích (2) cắn vua Nghiêu không phải vì vua Nghiêu bất nhân, nhưng là chó thì bất kỳ ai không phải chủ của nó là nó cắn ». Lúc bấy giờ thần chỉ biết có Hàn Tín, không biết có bệ hạ. Vả chăng những kẻ mài giáo, cầm mũi nhọn, muốn làm điều bệ hạ đã làm cũng rất nhiều, nhưng chỉ vì họ không đủ sức đấy thôi. Bệ hạ có thể nấu tất cả được không ?

Cao Đế nói :

— Tha cho hắn !

Bèn tha tội cho Thông (3).

7. Thái Sử Công nói :

— Tôi sang đất Hoài Âm, người Hoài Âm nói với tôi : lúc Hàn Tín còn là kẻ áo vải, chí khí ông ta đã khác người thường. Mẹ ông mất, nhà nghèo không có gì chôn, nhưng ông vẫn sang sửa cất vào chỗ cao ráo để bên cạnh mộ có thể chứa nổi vạn nhà.

Tôi xem mả người mẹ ông ta, quả có thế thực. Cứ gì Hàn Tín biết học đạo (4) nhún nhường, không khoe

---

1. Lộc : con hươu chỉ địa vị đế vương, vì nó đồng âm với lộc là tước lộc, lại có nghĩa là địa vị.

2. Chích : tên người ăn trộm hung ác trong truyền thuyết cổ.

3. Đoạn 6 : Hàn Tín hai lần bị vu làm phản, bị giáng chức rồi bị giết và Khoái Thông được tha.

4. Đạo : đây chỉ đạo của Lão Tử : *Đạo đức kinh* : " Không khoe mình nên có công, không tự phụ nên sống lâu ". Ý trách Hàn Tín sao không làm như Trương Lương.

công lao của mình, không tự phụ tài năng của mình, thì ngõ hầu công ông ta đối với nhà Hán có thể sánh ngang với Chu Công, Thái Công, Thiệu Công và đến đời sau vẫn được cúng tế. Nhưng ông không lo làm thế. Thiên hạ đã định rồi, lại mưu việc phản nghịch kia chứ ! Dòng họ bị giết, chẳng phải đáng đời sao ! (1).

1. Đoạn 7 : Ý kiến tác giả về Hàn Tín.

Văn của Tư Mã Thiên bắt chước văn Xuân Thu. Lời nói kín đáo, nếu đọc qua thì hiểu lệch ngay. Đây là văn mỉa mai cảm thương cho cái tài, cái công vô song của Hàn Tín và uất ức cho cảnh ngộ của vị anh hùng. Cho nên nói " đã định rồi, lại mưu phản nghịch kia chứ ", thực ra Hàn Tín đâu đến nỗi ngu như vậy. Vì vậy nói " đáng đời ". Đó là giọng nói uất ức trách Lưu Bang, tệ bạc không đối xử với Tín như Vũ Vương đối xử với Chu Công. Thái độ cho Hàn Tín ngang với Chu Công xứng đáng xếp Tư Mã Thiên vào hàng du hiệp !

LỊCH SINH, LỤC GIẢ LIỆT TRUYỆN

1. LỊCH SINH tên là Tự Cơ người làng Cao Dương, huyện Trần Lưu. Thích đọc sách, nhà nghèo không có nghề gì để kiếm ăn, làm người coi cổng ở làng. Nhưng những người tai mắt và hiền tài trong huyện không ai dám sai bảo như đầy tớ. Người trong huyện đều gọi là người cuồng.

2. Đến khi Trần Thắng, Hạng Lương nổi lên, các tướng đi cướp đất qua làng Cao Dương mấy chục người, Lịch Sinh hỏi các viên tướng, thấy họ đều là những người câu nệ, thích cái lễ vụn vặt, tự phụ tự đắc, không thể nghe những lời rộng lượng, Lịch Sinh bèn giấu mình thật kín. Về sau, nghe tin Bái Công cầm quân cướp đất ở ngoài thành Trần Lưu. Kỵ sĩ ở dưới cờ Bái Công tên là Thích là người ở trong làng Lịch Sinh. Bái Công thường hỏi những người hào kiệt và kẻ sĩ hiền tài trong làng xóm. Kỵ sĩ về, Lịch Sinh gặp, nói:

— Tôi nghe nói Bái Công ngạo mạn, khinh người, có nhiều mưu lớn. Đó chính là người tôi muốn theo, nhưng không có ai tiến cử cho. Khi ông về gặp Bái Công, nhờ ông nói giúp « Trong làng của tôi có Lịch Sinh, tuổi hơn sáu mươi, cao tám thước. Người đời ai cũng bảo ông ta là anh cuồng. Ông ta tự nói: Ta không phải người cuồng ».

Kỵ sĩ nói:

— Bái Công không thích đạo Nho. Thấy những người khách nào đội mũ nhà nho đến, Bái Công liền giật mũ đái vào trong. Khi nói với người ta thường mắng nhiếc, không thể lấy tư cách nhà nho mà thuyết phục ông ta được.

Lịch Sinh nói:

— Ông cứ nói.

Kỵ sĩ lúc rồi rãi nói lại đúng như lời Lịch Sinh đã dặn: Bái Công đến Cao Dương, dừng lại ở nhà trạm, sai người mời Lịch Sinh. Lịch Sinh đến, vào yết kiến. Lúc bấy giờ, Bái Công đang ngồi xổm trên giường, sai hai người con gái rửa chân để tiếp Lịch Sinh. Lịch Sinh vào chỉ vái dài mà không lạy, nói:

— Túc hạ muốn giúp Tần đánh chư hầu sao? Hay là muốn cầm đầu chư hầu đánh bại Tần?

Bái Công mắng:

— Thằng khốn nạn! Thiên hạ đều khổ cực vì nhà Tần đã lâu rồi, cho nên chư hầu mới kéo nhau đi đánh Tần. Sao mày lại bảo tao giúp Tần đánh chư hầu?

Lịch Sinh nói:

— Nếu thật tình muốn họp bè đảng, tập hợp nghĩa binh giết nhà Tần vô đạo thì không nên ngồi xổm mà tiếp bậc trưởng giả.

Bái Công bèn thôi không rửa chân, đứng dậy, sửa áo, mời Lịch Sinh ngồi ghế trên, xin lỗi. Lịch Sinh nhân đấy nói thời liên hoành, hợp tung của sáu nước. Bái Công mừng rỡ, cho Lịch Sinh ăn, hỏi:

— Bây giờ kế phải như thế nào?

Lịch Sinh nói:

— Túc hạ cầm toàn quân ô hợp, thu một đạo binh tán loạn, không đầy một vạn người mà muốn đánh thẳng vào nước Tần mạnh, đó là cái người ta nói «sờ vào miệng hổ» đấy. Trần Lưu là nơi then chốt của thiên hạ, giao thông với bốn phía, không có gì hiểm trở, trong lúc này trong thành lại chứa nhiều thóc. Thần quen quan lệnh ở đấy, xin được phép bảo ông ta đầu hàng túc hạ. Nếu ông ta không nghe, túc hạ đem binh đánh, thần sẽ làm nội ứng.

Bái Công bèn sai Lịch Sinh đi. Bái Công đem quân theo. Bèn lấy được Trần Lưu, phong Lịch Tự Cơ làm Quảng Dã Quân. Lịch Sinh nói với em là Lịch Thương sai cầm đầu mấy ngàn người theo Bái Công đi về hướng tây nam cướp đất. Lịch Sinh thường làm thuyết khách, ruỗi ngựa đi sứ các nước chư hầu.

3. Năm thứ ba nhà Hán, mùa thu, Hạng Vũ đánh Hán lấy Huỳnh Dương. Quân Hán bỏ chạy trốn, giữ đất Củng đất Lạc. Quân Sở nghe tin Hoài Âm Hầu phá Triệu, Bành Việt mấy lần làm phản ở đất Lương, nên chia binh đến cứu. Hoài Âm Hầu lúc bấy giờ đang đi về hướng đông đánh Tề, Hán Vương thường bị nguy khốn ở Huỳnh Dương, Thành Cao, ý muốn bỏ Thành Cao, đi về phía đông, đóng ở đất Củng đất Lạc để chống quân Sở. Lịch Sinh bèn nói:

— Tôi nghe «Biết cái trời của trời thì có thể làm nên cơ nghiệp vương, không biết cái trời của trời thì không thể làm nên cơ nghiệp vương». Nhà vua lấy dân chúng làm trời, còn dân chúng thì lấy cái ăn làm trời. Ngao Thương là nơi lâu nay chuyên chở thóc của thiên hạ đến. Tôi nghe nói ở dưới đất cất giấu thóc lúa rất nhiều. Quân Sở lấy Huỳnh Dương, không lo giữ Ngao Thương mà lại đem quân đi về hướng đông, sai những quân lính bị đày chia nhau giữ Thành Cao. Đó là trời cho nhà

Hán vậy. Nay Sở dễ lấy mà Hán lại tự vứt cái chỗ tiện lợi của mình đi, tôi trộm cho là sai. Vả lại, hai sức mạnh không thể cùng sống. Sở Hán giằng co với nhau đã lâu chưa biết ai được ai thua, trăm họ nhốn nháo, thiên hạ rối loạn, kẻ đi cày bỏ cày, đàn bà dệt vải bỏ khung cửi, lòng thiên hạ chưa định về đâu, xin túc hạ mau mau tiến quân đánh Huỳnh Dương, giữ thóc lúa Ngao Thương, chẹn lấy cái hiểm của Thành Cao, chặn con đường Thái Hàng, chiếm cửa ải Phỉ Hồ, giữ bến Bạch Mã để tỏ cho chư hầu thấy cái thế mạnh về địa hình thì thiên hạ biết họ về với ai. Trong lúc này các nước Yên và Triệu đã bình định rồi, chỉ còn nước Tề là chưa lấy được, Điền Quảng chiếm cứ một nước Tề rộng ngàn dặm, Điền Gian cầm hai mươi vạn quân đóng ở Lịch Thành, dòng dõi họ Điền hùng mạnh, lại dựa vào biển, có các sông Hà, sông Tế che chở, phía nam gần nước Sở. Người Tề hay thay đổi dối trá, túc hạ tuy phải đạo quân mấy chục vạn, nhưng chưa thể trong vòng một năm vài tháng mà phá được. Tôi xin phụng chiếu, thuyết phục vua Tề, khiến nước Tề theo Hán làm cái rào giậu phía đông của Hán.

Nhà vua nói:

— Hay lắm!

Bèn theo kế của Lịch Sinh, lại giữ Ngao Thương, sai Lịch Sinh du thuyết vua Tề, Lịch Sinh nói với vua Tề:

— Nhà vua có biết thiên hạ sẽ về đâu không?

— Không biết!

— Nếu nhà vua biết thiên hạ sẽ về đâu thì có thể có được nước Tề, nếu không biết thiên hạ sẽ về đâu thì sẽ không giữ được nước Tề:

Vua Tề hỏi:

— Thiên hạ sẽ về đâu?

— Về Hán.

— Tại sao ông lại nói thế?

— Hán Vương cùng Hạng Vương ra sức quay mặt về hướng tây để đánh Tần. Theo giao ước ai vào Hàm Dương trước thì người ấy được làm vương. Hán Vương vào Hàm Dương trước, Hạng Vương bội ước không cho Hán Vương làm vương ở đấy mà cho làm vương ở Hán Trung. Hạng Vương dời Nghĩa Đế đi rồi giết. Hán Vương nghe tin ấy, cử quân đất Thục và đất Hán, đánh Tam Tần, ra cửa quan trách tội Hạng Vũ về việc đối xử với Nghĩa Đế, thu binh của thiên hạ, lập con cháu của chư hầu. Tướng nào đánh được thành bắt địch đầu hàng thì được phong hầu ở thành đó, được của là chia cho binh sĩ, cùng hưởng lợi chung của thiên hạ. Những người anh hùng hào kiệt, hiền tài từ bốn phía kéo đến, thóc của Thục Hán kết thuyền từ thượng lưu đưa xuống, Hạng Vương mang cái tiếng bội ước, giết Nghĩa Đế, người ta lập được công thì Hạng Vương không hề nhớ, người ta phạm tội thì Hạng Vương không hề quên. Các tướng đánh thắng nhưng vẫn không được thưởng, lấy được thành nhưng vẫn không được phong, nếu không phải là họ Hạng thì không được tin dùng. Hạng Vương khắc ấn xong lại tiếc cứ mân mê sờ mó mà không cho người ta. Khi đánh thành được của cải cứ chất đống mà không thưởng cho binh sĩ. Thiên hạ làm phản. Những người hiền tài oán giận mà không ai theo. Cho nên kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ theo về Hán Vương, cái đó, có thể ngồi mà tính được, Hán Vương đem quân từ đất Thục và đất Hán, bình định Tam Tần, vượt qua Tây Hà, cầm binh ở Thượng Đảng, xuống Tỉnh Hình giết

Thành An Quân, phá Bắc Ngụy (1) lấy ba mươi hai thành. Đó là binh của Xuy Vưu (2), không phải sức con người làm được mà là cái phúc của trời. Nay Hán Vương đã giữ được lúa của Ngao Thương, chẹn nơi Thành Cao hiểm trở, giữ bến Bạch Mã, chặn sườn núi Thái Hàng, nắm lấy cửa ải Phì Hồ. Thiên hạ ai theo sau thì sẽ bị mất trước. Nhà vua nên mau mau theo hàng Hán Vương trước đi ! Như thế thì xã tắc nước Tề có thể giữ được, nếu không hàng Hán Vương thì cái cảnh nguy vong có thể đứng mà đợi nó đến.

Điền Quảng cho là phải. Bèn nghe lời Lịch Sinh, rút quân phòng giữ ở Lịch Hạ, cùng Lịch Sinh suốt ngày đêm uống rượu say.

4. Hoài Âm Hầu nghe tin Lịch Sinh đã dùng cách thuyết phục mà lấy được hơn bảy mươi thành của Tề, bèn đang đêm đưa binh vào bình nguyên, đánh úp nước Tề. Vua Tề là Điền Quảng nghe tin quân Hán đã đến, cho rằng Lịch Sinh đã lừa mình bèn nói :

— Nếu nhà ngươi có thể làm cho quân Hán dừng lại thì ta sẽ cho nhà ngươi sống. Nếu ngươi không làm được thì ta sẽ nấu nhà ngươi.

Lịch Sinh nói :

— Làm việc lớn thì không xét việc nhỏ, gặp cái đức lớn thì không nhường và từ chối, sao ông không làm, lại còn nói thế ? (3).

1. Đây chỉ Ngụy Báo vì Báo làm Ngụy Vương ở phía Bắc Hoàng Hà.

2. Xuy Vưu được xem là thần chiến tranh. Đoạn này kể những chiến công của Hàn Tín (*Xem Hoài Âm liệt truyện*).

3. Ý nói Lịch Sinh sẵn sàng chịu chết, sao vua Tề lại không hàng Hán mà nói chuyện đánh Hán.

Vua Tề bèn nấu Lịch Sinh, đem binh chạy về hướng đông. Năm thứ mười hai nhà Hán, Khúc Chu Hầu Lịch Thương làm thừa tướng đem quân đánh Kinh Bố có công. Khi phong các hầu và các công thần, Cao Tổ nghĩ đến Lịch Tự Cơ, cho nên con của Lịch Tự Cơ là Lịch Giới mấy lần cầm binh, tuy công chưa đáng phong hầu nhưng vì cha có công nên nhà vua phong Giới làm Cao Lương Hầu, về sau lại đổi làm Vũ Toại Hầu. Kế tiếp ba đời đến giữa năm đầu niên hiệu Nguyên Thú, Vũ Toại Hầu tên là Bình phạm tội giả làm chiếu của Hành Sơn Vương để lấy một trăm cân vàng, tội đáng chém ở chợ. Bình mắc bệnh mà chết, tên nước bị xóa bỏ.

1. Lục Giả là người nước Sở làm môn khách theo Cao Tổ, bình định thiên hạ nổi tiếng là người có tài biện luận. Giả ở gần nhà vua, thường đi sứ sang các chư hầu.

2. Trong thời Cao Tổ, Trung Quốc mới được bình định, viên úy Triệu Đà bình định được nước Nam Việt, nhân làm vua ở đấy. Cao Tổ sai Lục Giả phong cho Triệu Đà làm Nam Việt Vương. Lục Giả đến. Viên úy Triệu Đà bối tóc, ngồi xổm tiếp Lục Giả. Lục Giả nhân tiến lên nói với Đà :

— Túc hạ là người Trung Quốc, bà con thân thích anh em, mồ mả ở Chân Định (1). Nay túc hạ làm trái thiên tính, bỏ đai mũ, muốn lấy cái nước Việt cô độc chống cự với thiên tử làm thành một nước địch thì tai

1. Thuộc nước Triệu.

họa sẽ đến thân đấy. Vả lại, nhà Tần bỏ mất chính sự, chư hầu hào kiệt đều nổi lên, nhưng chỉ có Hán Vương đầu tiên vào cửa quan chiếm được Hàm Dương. Hạng Vũ bội ước, tự lập làm Tây Sở Bá Vương, chư hầu đều theo ông ta, như thế có thể gọi là hùng mạnh vô cùng. Thế mà Hán Vương nổi lên từ đất Ba đất Thục, roi quất thiên hạ, cướp chư hầu, rốt cục diệt được Hạng Vũ. Trong vòng năm năm đã bình định cả thiên hạ, đó không phải sức người làm được mà do ý trời. Thiên tử nghe nói nhà vua làm vua ở Nam Việt, không giúp thiên tử giết bọn bạo nghịch ; các quan văn võ muốn đem binh đến trừng trị nhà vua. Nhưng thiên tử thương trăm họ mới khó nhọc, khổ sở, cho nên hãy cho họ nghỉ ngơi, sai tôi trao ấn quân vương, chặt phù cho sứ thần đi lại. Nhà vua nên ra đón từ xa (1), quay mặt về hướng bắc xưng thần mới phải, thế mà lại muốn lấy nước Việt mới lập, chưa bình định xong, xưng hùng xưng bá ở đây. Nếu vua Hán quả biết điều đó, thì sẽ sai đào mả đốt mả của cha ông nhà vua, diệt dòng họ, sai một viên tướng cầm mười vạn quân đến Việt. Thế thì nước Việt sẽ giết nhà vua mà đầu hàng Hán như trở bàn tay thôi.

Triệu Đà bèn hoảng hốt, ngồi thẳng xin lỗi Lục Sinh :

— Tôi ở Man Di đã lâu bỏ mất lễ nghĩa.

Nhân hỏi Lục Sinh :

— Tôi so với Tiêu Hà, Tào Tham, Hàn Tín ai giỏi hơn.

— Nhà vua có vẻ giỏi hơn.

Lại hỏi :

— Tôi so với Hoàng Đế ai giỏi hơn ?

1. Nguyên văn : giao nghinh. Theo nghĩa đen là đón cách nước một trăm dặm.

Lục Sinh đáp :

— Hoàng Đế nổi lên từ ấp Phong, quận Bái, trừ nhà Tần bạo ngược, giết nước Sở mạnh, vì thiên hạ hưng lợi trừ hại, nối cơ nghiệp của Tam Hoàng, Ngũ Đế, thống trị Trung Quốc. Người Trung Quốc đông kể hàng ức, đất vuông vạn dặm, ở nơi giàu có nhất trong thiên hạ, người đông, xe cộ, vạn vật giàu có, phong phú, quyền chính do một nhà cai quản, từ khi trời đất tách rời nhau cho đến nay chưa hề có ai được như vậy. Nay dân của nhà vua chẳng qua vài chục vạn, đều là man, di, cô độc, ở giữa nơi núi non, biển cả, cũng ví như một quận của Hán, nhà vua làm sao lại so sánh mình với Hán được.

Úy Đà cười vang, nói :

— Ta không nổi lên ở Trung Quốc cho nên làm vua ở đây thôi. Nếu ta ở Trung Quốc thì việc gì lại không được như Hán !

Bèn rất thích Lục Sinh, giữ lại uống rượu mấy tháng, nói :

— Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện với tôi, khi ông đến đây, tôi ngày ngày được nghe những điều chưa được nghe.

Triệu Đà cho Lục Sinh một cái túi ngọc đáng giá ngàn vàng, lại cho một món quà khác cũng đáng giá ngàn vàng. Lục Sinh cho Úy Đà làm vua Việt, bảo ông ta xưng thần, thờ nhà Hán.

3. Giao ước xong, Lục Sinh về, Cao Tổ cả mừng, cho làm thái trung đại phu. Lục Sinh thường hay đến trước nhà vua nói chuyện *Kinh Thi*, *Kinh Thư*. Cao Đế mắng Lục Sinh :

— Ông mày ngồi trên mình ngựa mà lấy được thiên hạ, cần gì *Kinh Thi* với *Kinh Thư* ?

Lục Sinh nói :

— Nhà vua ngồi trên lưng ngựa lấy được thiên hạ, nhưng có thể ngồi trên lưng ngựa mà cai trị thiên hạ không ? Vả chăng, các vua Thành Thang, Vũ Vương lấy được thiên hạ một cách nghịch, nhưng lại giữ thiên hạ một cách thuận. Dùng cả văn lẫn vũ là cái thuật lâu dài. Ngày xưa vua Ngô Phù Sai, Trí Bá đều hết sức mạnh mà vẫn bị diệt vong, nhà Tần dùng hình pháp không thay đổi nên cuối cùng họ Triệu bị diệt (1). Giả sử trước đây sau khi nhà Tần đã thôn tính thiên hạ, lại thi hành nhân nghĩa, theo phép tắc của các vị thánh ngày xưa thì bệ hạ làm sao mà có được thiên hạ ?

Cao Đế không vui, có vẻ hơi thẹn, bèn bảo Lục Sinh:

— Ông thử vì ta viết tại sao Tần mất thiên hạ, tại sao ta lại được thiên hạ và những nước xưa tại sao lại thành, tại sao lại bại.

Lục Giả bèn thuật qua những bằng chứng về sự tồn tại hay sự diệt vong của một nước, tất cả mười hai thiên. Mỗi khi một thiên đưa lên, bao giờ Cao Tổ cũng khen, các quan hầu kêu « vạn tuế ! ». Gọi sách là *Tân Thư*.

4. Trong thời Hiếu Huệ Hoàng Đế, Lữ Thái Hậu cầm quyền chính muốn phong họ Lữ làm vương, sợ các quan đại thần có tài biện luận. Lục Giả tự xét không thể nào can được, bèn cáo bệnh xin thôi, về nhà, cho là đất ruộng Hảo Chỉ tốt có thể làm nhà ở đấy. Giả có năm người con trai. Giả bèn đem số ngọc trong túi đã có được khi đi sứ ở Việt ra bán được nghìn cân vàng, chia cho mỗi người con hai trăm cân sai con lo làm ăn. Giả thường đi xe bốn ngựa, người đi theo ca múa, gẩy đàn cầm đàn sắt, có đến mười người, cầm thanh bảo kiếm giá ngàn vàng bảo người con :

1. Vua Tần họ Triệu.

— Ta giao ước với mày, khi ghé qua nhà mày thì mày cung cấp cho người và ngựa của ta ăn uống tha hồ, muốn gì cũng được, sau mười ngày lại qua nhà khác. Ta chết ở nhà ai, nhà ấy sẽ được bảo kiếm, xe cộ và những người tùy tùng. Trong một năm ta đi lại các nhà chẳng qua hai ba lần. Thường thường ta đến nhà mày, đừng để có những thức ăn không tươi, đừng ngại ta ở lâu.

Trong thời Lữ Thái Hậu, thái hậu phong những người họ Lữ làm vương, bọn họ Lữ chuyên quyền muốn uy hiếp vị vua còn nhỏ tuổi, làm nguy họ Lưu. Hữu thừa tướng là Trần Bình sợ sức mình không thể can ngăn, bị nguy đến thân, thường ngồi một mình suy nghĩ sâu xa. Lục Giả đến thăm, vào thẳng chỗ ngồi. Bấy giờ Trần thừa tướng đang suy nghĩ đăm chiêu, bỗng thấy Lục Sinh, Lục Sinh nói :

— Suy nghĩ gì mà đăm chiêu như thế ?

Trần Bình nói :

— Ông đoán thử tôi nghĩ gì ?

Lục Sinh nói :

— Tức hạ làm hữu thừa tướng, là bậc hầu, đất phong ba vạn nhà, có thể gọi là giàu sang cùng cực không gì hơn nữa. Nhưng có điều lo nghĩ chẳng qua lo về họ Lữ và vị vua còn nhỏ mà thôi.

Trần Bình nói :

— Đúng ! Nên làm thế nào ?

Lục Sinh nói :

— Khi thiên hạ yên thì người ta chú ý đến ông thừa tướng, khi thiên hạ nguy thì người ta chú ý đến ông tướng quân. Thừa tướng và tướng quân hòa hợp với nhau thì các kẻ sĩ theo, các kẻ sĩ theo thì thiên hạ tuy có biến nhưng cái quyền vẫn không bị chia xẻ. Cho nên

muốn lo việc xã tắc là ở trong tay hai vị thôi. Tôi thường muốn nói với quan thái thú Giáng Hầu, nhưng Giáng Hầu với tôi là chỗ bạn chơi, xem thường lời nói của tôi. Tại sao ông không đi lại vui vẻ với thái úy và liên kết thân mật với nhau ?

Lục Giả giúp Trần Bình bày mấy kế về việc họ Lữ. Trần Bình dùng kế của Giả, bèn đem năm trăm cân vàng biếu Giáng Hầu làm lễ chúc thọ có đủ tiệc rượu và âm nhạc. Thái úy cũng đáp lại như vậy. Hai người này liên kết với nhau chặt chẽ, mưu của họ Lữ càng kém đi. Trần Bình bèn đem một trăm nô và tỳ, năm mươi cỗ xe, năm trăm vạn đồng tiền tặng cho Lục Sinh để làm phí tổn trong việc ăn uống. Lục Sinh lấy những thứ này đi chơi với các công khanh ở triều đình nhà Hán, tiếng tăm lừng lẫy.

Đến khi giết họ Lữ, lập Hiếu Văn Đế, Lục Sinh cũng có công. Hiếu Văn Đế lên ngôi muốn sai người đi Nam Việt, bọn Trần thừa tướng bèn cử Lục Sinh làm thái trung đại phu qua đi sứ Triệu Đà, bảo Úy Đà bỏ xe hoàng ốc, đừng gọi mệnh lệnh của mình là «chế», cho ông ta theo đúng nghi lễ của chư hầu. Những việc ấy Lục Giả đều làm được như ý muốn của nhà vua. Việc này chép trong phần về Nam Việt.

Lục Sinh rốt cục được chết trọn tuổi trời.

Thái Sử Công nói :

Đời truyền sách của Lịch Sinh thường nói sau khi Hán Vương đã lấy Tam Tần, phía đông đánh Hạng Tịch đem quân vào miền giữa đất Củng và đất Lạc, Lịch Sinh mặc áo nhà nho đến thuyết Hán Vương. Nói thế là không đúng. Ngay từ khi Bái Công chưa vào Quan Trung, chia tay với Hạng Vũ, đến Cao Dương đã gặp anh em Lịch Sinh. Tôi đọc sách *Tân Ngữ* của Lục Sinh gồm mười hai thiên, thực là người có tài biện luận trong đời.

QUÝ BỐ, LOAN BỐ LIỆT TRUYỆN

1. QUÝ BỐ là người nước Sở, tính khí khái, thích làm việc nghĩa hiệp, nổi tiếng ở nước Sở. Hạng Tịch cho cầm quân, nhiều lần làm Hán Vương nguy khốn. Đến khi Hạng Vũ bị diệt, Cao Tổ thưởng ngàn vàng cho ai tìm được Bố, ai dám giấu trong nhà thì trị tội giết ba họ. Quý Bố trốn ở nhà họ Chu ở đất Bộc Dương. Họ Chu nói :

— Hán tìm tướng quân gấp, sắp tìm đến nhà tôi. Nếu tướng quân nghe lời thì tôi xin hiến kế, nếu không thì xin tướng quân tự sát trước.

Quý Bố bằng lòng. Họ Chu bèn cạo đầu, lấy vòng sắt buộc vào cổ, cho mặc áo ngắn đặt ở trong xe tang cùng vài mươi người đầy tớ trong nhà đem Quý Bố đến bán cho nhà Chu Gia (1). Chu Gia biết là Quý Bố, bèn mua, cho ra đồng cày và dặn con trai :

— Việc cày ruộng thì nghe lời tên nô này, phải cùng ăn với nó.

Chu Gia bèn lên xe một ngựa đi Lạc Dương, yết kiến Nhữ Âm Hầu là Đẳng Công. Đẳng Công giữ Chu Gia ở lại uống rượu mấy ngày. Chu Gia nhân đấy nói với Đẳng Công :

1. Xem *Du hiệp liệt truyện*.

— Quý Bố có tội gì lớn mà hoàng thượng tìm gấp như thế ?

Đẳng Công nói :

— Bố nhiều lần làm hoàng thượng nguy khốn, hoàng thượng oán ông ta cho nên nhất định muốn bắt cho kỳ được.

— Ông xem Quý Bố là người như thế nào ?

Đẳng Công nói:

— Là người hiền.

Chu Gia nói:

— Là tôi thì ai thờ chủ người ấy, Quý Bố theo Hạng Tịch đó chỉ là làm theo chức vụ mà thôi. Nhà vua có thể giết tất cả bầy tôi của họ Hạng không ? Nay hoàng thượng mới được thiên hạ, lại chỉ vì cái oán riêng của mình mà tìm bắt một người, sao lại tỏ lòng hẹp hòi với thiên hạ như thế ? Vả chăng, Quý Bố hiền mà Hán lại tìm bắt ông ta gấp, thì ông ta không chạy về hướng bắc theo Hồ cũng chạy về hướng nam theo Việt mà thôi. Cái lối ghét người tráng sĩ đề đến nỗi buộc họ phải giúp cho nước địch là điều đã khiến Ngũ Tử Tư quất roi trên mộ Bình Vương nước Sở đấy (1). Tại sao ông không nhân lúc rảnh nói với hoàng thượng ?

Nhữ Âm Hầu Đẳng Công vốn biết Chu Gia là người rất nghĩa hiệp, nghĩ chắc Quý Bố lánh ở nhà ông ta, bèn hứa :

— Vâng.

1. Cha và anh Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương giết Tử Tư bỏ trốn sang Ngô đem quân đánh tan quân Sở lấy roi quất thây Bình Vương cho hả cơn giận. Đây nói quất trên mộ là nói bóng.

Nhân lúc rảnh, Đẳng Công quả nhiên nói lại như ý của Chu Gia. Nhà vua bèn tha tội cho Quý Bố.

Lúc bấy giờ mọi người khen Quý Bố biết bẻ cứng thành mềm (1), Chu Gia cũng vì việc ấy mà nổi tiếng ở đời. Quý Bố được mời ra yết kiến, Bố tạ tội, nhà vua cho làm lang trung.

Trong thời Hiếu Văn, Bố làm trung lang tướng. Thiền Vu có lần đưa thư làm nhục Lữ Hậu, lời lẽ thô tục. Lữ Hậu cả giận, cho mời các tướng để bàn. Thượng tướng quân Phàn Khoái nói :

— Thần xin được mười vạn quân, tung hoành ở đất Hung Nô.

Các tướng đều phụ họa theo ý của Lữ Hậu, nói :

— Phải.

Quý Bố nói :

— Phàn Khoái đáng chém ! Cao Đế cầm quân hơn bốn mươi vạn, còn bị nguy khốn ở Bình Thành ; nay với mười vạn quân, Khoái làm sao có thể tung hoành ở đất Hung Nô được ? Thế là nói dối trước mặt thái hậu ! Vả chăng, Tần gây sự với quân Hồ thì bọn Trần Thắng nổi lên, đến nay vết thương vẫn chưa lành. Khoái lại xu nịnh trước mặt thái hậu muốn làm thiên hạ rung động.

Những người trên điện lúc ấy đều sợ. Thái Hậu bãi triều. Sau đó không bàn đến việc đánh Hung Nô nữa.

Quý Bố làm thái thú ở Hà Đông. Thời Hiếu Văn, có người nói ông là người hiền. Hiếu Văn cho mời vào muốn cho làm Ngự Sử đại phu. Lại có người nói ông ta mạnh mẽ, khi đã say thì bướng bỉnh khó gần. Quý Bố đến, ở tại nhà khách xá một tháng, bị bãi chức. Quý Bố nhân đấy tiến lên nói :

1. Ý nói : chịu khuất phục, cạo trọc đầu làm nô lệ.

— Thần không có công lao, trộm được bệ hạ thương đến, chờ tội ở Hà Đông, bệ hạ vô cớ gọi thần, chắc là có người lừa dối bệ hạ về thần. Nay thần đến, không được làm việc gì lại bãi miễn mà về. Điều này chắc là có người gièm thần. Bệ hạ vì một người khen mà gọi thần đến, lại vì một người chê mà cho thần đi, thần sợ những người có kiến thức trong thiên hạ nghe thế có thể dò biết bệ hạ là người như thế nào.

Nhà vua im lặng, thẹn. Một hồi lâu, nói:

— Hà Đông là quận gần kinh đô của trẫm, cho nên riêng triệu nhà ngươi về đó thôi.

Bố từ giã về nơi làm quan cũ.

Tào Khâu Sinh người nước Sở là biện sĩ, mấy lần mượn quyền thế của những người sang để kiếm tiền, thờ bọn quý nhân Triệu Đồng(1), chơi thân với Đậu Trưởng Quân. Quý Bố nghe nói thế gửi thư can Đậu Trưởng Quân:

— Tôi nghe nói Tào Khâu Sinh không phải là bậc trưởng giả, ông chớ chơi với hắn.

Đến khi Tào Khâu Sinh về, muốn được thư tiến cử của Đậu Trưởng Quân để ra mắt Quý Bố. Đậu Trưởng Quân nói:

— Quý tướng quân không thích túc hạ, túc hạ chớ có đến!

Tào Khâu cứ một mực xin cho được thư rồi đi. Tào Khâu cho người mang thư đến trước. Quả nhiên Quý Bố cả giận, đợi Tào Khâu. Tào Khâu đến liền vái chào Quý Bố, nói:

1. Triệu Đồng là hoạn quan tên là Đàm, nhưng vì tác giả kiêng tên cha nên tác giả viết Đồng.

— Ngạn ngữ nước Sở nói: «Được trăm cân vàng không bằng một lời ừ của Quý Bố». Túc hạ làm sao được cái tiếng ấy giữa miền Lương, Sở? Vả chăng tôi là người Sở, túc hạ cũng là người Sở, tôi nêu cao cái danh của túc hạ ở trong thiên hạ, chẳng lẽ không có công lao gì sao? Tại sao túc hạ lại cự tuyệt tôi gay gắt đến thế?

Quý Bố vì vậy rất vui lòng, giữ lại mấy tháng làm thượng khách, dùng hậu lễ để tiễn. Sở dĩ danh tiếng Quý Bố càng nổi là do Tào Khâu Sinh truyền bá vậy.

Em trai Quý Bố là Quý Tâm nổi tiếng dũng cảm nhất Quan Trung, đối đãi với người ta rất cung kính, cẩn thận, tình nghĩa hiệp, trong vòng mấy ngàn dặm, kẻ sĩ đều tranh nhau chết cho ông ta. Có lần giết người, trốn đến đất Ngô ẩn náu tại nhà Viên Tư, xem Viên Tư như bậc anh, xem bọn Quán Phu, Tịch Phúc (1) như em. Có lần làm trung tư mã, trung úy Chất Đô không dám không lấy lễ đối xử. Những người trẻ tuổi thường lợi dụng cái tên của Tâm để hành sự. Lúc bấy giờ Quý Tâm và Bố nổi tiếng ở Quan Trung, một người về dũng cảm, một người về tín cẩn trong ngôn ngữ (2).

Cậu của Quý Bố là Đinh Công làm tướng Sở. Đinh Công theo Hạng Vũ đuổi đánh và làm khốn quẫn Cao Tổ ở phía tây Bình Thành. Binh khí ngắn chạm nhau, Cao Tổ nguy cấp quay lại nói với Đinh Công:

— Hai người hiền sao lại làm khốn nhục nhau?

Đinh Công bèn dẫn quân về. Hán Vương nhờ vậy được thoát. Đến khi Hạng Vương bị diệt, Đinh Công

1. Xem *Ngụy Kỳ Hầu, Vũ An Hầu* liệt truyện.

2. Nguyên văn: một người về dũng, một người về "ừ". Ý nói Quý Bố đã ừ là làm.

yết kiến Cao Tổ. Cao Tổ đem Đinh Công ra ràn trong quân, nói :

— Đinh Công làm tôi Hạng Vương mà bất trung, người làm cho Hạng Vương mất thiên hạ là Đinh Công!

Bèn chém Đinh Công, nói :

— Khiến cho kẻ làm tôi đời sau chớ bắt chước Đinh Công.

2. Loan Bố là người Lương. Khi Lương Vương là Bành Việt còn làm người dân, thường chơi với Bố. Bố cùng khốn qua Tề làm thuê ở nhà bán rượu. Được mấy năm, Bành Việt bỏ đi đến đầm Cự Dã làm cướp, còn Bố thì bị người ta cướp bán làm nô ở đất Yên. Bố trả thù cho chủ nhà mình, tướng Yên là Tang Đồ cho làm đô úy. Về sau, Tang Đồ làm Yên Vương, cho Bố làm tướng. Đến khi Tang Đồ làm phản, Hán đánh Yên bắt Bố làm tù binh. Lương Vương là Bành Việt nghe vậy, nói với nhà vua, xin chuộc Bố làm đại phu ở Lương.

Bành Việt sai Bố đi sứ ở Tề, Bố chưa về thì Hán cho gọi Bành Việt buộc tội mưu phản giết ba họ. Sau đó bêu đầu Bành Việt ở dưới thành Lạc Dương. Lời chiếu nói : « Ai cả gan thu liệm hay xem thì bắt ngay ».

Bố ở Tề về báo công việc ở dưới đầu Bành Việt, cúng và khóc. Bọn thư lại bắt Bố báo lên. Nhà vua gọi Bố đến mắng :

— Mày theo Bành Việt làm phản phải không ? Ta cấm không ai được khâm liệm, mày một mình cúng hắn mà khóc, rõ ràng là mày theo Việt làm phản.

Giục đem nấu. Lúc đang đưa Bố đến vạc nước sôi, Bố quay lại nói :

— Cho nói một lời rồi sẽ chết.

Nhà vua nói :

— Ngươi nói gì ?

Bố nói :

— Khi nhà vua đang bị nguy khốn ở Bành Thành, bị bại trận ở giữa miền Huỳnh Dương, Thành Cao, nhưng Hạng Vương vẫn không sao đi về hướng tây chỉ là vì có Bành Việt ở đất Lương cùng hợp tung với Hán làm khổ cho Sở. Trong lúc bấy giờ Bành Vương chỉ cần nghiêng về một bên, theo Sở thì Hán bị diệt, theo Hán thì Sở bị diệt. Vả chăng khi gặp nhau ở Cai Hạ nếu không có Bành Việt thì họ Hạng chưa đến nỗi mất. Thiên hạ đã định, Bành Vương được chặt phù, nhận đất phong cũng là muốn truyền đến vạn đời. Nay bệ hạ mới một lần bảo Lương đem binh đến, Bành Vương bị bệnh không đi được, thế mà bệ hạ nghi cho là làm phản. Tội phản chưa thấy, lấy điều vụn vặt để giết, sợ công thần ai cũng tự cho mình sẽ nguy. Nay Bành Vương đã chết, thần sống cũng không bằng chết, xin chịu nấu.

Nhà vua bèn tha tội cho Bố, cho làm đô úy.

Trong thời Hiếu Văn, Bố làm tướng quốc ở Yên, làm đến tướng quân. Bố bèn nói :

— Khốn cùng mà không nhục đến thân, nhụt mất chí thì không phải là người ; phú quý mà không làm được thỏa thích ý muốn thì không phải là hiền.

Do đó, ai có ân đức với mình thì Bố báo ơn hậu ; ai có oán với mình thì Bố lấy luật pháp giết hại. Khi quân Ngô làm phản, Bố có quân công nên được phong là Dư Hầu, sau lại làm tướng quốc nước Yên. Giữa đất

Yên và Tề đều làm sinh từ thờ Loan Bố, gọi là « Đền Loan Công ». Bố chết năm thứ năm đời Cảnh Đế (145 trước công nguyên). Con là Bồn tập tước cha làm thái thường. Vì lúc tế tự ở tôn miếu không dùng súc vật đúng nghi thức nên nước bị mất.

3. Thái Sử Công nói:

Trước cái khí khái anh hùng của Hạng Vũ mà Quý Bố vẫn nổi tiếng dũng mãnh ở Sở, thân đã nhiều lần diệt địch, giành lấy cờ địch, có thể gọi là tráng sĩ. Thế nhưng bị hình, chịu làm nô lệ cho người ta mà không chết. Sao mà hèn vậy? Người ấy chắc tự phụ tài mình cho nên chịu nhục mà không xấu hổ, muốn trổ cái tài của mình chưa dùng hết vậy. Cho nên rốt cuộc làm danh tướng của Hán. Người hiền thực biết trọng cái chết (1). Hạng nàng hầu, vợ lẽ hèn hạ cảm khái tự sát không phải có can đảm đâu. Họ không nghĩ được kế gì khác đó thôi! Loan Bố khóc Bành Việt, nhảy vào vạc nước sôi như về nhà. Người ấy thực biết chỗ phải chết không xem trọng cái chết. Dù người liệt sĩ thời xưa cũng làm sao hơn được.

1. Tác giả mượn Quý Bố mà bày tỏ tâm sự của mình. Quý Bố nổi tiếng tráng sĩ nhưng chịu làm nô lệ không tự sát không phải là hèn nhát. Có nhiều cái chết khác nhau. Có cái chết của liệt sĩ (như Loan Bố nhảy vào vạc nước sôi như về nhà) có cái chết vì không có đường thoát của bọn nàng hầu, vợ lẽ.

TRƯƠNG THÍCH CHI, PHÙNG ĐƯỜNG LIỆT TRUYỆN

1. ĐÌNH Úy (1) Trương Thích Chi là người Đỗ Dương, tên tự là Quý. Thích Chi có người anh là Trọng cùng ở một nhà. Thích Chi nhờ giàu có được làm kỵ lang (2) thờ Hiếu Văn Đế. Mười năm không được thăng, không ai biết tiếng. Thích Chi nói:

— Làm quan lâu, giảm bớt sản nghiệp của anh Trọng không thích.

Ý muốn xin từ quan về nhà. Trung lang tướng là Viên Áng biết ông hiền, tiếc ông bỏ quan, bèn xin đổi Thích Chi đi làm chức yết giả (3). Sau khi vào chầu xong, Thích Chi nhân đấy trình bày những việc nên làm trước mặt nhà vua. Văn Đế nói:

— Nói thấp thôi chớ nói chuyện cao xa, nói việc ngày nay có thể làm được.

Thích Chi bèn nói việc giữa thời Tần, Hán tại sao Tần lại mất mà Hán lại nổi lên. Nói một hồi lâu, Văn Đế khen hay, bèn cho Thích Chi làm yết giả bộc xạ (4).

1. Đình Úy là chức quan cao nhất về tư pháp.
2. Chức coi cổng.
3. Chức quan lo việc tiếp khách.
4. Cầm đầu các yết giả.

Thích Chi theo vua đi đến nơi nuôi hổ trong vườn nhà vua. Nhà vua hỏi viên úy coi vườn Thượng Lâm về số chim chóc thú vật ghi vào sổ là bao nhiêu. Hỏi hơn mười câu, viên úy nhìn quanh nhìn quẩn không trả lời được. Người coi chuồng hổ ở bên cạnh thay viên úy trả lời nhà vua rất đầy đủ về số chim chóc, thú vật; nhà vua hỏi là trả lời ngay, thao thao bất tuyệt. Văn Đế nói:

— Làm quan há lại không nên như thế sao! Viên úy không nhờ cậy được.

Bèn ra lệnh Thích Chi cho người giữ chuồng hổ làm quan coi vườn Thượng Lâm. Một hồi lâu sau, Thích Chi tiến lên nói:

— Bệ hạ cho Giáng Hầu Chu Bột là người như thế nào?

Nhà vua nói:

— Ông ta là người trưởng giả.

Thích Chi lại hỏi:

— Đông Dương Hầu Trương Tương Như là người như thế nào?

Nhà vua lại nói:

— Là người trưởng giả.

Thích Chi nói:

— Giáng Hầu và Đông Dương Hầu được khen là trưởng giả, nhưng hai người này bàn công việc thì thường không nói ra lời, họ có phải học anh giữ chuồng hổ khua môi múa mép đâu! Vả chăng, nhà Tần vì tin dùng bọn thư lại, bọn thư lại đua nhau về mặt nghiêm ngặt, gắt gao cho là giỏi. Nhưng cái tệ là ở chỗ chỉ lo đến câu văn suông chứ không có lòng thương xót thực sự của con người. Vì vậy, nhà Tần không nghe nói đến sai lầm của mình, dần dà cho đến đời Nhị Thế, thiên

hạ suy sụp. Nay bệ hạ cho rằng người giữ chuồng hổ ăn nói lưu loát mà cho thăng vượt bực, thần sợ thiên hạ đua nhau bắt chước, tranh nhau về chỗ ăn nói lưu loát mà không có thực chất. Vả chăng, ở dưới mà bị trên cảm hóa còn nhanh hơn bóng và tiếng vang, việc thưởng phạt không thể không cẩn thận.

Văn Đế nói:

— Phải.

Bèn thôi không cho người coi chuồng hổ làm quan. Nhà vua lên xe gọi Thích Chi cùng ngồi. Xe đi chậm rãi, nhà vua hỏi những việc tệ đời Tần. Thích Chi nói thực tất cả. Đến cung, nhà vua cho Thích Chi làm công xa lệnh (1)

Được ít lâu, thái tử và Lương Vương cùng đi xe vào triều, không xuống xe ở cửa Tư Mã. Thích Chi bèn đuổi theo ngăn thái tử và Lương Vương không cho vào cửa điện. Sau đó, tâu lên hặc họ về tội bất kính, không xuống xe ở cửa công. Bạc Thái Hậu (2) nghe tin ấy, Văn Đế cất mũ tạ lỗi, nói:

— Ta không cẩn thận trong việc dạy con.

Bạc Thái Hậu bèn sai sứ mang chiếu tha lỗi cho thái tử và Lương Vương, sau đó họ mới được vào. Văn Đế vì vậy cho Thích Chi là người kỳ lạ, cho làm trung đại phu.

Ít lâu sau, Thích Chi làm đến trung lang tướng, theo vua đến Bá Lăng. Nhà vua lên mé sông phía bắc.

Bấy giờ Thận phu nhân đi theo, nhà vua chỉ đường Tân Phong cho Thận phu nhân nói:

— Đường này đi Hàm Đan đây (3)!

1- Chức quan coi cửa Tư Mã
2- Mẹ của Văn Đế.
3- Thận phu nhân người Hàm Đan.

Vua sai Thận phu nhân gảy đàn sắt, nhà vua hát theo tiếng đàn, ý sầu thảm khiến người buồn nhớ. Vua quay lại nói với các quan :

— Than ôi ! Lấy đá núi Bắc Sơn làm quách, lấy tơ lót ở trong, lấy sơn phết gắn lại thì còn ai động đến được (1) !

Các quan hầu đều nói :

— Phải.

Thích Chi tiến lên nói :

— Nếu ở trong ấy có cái mà người ta thích thì dù là linh cữu hàn bằng cả hòn núi Nam Sơn cũng bị người ta soi ; nếu ở trong không có gì người ta thích thì dù không có quách bằng đá cũng không có gì phải lo !

Văn Đế khen phải. Sau đó phong Thích Chi làm đình úy.

Ít lâu sau, nhà vua đi ra khỏi cầu Trung Vị. Có một người ở dưới cầu chạy ra, ngựa, xe loan của nhà vua hoảng sợ. Vua liền sai quân kỵ bắt, giao cho đình úy.

Thích Chi tra hỏi biết rằng người kia ở huyện đến, nghe xe ngựa nhà vua lại nên nấp ở dưới cầu. Một hồi lâu cho rằng vua đã đi qua, người ấy liền ra thì thấy xe ngựa nhà vua cho nên bỏ chạy đó thôi. Đình Úy tâu lên : một người phạm vào lối đi nhà vua đánh phạt tiền. Văn Đế giận nói :

— Người này tự mình làm cho con ngựa của ta hoảng sợ. Cũng may ngựa ta hiền lành, chứ nếu gặp con ngựa khác thì chẳng đã làm đổ xe, khiến ta bị thương sao ! Ấy thế mà Đình Úy lại xử phạt tiền à !

Thích Chi nói :

— Pháp luật là chung cho vua cũng như mọi người. Nay pháp luật đã như vậy mà lại thay đổi làm cho nặng

1. Ý nói động đến linh cữu.

thì không được dân tin. Vả chăng lúc bấy giờ, nếu nhà vua giết ngay hắn thì thôi. Chứ đã giao cho Đình Úy, Đình Úy là người cầm cân nẩy mực cho thiên hạ. Nếu nghiêng về một bên thì những người thi hành pháp luật trong thiên hạ đều theo đó mà tùy ý thêm bớt, dân còn biết đặt tay chân vào đâu ? Cúi xin bệ hạ xét cho !

Một hồi lâu, vua nói :

— Đình Úy thì phải như thế.

Sau đó, có người ăn trộm cái vòng ngọc trước chỗ ngồi ở miếu Cao Đế, bị bắt. Văn Đế giận giao cho Đình Úy trị tội. Thích Chi căn cứ theo pháp luật tâu, người ăn trộm những vật dùng trong tông miếu của vua phải chém ở ngoài chợ. Nhà vua cả giận, nói :

— Hắn vô đạo, ăn trộm đồ ở miếu tiên đế, ta giao cho Đình Úy là muốn Đình Úy giết cả họ hắn, nay nhà ngươi theo luật tâu thì không phải là cái ý muốn tôn kính nơi tông miếu của ta.

Thích Chi cất mũ, để đầu trần tạ lỗi, nói :

— Pháp luật như thế là đủ. Vả lại, cùng là tội chết cả nhưng phải theo chỗ sự lẽ nghịch hay thuận để phân biệt nặng nhẹ. Nay hắn ăn trộm đồ ở tông miếu mà giết cả họ hắn đi thì nếu như trong muôn một có một tên ngu dân lấy một nắm đất ở Trường Lăng (1), lúc ấy bệ hạ biết lấy gì mà trị tội thêm nữa ?

Một hồi lâu, Văn Đế nói với thái hậu và cho Đình Úy là phải. Lúc bấy giờ Điều Hầu Chu Á Phu làm trung úy và Sơn Đô Hầu Vương Điềm Khai làm tướng quốc nước Lương thấy Thích Chi xét xử công bình nên kết làm bạn thân. Vì vậy Trương Đình Úy được thiên hạ khen ngợi.

1. Mộ của Hán Cao Tổ.

Về sau Văn Đế mất, Cảnh Đế lên ngôi, Thích Chi sợ, cáo bệnh, muốn từ quan về vì sợ bị giết đến nơi. Ý ông ta muốn yết kiến nhà vua để tạ lỗi nhưng chưa biết làm sao. Thích Chi dùng mưu kế của Vương Sinh, rốt cục yết kiến nhà vua, tạ tội, Cảnh Đế không bắt lỗi.

Vương Sinh là một người ẩn sĩ thích nói về Hoàng Đế, Lão Tử. Có lần được triệu vào triều đình, các tam công và cửu khanh đều đứng ở đấy. Vương Sinh là người già, nói :

— Tôi tụt giày.

Quay lại bảo Trương Đình Úy:

— Buộc giày cho tôi.

Thích Chi quỳ xuống buộc giày. Sau đấy, có người bảo Vương Sinh:

— Tại sao riêng ông lại làm nhục Trương Đình Úy ở triều đình bắt ông ta buộc giày ?

Vương Sinh nói :

— Tôi già và hèn, tự nghĩ rằng suốt đời chẳng giúp được gì cho Trương Đình Úy. Trương Đình Úy hiện nay là vị quan có danh trong thiên hạ. Tôi cố ý nhân đấy làm nhục Đình Úy, bắt ông ta quỳ xuống buộc giày là muốn đề cao ông ta.

Các quan nghe vậy, cho Vương Sinh là người hiền và kính trọng Trương Đình Úy. Trương Đình Úy thờ Cảnh Đế hơn một năm làm tướng quốc của Hoài Nam Vương, vì chỗ trước kia có lỗi lầm. Mãi về sau, Thích Chi chết, con là Trương Chí, tự là Trưởng Công làm quan đến đại phu xin thôi, cho rằng mình không thể a dua để sống theo thế tục nên suốt đời không làm quan.

2. Ông của Phùng Đường là người nước Triệu, đến đời cha dời đến đất Đại. Khi nhà Hán nổi lên, dời đến

An Lăng. Đường nổi tiếng vì có hiếu, được cử làm người cầm đầu các trung lang thự. Đường thờ Văn Đế, Văn Đế đi xe qua hỏi Đường :

— Tại sao cụ lại làm trung lang ? Nhà ở đâu ?

Đường cứ theo thực mà tâu. Văn Đế nói :

— Khi ở đất Đại, ta thường ăn cơm của người quan coi việc ăn uống là Cao Khư, ông ta mấy lần nói với ta rằng Lý Tề, tướng nước Triệu (1), là người hiền, đánh ở gần Cự Lộc. Nay mỗi khi ăn cơm ta vẫn thường nhớ đến Cự Lộc. Cụ có biết ông ta không ?

— Cũng không bằng Liêm Pha, Lý Mục làm tướng.

— Tại sao biết ?

— Ông của thần khi ở Triệu coi một đội quân, chơi thân với Lý Mục. Cha của thần vốn làm tướng quốc ở nước Đại chơi thân với tướng nước Triệu là Lý Tề nên biết ông ta là người như thế nào.

Nhà vua nghe nói đến Liêm Pha, Lý Mục lấy làm cao hứng vỗ đùi mà nói :

— Than ôi ! Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì ta lo gì quân Hung Nô !

Đường nói :

— Thần sợ bệ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được.

Nhà vua nổi giận, đứng dậy đi vào cung cấm.

Một hồi lâu sau, nhà vua cho gọi Đường vào trách :

— Tại sao ông làm nhục ta trước mặt mọi người, ông không có dịp nào khác nữa à ?

---

1. Vì Phùng Đường nói mình là người nước Triệu nên Văn Đế nói chuyện về tướng nước Triệu.

Đường tàu :

— Kẻ hèn mọn này vốn không biết kiêng dè.

Lúc bấy giờ quân Hung Nô mới đem đại quân xâm nhập huyện Chiêu Na, giết đô úy đất Bắc Địa là Ngang. Nhà vua đang lo lắng về giặc Hồ nên cuối cùng lại hỏi Đường :

— Tại sao ông biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục được ?

Đường tâu :

— Thần nghe nói các vua thời thượng cổ khi nào sai tướng thì quỳ xuống đẩy trục bánh xe nói: « Việc trong kinh đô thì quả nhân quyết định; việc ở ngoài kinh đô thì tướng quân quyết định ». Việc quân công, khen thưởng, ban tước, đều do tướng quân quyết định ở ngoài, khi nào về mới tâu lại. Điều đó không phải lời nói suông (1). Người ông của thần nói Lý Mục khi làm tướng nước Triệu, ở biên giới, thuế ở chợ đều tự tiện dùng để nuôi quân sĩ; việc khen thưởng đều quyết định ở ngoài, trong triều không cản trở. Nhà vua chỉ giao việc chính cốt sao làm tròn trách nhiệm, cho nên Lý Mục mới có thể trổ hết tài năng, trí tuệ của mình trọn một nghìn ba trăm cỗ xe, một vạn ba nghìn quân kỵ bắn tên, mười vạn dũng sĩ (2). Vì vậy cho nên phía bắc đánh đuổi được Thiền Vu, phá được Đông Hồ, diệt được Đan Lãm (3); phía tây chống lại nước Tần mạnh, phía nam giúp đỡ nước Hàn, nước Ngụy. Trong thời bấy giờ, nước Triệu gần như xưng bá. Sau đó, gặp lúc vua Triệu là Thiên lên ngôi, người mẹ là con hát. Thiên

1 Trở xuống giải thích tại sao lại không phải là lời nói suông

2. Nguyên văn : dũng sĩ đáng thưởng trăm cân vàng.

3. Xem *Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.*

nghe lời Quách Khai gièm pha, cuối cùng giết Lý Mục, sai Nhạn Tụ thay thế. Vì vậy cho nên binh bị phá tan, quân sĩ bỏ chạy, vua nước Triệu bị nước Tần bắt và nước bị tiêu diệt. Nay thần trộm nghe Ngụy Thượng làm thái thú ở Vân Trung, tất cả thuế chợ đều dùng để nuôi quân sĩ, lấy riêng bổng lộc của mình, năm ngày, giết một con bò, đãi tân khách, thuộc hạ và tướng sĩ, cho nên quân Hung Nô tránh xa không đến gần biên giới Vân Trung. Quân địch có một lần vào, Thượng đem xe và quân kỵ đánh, giết rất nhiều địch (1). Sĩ tốt đều là con em của dân, rời bỏ việc cày cấy ra làm lính, làm sao biết được giấy tờ sổ sách ! Suốt ngày họ ra sức chiến đấu chém đầu hoặc bắt sống quân địch. Nhưng khi báo công lên cho quân doanh hễ nói một lời không hợp thì bọn quan văn lại lấy luật pháp bắt bẻ nên không được thưởng. Còn bọn quan văn dùng phép tắc bắt bẻ người ta thì lại được tin dùng. Thần ngu dốt cho rằng luật pháp của bệ hạ quá sáng suốt, thưởng quá nhẹ phạt quá nặng. Vả chăng, sở dĩ thái thú Vân Trung Ngụy Thượng phạm tội là vì sổ thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái (2). Bệ hạ giao ông ta cho quan lại xét, truất quan tước bắt ông ta chịu khổ dịch một năm. Cứ thế mà xét thì bệ hạ tuy có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được. Thần quả thật là ngu, xúc phạm đến điều phải kiêng phải tránh, tội đáng chết, tội đáng chết !

Văn Đế vui lòng. Hôm ấy sai Phùng Đường cầm cờ tiết tha Ngụy Thượng, lại cho làm quan thú Vân Trung. Nhà vua lại cho Đường, làm xa kỵ đô úy coi các trung úy và quân lính đánh bằng xe ở các nơi.

1. Việc làm giống như Lý Mục.

2 Thưởng phạt khác vua Triệu xưa đối với Lý Mục.

Năm thứ bảy, Cảnh Đế lên ngôi, cho Đường làm tướng quốc nước Sở, Đường xin thôi. Vũ Đế lên ngôi cầu người hiền tài, người ta cử Phùng Đường. Lúc bấy giờ Đường hơn chín mươi tuổi, không thể làm quan được nữa, nhà vua bèn cho con của Đường là Phùng Toại làm quan lang.

Toại tên tự là Vương Tôn, cũng là một kẻ sĩ ít có, chơi thân với tôi (1).

3. Thái Sử Công nói:

Trương Quý nói về bậc trưởng giả, giữ pháp luật không a dua theo ý nhà vua (2). Phùng Công bàn về tướng súy thật thú vị làm sao! Thật thú vị làm sao (3)! Ngạn ngữ nói: «Không biết người ấy thì hãy nhìn bạn người ấy». Việc hai người luận bàn tán tụng có thể ghi vào sổ sách triều đình.

Kinh Thư nói: «Không thiên không đảng, đạo vua rộng rãi, không đảng không thiên, đạo vua công bình» (4).

Trương Quý, Phùng Công cũng gần được như vậy (5)

1. Với tác giả.

2 Câu này nói về việc Trương Thích Chi bàn luận về bậc trưởng giả như Chu Bột.

3. Nhắc hai lần vì tác giả rất tán thưởng.

4. *Kinh Thư*, thiên *Hồng phạm*. Ý nói nếu không thiên lệch và không bè phái thì đạo nhà vua rộng rãi khoan dung lại công bình. Tác giả ca ngợi Trương Thích Chi và Phùng Đường chính trực.

5. Ghép Trương Thích Chi và Phùng Đường vào một chuyện, tác giả muốn ca ngợi những con người muốn nói cho nhà vua biết sự thực dù sự thực ấy không làm nhà vua đẹp lòng. Ở đây tác giả cũng có ý tự ngụ.

NGỤY KỲ, VŨ AN HẦU LIỆT TRUYỆN

1. NGỤY KỲ HẦU Đậu Anh là con người anh chú bác của Hiếu Văn hoàng hậu. Cha ông đời đời ở đất Quan Tân, thích tân khách. Trong thời Hiếu Văn, Đậu Anh làm thừa tướng nước Ngô, bị bệnh nên thôi. Khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Anh làm thiêm sự (1). Lương Hiếu Vương là em của Hiếu Cảnh, được mẹ là Đậu thái hậu yêu. Lương Hiếu Cảnh vào chầu, ăn tiệc uống theo lễ anh em. Lúc bấy giờ nhà vua chưa lập thái tử. Uống rượu say, nhà vua ung dung nói:

— Sau khi mất, ta sẽ truyền ngôi cho Lương Vương.

Thái hậu mừng rỡ. Đậu Anh giơ chén rượu tiến về phía trước dâng cho nhà vua, nói:

— Thiên hạ là thiên hạ của Cao Tổ, cha truyền con nối đó là điều nhà Hán đã giao ước. Tại sao bệ hạ lại có thể tự tiện truyền cho Lương Vương!

Thái hậu vì vậy ghét Đậu Anh. Đậu Anh cũng cho chức quan của mình là nhỏ, nhân có bệnh xin thôi. Thái hậu gạch sổ tên Đậu Anh trong sổ ra vào cửa cung không cho vào triều yết.

Năm thứ ba đời Hiếu Cảnh (năm 154 trước công nguyên), nước Ngô, nước Sở làm phản (2), nhà vua xét

1. Chức quan coi việc trong cung hoàng hậu, thái tử.

2. Tất cả 7 nước làm phản, quan trọng nhất là Ngô Vương, Sở Vương.

ở trong tôn thất và những người họ Đậu (1) không ai giỏi bằng Đậu Anh nên muốn mời Anh. Anh vào yết kiến, mượn cớ bệnh hoạn từ chối nói mình không đủ sức. Thái hậu cũng thẹn. Bấy giờ nhà vua nói:

— Ngày nay thiên hạ đang gặp việc nguy cấp, lẽ nào Vương Tôn (2) lại nhường chức ấy hay sao?

Bèn cho Anh làm đại tướng quân cho một ngàn cân vàng. Anh bèn nói:

— Viên Áng, Loan Bố (3) là những viên tướng có danh và những kẻ sĩ có tài hiện nay về nhà, nên dùng họ.

Được nhà vua cho bao nhiêu vàng, Anh đều bày ngoài hành lang, dưới mái cửa, thấy các tướng sĩ đi qua liền bảo họ lấy mà dùng, không cho vàng vào nhà.

Đậu Anh giữ đất Huỳnh Dương, cai quản quân Tề và Triệu. Sau khi quân bảy nước đã bị tiêu diệt, Anh được phong làm Nguỵ Kỳ Hầu. Bọn du sĩ, tân khách tranh nhau theo Nguỵ Kỳ Hầu. Trong thời Hiếu Cảnh mỗi khi ra triều bàn việc lớn, những người được phong hầu không ai dám xem mình ngang hàng với Điều Hầu (4) và Nguỵ Kỳ Hầu.

Năm thứ tư đời Hiếu Cảnh (152 trước công nguyên) lập thái tử Lật, sai Nguỵ Kỳ Hầu làm thái phó của thái tử.

Năm thứ bảy đời Hiếu Cảnh, Lật thái tử bị truất. Nguỵ Kỳ mấy lần can ngăn không được. Nguỵ Kỳ cáo bệnh rút lui về ở ẩn ở chân núi phía nam Lam Điền mấy tháng. Các tân khách, biện sĩ khuyên ông, nhưng

1. Tất cả những người trong họ nội (họ Lưu) và họ ngoại bên mẹ (họ Đậu).
2. Vương Tôn là tên tự của Đậu Anh.
2. Xem *Loan Bố, Quý Bố liệt truyện.*
4. Điều Hầu là Chu Á Phu — Xem *Lý tướng quân liệt truyện.*

không ai làm cho ông trở về triều. Cao Toại người nước Lương bèn nói với Nguỵ Kỳ:

— Người có thể làm cho tướng quân giàu sang là nhà vua, người có thể làm tướng quân thành người thân tín của triều đình là thái hậu. Nay tướng quân làm thái phó thái tử, thái tử bị phế truất, tướng quân không can ngăn được; can ngăn đã không được, lại không dám chết, rút lui cáo bệnh ôm gái nước Triệu lui về nơi nhàn dật không chịu vào triều. Nếu căn cứ vào sự việc mà xem thì đó là tướng quân muốn nêu lên cái sai lầm của nhà vua, nhỡ cả hai cung đều giận tướng quân thì vợ con sẽ chẳng còn sống sót được đâu.

Nguỵ Kỳ Hầu cho là phải, bèn đứng dậy vào triều như cũ.

Đào Hầu (1) thôi làm thừa tướng. Đậu thái hậu mấy lần tiến cử Nguỵ Kỳ Hầu, Hiếu Cảnh Đế nói:

— Thái hậu cho tôi tiếc rẻ điều gì, mà không cho Nguỵ Kỳ làm thừa tướng hay sao? Nguỵ Kỳ là người tự phụ tự đắc, dễ khinh suất trong công việc, khó lòng làm thừa tướng, một chức vụ cần con người thận trọng.

Vì vậy nhà vua không dùng Đậu Anh, mà dùng Kiến Lăng Hầu là Vệ Uyển làm thừa tướng.

2. Vũ An Hầu Điền Phân là người em cùng mẹ với hoàng hậu vua Hiếu Cảnh, sinh ở Trường Lăng. Lúc Nguỵ Kỳ Hầu đã làm đại tướng quân, thịnh đạt thì Phân làm quan lang chưa được quý trọng, thường qua lại hầu rượu ở nhà Nguỵ Kỳ, quỳ xuống đứng lên như bọn con cháu vậy.

1. Tức Lưu Xá. Lưu Xá được phong là Đào Hầu.

Đến cuối thời Hiếu Cảnh, Phân càng được vua yêu quý, làm thái trung đại phu. Phân có tài nói năng, biện luận, học văn tự cổ. Vương thái hậu cho là người hiền. Khi Hiếu Cảnh mất, liền trong ngày ấy thái tử được lập lên nối ngôi. Hoàng thái hậu thay vua trị vì, thường dùng kế của bọn tân khách của Điền Phân để trấn áp và vỗ về dân chúng. Em của Phân là Điền Thắng, vì là em thái hậu, cho nên Hiếu Cảnh làm vua được ba năm thì Phân được phong làm Vũ An Hầu, Thắng được phong làm Chu Dương Hầu.

Lúc đầu Vũ An Hầu tưởng rằng mình sẽ được làm thừa tướng nên khiêm tốn với các tân khách, tiến cử các danh sĩ, người nào ở nhà thì mời ra làm quan muốn để áp đảo các quan văn võ theo Ngụy Kỳ. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên (140 trước công nguyên) (1) thừa tướng Uyển bị bệnh nên thôi không làm nữa, nhà vua bàn việc cử người làm thừa tướng và thái úy. Tịch Phúc nói với Vũ An Hầu :

— Ngụy Kỳ lâu nay được tôn quý, kẻ sĩ trong thiên hạ vốn theo ông ta. Nay tướng quân mới nổi lên chưa bằng Ngụy Kỳ. Nếu như hoàng thượng cho tướng quân làm thừa tướng thì cứ nhường cho Ngụy Kỳ. Ngụy Kỳ làm thừa tướng thì tướng quân thế nào cũng làm thái úy. Thái úy và thừa tướng cũng tôn quý như nhau thôi. Ngài lại được tiếng nhường cho người hiền.

Vũ An Hầu đem điều đó nói bóng với thái hậu để thái hậu nói lại với nhà vua. Kết quả Ngụy Kỳ Hầu được làm thừa tướng và Vũ An Hầu làm thái úy. Tịch Phúc mừng Ngụy Kỳ Hầu, nhân đấy có lời khuyên :

1. Trung Quốc bắt đầu có niên hiệu từ đấy.

— Ngài tính yêu người thiện, ghét người ác. Nay người thiện khen ngài cho nên ngài làm đến thừa tướng nhưng ngài lại ghét người ác mà người ác lại đông, thế nào họ cũng sẽ gièm pha ngài. Nếu có thể bao dung được cả hai hạng người thì ngài sẽ được làm lâu ; nếu không ngài sẽ bị người ta gièm pha mà rời bỏ địa vị thừa tướng.

Ngụy Kỳ không nghe.

Ngụy Kỳ và Vũ An đều thích đạo Nho (1), tiến cử Triệu Quán làm ngự sử đại phu, Vương Tang làm lang trung lệnh, đón Lỗ Thân Công. Muốn đặt nhà minh đường (2), khiến chư hầu về nước của mình (3), bỏ việc cấm ra vào cửa ải, làm các lễ phục theo phép tắc, để nêu rõ thiên hạ thái bình. Ngụy Kỳ xét những người họ Đậu và, họ tôn thất, ai phẩm hạnh kém thì gạch tên ở trong sổ. Lúc bấy giờ những người họ ngoại đều làm trước hầu, các vị hầu đều lấy công chúa, không ai muốn về nước. Vì vậy người ta ngày ngày gièm với Đậu Thái Hậu. Thái Hậu thích thuyết của Hoàng Đế, Lão Tử, trái lại bọn Ngụy Kỳ, Vũ An, Triệu Quán, Vương Tang lại muốn suy tôn Nho Giáo dìm Đạo Giáo. Vì vậy Đậu Thái Hậu càng không thích bọn Ngụy Kỳ.

Năm thứ hai niên hiệu Kiến Nguyên (139 trước công nguyên) ngự sử đại phu là Triệu Quán xin đừng

1. Vì thích đạo Nho nên tiến cử những người theo đạo Nho. Lỗ Thân Công tên Bỏi nổi tiếng về Nho học ở Lỗ chuyên trị *Kinh Thi*, *Lỗ Thi* còn lại ngày nay là do ông ta soạn. Triệu Quán, Vương Tang là học trò của Bỏi.

2 Nhà minh đường : nhà lập lên để triều chư hầu, phát huy chính giáo của thiên tử.

3. Đời Hán những người được phong hầu tuy có đất phong nhưng cứ ở kinh đô không về đất phong của mình.

tâu công việc với đông cung (1), Đậu Thái Hậu giận lắm bèn phế truất bọn Triệu Quán, Vương Tang và bãi thừa tướng, thái úy, cho Bách Chí Hầu là Hứa Xương làm thừa tướng, Vũ Cương Hầu là Trang Thanh Địch làm ngự sử đại phu. Ngụy Kỳ, Vũ An vì vậy vẫn giữ tước hầu mà về ở nhà.

Vũ An Hầu tuy không làm quan, nhưng nhờ Vương Thái Hậu (2) nên được tin yêu, mấy lần bàn công việc đều có kết quả.

Các quan lại và kẻ sĩ ham thế lợi đều bỏ Ngụy Kỳ theo Vũ An. Vũ An ngày càng kiêu căng.

Năm thứ sáu niên hiệu Kiến Nguyên (135 trước công nguyên), Đậu Thái Hậu chết, thừa tướng là Xương, ngự sử đại phu là Thanh Địch bị bãi vì không lo việc tang. Nhà vua cho Vũ An Hầu Điền Phân làm thừa tướng, cho quan đại tư nông Hàn An Quốc làm ngự sử đại phu. Kẻ sĩ trong thiên hạ, các quan ở các nước và chư hầu lại càng xu phụ Vũ An. Vũ An mặt mày xấu xí nhưng lại được tôn quý. Ông ta cho rằng chư hầu nhiều người lớn tuổi, nhà vua thì mới lên ngôi, tuổi còn nhỏ (3), mình nhờ là người thân thích nên được làm thừa tướng ở kinh, nếu không dùng nghi lễ để bắt họ phải nhất nhất phục tùng mình thì thiên hạ không sợ.

Lúc bấy giờ thừa tướng vào tâu, ngồi nói chuyện suốt buổi, nói gì cũng được nhà vua nghe theo. Có lần

1. Bấy giờ Đậu Thái Hậu ở Trường Lạc Cung ở phía đông nên gọi là đông cung. Ý nói đừng tâu với thái hậu mà tâu thẳng với nhà vua.

2. Vương Thái Hậu vợ Hiếu Cảnh, mẹ Vũ Đế ở trên đã nói là chị cùng mẹ khác cha với Điền Phân.

3. Vũ Đế lên ngôi 16 tuổi.

tiến cử người ta từ chỗ chưa làm gì lên chức quan hai nghìn thạch, quyền lấn át cả nhà vua. Nhà vua nói :

— Ông bổ nhiệm quan lại đã xong chưa ? Tôi cũng muốn bổ nhiệm quan lại đây.

Có lần Phân xin đất của nha môn để mở rộng thêm nhà cửa của mình, nhà vua nổi giận nói :

— Sao ông không lấy luôn cả kho vũ khí cho rồi.

Sau đó ông ta bớt xin xỏ.

Có lần Điền Phân mời tân khách uống rượu để người anh là Cái Hầu ngồi ngoảnh mặt về hướng nam còn mình ngồi ngoảnh mặt về hướng đông (1). Ý ông ta cho rằng mình làm thừa tướng nhà Hán là giữ địa vị cao, không thể vì chỗ anh em mà giảm bớt sự tôn quý. Vì vậy Vũ An càng kiêu ngạo, sửa sang nhà cửa đẹp hơn tất cả các chư hầu. Ruộng vườn đều hết sức màu mỡ, còn những người đi các chợ ở các quận huyện để mua các sản vật về thì gặp nhau từng đoàn ở ngoài đường. Trước nhà bày chuông trống, đặt cờ khúc chiêu (2). Ở phòng sau, đàn bà kể đến hàng trăm. Chư hầu mang vàng ngọc, chó, ngựa, đồ chơi đến hiếu không kể xiết.

Ngụy Kỳ không còn Đậu Thái Hậu (3) nên càng không được dùng, không có thế lực. Tân khách dần dần đổi thái độ, tỏ ra kiêu ngạo. Chỉ có một mình Quán tướng quân vẫn đối xử như cũ. Ngụy Kỳ thường ngày lầm lì không vui, chỉ chơi thân với một mình Quán tướng quân.

1. Đời Hán, hướng đông là tôn quý hơn hướng nam.

2. Cờ cán cong. cờ này chỉ vua dùng khi đón mời các ẩn sĩ. Điều đó chứng tỏ Điền Phân muốn lấn át nhà vua.

3. Bấy giờ Đậu Thái Hậu đã chết.

3. Quán tướng quân tên là Phu người ở huyện Dĩnh Âm. Cha Phu là Trương Mạnh có lần làm môn hạ của Dĩnh Âm Hầu Quán Anh, Mạnh được yêu quí, do đó được tiến cử làm đến chức quan hai nghìn thạch. Mạnh lấy họ Quán, gọi là Quán Mạnh.

Trong thời Ngô, Sở làm phản, Dĩnh Âm Hầu Quán Hà làm tướng quân ở dưới quyền của thái úy, mời Quán Mạnh làm hiệu úy. Phu đem một ngàn người theo cha.

Quán Mạnh tuổi già. Dĩnh Âm Hầu cố nài mãi Mạnh mới được dùng. Vì thế Mạnh bực bội không bằng lòng. Lúc chiến đấu Mạnh thường xông vào nơi quân địch mạnh (1) và cuối cùng chết ở giữa quân Ngô.

Theo pháp lệnh trong quân, nếu cha con cùng tòng quân có người chết thì người sống có thể mang hài cốt về. Quán Phu không chịu về lo việc chôn cất, khẳng khái nói :

— Xin lấy đầu của Ngô Vương hay đầu của tướng quân nước Ngô để trả thù cho cha.

Quán Phu bèn mang áo giáp, cầm giáo, chọn những tráng sĩ trong quân đội mà mình quen biết, người tình nguyện đi theo được mấy chục. Nhưng khi ra khỏi cửa thành không ai dám tiến lên. Chỉ có hai người và mười mấy người tòng nô (2) phi ngựa vào trong quân của Ngô, đến dưới cờ đại tướng của Ngô, giết và làm bị thương mấy chục người, không tiến lên được nữa, họ lại phi ngựa về, khi vào thành của Hán thì những người tòng nô đều chết hết chỉ còn một quân kỵ đi theo. Phu bị hơn mười vết thương nặng, may có thứ thuốc quý giá ngàn vàng mới khỏi chết.

1. Để tỏ rằng mình chưa già.
2. Nô lệ làm bộ hạ Quán Phu.

Thương tích mới hơi bớt, Phu lại xin với tướng quân :

— Tôi đã biết thêm ngõ ngách ở trong thành của quân Ngô, xin cho tôi đi lần nữa.

Tướng quân khen ngợi lòng can đảm nghĩa khí của Phu, nhưng sợ Phu chết mất nên nói với thái úy. Thái úy bèn cố sức can ngăn. Sau khi quân Ngô bị phá, Quán Phu vì vậy nổi tiếng trong thiên hạ.

Dĩnh Âm Hầu nói với nhà vua, nhà vua cho Phu làm trung lang tướng. Được mấy tháng, phạm sai lầm thôi không làm quan.

Sau đó nhà ở Trường An, những người giàu sang ở Trường An không ai không khen ngợi Phu.

Thời Hiếu Cảnh, Phu làm đến thừa tướng nước Đại. Khi Hiếu Cảnh mất, Kim Thượng (1) mới lên ngôi cho rằng Hoài Dương là nơi then chốt trong thiên hạ ; quân mạnh tụ tập ở đấy, nên cho Quán Phu đến làm thái thú Hoài Dương. Năm thứ nhất niên hiệu Kiến Nguyên, Phu về kinh làm thái bộc. Năm thứ hai, Phu uống rượu ở cung Trường Lạc với vệ úy là Đậu Phủ, hai người cãi nhau không ai chịu ai. Phu say, đánh Phủ — Phủ là hàng em của Đậu Thái Hậu. Nhà vua sợ thái hậu giết Phu nên dời Phu đi làm thừa tướng nước Yên. Được mấy năm, phạm lỗi, bỏ quan về, nhà ở Trường An.

Quán Phu là người cương trực, uống rượu say thì hung hăng, không thích người ta nịnh ở trước mặt. Đối với những người bên ngoại nhà vua, có thế lực hơn mình, không muốn dùng lễ đối xử với mình thì thế nào Phu cũng tranh hơn với họ ; trái lại đối với những kẻ

1 Chỉ Vũ Đế. Khi tác giả viết Vũ Đế vẫn còn sống nên gọi là Kim Thượng.

sĩ kém mình thì càng nghèo hèn Phu càng kính trọng, coi ngang hàng. Ở nơi tụ tập đông người, Phu tiến cử những người hậu bối. Kẻ sĩ cũng vì vậy khen ngợi ông ta.

Tính Phu không thích văn học, thích nghĩa hiệp. Một khi đã ừ với ai thì nhất định làm. Những người Phu đi lại toàn là hàng hào kiệt hay những bọn đại gian, đại ác. Nhà Phu giàu có đến mấy ngàn lạng vàng, khách ăn mỗi ngày ngót trăm người. Họ hàng khách khứa cướp đoạt ruộng vườn, ao hồ, đê đập, tranh quyền giành lợi cho mình, hoành hành ở Dĩnh Xuyên. Trẻ con ở Dĩnh Xuyên có bài hát : « Nước Dĩnh Xuyên trong, họ Quán được vinh ; nước Dĩnh Xuyên đục, họ Quán bị giết cả gia tộc ».

Tuy Quán Phu nhà giàu nhưng vì mất thế lực nên các quan khanh, tướng, thị trung, khách khứa ngày càng ít đến chơi. Đến khi thất thế, Ngụy Kỳ Hầu cũng muốn dựa vào Quán Phu để che chở cho nhau và gạt bỏ những người trước kia hâm mộ nhưng sau bỏ mình. Quán Phu cũng dựa vào Ngụy Kỳ để được đi lại với các liệt hầu, tôn thất, đặng đề cao danh tiếng của mình. Hai người nâng đỡ nhau, tôn trọng nhau, chơi với nhau như cha với con rất là vui vẻ, không lúc nào chán, chỉ tiếc biết nhau quá muộn.

Quán Phu có tang, qua nhà thừa tướng. Thừa tướng ung dung nói :

— Ta muốn cùng Trọng Nhụ (1) sang nhà Ngụy Kỳ Hầu nhưng Trọng Nhụ lại có tang.

Quán Phu nói :

— Tướng quân hạ cố đến thăm Ngụy Kỳ Hầu, thì Phu này đâu dám vì chuyện có tang mà từ chối. Tôi xin

1. Tên tự Quán Phu.

nói lại với Ngụy Kỳ Hầu chuẩn bị rượu thịt, tướng quân sáng mai sẽ đến.

Vũ An bằng lòng. Quán Phú nói lại với Ngụy Kỳ Hầu tất cả những điều Vũ An Hầu đã nói. Ngụy Kỳ cùng vợ mua thêm rượu thịt ban đêm quét tước, dậy sớm sắp đặt cho đến sáng. Từ tảng sáng đã sai đầy tớ đứng chực ở ngoài cửa. Mãi đến trưa thừa tướng vẫn không đến. Ngụy Kỳ nói với Quán Phu :

— Thừa tướng quên hay sao ?

Quán Phu bực mình nói :

— Phu xin không ngại có tang phục đến mời, thế nào ông ta cũng đến.

Phu bèn lên xe ngựa, thân hành đến đón thừa tướng. Trước đấy thừa tướng chỉ nói đùa với Quán Phu thôi chứ thực ra không có ý đến. Khi Quán Phu đến cửa, thừa tướng còn nằm trên giường. Quán Phu bèn vào gặp mặt, nói :

— Hôm qua tướng quân có hứa đến nhà Ngụy Kỳ, vợ chuẩn bị thức ăn đợi từ sáng đến giờ chưa dám ăn.

Vũ An kinh ngạc xin lỗi :

— Hôm qua tôi say quên mất những điều đã nói với Trọng Nhụ.

Bèn lên xe đi, nhưng lại đi chậm rãi, Quán Phu lại càng nổi giận. Đến khi uống rượu say, Quán Phu đứng dậy, múa, mời thừa tướng múa. Thừa tướng không đứng dậy, Quán Phu ngồi nói xúc phạm thừa tướng. Ngụy Kỳ bèn đỡ Quán Phu đưa đi nơi khác xin lỗi với thừa tướng. Thừa tướng uống mãi đến đêm rất vui rồi trở về (1).

1. Kể lại một trường hợp hai người tâng bốc nhau.

Có lần thừa tướng sai Tịch Phúc xin Nguỵ Kỳ ruộng ở phía nam thành, Nguỵ Kỳ cả giận nói :

— Già này tuy bị bỏ rơi, tướng quân được tôn quý, nhưng làm sao có thể lấy thế lực để cướp của tôi.

Nguỵ Kỳ không cho. Quán Phu nghe nói nổi giận mắng Tịch Phúc. Tịch Phúc không muốn hai người sinh hiềm khích, nên dùng lời lẽ khôn khéo để xin lỗi thừa tướng, nói :

— Nguỵ Kỳ già sắp chết xin chịu khó đợi một chút.

Sau đó Vũ An nghe nói Nguỵ Kỳ và Quán Phu giận không đưa ruộng cho mình, cũng nổi giận, nói :

— Con Nguỵ Kỳ có lần giết người. Phân này cứu cho nó sống. Xưa Phân thờ Nguỵ Kỳ, Nguỵ Kỳ muốn gì cũng được, ông ta còn tiếc mấy đám ruộng sao ? Còn Quán Phu thì can dự gì vào việc này ! Thôi ta chẳng dám xin ruộng nữa đâu (1).

Vì vậy Vũ An rất oán Nguỵ Kỳ, Quán Phu.

Mùa xuân, năm thứ tư, niên hiệu Nguyên Quang (năm 131 trước công nguyên) thừa tướng nói :

— Quán Phu nhà ở Dĩnh Xuyên hoành hành dữ quá, dân khổ vì ông ta, xin làm án.

Nhà vua nói :

— Đó là việc của thừa tướng, còn xin làm gì ?

Quán Phu cũng lượm lặt những việc kín của thừa tướng dùng thủ đoạn gian xảo để mưu lợi, lấy vàng của Hoài Nam Vương (2) và những lời nói bí mật của ông ta. Tân khách hai nhà can ngăn hai người mới thôi, oán thù mới tạm được cởi.

1. Nói dối.
2. Hoài Nam Vương tên Lưu An, tác giả bộ *Hoài Nam Tử*, mưu phản bị lộ, tự sát.

Mùa hạ, thừa tướng lấy con gái của Yên Vương làm phu nhân, có chiếu của thái hậu mời liệt hầu tôn thất đến mừng. Nguỵ Kỳ Hầu ghé qua nhà Quán Phu, muốn rủ ông ta cùng đi mừng. Quán Phu từ chối nói :

— Phu mấy lần say rượu có lỗi với thừa tướng. Thừa tướng bây giờ lại có hiềm khích với Phu.

Nguỵ Kỳ nói :

— Việc đó đã xong rồi.

Bèn ép Phu cùng đi. Đến khi uống rượu say, Vũ An đứng dậy làm lễ chúc thọ, tất cả cử tọa đều rời khỏi chiếu sụp xuống lạy. Đến khi Nguỵ Kỳ chúc thọ thì chỉ có những người quen cũ rời khỏi chiếu mà thôi, còn thì chỉ quỳ một chân ở trên chiếu. Quán Phu không bằng lòng, đứng dậy mời rượu đến trước mặt Vũ An. Vũ An quỳ trên chiếu nói :

— Tôi không uống hết được chén rượu.

Phu nổi giận cười lạt mà rằng :

— Tướng quân là bậc tôn quý, xin uống cạn chén.

Bấy giờ Vũ An không chịu, Phu cầm rượu đến trước mặt Lâm Nhữ Hầu. Lúc này Lâm Nhữ Hầu đang ghé tai nói chuyện với Trình Bất Thức, lại không rời khỏi chiếu. Phu không biết trút giận dữ của mình lên đầu ai, bèn mắng Lâm Nhữ Hầu :

— Ông thường ngày gièm Trình Bất Thức, cho ông ta không đáng một đồng tiền, thế mà hôm nay có người trưởng giả chúc thọ, ông lại bắt chước bọn nhi nữ, nói thì thầm bên tai như vậy à ?

Vũ An bảo Quán Phu :

— Ông Trình và ông Lý (1) người làm vệ úy của đông cung, người làm vệ úy của tây cung. Nay ông Trọng

1. Lý Quảng, xem *Lý tướng quân liệt truyện*.

Nhụ làm nhục Trình tướng quân trước mặt mọi người, thế ông Trọng Nhụ không nể mặt Lý tướng quân hay sao?

Quán Phu nói:

— Hôm nay chém đầu, đâm vào bụng còn biết gì Trình với Lý nữa (1).

Khách khứa đứng dậy giả vờ đi đồng dần dần đi ra.

Nguỵ Kỳ Hầu vẫy tay bảo Quán Phu ra. Vũ An nổi giận, nói:

— Đó là tội của ta làm cho Quán Phu càng kiêu ngạo.

Bèn ra lệnh cho quân kỵ giữ Quán Phu lại. Quán Phu muốn ra không được. Tịch Phúc đứng dậy xin lỗi để cổ Quán Phu, bảo tạ lỗi. Quán Phu càng nổi giận, không chịu xin lỗi. Vũ An bèn vây quân kỵ, trói Phu để ở nhà khách xá, gọi người trưởng sử vào mà bảo:

— Hôm nay có chiếu triệu tập những người tôn thất đến, Quán Phu mắng nhiếc tân khách, phạm tội bất kính (1) trói ở nhà cự thất.

Vũ An bèn xét những việc làm từ trước, sai quan lại chia nhau đuổi bắt, họ hàng họ Quán, đều bị tội chém ở chợ. Nguỵ Kỳ Hầu xấu hổ, xuất tiền của, nhờ tân khách xin hộ, nhưng không ai làm sao được. Các quan lại của Vũ An đều là tay chân của ông ta, họ Quán đều trốn tránh, Quán Phu đã bị trói cho nên không làm sao tố giác những điều mờ ám của Vũ An.

Nguỵ Kỳ liều mình tìm cách cứu Quán Phu, vợ can Nguỵ Kỳ:

1. Ý nói: hôm nay ai phạm vào ta thì ta liều chết đánh lại, cứ gì Trình với Lý. Câu này ám chỉ thừa tướng.

2. Có chiếu thái hậu triệu tập những người tôn thất. Quán Phu mắng khách tức là phạm tội bất kính. Phạm tội ấy là bị chém.

— Quán tướng quân có tội với thừa tướng, chống lại gia đình của thái hậu còn cứu làm sao được.

Nguỵ Kỳ Hầu nói:

— Tước hầu là do ta mà có được, nếu tự ta bỏ nó đi thì cũng không tiếc gì. Vả chăng ta quyết không thể nào để cho Quán Trọng Nhụ chết một mình còn anh này sống sót.

Bèn giấu người nhà, ngầm viết thư dâng lên nhà vua. Nhà vua liền gọi vào, Nguỵ Kỳ kể lại đầu đuôi việc Quán Phu say rượu có lỗi, tội không đáng chết. Nhà vua cho là phải, cho Nguỵ Kỳ ăn và nói:

— Đến Đông Cung biện luận trước đình thần.

Nguỵ Kỳ đến Đông Cung hết sức ca ngợi Quán Phu là người tốt, nói ông ta say rượu có lỗi, nhưng thừa tướng lại lấy những việc khác vu cáo bắt tội ông ta, Vũ An lại ra sức gièm pha Quán Phu làm những điều ngang ngược, phạm tội phản nghịch vô đạo, Nguỵ Kỳ xem chừng không biết làm sao bèn nói những khuyết điểm của thừa tướng.

Vũ An nói:

— Thiên hạ may mắn được an ninh vô sự. Phần nhờ là chỗ thân thích làm thừa tướng. Điều tôi thích chỉ là âm nhạc, chó ngựa, ruộng vườn, nhà cửa mà thôi. Điều tôi yêu chỉ là những người hát xướng và bọn thợ khéo, chứ không phải như Nguỵ Kỳ, Quán Phu, ngày đêm chiêu tập bọn hào kiệt, tráng sĩ trong thiên hạ cùng nhau bàn bạc, trong lòng âm thầm phỉ báng triều đình, không nhìn lên trời mà cúi đầu vạch dưới đất, chỉ chực chờ hai cung có hiềm khích, mong mỏi thiên hạ có biến

động để lập công lớn. Thần không hiểu bọn Nguỵ Kỳ làm cái gì (1).

Nhà vua bèn hỏi triều thần:

— Trong hai người ai phải?

Ngự sử đại phu Hàn An Quốc, nói:

— Nguỵ Kỳ nói: «Cha Quán Phu chết, Quán Phu thân mang giáo phi vào trong chỗ quân Ngô bất trắc, mình bị mấy mươi vết thương, nổi tiếng trong ba quân là bậc tráng sĩ trong thiên hạ, không phạm điều gian ác lớn, việc tranh nhau chén rượu không đủ khiến người ta dẫn ra những sai lầm khác để giết». Điều Nguỵ Kỳ nói là đúng. Thừa tướng nói: «Quán Phu đi lại với bọn gian ác, xâm phạm dân lành, nhà giàu hàng trăm triệu, hoành hành ngang ngược ở Dĩnh Xuyên, lấn át tôn thất, xâm phạm đến những người trong cốt nhục, tức là như người ta nói «cành lớn hơn gốc; bắp chân lớn hơn vế, không chặt thì sẽ sinh họa». Lời nói ấy của thừa tướng cũng đúng. Xin hoàng thượng xét.

Cấp Ẩm (2) làm chủ tước đô úy cho Nguỵ Kỳ là phải, Trịnh Đương Thời làm nội sử cho Nguỵ Kỳ là phải, song không dám mạnh bạo nói điều mình chủ trương. Còn những người khác không ai dám nói. Nhà vua giận nội sử (3) nói:

— Nhà ngươi hàng ngày thường nói việc hay dở của Nguỵ Kỳ, Vũ An, thế mà hôm nay triều đình bàn bạc thì cứ lúng ta lúng túng như con ngựa bị buộc vào cỗ xe, ta chém luôn tất cả bọn ngươi bây giờ.

1. Ám chỉ lập phe đảng, coi thường thái hậu và hoàng đế chờ cơ hội làm phản.

2 Xem *Cấp Ẩm liệt truyện*.

3. Chỉ Trịnh Đương Thời.

Nhà vua liền bãi triều đứng dậy đi vào hầu cơm bên cạnh thái hậu. Thái hậu cũng sai người đi rình, rồi về kể lại tất cả cho thái hậu biết. Thái hậu nổi giận không ăn, nói:

— Nay ta còn sống thế mà người ta đều lấn át em của ta, khi ta trăm tuổi rồi thì họ ăn thịt nó mất. Nhà vua há phải là gỗ đá hay sao? Hiện nay nhà vua đang còn ở đấy thì bọn kia chỉ biết phụ họa, nhưng một khi trăm tuổi rồi thì hỏi có nhờ được bọn họ không?

Nhà vua xin lỗi, nói:

— Họ đều là người bên ngoại cho nên bàn bạc ở triều đình. Nếu không thì đó là việc của một viên lại coi ngục quyết định thôi.

Bấy giờ Thạch Kiến làm lang trung lệnh trình bày cho nhà vua biết nguyên nhân sinh xích mích giữa hai người.

Sau khi bãi triều, Vũ An dừng lại ở cửa Chỉ Xa (1) gọi Hàn ngự sử đại phu lên cùng ngồi, giận dữ nói:

— Trường Nhụ đối phó với một thằng trọc già (2) làm gì mà phải rụt rè nhút nhát nói nước đôi như vậy?

Hàn ngự sử thở dài hồi lâu bảo thừa tướng:

— Sao mà ngài không tự trọng? Nguỵ Kỳ chỉ thích ngài, thì đáng lý ngài phải cất mũ, cởi dải ấn, xin về nói: «Tôi là chỗ thân thích may được giữ chức vụ này, chứ thực ra không đủ năng lực. Điều Nguỵ Kỳ nói đều đúng cả». Như vậy thế nào nhà vua cũng khen ngài khiêm nhượng, mà không truất ngài. Nguỵ Kỳ trong lòng thế nào cũng xấu hổ về nhà đóng cửa cắn lưỡi mà tự sát. Bây giờ người ta chỉ trích ngài, ngài cũng chỉ trích

1. Cửa ngoài của cung cấm.

2. Trường Nhụ là tên tự của Hàn An Quốc, thằng trọc già chỉ Đậu Anh.

người ta như bọn đàn bà con nít buôn bán cãi cọ nhau, sao mà ngài không biết đại thể đến thế ?

Vũ An xin lỗi nói :

— Lúc cãi nhau gấp quá không nghĩ đến điều đó.

Nhà vua bèn sai ngự sử căn cứ vào sổ sách chép tội trạng đối chiếu với những lời Nguỵ Kỳ khen Quán Phu, thấy có nhiều chỗ không phù hợp, cho là Nguỵ Kỳ lừa dối vua nên bỏ tù ở trong ngục đô tư không. Thời Hiếu Cảnh, Nguỵ Kỳ đã từng được di chiếu (1) nói : « Nếu có việc gì không lợi thì có thể tùy tiện tâu lên nhà vua». Đến khi mắc vào vụ Quán Phu, tội đến bị giết cả họ, việc ngày càng gấp, các quan không ai dám nói với nhà vua nữa. Nguỵ Kỳ bèn sai người cháu dâng thư nói may gì được yết kiến lần nữa. Thư tâu lên nhưng ở trong cung không có di chiếu, chiếu thư chỉ cất riêng ở nhà Nguỵ Kỳ, lại niêm phong bằng ấn của Nguỵ Kỳ là bậc gia thần. Các quan bèn khép Nguỵ Kỳ vào tội giả mạo chiếu của tiên đế, tội này bị chém giữa chợ. Tháng mười, năm thứ năm (— 132 trước công nguyên) xét tất cả Quán Phu và người nhà. Nguỵ Kỳ mãi về sau mới nghe tin. Khi nghe tin nổi giận. Mắc bệnh trúng phong không ăn, muốn chết. Nghe nói nhà vua không có ý muốn giết Nguỵ Kỳ, Nguỵ Kỳ lại ăn, khỏi bệnh. Quả nhiên lệnh ban xuống không khép Nguỵ Kỳ vào tội chết. Nhưng có lời đồn đại nói xấu lên đến tai nhà vua (2) cho nên ngày cuối tháng mười hai, bị khép vào tội chém giữa chợ Vị Thành.

Mùa xuân năm ấy Vũ An Hầu mắc bệnh cứ một mực gào xin tha tội. Sai thầy bói nhìn quỷ xem quỷ là

1. Chiếu của Cảnh Đế trao cho trước khi chết.
2. Điền Phân phao rằng Nguỵ Kỳ phỉ báng nhà vua.

ai thì thấy Nguỵ Kỳ cùng Quán Phu giữ lấy ông ta muốn giết ông ta. Vũ An chết, con là Điềm tập tước. Năm thứ ba niên hiệu Nguyên Sóc (năm 126 trước công nguyên). Vũ An Hầu phạm tội mặc áo cụt vào cung bị khép vào tội bất kính.

Việc Hoài Nam Vương là An mưu phản tiết lộ bị trừng trị. Trong triều trước, Hoài Nam Vương vào chầu, Vũ An Hầu làm thái úy đón Hoài Nam Vương ở Bái Thượng bảo Hoài Nam Vương :

— Nhà vua chưa có thái tử, đại vương là người hiền nhất lại là cháu của Cao Tổ ; nếu như nhà vua băng hà, đại vương không được lập thì còn ai được lập nữa ?

Hoài Nam Vương cả mừng đưa cho Vũ An Hầu vàng và lễ vật. Sau vụ Nguỵ Kỳ, nhà vua không cho Vũ An Hầu là phải, chỉ vì có thái hậu mà thôi. Đến khi nghe việc Hoài Nam Vương đút vàng, nhà vua nói :

— Nếu Vũ An Hầu còn sống thì giết cả họ.

4. Thái Sử Công nói :

Nguỵ Kỳ, Vũ An đều là người bên ngoại nhà vua mà được trọng vọng, Quán Phu nhờ quyết tâm nhất thời mà được nổi danh. Nguỵ Kỳ nhờ việc trấn áp Ngô, Sở mà được nổi lên. Vũ An được quý trọng chỉ trong phạm vi ngày tháng. Nhưng Nguỵ Kỳ thực không biết thay đổi theo thời thế, Quán Phu vô học lại bướng bỉnh ngang ngược, hai người nâng đỡ cho nhau, gây nên tai họa. Vũ An ỷ thế, muốn cậy quyền chỉ vì chén rượu mà oán giận hãm hại hai người hiền. Ô hô ! Thương thay ! Làm hại người khác thì mạng của mình không được dài (1). Mọi người không yêu (2) kết quả mang tiếng ác. Ô hô ! Thương thay !

1. Chỉ Điền Phân.
2. Chỉ Quán Phu.

LÝ TƯỚNG QUÂN LIỆT TRUYỆN

1. TƯỚNG quân Lý Quảng là người huyện Thành Kỷ đất Lũng Tây. Tổ tiên là Lý Tín đời Tần làm tướng đuổi bắt được thái tử Đan nước Yên. Trước đấy ở Hòe Lý, sau dời đến huyện Thành Kỷ. Nhà Quảng đời đời học bắn cung.

Năm thứ mười bốn đời Hiếu Văn Đế (166 trước công nguyên), người Hung Nô đem đại quân vào đánh Tiêu Quan, Quảng lấy tư cách con nhà lương thiện tòng quân đánh quân Hồ, nhờ giỏi cưỡi ngựa bắn cung, chém được nhiều đầu giặc, bắt được nhiều giặc nên được làm chức trung lang đời Hán (1). Em họ của Quảng là Lý Thái cũng làm quan lang. Hai người đều được thăng từ chức trung lang lên làm võ kỵ thường thị (2), lương tám trăm hộc. Quảng thường theo nhà vua đi chơi, đã nhiều lần xung phong hãm trận bẻ được cửa quan bắt được thú dữ. Vua Hiếu Văn nói:

— Tiếc thay, ngươi không gặp thời! Nếu ngươi sinh thời Cao Đế thì làm chức Vạn Hộ Hầu chẳng cần phải nói.

1. Chức quan nhỏ lương 600 thạch lo việc canh phòng ban đêm trong cung cấm.

2. Chức quan đi theo nhà vua để hộ vệ.

Đến khi Hiếu Cảnh mới lên ngôi, Quảng làm đô úy (1) quận Lũng Tây, dời làm kỵ lang tướng. Lúc Ngô, Sở (2) đem binh nổi dậy Quảng làm phiêu kỵ đô úy, theo thái úy là Á Phu đánh quân Ngô, quân Sở, giật được cờ, nổi danh ở gần Xương Ấp. Vì Lương Vương trao cho Quảng ấn (3) tướng quân, nên lúc Quảng trở về không được thưởng, đổi sang làm thái thú quận Thượng Cốc. Hàng ngày Hung Nô đến giao chiến, Công Tôn Hồn Da làm điển thuộc quốc (4) khóc tâu lên vua:

— Tài năng và dũng khí của Lý Quảng, trong thiên hạ không có hai, nhưng tự phụ mình giỏi, đánh nhau nhiều lần với giặc sợ chết mất.

Vua bèn đổi Quảng làm thái thú Thượng Quận. Sau đó Quảng sang làm thái thú ở các quận thuộc biên giới rồi chuyển đến Thượng Quận. Quảng đã từng làm thái thú Lũng Tây, Bắc Địa, Nhạn Môn, Đại Quận, Vân Trung (5) đều nổi tiếng đánh hăng.

Hung Nô đem đại binh vào Thượng Quận, nhà vua sai trung quý nhân (6) theo Quảng tập dượt binh lính để đánh Hung Nô. Trung quý nhân đem mấy chục quân kỵ xông vào quân địch, thấy ba người Hung Nô, giao

1. Chức quan lương 2.000 thạch cai quản binh sĩ một quận

2. Ngô và Sở làm phản.

3. Quảng là người tướng Hán vì có công khi đánh trận ở Lương nên Lương Hiếu Vương trao cho ấn tướng quân và thế là vi phạm pháp lệnh của Hán.

4. Công Tôn là họ, Hồn Da là tên, điển thuộc quốc là chức quan ngoại giao trông coi các bộ lạc đã đầu hàng nhà Hán.

5. Giải thích câu: ở các quận biên giới. Những quận này đều ở biên giới.

6. Trung quý nhân chức hoạn quan không rõ tên họ.

chiến. Ba người kia quay lại bắn trung quý nhân bị thương, giết gần hết các quân kỵ. Trung quý nhân chạy về gặp Quảng. Quảng nói :

— Đó chắc là bọn săn chim điêu.

Quảng bèn đem một trăm quân kỵ đuổi theo ba người. Ba người bỏ ngựa đi bộ, đi được mấy mươi dặm, Quảng sai quân kỵ của mình dàn ra hai cánh tả hữu còn Quảng thân hành bắn ba người kia, giết chết hai người, bắt sống một người thì đúng là bọn Hung Nô săn chim điêu. Sau khi đã trói y đem lên ngựa, nhìn xa thấy có mấy nghìn quân Hung Nô. Họ thấy Quảng cho là quân kỵ ra để dụ quân địch đánh nên lên núi bày trận (1). Một trăm quân kỵ của Quảng đều cả sợ muốn ruỗi chạy về. Quảng nói :

— Chúng ta cách đại quân mấy mươi dặm, nay nếu một trăm quân kỵ này bỏ chạy, bọn Hung Nô đuổi theo bắn thì ta chết hết. Nếu ta ở lại, Hung Nô thế nào cũng cho rằng ta ra dụ địch cho đại quân, chúng sẽ không dám đánh chúng ta.

Quảng ra lệnh cho quân kỵ :

— Tiến !

Tiến đến cách trận địa của Hung Nô hai dặm, bèn dừng lại, ra lệnh :

— Tất cả xuống ngựa cởi yên !

Quân kỵ nói :

— Quân giặc đã đông lại gần, nếu có việc gấp thì làm thế nào ?

Quảng nói :

1. Đề phòng việc bất trắc.

— Giặc kia cho rằng chúng ta bỏ chạy. Nay chúng ta đều cởi yên tỏ rằng không chạy để cho chúng càng tin chúng ta khiêu khích.

Vì thế quân Hồ không dám đánh.

Có viên tướng cưỡi ngựa trắng ra chỉ huy quân sĩ. Lý Quảng lên ngựa cùng hơn mười quân kỵ, xông ra bắn chết viên tướng Hồ cưỡi ngựa trắng, rồi lại trở về, vào giữa đám quân kỵ. Quảng cởi yên, ra lệnh cho quân lính đều thả ngựa mà nằm. Khi ấy trời chiều, quân Hồ vẫn lấy làm lạ không dám đánh. Lúc nửa đêm, quân Hồ cũng cho là Hán có phục binh ở bên cạnh, muốn đang đêm sang đánh họ, nên tướng Hồ rút quân đi. Sáng rõ, Lý Quảng về với đại quân của mình vì đại quân không biết Quảng đi đâu nên không theo tiếp ứng (1).

2. Mãi về sau, Hiếu Cảnh mất, Vũ Đế lên ngôi. Những người xung quanh nhà vua cho Quảng là bậc danh tướng, nên Quảng được làm thái thú Thượng Quận, được cất làm vệ úy cung Vị Ương, còn Trình Bất Thức thì làm vệ úy cung Trường Lạc.

Trình Bất Thức cùng Lý Quảng đều là thái thú ở ngoài biên, kiêm việc cai quản quân đồn trú. Khi ra đánh quân Hồ, quân của Quảng không chia ra bộ, ngũ (2) không bày thành thế trận ; đóng đồn gần những nơi sẵn nước, sẵn cỏ, ai nấy đều cho là tiện ; đêm không đánh cồng để tự vệ ; trong quân doanh giảm giấy tờ, sổ sách. Quảng có khi đi xa cách quân canh gác nhưng cũng chưa hề bị hại. Trình Bất Thức thì trong quân

1. Đoạn 1 : Những chiến công của Lý Quảng khi còn trẻ.
2. Các đơn vị từ lớn đến nhỏ.

chia ra bộ, khúc, hàng ngũ ; đóng dinh, bày trận phân minh ; đêm đánh cồng ; các viên lại coi sổ sách quân lính rất rõ ràng. Lính không được nghỉ ngơi. Thế nhưng cũng chưa hề bị hại. Bất Thức nói :

— Cách chỉ huy quân của Lý Quảng rất là giản dị, nhưng nếu quân địch đột nhiên phạm vào, thì không lấy gì chống lại. Có điều quân lính họ sung sướng, thoải mái đều vui lòng chết cho tướng. Quân của ta tuy phiền nhiễu, nhưng quân địch không phạm nổi ta.

Bấy giờ Lý Quảng, Trình Bất Thức đều là những danh tướng ở ngoài biên quận nhà Hán. Nhưng Hung Nô sợ mưu lược của Lý Quảng, quân lính cũng phần nhiều vui lòng theo Lý Quảng mà khổ sở với Trình Bất Thức.

Trong đời vua Hiếu Cảnh, Trình Bất Thức hay đem lời thẳng can gián, được làm thái trung đại phu. Trình là người thanh liêm cẩn thận về mặt giấy tờ và pháp lệnh.

Về sau, Hán đem thành Mã Ấp dụ Thiền Vu sai đại quân nấp ở các hang bên huyện Mã Ấp còn Quảng thì làm Phiêu Kỵ tướng quân dưới quyền Hộ Quân tướng quân (1). Nhưng khi ấy Thiền Vu biết mưu, bỏ đi, quân Hán đến, không lập nên công cán gì.

Sau đó bốn năm. Quảng từ chức vệ úy được phong làm tướng, ra ải Nhạn Môn đánh Hung Nô. Quân Hung Nô nhiều quá đánh vỡ quân Quảng, bắt sống được

1. Năm 133 Nhiếp Nhất bày mưu cho Vũ Đế. Nhất trốn sang Hung Nô nói với Thiền Vu : " Tôi có thể khiến quan huyện Mã Ấp, đem cả thành đầu hàng ". Vua Hung Nô đem 10 vạn quân vào biên giới.

2. Lúc bấy giờ Hàn An quốc làm Hộ Quân Tướng Quân chỉ huy Quảng.

Quảng. Thiền Vu vốn nghe tiếng Quảng giỏi, ra lệnh rằng :

— Bắt Lý Quảng phải bắt sống mà nộp !

Quân kỵ của Hồ bắt được Quảng. Quảng bấy giờ bị thương. Chúng đặt Quảng vào giữa hai con ngựa, ràng dây để đặt Quảng nằm. Đi hơn mười dặm, Quảng giả vờ chết, liếc coi bên cạnh có một tên Hồ cưỡi con ngựa hay. Quảng liền nhảy tót lên ngựa của tên Hồ, đẩy nó xuống, lấy cung của nó, quất ngựa dóng về phương nam vài mươi dặm, lại tìm được đám quân còn sót của mình, nhân đem quân vào trong cửa ải. Bọn quân kỵ Hung Nô bắt Quảng gồm có vài trăm, cùng đuổi theo Quảng. Quảng vừa chạy vừa lấy cung của tên Hồ bắn các quân kỵ đuổi theo vì thế được thoát.

Đến khi về kinh thành, nhà Hán giao Quảng cho các quan xét tội. Các quan cho rằng số người và ngựa của Quảng chết và lạc mất nhiều, Quảng đã bị giặc bắt sống (1) kết án chém. Nhờ đem tiền chuộc nên được làm dân thường.

Sau đó, Quảng ở nhà mấy năm. Nhà Quảng gần nhà cháu Đình Âm Hầu (2) xưa. Hai người đều rút lui về ở nhà quê, trong núi Nam Sơn huyện Lam Điền, thường cùng nhau vào trong núi săn bắn. Thường đêm đem theo một người cưỡi ngựa, uống rượu với người ta ở giữa đồng. Khi về đến đình Bá Lăng, viên úy Bá Lăng say, quát Quảng dừng lại. Người cưỡi ngựa theo Quảng nói :

— Lý Tướng Quân hồi trước đấy mà !

Viên úy nói :

1. Cách xét xử lạ đời.
2. Đình [illegible] Hầu là Quán Anh.

— Tướng quân hồi này cũng còn không được phép đi đêm nữa là tướng quân hồi trước.

Y giữ Quảng ngủ lại dưới đình.

Được ít lâu, Hung Nô kéo vào giết quan thái thú Liêu Tây, đánh bại Hàn Tướng Quân. Hàn Tướng Quân đổi đi Hữu Bắc Bình. Vì thế nhà vua gọi Quảng cho làm thái thú Hữu Bắc Bình. Quảng liền xin cho viên úy Bá Lăng cùng đi, khi y tới quân Quảng sai chém chết!

Quảng ở Hữu Bắc Bình, Hung Nô nghe tin gọi là «viên tướng bay của Hán» lánh mặt mấy năm không dám đến. Quảng ra đi săn, thấy tảng đá ở trong cỏ, cho là con hổ, liền bắn trúng, ngập hẳn mũi tên! Nhìn lại thì là tảng đá. Nhân lại bắn, nhưng không sao cắm vào đá được nữa!

Quận Quảng ở, nghe nói có hổ, Quảng thường thân hành bắn hổ. Đến khi ở Hữu Bắc Bình bắn hổ, hổ vồ Quảng bị thương. Nhưng cuối cùng Quảng cũng bắn chết được hổ.

Tính Quảng thanh liêm, được tiền thưởng là chia ngay cho người dưới. Ăn uống chung với quân lính. Trọn đời Quảng làm chức quan ăn hai nghìn hộc lương hơn bốn mươi năm nhưng nhà không có của cải thừa. Quảng cũng không dám nghĩ đến chuyện gia sản.

Quảng là người cao lớn, tay dài như tay vượn, khéo bắn cũng là tính trời. Con cháu của Quảng hay người khác tập bắn, không ai bằng Quảng.

Quảng nói năng vụng, ít nói. Ở với ai thì vẽ đất làm trận, thi bắn rộng, hẹp, phạt người thua uống rượu. Cho đến lúc chết, chỉ độc tiêu khiển bằng cách bắn cung.

Khi đem quân đi, đến những nơi thiếu thốn, trông thấy nước, quân lính chưa uống hết lượt thì Quảng

không gần nước; quân lính chưa ăn hết lượt thì Quảng không bao giờ ăn. Quảng rộng rãi không hà khắc, vì thế quân lính đều yêu mến, vui lòng theo.

Lối bắn của Quảng như sau: thấy giặc đến gấp, nhưng nếu không ở trong tầm vài mươi bước, liệu không trúng thì không bắn. Đã bắn thì địch phải chết lăn ngay dưới tiếng dây cung! Vì cách bắn ấy (1) nên khi đem quân thường bị bao vây, làm nguy khốn; khi bắn thú dữ cũng bị chúng vồ bị thương (2).

3. Ít lâu sau, Thạch Kiến mất, nhà vua bèn triệu Quảng làm lang trung lệnh thay Kiến.

Năm thứ sáu niên hiệu Nguyên Sóc (122 trước công nguyên), Quảng lại làm hậu tướng quân theo đại tướng quân đem quân ra Định Tương đánh Hung Nô. Các tướng phần nhiều chém được đầu giặc đủ số quy định theo công lao được phong hầu, riêng quân của Quảng là không lập được công.

Sau đó bốn năm, Quảng lĩnh chức lang trung lệnh đem bốn nghìn quân kỵ ra Hữu Bắc Bình. Bác Vọng Hầu là Trương Khiên đem một vạn quân kỵ cùng đi với Quảng nhưng khác đường. Đi được độ vài trăm dặm, Tả Hiền Vương (3) của Hung Nô đem bốn vạn quân kỵ vây Quảng. Quân lính Quảng đều hoảng sợ. Quảng bèn sai con là Cảm cưỡi ngựa xông ra đánh. Cảm chỉ

---

1. Vì bắn ít.

2. Đoạn 2: Miêu tả tỉ mỉ tính cách, lối sống và cái tài bắn cung của Quảng.

3 Chức quan thống lĩnh quân đội Hung Nô.

đem theo vài chục quân kỵ xông thẳng qua vòng quân kỵ của Hồ bao vây theo phía tả, phía hữu mà về, thưa với Quảng rằng :

— Giặc Hồ dễ đối phó thôi !

Quân sĩ mới yên lòng. Quảng bày trận thành vòng tròn quay ra phía ngoài. Quân Hồ đánh gấp, tên bắn như mưa, quân bên Hán chết quá nửa, mà tên bên Hán thì gần hết. Quảng bèn ra lệnh cho quân cứ dương cung chứ đừng bắn. Rồi Quảng thân cầm nỏ đại hoàng bắn các tùy tướng của giặc, giết được vài người, quân Hồ càng nản. Gặp trời chiều tướng sĩ không còn máu mặt, mà Quảng ý khí vẫn như thường, đánh càng hăng. Trong quân từ đó phục Quảng là người can đảm.

Hôm sau, lại ra sức đánh, rồi quân của Bác Vọng Hầu cũng đến. Quân Hung Nô bèn giải vây rút lui. Quân Hán mệt không sao đuổi được. Khi ấy, quân của Quảng mất gần hết phải bãi binh trở về. Theo phép nhà Hán, Bác Vọng Hầu dùng dằng đến sau ngày hẹn, tội đáng chém, nhưng cho chuộc tội làm dân. Còn quân của Quảng công và tội ngang nhau cũng không được thưởng.

Trước đấy, Quảng cùng em họ là Lý Thái thờ vua Hiếu Văn. Đời Cảnh Đế, Thái lập nhiều công, lương được đến hai nghìn hộc. Đời Hiếu Vũ Đế, Thái làm tướng quốc nước Đại. Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Sóc (124 trước công nguyên), Thái làm Khinh Xa tướng quân, theo đại tướng quân đánh Hữu Hiền Vương, có công (1) được phong làm Lạc An Hầu. Năm Nguyên Thú thứ hai, Thái thay Công Tôn Hoằng làm thừa tướng.

1. Nguyên văn " trúng suất " tức là giết đủ số thủ cấp theo quy định. Đời Vũ Đế không có quân công thì không được phong hầu.

Thái là người vào bậc kém (1), danh tiếng kém Quảng xa. Vậy mà Quảng không được tước, phong ấp, làm quan chẳng qua đến bực cửu khanh. Còn Thái thì được phong hầu, địa vị lên đến tam công ! Ngay đến các quân lại, lính tráng dưới quyền Quảng, cũng có người được phong hầu. Một hôm Quảng nói đùa với người xem thiên văn là Vương Sóc (2) rằng :

— Từ khi Hán đánh Hung Nô, không lúc nào Quảng không ở trong quân ngũ. Trong các bộ, ngũ, bọn hiệu, úy trở xuống tài năng không đến bậc trung nhưng nhờ quân công trong việc đánh Hồ được phong hầu có đến vài chục người. Quảng thì chẳng hề kém ai, vậy mà chẳng được lấy chút công lao gì để được phong ấp là cớ làm sao ? Hay tướng tôi không đáng phong hầu ? Hay đó là số mạng đấy ?

Sóc nói :

— Tướng quân thử tự nghĩ xem, hoặc giả có điều gì còn ân hận chăng ?

Quảng nói :

— Tôi có lần làm thái thú Lũng Tây. Người Khương làm phản, tôi dụ họ hàng. Họ hàng hơn tám trăm người. Tôi lừa họ giết cả trong một ngày. Tới nay chỉ có việc đó là rất ân hận mà thôi !

Sóc nói :

— Tai họa không gì to bằng việc giết người đã hàng. Tướng quân sở dĩ không được phong hầu là vì thế.

1. Nguyên văn " tại hạ trung " ở bậc hạ trung. Người chia theo giá trị làm 9 hạng từ thượng thượng đến hạ hạ. Hạ trung là ở bậc 8.

2. Vương Sóc làm chức vọng khí, xem thiên văn để đoán việc hay dở. Tư Mã Thiên có nói đến Sóc trong *Thiên quan thư*.

Sau đó hai năm, đại tướng quân và Phiêu Kỵ tướng quân đem đại quân đi đánh Hung Nô. Quảng mấy lần tự xin đi. Nhà vua thấy Quảng già không cho, mãi sau mới bằng lòng, cho làm tiền tướng quân. Năm ấy là năm thứ tư niên hiện Nguyên Thú (118 trước công nguyên).

Quảng theo đại tướng quân là Vệ Thanh đi đánh Hung Nô. Khi đã ra ngoài ải, Thanh bắt được giặc, hỏi biết nơi Thiền Vu đóng, bèn thân hành đem tinh binh đi đánh, trái lại sai Quảng hiệp với hữu tướng quân đem quân đi đường phía đông. Lối phía đông hơi quanh co và xa mà trên đường đại quân đi lại thiếu cỏ và nước; nên không thể dừng lại được (1).

Quảng bèn thân hành xin :

— Chức tôi là tiền tướng quân. Sao nay đại tướng quân lại đổi tôi đi đường phía đông. Vả chăng tôi từ khi kết tóc đã đánh với Hung Nô nhưng đến trận này mới được đối địch với Thiền Vu. Tôi xin đi tiên phong quyết liều chết với Thiền Vu.

Đại tướng quân Vệ Thanh đã ngầm nghe lời vua căn dặn, cho Lý Quảng tuổi già, số xấu, chớ để đối địch với Thiền Vu, sợ không đạt được điều mình muốn. Đã thế bấy giờ Công Tôn Ngao (2) lại vừa mất tước hầu, làm trung tướng quân, đi theo đại tướng quân. Đại tướng quân cũng muốn cùng Ngao sang đánh Thiền Vu cho nên mới đổi tiền tướng quân Quảng vào việc khác. Khi

1. Đáng lý chức tiền tướng quân thì phải đi trước dẫn đường cho đại quân. Đường đại quân gần lại thiếu cỏ và nước nên bắt buộc phải đi nhanh và thế nào cũng đến trước.

2. Công Tôn Ngao trước là bạn Vệ Thanh. Vệ Thanh gặp nạn nhờ Ngao cứu cho khỏi chết. Sau có công được phong hầu lại vì tội sợ Hung Nô bị xử trảm, chuộc làm thường dân.

Quảng biết việc này, cố xin với đại tướng quân. Đại tướng quân không nghe, sai viên trưởng sử cầm phong thư đưa sang trường của Quảng nói. « Mau mau đem quân bản bộ đi, theo như lệnh trong thư ». Quảng không từ giã đại tướng quân, lập tức đi ngay đến bộ, ngũ, xem ý rất tức giận, đem quân họp với hữu tướng quân là Tự Cơ, kéo ra lối phía đông. Quân không người dẫn đường có khi lạc cả lối, nên đến sau đại tướng quân. Đại tướng quân đánh nhau với Thiền Vu. Thiền Vu trốn chạy. Đại tướng quân không bắt được trở về. Quay về phía nam vượt qua sa mạc, gặp tiền tướng quân và hữu tướng quân. Quảng trông thấy đại tướng quân vội lui vào trong quân. Đại tướng quân sai viên trưởng sử đem rượu và lương khô cho Quảng (1) nhân hỏi Quảng và Tự Cơ về việc lạc lối — ý Thanh muốn dâng thư báo với nhà vua về việc quân phải đi đường vòng (2)— Quảng chưa kịp trình, đại tướng quân lại sai trưởng sử đòi ngay bọn dưới tướng của Quảng sang để lấy cung.

Quảng nói :

— Bọn hiệu úy không có tội. Lạc lối là tự ta! Ta sẽ sang cho mà lấy cung !

Quảng bảo những người dưới quyền mình :

— Quảng này từ khi kết tóc đánh nhau với Hung Nô, lớn, nhỏ hơn bảy mươi trận. Nay được may mắn theo đại tướng quân đi, giáp chiến với quân của Thiền Vu, mà đại tướng quân lại bắt Quảng phải đem quân đi lối

1. Câu có vẻ thừa nhưng tỏ rõ Vệ Thanh không muốn giết Quảng.

2. Vệ Thanh và Lý Quảng đều có quân doanh. Trưởng sử lo việc giấy tờ trong quân doanh của đại tướng quân, hiệu úy lo việc giấy tờ trong quân doanh của Quảng.

vòng xa, rồi lại lạc mất đường ! Đó há chẳng phải tại trời sao ? Vả chăng Quảng tuổi ngoài sáu mươi rồi, dù sao cũng không thể mặt mũi nào nhìn bọn thư lại lần nữa !

Bèn rút dao tự đâm cổ ! Tướng sĩ và toàn quân của Quảng đều khóc ! Trăm họ nghe chuyện ấy, người quen hay không quen, già, trẻ đều vì Quảng mà sa nước mắt. Còn hữu tướng quân thì giao cho các quan xét án, đáng tội chết, cho chuộc làm thường dân (1).

4. Con Quảng, ba người là Đương Hộ, Tiêu và Cảm đều làm quan lang.

Nhà vua đùa với Hàn Yễn, Yễn hơi hỗn (2), Đương Hộ đánh Yễn, Yễn chạy. Vì thế nhà vua cho là dũng cảm. Đương Hộ chết sớm, nên cho Tiêu làm thái thú Đại Quận. Hai người đều chết trước Quảng. Khi Đương Hộ chết có người con di phúc (3) tên là Lăng.

Khi Quảng chết ở trong quân, Cảm đang theo Phiêu Kỵ tướng quân.

Quảng chết rồi, năm sau, Lý Thái đang làm thừa tướng mắc tội xâm lấn khu đất lăng của vua Hiếu Cảnh, bị giao thư lại xét xử. Thái cũng tự sát chẳng để cho người hỏi cung ! Đất phong bị xóa !

Lý Cảm làm hiệu úy theo Phiêu Kỵ tướng quân đánh Tả Hiền Vương của quân Hồ. Cảm cố sức đánh, cướp cờ trống của Tả Hiền Vương chém nhiều đầu được phong tước là Quan Nội Hầu, đất phong gồm hai trăm hộ, thay Quảng làm lang trung lệnh. Được ít lâu, Cảm oán đại tướng quân Vệ Thanh đã làm cho cha mình

1. Đoạn 3 : Quảng suốt đời không đạt được ý muốn, cuối cùng phải tự sát.

2. Hàn Yễn là con cháu Hàn Vương Tín, sủng thần của nhà vua.

3. Mồ côi cha khi chưa ra đời.

phải tự sát, bèn đánh đại tướng quân bị thương. Đại tướng quân giấu kín chuyện ấy. Không bao lâu, Cảm theo vua đem quân lên đất Ung, tới cung Cam Tuyền, đi săn. Phiêu Kỵ tướng quân là Khứ Bệnh thân thích của Thanh (1) bèn bắn chết Cảm. Khứ Bệnh khi ấy đương được vua yêu nên vua nói dối rằng Cảm bị nai húc chết !

Hơn năm sau Khứ Bệnh chết, mà Cảm thì có con gái hầu thái tử được thái tử yêu. Con trai Cảm là Vũ cũng được lòng thái tử nhưng ham lợi. Họ Lý dần dần sa sút.

Lý Lăng đã lớn (2), được kén làm quan coi quân canh cung Kiến Chương, coi các quân kỵ ; giỏi bắn cung, yêu quân sĩ. Nhà vua nghĩ họ Lý đời đời làm tướng, bèn cho coi tám trăm quân kỵ. Có lần Lăng vào sâu đất Hung Nô hơn hai nghìn dặm, qua đất Cư Duyên, trông địa thế chẳng thấy giặc, nên trở về, được thăng làm đô úy quân kỵ, đem hơn năm nghìn người ở Sở, ở Đan Dương, dạy bắn ở Tửu Tuyền, Trương Dịch để đóng đồn phòng bị giặc Hồ.

Vài năm sau, tới mùa thu năm thứ hai niên hiệu Thiên Hán (99 trước công nguyên). Nhị sư tướng quân là Lý Quảng Lợi (3) đem ba vạn quân kỵ đánh Hữu Hiền Vương của Hung Nô ở Kỳ Liên Sơn. Sai Lăng đem quân bộ cùng năm nghìn người thiện xạ qua phía bắc Cư Duyên chừng hơn nghìn dặm. Ý nhà vua muốn chia sức quân Hung Nô, không để chúng tập trung vào đánh Nhị Sư.

Khi Lăng đã đến ngày trở về, thì Thiền Vu đem tám vạn quân vây đánh quân của Lăng. Quân Lăng có năm

1. Hoặc Khứ Bệnh gọi Vệ Thanh là cậu.

2. Nguyên văn : kỷ tráng. Ngày xưa ba mươi tuổi gọi là tráng.

3. Lý Quảng Lợi là sủng thần của Vũ Đế. Nguyên văn kỳ liên Thiên Sơn. Người Hồ gọi trời là kỳ liên, ở đây tức là Kỳ Liên Sơn hay Thiên Sơn.

nghìn người, tên bắn đã hết, lính chết quá nửa, nhưng giết hại quân Hung Nô cũng hơn vạn người. Lăng vừa rút lui vừa đánh tám ngày liền. Khi về còn cách Cư Duyên chừng hơn trăm dặm, Hung Nô chặn đứt lối đường hẻm. Quân Lăng thiếu ăn mà cứu binh không tới. Giặc đánh gấp và dụ Lăng hàng. Lăng nói :

— Chả còn mặt mũi nào về nhìn chứa thượng nữa.

Bèn đầu hàng Hung Nô. Đám quân ấy mất hết. Còn thừa tan tác hơn bốn trăm trốn được về Hán.

Thiền Vu đã bắt được Lăng, vốn nghe danh tiếng gia đình Lăng, đến khi đánh trận lại giỏi, bèn đem con gái gả cho Lăng và cho ở địa vị cao. Vua Hán nghe tin, giết mẹ và vợ con Lăng.

Từ đó về sau, họ Lý mất tiếng. Những người Lũng Tây từng làm môn hạ họ Lý đều lấy thế làm xấu hổ (1).

5. Thái Sử Công nói :

Sách (2) dạy rằng : « Thân mình mà chính, không ra lệnh người ta cũng làm. Thân mình mà không chính, dù ra lệnh cũng không ai theo ! ».

Đó phải chăng là chuyện Lý tướng quân ! (3). Tôi xem Lý tướng quân chất phác như người nhà quê, miệng nói chẳng nên lời. Đến khi chết trong thiên hạ quen hay không quen, đều hết sức thương xót. Đó là vì lòng trung thực của ông làm cho tướng sĩ tin yêu. Tục ngữ có câu : «Đào, mận không nói, dưới gốc tự nhiên thành đường ! ». Câu ấy tuy nói việc nhỏ, có thể hiểu ra lẽ lớn vậy...» (4).

1. Đoạn 4 : Con cháu Lý Quảng.
2 *Luận Ngữ*, thiên «*Tử Lộ*».
3. Ý nói Lý Quảng chỉ huy quân sĩ, quân sĩ vui vẻ theo.
4. Đoạn 5 : Tán dương Lý Quảng.

NAM VIỆT ÚY ĐÀ LIỆT TRUYỆN

VUA Nam Việt họ Triệu tên là Đà, người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt, đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đưa những người bị đày đến ở lẫn với người Việt. Như thế đã mười ba năm. Thời Tần, Đà được làm lệnh ở huyện Long Xuyên, thuộc quận Nam Hải. Đến đời Nhị Thế, quan úy ở Nam Hải là Nhâm Ngao, ốm sắp chết, mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà đến nói :

— Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn. Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Trần Thắng, Ngô Quảng đều dấy binh tụ tập quân sĩ, tranh giành thiên hạ. Trung Quốc loạn lạc chưa biết lúc nào yên. Những người hào kiệt phản Tần đều đứng lên cả. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đứt con đường mới (1) để tự phòng bị, đợi chư hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng. Đất Phiên Ngung nhân thế núi hiểm trở, đất Nam Hải đông tây rộng vài ngàn dặm, lại có người Trung Quốc giúp, cũng là nơi chủ chốt của một châu có thể lập thành nước được. Các trưởng lại trong

1 Đường Tần làm để đi thông đến Việt.

quận không ai có thể cùng bàn việc ấy nên tôi mời ông đến để nói.

Ngao liền làm chiếu giả cho Đà làm công việc của quan úy quận Nam Hải. Ngao chết, Đà lập tức truyền hịch bảo các cửa quan Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê rằng:

— Quân giặc sắp đến, phải chặn ngay đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế. Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương.

Sau khi Hán Cao Đế bình định được thiên hạ, thấy Trung Quốc mới khổ nhục, cực nhọc, nên tha Đà không trị tội. Năm thứ 11 (196 trước công nguyên), Hán sai Lục Giả sang, nhân tiện phong cho Đà làm Nam Việt Vương, chặt phù để làm tin, cho phép phái sứ giả đi lại với Trung Quốc, bảo phải hòa hợp với Bách Việt, không được gây việc lo ngại ở biên giới phía nam.

Nam Việt giáp giới với quận Trường Sa. Thời Cao Hậu, quan đương sự xin cấm không cho người Nam Việt vào mua đồ sắt. Đà nói:

— Cao Đế lập ta làm vương, cho sứ giả cùng hàng hóa được đi lại. Nay Cao Hậu nghe lời bọn bầy tôi gièm pha, cách biệt man di, cấm đứt khí vật. Đó chắc là mưu kế của Trường Sa Vương. Ông ta muốn tìm cách dựa vào Trung Quốc, tiêu diệt Nam Việt để làm vua cả đất của ta. Đà bèn tự tôn là «Nam Việt Vũ Đế»; đem quân đánh các ấp ở biên giới quận Trường Sa, đánh bại mấy huyện rồi đi. Cao Hậu sai tướng quân Lâm Hi Hầu tên là Táo đến đánh. Gặp lúc trời nóng, khí ẩm,

quân lính bị bệnh dịch rất nhiều, nên quân Hán không qua được núi Dương Sơn. Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh.

Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đạc của cải đút lót các nước Mân Việt, Tây Âu Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình. Đất đai của Đà chiều ngang có hơn vạn dặm, Đà bèn đi xe mui lụa màu vàng, cắm cờ tả đạo, mệnh gọi là «chế» (1), chẳng kém gì Trung Quốc.

Năm đầu thời Hiếu Văn Đế, thiên hạ mới yên. Nhà vua sai sứ đi bá cáo chư hầu, tứ di biết rằng nhà vua ở đất Đại (2) về lên ngôi, ý muốn nêu cao đạo đức của nhà vua. Nhân Đà có mồ mả cha mẹ ở huyện Chân Định, nhà vua bèn đặt người giữ ấp để hàng năm đến ngày giỗ thờ cúng. Đối với anh em họ của Đà, nhà vua ban ơn cho họ làm quan to và thưởng cho nhiều của. Nhà vua xuống chiếu cho bọn thừa tướng là Trần Bình cử người có thể đi sứ sang Nam Việt. Bình nói:

— Có Lục Giả người huyện Hảo Chỉ, thời tiên đế đã quen đi sứ Nam Việt.

Vua Hán bèn triệu Giả phong làm thái trung đại phu để đi sứ, nhân đấy trách Đà đã tự lập làm «đế» mà không hề phái sứ giả sang báo tin.

Lục Giả đến nơi, Nam Việt Vương sợ hãi, làm giấy tạ tội rằng: «Thần tên là Đà, là một kẻ già ở man di. Ngày trước Cao Hậu gạt bỏ Nam Việt. Thần trộm ngờ Trường Sa Vương đã gièm pha thần. Lại nghe đồn Cao Hậu giết hết họ hàng Đà, đào mồ mả, đốt hài cốt cha ông Đà.

---

1. Xem *Tần Thủy Hoàng bản kỷ* chú thích.
2. Văn Đế trước đây là vua ở đất Đại.

Vì thế nên liều mạng xâm phạm biên cảnh quận Trường Sa. Vả lại phương nam đất thấp, ẩm, dân Man Di ở vào giữa. Ở phía đông đất Mân Việt, chỉ vẻn vẹn nghìn người, cũng xưng hiệu là « vương »; ở phía tây nước Âu Lạc là nước trần truồng, cũng xưng là « vương ». Lão thần trộm dùng bậy danh hiệu « đế » chỉ để tự vui (1), chứ đâu dám để nói đến tai bệ hạ ! ».

Đà bèn dập đầu xuống tạ tội, xin mãi mãi làm phiên thần dâng lễ cống. Rồi ra lệnh trong nước :

— Ta nghe nói « hai anh hùng không cùng sống, hai người hiền không cùng ở một đời ». Đức hoàng đế là bậc thiên tử hiền tài. Từ nay về sau, mệnh lệnh không gọi là « chế », bỏ xe mui lụa vàng và cờ tả đạo.

Lục Giả về báo tin, Hiếu Văn Đế bằng lòng lắm.

Đến thời Hiếu Cảnh, Đà vẫn xưng thần, sai người vào chầu. Nhưng ở trong nước Nam Việt thì vẫn trộm dùng danh hiệu « đế » như cũ ; còn khi sai sứ sang thiên tử, thì xưng « vương », triều kiến thỉnh mệnh như các chư hầu.

Đến năm thứ tư niên hiệu Kiến Nguyên (137 trước công nguyên), Đà mất, cháu Đà là Hồ làm Nam Việt Vương. Lúc bấy giờ vua Mân Việt là Dĩnh đem binh đánh các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Hồ sai người dâng thư lên vua Hán, nói :

— Hai nước Việt đều là phiên thần, không được đem binh đánh nhau. Nay nước Mân Việt đem binh xâm lấn đất của thần, thần không dám đánh lại, xin đợi thiên tử chiếu truyền cho việc ấy.

Thiên tử bèn khen Nam Việt biết giữ chức phận mình, hứa sẽ đưa quân đến giúp. Bèn sai hai tướng quân

1. Lời nói rất xược.

đi đánh Mân Việt (1). Quân của Hán chưa vượt núi Ngũ Lĩnh thì em của Mân Việt Vương là Dư Thiện đã giết Dĩnh để hàng. Vì thế bãi binh.

Thiên tử sai Trang Trợ sang Nam Việt hiểu dụ ý của nhà vua. Nam Việt Vương là Hồ đập đầu xuống, nói :

— Thiên tử vì thần mà đem quân đánh Mân Việt, thần chết không đủ để báo ơn đức ấy.

Bèn sai thái tử là Anh Tề vào túc trực ở nơi cung cấm. Hồ bảo Trợ rằng :

— Nước mới bị cướp, sứ giả đi thôi.

Hồ đang ngày đêm sắm sửa hành trang để vào triều kiến thiên tử. Sau khi Trợ đi rồi, đại thần can Hồ rằng:

— Nhà Hán dấy quân đánh Dĩnh, cũng là làm cho Nam Việt hoảng sợ. Vả lại tiên vương trước có nói : « Phụng sự thiên tử cốt không thất lễ, không nên nghe lời dỗ ngon dỗ ngọt mà vào chầu ». Nếu vào chầu thì không được về, đó là cái thế mất nước đấy.

Vì vậy, Hồ mượn cớ bị bệnh nặng, thái tử Anh Tề xin về nước. Hồ mất, thụy là Văn Vương. Anh Tề lên ngôi thay, lập tức giấu ngay ấn Vũ Đế của Triệu Đà.

Khi Anh Tề vào làm túc vệ ở Trường An, có lấy người con gái họ Cù, người huyện Hàm Đan, sinh người con là Hưng. Đến lúc Anh Tề lên làm vua, bèn dâng thư lên vua Hán, xin lập Cù Thị làm hậu, Hưng làm con nối nghiệp. Hán luôn luôn sai sứ giả sang dỗ dành Anh Tề. Anh Tề thích hưởng lạc, tự ý giết người, sợ vào chầu phải theo pháp luật của nhà Hán cũng như chư hầu ở Trung Quốc. Anh Tề bèn cố ý xưng có bệnh, không vào triều, sai con là Thứ Công vào làm túc vệ.

Anh Tề mất, thụy là Minh Vương. Thái tử là Hưng lên thay, mẹ làm thái hậu.

1. Vương Khôi và Hàn An Quốc.

Thái hậu từ khi chưa làm vợ của Anh Tề, đã dan díu với người huyện Bá Lăng là An Quốc Thiếu Quý. Sau khi Anh Tề mất, năm thứ tư niên hiệu Nguyên Đỉnh (113 trước công nguyên), vua Hán sai An Quốc Thiếu Quý sang dụ vương và vương thái hậu vào chầu như các nước chư hầu. Vua Hán lại sai bọn biện sĩ là Chung Quân làm giám đại phu đi theo để trình bày, bọn dũng sĩ là Nguỵ Thần đi theo để giúp khi cần thiết, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng đồn ở quận Quế Dương để đợi sứ giả.

Vương tuổi còn nhỏ, thái hậu trước đã dan díu với An Quốc Thiếu Quý. Thiếu Quý sang sứ, lại tư thông với thái hậu. Người trong nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ có loạn, cũng muốn dựa vào uy thế nhà Hán, mấy lần khuyên vua cùng các quan xin nội thuộc. Nhân có sứ giả, nhà vua dâng thư xin được làm chư hầu ở Trung Quốc, cứ ba năm một lần vào chầu, hủy bỏ các cửa ải nơi biên giới. Thiên tử ưng thuận. Thiên tử cấp cho thừa tướng của vương là Lữ Gia ấn bằng bạc cùng các ấn nội sử, trung úy, thái phó. Còn các chức khác thì tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ chạm vào trán, cắt mũi, dùng pháp luật của nhà Hán, coi như chư hầu ở Trung Quốc. Các sứ giả đều ở lại để vỗ về nước Nam Việt. Vương và vương thái hậu sắm sửa hành lý, quà biếu, mang đồ vào triều cống.

Thừa tướng của vương là Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm thừa tướng ba đời vua. Họ hàng làm quan trưởng lại đến hơn bảy mươi người. Con giai lấy con gái vua, con gái lấy con giai, anh em, tôn thất của vua, lại thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô. Ông ở trong nước rất được tôn trọng ; người Việt tin ông, nhiều người làm tai mắt cho ông. Ông được lòng dân hơn vương.

Khi vương dâng thư, Lữ Gia mấy lần can ngăn, nhưng vương không nghe. Ông có ý làm phản, luôn luôn nói là bị bệnh, không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Các sứ giả đều để ý đến Gia, nhưng thế chưa giết được. Vương và vương thái hậu cũng sợ Lữ Gia gây việc trước, bèn đặt tiệc rượu, nhờ uy quyền các sứ giả để mưu giết bọn Gia. Các sứ giả đều ngồi quay mặt về hướng đông, thái hậu ngồi quay mặt về hướng nam, vương ngồi quay mặt về hướng bắc, thừa tướng Gia và các đại thần đều ngồi quay mặt về hướng tây hầu, uống rượu. Em của Gia làm tướng võ, cai quản binh lính ở ngoài cung. Khi mời rượu, thái hậu bảo Gia :

— Nước Nam Việt nội thuộc là lợi cho nước, tại sao tướng quân lại cho là bất tiện ?

Thái hậu muốn khích các sứ giả giận, nhưng các sứ giả do dự nhìn nhau, không ai dám ra oai. Gia thấy dáng mặt có khác, lập tức đứng dậy đi ra. Thái hậu giận, muốn lấy giáo đâm Gia, vương ngăn thái hậu lại. Gia bèn đi ra, chia quân của em, đem quân về nhà. Đoạn Gia nói là có bệnh không chịu yết kiến vương và sứ giả, ngầm bàn mưu cùng các quan đại thần nổi loạn.

Vương vẫn không có ý giết Gia. Gia biết thế nên mấy tháng việc không xảy ra. Thái hậu dâm ô, người trong nước không theo. Thái hậu muốn giết bọn Gia, nhưng sức lại không làm nổi. Thiên tử nghe tin, biết Gia không chịu, vương và thái hậu thì cô đơn, nhu nhược không chế ngự được, các sứ giả lại nhút nhát không quả quyết. Thiên tử lại cho là vương và thái hậu đã theo Hán rồi, một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng đem binh đánh, muốn sai Trang Sâm đem hai nghìn người đi sang sứ. Sâm nói :

— Nếu dùng hòa hảo mà đi, thì vài người cũng đủ muốn dùng vũ lực mà đi thì hai nghìn người không đủ để làm gì.

Trang Sâm từ chối là không thể được. Thiên tử bãi chức quan của Sâm. Hàn Thiên Thu, tráng sĩ ở huyện Giáp, nguyên là tướng quốc ở Tế Bắc, hăng hái nói :

— Lấy nước Việt cỏn con, lại có vương thái hậu làm nội ứng, chỉ có một mình thừa tướng Lữ Gia cản trở thì khó gì ! Nhà vua cho tôi hai trăm người dũng sĩ thế nào tôi cũng chém được Gia về báo.

Thiên tử bèn sai Thiên Thu cùng em của vương thái hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người đi vào nước Việt. Bọn Lữ Gia bèn làm phản, ra lệnh trong nước : «Vương tuổi còn trẻ, thái hậu là người Trung Quốc, lại dan díu với sứ giả, chỉ muốn nội thuộc, đem hết đồ quý báu của tiên vương vào dâng thiên tử để được yên. Đem nhiều người đi theo, đến Trường An, bán cho người ta làm đồng bộc. Thái hậu chỉ nghĩ đến cái lợi thoát thân một thời, không nghĩ gì đến mưu kế lâu dài cho xã tắc họ Triệu cả ».

Lữ Gia bèn cùng em đem quân đánh giết vương thái hậu, cùng các sứ giả của nhà Hán. Lữ Gia sai người báo với Tần Vương ở quận Thương Ngô và các quận huyện ; lập Vệ Dương Hầu Kiến Đức người con trai đầu của Minh Vương, vợ là người Việt, làm vua.

Sau đó, quân của Hàn Thiên Thu vào phá mấy ấp nhỏ. Sau quân Việt mở thẳng đường, mang lương thực, người Việt đem quân đánh bọn Thiên Thu, diệt được họ cách Phiên Ngung bốn mươi dặm. Gia sai người phong gói cờ tiết của sứ giả nhà Hán đem để ở cửa ải, khéo nói dối để tạ tội, rồi đem quân đóng giữ những nơi hiểm yếu. Thiên tử bèn nói :

— Hàn Thiên Thu tuy không thành công, cũng là người tiên phong giỏi nhất. Phong cho con là Diên Niên làm An Thành Hầu. Cù Lạc có chị là vương thái hậu xin phụ thuộc nhà Hán, phong cho con là Quảng Đức làm Long Cung Hầu.

Bèn hạ lệnh tha tội cho các tội nhân, nói :

— Thiên tử suy yếu, chư hầu đánh nhau, là chê nhân thần không đánh giặc. Nay bọn Lữ Gia, Kiến Đức lại tự lập một cách yên ổn, trẫm hạ lệnh đem các tội nhân cùng mười vạn quân lâu thuyền ở miền Giang, Hoài trở về nam để đi đánh.

Năm thứ năm niên hiệu Nguyên Đỉnh (112 trước công nguyên), mùa thu, vệ úy là Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân đem quân từ quận Quế Dương xuống đường sông Hối Thủy, chủ tước đô úy là Dương Bộc làm Lâu Thuyền tướng quân đem quân từ quận Dự Chương xuống đường Hoành Phố, Quy Nghĩa. Kiệt Hầu là người Việt trước đã hàng, làm qua thuyền, Hạ Lệ tướng quân, đem quân đi từ quận Linh Lăng, xuống đường sông Ly Thủy, hoặc đến quận Thương Ngô ; sai Trì Nghĩa Hầu, đem thêm tội nhân đất Ba Thục, đưa quân từ đất Dạ Lang xuống đường sông Tường Kha. Các quân ấy đều gặp nhau ở Phiên Ngung.

Năm thứ sáu, niên hiệu Nguyên Đỉnh (111 trước công nguyên) mùa đông. Lâu Thuyền tướng quân đem quân tinh nhuệ đến trước đánh hãm Tầm Hiệp, phá được Thạch Môn, lấy được thuyền thóc của người Việt. Nhân đấy, ông ta tiến lên đánh gãy quân tiền phong của Việt, và đem vài vạn người đợi Phục Ba. Phục Ba tướng quân đem theo tội nhân, đi đường xa đến sau kỳ hội. Phục Ba cùng quân của Lâu Thuyền họp lại mới có được hơn nghìn người, bèn cùng tiến. Quân của Lâu Thuyền đi trước đến Phiên Ngung, Kiến Đức cùng Gia

đều giữ thành. Lâu Thuyền tự chọn nơi tiện lợi đóng ở mặt đông nam, Phục Ba đóng ở mặt tây bắc. Gặp lúc chiều tối, Lâu Thuyền đánh bại người Việt, tung lửa đốt thành. Người Việt vẫn nghe biết tiếng Phục Ba, nhưng trời tối không biết số quân nhiều ít thế nào, Phục Ba bèn lập doanh trại, sai sứ chiêu hàng, cho họ lấy ấn quan, lại thả cho về để chiêu dụ nhau. Lâu Thuyền ra sức đánh và đốt, quân địch lại chạy vào trong trại của Phục Ba. Đến mờ sáng, người trong thành đều hàng Phục Ba. Lữ Gia và Kiến Đức từ đêm đã cùng gia thuộc vài trăm người, chạy trốn ra biển, lấy thuyền đi về phía tây.

Phục Ba nhân tiện hỏi những người chức vị cao đã hàng để biết lối Lữ Gia chạy và cho người đuổi theo. Hiệu úy Tư Mã Tô Hoằng là người Việt hàng Hán bắt được Kiến Đức, được phong làm Hải Thường Hầu, quan lang người Việt là Đô Kê bắt được Gia, được phong làm Lâm Thái Hầu. Thương Ngô Vương là Triệu Quang là người cùng họ với Việt vương, nghe quân nhà Hán đến, cùng quan huyện lệnh Kê Dương của Việt tên là Định tự quyết định đi theo nhà Hán; quan giám quận Quế Lâm của Việt tên là Cư Ông dụ dân Âu Lạc đi theo nhà Hán. Những người này đều được phong tước hầu.

Quân của qua thuyền, Hạ Lệ tướng quân cùng quân Dạ Lang mà Trì Nghĩa Hầu đem đi, chưa xuống đến nơi, thì Nam Việt đã dẹp yên rồi. Bèn lấy đất đặt làm chín quận. Phục Ba tướng quân phong thêm cho Lâu Thuyền tướng quân làm Tương Lương Hầu vì đã hạ được nơi kiên cố.

Từ lúc úy Đà mới làm vương đến sau là năm đời, cộng chín mươi ba năm rồi mất nước.

Thái Sử Công nói:

Úy Đà làm vương vốn do ở Ngâm Ngao, gặp lúc nhà Hán mới bình định thiên hạ, ông được liệt vào hàng chư hầu. Lâm Lư Hầu ngại khí thấp, bệnh dịch, không đi đánh, Đà càng được thể kiêu căng. Âu Lạc đánh nhau làm rung động nước Nam Việt. Quân nhà Hán tới cõi, Anh Tề vào chầu. Sau đó mất nước, nguồn gốc đều do Cù Thị. Lữ Gia giữ lòng trung nhỏ mọn, khiến cho Đà không có người nối dõi. Lâu Thuyền tướng quân làm theo ý muốn không biết tiết chế, lời biếng, kiêu ngạo, thành bị nhầm nhỡ. Phục Ba tướng quân gặp khốn cùng, càng nảy trí mưu, nhẫn họa thành ra phúc. Sự việc xoay vần thành và bại, ví như cái thừng, cái sợi, xoắn xuýt lấy nhau.

CẤP ẤM LIỆT TRUYỆN

1. CẤP Ẩm tự là Trường Nhụ, người đất Bộc Dương. Tổ tiên ngày xưa được vua nước Vệ yêu quý. Đến Ẩm là đời thứ bảy, đời đời vẫn làm khanh, đại phu. Ẩm nhờ cha được làm quan (1). Thời vua Hiếu Cảnh, Ẩm làm thái tử tẩy mã (2). Ẩm người trang trọng được mọi người kính sợ. Vua Hiếu Cảnh mất, thái tử lên ngôi, Ẩm làm chức yết giả. Các nước ở Đông Việt đánh lẫn nhau, nhà vua sai Ẩm đến xem. Ẩm không đi đến nơi chỉ đến đất Ngô rồi trở về báo :

— Người Việt đánh nhau, đó là cái tục của họ xưa nay vẫn thế, không đáng làm nhục đến sứ thần của thiên tử.

Hà Nội phát hỏa, cháy lan hơn một ngàn nóc nhà, vua sai Ẩm đến xem. Ẩm trở về báo :

— Người nhà để lửa cháy, nhà ở liền nhau nên cùng cháy. Điều đó không đáng lo. Thần qua Hà Nam, Hà Nam người nghèo, hơn một vạn người bị lụt lội hạn

1. Theo quan chế nhà Hán nếu ở địa vị từ 2.000 thạch trở lên thì sau ba năm được cử một người trong số anh em ruột hay con làm lang.

2. Chức quan lương 600 thạch, khi nào thái tử đi ra thì cưỡi ngựa đi trước.

hán, có người cha con ăn thịt nhau. Thần nhân tùy tiện lấy cờ tiết (1), bảo mở kho lúa Hà Nam để phát chẩn cho dân nghèo. Thần xin đem cờ tiết về chịu tội đã giả chiếu chỉ của hoàng thượng.

Nhà vua cho Ẩm là người hiền, tha tội đổi làm huyện lệnh ở Huỳnh Dương. Ẩm xấu hổ về việc đi làm huyện lệnh, cáo bệnh xin về vườn. Nhà vua nghe vậy mời vào cho làm trung đại phu. Vì Ẩm hay can thẳng cho nên không được ở lâu trong triều, bị đổi đi làm thái thú ở Đông Hải.

Ẩm theo đạo Hoàng Đế, Lão Tử, lúc làm quan trị dân thích thanh tĩnh, chọn những người thừa, sử, rồi giao cho họ làm. Trong việc cai trị chỉ xem xét đại thể mà thôi không chú ý đến những chi tiết vụn vặt. Ẩm lắm bệnh, nằm ở trong nhà không ra. Được hơn một năm quận Đông Hải rất yên. Mọi người khen ngợi. Nhà vua nghe tin, gọi vào cho làm chủ tước đô úy, đứng vào hàng cửu khanh. Ẩm cai trị chỉ muốn « bớt việc » mà thôi, cốt đại thể, không câu nệ về văn từ pháp lệnh.

Ẩm tính kiêu ngạo, ít lễ độ, chỉ trích trước mặt, không chịu tha thứ những sai lầm của người ta. Ai hợp với mình thì chơi, ai không hợp thì không buồn nhìn. Kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nhưng Ẩm thích chơi với người nghĩa hiệp, chú trọng về khí tiết, tự mình cư xử liêm khiết, thích can thẳng, nhiều lần xúc phạm đến sắc mặt nhà vua. Ẩm thường khen Phó Bách, Viên Áng (2), chơi thân với Quán Phu (3), Trịnh Đương Thời

1. Nhà vua sai người đi thay mình làm việc gì thì cầm cờ tiết.
2. Xem *Quý Bố, Loan Bố liệt truyện*.
3. Xem *Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện*.

và Lưu Khí làm chức tông chính (1). Những người này cũng vì hay can thẳng nên không ở chức vị được lâu.

Lúc bấy giờ em trai thái hậu là Vũ An Hầu tên là Điền Phân làm thừa tướng. Các quan từ hai ngàn thạch lương trở lên đều đến bái yết, Phân không đáp lễ. Nhưng Ảm thấy Điền Phân, thường không lạy mà chỉ vái. Nhà vua mới nhóm họp các nhà văn, nhà nho. Nhà vua nói:

— Ta muốn thế này, thế này...

Ảm tâu:

— Bệ hạ trong lòng có nhiều ham muốn, bên ngoài lại làm ra vẻ nhân nghĩa muốn bắt chước cách cai trị đời Đường, đời Ngu làm sao được!

Nhà vua im lặng, nổi giận, biến sắc mặt và bãi triều. Các công khanh đều lo hộ cho Cấp Ảm. Nhà vua lui vào cung bảo các quan hầu:

— Thật là quá lắm! Cấp Ảm thật là bướng!

Các quan có người trách Ảm. Ảm nói:

— Nhà vua đặt ra các quan công khanh đâu phải bảo họ a dua nịnh hót, dỗn vua đến chỗ bất nghĩa? Vả chăng đã ở địa vị công khanh mà còn luyến tiếc thân mình làm nhục triều đình sao?

Ảm lắm bệnh, đau ba tháng liền. Nhà vua mấy lần cho ông ta cứ làm quan nhưng ở nhà chữa bệnh, tuy vậy cuối cùng cũng không bớt. Sau cùng mắc bệnh nặng, Trang Trợ xin cho Ảm được thôi làm quan.

Nhà vua hỏi:

— Cấp Ảm là người như thế nào?

1. Chức ở địa vị cửu khanh.

Trợ nói:

— Nếu cho Ảm giữ chức làm quan thì cũng chẳng có gì hơn người. Nhưng để ông ta giúp ấu chúa thì ông ta giữ vững ý định: gọi không đến, đuổi không đi, dù có người tự cho mình là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể thắng được.

Nhà vua nói:

— Phải đấy! Ngày xưa có bầy tôi cùng chung hoạn nạn với quốc gia, Ảm cũng gần được như vậy.

Đại tướng quân Vệ Thanh vào chầu trong cung, nhà vua ngồi xổm bên cạnh giường mà tiếp. Thừa tướng Hoằng nhân việc vào yết kiến, nhà vua có khi không đội mũ. Còn Ảm vào yết kiến nhà vua không đội mũ thì không tiếp. Nhà vua thường ngồi ở trong trướng võ, Ảm tiến tâu công việc, nhà vua không đội mũ, nhìn đằng xa thấy Ảm thì tránh vào trong trướng, sai người chuẩn y lời tâu. Ông được nhà vua kính nể như vậy.

Trương Thang vừa mới được làm đình úy vì đã thay đổi hình luật, pháp lệnh. Cấp Ảm mấy lần chất vấn, trách ông ta trước mặt nhà vua, nói:

— Ông làm cửu khanh nhưng ở trên không thể nêu cao công nghiệp của tiên đế; ở dưới không thể ngăn cản lòng tà của thiên hạ, khiến cho nước yên, dân giàu tù ngục không có người. Cả hai điều đó ông không được lấy một. Không kể việc sai trái, làm khổ người khác, cứ việc làm; không kể việc hỏng chỉ cốt được việc cho mình. Tại sao ông lại thay đổi pháp luật Cao Hoàng Đế đã định để làm cho rối loạn? Ông làm thế sẽ mất nòi đấy!

Ảm có lúc tranh cãi với Thang. Khi tranh luận Thang thường chú ý đến lời văn cho sâu và bới lông tìm vết,

còn Ảm thì ngay thẳng, nghiêm túc, giữ đúng khuôn phép không chịu thua. Ảm giận mắng :

— Thiên hạ nói bọn thư lại không thể làm công khanh, điều đó quả thật là đúng ! Cứ theo Thang thì sẽ khiến thiên hạ chồng chân lên nhau mà đứng liếc mắt nhìn trộm vậy (1).

Lúc bấy giờ, nhà Hán đang đánh Hung Nô, kêu gọi vỗ về tứ di (2). Ảm cốt sao ít sinh sự, nhân lúc nhà vua rảnh thường nói nên hòa thân với Hồ chứ đừng gây binh. Nhà vua đang thiên về đạo Nho, tôn quý Công Tôn Hoằng (3). Đến khi công việc càng nhiều, quan lại lo dùng pháp luật để ràng buộc, dân lo tìm cách trốn tránh. Nhà vua dùng pháp luật để xét xử, bọn Thang thường gây những ngục lớn, đem tội trạng tâu lên để được lòng nhà vua. Trái lại, Ảm thường chê bai nhà Nho, trước mặt bọn Hoằng, trách họ trong lòng giả dối, bên ngoài khéo léo khôn ngoan hùa theo nhà vua để giữ địa vị, bọn thư lại (4) chỉ lo bẻ cong pháp luật khéo tìm cách làm hại người ta, hãm hại người ta vào tội khiến không được thân oan, lấy việc thắng được dân làm công lao. Nhà vua càng quý bọn Hoằng, Thang. Hoằng và Thang trong lòng rất ghét Ảm. Tuy thiên tử không thích nhưng họ muốn tìm việc để giết Ảm. Hoằng làm thừa tướng nói với nhà vua :

1. Đứng hai chân đặt lên nhau, ý nói không còn lối nào mà đi liếc mắt nhìn trộm ý nói không dám nhìn thẳng. Nếu theo pháp luật hà khắc thì thấy cái gì cũng sợ phạm pháp, có chân không dám đi, có mắt không dám nhìn.

2. Hán Vũ Đế tham lam muốn đánh Hung Nô, bình định Đông Việt, Nam Việt, Tây Nam Di v.v.i. gây nên chiến tranh, nhân dân điêu đứng.

3. Bấy giờ Hoằng làm thừa tướng. Hoằng theo đạo Nho, người giả dối, tàn nhẫn.

4. Chỉ Trương Thang.

— Ở trong hữu nội sử có nhiều quý nhân, tôn thất, khó trị. Nếu không có một vị quan đã từng được nổi danh thì không làm được trách nhiệm ấy. Xin cho đổi Ảm làm hữu nội sử.

Ảm làm hữu nội sử mấy năm, việc quan không bỏ trễ.

Đại tướng quân Vệ Thanh càng được tôn trọng, chị là hoàng hậu, nhưng Ảm vẫn đối xử ngang hàng. Có người nói với Ảm :

— Thiên tử muốn quần thần kính trọng đại tướng quân. Đại tướng quân được tôn trọng lại càng quý, ông nên lạy là phải.

Ảm nói :

— Đại tướng quân có người khách vái dài, thế là không được tôn trọng hay sao !

Đại tướng quân nghe vậy lại càng cho Ảm là người hiền, thường mời hỏi những việc quốc gia triều đình chưa quyết định, đối sử với Ảm hơn hẳn ngày trước.

Hoài Nam Vương mưu phản, sợ Ảm, nói :

— Ảm thích can thẳng, giữ khí tiết, chịu chết theo chính nghĩa, khó lấy điều phản bội mà dụ dỗ ông ta được. Còn như thuyết phục thừa tướng Hoằng thì cũng dễ như mở đồ đậy, chọc lá sắp rụng mà thôi.

Sau khi nhà vua nhiều lần đánh Hung Nô thành công, lời nói của Ảm lại càng không được nghe. Trước kia Ảm ở vào hàng cửu khanh, trái lại Công Tôn Hoằng, Trương Thang là quan lại nhỏ. Đến khi Hoằng và Thang càng ngày được thăng lên ngang hàng với Ảm, Ảm lại mắng nhiếc chê trách Hoằng và Thang. Ít lâu sau, Hoằng làm đến thừa tướng được phong làm hầu,

Trương Thang làm đến ngự sử đại phu. Vì vậy trong thời của Ấm, thừa tướng, ngự sử đều cùng ngang hàng với Ấm lại có phần được tôn trọng, tin dùng hơn. Ấm là người hẹp hòi không khỏi oán thán. Khi yết kiến nhà vua, Ấm nói:

— Bệ hạ dùng bầy tôi như chất củi mà thôi, ai đến sau thì ở trên.

Nhà vua im lặng. Một lát sau Ấm rút lui. Nhà vua nói:

— Người ta quả là không thể không có học, xem Ấm nói thì ngày càng quá lắm.

Được ít lâu, vua Hồn Gia của Hung Nô đem dân chúng đến hàng. Nhà Hán đưa ra hai vạn cỗ xe. Nhà vua không có tiền, mua chịu ngựa của dân. Dân có người giấu ngựa đi, số ngựa không đủ. Nhà vua giận, muốn chém quan huyện lệnh Trường An. Ấm nói:

— Quan huyện lệnh Trường An không có tội, xin chém một mình Ấm, thì dân sẽ chịu đưa ngựa ra. Vả chăng Hung Nô phản lại chủ của họ, đầu hàng nhà Hán; Hán cứ thủng thẳng đặt các trạm ở các huyện để đưa đến, sao lại làm cho thiên hạ náo động, Trung Quốc mệt mỏi để hầu hạ Di, Địch!

Nhà vua im lặng. Đến khi Hồn Gia đến, những người buôn bán và những người ở ngoài chợ phạm tội chết đến hơn năm trăm người. Ấm xin được dịp yết kiến nhà vua ở điện Cao Môn. Ấm nói:

— Hung Nô vào xâm lấn đường sá ở biên giới, cắt đứt hòa thân. Trung Quốc đem binh trừng phạt, người chết và bị thương không kể xiết, hao phí tiền của hàng ức triệu. Thần ngu dốt cho rằng bệ hạ được người Hồ thì đều cho làm nô tỳ cấp cho những gia đình có người tòng quân mà chết. Tài sản cướp được thì đều cấp cho họ để đỡ cái khổ cho thiên hạ, an ủi lòng trăm họ. Nay

lại không làm như vậy, Hồn Gia đem mấy vạn người đến hàng, bệ hạ sai vét rỗng kho để thưởng, bắt dân lành hầu hạ nuôi nấng, như nuôi đứa con cưng! Dân ngu đâu biết rằng đó là lệnh cấm, nên tùy tiện mua những đồ vật ở chợ Trường An. Thế mà quan lại theo pháp luật, buộc tội họ là đã đem của cải vật phẩm đưa ra biên giới! Nếu như bệ hạ không thể có được của cải của Hung Nô để tạ lỗi với thiên hạ, thì lẽ nào lại dùng lời lẽ khó hiểu mà giết hơn năm trăm người dại dột. Làm như vậy tức là như người ta nói: «Che chở cho lá làm thương tổn đến cành cây vậy». Thần trộm cho bệ hạ làm như thế là không phải.

Nhà vua im lặng, không nghe theo, nói:

— Ta đã lâu không nghe Cấp Ấm nói, đến nay ông ta lại nói bậy.

Mấy tháng sau, Cấp Ấm phạm sai lầm nhỏ, bị tội. Gặp lúc đại xá được bãi chức, Ấm bèn ở ẩn chốn điền viên.

Cấp Ấm ở nhà được mấy năm, gặp lúc nhà vua thay bằng thứ tiền năm thù, dân nhiều người đúc tiền trộm, ở nước Sở lại càng nhiều nhất (1). Nhà vua cho rằng Hoài Dương là nơi giáp nước Sở, bèn gọi Cấp Ấm vào cho làm thái thú Hoài Dương, Ấm lạy từ tạ không nhận ấn. Chiếu mấy lần ép giao ấn, sau đó Ấm mới vâng lời. Chiếu cho Ấm đến yết kiến, Ấm khóc và nói với nhà vua:

— Thần tự cho rằng mình chết ở nơi ngòi rãnh không còn có lúc thấy lại bệ hạ, không ngờ bệ hạ lại dùng. Thần thường có cái tật của loài chó ngựa, không đủ sức

1. Xem *Bình chuẩn thư*.

làm việc ở các quận. Thần nguyện xin làm trung lang (1) ra vào nơi cung cấm, vá những điều sai, lặt những điều sót, đó là ước nguyện của thần.

Nhà vua nói :

— Nhà ngươi coi thường Hoài Dương hay sao ! Ít lâu nữa ta sẽ gọi nhà ngươi về. Hiện nay ở Hoài Dương dân và quan không tương đắc, ta chỉ nhờ cái uy sẵn có của nhà ngươi, nhà ngươi cứ nằm mà cai trị (2).

Sau khi Ảm từ giã ra đi, Ảm qua nhà Lý Tức làm đại hành (3), nói :

— Ảm bị vứt ra ngoài quận không thể bàn việc triều đình được nữa. Nhưng Trương Thang làm ngự sử đại phu là người có cái trí khôn đủ để chống lại những lời can ngăn, có cái tài gian trá đủ để tô vẽ cho điều sai trái, chỉ cốt khéo ton hót bề trên, bắt bẻ người dưới, không chịu theo điều chính nghĩa để lo việc thiên hạ. Ông ta chỉ lo a dua theo ý nhà vua. Nhà vua không ưa ai thì ông ta nhân đó gièm pha thêm, nhà vua ưa ai thì ông ta nhân đó khen ngợi thêm. Thích sinh sự, múa may trong văn án, trong lòng nghĩ đến việc dối trá để chiều theo ý nhà vua. Bên ngoài dựa vào bọn tặc lại (4) để làm cho uy mình thêm lớn. Ông ở hàng cửu khanh mà không sớm nói điều đó thì ông và hắn đều sẽ bị tội cả đấy.

1. Chức quan thấp lo việc canh phòng. Ý Ảm muốn ở cung để được can ngăn nhà vua dù là chức quan thấp chứ không muốn đi ra các quận.

2. Vũ Đế rất biết tài của Ảm cho nên nói " nằm mà cai trị ". nhưng rất ghét Ảm nên cho đi ra các quận để khỏi can gián lôi thôi.

3. Chức quan ngoại giao cấp cửu khanh coi việc đối xử với các nước ngoài.

4. Quan lại ăn cướp.

Tức sợ Thang, cuối cùng không dám nói. Ảm ở quận vẫn cai trị như trước, chính trị Hoài Dương được sáng suốt. Sau đó quả nhiên Trương Thang bị thất bại. Nhà vua nghe lời Ảm nói với Tức, trị tội Tức, cho Ảm ở Hoài Dương được hưởng lương bổng của tướng quốc chư hầu (1). Được bảy năm thì mất.

Sau khi mất, nhà vua vì Ảm nên cho người em là Cấp Nhân làm đến cửu khanh. Con Ảm là Cấp Yển làm đến tướng quốc của chư hầu. Người em con cô là Tư Mã An lúc nhỏ cùng làm thái tử tẩy mã với Ảm. An lời văn sâu sắc, khéo làm quan, bốn lần đến chức cửu khanh, khi chết làm thái thú Hà Nam. Bọn anh em nhờ An nên đồng thời có đến mười người lương hai nghìn hộc, Đoạn Hoằng người Bộc Dương lúc đầu thờ Hạp hầu tên là Tín. Tín dùng Hoằng, Hoằng cũng hai lần làm đến cửu khanh. Những người nước Vệ làm quan ai cũng kính sợ Ảm, coi Ảm là ở trên mình.

1. Trịnh Đương Thời tự là Trang, người ở đất Trần. Cha là Trịnh Quân đã từng làm tướng của Hạng Tịch, Tịch chết, ít lâu sau theo về Hán. Cao Tổ sai các quan cũ của Hạng Tịch gọi tên Tịch (2). Riêng một mình Trịnh Quân không nghe theo lời chiếu. Chiếu cho tất cả những người gọi tên Tịch làm đại phu mà đuổi Trịnh Quân. Trịnh Quân chết thời Hiếu Văn Đế.

1. Nhưng vẫn không cho về kinh đô. Vũ đế ghét Ảm nhưng không giết được vì sợ dư luận, dù biết Ảm là trung thần cũng không dùng. Đúng như nhận xét " trong lòng nhiều ham muốn, bên ngoài ra vẻ nhân nghĩa ".

2. Gọi vua bằng tên là phạm tội bất kính.

Trịnh Trang thích làm nghĩa hiệp. Khi đã cứu Trương Vũ khỏi ách thì nổi tiếng ở miền Lương, Sở. Thời Hiếu Cảnh Đế, Trang làm thái tử xá nhân (1). Cứ năm ngày lại tắm rửa, thường đặt ngựa trạm ở ngoại thành Trường An, thăm hỏi những người bạn cũ, đến chơi nhà các tân khách, suốt đêm cho đến sáng hôm sau, thường vẫn sợ không chu đáo. Trang thích học theo lối Hoàng Đế, Lão Tử, hâm mộ những người trưởng giả như là sợ không được gặp mặt (2). Tuy tuổi trẻ, quan thấp, nhưng các bạn bè giao du, đều là hạng cùng lứa với hàng cha, ông, là những kẻ sĩ có danh tiếng trong thiên hạ. Vũ Đế lên ngôi, Trang dần dần làm trung úy ở đất Lỗ, làm thái thú ở Tế Nam, làm tướng quốc ở Giang Tô, làm đến hữu nội sử thuộc hàng cửu khanh. Vì việc Vũ An Hầu và Ngụy Kỳ tranh cãi nhau, An bị giáng chức làm thiêm sự, đổi làm đại nông lệnh (3).

Khi làm thái sử, Trang căn dặn những người môn hạ như sau :

— Có khách đến thì không kể cao quý hay hèn mọn đều không được giữ ở ngoài cửa.

Trang giữ lễ đối với khách, mặc dầu mình cao quý nhưng đối với người thì khiêm tốn. Trang thanh liêm lại không lo đến sản nghiệp đem tất cả lương bổng cho tân khách, những thức ăn đưa cho khách đều đặt trong những cái quả bằng tre (4). Mỗi lúc đi chầu, có

1. Chức rất thấp ở dưới chức thái tử tẩy mã.

2. Ý nói vội vã.

3. Thiêm sự coi công việc trong cung hoàng đế và cung thái tử. Đại nông lệnh thuộc hàng cửu khanh coi thóc lúa và hàng hóa cả nước

4. Ý nói không sắm sửa gì.

dịp tâu lên, Trang luôn luôn nói đến những người trưởng giả trong thiên hạ. Khi tiến cử các kẻ sĩ và những người thuộc lại thì trình bày thân thiết thú vị, thường đề cao tài đức của họ, cho họ hơn mình, không bao giờ gọi họ bằng tên. Khi nói với những quan dưới quyền mình thì cẩn thận, như sợ làm tổn thương đến họ. Nghe người ta có lời nói hay thì vội vàng lo tiến lên nhà vua. Kẻ sĩ và những người trưởng giả ở Sơn Đông vì vậy đều khen ngợi Trịnh Trang.

Vua sai Trịnh Trang đi xem cửa sông Hoàng Hà, Trang xin năm ngày để chuẩn bị hành lý. Nhà vua nói :

— Ta nghe nói Trịnh Trang đi nghìn dặm không mang lương, tại sao lại xin chuẩn bị hành lý ?

Nhưng Trịnh Trang ở trong triều thường a dua phụ họa theo ý muốn nhà vua không dám trình bày rõ ràng là đúng hay sai. Đến khi già, nhà Hán đánh Hung Nô, chiêu hàng tứ di, thiên hạ hao phí nhiều, của cải dùng càng thiếu. Trang tiến cử người và tân khách làm việc vận chuyển dưới quyền đại nông lệnh, nhiều người ăn bớt của công. Tư Mã An làm thái thú Hoài Dương tố giác việc ấy. Trang vì vậy bị tội, chuộc tội làm thường dân. Ít lâu sau tạm quyền chức trưởng sử của thừa tướng. Nhà vua thấy Trang già nên cho làm thái thú Nhữ Nam. Được mấy năm thì chết trong lúc làm quan.

Trịnh Trang, Cấp Ẩm lúc đầu vào hàng cửu khanh, người thanh liêm, bản thân lo gìn giữ trong sạch. Hai người này giữa chừng bị bỏ, nhà nghèo khách khứa càng ít. Khi làm việc ở quận chết đi nhà không có của thừa. Anh em con cháu Trang nhờ có Trang nên sáu bảy người lương đến hai nghìn thạch.

2. Thái Sử Công nói :

Người hiền như Ảm và Trang thế mà khi có thế lực thì khách khứa đông gấp mười lần, khi không có thế lực thì chẳng có một ai, nữa là người thường ! Địch Công ở Hạ Quê nói : Lúc đầu Địch Công làm đình úy thì khách khứa chật cửa. Đến khi bị bãi quan thì ngoài cửa có thể đặt lưới bắt chim sẻ. Khi Địch Công lại làm đình úy, khách khứa muốn đến, Địch Công viết mấy chữ lớn ở ngoài cửa : « Một sống một chết, tình bạn mới biết ; một nghèo một giàu, mới rõ lòng nhau ; một hèn một sang, tình bạn rõ ràng ». Câu đó cũng đúng với Cấp Ảm, Trịnh Trang. Thương thay !

DU HIỆP LIỆT TRUYỆN

1. HÀN PHI (1) nói : « Bọn Nho lấy lời văn làm rối pháp luật, bọn du hiệp lấy võ lực phạm vào việc ngăn cấm ». Hai hạng này đều bị chê bai. Tuy vậy các nho sĩ thường vẫn được đời khen (2). Còn đối với những kẻ dùng thuật (3) để chiếm lấy chức tể tướng, công khanh, đại phu, giúp đỡ chúa đương thời thì công danh ghi chép ở sử sách, điều đó chẳng phải nói. Kìa xem Quý Thứ, Nguyên Hiến là những người ở nơi quê

---

1. *Hàn Phi Tử*, thiên *Ngũ đố* mục đích chê trách cả bọn Nho và bọn du hiệp.

2 Ý Thiên bênh du hiệp : Hàn Phi chê trách cả hai, thế nhưng trong thực tế thì chỉ bọn du hiệp là bị chê bai còn bọn Nho vẫn được trọng vọng

3· Ám chỉ Công Tôn Hoằng, Trương Thang. Thuật đây là Nho thuật tác giả mạt sát bọn ngụy Nho.

Nguyên Hiến người nước Lỗ, học trò Khổng Tử. Khổng Tử chết. Nguyên Hiến trốn vào nơi ao đầm Tử Cống làm tướng quốc nước Vệ đi xe đến tìm Nguyên Hiến. Tử Cống nói : " Ngài có bệnh hay sao ? ". Nguyên Hiến đáp : " Tôi nghe nói không có của gọi là nghèo, học đạo không làm được gọi là bệnh. Như Hiến đây là nghèo chứ không phải là bệnh ". Tử Cống thẹn bỏ đi. Công Tích Ai tự Quý Thứ. Khổng Tử nói : Thiên hạ vô hạnh nhiều người làm gia thần, làm quan ở kinh đô, chỉ có Quý Thứ chưa hề làm quan ".

Đây tác giả đưa ra những chân Nho đối lập với bọn ngụy Nho.

mùa, đọc sách, muốn một mình giữ lấy đạo đức của người quân tử, vì nghĩa lý không chịu a dua theo thời, thế mà người đương thời cũng cười họ. Cho nên Quý Thứ, Nguyên Hiến trọn đời đề nhà trống, lấy dây buộc cửa, mặc áo vải, ăn rau không biết chán. Họ chết đã hơn bốn trăm năm mà học trò còn nhớ mãi không quên. Nay bọn du hiệp, tuy nết không hợp với chính nghĩa, nhưng lời họ nói ra thì chắc chắn, việc họ làm thì quả quyết, đã hứa thì nhất định làm, không tiếc tính mạng để cứu người ta khỏi nơi nguy khốn. Sau khi đã xông pha vào nơi nguy hiểm để cứu người, họ lại không khoe tài, lấy việc kể ơn làm thẹn, như vậy thì xem ra cũng có nhiều điều đáng khen. Vả chăng, việc hoạn nạn người ta thường khi vẫn gặp.

Thái Sử Công nói:

Ngày xưa vua Thuấn bị khốn ở kho, ở giếng (1), Y Doãn mang vạc thớt (2), Phó Duyệt ẩn náu ở đất Phó Nham (3) Lã Thượng bị khốn khổ ở Cức Tân (4), Di Ngô, mang gông (5), Bách Lý Hề chăn trâu (6), Trọng Ni sợ hãi ở đất Khuông, đói, mặt xanh như lá rau ở đất Tần, đất Thái (7). Những người ấy đều là người mà kẻ

1. Thuấn lúc còn hàn vi bị cha ghét, muốn giết đi, sai trèo lên bục lúa rồi châm lửa đốt, lại sai đào giếng, rồi lấp giếng.

2. Y Doãn cày ở cánh đồng Hữu Sằn mang vạc có hòa ngũ vị đến cho vua Thang ăn.

3. Phó Duyệt trước khi làm tể tướng vua Vũ Đình nhà Ân thì làm nghề thổ mộc ở Phó Nham.

4. Lã Thượng tức là Lã Vọng giúp Vũ Vương đánh Trụ.

5. Di Ngô tức Quản Trọng, vì theo công tử Củ khi Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng bị tù.

6. Bách Lý Hề khi chưa làm thừa tướng Tần làm nghề chăn trâu.

7. Trọng Ni tức Khổng Tử (Xem *Khổng Tử thế gia*).

học giả gọi là đạo đức nhân nghĩa, vậy còn gặp những tai nạn ấy; huống gì những kẻ tài năng bực trung mà ở về cuối thời loạn lạc thì việc gặp tai họa còn nói làm sao cho hết. Tục ngữ có câu: «Chẳng cần nhân nghĩa hay không nhân nghĩa, cái gì có lợi cho ta là tốt». Vì vậy Bá Di (1) cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thú Dương, nhưng vua Văn Vương, Vũ Vương không phải vì thế mà bỏ ngôi vua. Chích, Cược (2) hung bạo dữ tợn, nhưng đồ đảng của họ lại ca ngợi mãi mãi nghĩa khí của họ. Do đó mà xem «ăn trộm lưỡi câu thì bị chém, ăn trộm nước được phong hầu. Nhà công hầu ở đâu, nhân nghĩa ở đấy» (3), điều đó không phải lời nói suông. Nay bọn học giả câu nệ, chỉ khư khư lo ôm lấy cái nghĩa chật hẹp thì sẽ cô độc mãi ở đời (4), sao bằng hạ thấp cái đạo của mình để theo thế tục, trôi nổi với đời để được công danh (5). Tuy vậy bọn áo vải cẩn thận trong việc lấy và cho, xem trọng tiếng ừ và lời hứa, tuy cách nghìn dặm cũng nghĩ đến nghĩa, chịu chết chẳng tiếc đời, họ làm thế nào cũng có chỗ hay, chứ không phải chỉ có điều xằng bậy. Có thế kẻ sĩ lúc cùng quẫn mới có nơi phó thác số phận. Những người ấy chẳng phải hiền tài, hào kiệt đó sao! Nếu như để bọn nghĩa hiệp ở nơi hàng xóm đọ tài đua sức với Quý Thứ, Nguyên Hiến, lập công với đương thời thì hẳn khác nhau xa. Nếu xét về mặt công lao thấy ngay lời nói được giữ, thì nghĩa khí của bọn hiệp khách có thể xem thường được đâu!

1. Bá Di phản đối việc Vũ Vương đánh Trụ, trốn lên núi Thú Dương chết đói ở đấy.

2. Chích, Cược: tên những người ăn trộm thời xưa.

3. Câu này của Trang Tử.

4. Chỉ Nguyên Hiến, Quý Thứ.

5. Chỉ Công Tôn Hoằng. Câu này theo lối phản ngữ, ý nói mỉa.

Hạng nghĩa hiệp áo vải đời xưa, ta không còn được nghe nữa. Thời gần đây bọn Duyên Lăng, Mạnh Thường, Xuân Thân, Bình Nguyên, Tín Lăng (1) đều nhờ ở chỗ thân thích của nhà vua, dựa vào sự giàu có vì có đất phong, lại được địa vị khanh tướng, chiêu tập những người hiền trong thiên hạ, nổi danh với chư hầu, không thể gọi là không giỏi. Họ cũng như thuận theo chiều gió mà gọi, không phải tiếng vì đó nhanh thêm, nhưng vì thế gió đưa tiếng đi xa đó thôi. Còn đến bọn nghĩa hiệp ở nơi làng xóm giữ gìn tính nết, trau dồi thanh danh, tiếng tăm vang trong thiên hạ, ai cũng khen là hiền, điều đó mới thật là khó. Nhưng các nhà Nho, nhà Mặc đều gạt ra mà không chép (2). Từ nhà Tần trở về trước những người tầm thường mà nghĩa hiệp đều mai một, tôi rất lấy làm giận (3). Theo những điều tôi được nghe từ khi nhà Hán lên có bọn Chu Gia, Điền Trọng, Vương Công, Kịch Mạnh, Quách Giải, tuy đôi khi có phạm vào cái lưới pháp luật của đương thời, nhưng đời sống riêng của họ liêm khiết, nhũn nhặn cũng đáng khen. Danh tiếng của họ không phải là danh tiếng hão, kẻ sĩ không phải vô cớ mà theo họ. Còn đối với những kẻ cậy gia thế họ hàng, kéo bè kéo đảng, lợi dụng tiền tài để sai khiến người nghèo, bắt nạt người sức yếu thế cô, khoe khoang thế lực của mình, lấy việc thỏa mãn điều ham muốn của mình làm sướng, thì những người du hiệp

1. Duyên Lăng tức Quý Trát người thời Xuân Thu, không thấy nói đến việc tiếp tân khách, Mạnh Thường Quân, Tín Lăng Quân, Xuân Thân Quân đều là những người thời Chiến Quốc, số tân khách trong nhà họ đến hai, ba ngàn.

2. Trách hai phái Nho và Mặc đều hợp hỏi đối với bọn du hiệp.

3. Tỏ rõ thái độ bênh vực những người du hiệp.

cũng lấy làm xấu hổ. Tôi đau xót về nỗi thói đời không xét điều đó cứ gộp bọn Chu Gia, Quách Giải với bọn cường hào và chê cười tất cả.

2. Chu Gia là người nước Lỗ sống cùng thời với Cao Tổ. Người nước Lỗ đều học theo đạo Nho, riêng Chu Gia học theo lối du hiệp mà nổi danh. Những người có danh tiếng được ông nuôi nấng che chở có hàng trăm, còn người tầm thường thì không kể xiết. Nhưng trước sau ông vẫn không khoe tài, tự phụ ân đức của mình; trái lại chỉ sợ những người chịu ơn cảm tạ mình. Ông cứu giúp những người thiếu thốn bắt đầu từ chỗ nghèo khó và thấp hèn. Trong nhà không có của thừa, áo quần cũ kỹ không lành lặn, ăn không có hai món, đi thì ngồi trên chiếc xe bò nhỏ. Ông lo cứu giúp người ta trong lúc gấp, hơn cả việc riêng của mình. Sau khi đã bày mưu cứu được tướng quân Quý Bố thoát nạn đến khi Bố được tôn quý, suốt đời ông không gặp lại Bố (1). Từ cửa Hàm Cốc về phía đông không ai không dưởn cổ (2) muốn chơi với ông ta.

3. Điền Trọng người nước Sở, nổi tiếng về nghĩa hiệp, thích đánh kiếm, thờ Chu Gia như cha, tự cho rằng hành vi của mình không bằng Chu Gia.

Điền Trọng chết rồi, ở đất Lạc Dương có Kịch Mạnh. Người đất Chu lo nghề buôn bán, trái lại Kịch Mạnh lại nổi tiếng ở chư hầu về nghĩa hiệp. Khi nước Ngô,

1. Xem *Quý Bố, Loan Bố liệt truyện.*

2. Ý nói khao khát.

nước Sở làm phản, Điều Hầu (1) làm thái úy, đi xe trạm sắp đến Hà Nam bắt được Kịch Mạnh, mừng rỡ nói :

— Nước Ngô, nước Sở làm việc lớn mà không mời đến Mạnh, thì ta biết họ không làm được gì rồi !

Trong khi thiên hạ rối loạn, tể tướng bắt được ông ta cũng như chiêu hàng được một nước địch vậy (2). Việc làm của Kịch Mạnh cũng như việc làm của Chu Gia nhưng ông ta thích đánh bạc, hay chơi những trò chơi của những người trẻ tuổi. Khi người mẹ của Kịch Mạnh chết, có gần một nghìn cỗ xe ở phương xa đến đưa tang. Đến khi Kịch Mạnh chết, của cải trong nhà còn lại không quá mười lạng vàng.

Vương Mạnh người đất Phù Ly cũng nổi tiếng nghĩa hiệp ở miền sông Giang, sông Hoài. Lúc bấy giờ họ Nhàn ở đất Tế Nam, Chu Dung ở đất Trần, cũng nổi tiếng hào hiệp. Vua Cảnh Đế nghe vậy sai người giết cả bọn này.

Về sau ở đất Đại có bọn họ Bạch, ở đất Lương có Hàn Vô Tỵ, ở huyện Dương Địch có Tiết Huống, ở huyện Thiểm có Hàn Nhụ nổi lên rất đông (3).

4. Quách Giải là người đất Chỉ tự là Ông Bá, là cháu ngoại của Hứa Phụ người có tài xem tướng. Cha Giải bị giết thời Hiếu Văn Đế vì du hiệp. Giải người thấp bé, tinh ranh, hung hãn, không uống rượu. Lúc nhỏ tính nham hiểm, tàn nhẫn, những kẻ không làm Giải vừa lòng bị Giải giết rất nhiều. Giải liều thân báo thù cho bạn, chứa những người trốn tránh, phạm pháp, còn

1. Tức Chu Á Phu.
2. Ca ngợi tài và uy tín của Kịch Mạnh.
3. Không phải vì triều đình nghiêm trị mà bọn du hiệp hết.

việc cướp bóc là việc thường làm, cũng như việc đúc tiền đào mả người thì kể không hết. Ông ta gặp may, lúc nguy khốn cấp bách thường nhờ dịp đại xá mà được thoát.

Đến khi Giải lớn thì thay đổi tính nết, biết tự kiềm chế, lấy đức để báo oán, cho người thì nhiều nhưng trông mong ở người thì ít, Giải lại càng thích làm việc nghĩa hiệp hơn trước. Sau khi đã cứu tính mạng người ta, Giải không khoe công, tuy cái lòng nham hiểm tàn ác ngày xưa đôi khi vẫn lộ ra như cũ nếu gặp kẻ trợn mắt với mình. Những người tuổi trẻ hâm mộ việc làm của Giải, liền báo thù ngay, không cho Giải biết (2).

Người con của chị Giải cậy thế Giải, uống rượu với người khách, cưỡng ép người khách phải cạn chén mặc dù uống không nổi. Người kia giận, tuốt gươm, đâm chết cháu Giải rồi bỏ trốn. Chị Giải giận, nói :

— Người nghĩa hiệp như Ông Bá, mà để người ta giết con tôi, không bắt được thằng giặc sao ?

Bèn vất xác ở ngoài đường không chịu chôn, ý muốn làm nhục Giải. Giải sai người dò biết nơi hung thủ ở. Hung thủ thế bí đành quay về trình bày tất cả sự thực với Giải. Giải nói :

— Ông giết nó là đáng lắm, cháu của tôi làm bậy.

Bèn tha hung thủ, bắt tội người cháu, khâm liệm nó rồi chôn. Mọi người nghe vậy đều khen Quách Giải là người nghĩa khí, lại càng theo Giải.

1. Ý nói Quách Giải không trừng trị kẻ trợn mắt với mình, nhưng những người tuổi trẻ liền trả thù cho Giải mà không nói cho Giải biết.

Khi Giải đi ra, ai cũng tránh. Riêng có một người cứ ngồi xổm mà nhìn. Giải sai người hỏi họ tên anh ta. Những người khách muốn giết anh ta. Giải nói :

— Ta ở trong làng xóm đến nỗi không được người ta kính trọng, đó là vì ta không trau dồi đức hạnh, anh ta có tội tình gì đâu !

Bèn bảo ngầm với viên quan coi việc công dịch trong huyện :

— Người ấy là người chí thân của tôi, khi nào đến lượt anh ta phải phục dịch thì miễn cho anh ta.

Vì vậy mấy lần đều được miễn, quan không đòi đến. Anh kia lấy làm lạ, hỏi tại sao, mới biết Giải bảo miễn cho mình. Anh ta bèn cởi trần đến tạ tội. Những người trẻ tuổi nghe vậy lại càng hâm mộ việc làm của Giải.

Ở Lạc Dương có người thù hằn nhau, những người tài giỏi trong làng xóm đến giàn xếp có hàng chục, nhưng vẫn không xong. Người khách bèn đến nói với Quách Giải. Giải đang đêm đến nhà người có thù hằn, người kia miễn cưỡng nghe theo lời Giải. Giải bèn nói với người này :

— Tôi nghe nói các vị ở Lạc Dương đã hòa giải việc này, nhưng ông không chịu nghe. Nay may sao ông nghe theo lời Giải, vậy có lẽ nào Giải lại ở huyện khác đến tranh giành mất cái công của các vị hiền đại phu trong xóm này !

Bèn đang đêm ra đi, không để cho ai biết, nói :

— Hãy khoan theo cách hòa giải của tôi. Đợi tôi đi rồi sau để cho những người tai mắt ở Lạc Dương làm việc giải hòa và sẽ nghe theo họ.

Giải giữ mình cung kính không dám lên xe đi vào sân công đường huyện. Khi đi các quận ở lân cận

cầu xin việc cho người khác, gặp việc có thể giúp được thì giúp, không giúp được thì cũng làm cho người ta vừa lòng. Sau đó mới dám ăn cơm rượu người ta. Mọi người vì vậy hết sức kính trọng Giải, tranh nhau giúp đỡ Giải. Thanh niên trong làng xóm và những người tài giỏi, tai mắt trong các huyện lân cận nửa đêm qua cửa nhà Giải thường hơn một chục cỗ xe, xin đưa những người khách Giải giấu diếm đem về nuôi (1).

Đến khi nhà vua sai dời những người giàu đi Mậu Lăng (2), Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng đủ tư cách. Quan lại sợ nên bắt Giải dời nhà (3). Vệ tướng quân tâu lên nói « Quách Giải nhà nghèo không thuộc vào hạng dời nhà ». Nhà vua nói :

— Một người áo vải mà có quyền thế khiến cho tướng quân phải nói giúp, điều đó chứng tỏ nhà hắn không nghèo.

Kết quả, Giải phải dời nhà. Các vị tiễn Giải đưa ra hơn ngàn vạn quan tiền. Còn Dương Quý Chủ người đất Chỉ làm thư lại trong huyện, báo tên Giải lên, khiến cho Giải phải dời nhà. Người con của anh Giải chặt đầu Dương. Vì vậy họ Dương có thù hằn với họ Giải.

Giải vào Quan Trung. Những người hào kiệt ở Quan Trung quen biết hoặc chưa quen biết Giải, nghe tiếng Giải đều tranh nhau đến vui chơi bạn bè với Giải. Giải

1. Vì Giải giấu diếm những người phạm pháp nên họ không sợ mang tội xin đem những người khách này về nhà nuôi. Trở lên kể những hành động đạo đức của Giải khi lớn lên.

2. Năm 127 trước công nguyên vua Vũ Đế sai dời những nhà giàu từ ba trăm vạn trở lên đến đất Mậu Lăng.

3. Vì Giải có tiếng hào phóng nên quan lại sợ mang tiếng che chở y.

người thấp bé, không uống rượu, lúc đi ra không bao giờ đi ngựa. Sau khi Dương Quý Chủ bị giết, người nhà Dương Quý Chủ dâng thư lên, nhưng lại bị người ta giết ở dưới cửa cung đình. Nhà vua nghe tin bèn giao quan lại bắt Giải. Giải bỏ trốn, để mẹ đến ở Lạc Dương, còn mình thì trốn sang Lâm Tấn. Tịch Thiếu Công ở Lâm Tấn vốn không biết Giải. Giải giả mạo tên, nhân đấy xin ra khỏi cửa quan. Tịch Thiếu Công bèn cho Giải đi ra. Giải trốn đến Thái Nguyên, đến nhà ai Giải đều nói trước (1). Quan đuổi bắt, dò tung tích đến Tịch Thiếu Công, Tịch Thiếu Công tự sát, tung tích mất đứt. Mãi về sau mới bắt được Giải.

Quan lại xét những điều Giải đã phạm và những người Giải đã giết thì sự việc đều xảy ra trước khi có ân xá. Ở huyện Chỉ có người nho sinh giúp quan trên trong việc xét Giải. Có người khách khen Giải, người nho sinh nói:

— Quách Giải chỉ chuyên làm việc gian, phạm pháp công, tại sao lại gọi là người hiền ?

Người khách nghe thế giết người nho sinh, cắt lưỡi y. Quan vì việc đó bắt tội Giải. Thực ra, Giải không biết kẻ giết người. Người giết kia cũng mất tích chẳng ai biết anh ta là ai. Quan tâu Quách Giải vô tội. Công Tôn Hoằng làm ngự sử đại phu phê : « Giải là người áo vải làm trò nghĩa hiệp, tác uy tác phúc. Việc kẻ hung hăng giết người, Giải tuy không biết nhưng tội này nặng hơn tội chính Giải giết (2), đáng khép vào tội đại nghịch, vô đạo.

Bèn giết cả họ Quách Giải Ông Bá.

1. Để tỏ hành động của mình quang minh và cho người ta khỏi liên lụy.

2. Rõ ràng lối dùng văn chương làm rối pháp luật.

Từ đó về sau, rất nhiều người làm du hiệp nhưng đều kiêu ngạo không đáng kể, ở Quan Trung, Trường An có Phàn Trọng Tử, ở Hòe Lý có Triệu Vương Tôn, ở Trường Lăng có Cao Công Tử, ở Tây Hà có Quách Công Trọng, ở Thái Nguyên có Lỗ Công Nhụ, ở Lâm Hoài có Nhị Trường Khanh, ở Đông Dương có Điền Quân Nhu tuy làm du hiệp nhưng đều có cái thái độ nhã nhặn khiêm nhường của người quân tử. Đến như họ Diêu ở phương Bắc, bọn Đỗ ở phương Tây. Cừu Cảnh ở phương Nam, Triệu Tha Vũ công tử ở phương Đông, Triệu Điện ở Nam Dương thì đó đều là bọn trộm cướp ở trong dân gian thôi, đáng kể làm gì ! Bọn họ làm xấu hổ cho Chu Gia vậy.

5. Thái Sử Công nói :

Tôi xem Quách Giải tướng mạo không bằng người bình thường, nói năng không có gì đáng chú ý, thế mà tất cả những người hay kẻ dở trong thiên hạ, biết hay không đều hâm mộ danh tiếng của ông ta. Khi nói đến những người nghĩa hiệp, ai cũng nhắc đến tên. Tục ngữ có câu « Người ta lấy danh thơm làm dung mạo, há có khi nào hết ». Ô hô, tiếc thay !

HOẠT KÊ LIỆT TRUYỆN

1. KHỔNG Tử nói :

— Sáu kinh đối với việc trị dân đều thống nhất làm một (1). *Kinh Lễ* dùng để giữ gìn người ta. *Kinh Nhạc* dùng để gây vui. *Kinh Thư* dùng để kể việc. *Kinh Thi* để bày tỏ tình ý. *Kinh Dịch* để nêu sự thay đổi, *Kinh Xuân Thu* để dạy chính nghĩa.

Thái Sử Công nói :

— Đạo trời lồng lộng, to biết bao nhiêu ! Lời nói bông đùa nếu hợp chính đạo cũng đủ giải được những điều rắc rối (2).

2. Thuần Vu Khôn là người gửi rể ở nước Tề. Mình cao không đầy bảy thước, giỏi bông lơn, có tài biện luận, mấy lần sang sứ chư hầu, chưa hề chịu thua, chịu nhục. Thời vua Tề Uy Vương, thích nói bóng gió, thích thứ nhạc dâm dật, suốt đêm say sưa lì bì, không lo chính sự mà giao tất cả cho bọn khanh, đại phu. Trăm quan biếng nhác rối loạn. Chư hầu kéo nhau đến xâm lấn. Thế nước nguy vong chỉ trong sớm tối. Các quan không ai dám can.

1. Văn lục kinh tuy khác nhau nhưng đều thống nhất ở chỗ có tác dụng chính trị.

2. Tác giả cho những lời bông đùa cũng xếp vào loại Lục kinh. Đó là một ý kiến táo bạo.

Thuần Vu Khôn dùng cách nói bóng gió để thuyết phục nhà vua :

— Trong nước có con chim lớn đậu ở giữa sân nhà vua, Ba năm nay nó không bay cũng không kêu. Nhà vua có biết con chim ấy là chim gì không ?

Nhà vua nói ;

— Con chim ấy không bay thì thôi, chứ đã bay thì tung trời ! Không kêu thì thôi, chứ đã kêu thì làm cho người ta khiếp oai !

Nói thế rồi đòi các quan cầm đầu các huyện vào chầu, tất cả có 72 người. Thưởng một người, giết một người.., Cất quân ra đánh. Chư hầu hoảng sợ trả lại các đất đã lấy của Tề. Oai vua lừng lẫy ba mươi sáu năm. Việc này chép trong *Điền Hoàn thế gia* (1). Năm thứ tám thời Uy Vương (371 trước công nguyên) nước Sở đem đại quân đánh Tề. Vua Tề sai Thuần Vu Khôn sang Triệu xin quân cứu viện, vua sai đem đi một trăm cân vàng, mười cỗ xe bốn ngựa. Khôn ngửa mặt lên trời cả cười đứt cả giải mũ. Vua hỏi :

— Tiên sinh chê ít sao ?

Khôn nói :

— Đâu dám thế ?

Vua nói :

— Thế cười là muốn nói gì ?

— Sáng nay thần từ phương đông lại đây. Thấy bên đường có kẻ cầu thần ruộng, đem bày một chén rượu, một chân giò lợn mà khấn : « Ruộng cao đầy thúng, ruộng thấp đầy xe ! Ngũ cốc được lớn, đầy nhà ê hề ».

1. Một thiên trong *Sử ký* tức là thiên *Điền Kính, Trọng Hoàn thế gia* (Không dịch).

Thần thấy nó đưa lễ thì ít mà lòng mong thì quá nhiều cho nên cười.

Uy Vương liền cho đem thêm một nghìn cân vàng, mười đôi ngọc bích trắng, trăm cỗ xe bốn ngựa. Khôn từ biệt ra đi. Sang Triệu, vua Triệu cho sang một nghìn cỗ xe bọc da, mười vạn quân tinh nhuệ. Vua Sở nghe tin, đang đêm rút quân về, Uy Vương cả mừng, đặt tiệc ở hậu cung, mời Khôn, cho uống rượu, hỏi:

— Tiên sinh uống được bao nhiêu rượu thì say?

Khôn đáp:

— Thần uống một đấu cũng say, một hộc (1) cũng say.

Uy Vương nói:

— Tiên sinh uống một đấu đã say thì uống thế nào được một hộc? Tiên sinh có thể cho biết tại sao lại nói như vậy không?

Khôn nói:

— Nếu cho rượu uống trước mặt đại vương, có quan chấp pháp đứng bên cạnh, quan ngự sử (2) nấp sau lưng thì Khôn sợ hãi cúi đầu mà uống, chỉ mới một đấu đã say. Nếu cha mẹ có khách quý, Khôn vén áo khom lưng hầu rượu ở trước mặt, thỉnh thoảng ban cho mấy giọt rượu thừa, lại phải hưng chén chúc thọ, phải đứng lên hầu rượu luôn, như thế chỉ mới hai đấu đã say. Còn như bè bạn chơi bời lâu ngày không gặp nhau, bỗng nhiên gặp gỡ, mừng rỡ kể chuyện cũ, đem chuyện riêng ra nói cùng nhau, như thế có thể uống được năm sáu đấu là say. Nhưng đến như ngày hội ở nhà quê, trai gái ngồi lẫn lộn, mời rượu dằng dai, đánh bạc, ném hồ, kéo nhau tụm năm tụm ba, nắm tay nhau cũng không ai phạt, mắt nhìn nhau cũng không ai cấm. Đằng trước có cái hoa tai đánh rơi, đằng sau có cái trâm bị bỏ sót, Khôn trộm lấy thế làm vui, có thể uống tám đấu cũng chỉ say hai phần. Khi trời chiều việc vẫn, dồn chén ngồi kề, gái trai cùng chiếu, giày dép lẫn lộn, chén bàn bừa bãi, trên thềm tắt đuốc, chủ nhân giữ Khôn ở lại mà tiễn khách ra, áo là cởi bỏ, thoáng thấy mùi hương phưng phức. Trong lúc bấy giờ lòng Khôn rất vui, có thể uống được một hộc. Vì vậy nói rượu quá hóa loạn, vui quá hóa buồn, muôn việc đều thế. Mọi việc đều không thể quá. Hễ quá thì hỏng, nên dùng lối nói bóng mà can ngăn.

Vua Tề nói:

— Hay.

Bèn bãi bỏ việc uống rượu suốt đêm, cho Khôn coi việc tiếp các khách chư hầu. Khi các tôn thất đặt tiệc rượu, Khôn thường ngồi một bên.

3. Sau đó, hơn một trăm năm, ở nước Sở có Ưu Mạnh. Ưu Mạnh là người nhạc công ở nước Sở. Mình cao tám thước, giỏi biện bác; thường dùng lời nói bông đùa để tỏ ý can ngăn. Thời Sở Trang Vương có con ngựa yêu, cho mặc áo gấm, đặt dưới mái nhà có chạm trổ, đứng trên cái giường không có màn, cho ăn táo khô. Con ngựa mắc bệnh béo mà chết. Nhà vua sai quần thần để tang, muốn dùng quan khách khâm liệm chôn theo lễ đại phu. Những người chung quanh can ngăn là không nên. Nhà vua ra lệnh:

— Ai dám can ngăn về việc ngựa thì bị tội chết.

Ưu Mạnh nghe vậy, vào cửa điện ngẩng đầu lên trời, khóc rống. Nhà vua kinh ngạc hỏi vì sao.

Ưu Mạnh nói:

1. Một hộc bằng mười đấu.
2. Chấp pháp và ngự sử đều là những quan coi về nghi lễ.

— Con ngựa là vật nhà vua yêu. Một nước đường đường như nước Sở làm cái gì chẳng được mà lại phải chôn theo lễ đại phu, như thế thì quá bạc. Xin chôn theo lễ nhà vua.

Nhà vua nói:

— Chôn như thế nào ?

Ưu Mạnh nói :

— Thần xin đẽo ngọc để làm áo quan, lấy gỗ tử có vân để làm quách, lấy gỗ biển, gỗ phong, gỗ dự chương để ngoài áo quan, sai quân sĩ mang áo giáp đào huyệt ở ngoài, những người già yếu mang đất, nước Tề, nước Triệu đứng tế ở trước, nước Hàn, nước Ngụy hộ vệ mặt sau, lập miếu thờ, dùng cỗ thái lao để tế, phong ấp vạn nhà (1). Chư hầu nghe vậy đều biết nhà vua coi rẻ người mà quý ngựa (2).

Nhà vua nói:

— Quả nhân sai lầm đến thế à? Bây giờ nên làm thế nào ?

Ưu Mạnh nói :

— Xin đại vương chôn như chôn súc vật. Lấy bếp để làm quách, lấy vạc đồng để làm quan tài, thêm vào gừng để làm gia vị, đặt trên mâm cỗ mộc lan, lấy gạo nếp để tế, cho mặc áo lửa để chôn vào trong bụng người ta.

Nhà vua bèn sai người giao ngựa cho viên quan lại coi việc bếp núc, không khiến thiên hạ nói đến việc chôn ngựa nữa.

Tướng quốc nước Sở là Tôn Thúc Ngao biết Ưu Mạnh là người hiền nên chơi thân với Mạnh. Đến khi mắc bệnh sắp chết, Ngao trối lại với con rằng:

1. Dùng lối phản ngữ làm cho việc chôn ngựa thành ra lố bịch.
2. Then chốt là ở câu này.

— Ta chết, mày thế nào cũng nghèo khổ. Mày đến gặp Ưu Mạnh nói rằng mày là con ông Tôn Thúc Ngao.

Được mấy năm, người con nghèo khổ đi gánh củi, gặp Ưu Mạnh bèn nói :

— Tôi là con ông Tôn Thúc Ngao. Khi cha tôi sắp chết có trối lại rằng nếu tôi nghèo khổ thì sẽ tìm đến ông.

Ưu Mạnh nói :

— Ông chớ có đi đâu xa.

Bèn làm áo mũ của Tôn Thúc Ngao, bắt chước cử chỉ, lời nói. Được hơn một năm ròng thì y như Tôn Thúc Ngao. Vua Sở và người xung quanh không ai phân biệt được. Sở Trang Vương đặt tiệc rượu, Ưu Mạnh tiến ra chúc thọ, Trang Vương kinh hãi, cho là Thúc Ngao sống lại, muốn cho làm tướng quốc. Ưu Mạnh nói :

— Xin cho thần về bàn với vợ, ba hôm nữa sẽ làm tướng quốc.

Trang Vương bằng lòng. Ba bốn hôm sau Ưu Mạnh lại đến. Nhà vua nói :

— Vợ nhà ngươi nói thế nào?

Ưu Mạnh đáp :

— Vợ thần bảo chớ có làm, không nên làm tể tướng nước Sở. Đấy Tôn Thúc Ngao làm tể tướng nước Sở, cai trị nước Sở hết sức trung thành và liêm khiết, nhờ vậy vua nước Sở được làm bá. Nhưng nay chết rồi, người con không có đất cắm dùi, nghèo khổ, gánh củi để kiếm ăn. Nếu làm như Tôn Thúc Ngao thì không bằng tự sát cho rồi.

Nhân đó, hát rằng :

— Ở trong núi, cày ruộng khổ, kiếm ăn khó. Ra làm quan, thấy bọn tham lam bỉ ổi có nhiều của, không nghĩ đến sỉ nhục, khi chết nhà giàu có. Nhưng lại sợ lấy của hối lộ, phạm pháp, làm việc gian, mắc tội nặng, thân bị giết, nhà cũng bị diệt vong. Làm tham quan làm gì ! Làm quan thanh liêm, giữ phép tắc, giữ chức vụ, đến chết không dám làm điều trái. Làm quan thanh liêm làm gì ! Tề tướng nước Sở là Tôn Thúc Ngao, giữ gìn thanh liêm cho đến chết, nhưng nay vợ con nghèo khổ, gánh củi để kiếm ăn, không nên làm !

Trang Vương bèn cảm tạ Ưu Mạnh và gọi con của Tôn Thúc Ngao ra phong cho đất Tầm Khâu có bốn trăm hộ để lo việc tế tự. Đến mười đời sau, đất phong cũng không mất. Trí khôn ấy có thể nói việc thời nghi vậy(1).

4. Hơn hai trăm năm sau, nước Tần có Ưu Chiên. Ưu Chiên là con hát đất Tần, người lùn, giỏi cách nói bông đùa nhưng lại hợp đạo lớn. Thời Tần Thủy Hoàng đặt tiệc rượu, bỗng gặp trời mưa to. Những người đứng hầu ngoài thềm đều bị ướt và lạnh. Ưu Chiên thấy thế, thương họ, bảo họ rằng :

— Các anh có muốn nghỉ hay không ?

Những người đứng hầu ngoài thềm đều nói :

— Được thế thì may lắm.

Ưu Chiên nói :

— Khi nào ta gọi các ngươi thì các ngươi phải « dạ » ngay đấy nhé !

Được một lát, ở trên điện chúc thọ hô « vạn tuế ! » Ưu Chiên đến lan can hô lớn :

— Các quan lang ở dưới thềm !

1· Việc hợp thời nên làm.

Các quan lang nói :

— Dạ !

Ưu Chiên nói :

— Các ngươi cao lớn có ích gì ! Lại đứng ngoài trời bị mắc mưa. Ta đây tuy lùn thấp nhưng được ở trong nhà nghỉ ngơi.

Tần Thủy Hoàng bèn cho những người hầu ở thềm được chia đôi thay phiên nhau chầu chực.

Thủy Hoàng thường bàn mở rộng vườn của nhà vua phía đông đến cửa ải Hàm Cốc, phía tây đến đất Ung, đất Trần Thương.

Ưu Chiên nói :

— Hay lắm ! Cứ thả nhiều cầm thú vào đấy. Nếu kẻ cướp từ phương đông đến thì chỉ sai hươu nai húc chúng cũng đủ.

Tần Thủy Hoàng vì vậy thôi không làm nữa. Đến khi Tần Nhị Thế lên ngôi lại muốn sơn thành. Ưu Chiên nói :

— Hay lắm ! Chúa thượng tuy không nói, nhưng thần cũng đã muốn xin điều đó. Sơn thành tuy làm trăm họ khổ sở và tốn kém, nhưng đẹp làm sao ! Thành xây láng bóng, giặc đến không sao trèo lên được. Nếu như muốn trèo lên thì dễ bị sơn lấm vào người. Chỉ khổ một điều không làm được nhà che.

Tần Nhị Thế cười. Vì vậy bỏ việc đó. Chẳng bao lâu Nhị Thế bị giết chết. Ưu Chiên về nhà Hán được mấy năm thì mất.

4. Thái Sử Công nói :

— Thuần Vu Khôn ngẩng lên trời cả cười, Tề Uy Vương đắc chí ! Ưu Mạnh lắc đầu mà ca, người gánh củi được đất phong, Ưu Chiên đến lan can hô lớn,

những người ở dưới thềm lần lượt được thay thế nhau một nửa chẳng phải là việc lớn đáng khen hay sao ?

Chử tiên sinh (1) nói :

— Tôi may mắn nhờ được nho thuật mà làm quan lang lại thích đọc những lời lưu truyền của các sách ngoài xin mạo muội chép thêm tất cả những chuyện bông đùa gồm sáu chương vào đây. Như thế có thể mở rộng kiến văn để người sau ai tò mò xem cũng sướng lòng hả dạ, đặng giúp thêm vào ba chương của Thái Sử Công.

5. Trong thời Vũ Đế, có người con hát nhà vua yêu tên là Quách Xá Nhân. Khi nói năng trình bày tuy không hợp đạo lớn, nhưng khiến nhà vua vui lòng. Khi Vũ Đế còn nhỏ, mẹ của Đông Vũ Hầu thường nuôi nấng nhà vua. Đến khi lớn lên, nhà vua gọi bà ta là « vú nuôi lớn », cứ một tháng cho vào chầu hai lần. Khi vào chầu có chiếu chỉ sai người tôi yêu là Mã Du Khanh cho nhũ mẫu năm mươi tấm lụa, lại cho cơm khô, rượu để nuôi nhũ mẫu. Nhũ mẫu làm đơn dâng lên, nói : « Xin nhà vua cho tôi sử dụng những công điền ở... ». Nhà vua nói : « Nhũ mẫu muốn được công điền à ? thôi thì cho nhũ mẫu ». Những điều mà nhũ mẫu muốn đều được nhà vua ưng thuận. Có chiếu chỉ cho nhũ mẫu được ngồi xe đi vào giữa công đường của nhà vua. Lúc bấy giờ các công khanh và đại thần

1. Chử Thiếu Tôn người đời Hán làm bác sĩ thời Thành Đế, Nguyên Đế, có bổ sung vào *Sử Ký* của Tư Mã Thiên. Từ đoạn này trở đi là của Chử Thiếu Tôn.

đều kính trọng nhũ mẫu. Con cháu tôi tớ của nhũ mẫu hoành hành ngang dọc giữa đất Trường An. Giữa đường chặn đón xe ngựa người ta, cướp giật áo quần người ta. Trong cung biết chuyện ấy nhưng không nỡ bắt trị tội. Quan coi việc pháp luật xin nhà vua dời nhà của nhũ mẫu ra ngoài biên giới. Lời tâu được chuẩn y. Trước khi vào từ biệt nhà vua, nhũ mẫu đến gặp Quách Xá Nhân khóc lóc về việc đó. Xá Nhân nói :

— Khi vào từ biệt nhà vua rồi trở ra cứ đi nhanh, nhưng quay lại nhìn mấy lần.

Nhũ mẫu cứ làm theo lời nói, từ biệt đi ra, quay lại nhìn mấy lần, Quách Xá Nhân lớn tiếng mắng :

— Ô kìa ! Cái mụ già này ! Sao không đi nhanh cho rồi ! Bệ hạ lớn rồi, có cần bú mớm mày nữa đâu, quay lại nhìn làm cái gì.

Nhà vua thương hại bà ta, bèn ra lệnh đình chỉ, không dời nhũ mẫu ra biên giới nữa, phạt đày người gièm pha.

6. Thời Vũ Đế có người nước Tề, họ Đông Phương tên là Sóc, thích đọc sách truyện xưa, yêu đạo Nho, xem nhiều sách các nhà. Lúc đầu Sóc vào Trường An. Đến công xa dâng thơ, vào khoảng ba nghìn thẻ tre (1). Công xa (2) sai hai người ôm thẻ tre đưa lên mới nổi. Nhà vua ở trong cung đọc ngừng lại chỗ nào thì đánh dấu chỗ đó, đọc hai tháng mới hết. Chiếu cho Sóc làm quan lang, thường hầu ở bên cạnh nhà vua, nhà vua mấy lần gọi đến trước mặt để nói chuyện, không lần

1. Bấy giờ chưa có giấy, ghi chép dùng dao khắc vào gỗ, tre.

2. Chức quan coi việc giấy tờ các nơi đưa đến nhà vua hoặc nhà vua đưa đi các nơi.

nào nhà vua không vui lòng, có khi cho thức ăn trước mặt vua. Sóc ăn xong còn bao nhiêu thịt thì mang đi làm bẩn hết cả áo. Mấy lần nhà vua thưởng lụa là, Sóc vác lên vai mà đi. Dùng tất cả lụa tiền vua cho để lấy những người con gái đẹp và trẻ ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy người vợ khác. Nhà vua cho được bao nhiêu tiền của đều tiêu hao hết vào việc lấy vợ. Các quan lang xung quanh nhà vua, phần nửa gọi Sóc là anh cuồng.

Nhà vua nghe vậy nói:

— Nếu Sóc làm quan mà không có điều này thì các ngươi làm sao kịp nó được.

Sóc cứ con làm quan lang, lại làm người yết giả để chầu chực, thường cầm cờ tiết đi sứ. Sóc đi trong điện, có quan lang bảo:

— Người ta đều bảo tiên sinh là người cuồng.

Sóc nói:

— Như bọn Sóc đây có thể gọi là trốn đời ở giữa triều đình vậy. Người đời xưa thì mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bò trên đất mà hát:

— «Luân lạc cùng với bọn thế tục, ở ẩn cửa Kim Mã. Trong cung điện, có thể trốn đời, bảo toàn thân mình, cần gì phải vào nơi núi sâu ngồi dưới lều cỏ!».

Cửa Kim Mã là cửa quan. Hai bên có hai con ngựa đồng nên gọi là «cửa Kim Mã». Sóc thường cùng với các bác sĩ họp nhau ở trong cung bàn luận. Những người kia hỏi vặn Sóc: (1)

1. Từ "Những người kia..." đến "không biết lấy gì đáp lại" là bài "Giải trào" của Đông Phương Sóc. Sóc cũng sinh một thời với Tư Mã Thiên, cái nhìn của Sóc về thời đại của mình rất là tiêu biểu.

— Tô Tần, Trương Nghi một khi gặp các vị vua có vạn cỗ xe đều lên địa vị khanh tướng, ơn đức lưu lại đến đời sau. Nay ông trau dồi đạo tiên vương, hâm mộ cái nghĩa của thánh nhân, đọc thuộc ngâm nga lời của *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, bách gia, kể không thể hết. Viết ở trên tre, lụa, cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình. Như thế có thể gọi là kẻ biết nhiều, có tài biện luận vậy. Nhưng ông đem hết sức hết lòng để thờ thánh đế, đến nay, ngày qua tháng lại đã được mấy chục năm rồng, mà chức quan chẳng qua chỉ thị lang (1), địa vị thực ra chỉ cầm kích để hầu, như thế có phải còn điều gì thiếu sót chăng? Thế là tại làm sao?

Đông Phương Sóc nói:

— Đó không phải là điều các ông biết được! Thời xưa khác, thời nay khác, có phải giống nhau đâu! Thời Trương Nghi, Tô Tần ngày xưa là lúc nhà Chu tan rã, chư hầu không vào chầu. Về chính trị thì dùng võ lực tranh nhau quyền thế, đem binh giữ nhau, thôn tính nhau còn lại mười hai nước (2) không ai hơn ai. Nước nào được kẻ sĩ thì mạnh, nước nào mất kẻ sĩ thì mất nước. Vì thế cho nên kẻ sĩ nói được nghe, đi được lọt, thân mình ở địa vị tôn quý, ơn đức để lại đời sau, con cháu mãi mãi vinh hiển. Ngày nay không phải thế nữa! Thánh đế ở trên, ơn đức tưới khắp thiên hạ, chư hầu theo phục, uy thế vang đến tứ di, cả ngoài bốn biển cũng đều liền như chiếu, thế yên ổn như cái chậu úp sấp, tất cả thiên hạ đều cân bằng, thu vào một nhà, cộ

1. Chức thị lang đời Hán chỉ có nhiệm vụ cầm kích canh phòng trong cung khác chức thị lang triều Nguyễn là một chức quan to.

2. Thời Tô Tần, Trương Nghi.

việc gì muốn làm thì dễ như trở bàn tay. Bấy giờ người hiền người dở, có khác gì nữa đâu! Trong lúc này thiên hạ to lớn, kẻ sĩ và dân chúng đông đúc, những người đem hết tâm lực, học thuyết, kéo nhau tụ tập, không thể kể hết. Những kẻ hết sức theo nghĩa, ăn mặc còn thiếu thốn, có kẻ mất cả thể diện, gia thế. Giả sử Trương Nghi, Tô Tần cùng tôi đều sinh ra đời này, thì họ sẽ không được chức quan chưởng cố, chứ làm gì dám mong đến chức thường thị thị lang. Truyện có câu: «Trong thiên hạ nếu không có điều nguy hại, tai họa, thì tuy thánh nhân cũng không có chỗ để thi thố tài năng. Trên dưới hòa hợp thì tuy người hiền cũng không có cách gì lập công». Cho nên nói rằng thời đổi khác thì việc đổi khác. Tuy nhiên điều đó đâu phải là để ta không lo tu thân? *Kinh Thi* nói: «Chuông đánh ở cung, tiếng vang ra ngoài. Hạc kêu nơi ao đầm xa xôi, tiếng nghe trên trời». Nếu mình tu thân thì lo gì không được hiển vinh! Xưa Thái Công lo làm việc nhân đức, năm bảy mươi hai tuổi gặp Văn Vương được thực hành cái thuyết của mình, được phong đất ở Tề bảy trăm năm mà không dứt. Chính vì vậy cho nên kẻ sĩ ngày đêm lo lắng, trau dồi việc học, thực hành đạo nghĩa, không dám thôi. Nay những người xử sĩ (1), trên đời tuy chưa được gặp thời, vẫn đứng nghiễm nhiên ở một nơi, một mình sừng sững, trên xem Hứa Do, dưới nhìn Tiếp Dư (2), theo sách lược của Phạm Lãi, trung thành hợp với Tử Tư thiên hạ hòa bình tu thân để giữ gìn mình. Nếu mình cô độc ít có bạn bè thì đó là lẽ thường. Các ông sao lại nghi ngờ ta?

Các vị bác sĩ đều im lặng không biết lấy gì đáp lại.

1. Kẻ sĩ ở nhà chưa ra làm quan.
2. Hứa Do là ẩn sĩ. Nghiêu nhường ngôi cho Hứa Do. Hứa Do không nhận. Tiếp Dư là ẩn sĩ ở nước Sở cùng thời với Khổng Tử.

Ở lan can nhà gác sau cung Kiến Chương, có con vật xuất hiện, hình nó giống như con nai. Người ta tâu lên. Vũ Đế đến xem, hỏi các quan chung quanh và những người am hiểu đạo nho, nhưng không ai biết là con gì! Sai Đông Phương Sóc đến xem, Sóc nói:

— Thần biết. Xin nhà vua cho rượu ngon cơm ngọt đãi thần một bữa tiệc sang thì thần mới nói.

Chiếu nói:

— Được.

Sóc lại nói:

— Ở nơi nọ có mấy sở công điền, ao cá, mấy khoảnh đất lau lách, bệ hạ cho thần thì thần Sóc này mới nói.

Bấy giờ Sóc mới chịu nói:

— Con ấy là con Sô Nha. Nơi xa xôi sắp theo về thần phục cho nên con Sô Nha xuất hiện trước. Răng cửa răng hàm nó như nhau, bằng nhau như không có răng vậy, cho nên gọi nó là Sô Nha.

Sau đó một năm, quả nhiên vua Hồn Gia của Hung Nô đem mười vạn người đến đầu hàng Hán. Nhà vua bèn thưởng cho Sóc rất nhiều tiền bạc. Sóc sắp mất, can nhà vua:

— *Kinh Thi* có câu: «Lắng xanh nhưng nhúc, đậu ở rào giậu. Người quân tử chớ nghe lời gièm pha. Lời gièm pha vô cùng làm rối loạn các nước bốn phương». Xin bệ hạ đuổi xa bọn xu nịnh, gạt bỏ lời gièm pha.

Nhà vua nói:

— Ngày nay Đông Phương Sóc cũng nói những lời hay thế sao?

Và lấy làm lạ. Được ít lâu, quả nhiên Sóc mắc bệnh chết. Truyện có câu: « Con chim sắp chết thì tiếng kêu thảm thương, con người sắp chết thì lời nói hay (1) » là ý nghĩa như vậy.

7. Trong thời Vũ Đế, đại tướng quân Vệ Thanh là anh của Vệ Hậu được phong làm Trường Bình Hầu. Vệ Thanh đem quân đi đánh Hung Nô, đến Dư Ngô Thủy (2), chém thủ cấp, bắt giặc, có công trở về, vua ban chiếu thưởng một ngàn cân vàng. Khi tướng quân ra khỏi cửa cung, có người nước Tề là Đông Quách tiên sinh về làm phương sĩ cho nên chầu chực ở nha môn công xa, giữa đường ngăn xe của Vệ tướng quân, lạy mà nói:

— Xin cho trình bày sự việc.

Tướng quân dừng xe lại cho Đông Quách tiên sinh đến trước mặt, Đông Quách đến bên xe nói:

— Vương phu nhân mới được nhà vua yêu, nhà phu nhân nghèo. Nay tướng quân mới được ngàn cân vàng, nếu đem một nửa cho người bà con của Vương phu nhân, nhà vua biết thế nào cũng vui lòng. Điều đó có thể gọi là kế lạ và nhanh vậy.

Vệ tướng quân cảm tạ và nói:

— Tiên sinh bày cho tôi cái kế hay, tôi xin vâng lời.

Đoạn Vệ tướng quân đem năm trăm cân vàng làm lễ chúc thọ thân nhân của Vương phu nhân.

Vương phu nhân đem việc ấy nói với Vũ Đế. Vũ Đế nói:

— Đại tướng quân không biết điều đó đâu!

1. *Luận ngữ*: thiên "Thái bá".
2. Hiện nay là biên giới phía bắc nước Cộng hòa [illegible]ân dân Mông Cổ.

Hỏi Vệ Thanh:

— Ông nghe theo kế của ai?

Vệ Thanh đáp:

— Nghe theo lời người chờ chiếu là Đông Quách tiên sinh. Nhà vua gọi Đông Quách tiên sinh vào và cho làm đô úy ở quận. Đông Quách tiên sinh đã lâu ngồi chờ chiếu ở công xa, nghèo khổ, đói rét, quần áo rách rưới, giày không còn nguyên. Khi đi giữa tuyết, giày chỉ còn mu ở trên mà không còn đế, chân giẫm đất. Người trên đường cười chế nhạo. Đông Quách tiên sinh trả lời ngay:

— Ai có thể đi trên tuyết mà khiến cho người ta thấy ở trên là giày, ở dưới vẫn là chân được đâu?

Đến khi được bổ làm quan hai nghìn học lương. Đông Quách tiên sinh mang dải ấn xanh ra khỏi cửa cung (1) đến tạ người chủ trọ. Thì ra người này trước đây cũng là người chờ chiếu làm quan như mình, đứng tiến mình ở ngoài đô thành. Đông Quách tiên sinh lên đường vinh hoa lập danh trong đời. Có thể nói là người mặc áo ngắn mà mang đồ quý vậy. Khi ông ta nghèo khốn, không ai nhìn ngó, đến khi giàu có, người ta lại tranh nhau xu phụ. Ngạn ngữ có câu: « Xem ngựa thấy nó gầy nên không biết là ngựa hay, xem kẻ sĩ thấy họ nghèo nên không biết họ giỏi », phải chăng là ý nghĩa như vậy?

Vương phu nhân ốm nặng, nhà vua thân hành đến hỏi:

— Con nàng sẽ làm vương. Nàng [illegible]ến con nàng làm vương ở đâu?

Vương phu nhân đáp:

— Muốn làm vương ở Lạc Dương.

1. Đô úy mang dải ấn màu xanh.

Nhà vua nói :

— Không được, Lạc Dương có kho vũ khí, kho lúa, giữ cửa quan, là yết hầu của thiên hạ. Từ tiên đế đến nay, không hề đặt vương ở đấy. Nhưng các nước ở quan đông không có nước nào lớn bằng nước Tề, có thể cho làm Tề Vương.

Vương phu nhân lấy tay đập vào đầu kêu :

— Thế thì may lắm.

Vương phu nhân chết, hiệu là « Tề Vương thái hậu chết » (1).

7. Ngày xưa Tề Vương sai Thuần Vu Khôn dâng chim hộc cho nước Sở. Đi khỏi cửa ấp, giữa đường chim bay mất, chỉ còn lại cái lồng không. Thuần Vu Khôn đặt lời nói dối, đến gặp Sở Vương :

— Tề Vương sai thần đem chim hoàng hộc đến biếu. Khi đi qua trên mặt nước, thần không nỡ để cho chim khát nên đem ra cho uống. Chim bỏ thần bay mất. Thần muốn đâm bụng thắt cổ mà chết, nhưng sợ người ta nói rằng nhà vua vì việc chim muông mà bắt kẻ sĩ phải tự sát. Hộc là một thứ chim có nhiều con giống, thần muốn mua chim khác thay vào, nhưng sợ làm thế là không tín và lừa dối nhà vua. Thần muốn chạy trốn sang nước khác, nhưng đau lòng về việc sứ thần qua lại giữa hai vị vua bị đoạn tuyệt, cho nên thần đến đây đập đầu chịu tội với đại vương.

Vua Sở nói :

— Tốt lắm ! Tề Vương có kẻ sĩ trung tín như thế sao ?

Bèn thưởng rất hậu, tiền bạc gấp đôi so với việc hiến chim hộc.

1. Điều đó chứng tỏ con sẽ làm Tề Vương.

8. Trong thời Vũ Đế nhà vua mời thái thú Bắc Hải đến nơi nhà vua ở. Người lo việc giấy tờ là ông Vương xin được cùng đi với thái thú, nói :

— Tôi sẽ giúp ích được cho ông.

Thái thú bằng lòng. Các quan thuộc lại trong phủ đều nói :

— Ông Vương là người thích rượu, lắm lời nhưng trống rỗng, sợ không thể cùng đi.

Thái thú nói :

— Ý ông ta muốn đi, ta không thể trái.

Bèn cùng ông ta đi. Đến chờ chiếu nhà vua ở cửa cung. Ông Vương chỉ mang tiền mua rượu cùng viên quan coi vệ binh uống say cả ngày không gặp thái thú. Thái thú vào quỳ bái kiến. Ông Vương nói với viên quan coi cửa :

— Nhờ ông ngoảnh vào cửa quan gọi vọng ông chủ tôi giúp.

Quan coi cửa cung gọi thái thú. Thái thú đến thấy ông Vương ở đằng xa. Ông Vương nói :

— Nếu thiên tử hỏi ngài cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà không có trộm cướp thì ngài trả lời như thế nào ?

Thái thú đáp :

— Chọn và cất nhắc đúng người tài, ai cũng dùng đúng năng lực của họ, thưởng những người giỏi, phạt những người kém.

Ông Vương nói :

— Đáp như thế là tự đề cao, tự khoe công. Không nên. Ngài cứ đáp : « Đó không phải là sức của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ đã cảm hóa được lòng dân ».

— Được ! Phải đấy.

Khi thái thú được triệu vào, đến dưới điện có chiếu hỏi :

— Nhà ngươi cai trị đất Bắc Hải như thế nào mà trộm cướp không nổi lên ?

Thái thú dập đầu đáp :

— Đó không phải công của thần. Đó là nhờ thần linh uy vũ của bệ hạ cảm hóa được lòng dân.

Vũ Đế cả cười nói :

— Ủa, ông làm sao có được lời nói của bậc trưởng giả mà trình bày như vậy ? Ai bày cho ông đấy ?

Thái thú đáp :

— Tôi học của người coi việc văn thư.

Nhà vua hỏi :

— Ông ta nay ở đâu ?

— Ở ngoài cửa cung.

Nhà vua cho chiếu gọi vào, cho ông Vương làm thủy hành thừa (1), cho thái thú Bắc Hải làm thủy hành đô úy (2). *Truyện* có câu : « Lời nói đẹp có thể đem ra mà múc được, phẩm hạnh cao quý có thể làm cho cao hơn người được. Người quân tử lấy lời nói để tiễn nhau, kẻ tiểu nhân lấy tiền của để tiễn nhau ».

9. Thời Ngụy Văn Hầu, Tây Môn Báo làm huyện lệnh ở ấp Nghiệp. Báo đến ấp Nghiệp gặp các trưởng lão hỏi dân tình khổ sở vì điều gì ? Các vị trưởng lão nói :

— Khổ vì chuyện Hà Bá lấy vợ nên dân nghèo.

Báo hỏi tại sao, họ đáp :

— Quan tam lão (3) và những người thuộc lại mỗi năm thu thuế trăm họ được mấy trăm vạn, lấy ra hai

1. Người giúp việc cho thủy hành đô úy.
2. Coi vườn Thượng Lâm của nhà vua.
3. Chức quan ngày xưa coi việc giáo huấn trong làng.

ba mươi vạn để cưới vợ cho Hà Bá. Còn bao nhiêu thì giao cho ông đồng bà cốt chia nhau mang về. Đến lúc ấy, bọn bà cốt đi thấy nhà nào có con gái đẹp thì nói nên gả cho Hà Bá và đem đồ sính lễ đến cưới. Họ tắm rửa cho cô ta xong, lấy the lụa mặc cho cô ta, cho ở một mình, ăn chay, dựng nhà trai cung ở trên bờ sông Hoàng Hà, bày cờ đỏ màn the, cho người con gái sống ở trong cung. Cô ta có đủ thịt bò, rượu, cơm. Làm như thế hơn mười ngày. Sau đó lại đánh phấn tô điểm cho cô ta, chuẩn bị giường chiếu như cô dâu thật, để cô gái trên giường cho trôi ở trên sông Hoàng Hà. Lúc đầu còn trôi ở trên mặt nước, đi đến mấy dặm rồi mới chìm. Nhà nào có con gái đẹp cũng rất sợ, ông đồng bà cốt bắt gả cho Hà Bá. Cho nên nhiều người mang con gái trốn đi nơi xa. Vì thế trong thành vắng tanh không người, lại càng đói kém. Tục này đã có từ lâu. Dân gian có câu tục ngữ tương truyền : « Nếu không lấy vợ cho Hà Bá thì nước dâng lên chết hết dân ».

Tây Môn Báo nói :

— Khi nào Hà Bá lấy vợ, xin cụ tam lão, các ông đồng bà cốt, các phụ lão tiễn người con gái trên sông Hoàng Hà đến nói với tôi ; tôi cũng muốn tiễn cô ta.

Họ đều nói :

— Dạ.

Đến hôm ấy, Tây Môn Báo đến họp trên sông Hoàng Hà. Cụ tam lão, các thuộc lại, những người tai mắt, các bô lão trong làng, nhân dân đến xem hai ba nghìn người. Bà cốt là một bà già, tuổi đã bảy mươi. Bọn con gái làm đệ tử theo bà đến mười người. Tất cả đều mặc áo the mỏng đứng đằng sau bà cốt chính. Tây Môn Báo nói :

— Gọi người vợ Hà Bá đến đây xem xấu đẹp thế nào?

Người ta liền dẫn người con gái ở trong màn ra trước mặt Báo. Báo nhìn người ấy, đoạn quay lại bảo tam lão, ông đồng bà cốt :

— Người con gái này không đẹp. Phiền bà cốt xuống sông báo với Há Bá khi nào tìm được người đẹp để thay sẽ đưa dâu.

Liền sai thuộc hạ và quân lính ôm bà cốt già ném xuống sông Hoàng Hà. Một lát sau, Báo lại nói :

— Bà cốt già sao đi lâu thế ? Các đệ tử phải giục bà ấy đi chứ !

Lại sai ném một người đệ tử xuống sông. Một lát sau, Báo lại nói :

— Đệ tử sao lâu về thế ! Phải sai một người nữa đi giục họ về.

Lại ném một đệ tử xuống sông nữa. Tây Môn Báo lại nói :

— Bà cốt già và đệ tử đều là đàn bà con gái không thể trình bày công việc được. Xin phiền vị tam lão xuống trình bày đầu đuôi.

Lại sai ném tam lão xuống sông Hoàng Hà. Tây Môn Báo cắm hút lên đầu làm ra vẻ cung kính quay về phía sông một hồi lâu. Các vị trưởng lão và thuộc lại đứng bên cạnh đều sợ hãi. Tây Môn Báo quay lại nói :

— Bà cốt già, tam lão không về ! Bây giờ làm thế nào ? Muốn sai một người thuộc lại và một người trưởng lão xuống giục.

Hai người này đập đầu van xin, đầu muốn vỡ, máu chảy lênh láng trên đất, sắc mặt xám như tro nguội. Tây Môn Báo nói :

— Được, ta hãy đợi một chút.

Một lát sau, Tây Môn Báo bảo :

— Ông lại đứng đây. Hà Bá giữ khách như thế lâu rồi. Cho tất cả về nhà.

Thuộc lại và dân chúng ấp Nghiệp đều hoảng sợ. Từ đó về sau không ai dám nói đến việc Hà Bá lấy vợ nữa.

Tây Môn Báo sai dân đào mười hai con ngòi để đem nước sông Hà vào tưới ruộng của dân, ruộng đều đầy nước. Lúc bấy giờ dân chúng đào ngòi rất khổ cực, không muốn làm. Báo nói :

— Dân chúng có thể vui thích khi việc đã thành, nhưng không thể cùng họ lo loan khi bắt đầu làm. Nay các cụ và con em tuy lo lắng, khổ sở vì ta, chừng một trăm năm sau thế nào con cháu của các cụ cũng sẽ nhớ đến lời ta.

Đến nay, nhờ được thủy lợi, nhân dân đều được no đủ giàu có. Mười hai con ngòi chạy thẳng, cắt mất đường đi của xe. Đến khi nhà Hán lên, quan lại cho rằng cầu của mười hai cái ngòi chắn mất đường đi, các ngòi lại gần nhau không tiện, muốn hợp các ngòi lại, ở trên đường cái, gộp ba ngòi làm một cầu. Nhân dân và các phụ lão đất Nghiệp không chịu nghe quan lại, cho rằng đó là điều Tây Môn Báo đã làm. Phép tắc của người hiền không thể thay đổi được. Rút cục quan lại phải nghe theo, gác việc ấy lại. Tây Môn Báo làm huyện lệnh đất Nghiệp nổi tiếng trong thiên hạ, ơn đức lưu lại đời sau không khi nào hết. Chẳng phải là một vị đại hiền sao ?

Truyện nói : « Tử Sản cai trị đất Trịnh, dân không thể dối. Tử Tiện cai trị đất Đan Phụ, dân không nỡ dối. Tây Môn Báo cai trị đất Nghiệp, dân không dám dối ». Tài năng của ba người này ai giỏi hơn ? Người nào biết phân tích đạo trị người thì mới biết điều đó (1).

1. Ý nói : Tử Sản thông minh không ai dối được. Tử Tiện được dân yêu không ai nỡ dối ; dân sợ Tây Môn Báo không ai dám nói dối.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
Thái Sử Công tự Đề Tựa	25
Thư trả lời Nhâm An	30
Tần Thủy Hoàng bản kỷ	41
Hạng Vũ bản kỷ	73
Cao Tổ bản kỷ	117
Lữ Hậu bản kỷ	163
Bình Chuẩn Thư	184
Khổng Tử thế gia	212
Việt Vương Câu Tiễn thế gia	252
Trần Thiệp thế gia	267
Lưu Hầu thế gia	281
Trần Thừa Tướng thế gia	302
Tôn Tử, Ngô Khởi liệt truyện	319
Truyện Lão Tử	330
Truyện Trang Tử	333
Thân Bất Hại, Hàn Phi liệt truyện	335
Tư Mã Nhương Thư liệt truyện	344
Ngũ Tử Tư liệt truyện	348
Truyện Tô Tần	376
Truyện Trương Nghi	405
Mạnh Tử, Tuân Khanh liệt truyện	433
Bình Nguyên Quân, Ngu Khanh liệt truyện	440
Ngụy công tử liệt truyện	459
Phạm Thư, Thái Trạch liệt truyện	171
Nhạc Nghị liệt truyện	509
Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện	519
Điền Đan liệt truyện	536
Khuất Nguyên liệt truyện	542
Truyện Lã Bất Vi	549
Thích khách liệt truyện	556
Lý Tư liệt truyện	581
Trương Nhĩ, Trần Dư liệt truyện	615
Kinh Bố liệt truyện	634
Hoài Âm Hầu liệt truyện	646
Lịch Sinh, Lục Giả liệt truyện	679
Quý Bố, Loan Bố liệt truyện	691
Trương Thích Chi, Phùng Đường liệt truyện	699
Ngụy Kỳ, Vũ An Hầu liệt truyện	709
Lý tướng quân liệt truyện	728
Nam Việt Úy Đà liệt truyện	743
Cấp Ẩm liệt truyện	754
Du hiệp liệt truyện	767
Hoạt kê liệt truyện	778